

MARK TWAIN



**NHỮNG CUỘC PHIÊU LỮU
CỦA HUCK FINN**

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC **vh**  **DONG A**



MARK TWAIN
(1835-1910)

Mark Twain tên thật là Samuel Langhorne Clemens, sinh năm 1835 tại Florida, thuộc tiểu bang Missouri, Mỹ.

Sau khi tham gia quân đội miền Nam trong thời nội chiến Mỹ và trải qua nhiều nghề khác nhau, năm 1863, ông bắt đầu viết văn, dùng bút danh "Mark Twain", có nghĩa là "sâu hai sải", bắt nguồn từ những kỉ niệm khi lái tàu trên sông Mississippi.

Mark Twain để lại một sự nghiệp đồ sộ gồm nhiều tiểu thuyết, truyện ngắn, tiểu luận châm biếm chính trị..., trong đó có *Những cuộc phiêu lưu của Tom Sawyer* (tiểu thuyết, 1876); *Hoàng tử tí hon và chú bé nghèo khổ* (tiểu thuyết, 1882); *Những cuộc phiêu lưu của Huck Finn* (tiểu thuyết, 1885)...

Những cuộc phiêu lưu của Huck Finn là một đỉnh cao sáng tác của Mark Twain, kết hợp sự hài hước phong phú, khả năng tường thuật mạnh mẽ và châm biếm xã hội. Tác phẩm này đã lọt vào danh sách những tiểu thuyết Mỹ hay nhất mọi thời đại.

Mark Twain qua đời ngày 21 tháng tư năm 1910.

NHỮNG CUỘC PHIÊU LƯU CỦA HUCK FINN

—★—

Tác giả: Mark Twain

Người dịch: Lương Thị Thận

Phát hành: Đông A

Nhà xuất bản Văn Học - 06/2013

ebook@vctvegroup

19-03-2019

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU

Chương 1 TRỞ VỀ NẾP SỐNG “VĂN MINH”

Chương 2 BĂNG CUỐP CỦA TOM SAWYER

Chương 3 MỘT CUỘC PHỤC KÍCH

Chương 4 LỜI TIÊN TRI

Chương 5 CHA TRỞ VỀ

Chương 6 CUỘC VẬT LỘN VỚI THẦN CHẾT

Chương 7 TRỐN THOÁT

Chương 8 CUỘC GẶP GỠ BẤT NGỜ

Chương 9 CĂN NHÀ TRÔI SÔNG

Chương 10 RỦI RO VÌ SỜ PHẢI DA RẰN

Chương 11 BỊ LÒNG BẮT

Chương 12 “HÃY ĐỂ CHO TỘI LỖI NGỦ YÊN”

Chương 13 NHỮNG MÓN ĐỒ LẤY TRỘM CHÍNH ĐÁNG

Chương 14 SOLOMON CÓ KHÔN NGOAN HAY KHÔNG?

Chương 15 TỘI NGHIỆP CHO JIM!

Chương 16 HẬU QUẢ CỦA VIỆC SỜ DA RẰN

Chương 17 GIA ĐÌNH GRANGERFORD

Chương 18 MỐI THÙ TRUYỀN KIẾP GIỮA HAI GIA ĐÌNH

Chương 19 HAI TÊN LƯU MANH TRÊN BÈ

Chương 20 HOẠT ĐỘNG CỦA NHÀ VUA Ở PARVILLE

Chương 21 VỤ RẮC RỐI Ở ARKANSAS

Chương 22 VÌ SAO VỤ QUẦN HÌNH THẤT BẠI?

Chương 23 CÁI XẤU XA CỦA CÁC ÔNG VUA

Chương 24 NHÀ VUA BIẾN THÀNH MỤC SƯ

Chương 25 ĐẦY NƯỚC MẮT VÀ NHỮNG LỜI VÔ NGHĨA

Chương 26 PHỒNG TAY TRÊN TÚI VÀNG CỦA NHÀ VUA

Chương 27 PETER LẤY LẠI ĐƯỢC SỐ VÀNG

Chương 28 DỐI TRÁ KHÔNG CÓ LỢI

Chương 29 TRỐN ĐI GIỮA CƠN DÔNG TỐ
Chương 30 CHÍNH TÚI VÀNG ĐÃ CỨU SỐNG HAI TÊN TRỘM
Chương 31 KHÔNG THỂ CẦU NGUYỆN CHO ĐIỀU DỐI TRÁ
Chương 32 TÔI CÓ THÊM MỘT TÊN MỚI
Chương 33 SỰ KẾT THÚC ĐÁNG THƯƠNG CỦA VUA CHÚA
Chương 34 CHÚNG TÔI ĐEM NIỀM VUI ĐẾN CHO JIM
Chương 35 NHỮNG KẾ HOẠCH THẦM KÍN, ĐEN TỐI
Chương 36 CHÚNG TÔI CỐ GẮNG GIÚP JIM
Chương 37 JIM NHẬN ĐƯỢC CHIẾC BÁNH NƯỚNG
Chương 38 “ĐÂY LÀ TRÁI TIM TAN VỠ CỦA KẺ BỊ CẦM
GIỮ...”
Chương 39 TOM VIẾT THƯ NẶC DANH
Chương 40 MỘT CUỘC GIẢI CỨU KÌ DIỆU
Chương 41 “CÓ LẼ ĐÓ LÀ MA”
Chương 42 TẠI SAO HỌ KHÔNG TREO CỔ THẮNG JIM
Chương cuối cùng KHÔNG CÓ GÌ ĐỂ VIẾT NỮA

LỜI GIỚI THIỆU

gười ta kể lại rằng, vào năm 1878, một anh chàng lang thang, nghèo khổ, tên là Jesse Leathers, đi xe hỏa từ Cincinnati đến Washington D.C. mà không có một đồng xu dính túi, không có cả một cái vé xe hỏa, thế mà anh ta đã đi được suốt chặng đường dài ấy, và đến đâu cũng được các công nhân hỏa xa, công nhân khách sạn cho đi xe hỏa và ăn uống miễn phí, chỉ nhờ có một lá thư riêng gửi cho anh có chữ kí của Mark Twain, một người mà anh hâm mộ, nhưng không hề được gặp mặt.

Giai thoại trên đây cho thấy văn hào Mark Twain (tên thật là Clemens Samuel Langhorne, 1835 - 1910) đã được giới lao động Mỹ hâm mộ như thế nào, ngay cả vào lúc sinh thời của ông, vì ông đã phản ánh được qua các tác phẩm những thái độ và tâm trạng của họ, ông đã nói lên với họ, và hộ cho họ những suy nghĩ chất phác, nhưng rất sâu sắc và đầy nhân tính về xã hội lừa lọc, tàn bạo và đạo đức giả của nước Mỹ vào hậu bán thế kỉ XIX.

Các tác phẩm của Mark Twain, mang nhiều tính chất hiện thực, trào phúng, đã được dịch ra nhiều thứ tiếng trên thế giới và được nhiều thế hệ độc giả yêu mến. Ở Liên Xô, tác phẩm *The adventures of Tom Sawyer* đã được dịch và in bằng tiếng Nga trong

“Tủ sách Văn học Thiếu nhi Thế giới” và trước đây Nhà xuất bản Măng non ở thành phố Hồ Chí Minh cũng đã cho dịch cuốn trên với nhan đề là *Những cuộc phiêu lưu của Tom Sawyer* (1984).

Mark Twain viết xong cuốn *Những cuộc phiêu lưu của Tom Sawyer* vào năm 1875 thì tiếp theo đó, vào năm 1876, ông khởi sự viết cuốn *Những cuộc phiêu lưu của Huck Finn* (The adventures of Huck Finn), nhưng tác phẩm sau này phải mất nhiều năm mới hoàn tất. Về phương diện địa lí, địa điểm được mô tả trong cả hai tác phẩm trên đều là vùng thung lũng Mississippi. Về thời gian của câu chuyện trong hai tác phẩm ấy cũng là thời kì trước cuộc nội chiến ở nước Mỹ (1861 - 1865). Các nhân vật trong hai tác phẩm trên vẫn là Tom, Huck, Jim, dì Polly, v.v... Tuy vậy, cuốn *Những cuộc phiêu lưu của Huck Finn*, mặc dầu ra đời sau, đã đem đến cho Mark Twain sự thành công lớn lao hơn tất cả các tác phẩm khác của ông. Nhà phê bình văn học Lionel Trilling cho rằng cuốn *Những cuộc phiêu lưu của Huck Finn* là “một trong các tác phẩm lớn của thế giới”. Nhà đại văn hào Ernest Hemingway nói rằng “... toàn bộ văn học Mỹ hiện đại đều thoát thai từ một cuốn sách của Mark Twain, đó là *Những cuộc phiêu lưu của Huck Finn*”.

Trong cuốn *Những cuộc phiêu lưu của Tom Sawyer*, các độc giả đã trông thấy ở nhân vật chính, cậu bé Tom, những đức tính kiên trì, thông minh, dũng cảm với tất cả vẻ hồn nhiên, giàu mộng tưởng của tuổi trẻ. Trong cuốn *Những cuộc phiêu lưu của Huck Finn* này, các độc giả sẽ biết rõ hơn về Huck (viết tắt của tên Huckleberry Finn), một nhân vật phụ trong cuốn thứ nhất, bây giờ trở thành nhân vật chính, và về Jim, một người da đen, có mặt bên Huck trong suốt cuộc hành trình trên bè và ảnh hưởng khá nhiều đến nếp suy nghĩ và thái độ của Huck.

Huck rất giống Tom ở đức tính thông minh, dũng cảm, ở lòng khao khát được sống tự do, vượt lên trên xã hội bất công, ham chuộng tiền bạc, để hướng đến những lí tưởng cao đẹp, nhưng cái nhìn của Huck vào xã hội đương thời là cái nhìn của một đứa bé nhà nghèo bị xã hội đưa đẩy vào chỗ bế tắc, một cái nhìn tương đối ít bị ô nhiễm bởi thứ giáo dục trưởng giả của gia đình và giáo dục tôn giáo của nhà thờ qua các lớp truyền giáo ngày chủ nhật (Sunday school). Để thoát khỏi lối sống trưởng giả của bà “mẹ nuôi” Douglas, (mà bà gọi là “nếp sống văn minh”), những bài học đầy màu sắc tôn giáo và đạo đức giả của cô Watson, và tiếp theo đó, thứ giáo dục bằng roi vọt của người cha bê tha, bất lương, Huck, cùng với Jim, một người da đen bỏ trốn để khỏi bị bán đi nơi khác, mở đầu một cuộc hành trình phiêu lưu mạo hiểm xuôi theo dòng sông để đi đến miền tự do, nhưng họ không bao giờ đến.

Điểm khác biệt giữa cuốn *Tom Sawyer* và cuốn *Huck Finn*, là trong cuốn thứ hai này, Mark Twain đã dùng ngôi thứ nhất (tôi) từ đầu đến cuối câu chuyện, nghĩa là để cho Huck tự tường thuật cuộc phiêu lưu của mình và nói lên những cảm nghĩ trước sự kiện xã hội, và diễn tả những diễn biến tâm lí qua từng giai đoạn bằng một thứ ngôn ngữ của riêng mình. Một trong những điểm đặc sắc nhất trong cuốn *Huck Finn* là tác giả đã diễn tả sự diễn biến tâm lí ấy qua cuộc đấu tranh trong con người của Huck giữa một bên là bản chất thuần hậu, đầy tính nhân đạo của Huck, và bên kia là cái mà người ta vẫn gọi là “lương tâm”, một lương tâm đã bị méo mó bởi thứ giáo dục trưởng giả và giáo dục nhà thờ. Tuy đã giúp cho Jim chạy trốn khỏi chủ, nhưng nhiều lúc chính Huck cũng bị thứ “lương tâm” ấy dằn vặt:

... Jim nói người hăn run lên như bị cơn sốt mỗi khi nghĩ rằng mình sắp sửa được tự do. Quả thực, tôi cũng thấy run người lên khi nghe hăn nói như vậy. Chính ngay vào giờ phút này, hăn đã được tự do rồi. Vậy ai là người đáng trách trong vụ này? Chính là tôi. Tôi không có cách nào dứt bỏ ý nghĩ ấy trong tiềm thức, khiến cho lòng tôi cứ bị dằn vặt không yên. Tôi không thể nào đứng yên bất động. Ý nghĩ về hành động này của tôi chưa hề đến trong đầu óc tôi trước đó. Nhưng bây giờ đây, nó xâu xé, dằn vặt tôi mỗi lúc một thêm dữ dội. Tôi cố biện minh rằng tôi chẳng có gì đáng trách cả, bởi vì tôi không rủ rê thằng Jim chạy trốn khỏi tay người chủ chính đáng của nó. Nhưng vô ích, lương tâm tôi vẫn bị thức tỉnh và nói với tôi: “Mày biết rằng hăn chạy trốn để đi tìm tự do, vậy đáng lí mày phải chèo vào bờ, báo cho người ta biết”. Đúng thế, tôi không còn cách nào biện minh cho hành động của tôi được. Đó chính là điều khiến tôi day dứt. Lương tâm lại bảo với tôi: “Cô Watson đáng thương kia làm gì mày đâu mà mày lại đối xử với cô ta tệ bạc đến như vậy. Cô ấy dạy cho mày biết đọc, dạy cho mày cách cư xử và tìm mọi cách giúp đỡ cho mày. Cô ta đối xử với mày tốt như thế đó”.

Tự nhiên tôi cảm thấy mình hèn hạ, xấu xa, tưởng chừng như nếu chết đi được vào lúc này âu cũng là điều may... (Chương 16).

Nhưng đến khi Jim gặp trường hợp nguy khốn, sắp sửa bị bắt thì bản chất thuần hậu, nhân đạo của Huck lại thắng thế, và Huck dùng mưu mẹo để cứu Jim. Một lần khác, trong Chương 31, sau khi Jim bị tên lưu manh bán cho một chủ trại cửa lấy bốn mươi đô la. Huck lại phân vân giữa hai giải pháp: một là viết thư báo cho cô Watson biết nơi ở của Jim để cô ta đến nhận Jim về và có thể sẽ bán Jim cho một nơi khác; hai là tìm cách đánh cắp Jim ra khỏi tay chủ trại cửa để hăn thoát khỏi cảnh nô lệ. Nhưng, một lần nữa “lương tâm” của Huck lại ngăn cản Huck không cho rơi

vào “tội ác” này:

... Cuối cùng, tôi chợt có cảm giác như có bàn tay của Thượng đế đập vào mặt tôi và cho tôi biết rằng mọi hành vi xấu xa của tôi đều có cặp mắt trên trời cao luôn luôn nhòm ngó. Chính tôi đã đánh cắp một tên nô lệ da đen của một bà già đáng thương, trong khi bà ta không làm điều gì thiệt hại cho tôi cả. Bây giờ đây Thượng đế đang chỉ cho tôi rằng có đấng tối cao luôn luôn theo dõi và chỉ cho phép hành động xấu xa của tôi đi đến mức ấy mà thôi chứ không được tiếp tục lâu hơn nữa. Tôi tưởng chừng như muốn ngã gục tại chỗ vì quá khiếp hãi. Tôi cố sức tự an ủi, cho rằng tôi đã được nuôi dưỡng từ bé trong sự xấu xa, cho nên tội lỗi của tôi không đến nỗi nặng nề cho lắm, nhưng một cái gì đó bên trong tôi vẫn cứ tiếp tục nhắc nhở: “Đáng lẽ mày phải theo học lớp truyền giáo ngày chủ nhật, như vậy mày mới hiểu rõ được rằng những kẻ nào có hành động như mày với tên nô lệ da đen ấy thì bị đày xuống hỏa ngục vĩnh viễn”... (Chương 31).

Nhưng rồi cuối cùng, Huck đã lựa chọn giải pháp là sẽ tự tay mình giải thoát cho Jim:

... Tôi nín thở, suy nghĩ một lúc, rồi cuối cùng tôi tự nhủ: “Thôi được rồi. Tôi sẵn sàng xuống hỏa ngục”.

Một nét độc đáo khác nữa của cuốn *Những cuộc phiêu lưu của Huck Finn* là lối hành văn của tác giả, trong đó Mark Twain đã vận dụng một cách nhuần nhuyễn các thổ ngữ địa phương để diễn tả những trạng huống tâm lí phức tạp, cũng như để mô tả một cách xuất sắc các cảnh vật thiên nhiên chẳng hạn như cảnh mặt trời mọc (Chương 19), mà một nhà phê bình văn học, Leo Marx, đã đem ra đối chiếu với các đoạn văn về cùng một chủ đề trong các tác phẩm khác của Mark Twain như *Những cuộc phiêu lưu của Tom Sawyer*, *cuộc sống trên dòng Mississippi* (The adventures of Tom

Sawyer, life on the Mississippi), và cho rằng đoạn tả cảnh trong *Những cuộc phiêu lưu của Huck Finn* đã vượt xa hẳn. Như chính Mark Twain đã giải thích trong lời nói đầu của cuốn sách này, ông đã sử dụng nhiều loại thổ ngữ của nhiều vùng và của các tầng lớp người khác nhau, và việc lựa chọn các thổ ngữ này đã được thực hiện một cách cẩn thận, công phu. Đó là một khía cạnh đặc sắc của nghệ thuật hành văn trong *Huck Finn* mà các độc giả chỉ có thể nhận thức được bằng cách đọc trực tiếp nguyên bản tiếng Anh, chứ không thể trông thấy rõ qua một bản dịch sang tiếng nước ngoài được.

Mặc dầu có những sự khác biệt giữa hai cuốn sách của cùng một tác giả, Mark Twain, như vừa nêu trên đây, sự xuất hiện của Tom Sawyer ở các Chương 2 và 3, và sự tái xuất hiện của Tom bắt đầu từ Chương 32 cho đến cuối, đã khiến cho cuốn *Những cuộc phiêu lưu của Fluck Finn* trở lại với không khí vui tươi, hồn nhiên mà các độc giả trẻ tuổi đã từng quen thuộc và lấy làm thích thú trong cuốn *Những cuộc phiêu lưu của Tom Sawyer*.

ĐÌNH VÂN

CHƯƠNG I

TRỞ VỀ NẾP SỐNG “VĂN MINH”



ác bạn không biết rõ lắm về tôi đâu, nếu chưa đọc cuốn sách nhan đề là NHỮNG CUỘC PHIÊU LƯU CỦA TOM SAWYER. Nhưng điều đó không quan trọng. Tác giả cuốn truyện ấy là MARK TWAIN. Phần lớn những điều ông viết trong sách là sự thật, nhưng cũng có điều ông thêm thắt vào. Như vậy cũng là chuyện thường tình, vì ai mà chẳng phải nói dối một lúc nào đó trong đời, nếu không thì đã giống dì Polly hay là bà quả phụ, hay cũng có thể là Mary. Dì Polly, dì ruột của Tom Sawyer, Mary và bà quả phụ Douglas là những nhân vật trong cuốn sách tôi vừa kể. Nói chung, cuốn sách ấy trình bày sự thật với một vài chi tiết được thêm thắt vào, như tôi đã nói.

Cuốn sách ấy kết thúc như thế này: Tom và tôi tìm ra được một số tiền mà các tên cướp đã giấu trong hang, và sau đó, chúng tôi trở nên giàu có. Chúng tôi được tất cả sáu nghìn đô la, toàn bằng vàng, chồng lên thành một đồng to trông khủng khiếp. Thế rồi ông thẩm phán Thatcher đem tất cả số vàng ấy cho vay để lấy lời. Chúng tôi mỗi đứa được một đô la tiền lời mỗi ngày, cứ như thế suốt cả năm. Đối với một người, đó là một số tiền quá lớn, không biết tiêu thế nào cho hết. Bà quả phụ Douglas đem tôi về

nhà nuôi như con đẻ, tuyên bố rằng bà sẽ giúp tôi trở thành một con người “văn minh”. Nhưng tôi cảm thấy rất khó chịu phải sống trong ngôi nhà này suốt ngày, suốt buổi, vì bà quả phụ có một lối sống quá ư đạo mạo và mực thước. Không thể chịu được nữa, tôi phải bỏ nhà trốn đi. Tôi phải mặc thứ quần áo cũ vào người rồi khăn gói lên đường, tối ngủ trong các thùng đựng đường, sống lại cuộc đời tự do thoải mái. Nhưng sau đó, Tom Sawyer tìm ra được tôi. Hắn nói cho biết hắn đang tổ chức một băng cướp và cho phép tôi tham gia, nếu tôi chịu trở về với bà quả phụ sống đàng hoàng như cũ. Thế là tôi trở về.

Bà quả phụ ôm lấy tôi mà khóc, gọi tôi là con cừ non lạc bầy đáng thương, và nhiều tên khác nữa, nhưng chẳng có ý gì trách mắng cả. Bà lại cho tôi mặc những bộ quần áo mới, khiến tôi toát cả mồ hôi, chân tay lúng túng, khó cử động. Thế rồi lối sống cũ lại tiếp diễn. Bà quả phụ rung một tiếng chuông thì mọi người phải đến bàn ăn ngay. Ngồi vào bàn ăn thì vẫn chưa được ăn ngay mà phải chờ và cúi đầu xuống lẩm bẩm điều gì đó, như là phản nản về các thức ăn, mặc dầu mọi thứ xem ra chẳng có gì đáng chê trách cả - nghĩa là, mọi thứ đều đã được nấu riêng rẽ từng thứ. Trong một chiếc thùng đựng thức ăn thừa vớt đi thì lại khác: mọi thứ đều trộn lẫn với nhau, chất ngọt tiết ra xung quanh, như thế trông còn ngon lành hơn.

Sau bữa ăn tối, bà lấy sách ra, dạy cho tôi về ông Thánh Moses* và các bản thánh kinh. Tôi nóng lòng muốn tìm hiểu tất cả về ông ta, nhưng rồi dần dần tôi biết được ra rằng ông ấy chết đã lâu lắm rồi, nên không còn quan tâm gì đến ông nữa. Tôi vẫn thường không mấy tin tưởng vào những người đã chết.

Bỗng tôi thấy thèm hút thuốc quá, bèn xin bà cho tôi hút vài

hơi. Nhưng bà không cho, bảo rằng đó là một thói quen xấu xa, bẩn thỉu mà từ nay tôi phải cố bỏ đi. Có những hạng người như thế đấy. Họ không hiểu biết về cái gì thì họ thường hay chê trách cái ấy. Bà quả phụ này cũng thế. Việc gì mà bà phải bận tâm về cái ông Moses, chết từ đời thuở nào, chẳng còn làm gì ích lợi cho ai, chẳng ruột thịt máu mủ gì với bà cả; trong khi ấy bà lại chỉ trích tôi về một cái có lợi thiết thực. Hơn nữa, bà đôi khi cũng dùng thứ thuốc hít. Cố nhiên, thứ thuốc ấy thì tốt, vì chính bà cũng dùng kia mà.

Em gái bà, cô Watson, một cô gái già mảnh khảnh, đeo kính, vừa đến ở chung với bà và bây giờ cô ấy tấn công tôi tới tấp với một cuốn sách tập đánh vần. Cô ấy quàn tôi đến khổ sở, suốt cả tiếng đồng hồ, cho đến khi bà quả phụ bảo gượng nhẹ đôi chút cô ấy mới chịu thôi. Tôi không thể nào chịu được nữa. Giờ học kế tiếp đó thật buồn chán vô cùng. Tôi cứ cựa quậy mãi, khiến cô Watson phải luôn mồm nói: “Đừng để chân lên bàn như thế, Huck”, “Đừng cong người như con tôm thế kia, Huck. Ngồi thẳng lên nào”; một lát sau cô lại bảo: “Đừng có ngáp và duỗi người thế, Huck. Phải tỏ ra đứng đắn chứ!”. Thế rồi cô bảo cho tôi biết những nơi nào xấu xa cần phải tránh, nhưng tôi nói tôi lại thích đến những nơi ấy. Cô giận điên người lên, nhưng thực ra tôi đã nói thật tình. Tôi không mong mọi gì hơn là được đi đến một nơi nào đó để có sự thay đổi, chứ ngoài ra chẳng có ý gì khác. Cô bảo tôi nói như thế là xấu xa lắm; cô chẳng bao giờ nói những điều như thế, dù trong bất cứ trường hợp nào; cô sẽ mãi mãi sống làm sao để được đi đến nơi vĩnh viễn tốt lành. Quả thực, tôi không màng gì đến nơi tốt lành mà cô sẽ đi tới cả, cho nên tôi nghĩ tôi sẽ chẳng phải cố gắng làm gì. Nhưng tôi chẳng muốn nói ra cho

thêm rắc rối vì cũng chẳng có ích lợi gì.

Với lối mở đầu như thế, cô tiếp tục nói dông dài về cái nơi tốt lành ấy. Cô nói rằng ở nơi ấy chẳng ai phải làm lụng gì mà chỉ nhõn nhơ suốt ngày với tiếng đàn, câu hát, mãi mãi như thế cho đến vô tận. Tôi không quan tâm gì đến các thứ ấy cả, nên chẳng nói ra ý nghĩ của tôi làm gì. Tôi chỉ hỏi cô có tin rằng Tom cũng sẽ đi đến nơi ấy không, thì cô trả lời chắc chắn là không. Nghe như vậy, tôi rất mừng vì muốn rằng Tom với tôi bao giờ cũng sẽ ở bên nhau.

Thế rồi, cô Watson cứ tìm cách chê trách tôi mãi, khiến tôi cảm thấy mệt mỏi và cô đơn quá. Sau cùng, cô gọi những người đầy tớ da đen đến cùng đọc kinh, rồi ai nấy đều đi ngủ. Tôi đi lên phòng tôi với một cây đèn nến, rồi đặt nó lên bàn. Tôi ngồi xuống một chiếc ghế bên cạnh cửa sổ, cố nghĩ ra một chuyện gì đó thật vui cho khuây khỏa, nhưng vô ích. Tôi cảm thấy cô đơn quá, chỉ muốn được chết. Những vì sao đang lấp lánh trên bầu trời, lá cây xào xạc trong rừng, nghe có vẻ thê lương quá. Một tiếng cú vang lên xa xa như đang kêu gọi linh hồn của một kẻ nào đó đã chết, rồi tiếng chim kêu đêm, tiếng chó tru lên như than khóc một kẻ sắp từ trần. Gió như đang thì thầm vào tai tôi, nhưng tôi không hiểu nó đang muốn nhắn với tôi điều gì. Một cảm giác lạnh lạnh, run rẩy tỏa ra khắp người. Từ phía khu rừng xa xa vọng lại một thứ âm thanh kì lạ, nghe như tiếng hồn ma đang muốn tâm sự một điều gì để được yên nghỉ trong mồ, nhưng vì không thể diễn tả cho ai hiểu được nên cứ mỗi đêm lại phải lang thang than khóc. Tôi vừa buồn, vừa sợ, chỉ mong muốn có ai đến làm bạn. Ngay lúc ấy, một con nhện bò lên vai, tôi vội vàng phúi đi thật mạnh. Con nhện rơi ngay vào ngọn nến. Tôi chưa kịp có một

phản ứng gì thì con nhện đã bị ngọn lửa thiêu rụi. Không đợi ai bảo, tôi biết ngay rằng đó là một điềm xấu, báo hiệu một sự rủi ro nào đó sắp đến với tôi. Toàn thân tôi run lên cầm cập vì quá khiếp sợ. Tôi liền đứng dậy, đi qua đi lại ba lần, mỗi lần như thế lại làm dấu thánh giá trên ngực, rồi buộc một nhúm tóc của tôi lại bằng một sợi chỉ để cho ma quỷ phải tránh xa. Nhưng tôi vẫn chưa tin tưởng lắm. Người ta thường làm như vậy khi rủi ro đánh mất một chiếc móng ngựa đã bắt được, thay vì treo nó lên trên cửa, nhưng tôi không bao giờ nghe nói có cách nào xả xui được khi người ta lỡ tay giết một con nhện.

Tôi run rẩy ngồi xuống, lấy ống điều ra hút một hơi. Lúc bấy giờ cả nhà đều im lặng như tờ, dầu tôi có hút, bà quả phụ cũng không làm sao biết được. Một lát sau, tiếng chuông đồng hồ trong thị trấn gõ “boong boong” mười hai tiếng, rồi tất cả chìm trong im lặng trở lại. Bỗng nhiên, tôi nghe có tiếng cành cây con gãy rãch rãch trong lùm cây -hình như có vật gì đó đang cựa quậy. Tôi cố giữ im lặng lắng nghe. Từ phía dưới vọng lên một tiếng kêu khe khẽ: “mi - ao, mi - ao”. Mừng quá, tôi cũng trả lời hết sức khẽ: “mi - ao, mi - ao”, rồi tắt phụt ngọn đèn, trèo qua cửa sổ, xuống mái nhà xép, rồi nhẹ nhàng tụt xuống đất. Tôi bò vào lùm cây, thì quả đúng như thế, thằng Tom đang đứng chờ tôi ở đấy.

CHƯƠNG 2

BĂNG CƯỚP CỦA TOM SAWYER



Chúng tôi rón rén đi dọc theo lối đi giữa các lùm cây đến cuối vườn sau của nhà bà quả phụ, cúi xuống lần từng bước cho các cành cây khỏi cửa lên đầu lên cổ. Khi đi ngang qua nhà bếp, tôi vấp phải rễ cây, phát lên một tiếng động, cả hai chúng tôi liền nằm rạp xuống đất. Một người đầy tớ da đen của cô Watson, tên là Jim đang ngồi ở cửa nhà bếp. Chúng tôi trông thấy hắn thật rõ nhờ ánh sáng rọi từ phía sau. Hắn đứng phắt dậy, đuổi cổ ra lắng nghe một lúc, rồi hỏi:

- Ai đó?

Hắn đứng lắng nghe thêm một lát nữa, rồi rón rén đến giữa chúng tôi, gần đến nỗi chúng tôi có thể giơ tay ra sờ vào người hắn được. Nhiều phút trôi qua, chúng tôi vẫn đứng gần nhau như thế, không có một tiếng động nào. Ở mắt cá chân tôi, có một chỗ bắt đầu thấy ngứa ngáy, nhưng tôi không dám gãi. Rồi cơn ngứa bắt đầu lan đến tai, đến lưng, đến một chỗ giữa hai bả vai, ngứa tưởng chết đi được, nhưng tôi vẫn không thể nào gãi. Phải, tôi đã có kinh nghiệm về cảm giác này nhiều lần rồi. Nếu mình là người có địa vị quan trọng hoặc đang dự đám tang, hay cố đi ngủ khi chưa buồn ngủ - nếu mình đứng ở một nơi nào đó không tiện cho

mình gãi thì cơn ngứa sẽ tức thì nổi lên ở khắp nơi trong người. Bỗng, Jim gọi to:

- Nói đi, mày là ai? Là cái gì? Rõ ràng là vừa mới nghe có tiếng động mà. Thôi được, mình cứ ngồi đây cho đến khi nào nghe lại một lần nữa.

Thế rồi hần ngồi xuống, ngay giữa Tom và tôi, tựa lưng vào gốc cây, duỗi thẳng chân ra, khiến cho chân hần suýt chạm phải chân tôi. Mũi tôi bắt đầu ngứa ngáy, rồi cứ ngứa thêm mãi cho đến khi nước mắt tôi trào ra. Nhưng tôi vẫn không dám gãi. Thế rồi cơn ngứa lan đến bên trong, bên dưới, không có cách nào làm cho nó yên được. Nổi khổ sở ấy cứ kéo dài mãi đến sáu, bảy phút, nhưng thời gian có vẻ lâu hơn thế nhiều. Bây giờ thì tôi đã đếm được mười một chỗ ngứa. Tôi tưởng rằng không thể chịu được thêm một phút nữa, nhưng vẫn phải cắn răng chịu đựng. Ngay lúc ấy thì Jim bắt đầu thở có vẻ nặng nề, rồi tiếp đó hần ngứa rống lên. Chúng tôi cảm thấy nhẹ nhõm.

Tom ra hiệu cho tôi - một thứ hiệu lệnh khe khẽ bằng miệng. Chúng tôi bèn bò ra xa bằng cả hai tay, hai chân. Khi đã xa được chừng ba thước, Tom thì thầm với tôi ngỏ ý muốn trói Jim vào gốc cây cho vui. Nhưng tôi bảo như thế sẽ gây nên tiếng động đánh thức mọi người dậy, và người ta sẽ biết rằng tôi không có ở nhà. Rồi Tom lại nói rằng hần không có đủ nến dùng, cần phải vào trong bếp lấy vài cây. Tôi cố ngăn hần lại, bảo rằng Jim có thể sẽ thức dậy đi vào trong nhà. Nhưng thằng Tom vẫn cứ muốn thử làm xem ra sao. Thế là chúng tôi lên vào bếp, lấy ba cây nến, rồi đặt năm xu trên bàn để trả tiền. Sau đó, chúng tôi đi ra khỏi nhà bếp. Riêng tôi thì nóng lòng muốn chuồn đi ngay, nhưng Tom thì không làm vậy. Hần còn muốn bò đến cạnh Jim để trêu anh

chàng da đen này một mẻ. Tôi đành phải đứng chờ hắn khá lâu trong im lặng, cô đơn.

Một lát sau, Tom trở lại. Chúng tôi liền chạy thật nhanh trên một con đường mòn dọc theo hàng rào, rồi trèo lên một ngọn đồi ở phía bên kia nhà. Tom nói với tôi hắn đã lột chiếc mũ của anh chàng Jim, treo lên một cành cây ngay trên đầu hắn, Jim có cử động một chút, nhưng vẫn không thức dậy. Về sau, Jim kể với mọi người rằng hắn bị ma làm cho mê mẩn cả người, bắt hắn công trên lưng đi khắp cả tiểu bang, sau đó lại đem hắn trở về dưới gốc cây, rồi treo mũ của hắn trên cành cây làm dấu hiệu. Lần sau nữa, Jim lại nói hắn công ma đi đến tận vùng New Orleans, rồi hắn cứ tiếp tục kể mãi như thế, cứ mỗi lần cuộc hành trình của hắn với ma lại được kéo dài thêm nữa cho đến khắp thế giới, đến nỗi hắn gần như kiệt sức, lưng hắn rộp lên từng mảng ở khắp nơi, Jim vô cùng hãnh diện về câu chuyện này, nên không cần để ý gì đến các bạn da đen khác của hắn nữa. Những người này thường đi hàng dặm đường đến nghe Jim kể về chuyện ma và tỏ ra kiêng nể hắn hơn nhiều người da đen khác. Họ há hốc mồm nghe rồi nhìn Jim từ đầu đến chân, xem hắn như là một kì quan trên đời. Những người da đen thường tụ tập xung quanh ngọn lửa bếp để kể cho nhau nghe về chuyện ma quỷ, nhưng mỗi lần có ai đang kể thao thao bất tuyệt về những chuyện này thì Jim lại xen vào hỏi: “Hử, anh làm sao biết được chuyện ma quỷ!” Thế là người kia đành phải câm như hến lùi lại ngồi phía sau. Jim lúc nào cũng đeo một cái bùa làm bằng một miếng có năm cạnh hình bán nguyệt treo ở một sợi dây buộc xung quanh cổ mà hắn nói rằng ma quỷ đã làm cho hắn để dùng chữa bệnh hay để gọi chúng lên khi cần, bằng cách đọc lên một câu thần chú gì đó. Jim

không bao giờ nói cho ai biết câu thần chú ấy như thế nào. Những người da đen từ khắp nơi đến tặng cho Jim đủ mọi thứ, chỉ để được xem cái bùa ấy, nhưng không ai dám sờ, vì sợ ma quỷ đã đặt bàn tay chúng vào đấy rồi. Ở địa vị một người đầy tớ trong ngôi nhà này thì Jim bị coi như là loại bỏ đi rồi, vì hắn luôn luôn bị ám ảnh bởi ma quỷ, hắn đã trông thấy chúng và bị chúng cười lên cổ.

Trở lại với chuyện Tom và tôi. Khi lên đến đỉnh đồi, nhìn xuống ngôi làng bên dưới, chúng tôi trông thấy ba hay bốn ngọn đèn nhấp nháy, có lẽ ở đấy đang có người bị ốm. Trên trời, nhiều ngôi sao lấp lánh trông thật là đẹp mắt. Bên dưới làng là con sông, rộng chừng một dặm, mênh mông và yên tĩnh. Chúng tôi liền đi xuống đồi để tìm thằng Joe Harper, thằng Ben Rogers và hai ba đứa khác nữa đang nấp trong xưởng thuộc da cũ kĩ. Sau đó cả bọn chúng tôi tháo một chiếc xuồng nhỏ, đẩy xuôi dòng sông chừng một dặm rưỡi đến một chỗ đất lở bên sườn đồi, rồi tất cả đều lên bờ.

Đến một lùm cây, Tom bảo mọi người thề phải giữ bí mật, sau đó hắn mới chỉ cho chúng tôi một cái hang ăn sâu vào sườn đồi, ngay giữa những bụi cây rất dày. Chúng tôi thắp nến lên, rồi bò bằng cả tay lẫn chân. Đi được chừng hai trăm thước, hang bắt đầu mở rộng ra. Tom sờ soạng xung quanh rồi chui xuống phía dưới một vách đá ở một nơi không ai có thể ngờ rằng có một hang nhỏ khác có thể chui qua lọt. Chúng tôi đi dọc theo một lối đi hẹp, tiến đến một nơi rộng như một căn phòng, ẩm ướt, lạnh lẽo. Đến đấy, chúng tôi dừng lại. Tom bắt đầu lên tiếng:

- Bây giờ chúng ta khởi sự lập một băng cướp, mệnh danh là “Băng cướp của Tom Sawyer”. Ai muốn gia nhập băng này đều phải thề và ghi tên mình bằng máu.

Mọi người đều ngỏ ý tán thành. Tom liền rút ra một tờ giấy có ghi sẵn lời thề, rồi đọc to lên. Lời thề ấy tuyên bố rằng mọi người phải tuyệt đối trung thành với tổ chức, không được tiết lộ bí mật. Nếu kẻ nào làm điều gì có thể nguy hại cho đồng đội mình, thì bất kì ai trong băng, được giao nhiệm vụ giết kẻ ấy và gia đình hắn, cũng phải thi hành triệt để. Người được giao trách nhiệm ấy không được ăn, không được ngủ cho đến khi nào giết được kẻ phạm tội và gia đình hắn, vạch một chữ thập trên ngực họ để ghi dấu hiệu của băng. Không một kẻ nào không thuộc về băng chúng tôi mà có quyền sử dụng dấu hiệu ấy. Nếu bất tuân thì sẽ bị truy tố, tái phạm sẽ bị giết. Còn kẻ nào đã gia nhập băng mà tiết lộ bí mật thì sẽ bị cắt cổ, xác hắn sẽ bị thiêu rụi, than tro sẽ bị đem rắc khắp nơi, tên hắn sẽ bị xóa bằng máu, không còn được ai nhắc đến nữa. Hắn sẽ bị nguyên rửa, rồi bị quên lãng hoàn toàn.

Mọi người đều khen ngợi, cho rằng lời thề ấy rất hay, rồi hỏi Tom xem có phải chính hắn đã nghĩ ra hay không. Tom nói rằng hắn chỉ nghĩ ra phần nào thôi, còn tất cả phần khác còn lại đều rút ra từ sách viết về trộm cướp. Hắn cũng cho biết thêm rằng các băng cướp nổi danh đều có những lời thề tương tự như thế.

Có đứa đề nghị giết luôn cả gia đình của những kẻ đã tiết lộ bí mật. Tom cho rằng đó là một ý kiến rất hay, bèn lấy bút ra ghi chép thêm vào. Nhưng thằng Ben lại nêu thắc mắc:

- Thằng Huck không có gia đình, vậy sẽ giải quyết trường hợp của hắn như thế nào?

- Nhưng nó có cha mà? - Tom trả lời.

- Phải, hắn có cha, nhưng ai mà tìm ra được cha hắn. Ông ta say sưa tối ngày, rồi ngủ chung với heo trong xưởng thuộc da.

Nhưng hơn một năm nay, người ta không thấy ông ta ở đâu nữa.

Chúng nó bàn cãi với nhau mãi về vấn đề này, định không cho tôi gia nhập vì lí do rằng mỗi đứa trong băng phải có gia đình hay người nào đó để mà giết chứ, nếu không thì không công bằng. Không một đứa nào tìm ra một giải pháp nào hay ho cả. Tất cả đều bối rối, ngồi im thin thít. Tôi ứa nước mắt, suýt bật khóc to lên, nhưng rồi tôi cũng nảy ra được một ý kiến là “cống hiến” cô Watson để chúng có thể giết khi cần. Tất cả đều nhao nhao lên:

- Được rồi! Cô ấy cũng đủ tư cách đấy. Huck, cho mày được kết nạp!

Sau đó, chúng lấy một cây kim chích lấy máu ở ngón tay để kí vào, còn tôi thì quệt một cái dấu gì đó trên tờ giấy.

- Này Tom, - Ben hỏi - công việc của băng chúng ta là thế nào?

- Chẳng có gì nhiều. Chỉ có cướp của và giết người thôi. - Tom trả lời.

- Nhưng cướp cái gì kia chứ? Nhà cửa, gia súc hay...

- Những thứ ấy thì kể làm gì. Lấy trâu bò hay các thứ tương tự thì chỉ là trộm thường thôi. - Tom nói - Chúng ta không phải là hạng nhãi nhép ấy. Chúng ta là cướp, những kẻ cướp đường. Chúng ta sẽ đeo mặt nạ chặn các xe cộ qua lại trên đường, rồi giết người lấy đồng hồ, tiền bạc.

- Lúc nào cũng phải giết người hay sao?

- Cố nhiên rồi. Đó là cách hay nhất. Một số chuyên gia có thẩm quyền về vấn đề này có khi nghĩ khác, nhưng đa số đều cho rằng giết là hay nhất, chỉ nên chữa ra một số người, đem về hang này giữ cho đến khi nào họ được chuộc...

- Chuộc? Thế là thế nào?

- Tao không biết, nhưng người ta vẫn làm như thế. Tao thấy sách vở nói như vậy thì mình cứ phải làm.

- Nhưng nếu mình không biết làm thì làm thế nào được?

- Đằng nào thì chúng mình vẫn cứ phải làm. Tao đã nói là tất cả các sách vở đều viết như vậy, chúng mày không nghe à? Chúng mày muốn làm khác với sách vở để rồi hỏng tất cả công chuyện hay sao?

- Mày nói nghe hay đấy, Tom ạ. Nhưng làm thế nào mà cho chúng nó chuộc được, nếu chúng mình chẳng biết “chuộc” là cái gì cả. Ý tao muốn nói là thế đấy. Thế mày nghĩ nó là cái gì nào?

- Tao không biết. Nhưng có lẽ “chuộc” nghĩa là cứ giữ tiệt chúng nó lại cho chúng chết dần chết mòn đi.

- Có thể chứ. Thế thì tao hiểu ra rồi. Tại sao mày lại không nói sớm đi cho đỡ mất thì giờ. Được rồi, chúng ta sẽ giữ chúng lại cho chúng được “chuộc” đến chết thì thôi. Nhưng trong thời gian ấy, chúng sẽ quấy rầy chúng ta không ít đâu. Chúng sẽ ăn hết lương thực của ta, rồi cứ lăm le bỏ trốn.

- Mày nói cái gì lạ vậy, hử Ben? Làm thế nào chúng bỏ trốn được, nếu chúng ta đặt người canh gác, sẵn sàng bắn bỏ khi nào chúng cựa quậy một ngón chân?

- Người canh gác à? Hay đấy! Như thế là phải có người nào đó đứng canh chúng suốt đêm, không bao giờ được chợp mắt. Tao nghĩ thế là điên rồ. Khi nào chúng đến đây, ta cứ lấy một cây gậy gõ bự rồi “chuộc” chúng nó một trận, như thế chẳng hay hơn sao?

- Chẳng có sách vở nào nói như vậy cả. Ben này, mày muốn làm mọi sự theo lối “chính quy” hay không? Vấn đề ở chỗ ấy đấy. Mày không hiểu rằng những người đã viết ra được thành sách vở

thì phải biết thế nào là đúng hay sai? Mà ý tưởng rằng mà ý dạy được họ đấy hẳn. Còn khuya, ông ơi. Đẳng nào thì chúng mình vẫn phải cho họ “chuộc” theo lối “chính quy”.

- Được rồi, tùy mà. Nhưng tao vẫn cho rằng như thế là điên rồ. Nay, thế chúng mình cũng sẽ giết cả đàn bà hay sao?

- Ben này, nếu tao cũng ngu si như mà thì tốt hơn là tao cầm hòng đi cho rồi. Giết đàn bà à? Không! Trong sách vở không ai nói như thế bao giờ. Mà phải đưa họ về hang, phải tỏ ra lễ phép, lịch sự với họ. Thế rồi dần dần họ thương mà, họ yêu mà, rồi chẳng bao giờ đòi về nhà nữa.

- Nói thế thì tao đồng ý, nhưng tao không tin tưởng lắm đâu. Như thế, chẳng mấy chốc cái hang này sẽ đông nghẹt cả đàn bà và những anh chàng chờ đợi được chuộc khiến cho không còn chỗ nào cho bọn cướp chúng ta nữa. Nhưng mà mà cứ tiến hành đi, tao không có gì nói thêm nữa.

Thằng bé Tommy Barnes bây giờ đã ngủ vùi. Khi mở mắt dậy, hẳn khóc thét lên, cứ nằng nặc đòi về với mẹ chứ không muốn làm kẻ cướp nữa.

Mọi người đều trêu hấn, gọi hấn là thằng bé khóc nhè, làm cho hấn nổi giận đùng đùng, đòi tiết lộ tất cả mọi bí mật. Nhưng Tom cho hấn năm xu để dỗ cho hấn nín, rồi giải tán phiên họp, hẹn với nhau rằng tuần sau sẽ họp lại để khởi sự đi cướp một vài thứ và giết một vài người.

Thằng Ben nói rằng hẳn không được phép ra khỏi nhà ngày thường, nên đề nghị chúng tôi bắt đầu vào chủ nhật tuần sau. Nhưng tất cả những đứa khác đều cho rằng làm việc ấy vào ngày chủ nhật là không nên, thế là vấn đề được giải quyết xong. Chúng

tôi đồng ý sẽ họp lại để ấn định một ngày nào đó, càng sớm càng tốt. Tom được bầu làm trưởng băng, thằng Joe làm phó. Sau đó, tất cả chúng tôi trở về nhà.

Tôi leo lên mái nhà xép, rồi trèo qua cửa sổ vào phòng, trước khi trời hửng sáng. Quần áo tôi dính đầy mỡ và đất sét, toàn thân moi như dằm.

CHƯƠNG 3

MỘT CUỘC PHỤC KÍCH

áng hôm sau, tôi phải trải qua một “cuộc kiểm tra” rất gay gắt của cô Watson vì bộ quần áo nhớp nhúa của tôi. Bà quả phụ thì không la rầy gì nhiều, chỉ đem quần áo tôi ra giặt cho sạch những vết mỡ và đất sét. Trông vẻ mặt buồn bã của bà, tôi hơi hối hận, tự nhủ mình cần phải cư xử đàng hoàng một thời gian để làm vui lòng bà, nếu có thể được. Sau đó, cô Watson đưa tôi vào trong phòng, rồi đọc kinh cầu nguyện, nhưng hình như cũng không có hiệu quả gì. Cô bắt tôi đọc kinh hằng ngày và nói rằng cứ đọc kinh thì rồi muốn cầu nguyện cái gì sẽ có cái ấy. Tôi cố thử làm như vậy một đôi lần, nhưng chẳng thấy có hiệu quả gì. Một hôm, tôi có cần câu, nhưng lại thiếu móc câu. Không có những móc câu này thì không làm trò trống gì được. Tôi bèn đọc kinh cầu nguyện đến ba bốn lần để xin móc câu, nhưng không có kết quả. Cho đến một hôm, tôi yêu cầu cô Watson cố gắng cầu nguyện cho tôi có được móc câu, nhưng cô chỉ mắng tôi là điên rồ, mà không giải thích tại sao cả. Thật là không thể nào hiểu nổi.

Có một lần tôi ngồi một mình trong rừng, suy nghĩ thật lâu về vấn đề này. Nếu người ta cầu nguyện cái gì thì có được cái ấy, thì tại sao ông trợ tế Winn lại không lấy lại được số tiền ông đã mất về khoản trợ cấp của chính phủ? Tại sao bà quả phụ không tìm ra

được cái hộp thuốc của bà đã bị lấy trộm? Tại sao cô Watson không thể béo lên được chút nào? Không, không thể nào có chuyện ấy được. Tôi đem vấn đề này ra hỏi bà quả phụ thì bà cho biết rằng, bằng sự tụng niệm, người ta chỉ có được những thứ “quà tặng tinh thần” thôi. Tôi nói rằng những thứ này e có quá nhiều đối với tôi chẳng, nhưng bà giải thích thêm cho tôi rõ ý của bà là - tôi phải giúp đỡ những kẻ khác, phải làm hết sức mình cho họ, phải luôn luôn săn sóc họ và đừng bao giờ nghĩ về bản thân mình. Điều này, theo tôi hiểu, là có bao gồm cả cô Watson trong đó. Tôi lại vào trong rừng, ngồi suy nghĩ thật lâu về vấn đề này, cuối cùng tôi thấy chẳng có lợi gì cho tôi cả, mà chỉ lợi cho người khác thôi, nên tôi bỏ qua luôn, không còn bận tâm gì đến nó nữa. Đôi khi bà quả phụ gọi tôi đến ngồi bên cạnh, rồi kể cho tôi nghe về Thượng đế, bằng một lối nói làm cho người nghe phải thêm đến rõ dãi. Nhưng đến ngày hôm sau, khi tôi gặp cô Watson thì tất cả những cảm tình tốt đẹp ấy bị sụp đổ tan tành. Tôi nghĩ ra rằng có lẽ có hai thứ Thượng đế, một là của bà quả phụ và một của cô Watson. Một đứa nghèo khổ như tôi có nhiều cơ may được đến gần Thượng đế của bà quả phụ hơn, còn với Thượng đế của cô Watson thì đừng có hi vọng gì. Tôi suy nghĩ mãi về chuyện này và quyết định đứng về phía Thượng đế của bà quả phụ, nếu ông ta cần đến tôi, nhưng tôi lại tự hỏi rằng không biết ông ta có được lợi lộc gì hơn không nếu có thêm một đứa bé ngu đần, hèn kém và xấu xa như tôi.

Hơn một năm nay, tôi không gặp mặt cha tôi lần nào. Điều này làm cho tôi cảm thấy dễ chịu, vì cứ mỗi lần ông không say rượu, có sức khỏe, là ông lại nện tôi một trận. Vì vậy, khi nào có mặt ông là tôi phải chạy trốn vào rừng. Mới đây, người ta tìm thấy xác

ông bị chết chìm, cách thị trấn chừng mười hai dặm. Nói đúng hơn, người ta phỏng đoán rằng đó là xác cha tôi, vì người chết chìm ấy có vóc dáng to lớn, quần áo rách rưới, tóc rất dài, giống như cha tôi vậy. Nhưng họ không nhận ra được mặt, vì mặt người chết chìm đã bị ngâm nước lâu ngày nên bị rửa ra, không còn ra hình nét gì nữa. Họ nói rằng xác chết ấy nổi giữa lên trên mặt nước, sau đó họ vớt lên, đem đi chôn ngay bên bờ sông. Tôi rất áy náy vì tôi chợt nghĩ đến một số chi tiết trong vụ này. Tôi biết khá rõ rằng một người đàn ông chết chìm không bao giờ nổi giữa, mà thường nổi sấp, úp mặt xuống nước. Tôi cũng nghĩ rằng xác ấy không phải của cha tôi mà của một người đàn bà mặc quần áo đàn ông. Thế là tôi đâm ra lo sợ rằng cha tôi sẽ trở về một lúc nào đó, điều mà tôi không mong muốn một chút nào.

Trong khi ấy, chúng tôi vẫn tiếp tục chơi trò ăn cướp, thỉnh thoảng lại làm một vụ trong suốt một tháng, rồi tất cả chúng tôi đều “tử chức”. Thật ra, chúng tôi chẳng ăn cướp của ai, chưa hề giết một người nào, mà chỉ giả vờ làm như thế thôi. Chúng tôi thường từ bên trong rừng nhảy xổ ra tấn công những người chở heo, những bà đẩy xe rau ra chợ bán, nhưng chẳng bao giờ lừa người nào vào hang cả. Tom Sawyer gọi các con lợn ấy là “thỏi vàng”, rau quả là “đồ châu báu”, sau đó, chúng tôi trở về hang, mở hội nghị kiểm điểm thành tích: cướp được bao nhiêu của, giết và ghi dấu được bao nhiêu người. Nhưng tôi thấy chúng tôi chẳng được lợi lộc gì thực sự trong các vụ ấy cả. Một hôm Tom sai một thằng bé chạy khắp thị trấn với một cây đuốc trong tay (đó là dấu hiệu tập hợp của băng chúng tôi), sau đó hắn nói cho chúng tôi biết hắn được mật báo rằng ngày hôm sau sẽ có một toán thương nhân Tây Ban Nha và Ả Rập giàu có đến đóng tại Hang Trùng với

hai trăm voi, sáu trăm lạc đà, trên một nghìn lửa, tất cả đều chất đầy kim cương, nhưng chỉ có một đội cảnh vệ chừng bốn trăm tên. Nhiệm vụ của chúng tôi là phục kích để cướp và giết toán người ấy. Hắn ra lệnh cho chúng tôi lau chùi vũ khí sẵn sàng. Ngay cả việc đuổi theo một chiếc xe chở củ cải, hắn cũng không bao giờ có thể làm, ấy thế mà mọi thứ súng, gươm phải được lau chùi cẩn thận để chuẩn bị cho cuộc phục kích này, dù đó chỉ là những thanh gỗ và cán chổi, có chùi đến hết đời cũng không khá hơn thêm được chút nào. Tôi không tin rằng chúng tôi có thể tiêu diệt cả một toán người Tây Ban Nha và Ả Rập, nhưng vì mong muốn được thấy tận mắt voi và lạc đà, nên tôi có mặt vào ngày thứ bảy hôm sau để tham dự cuộc phục kích. Vừa được hiệu lệnh, chúng tôi nhảy xổ ngay ra khỏi rừng, chạy như bay xuống đồi. Nhưng chẳng thấy Tây Ban Nha hay Ả Rập đâu cả, cũng không có lạc đà và voi, mà chỉ thấy một toán con nít của lớp truyền giáo ngày chủ nhật đi cắm trại. Chúng tôi đánh phá bọn chúng, đuổi lũ con nít này chạy tán loạn khắp thung lũng, nhưng chẳng cướp được của cải gì, ngoài mấy chiếc bánh ngọt và mứt. Thằng Ben cướp được một con búp bê bằng vải, thằng Joe thu được chiến lợi phẩm gồm một cuốn sách hát và một bài giảng kinh thánh. Sau đó, ông thầy giáo của bọn con nít trở lại tấn công chúng tôi, làm cho cả băng chúng tôi phải bỏ lại tất cả mọi thứ, cầm đầu cầm cổ chạy về. Tôi không thấy kim cương đâu cả, bèn hỏi Tom, thì hắn nói rằng có vô số kể. Lại có cả những người Ả Rập, voi và đủ tất cả mọi thứ nữa. Tại sao tôi không thấy nhỉ? Hắn bảo tôi quá ngu dốt, chưa hề bao giờ đọc cuốn “Đông-ki-sốt”, nên mới hỏi những câu ngớ ngẩn như thế. Tất cả đều là do phù phép mà ra cả mà. Hắn nói rằng có hàng trăm tên lính, voi, lửa, vàng bạc châu báu, đủ tất

cả mọi thứ, nhưng kẻ thù là những tay phù thủy cao tay nên đã biến tất cả mọi thứ thành những đứa con nít đi cầm trại ngày chủ nhật để đánh lừa chúng tôi thôi. Tôi bảo, nếu như vậy thì mình cũng phải mời phù thủy đến chứ sợ gì. Tom liền nhiech tôi là một thằng ngu xuẩn. Hắn nói:

- Lão phù thủy có thể gọi rất nhiều âm binh đến xé xác chúng mày ra từng mảnh, chết không kịp ngáp, mày hiểu không? Chúng cao bằng cả cái cây và to lớn như ngôi nhà thờ ấy.

- Thế thì mình cũng gọi âm binh lên tiêu diệt bọn chúng, không được hay sao?

- Mày làm thế nào mà gọi âm binh được?

- Tao không biết. Thế chúng gọi bằng cách nào?

- Chúng sờ sờ vào một cây đèn cũ làm bằng thiếc hay một cái vòng sắt gì đó, thế là âm binh nhảy xổ đến, với sấm, sét, chớp, khói, đủ mọi thứ. Bảo chúng nó làm cái gì là chúng làm ngay tức khắc, bất kể khó khăn như thế nào. Đối với chúng thì cái việc nhổ bật cái tháp đúc đạn chì lên rồi đập vào đầu ông giám đốc lớp truyền giáo ngày chủ nhật, hay bất cứ ai, đều dễ dàng như trở bàn tay vậy.

- Ai sai chúng nó nhảy xổ đến như thế?

- Người sờ vào cây đèn hay vòng sắt chứ còn ai nữa. Những bọn âm binh ấy thuộc về kẻ nào sờ cây đèn hay vòng sắt. Người ấy bảo chúng nó làm cái gì thì chúng nó phải làm cái ấy. Nếu bảo chúng nó xây một tòa lâu đài dài bốn mươi dặm, nhét đầy kẹo cao su hay bất cứ thứ gì mày muốn, hoặc bảo nó đi tìm nàng công chúa nước Trung Hoa đem về làm vợ, thì chúng sẽ phải thi hành ngay. Tất cả mọi thứ sẽ hoàn tất trước khi mặt trời mọc sáng hôm

sau. Lại còn hơn thế nữa: nếu mày muốn chúng bê cả tòa lâu đài đi khắp nơi trong xứ, đến bất cứ chỗ nào mày muốn, chúng cũng làm được mày hiểu chưa?

- Tao nghĩ những tên âm binh ấy ngu như bò nên không biết giữ các lâu đài ấy cho mình, lại đem vung vãi khắp nơi như thế. Nếu tao là một trong các tên âm binh ấy, tao sẽ cho cái thằng kia đi chơi chỗ khác, chứ tội gì bỏ công việc đi mà đến hầu hạ hăn chỉ vì hăn đã sờ vào một cây đèn thiếc cũ kĩ.

- Mày nói gì lạ vậy, Huck. Nếu mày là âm binh thì bắt buộc mày phải đến khi nào người ta sờ vào cây đèn, dù mày có muốn hay không cũng mặc.

- Trời! Tao cao như một cái cây, lớn bằng cái nhà thờ mà lại sợ à? Được rồi, tao sẽ bắt thằng sờ vào cây đèn ấy phải trèo lên một ngọn cây cao nhất trong xứ.

- Mẹ kiếp! Nói chuyện với mày thì thà vạch đầu gối ra nói còn hơn, Huck ạ. Dù nói bằng cách nào, mày cũng chẳng hiểu được tí tẹo nào cả. Đúng là hạng ngu xuẩn hoàn toàn.

Tôi suy nghĩ về việc này suốt hai ba ngày, cuối cùng tôi quyết định phải thử nghiệm xem sao. Tôi bèn lấy một cây đèn bằng thiếc cũ và một cái vòng sắt, rồi đi vào trong rừng, ngồi sờ đi sờ lại cho đến khi mồ hôi vã ra như tắm, trong lòng dự tính xây một tòa lâu đài rồi sẽ đem bán đi lấy tiền tiêu xài. Nhưng vô ích, chẳng có âm binh nào đến cả. Tôi cho rằng đây chỉ là một trong các trò láo toét của Tom mà thôi. Cũng có lẽ hăn tin rằng có bọn Ả Rập và voi thật chẳng, nhưng đối với tôi thì hoàn toàn khác hăn. Nhóm người chúng tôi gặp hôm ấy có đầy đủ dấu hiệu của một lớp truyền giáo ngày chủ nhật.

CHƯƠNG 4

LỜI TIÊN TRI

a, bốn tháng đã trôi qua, thời tiết đã sang hẳn mùa đông. Tôi đã đi đến trường học và có thể đọc, viết chút đỉnh, có thể đọc bản cửu chương như là năm lần bảy là ba mươi lăm. Đến đấy thì tôi coi như là đủ rồi không thể đi xa hơn nữa nếu còn muốn sống lâu. Tôi vốn không tin tưởng lắm vào môn toán học.

Thoạt tiên, tôi ghét đến trường, nhưng rồi dần dần thấy mình cũng có thể chịu đựng được. Khi nào mệt mỏi quá thì trốn học đi chơi, và sau những lần như thế thì ngày hôm sau lại thấy vui tươi, khỏe khoắn hơn. Thế cho nên, càng đi học tôi lại càng thấy dễ chịu. Tôi cũng đã bắt đầu quen với lối sống của bà quả phụ, nên cảm thấy đỡ khó chịu hơn trước. Phải ở luôn trong nhà và ngủ trên giường nhiều khi cũng làm cho tôi ngọt ngào nhưng trước khi thời tiết bắt đầu lạnh, thỉnh thoảng tôi lại lên vào ngủ trong rừng, ấy là những lúc tôi cảm thấy vô cùng thoải mái. Tôi vẫn thích những lối sống cũ của tôi, nhưng dần dà cũng ưa lối sống mới, dẫu chỉ một chút ít thôi. Bà quả phụ bảo tôi đã có tiến bộ, tuy chậm chạp nhưng chắc chắn. Bà không còn phải hổ thẹn vì tôi nữa.

Một buổi sáng, tôi vô ý làm đổ lọ muối, lúc ăn sáng. Tôi vội

vàng vớ lấy một nắm, ném qua vai trái để xả xui, nhưng cô Watson, lạnh lẽo hơn, đã ngăn tôi lại: “Bỏ tay ra, Huck, lúc nào may cũng làm bẩn tất cả mọi thứ”. Bà quả phụ nói một vài lời nhẹ nhàng hộ cho tôi, nhưng không làm cho tôi bớt lo lắng về sự xui xẻo có thể xảy đến với tôi. Tôi biết điều này khá rõ, cho nên sau bữa sáng, người tôi run lên vì lo sợ, không biết tai họa gì sẽ đến với tôi và ở nơi nào. Có nhiều cách để xả xui nhưng đó không phải là cách thích hợp và có hiệu quả. Nghĩ vậy, tôi không thiết làm gì nữa mà chỉ chờ đợi lang thang đây đó để mà âu sầu chờ đợi.

Tôi đi xuống vườn trước nhà, bước lên bậc gỗ để trèo qua hàng rào gỗ cao. Tuyết đã phủ một lớp dày chừng hai phân trên mặt đất cho nên tôi nhìn thấy rõ vết chân của một kẻ nào đó mới đi trên tuyết. Những vết chân ấy từ chỗ khai thác đá đi tới, dừng lại ở bậc gỗ dùng để ra vào qua hàng rào, rồi lại đi dọc theo hàng rào xung quanh vườn, nhưng điều kì lạ là kẻ nào đó không vào hẳn trong nhà mà cứ quanh quẩn ở đấy. Thật không tài nào hiểu được. Kì lạ quá. Trước hết, tôi cúi xuống xem kĩ vết chân ấy. Lúc đầu thì tôi không thấy gì, nhưng xem kĩ lại thì tôi nhận ra ngay. Có một dấu chữ thập ở gót giày bên trái làm bằng đinh to để đuổi ma quỷ.

Tôi đứng thẳng dậy chỉ trong một giây đồng hồ, rồi bò bằng cả tay lẫn chân xuống đồi. Thình thoảng tôi lại quay đầu lại nhìn phía sau, nhưng không thấy ai. Tôi cố đi thật nhanh đến nhà ông thẩm phán Thatcher. Trông thấy tôi, ông liền hỏi:

- Đi đâu mà thở hổn hển thế cháu. Cháu đến lấy tiền lời, phải không?

- Dạ không. Đã có tiền lời rồi sao bác?

-Ồ, có chứ. Người ta gởi tiền lời nửa năm đến tối hôm qua, tất cả trên một trăm năm mươi đô la. Một số tiền lớn lắm đấy. Cháu nên để cho bác đầu tư số tiền này cho cháu, cùng với sáu nghìn đô la tiền vốn, còn hơn là cháu cầm tiền tiêu phí đi.

- Không, cháu không tiêu đâu. Cháu cũng chẳng cần số tiền lời ấy, cả sáu nghìn đô la kia nữa. Cháu muốn bác cầm lấy. Cháu muốn cho bác tất cả, cả sáu nghìn đô la lẫn tiền lời.

Ông thẩm phán có vẻ ngạc nhiên, không thể nào hiểu nổi. Ông nói:

- Cháu nói như thế là ý thế nào?

- Cháu xin bác đừng hỏi cháu câu nào nữa cả. Bác cầm lấy cho cháu chứ?

- Thế này thì bác chịu thua rồi, không hiểu gì hết. Cháu có chuyện gì thế?

- Xin bác nhận lấy cho cháu và đừng hỏi thêm câu nào nữa cả, nếu bác không buộc cháu phải nói dối.

Ông suy nghĩ một lát, rồi nói:

-Ồ, bác hiểu ra rồi. Cháu muốn bán tài sản của cháu cho bác, chứ không phải là cho không. Đúng thế chứ?

Nói xong, ông viết gì đó trên giấy, đọc lại một lần nữa rồi bảo:

- Giấy này có ghi thêm một dòng chữ “Sẽ trả đủ tiền”. Như thế có nghĩa là bác đã mua lại của cháu và có trả tiền. Đây là một đô la trả cho cháu. bây giờ cháu kí đi.

Tôi kí vào giấy rồi ra về.

Người nô lệ da đen của cô Watson, Jim, có một cuộn tóc to bằng nắm tay, lấy ra từ cái dạ dày thứ tư của một con bò. Hắn

thường dùng cuộn tóc ấy làm phù phép. Theo lời hăn nói, trong cuộn tóc ấy có thần linh, biết trước được tất cả mọi sự. Vì vậy, tối hôm ấy, tôi đến nói với hăn rằng cha tôi đã trở lại, vì tôi thấy vết giày của ông in trên tuyết. Tôi muốn nhờ hăn hỏi xem ông ta dự định làm gì và sẽ ở đây bao lâu nữa. Jim lấy cuộn tóc ra, thì thầm điều gì trên ấy, rồi thả nó rơi xuống đất. Cuộn tóc rơi đánh chạch một cái rồi lăn đi chừng hai phân. Jim làm đi làm lại như thế mấy lần, nó vẫn rơi giống như thế. Jim quỳ xuống, rồi đặt tai lắng nghe. Nhưng vô ích, cuộn tóc vẫn không nói. Hăn bảo nhiều khi phải có tiền nó mới chịu nói. Tôi nói tôi có một đồng hào giả, không dùng làm gì được vì lớp bạc đã tróc đi rồi để lộ ra cái cốt bằng đồng bên dưới. Nhưng cho dù lớp bạc không bị tróc đi chẳng nữa thì cũng không qua mắt ai được vì nó trơn tru như bôi mỡ, ai cũng có thể nhận ra đồng hào giả. (Tôi nghĩ rằng, tôi không nên nói gì về đồng đô la ông thẩm phán mới đưa cho tôi). Tôi nói rằng, tuy thế, cái cuộn tóc có lẽ sẽ nhận vì nó không phân biệt được đâu. Jim ngửi, cắn, mân mê đồng hào giả, và nói rằng sẽ cố hết sức làm sao cho cuộn tóc tưởng lầm là đồng hào thật. Hăn sẽ xẻ một củ khoai tây, nhét đồng hào vào đấy, để đó suốt đêm, đến sáng hôm sau sẽ không còn thấy lớp đồng và sẽ không trơn như mỡ nữa. Như thế, người nào trong thị trấn cũng sẽ tưởng là đồng tiền thật, chứ không riêng gì cái cuộn tóc. Quả thực tôi đã biết công dụng của củ khoai tây như thế, nhưng đã quên khuấy mất.

Jim đặt đồng hào dưới cuộn tóc rồi quỳ xuống lắng nghe. Lần này thì cuộn tóc nhận lời sẽ nói cho tôi biết tương lai, nếu tôi yêu cầu. Tôi đồng ý. Thế là cuộn tóc nói riêng với Jim, rồi sau đó, Jim kể lại cho tôi như thế này:

- Cha cậu không biết ông ta sẽ làm gì. Lúc thì ông nói ông sẽ đi, lúc thì nói sẽ ở lại. Tốt nhất là cứ yên tâm, mặc kệ ông ta muốn làm gì thì làm. Hiện giờ đang có hai vị thiên thần bay nhảy xung quanh ông. Một vị thiên thần thì màu trắng và sáng sủa, vị kia thì đen đui. Thiên thần trắng bảo ông làm điều phải được một lúc, rồi thiên thần đen lại bay đến làm hỏng tất cả mọi thứ. Chưa biết ai sẽ lời được ông ta đi. Nhưng về phần cậu thì vẫn được an toàn. Cậu sẽ gặp nhiều khó khăn cũng như nhiều may mắn trong cuộc đời. Lúc thì cậu bị thương, lúc thì ốm đau, nhưng rồi sau đó cậu lại khỏe mạnh trở lại. Có hai nàng con gái bay xung quanh cậu suốt cuộc đời. Một người thì trắng, người kia thì đen. Một người giàu, người kia nghèo. Trước hết cậu sẽ cưới người nghèo làm vợ, sau đó sẽ lấy người giàu. Cậu cần phải cố gắng tránh xa sông nước và đừng có liều lĩnh, nếu xảy ra trường hợp người ta đã ra yết thị nói rằng cậu sắp sửa bị treo cổ.

Khi tôi thắp đèn lên, đi vào phòng đêm hôm ấy thì đã thấy cha tôi, bằng xương bằng thịt, đang ngồi lù lù ở đấy rồi!

CHƯƠNG 5

CHA TRỞ VỀ

ôi đã đóng kỹ cửa phòng khi đi ra. Nhưng giờ đây, khi tôi quay trở lại thì cha tôi đã ngồi đấy, ngay trong phòng tôi tự bao giờ. Xưa nay, tôi vẫn sợ cha tôi vì ông hay đánh tôi dữ lắm. Bây giờ, tôi nghĩ rằng tôi cũng vẫn còn sợ. Nhưng chỉ trong một phút sau đó, tôi thấy tôi đã làm. Thật ra, đó chỉ là một cơn giật mình lúc ban đầu, khi hơi thở tôi bị ngưng lại phút chốc vì quá bất ngờ, nhưng ngay sau đó, tôi không còn thấy sợ ông nữa, ông không đáng làm cho tôi phải lo lắng đến như thế.

Cha tôi trạc năm mươi tuổi. Tóc ông dài, rối bù và mỡ màng, rũ xuống mặt, khiến cho đôi mắt ông giống như đang nhìn qua một bụi cây leo. Tóc ông toàn một màu đen, chứ không bạc, cùng màu với bộ râu quai nón dài, lởm chồm. Ở nơi nào còn chứa ra da mặt thì chỗ ấy hầu như không có màu sắc. Da thì trắng, nhưng không phải là màu trắng giống như da người khác, mà là một thứ màu trắng khiến cho ai thấy cũng phải rợn người, màu trắng của bụng cóc hay bụng cá gì đó. Còn quần áo của ông thì đúng là giẻ rách. Ông ngồi vắt chân chữ ngũ, một mắt cá chân tựa lên đầu gối chân kia. Chiếc giày trên bàn chân ông bị rách, thò ra hai ngón chân cứ ngo ngoáy liên hồi. Chiếc mũ của ông để trên sàn nhà là một thứ mũ cũ kỹ màu đen có vành bẻ cong lên và chóp mũ trũng

xuống giống như một cái nắp đậy.

Tôi đứng nhìn ông, còn ông cũng ngồi đó nhìn tôi, hơi ngả chiếc ghế về phía sau một chút. Tôi đặt cây nển xuống, để ý thấy cánh cửa sổ đã được kéo lên. Thì ra, cha tôi đã leo lên mái nhà xép, trèo qua cửa sổ để vào phòng tôi. Ông nhìn tôi từ đầu đến chân, rồi nói:

- Chà, quần là áo lượt nữa chứ! Mày tưởng mày bây giờ quan trọng lắm, phải không?

- Có thể thế, mà cũng có thể không phải thế. - Tôi nói.

- Câm họng mày lại, nghe chưa? Thì ra từ lúc vắng tao, mày ăn mặc đẹp đẽ như thế đấy. Tao phải làm cho mày bớt huênh hoang đi đã, rồi sẽ cho mày biết tay tao. Họ còn nói mày bây giờ đi học, lại còn biết đọc biết viết nữa chứ. Mày tưởng mày giỏi hơn cha mày rồi, bởi vì tao không biết những thứ ấy, phải không? Rồi tao sẽ moi tất cả các thứ ấy ra khỏi cái đầu của mày. Ai cho phép mày dính dáng đến các trò điên rồ, nhảm nhí ấy hử? Ai xúi giục mày?

- Bà quả phụ bảo con thế.

- Bà quả phụ hả? Ai cho phép bà ấy chõ mũi vào công việc của người khác thế?

- Chẳng ai bảo bà làm thế cả.

- Thế thì tao sẽ cho bà ấy một bài học. Nghe tao nói đây này. Mày phải bỏ học, nghe chưa? Tao sẽ dạy một bài học cho những kẻ nào xúi giục trẻ con lên mặt giỏi giang hơn bố nó. Từ nay tao thấy mày còn lẩn quẩn ở cái trường học ấy thì sẽ biết tay tao, hiểu chưa? Mẹ mày đâu có cần biết đọc, biết viết. Chẳng có một người nào trong gia đình mày biết những thứ ấy cả cho đến lúc họ chết. Tao cũng thế. Vậy mà mày dám ưỡn ngực ra lên mặt với tao. Tao

không thể chịu đựng được như vậy đâu, nghe không? Bây giờ, mày thử đọc cho tao nghe thử.

Tôi lấy một cuốn sách, đọc lên một đoạn, hình như nói về Washington và các cuộc chiến tranh thì phải. Tôi đọc được nửa phút thì cha tôi giằng lấy cuốn sách vứt ra xa, rồi nói:

- Mày đọc được thực. Lúc này mày nói thế, tao vẫn còn ngờ. Nói cho mày nghe này. Từ nay mày phải bỏ những thứ rởm đời ấy, hiểu không? Tao không thích thế. Tao sẽ rình xem mày có nghe tao không. Nếu tao thấy mày còn lờn vờn quanh trường học ấy nữa, tao sẽ lột da mày ra. Hơn thế nữa, mày cũng biết rồi đây mày còn phải theo đạo nữa chứ. Tao không bao giờ muốn thấy một đứa con trai nào như vậy cả.

Ông cầm lấy một bức tranh có vẽ hình mấy con bò với một đứa trẻ, rồi hỏi:

- Cái này là cái gì?

- Người ta cho con cái ấy để học bài cho chóng thuộc đấy.

Ông cầm lấy bức tranh, xé toạc, rồi nói:

- Tao sẽ cho mày một thứ hay hơn thế: một cái roi bằng da bò.

Sau đó, ông ngồi lẩm bẩm một hồi, rồi nói:

- Mày bây giờ ăn diện, thơm tho quá nhỉ. Nào là giường nệm, gương soi mặt, thảm trải dưới chân, đủ thứ sang trọng, trong khi bố mày phải ngủ với lợn trong xưởng thuộc da. Tao chưa hề thấy đứa con nào như thế. Tao sẽ làm cho mày bỏ hết các thứ rởm đời ấy đi, rồi sẽ cho mày biết tay. À, như thế cũng chưa hết đâu, tao lại còn nghe người ta nói độ này mày giàu lắm kia mà. Đầu đuôi câu chuyện ấy thế nào, hở?

- Họ nói láo đấy, chứ chẳng có “đầu đuôi” gì hết.

- Này, mày ăn nói với tao như thế hả? Tao chịu đựng đến thế là hết mức rồi. Đừng có nói hỗn. Tao đến cái thị trấn này hai ngày rồi, ai cũng bảo với tao rằng bây giờ mày giàu lắm. Dưới mạn sông người ta cũng nói thế. Vì thế tao mới đến đây. Ngày mai mày đưa tiền cho tao, nghe không? Tao đang cần.

- Con không có tiền.

- Láo! Ông thẩm phán Thatcher đang giữ tiền của mày. Mày đến lấy cho tao. Tao đang cần.

- Con không có tiền thật mà. Bố cứ hỏi ông Thatcher thì biết.

- Được rồi, tao sẽ hỏi ông ấy. Bây giờ mày có bao nhiêu tiền trong túi nào?

- Con chỉ có một đô la để...

- Tao không cần biết mày dùng để làm gì. Cứ lấy ra cho tao.

Ông cầm lấy đồng tiền, ghé răng cắn thử xem thật hay giả, rồi bảo sẽ đi xuống phố uống Whisky, vì cả ngày hôm ấy chưa được giọt nào vào cổ. Khi ông trèo qua cửa sổ xuống nhà xép, ông còn ló đầu vào chửi tôi về những thói rởm đời muốn qua mặt cha rồi mới chịu đi. Tôi tưởng ông đã đi hẳn rồi, nhưng không phải thế. Ông lại còn quay lại lần nữa nhắc tôi về chuyện đi học, bảo rằng ông sẽ rình và sẽ cho tôi một trận nếu không chịu bỏ học.

Ngày hôm sau, cha tôi say khướt, đi đến nhà ông Thatcher hăm dọa để buộc ông phải đưa số tiền của tôi, nhưng không được. Cha tôi thề sẽ đưa ông Thatcher ra tòa để lấy số tiền ấy.

Ông thẩm phán và bà quả phụ cũng làm đơn xin tòa tách tôi ra khỏi cha tôi và cho phép một trong hai người làm giám hộ cho tôi. Nhưng quan tòa là một người mới đến, chưa rõ về cha tôi, nên tuyên bố rằng tòa án không có quyền can thiệp để chia rẽ gia

đình, không thể để cho đứa trẻ phải tách rời với cha ruột của nó. Ông thẩm phán Thatcher và bà quả phụ đành phải bỏ qua chuyện này, không còn dám dấn động đến nữa.

Cha tôi rất vui mừng về chuyện này, đến nỗi ông không ở yên nổi. Ông dọa sẽ đánh đập tôi bằng roi da cho đến lúc tím bầm cả người nếu tôi không chịu làm ra tiền cho ông. Tôi phải mượn ba đô la của ông Thatcher để đưa cho ông uống rượu. Đến khi say mèm, ông đi khắp nơi, chửi rủa, la hét, rồi vác một cái xoong bằng thiếc gõ phèng phèng khắp phố xá cho đến tận nửa đêm. Người ta nhốt ông lại, sáng hôm sau đưa ra tòa, rồi bỏ tù ông một tuần lễ. Nhưng ông nói ông rất hài lòng vì đã làm chủ được thằng con trai, và hẳn sẽ làm cho ông được “ấm lòng”.

Khi cha tôi ra khỏi tù, ông thẩm phán mới nhậm chức nói rằng ông đủ sức cải tạo được cha tôi. Ông bèn đưa cha tôi về nhà ông, cho mặc quần áo sạch sẽ, đẹp đẽ, mời ăn sáng, ăn trưa, ăn tối cùng với gia đình, đối xử như là một người bạn chí tình, nếu có thể nói như vậy. Sau bữa ăn tối, ông nói với cha tôi về tác hại của việc nghiện rượu, khuyên phải giữ gìn tiết độ và nhiều điều khác nữa, đại khái như thế, khiến cho cha tôi mũi lòng khóc rưng rức. Cha tôi nói rằng ông đã dại dột không biết đến những điều ấy đến nỗi làm hư hỏng cả cuộc đời, nhưng từ nay ông hứa sẽ sống một cuộc đời mới, sẽ trở thành một người tốt, không còn làm cho ai phải hổ thẹn vì mình nữa. Thế rồi cha tôi kêu gọi sự giúp đỡ của ông thẩm phán, xin ông ta đừng có khinh rẻ ông mà tội nghiệp. Ông thẩm phán nói ông chỉ muốn ôm cha tôi mà hôn vì những lời lẽ hay ho ấy, thế rồi ông thẩm phán khóc, bà thẩm phán cũng khóc. Được thể, cha tôi lại nói thêm rằng ông là một kẻ luôn luôn bị người đời hiểu lầm. Ông thẩm phán nghe như vậy

tin tưởng lắm. Cha tôi nói, điều mà người ta mong mỗi nhất trên cõi đời này là sự thông cảm lẫn nhau. Ông thẩm phán cũng đồng ý. Thế rồi mọi người đều cúi lòng, khóc rưng rức. Đến giờ đi ngủ, cha tôi đứng dậy, chìa bàn tay ông ra, rồi nói:

- Xin các ông bà hãy nhìn cái bàn tay này. Hãy cầm lấy nó, hãy lay nó thật mạnh. Trước kia, đó là bàn tay của một con lợn, nhưng bây giờ thì không phải như thế nữa. Bây giờ nó là bàn tay của một kẻ đã bước vào cuộc đời mới, cho đến chết cũng không trở lại vết xe cũ nữa. Hãy ghi nhớ những lời này và xin đừng có quên là chính tôi đã nói ra những lời ấy. Bây giờ, nó là bàn tay sạch sẽ. Hãy cầm lấy nó, xin đừng sợ hãi!

Thế rồi, người này kế tiếp người khác bắt tay cha tôi mà ứa nước mắt. Riêng bà thẩm phán thì cầm lấy bàn tay của cha tôi hôn lấy hôn để. Thế rồi cha tôi kí vào tờ cam đoan - cố nhiên là ông chỉ quẹt một cái dấu gì đó gọi là chữ kí. Ông thẩm phán tuyên bố rằng đó là giờ phút thiêng liêng nhất đáng ghi lại trong lịch sử - hay là đại khái như thế. Sau đó, họ mời cha tôi đến nghỉ tại một căn phòng rất đẹp, dành riêng cho khách. Tối hôm ấy, cha tôi thấy thèm rượu ghê gớm. Ông bèn trèo ra ngoài, xuống mái hiên phía trước nhà, rồi tụt xuống cây cột để đi ra phố. Ông đổi cái áo mới lấy một bình rượu rồi trèo về phòng, tha hồ nhậu nhẹt. Đến gần sáng, ông say sưa bí tỉ, lại trèo ra một lần nữa, nhưng lần này thì ông lăn kèn từ mái hiên xuống đất, gãy hai nơi trên cánh tay trái. Cho mãi đến sáng hôm sau người ta mới tìm thấy ông nằm ở ngoài hiên, suýt chết cứng vì rét. Khi mọi người vào xem căn phòng cha tôi vừa ngủ đêm qua thì ai nấy đều phải dò dẫm từng bước mới đi được vì quá hỗn độn, bẩn thỉu.

Ông thẩm phán vô cùng thất vọng, nói rằng một người như

cha tôi thì có lẽ chỉ có thể cải tạo được bằng một khẩu súng, chứ ông không thấy có biện pháp nào hay hơn được.

CHƯƠNG 6

CUỘC VẬT LỘN VỚI THẦN CHẾT

ừa mới đứng dậy đi lại được, cha tôi liền đến các tòa án tìm ông thẩm phán Thatcher để đòi số tiền ấy, sau đó lại đi tìm tôi vì tôi không chịu bỏ học. Một đôi lần ông bắt được tôi, quát tôi rõ đau, nhưng tôi vẫn cứ đi học như thường, nhiều khi lẩn tránh hay chạy thoát được. Trước đây thì tôi chẳng thích đi học mấy, nhưng bây giờ thì tôi phải đi học để trêu người cha tôi. Vụ kiện ở tòa án kéo dài lê thê, dường như không bao giờ được khởi sự, cho nên thỉnh thoảng tôi cũng vay ông Thatcher được vài ba đô la để khỏi bị đánh đập. Cứ mỗi lần có tiền thì cha tôi lại nhậu nhẹt, mỗi lần nhậu nhẹt thì lại gây náo động khắp thị trấn, rồi cứ mỗi lần gây náo động lại là một lần bị nhốt, ông thích hợp với lối sống như thế - chỉ có lối sống ấy mới đúng đường lối của ông.

Cha tôi cứ lờn vờn xung quanh nhà bà quả phụ, đến nỗi bà này phải dọa, nếu ông không chịu đi nơi khác, bà sẽ gây khó dễ cho ông. Thế là cha tôi nổi sùng lên, tuyên bố ông sẽ cho mọi người biết ai là chủ nhân thực sự của thằng Huck. Một hôm vào mùa xuân, ông rình bắt được tôi, đưa tôi đi ngược dòng sông chừng ba dặm trên một chiếc xuồng, rồi vượt sông sang đến bờ Illinois. Nơi này toàn là rừng rậm, không có nhà cửa nào, ngoài một căn chòi

gỗ cũ kĩ. Nếu không biết, không ai có thể nhận ra được căn chòi ấy vì cây cối ở đây quá rậm rạp.

Ông giữ tôi ở đây suốt ngày đêm, không còn có cơ may nào trốn thoát. Chúng tôi sống trong căn chòi cũ kĩ ấy, nhưng cha tôi luôn luôn khóa cửa ra vào, đến đêm thì đặt chiếc chìa khóa ngay dưới đầu. Cha tôi có một khẩu súng, có lẽ đã ăn trộm được của ai, nhờ đó, chúng tôi sống qua ngày bằng cách săn bắn và câu cá. Thỉnh thoảng, cha tôi nhốt tôi lại, rồi đi xuống phố, cách đó ba dặm, để đổi cá và thịt rừng lấy rượu Whisky đem về nhậu nhẹt say sưa, sau đó lại đem tôi ra mà nện. Đã có lần, bà quả phụ biết được nơi tôi ở, liền cho người đến bắt tôi về, nhưng cha tôi đã dùng súng đuổi người này đi. Nhưng, chẳng bao lâu sau đó, tôi bắt đầu quen với cuộc sống ở đây, nên cũng thấy thích - chỉ không thích cái roi da của cha tôi mà thôi.

Tôi được tự do thoải mái suốt ngày, chẳng phải làm gì, chẳng lo nghĩ gì, chẳng phải học hành, đọc sách vở gì cả, chỉ hút thuốc lá và đi câu. Hơn hai tháng trời trôi qua, quần áo tôi rách rưới, bẩn thỉu hết cả. Tôi tự hỏi không hiểu vì sao mà trước đây tôi lại thích lối sống ở nhà bà quả phụ. Ở đây, lúc nào cũng phải giặt quần áo sạch sẽ, ăn cơm bằng đĩa, chải tóc, ngủ trên giường, sáng dậy đúng giờ giấc, lúc nào cũng phải ôm lấy sách vở đến phát ngáy, lại còn bị cô Watson la rầy luôn mồm. Tôi không còn muốn trở lại nơi ấy nữa. Trước đây, tôi đã phải ngưng chửi thề, bởi vì bà quả phụ không thích thế. Bây giờ thì tôi tha hồ mà chửi thề vì cha tôi không hề phản đối. Nói chung thì cuộc sống trong rừng này cũng khá thú vị. Nhưng rồi, ngày qua tháng lại, cha tôi đã lạm dụng cây gậy của ông quá nhiều, khiến tôi không còn chịu đựng được nữa. Người tôi toàn là những vết roi, vết gậy. Hơn thế nữa,

ông lại đi vắng luôn, và cứ mỗi lần đi là khóa chặt cửa lại, nhốt tôi ở bên trong. Một lần, ông vắng nhà luôn ba ngày liền. Tôi cảm thấy cô đơn ghê gớm, có lúc nghĩ rằng ông đã chết chìm nơi nào rồi, như thế tôi chẳng bao giờ ra khỏi nơi này được nữa. Tôi sợ hãi quá, nên dự tính phải tìm một phương cách nào đó để thoát khỏi nơi này. Nhiều lần tôi cố thoát ra ngoài, nhưng không nghĩ ra được cách nào. Không có một cái cửa sổ nào đủ lớn cho một con chó qua lọt. Ống lò sưởi thì quá hẹp. Cánh cửa lại quá dày, làm bằng những tấm gỗ chắc nịch. Cha tôi cẩn thận không để lại một con dao hay bất cứ thứ gì có thể dùng được. Tôi sục sạo khắp nơi đến hàng trăm lần. Hầu hết thời gian tôi dành cho công việc lùng kiếm này vì ngoài ra, không có việc làm nào khác để qua thì giờ. Nhưng cuối cùng, tôi cũng tìm ra được một thứ. Đó là một cái cửa gỗ đã rỉ sét, không có tay cầm. Cái cửa ấy nằm ngay giữa xà nhà và tấm gỗ lót dưới mái. Tôi liền bôi mỡ vào cho bớt rỉ rồi bắt đầu công việc, ở cuối căn chòi, ngay dưới chiếc bàn con có một tấm mền cũ đóng bằng đinh vào các cây gỗ để cho gió khỏi lọt vào qua các khe hở và làm tắt đèn. Tôi liền chui xuống gầm bàn, lật tấm mền lên, rồi cưa cây gỗ dưới đáy tường để chừa ra một lỗ đủ cho tôi qua lọt. Công việc này tốn rất nhiều thời gian, nhưng tôi làm được gần xong thì nghe tiếng súng cha tôi dội lại từ phía rừng. Tôi thu dọn sạch chỗ tôi đang cưa dở để không còn dấu vết, rồi bỏ tấm mền xuống che lại, cất chiếc cưa đi. Ngay lúc ấy, cha tôi bước vào nhà.

Cha tôi có vẻ không được vui. Ông mới vừa đi xuống phố và mọi việc đều hỏng cả. Luật sư của ông bảo rằng có thể thắng kiện, nếu tòa án bắt đầu đem vụ này ra xử, nhưng lúc nào người ta cũng có cách trì hoãn. Chính ông Thatcher đã sử dụng đủ

mánh khỏe để kéo dài việc này. Cha tôi cũng nói thêm rằng còn có một phiên tòa khác nữa để quyết định về việc giao tôi cho bà quả phụ nuôi dưỡng, và người ta bảo lần này thế nào bà cũng thắng kiện. Chuyện này làm cho tôi run lên cầm cập vì tôi không muốn trở về với bà quả phụ để rồi bị bó chân, bó cẳng, hay là để trở thành con người “văn minh”, như người ta vẫn thường nói. Tiếp đó, cha tôi nguyên rửa tất cả mọi thứ, tất cả mọi người, chửi đi chửi lại để không sót một người nào, những người ông biết tên và cả những người không biết tên, chửi riêng từng người rồi lại chửi tổng quát.

Ông nói ông muốn chờ xem bà quả phụ đến bắt tôi như thế nào, lúc bấy giờ ông sẽ đưa tôi đi đến một nơi xa, cách đây sáu, bảy dặm, không ai có thể tìm ra được. Họ sẽ chán nản, rồi phải bỏ cuộc. Điều này lại càng làm tôi lo lắng hơn nữa. Nhưng chỉ một phút sau, tôi trấn tĩnh lại ngay vì biết rằng tôi sẽ không ở đây cho đến lúc ấy đâu.

Ông bảo tôi ra ngoài xuống để khiêng các thứ về nhà. Trên xuống có một bao bột mì nặng hơn hai chục kí, một đùi thịt mỡ, thuốc súng, gần hai chục lít rượu Whisky, một cuốn sách và giấy báo cũ dùng để làm đạn. Tôi vác một số về nhà, rồi trở lại ngồi ở mũi xuống, suy nghĩ. Tôi dự tính, khi bỏ trốn tôi sẽ mang theo khẩu súng và ít cái cần câu, rồi chạy vào rừng. Tôi sẽ không ở cố định một chỗ mà sẽ đi hết nơi này đến nơi khác, phần lớn là đi ban đêm, sẽ săn bắn và bắt cá để sinh sống, rồi sẽ đi đến một nơi thật xa để làm sao cho cha tôi và cả bà quả phụ nữa không thể tìm ra được. Tôi sẽ cưa xong khúc gỗ để trốn đi ngay đêm hôm ấy, vào lúc cha tôi đã say mèm. Tôi cứ ngồi suy nghĩ như thế không biết bao lâu, cho đến khi nghe tiếng cha tôi gọi từ xa, hỏi

tôi đang ngủ hay bị chết chìm rồi sao mà chưa về.

Tôi vác xong các thứ vào chòi thì trời cũng vừa tối. Trong khi tôi nấu cơm, cha tôi uống một vài ngụm rượu cho ấm cổ rồi lại bắt đầu chửi rửa. Đêm qua ông đã say mềm ở ngoài phố, rồi ngủ lảo lảo trong các cống rãnh, nên bây giờ người ông lấm đầy bùn, trông thật thảm hại. Cứ mỗi lần men rượu bắt đầu ngấm, ông lại lên tiếng chửi rửa, thường là chửi chính phủ. Lần này, ông nói:

- Thế mà gọi là chính phủ à. Xem đây kìa. Chính phủ gì mà lại ra luật tách rời con cái khỏi cha mẹ của nó, con người ta rút ruột đẻ ra, nuôi ăn cho lớn tốn bao nhiêu tiền bạc, công lao khó nhọc. Con người ta mới lớn lên, sắp sửa làm ra được nhiều tiền nuôi bố nó cho đỡ khổ thì dùng một cái, luật pháp lôi nó đi chỗ khác. Chính phủ gì mà lại như thế, hở? Chưa hết đâu. Luật pháp lại bênh vực cho cái lão Thatcher kia để hắn cướp tất cả tài sản của tao. Luật pháp gì mà lại bắt một người đáng giá đến sáu nghìn đô la hay hơn thế nữa phải chui rúc trong một cái chòi gỗ như thế này, phải mặc thứ quần áo đến con lợn cũng còn chê. Thế mà gọi là chính phủ à? Con người chẳng có cái quyền lợi gì hết với chính phủ này. Nhiều lúc tao muốn bỏ cái xứ này mà đi cho rảnh. Phải, tao nói như thế đấy. Tao bảo thẳng tận mặt lão Thatcher như thế đấy. Mọi người đều nghe cả, mà cứ hỏi lại mà xem. Tao chỉ cần hai xu thôi là từ bỏ luôn cái xứ chết tiệt này, không bao giờ trở lại nữa. Đó, tao nói như thế đấy. Mà xem cái mũ tao kia kìa. Có đáng gọi là cái mũ hay không? Cứ đẩy cái chóp ấy lên rồi đội vào thì nó sụp đến tận cằm, thế là chẳng ra mũ mao gì nữa cả. Cứ như là chui vào cái ống nồi bếp lò ấy. Thế mà một thằng giàu nhất cái thị trấn này như tao lại phải đội cái thứ mũ ấy đấy.

- Phải rồi! Chính phủ này là tuyệt diệu! Tuyệt diệu! Xem đấy.

Cứ xem cái thằng da đen tự do mới từ Ohio đến đây. Hắn là một thằng da đen lai trắng, trắng gần bằng người da trắng ấy. Hắn mặc một cái áo sơ mi trắng không tả được, lại đội cái mũ bóng loáng. Thế mà hắn ăn mặc đẹp nhất cái thị trấn này đây, đeo cả đồng hồ vàng, dây vàng, cầm chiếc can có cán nạm bạc. Đúng là một lão già cự phú sang nhất tiểu bang này. Mà có biết không? Người ta bảo, hắn là giáo sư đại học, nói được đủ các thứ tiếng, biết tất cả mọi thứ trên đời. Chưa hết đâu! Họ bảo, ở tiểu bang của hắn, hắn còn được đi bầu nữa chứ. Mà cứ nghĩ mà xem, cái đất nước này rồi sẽ đi đến đâu? Hôm đi bầu lần trước đó, tao cũng dự định đi bầu nếu hôm ấy tao không say quá, nhưng rồi người ta bảo tao rằng ở một tiểu bang nào đó chúng nó cho phép người da đen tự do cũng đi bầu, thế là tao bỏ luôn, không thèm đi bầu nữa. Từ giờ đến chết tao cũng không đi bầu. Mọi người đều nghe tao nói cả đấy. Dầu thế đất nước này cũng đến hư hỏng mất thôi. Cứ xem cái thái độ lạnh lùng của thằng da đen ấy mà tức chết đi được. Phải đẩy hắn sang một bên, hắn mới chịu nhường đường cho tao đi. Tao bảo với mọi người sao không đem cái thằng da đen ấy ra mà bán đấu giá cho rảnh. Thế rồi mà có biết họ trả lời ra sao không? Họ bảo rằng hắn ở đây chưa đủ sáu tháng thì không thể đem ra bán đấu giá được. Đó là một thí dụ điển hình, mà thấy không? Một chính phủ mà phải đợi đến sáu tháng mới có quyền bán một tên da đen. Thế mà gọi là chính phủ, làm ra vẻ là chính phủ và cứ tưởng mình là chính phủ thật sự. Chính phủ gì mà phải khoanh tay bất động đến sáu tháng mới chop được một thằng da đen tự do mặc áo sơ mi trắng toát, lang thang, ăn cắp vặt, đáng ghét.

Cha tôi vừa bước vừa chửi rửa mà không biết cặp giò loạn

choạng của ông đang dẫn ông đến đâu cho đến lúc ông vấp phải cái vại đựng thịt heo muối, ngã lộn nhào, trầy cả hai bắp vế. Ông vẫn cứ tiếp tục chửi rửa nặng lời những người da đen và chính phủ, rồi thỉnh thoảng lại chửi luôn cái vại thịt muối. Ông nhảy choi choi bằng một chân xung quanh căn chòi, đổi hết chân này sang chân kia, cuối cùng ông đột nhiên đưa thẳng chân trái ra đá vào vại thịt muối một phát thật mạnh. Khổ một nỗi là ông đã tính không kỹ vì ông đã đá bằng cái chân có chiếc giày rách thò hai ngón chân ra ngoài. Thế là ông rú nên một tiếng nghe đến sồn gai ốc, rồi ôm ngón chân nằm lăn lộn trên đất. Ông lại tiếp tục chửi rửa, nhưng lần này thì ông chửi rửa những việc làm của ông trước đó, rồi chửi cả chính ông nữa. Cha tôi đã từng để ý đến ông già Sowerberry Hagar vào thời kì khá nhất của ông ta, cho nên cha tôi nói ông chửi luôn cả ông già ấy nữa, nhưng tôi cho rằng đó chỉ là một lối nói phóng đại, có lẽ như thế.

Sau bữa ăn tối, ông vớ lấy hũ rượu, khoe rằng ông có đủ rượu cho hai người uống thật say và một người say đến bất tỉnh nhân sự. Lối nói của ông thường là như thế. Tôi tính toán rằng chỉ độ một giờ nữa thôi là cha tôi sẽ say mềm, không còn thấy trời đất gì nữa, lúc bấy giờ tôi sẽ ăn cắp chiếc chìa khóa hoặc tôi sẽ cửa tấm gỗ rồi chạy ra ngoài, một trong hai cách ấy. Cha tôi cứ uống, uống mãi, rồi cuộn mình vào trong chăn, nằm lăn xuống đất. Nhưng dịp may chưa đến với tôi. Ông vẫn chưa ngủ say, mà cứ nằm đấy trần trọc, rên rĩ, lúc lăn sang bên này lúc lăn sang bên kia, như thế thật lâu. Cuối cùng, tôi cũng thấy buồn ngủ quá, không còn chống mắt lên nổi nữa, rồi ngủ thiếp đi lúc nào không biết, trong khi ngọn nến vẫn còn đang cháy.

Không biết tôi đã ngủ được bao lâu thì đột nhiên một tiếng

thét hãi hùng làm tôi vụt đứng phắt dậy. Tôi thấy cha tôi đang điên cuồng chạy nhảy khắp nhà, miệng kêu rần, rần luôn mồm. Ông nói rần đang bò lên chân ông, rồi nhảy dựng lên, la hét om sòm. Tiếp đó ông lại nói nó cắn ở má, nhưng tôi chẳng thấy rần đâu cả. Ông lại chạy vòng quanh, miệng la hét ầm ĩ:

- Vứt nó đi cho tao! Vứt nó đi! Nó đang cắn ở cổ tao đây này!

Tôi chưa hề thấy ai có cặp mắt dễ sợ như cha tôi lúc bấy giờ. Một lát sau, ông mệt lử người, ngã xuống thở dốc, rồi lại lăn qua lăn lại thật nhanh, chân đá vung lên khắp mọi phía, tay quờ quạng trong không khí, miệng kêu bị quỷ bắt. Đến khi kiệt sức, ông nằm yên một lát, rên rĩ, rồi im hẳn. Ở bên ngoài, tiếng cú kêu và tiếng chó sói rú lên, ngoài ra, tất cả đều chìm đắm trong sự im lặng hoàn toàn. Bỗng cha tôi nhòm người dậy, nghiêng đầu sang một bên lắng nghe, rồi kêu gào:

- Cộp... cộp... cộp. Đúng rồi, Thần Chết đang đến đây. Cộp... cộp... cộp. Chúng đến bắt tao đây. Chúng ở đây rồi... Đừng có sờ vào người tôi... bỏ tay ra... tay các ông lạnh quá! Thả ra! Hãy để cho kẻ khốn nạn này được yên thân!

Thế rồi ông bò bằng cả hai tay hai chân, van xin thảm thiết, rồi cuộn mình trong chăn, lăn vào gầm bàn, miệng không ngớt van xin, khóc lóc. Qua tấm mền vẫn nghe được tiếng khóc của ông.

Một lát sau, ông lại lăn ra, đứng thẳng dậy, nét mặt vô cùng dữ tợn. Ông nhìn thấy tôi, rồi đuổi tôi chạy khắp căn chòi, gọi tôi là Thần Chết, và dọa sẽ giết tôi, để tôi không còn có thể đến bắt ông nữa. Tôi liền van xin ông tha cho tôi, vì tôi chỉ là thằng Huck, chứ không phải là Thần Chết. Nhưng ông chỉ rít lên cười, gầm thét,

chửi rửa, rồi lại rượt bắt tôi. Có lúc bí quá, tôi luồn dưới nách ông để chạy thì bị tóm lấy áo, ngay giữa hai bả vai, tưởng thế là hết đời rồi, nhưng tôi giựt ra được khỏi cái áo nhanh như chớp và thế là thoát. Cuối cùng, cha tôi mệt quá, ngã xuống, tựa lưng vào cánh cửa. Ông nói ông nằm nghỉ một lát rồi sẽ giết tôi. Ông đặt con dao dưới người, bảo rằng ông ngủ cho khỏe cái đã, sau đó sẽ cho biết ông là ai.

Sau khi ông đã ngủ say rồi, tôi liền đứng lên một chiếc ghế cũ thùng đáy, nhẹ nhàng lấy súng xuống không một tiếng động, lên đạn, rồi kê trên một cái thùng củ cải, hướng mũi súng về chỗ cha tôi đang nằm. Tôi ngồi ở phía sau, chờ đợi cha tôi cựa quậy. Thời gian trôi qua sao mà chậm chạp, yên tĩnh đến thế.

CHƯƠNG 7

TRỐN THOÁT



Đấy đi! Mà định giờ cái trò gì đấy?
Tôi mở mắt ra, nhìn xung quanh không biết mình đang ở đâu. Thì ra tôi đã ngủ thiếp đi, ngay cả lúc mặt trời đã lên cao rồi. Cha tôi đang đứng nhìn, trông giận dữ, lại có vẻ bệnh hoạn nữa. Ông nói:

- Mà định làm cái gì với khẩu súng này?

Tôi chắc ông không biết gì về việc làm của tôi vừa rồi, nên bình tĩnh trả lời:

- Có đưa muốn lên vào đây nên con ngồi rình hắn.

- Sao mà không đánh thức tao dậy?

- Có chứ, nhưng bố chẳng cựa quậy gì cả.

- Được rồi. Mà còn đứng lảm nhảm gì đấy nữa. Đi ra ngoài kia xem có con cá nào mắc ở dưới dây câu đem vào đây làm bữa ăn sáng đi. Một phút nữa tao cũng sẽ ra.

Tôi mở khóa cửa rồi đi lên bờ sông. Những cành cây to và ít vỏ cây trôi lênh bênh trên sông, chứng tỏ rằng nước sông đã bắt đầu dâng lên. Tôi nghĩ rằng đây là thời kì rất huy hoàng đối với tôi, nếu còn ở trên phố. Mùa nước dâng lên vào tháng sáu thường là

thời kì may mắn nhất cho tôi. Lúc ấy, những khúc gỗ ngắn và những bè gỗ trôi lênh bênh trên sông, có khi hàng chục cây cùng một lúc. Tôi chỉ việc vớt các khúc gỗ ấy lên, đem bán cho các trại gỗ và trại cửa trên phố.

Tôi đi dọc theo bờ sông, một mắt thì canh chừng cha, mắt kia nhìn xem các thứ trôi trên sông. Bỗng tôi thấy một chiếc xuồng nhỏ trôi đến, một chiếc xuồng khá đẹp, dài chừng bốn hay năm thước, trông giống như một con vịt đang bơi trên nước. Tôi để nguyên cả quần áo nhảy xuống như một con nhái, rồi bơi thẳng đến chiếc xuồng. Tôi đoán chắc có người nào đang nằm trên chiếc xuồng ấy, vì người ta thường hay làm như thế để trêu người khác. Đến khi có người chèo lại gần định kéo chiếc xuồng ấy đi thì họ nhੌm dậy cười chế giễu. Nhưng lần này thì không phải như thế. Đó là một chiếc xuồng bị trôi, không có chủ. Tôi liền trèo lên xuồng, chèo vào bờ. Chắc hẳn, cha tôi được cái xuồng này thì mừng lắm vì nó trị giá có lẽ đến mười đô la. Nhưng khi tôi vào đến bờ thì cha tôi vẫn chưa đến. Tôi liền đưa chiếc xuồng vào một khe nước giống như một con lạch nhỏ hẹp, chằng chịt những cây leo và cành liễu rủ xuống. Bỗng tôi nảy ra một ý kiến: tôi sẽ giấu kĩ chiếc xuồng này, rồi thay vì chạy vào rừng, tôi sẽ chèo xuồng mạn dưới sông chừng năm mươi dặm, rồi cắm trại ở đấy. Như vậy tôi sẽ đỡ phải đi bộ vất vả.

Lúc bấy giờ tôi đang ở khá gần căn chòi, nên lúc nào cũng hồi hộp sợ cha tôi bắt gặp. Nhưng cuối cùng, tôi cũng giấu kín được chiếc xuồng. Tôi ló đầu ra khỏi bụi liễu, nhìn quanh quất, thì thấy cha tôi ở phía dưới con đường mòn, đang nhả một tràng đạn vào một con chim. Như thế, chắc cha tôi đã không biết gì về công việc tôi vừa làm.

Khi cha tôi lại gần, tôi cố đi thật nhanh, nhưng dường như bước không nổi nữa. Ông lên tiếng mắng tôi về sự chậm trễ, nhưng tôi nói dối rằng tôi vừa ngã xuống sông nên mới lâu như thế. Có lẽ vì trông thấy quần áo tôi ướt mềm, nên ông không nói gì thêm nữa. Chúng tôi gỡ năm con cá mè ra khỏi lưỡi câu rồi đem về nhà.

Sau bữa ăn sáng, chúng tôi lại đi nằm, vì cả hai đều mệt nhoài. Tôi cố nghĩ ra cách nào đó để cho cha tôi và bà quả phụ không thể theo dõi được. Đó là cách chắc chắn nhất để có thể đi rõ xa, khiến họ không thể nào bắt lại được, còn hơn là ngồi đó trông chờ may rủi. Mọi sự không may đều có thể xảy ra. Tôi chưa tìm ra được giải pháp nào thì cha tôi đã nhồm dậy để uống nước. Ông nói:

- Lần sau, có người làng vắng ở nơi này thì mày phải đánh thức tao dậy, nghe không? Hẳn đến đây không phải là vô cơ đâu. Chính tao đã bắn vào hắc đó. Lần sau mày phải gọi tao đấy.

Thế rồi ông ngã người xuống, thiêm thiếp ngủ. Điều ông vừa mới nói giúp tôi tìm ra một phương kế mà tôi đang cần. Tôi nghĩ tôi có thể xếp đặt nó ngay bây giờ để làm sao cho mọi người sẽ phải từ bỏ ý định theo dõi tôi.

Vào lúc mười hai giờ trưa, tôi lại đi ra ngoài, bước dọc theo bờ sông. Nước sông bây giờ lên khá nhanh, củi gỗ trôi lênh bênh trên mặt nước. Bỗng tôi thấy chín cây gỗ lớn buộc lại với nhau đang trôi gần đến, hình như là một phần của một chiếc bè gỗ. Chúng tôi liền dùng xuồng chèo ra giữa dòng kéo các cây gỗ vào bờ. Sau đó, chúng tôi ăn cơm trưa. Nếu như một người khác thì chắc hẳn sẽ chờ cho hết ngày để vớt thêm nhiều gỗ nữa, nhưng

cha tôi thì không thể. Đối với ông thì chín cây gỗ luôn một lúc đã là quá đủ để ông đem xuống phố bán. Vì thế, ông nhốt tôi lại trong căn chòi, khóa chặt cửa lại, rồi lấy xuống chèo đi, kéo theo chiếc bè gỗ. Lúc bấy giờ là khoảng ba giờ rưỡi chiều, tôi chắc cha tôi sẽ không về kịp tối hôm ấy. Tôi chờ cho đến lúc cha tôi đã đi khá xa rồi mới bắt đầu cưa khúc gỗ đang làm dở. Trước khi cha tôi sang đến bên kia bờ sông thì tôi đã chui qua được cái lỗ, đi ra ngoài. Chiếc xuống của cha tôi chỉ còn là một cái chấm nhỏ trên mặt nước ở phía xa xa.

Tôi đem bao bột mì đến nơi giấu chiếc xuống của tôi, gạt các cành cây leo sang hai bên, rồi đặt xuống xuống. Tiếp đó, tôi đem xuống xuống những thứ cha tôi đã chở về hôm trước: đùi thịt, bình rượu Whisky, cà phê, đường, thuốc súng, giấy lộn để làm đạn, xô nước và bầu đựng nước, gạo, chén thiếc, cái cửa cũ kĩ của tôi, hai chiếc mền, chảo nấu ăn, bình cà phê, cần câu, diêm và còn nhiều thứ khác nữa dù đáng giá hay không đáng giá bao nhiêu. Tôi muốn có một cái rìu, nhưng tất cả trong nhà chỉ có một chiếc đặt ở đồng củi. Tôi để lại chiếc rìu ở đấy vì đã dự tính sẽ phải dùng nó sau này. Cuối cùng, tôi lấy khẩu súng đem đi, thế là xong.

Vì bò ra bò vào và kéo lê các thứ nhiều lần qua cái lỗ nên đất chỗ ấy trơn láng, có thể bị lộ. Tôi liền lấy đất phủ lên trên chỗ ấy cho hết láng và che đi chỗ có mặt cửa còn sót lại. Sau đó, tôi đặt khúc gỗ đã bị cưa vào chỗ cũ, kê hai viên đá ở phía dưới và một viên khác chặn lại, để giữ cho chặt, vì khúc gỗ ấy bị cong, không chạm sát mặt đất. Nếu đứng trước chỗ ấy chừng một thước rưỡi, không ai nhận ra được chỗ bị cưa, cũng không ai để ý đến. Hơn thế nữa, chỗ ấy ở phía sau lưng căn chòi, ít ai đi đến đấy.

Xung quanh chỗ giấu chiếc xuồng toàn là cỏ nên không để lại dấu vết gì, tôi đi vòng xung quanh quan sát, rồi đứng trên bờ nhìn xuống sông. Tất cả đều không có gì đáng lo ngại. Tôi liền lấy khẩu súng, đi vào rừng, định đi bắn ít con chim. Nhưng tôi lại gặp một con lợn đi hoang, có lẽ vừa mới thoát khỏi một nông trại nào gần đó. Tôi lấy súng bắn con lợn ấy đem về.

Tôi dùng cái rìu phá tan hoang cánh cửa ra vào của căn chòi, rồi vác con lợn vào đặt trên bàn. Sau đó, tôi dùng rìu cắt cổ nó, rồi đặt xuống đất cho máu chảy loang ra. Tôi gọi là đất, chứ không phải sàn nhà, vì ở đây chỉ toàn là đất cứng chứ không lót một tấm gỗ nào. Làm xong, tôi nhét đá đầy một cái bị cũ rồi kéo lê ra cửa, đi xuyên qua khu rừng đến bờ sông, rồi quăng xuống nước mất dạng. Ai trông thấy như thế, chắc cũng phải nghĩ rằng có một vật gì đó bị kéo lê trên đất đến tận bờ sông. Giả như có thằng Tom Sawyer ở đây thì chắc chắn là hắn sẽ thích cái trò này lắm và sẽ về vờ ra bao nhiêu những trò tưởng tượng. Có lẽ trên đời này, không ai giỏi về cái tài phóng đại bằng thằng Tom Sawyer.

Thế rồi tôi rút một nhúm tóc của tôi, bôi máu trên cái rìu, cắm tóc tôi vào đấy, rồi vứt cái rìu vào góc nhà. Sau đó tôi ôm xác con lợn, áp vào ngực cho máu khỏi rơi xuống đất, rồi đem quăng nó xuống sông, cách căn chòi một quãng ở bên dưới. Như thế chưa hết, tôi chợt nghĩ ra một việc khác cần phải làm. Tôi liền vác bao bột mì và cái cửa ra khỏi xuồng đem về nhà, đặt cái bao vào chỗ cũ, rồi dùng cửa xẻ một lỗ nhỏ dưới đáy. Tôi phải dùng cửa vì trong nhà không có nĩa hay con dao nào - cha tôi lúc nào cũng chỉ dùng một con dao xếp để nấu nướng. Sau đó, tôi vác bao bột mì đi một quãng xa chừng một trăm thước xuyên qua bãi cỏ, giữa rừng liễu về phía đông căn chòi, đến một cái hồ cạn rộng đến năm

dậm, toàn là lau sậy, và về mùa này, còn có cả vịt trời nữa. Có một con lạch chảy đến hồ cạn ấy, dài nhiều dặm, không biết dẫn đến tận nơi nào, nhưng chắc chắn không dẫn ra sông. Bột mì trong bao thủng vãi ra, làm thành một vệt nhỏ từ căn nhà đến hồ. Tôi cũng cố ý để rơi cục đá mài của cha tôi trên lối đi cho có vẻ là tình cờ đánh rơi xuống đó. Làm xong, tôi buộc bao bột mì lại bằng một sợi dây cho khỏi vương vãi thêm nữa, rồi vác bao và chèo về xuồng.

Lúc bấy giờ, trời đã gần tối. Tôi cho chiếc xuồng đậu dưới một cây liễu bên bờ sông, chờ trăng lên sẽ khởi hành. Tôi buộc chiếc xuồng vào một cây liễu rồi bắt đầu ăn cho đỡ đói. Ăn xong, tôi nằm xuống xuồng, hút thuốc và xếp đặt kế hoạch. Tôi nghĩ rằng người ta sẽ lần theo vết bị đá kéo lê trên đất rồi sẽ mò sông cố tìm ra xác tôi. Họ cũng theo vết bột mì rơi vãi, rồi đi dọc theo con lạch để đuổi theo tên trộm đã giết tôi và lấy đồ đạc đem đi. Tất nhiên họ cũng sẽ đi lòng trên sông chỉ để tìm ra xác tôi mà thôi. Cuối cùng họ sẽ chán nản, không còn quan tâm gì đến tôi nữa. Như thế, tôi sẽ ở lại bất cứ nơi nào tôi muốn. Hòn đảo Jackson sẽ là nơi trú ẩn rất tốt. Tôi biết rất rõ hòn đảo ấy. Hơn nữa ít ai đi lại nơi đây. Từ hòn đảo Jackson, tôi có thể chèo xuồng phỏ về ban đêm, lên đi đến nơi này nơi khác để mua các thứ lặt vặt. Vậy, hòn đảo Jackson là nơi tốt nhất.

Tôi khá mệt mỏi, nên công việc đầu tiên là lăn ra ngủ cái đã. Khi thức dậy, phải hết một phút, tôi mới nhận ra mình đang ở đâu. Tôi ngồi nhòm dậy, nhìn xung quanh, trong lòng hơi lo sợ. Trăng rất sáng, khiến tôi có thể đếm được số củi gỗ đen sì trôi một cách yên lặng giữa dòng sông, cách bờ hàng trăm thước. Tất cả cảnh vật đều yên lặng như tờ. Tôi cảm thấy và *người* thấy hình

như là đêm đã về khuya rồi. Chắc các bạn cũng hiểu được tôi muốn nói gì - Tôi không đủ chữ để diễn tả ý tưởng của tôi.

Tôi ngáp một cái thật khoan khoái rồi đuổi người ra, chuẩn bị tháo sợi dây buộc xuống để lên đường. Bỗng có tiếng động dội lại từ phía sông. Tôi lắng tai nghe và nhận ra được ngay. Đó là tiếng kẻo kệt đều đều của mái chèo nổi lên giữa đêm tối tịch mịch. Tôi ghé mắt nhìn qua các cành liễu thì thấy một chiếc xuồng xa xa ở bên kia sông. Tôi không thể biết có bao nhiêu người trên đó. Khi chiếc xuồng đi ngang qua, tôi mới nhận ra trên ấy chỉ chở một người. Tôi nghĩ rằng đó là cha tôi, mặc dầu tôi không ngờ ông có thể về được vào lúc này. Chiếc xuồng di chuyển theo dòng sông ở phía dưới chỗ tôi đang ngồi rồi quay mũi vào bờ ở chỗ nước lặng. Người chèo xuồng ấy gần tôi đến nỗi có thể giơ súng chạm vào người ông. Đúng là cha tôi! Nhưng lần này xem cách ông sử dụng mái chèo, tôi biết ông đang ở tình trạng tỉnh táo.

Không để lỡ một giây phút nào, tôi chèo chiếc xuồng của tôi xuôi theo dòng sông, rất nhẹ nhưng cũng rất nhanh, dưới bóng tối ven bờ sông. Tôi đi như thế độ hai dặm rưỡi, rồi chèo thêm một phần tư dặm nữa ra đến giữa sông, vì chẳng mấy chốc nữa, tôi sẽ phải đi ngang qua một bến đò, ở đó người ta có thể nhìn thấy và sẽ gọi tôi vào. Tôi cho xuồng len vào giữa các cây gỗ trôi giữa sông, rồi nằm sấp xuống lòng xuồng, mặc cho nó trôi đi. Tôi nằm ngửa lên nhìn trời, hút thuốc, trong lòng vô cùng sáng khoái. Bầu trời không một bóng mây. Nằm ngửa dưới ánh trăng nhìn lên càng thấy bầu trời sâu thẳm thẳm. Trước kia, tôi không bao giờ nhận ra điều ấy. Trong những đêm tối như thế này, người ta có thể nghe những tiếng động rất xa trên mặt nước. Tôi có thể nghe cả tiếng nói chuyện trên bến đò, nghe rõ từng tiếng, từng

lời. Một người trong bọn nói ngày sắp sửa dài ra và đêm thì ngắn lại. Một người khác cãi lại “cái này” đâu có ngắn. Thế là mọi người cười rộ lên. Người kia lặp lại câu nói, mọi người lại cười rần rần một lần nữa. Họ đánh thức một người bạn nữa dậy, kể lại câu chuyện, nhưng người này không cười, chỉ nói một vài câu gì đó thật nhanh, rồi bảo mọi người để cho anh ta được yên. Người nói đầu tiên lại bảo anh ta cứ về nhà nói với bà vợ già như thế, bà ta thích lắm đấy, nhưng anh này nói rằng vào thời trẻ anh ta nói nhiều cái hay hơn thế nhiều. Một người trong bọn họ nói rằng bây giờ đã ba giờ sáng rồi, chỉ trong vòng hơn một tuần nữa, trời sẽ mau sáng lắm. Sau đó họ lại quay sang nói chuyện khác, nhưng tôi không nghe rõ, chỉ thỉnh thoảng nghe có tiếng cười, mỗi lúc mỗi xa dần.

Đi xa khỏi bến đò, tôi ngồi dậy thì đã thấy hòn đảo Jackson cách đó chừng hai dặm rưỡi ở phía dưới dòng sông. Hòn đảo có rất nhiều cây to, nổi lên sừng sững giữa dòng, to lớn và đen sì, trông giống như một chiếc tàu thủy không có đèn. Không thấy có bãi cát nào ở đầu hòn đảo, có lẽ nó đã chìm dưới nước rồi.

Chỉ một lát sau, tôi đã đến hòn đảo. Xuồng tôi lướt rất mau qua phía đầu hòn đảo vì ở đó dòng nước chảy nhanh. Đến một chỗ nước lặng, tôi cho xuồng ghé vào bờ đối diện với bờ Illinois, ở một chỗ đất lồi sâu vào mà tôi đã từng biết trước đây. Tôi phải rẽ các cành cây để tiến vào phía bên trong. Khi tôi đã buộc xuồng rồi thì đứng từ phía bên ngoài không ai có thể trông thấy nó ở đâu nữa.

Tôi trèo lên bờ, ngồi xuống một khúc gỗ, nhìn ra phía bờ sông. Những khúc củi gỗ đen sì đang trôi lênh bênh về phía thị trấn, cách đó ba dặm. Ở đó, có ba bốn ngọn đèn đang nhấp nháy. Phía

trên dòng sông chững một dặm, một chiếc bè gỗ thật lớn đang đi xuống, có treo một ngọn đèn ở phía giữa. Tôi nhìn nó trôi xuống từ từ. Khi nó đi ngang qua chỗ tôi đang ngồi, tôi nghe rõ cả tiếng ra lệnh cho người chèo bè ở phía đuôi: “Cho mũi bè hướng về phía bên phải!”. Tiếng nói nghe rõ ràng như người vừa ra lệnh ấy đang đứng ngay bên cạnh tôi vậy.

Trời lúc bấy giờ chuyển sang màu sáng đục, tôi bước vào trong rừng, nằm xuống ngủ một giấc.

CHƯƠNG 8

CUỘC GẶP GỠ BẤT NGỜ

ôi thức dậy thì mặt trời đã lên cao. Lúc bấy giờ vào khoảng tám giờ. Tôi nằm trên cỏ, dưới bóng cây, suy nghĩ về mọi thứ, trong lòng cảm thấy khoan khoái, dễ chịu. Mặt trời ló ra qua một vài khe hở của các vòm lá, nhưng xung quanh tôi toàn là cây to, nên bóng tối lan tràn khắp nơi. Trên mặt đất lổ chỗ những chấm sáng của tia nắng lọt qua các kẽ lá, nhưng những chấm sáng này chỉ rung động chút ít chứng tỏ rằng gió đang thổi qua rất nhẹ ở trên cao. Một vài con sóc bò lên tay chân tôi, kêu riu rít thân mật.

Tôi nằm thanh thoi, khoan khoái, không còn muốn đứng dậy để nấu bữa ăn sáng. Đang thiu thiu ngủ, tôi chợt nghe có tiếng nổ đánh bùm một cái từ phía xa trên sông. Tôi ngồi nhòm dậy, chống cằm, lắng nghe. Lại thêm một tiếng nữa vang lên. Tôi vụt đứng dậy, chạy ra nhìn qua một kẽ lá. Một làn khói bốc lên ở phía xa trên mặt sông, ngang chỗ bến đò. Tiếp theo đó, một chiếc phà chở đầy người từ từ trôi xuống. Tôi đã hiểu ra chuyện gì rồi. “Bùm!”. Một làn khói cuộn lên từ bên hông chiếc phà. Thì ra, họ đang bắn đại bác trên mặt sông để làm cho xác tôi nổi lên.

Tôi hơi đói bụng, nhưng vào lúc này thì không thể nào đốt lửa

lên nấu thức ăn được, vì họ sẽ nhìn thấy khói. Tôi đành ngồi đấy xem khói sùng và lắng nghe tiếng nổ. Khúc sông này rộng vào khoảng một dặm, trông rất đẹp vào buổi sáng mùa hè. Giá lúc này mà tôi có thứ gì để ăn rồi ngồi xem họ đang mò xác tôi thì thú vị biết mấy. Tôi chợt nghĩ rằng người ta thường thả những chiếc bánh mì có nhét thủy ngân trong ấy để tìm xác chết. Những chiếc bánh mì này sẽ trôi đến chỗ nào có xác người chết đuối rồi dừng ngay ở đấy. Vì vậy, tôi phải ngồi canh chừng xem có chiếc bánh mì nào trôi đến gần chỗ tôi đứng để rồi sẽ tạo cho nó cơ hội làm tròn phận sự. Tôi chuyển sang phía bờ Illinois của hòn đảo để xem có cơ may bắt gặp được chiếc bánh mì nào như thế không. Quả thực, tôi không bị thất vọng. Có một chiếc bánh thật lớn trôi đến. Tôi lấy một cái que dài khều nó, nhưng bị trượt chân, chiếc bánh trôi ra xa. Cố nhiên, tôi đứng ở chỗ có luồng nước chảy sát vào bờ nhất - tôi biết khá rõ điều này. Chẳng mấy chốc, một chiếc bánh khác trôi đến gần. Lần này thì tôi thành công. Tôi tháo cái nút chặn ra, rũ cho rơi miếng thủy ngân nhỏ và mềm ở bên trong, rồi ghé răng cắn. Đó là thứ bánh mì làm ở hiệu bánh mà những người sang trọng thường ăn, chứ không phải loại bánh làm bằng bột ngô rẻ tiền như của chúng ta.

Tôi ngồi trên một khúc gỗ ở một nơi thật tốt giữa vòm lá cây, vừa nhai bánh mì vừa nhìn theo chiếc phà, trong lòng vô cùng thích thú. Nhưng rồi tôi chợt nghĩ đến một điều. Tôi chắc rằng bà quả phụ, ông linh mục hay một người nào đó đã cầu nguyện sao cho chiếc bánh mì ấy tìm ra được tôi, thế là nó đã trôi đi và thực hiện được điều ấy. Như vậy, không còn ngờ gì nữa, quả có cái gì đó linh thiêng trong ấy. Điều này có nghĩa là, khi bà quả phụ hay ông linh mục cầu nguyện thì trong ấy hẳn có điều gì đó có hiệu

quả không lợi cho tôi. Tôi có ý nghĩ rằng nó chỉ không phục vụ cho một cái gì đó thực sự đúng đắn.

Tôi châm ống điếu, hút một hơi dài, rồi tiếp tục đứng xem. Chiếc phà trôi theo dòng nước, nên tôi chắc sẽ có cơ hội trông thấy rõ những ai trên ấy, khi nó đi ngang qua tôi, bởi vì nó đang theo sát chỗ bánh mì trôi đến. Khi nó đến khá gần về phía tôi, tôi dụi ống điếu, đi đến chỗ tôi nhặt chiếc bánh mì hồi nãy, rồi nằm xuống sau một khúc gỗ ở một nơi hơi trống trải. Tôi ghé mắt ở chỗ hai nhánh chia đôi của khúc gỗ để nhìn ra ngoài.

Một lát sau, chiếc phà trôi tới, gần đến nỗi họ chỉ cần bắc một miếng ván là bước được lên bờ. Hầu như mọi người đều có đủ mặt trên phà: cha tôi, ông thẩm phán Thatcher, thằng Joe, Tom Sawyer và dì ruột của hắn, dì Polly, thằng Sid, con Mary, và nhiều người khác nữa. Mọi người đang nói chuyện với nhau về vụ án mạng. Bổng viên thuyền trưởng la to lên:

- Nhìn kĩ đi nào. Chỗ này có luồng nước chảy đến gần bờ nhất, nên xác của hắn chắc tấp vào đấy rồi kẹt ở bụi rậm ven bờ nước. Tôi hi vọng như thế.

Tôi thì không hi vọng như thế. Mọi người chen chúc kéo đến, tựa vào lan can của chiếc phà, ngay trước mặt tôi. Tất cả đều im lặng, cố hết sức nhìn chăm chú. Tôi có thể thấy họ rất rõ, nhưng chắc chắn họ không nhìn thấy tôi. Thế rồi viên thuyền trưởng ra lệnh:

- Đứng xa ra!

Một tiếng nổ phát ra từ khẩu đại bác làm tôi ù cả tai, mờ cả mắt vì khói súng, tưởng thế là đi đời rồi. Nếu họ bỏ thêm mảnh đạn vào đó nữa thì chắc chắn họ đã tìm ra được xác tôi như họ

đang mong muốn. Nhờ trời, tôi không bị thương tích gì cả. Chiếc phà lại tiếp tục đi rồi mất dạng sau hòn đảo. Thỉnh thoảng tôi chỉ nghe tiếng nổ vọng lại, mỗi lúc một xa dần, rồi độ một giờ đồng hồ sau thì mất hẳn.

Hòn đảo dài chừng ba dặm. Tôi đoán rằng họ đã đi đến hòn đảo rồi bỏ đi luôn. Nhưng không phải như thế. Họ còn vòng lại ở cuối hòn đảo rồi đi ngược trở lại giữa lòng sông bên bờ Missouri, vừa tiến lên vừa bắn đại bác từng chập. Tôi chạy qua phía bên ấy để xem cho rõ. Nhưng khi tôi lên đến đầu mút hòn đảo thì thấy họ không bắn nữa, chiếc phà hướng về phía bờ Missouri rồi quay trở về thị trấn.

Thế là tôi không còn phải lo ngại bị săn đuổi nữa. Tôi lấy tất cả đồ đạc của tôi ra khỏi xuồng, rồi cắm trại giữa rừng rậm. Tôi lấy mền làm thành một chiếc lều để che đồ đạc khỏi bị mưa ướt, sau đó bắt một con cá mèo, xẻ nó ra bằng cái cưa tôi đã mang theo. Lúc mặt trời sắp lặn, tôi đốt lửa để nấu bữa cơm tối, rồi đặt cần câu để bắt ít con cá nữa cho bữa ăn sáng mai.

Lúc trời tối hẳn, tôi ngồi bên đống lửa, lấy ống điếu ra hút, trong lòng vô cùng khoan khoái. Nhưng ngồi được một lát, tôi bắt đầu cảm thấy cô đơn quá. Tôi liền đi ra ngồi bên bờ sông, lắng nghe tiếng nước vỗ vào bờ, đếm những vì sao trên bầu trời, những khúc gỗ trôi, những chiếc bè đang đi xuống, rồi trở về đi ngủ. Có lẽ không còn có cách nào tốt hơn thế để cho qua thời gian khi mình cảm thấy cô đơn.

Trong suốt ba đêm ba ngày, cuộc sống vẫn diễn ra như vậy, không có gì thay đổi. Nhưng đến ngày hôm sau, tôi bắt đầu mở cuộc thám hiểm suốt hòn đảo. Tôi là chủ nhân của hòn đảo này. Nó hoàn toàn thuộc quyền sở hữu của tôi nên tôi cần phải biết tất

cả trên ấy. Nhưng lí do chính yếu là tôi muốn cho qua thời gian. Tôi tìm thấy rất nhiều loại dâu, còn non hay đã chín, những quả nhỏ màu xanh, những trái dâu xanh mới bắt đầu ló ra. Chẳng bao lâu nữa, tất cả đều có thể ăn được, tôi nghĩ thế.

Tôi cứ lang thang như thế trong các khu rừng rậm cho đến khi thấy mình đã đi đến gần cuối hòn đảo. Tôi có mang súng đi theo, nhưng chưa bắn một phát nào. Tôi chỉ dùng súng để phòng thân, nhưng dự định cũng sẽ bắn một vài con chim lúc trở về gần đến nơi cắm trại. Trong khi đi, tôi suýt giẫm phải một con rắn thật lớn, đang bò lướt trên cỏ và giữa các bụi hoa. Tôi đuổi theo, định cho nó một phát đạn. Tôi đang chạy thật nhanh, bỗng vấp phải một đồng trống còn đang bốc khói.

Tim tôi đập nhanh như muốn vọt ra khỏi lồng ngực. Không dám nhìn thêm nữa, tôi liền khóa cò súng, rón rén quay trở lại, rồi chạy thật nhanh. Thỉnh thoảng tôi lại dừng một vài giây, nghe ngóng, nhưng vì nghẹt thở, tôi không nghe được gì hết. Tôi lại chạy thêm một quãng nữa, rồi lại lắng nghe, và cứ tiếp tục như thế mãi. Trông thấy một gốc cây đã gãy, tôi cũng ngỡ là có người nào đó đang rình. Giẫm phải một cái que kêu đánh rắc một tiếng, tôi cũng tưởng chừng như một kẻ nào đó đã cắt hơi thở của tôi làm đôi, mà tôi chỉ được một nửa, và cái phần nửa ấy lại rất ngắn.

Về đến nơi cắm trại, tôi không hấp tấp, vội vã vì không còn bao nhiêu can đảm trong người nữa. Nhưng không có thì giờ nào mà ngồi đấy nghỉ ngơi. Tôi liền đem tất cả đồ đạc xuống xuống để không ai có thể trông thấy, dập tắt ngọn lửa, rắc tro tàn khắp nơi làm ra vẻ như đồng trống ấy đã có từ lâu lắm rồi, sau đó tôi trèo lên một ngọn cây.

Tôi ngồi trên cây chừng ba giờ đồng hồ, nhưng chẳng thấy gì

cả. Tôi có cảm tưởng như đã nghe và thấy hàng nghìn thứ, nhưng đó chỉ là tưởng tượng thôi. Thế rồi, không thể ngồi mãi ở đấy, tôi trèo xuống, nhưng vẫn phải ẩn nấp trong rừng rậm để canh chừng, ăn những trái dâu rừng và phần thức ăn buổi sáng còn sót lại.

Đến lúc trời tối, tôi cảm thấy đói bụng lắm. Vì thế, khi trời đã tối mịt, trước khi trăng lên, tôi lén chèo xuồng sang phía bờ Illinois, cách đó chừng một phần tư dặm, rồi lên bờ, đi vào rừng, đốt lửa nấu bữa cơm tối. Tôi dự định sẽ ngủ lại ở đấy suốt đêm, bỗng tôi nghe tiếng lóc cóc như tiếng chân ngựa tiến lại gần. Tôi lại đem tất cả mọi thứ về xuồng thật nhanh, rồi bò xuyên qua rừng để tìm hiểu xem cái gì. Chưa tiến lên xa bao nhiêu, tôi đã nghe có tiếng một người nói:

- Chúng mình nghỉ lại ở đây đi. Ngựa đã có vẻ mệt rồi đấy. Ta đi tìm xung quanh xem có chỗ nào cắm trại được không?

Không còn chờ đợi gì nữa, tôi cố chèo hết sức khê trở về chỗ cũ, nhưng lần này tôi ngủ hằn trên xuồng.

Tôi không ngủ được bao nhiêu, mà chỉ nằm trần trọc suy nghĩ. Cứ mỗi lúc tỉnh dậy, tôi lại có cảm giác như kẻ nào đó đang túm lấy cổ. Vì vậy, giấc ngủ không giúp cho tôi thấy khỏe khoắn hơn được chút nào. Cuối cùng, tôi tự nghĩ không thể sống mãi mãi trong tâm trạng này được nữa. Tôi phải tìm cho ra kẻ nào đang cùng ở với tôi trên hòn đảo này. Phải tìm ra nếu không thì hỏng hết mọi sự. Nghĩ như vậy, tôi cảm thấy yên tâm hơn.

Tôi liền chèo xuồng ra khỏi bờ một quãng ngắn rồi thả nó trôi xuống theo những nơi có nhiều bóng tối. Trăng lúc bấy giờ thật sáng, rõ như ban ngày. Tôi cứ tiếp tục đi như vậy trong khoảng

một giờ giữa cảnh vật yên lặng như tờ. Khi tôi đi đến cuối hòn đảo thì một cơn gió nhẹ và mát bắt đầu thổi, như báo hiệu đêm đã gần hết. Tôi dùng chèo xoay chiếc xuồng hướng vào bờ, rồi vác súng, trườn ra khỏi xuồng, đi vào bìa rừng. Tôi ngồi trên một khúc gỗ nhìn qua vòm lá. Trăng đã lặn, bóng tối bắt đầu che phủ cả con sông. Nhưng chỉ một lát sau, một vệt sáng mờ mờ hiện ra trên đầu ngọn cây. Trời đang rạng sáng. Tôi cầm khẩu súng, đi về phía có đồng lửa tôi đã gặp hôm trước, chốc chốc dừng lại lắng nghe. Nhưng thật không may. Tìm mãi tôi vẫn chưa nhận ra được nơi ấy. Bỗng tôi bắt gặp một ánh lửa hiện ra ở xa xa xuyên qua lùm cây. Tôi tiến thẳng về phía ấy, rất chậm chạp và thận trọng. Đến gần tôi mới nhận ra một người đang nằm trên đất. Tôi cảm thấy bứt rứt khó chịu. Đầu người ấy kề bên ngọn lửa, trùm dưới một tấm mền. Tôi ngồi xuống sau một bụi cây cách đó chừng hai thước, mắt dán chặt vào người đang nằm ở đấy. Bây giờ trời đã sáng. Đột nhiên, người ấy tung chăn, ngáp một cái rồi đuổi người ra. Trời ơi! Đó là thằng Jim, đầy tớ của cô Watson. Tôi mừng rỡ gọi: “Jim!” rồi nhảy ra ngoài.

Hắn chồm dậy, trở mắt nhìn tôi. Sau đó, hắn liền quỳ xuống đất, chắp hai tay van lạy:

- Xin cậu chớ làm hại tôi. Tôi chưa hề làm điều gì xúc phạm đến quý thần cả. Lúc nào tôi cũng kính trọng người chết, và tìm cách giúp đỡ họ. Thôi, cậu trở về dưới sông đi, đừng có trêu Jim này mà tội nghiệp. Jim này lúc nào cũng là bạn của cậu mà.

Tôi liền cho Jim biết rõ ngay rằng tôi chưa chết. Gặp hắn tôi mừng quá. Thế là từ nay, tôi không còn cô đơn nữa. Tôi bảo rằng tôi không lo sợ hắn sẽ nói cho người ta biết nơi ở của tôi. Trong khi tôi nói, hắn chỉ ngồi nhìn tôi mà không thốt ra lời nào. Sau

cùng tôi nói:

- Trời sáng rồi. Ta ăn cái gì đi. Mày đốt lửa cho to vào.

- Đốt lửa để nấu những trái dâu và các thứ lắm nhảm ấy à? Cậu có khẩu súng kia kia. Sao không bắn ít con chim về nấu ăn có phải hơn là ăn dâu không?

- Mày vẫn sống bằng những trái dâu và các thứ lắm nhảm ấy hả?

- Chứ còn gì nữa.

Sau đó, hắn liền quỳ xuống đất, chắp hai tay van lạy.

- Thế mày sống trên hòn đảo này bao lâu rồi?

- Từ sau cái đêm cậu bị giết ấy.

- Suốt cả thời gian ấy à?

- Phải! Cố nhiên rồi.

- Thế mà mày chả ăn gì cả ngoài các thứ lắm nhảm ấy hả?

- Không. Chỉ ăn có thể thôi.

- Vậy thì bây giờ chắc mày đói lắm phải không?

- Giá bây giờ có cho tôi ăn cả con ngựa tôi cũng chén hết. Cậu ở trên đảo này bao lâu rồi?

- Từ cái đêm tao bị giết ấy.

- Sao? Thế thì cậu ăn cái gì? À, mà cậu có khẩu súng kia. Như vậy thì được. Bây giờ cậu cứ giết con vật nào đó đi, để tôi đốt lửa lên.

Chúng tôi đi về chỗ xuồng đậu, rồi trong khi Jim nhen lửa ở một chỗ trống giữa lùm cây, tôi đi xuống xuống lấy bột, thịt, cà phê, bình cà phê, xoong, chảo, đường, chén thiếc. Jim vô cùng ngạc nhiên, tưởng rằng tôi làm trò quỷ thuật. Tôi cũng bắt thêm

một con cá mè to, Jim lấy dao của hắn làm cá rồi rán lên.

Ăn xong, chúng tôi ngồi trên cỏ, ăn bữa cơm nóng hôi hổi. Thằng Jim ăn ngẫu nhiên vì hắn đã đói lả. Sau khi đã ních thức ăn đầy bụng, chúng tôi nằm dài ra, nghỉ xả hơi. Một lát sau, Jim hỏi:

- Này, Huck. Thế cái đứa bị giết trong căn chòi ấy là ai vậy?

Tôi liền kể cho Jim nghe đầu đuôi câu chuyện. Hắn khen tôi là thông minh tuyệt vời, bảo rằng thằng Tom Sawyer cũng chưa chắc đã hơn được. Đến lượt tôi hỏi lại hắn:

- Thế còn mày, tại sao lại đến đây, Jim? Mày đến bằng cách nào vậy?

Jim có vẻ bối rối, ngồi im lặng một lúc, rồi nói:

- Có lẽ tôi không nên nói ra thì hơn.

- Tại sao, Jim?

- Có nhiều lí do. Nhưng cậu không được tiết lộ bí mật với ai thì tôi mới nói.

- Tao thề không bao giờ làm thế, Jim ạ.

- Tôi tin cậu... *Tôi bỏ trốn.*

- Trời!

- Cậu đã thề sẽ không nói với ai mà. Cậu nhớ đấy chứ, Huck.

- Phải, tao có nói như thế, và tao sẽ giữ lời thề. Nhất định thế. Người ta có thể tố cáo tao là một tên chủ trương bãi bỏ nô lệ, tức là một kẻ hạ lưu, hèn kém. Theo con mắt của họ. Họ sẽ khinh bỉ tao vì đã im tiếng chuyện này. Nhưng mà tao cóc cần. Tao sẽ không nói với ai cả. Hơn nữa, tao sẽ không bao giờ trở về lại nơi ấy kia mà. Vậy thì mày cứ kể hết cho tao nghe đi.

- Như thế này này. Cái cô gái già, tức là cô Watson ấy mà, cứ mắng mỏ, trách cứ tôi suốt ngày, đối xử với tôi quá tệ bạc, lại còn dọa sẽ bán tôi cho bọn ở vùng New Orleans. Tôi nhận thấy gần đây có một kẻ chuyên buôn bán nô lệ cứ lảng vảng ở đấy mãi. Tôi bắt đầu thấy lo lắng. Thế rồi một đêm nọ, tôi bò đến cánh cửa hé mở, nghe cô gái già nói với bà quả phụ rằng cô ta dự tính đem bán tôi cho New Orleans. Cô ta không muốn làm như thế, nhưng nếu bán tôi cô ta sẽ có được tám trăm đô la, một số tiền rất lớn và rất hấp dẫn. Bà quả phụ hết lời khuyên cô ta không nên làm như thế, nhưng tôi không chờ đợi nghe hết câu chuyện, tôi liền lén ra ngoài ngay lập tức.

- Tôi chạy xuống đồi, định bụng ăn cắp một chiếc xuồng của ai đó đang đậu dọc theo bờ sông ở trên phố. Nhưng lúc bấy giờ đang còn đông người, nên tôi nấp ở một xưởng đóng thùng đã đổ nát, chờ đợi cho mọi người tản mát đi hết. Tôi ở đấy suốt đêm, nhưng lúc nào cũng có người qua lại. Đến vào khoảng sáu giờ sáng, bắt đầu có nhiều chiếc xuồng đi qua, cho đến lúc tám hay chín giờ, trên chiếc xuồng nào đi ngang qua, người ta cũng bàn tán về chuyện cha cậu xuồng phố báo cho mọi người biết cậu đã bị giết. Những chiếc xuồng này chở đầy các cô, các cậu rủ nhau đến xem tại chỗ... Có khi họ ghé vào bờ nghỉ ngơi trước khi họ tiếp tục vượt sông, nên tôi nghe được hết tất cả chuyện cậu bị giết. Nghe tin ấy, tôi buồn lắm, Huck ạ, nhưng bây giờ thì hết rồi.

- Tôi nằm dưới đồng cỏ bào suốt cả ngày, tuy rất đói, nhưng chẳng lo sợ gì cả. Tôi biết rằng mẹ gái già và bà quả phụ sẽ đi họp suốt cả ngày và nghĩ rằng tôi phải đi chăn bò từ sáng sớm cho đến tối mịt mới về nhà. Còn những tên đầy tớ khác thì lén đi chơi ngay khi chủ vắng nhà, nên không ai để ý gì đến tôi cả. Đến lúc

trời tối, tôi ra ngoài, đi dọc theo bờ sông chừng hai dặm đến một nơi không có nhà cửa gì cả. Tôi bèn nghĩ cách nào trốn đi thuận lợi nhất. Nếu cứ tiếp tục đi bộ thì thế nào lũ chó cũng đánh hơi ra được. Còn nếu ăn cắp một chiếc xuồng trốn đi thì khi biết mất xuồng người ta sẽ đổ đi tìm và đoán biết được mình sẽ lên bờ chỗ nào, rồi tìm ra vết chân của mình. Chỉ còn một cách tốt nhất là đi bè, như thế chẳng để lại dấu vết gì hết.

- Thế rồi một lúc sau, tôi thấy có ánh đèn đang đi tới, vòng theo một mũi đất trên sông. Tôi bèn nhảy xuống nước, đẩy một khúc gỗ ở phía trước, cúi đầu xuống thật thấp, bơi ngược dòng sông cho đến khi chiếc bè tiến lại gần. Lúc bấy giờ trời đầy mây đen và rất tối. Tôi bơi đến phía sau chiếc bè, túm lấy, rồi trèo lên những tấm ván đuôi bè. Những người đi bè đang xúm quanh ngọn đèn ở giữa bè nên không ai để ý. Nước sông đang lên, chảy xiết. Tôi dự trù rằng trước khi trời sáng tôi sẽ đi được hai mươi dặm dặm, lúc bấy giờ tôi sẽ bơi vào bờ, rồi chạy vào rừng ở phía Illinois.

- Nhưng thật không may cho tôi. Khi mới đến đầu hòn đảo thì một người cầm chiếc đèn lồng đi lại phía sau. Không còn có thể chờ đợi lâu hơn nữa, tôi đành phải lén rời chiếc bè, bơi vào hòn đảo. Tôi cứ nghĩ rằng mình có thể lên bờ ở bất cứ chỗ nào, nhưng thật ra không phải thế. Bờ toàn là vách đá rất dốc. Bơi đến gần hết hòn đảo tôi mới tìm ra được một chỗ tốt. Tôi đi vào trong rừng, và tự nhủ rằng từ nay sẽ không chơi đại với những cái bè như thế nữa, chừng nào mà họ cứ vác cái đèn đi lên đi xuống như thế. Tôi có một ống điếu, một bánh thuốc và ít cây diêm để trong mũ nên không bị ướt, thế là tốt rồi.

- Thế rồi từ lúc ấy đến bây giờ mày chẳng có thịt, bánh gì ăn cả

à? Tại sao mày không bắt rùa đất ăn?

- Làm sao mà bắt chúng được? Mình đâu có giẫm lên chúng mà chụp lấy được? Trong đêm tối mò mò như thế thì làm thế nào mà chọi đá cho trúng được? Hơn nữa, tôi đâu có dám đi trên bờ sông về ban ngày để cho người ta thấy.

- Ủ nhỉ, mày phải ở trong rừng suốt ngày, suốt buổi là lẽ tất nhiên rồi. Mày có nghe họ bắn đại bác không?

- Ồ, có chứ. Tôi biết họ đang lùng cậu. Họ đi ngang qua đây này. Tôi nhìn thấy họ qua các bụi cây.

Một vài con chim con bay đến, cứ bay được một, hai thước, chúng lại đỗ xuống một lần. Jim bảo đó là dấu hiệu trời sắp mưa to. Hắn nói gà con thường bay kiểu như vậy nên hắn đoán con chim con cũng thế. Tôi định bắt một vài con chim, nhưng Jim ngăn tôi lại. Hắn bảo làm thế thì sẽ chết. Hắn kể, có lần cha hắn ốm nặng, thế rồi có người nào đó bắt một con chim con. Bà nội hắn bảo như thế thì cha hắn thế nào cũng chết, mà quả thật như thế.

Jim bảo không nên bao giờ đếm những thứ gì mình sắp sửa nấu ăn, như vậy sẽ gặp rủi ro. Hay là rũ khăn bàn sau lúc mặt trời lặn thì cũng vậy. Rồi hắn lại bảo rằng, nếu người nuôi ong chết thì phải báo tin ấy cho bày ong trước khi mặt trời mọc sáng hôm sau, nếu không thì tất cả bày ong sẽ yếu dần đi, bỏ cả công việc rồi chết cả. Jim bảo ong không thích chích những kẻ ngu dốt. Tôi không tin điều này, vì chính tôi đã thử nhiều lần mà chẳng thấy con nào không đốt tôi cả.

Tôi đã nghe một số những điều mà Jim vừa kể từ lâu rồi, tuy không phải tất cả. Jim biết hết tất cả mọi thứ. Tôi nói với Jim rằng

hầu như tất cả những điểm hấn biết đều là những điềm xấu cả, vậy thì còn có những điềm nào là điềm tốt hay không. Jim nói:

- Rất ít, vì chẳng có lợi bao nhiêu. Cậu cần gì phải biết trước khi nào điều may mắn sẽ đến với cậu. Biết trước để mà tránh à? - Rồi hấn lại nói tiếp - Nếu cậu có lông mọc ở cánh tay và ở ngực đó là điềm sắp giàu có. Những cái điềm như thế cũng có ích lợi bởi vì nó còn lâu mới xảy đến. Chẳng hạn như, nếu bây giờ cậu nghèo khổ, cậu sẽ không thất vọng đến nỗi phải tự tử, vì biết rằng một ngày kia thế nào mình cũng trở nên giàu có.

- Mà cũng có lông tay và lông ngực, hử Jim?

- Cần gì mà cậu phải hỏi câu ấy. Không nhìn thấy sao?

- Thế ra mà giàu hả?

- Không. Trước kia tôi giàu rồi, và sau này cũng sẽ giàu trở lại. Đã có lần tôi có những mười bốn đô la kia, nhưng rồi tôi đi buôn cho nên mới vỡ nợ.

- Mà buôn gì, hử Jim?

- Thoạt tiên tôi buôn gia súc.

- Gia súc gì?

- Tôi bỏ mười đô la mua một con bò cái. Nhưng từ nay tôi không dại bỏ tiền ra buôn gia súc nữa. Con bò cái ấy chết ngay trên tay tôi.

- Thế là mà mất toi cả mười đô la hả?

- Không, không mất tất cả. Chỉ mất khoảng chín đô la thôi, tôi bán da nó đi, được một đô la và mười xu.

- Như thế mà còn tất cả là năm đô la và mười xu. Mà có còn buôn gì nữa không?

- Có chứ. Cậu có biết thằng da đen thọt một chân làm đầy tớ cho ông Bradish không? Hắn mở một ngân hàng, rồi bảo với mọi người rằng cứ bỏ bốn đô la vào ngân hàng của hắn thì cuối năm được thêm bốn đô la. Bọn da đen đều bỏ tiền vào, nhưng chẳng đứa nào có nhiều tiền như thế. Chỉ có tôi là bỏ được một đô la thôi. Tôi đòi hắn phải trả cho tôi hơn bốn đô la vào cuối năm, và bảo rằng nếu hắn không đưa, tôi sẽ mở riêng một ngân hàng của tôi. Cố nhiên thằng ấy không muốn tôi mở ngân hàng cạnh tranh với hắn. Hắn bảo rằng một ngân hàng kinh doanh là quá đủ rồi, rồi khuyên tôi cứ bỏ cả năm đô la ấy vào ngân hàng của hắn, rồi cuối năm sẽ được đến ba mươi lăm đô la.

- Tôi nghe lời hắn. Thế là tôi yên chí đã đầu tư được ba mươi lăm đô la rồi, nên bàn tính chuyện kinh doanh với số tiền ấy. Tôi quen một thằng da đen khác tên là Bob. Hắn vừa mới bắt được một chiếc xuồng đáy bằng mà chủ hắn không hề biết. Tôi mua lại chiếc xuồng ấy và bảo hắn cứ lấy ba mươi đô la của tôi trong ngân hàng vào cuối năm. Nhưng rồi ngay tối hôm ấy, chiếc xuồng bị mất trộm, rồi ngày hôm sau thằng da đen thọt một chân bảo ngân hàng sập tiệm rồi. Thế là không đứa nào trong bọn tôi lấy lại được một xu nhỏ nào.

- Mà y định làm gì với mười xu còn lại?

- Tôi định tiêu nó đi, nhưng rồi tôi nằm mộng, nghe ai đó bảo tôi đưa cho một thằng da đen tên là Balum cả mười xu ấy. Người ta vẫn gọi tắt tên hắn là thằng Ngốc đấy. Thằng Balum ấy là một thằng ngu ngốc, cậu biết không? Nhưng hắn xưa nay vẫn là người may mắn, còn tôi thì ít may hơn. Giấc mộng bảo tôi để cho thằng Balum đầu tư hộ mười xu ấy, rồi tôi sẽ có một số tiền lớn. Thằng Balum cầm lấy số tiền ấy. Khi đến nhà thờ, hắn nghe ông mục sư

giảng đạo, bảo rằng ai mà cho kẻ nghèo mười xu thì Chúa sẽ cho lại gấp trăm lần số tiền ấy. Thế là hắn cho luôn cả mười xu của tôi, rồi về nằm khoèo chờ được Chúa bù lại.

- Thế rồi kết quả ra sao, hử Jim?

- Chẳng có cóc gì hết. Tôi chẳng có cách nào đòi lại mười xu ấy. Còn thằng Balum cũng thế. Từ nay tôi chẳng cho ai mượn tiền mà không có gì bảo đảm. Thế mà ông mục sư bảo mình sẽ được lại một số tiền lớn hơn một trăm lần nữa chứ! Bây giờ giá có lấy lại được mười xu thôi, tôi cũng cho là sòng phẳng và cảm thấy sung sướng lắm rồi.

- Dẫu sao, cũng chẳng hề gì. Một lúc nào đó mày sẽ giàu có trở lại kia mà!

- Đúng thế. Cậu xem, bây giờ tôi có giàu không. Tôi làm chủ được cả bản thân của tôi. Nó đáng giá tám trăm đô la kia. Giá mà tôi có tiền thì tôi không còn mơ ước gì hơn nữa.

CHƯƠNG 9

CĂN NHÀ TRÔI SÔNG

ôi muốn đi tới xem một nơi ở giữa hòn đảo mà tôi đã trông thấy trong cuộc thám hiểm hôm trước. Cả hai đứa tôi lên đường, chẳng mấy chốc thì đến nơi ngay, vì hòn đảo chỉ dài khoảng ba dặm và rộng một phần tư dặm.

Đó là một ngọn đồi khá dài và dốc, cao chừng mười ba thước. Sườn đồi dốc và nhiều bụi rậm nên chúng tôi phải khá vất vả mới lên được đến đỉnh. Chúng tôi trèo khắp nơi xung quanh đó mới tìm ra được một cái hang rộng sâu trong đá, gần trên đỉnh, hướng về phía bờ Illinois. Cái hang ấy to bằng hai, ba căn buồng ghép lại với nhau, và cao đến nỗi thằng Jim có thể đứng thẳng người trong đó được. Bên trong hang rất mát. Jim định để hành lí của tôi trong hang, nhưng tôi bảo hắn rằng tôi không muốn trèo lên trèo xuống nhiều lần.

Jim đề nghị tôi đậu chiếc xuồng ở một nơi gần đấy, rồi đưa tất cả đồ đạc lên cất trong hang, để khi nào có ai đến thì chúng tôi có thể chạy ngay đến xuồng chèo đi. Trừ phi họ mang chó đi theo, ngoài ra họ không có cách nào tìm ra chúng tôi được. Hơn thế nữa, mấy con chim nhỏ vừa mới báo hiệu sẽ có cơn mưa, cho nên cần phải đem đồ đạc vào hang để khỏi ướt.

Thế là chúng tôi trở lại chỗ xuống đậu, chèo đến một chỗ ngang với cửa hang, rồi chở tất cả đồ đạc lên để trong đó. Sau đó, chúng tôi tìm một chỗ giấu kín chiếc xuồng trong bụi liễu rậm rạp. Chúng tôi gỡ một vài con cá ra khỏi lưới câu rồi thả cần câu xuống, sửa soạn nấu bữa cơm chiều.

Cửa hang khá rộng, đủ để lặn một cái thùng lớn vào trong ấy. Gần đó, có khoảng đất nhỏ bằng phẳng hơi nhô ra phía ngoài, có thể dùng làm nơi đốt lửa rất tốt. Chúng tôi liền nhen bếp để nấu bữa cơm chiều.

Bên trong hang, chúng tôi trải mền ra làm tấm thảm để ăn cơm trên ấy. Mọi thứ khác thì để vào một nơi thuận tiện ở cuối hang. Một lát sau, trời bắt đầu tối sầm lại, rồi sấm chớp nổi lên ầm ầm. Như vậy những con chim đã báo hiệu đúng. Cơn mưa bắt đầu đổ xuống như xối nước, gió thổi mạnh chưa từng thấy. Đó là một trong các cơn dông mùa hạ. Trời tối đến nổi ở bên ngoài toàn là một màu xanh đậm, trông rất đẹp mắt. Từng làn mưa tạt qua dày đặc trùm lên cây cối xa xa, trông lơ mờ như phủ dưới một lớp mạng nhện to lớn. Chốc chốc, một cơn gió thổi đến, làm cây cối cúi rạp xuống, và lật ngửa mặt dưới trắng đục của các ngọn lá lên, rồi một đợt khác lại tiếp đến bật tung các cành cây trông giống như những cánh tay giơ lên cuồn cuộn. Khi toàn bầu trời nhuộm một màu xanh đậm nhất thì, xoẹt một cái, một tia chớp lóe lên, khiến cho ta có thể nhìn thấy, chỉ trong chớp mắt, những ngọn cây ở cách đó hàng trăm thước, chưa hề thấy trước đó. Sau đó, tất cả đều tối sầm lại, rồi một tiếng sấm khủng khiếp nổ vang, tiếp theo là tiếng rầm rầm, gầm thét từ không trung dội đến, nghe như tiếng thùng rỗng từ trên đỉnh cầu thang dài vừa lặn xuống vừa tung lên tung xuống nhiều lần.

- Thật là tuyệt, Jim nhỉ! - Tôi nói - Tao chỉ thích ở mãi nơi này thôi. Mày đưa tao một miếng cá và mẩu bánh mì nóng đi!

- Phải, nếu không có thằng Jim này thì cậu đâu có ở đây. Cậu nằm trong rừng kia, chẳng có gì bỏ vô miệng, lại còn ướt như chuột lột nữa. Chắc chắn thế, anh bạn ạ. Nhớ đấy nhé, chim nó cũng biết khi nào sắp mưa, giống như gà con ấy.

Nước vẫn tiếp tục dâng lên mãi trong suốt mười hay mười hai ngày, cho đến khi lên ngập cả bờ. Trên đảo, ở những nơi thấp, nước dâng cao đến một thước. Ở phía Illinois thì con sông rộng ra nhiều dặm, nhưng ở phía bờ Missouri thì chiều rộng của con sông vẫn gần như cũ - nửa dặm thôi - vì bờ Missouri toàn là những vách đá cao.

Ban ngày, chúng tôi chèo xuồng đi khắp hòn đảo. Trong rừng sâu, khi hậu lúc nào cũng mát mẻ, dù cho mặt trời có cháy bỏng ở bên ngoài. Chúng tôi đi len lỏi giữa các lùm cây, đôi khi gặp phải những bụi cây leo dày đặc, chúng tôi phải lùi xuồng lại đi theo con đường khác. Trên các thân cây già đổ xuống, có rất nhiều thỏ, rắn và các con vật khác. Khi đảo ngập nước được hai ba ngày, những con vật ấy, ngoại trừ rắn và rùa, đói quá nên trở thành thuần thục. Chúng tôi có thể chèo thẳng đến, đặt tay lên người chúng, nếu muốn. Trên nóc hang chúng tôi, không thiếu gì các con vật ấy. Nếu muốn, chúng tôi cũng có thể đem chúng về nuôi được.

Một đêm, chúng tôi bắt được một phần của một chiếc bè gỗ, gồm năm tấm rất tốt, rộng khoảng bốn thước và dài chừng năm, sáu thước, nổi lên mặt nước chừng mười lăm, mười sáu phân, làm thành một cái sàn bằng phẳng, vững chắc.

Một đêm khác, trước khi trời sáng, chúng tôi đứng ở đầu hòn đảo nhìn ra bờ phía tây thì thấy một căn nhà gỗ trôi dạt đến. Đó là một ngôi nhà hai tầng bằng gỗ, nghiêng hẳn sang một bên, đang trôi theo dòng nước. Chúng tôi chèo ra, trèo lên qua chiếc cửa sổ tầng trên. Nhưng vì tối quá, không thấy gì, chúng tôi buộc xuống vào đó, ngồi chờ cho đến lúc trời sáng.

Bình minh vừa ló dạng thì căn nhà đã trôi đến cuối hòn đảo. Nhìn qua cửa sổ, chúng tôi thấy một chiếc giường, một cái bàn, hai cái ghế và nhiều thứ khác ngổn ngang trên sàn, quần áo treo trên vách. Có một vật gì đó ở tận góc phòng, hình dáng như một người đàn ông đang nằm. Jim nói:

- Này, ông!

Vật ấy vẫn không động đậy. Tôi lại gọi một lần nữa. Jim nói:

- Không phải đang ngủ đâu. Người này chết rồi. Cậu đứng yên ở đấy để tôi xem.

Hắn bước vào, cúi xuống nhìn một lúc rồi nói:

- Người chết! Lại trần truồng nữa. Bị bắn ở sau lưng. Chắc người này chết đã hai ba ngày rồi. Vào đây, Huck, nhưng cậu chớ nhìn tận mặt, trông ghê lắm.

Tôi không dám nhìn. Jim vớt một ít quần áo rách phủ lên xác chết. Thật ra, hắn chẳng cần làm như thế, vì tôi chẳng muốn nhìn xác chết ấy một chút nào. Trên sàn nhà ngổn ngang những lá bài tây dính đầy mỡ, những vỏ chai rượu Whisky cũ kỹ, vài cái mặt nạ bằng vải. Trên vách có những hình vẽ và chữ viết lảm nhảm bằng than. Ngoài ra còn có một số áo dài, mũ, quần áo đàn bà, đàn ông treo trên vách. Chúng tôi đem các thứ ấy xuống xuống để dùng về sau này. Tôi cũng lấy luôn chiếc mũ rơm cũ của con trai tìm thấy

trên sàn nhà. Ở đó, tôi còn thấy một cái chai còn đựng chút sữa, với một cái nút đậy làm bằng giẻ cho trẻ con bú. Tôi định lấy, nhưng thấy nó đã vỡ nên vứt lại đấy. Trên sàn còn có một cái tủ quần áo, một cái rương khác đựng tóc giả đã gãy cả bản lề, bị mở toang ra, nhưng không có gì đáng kể trong đó cả. Có lẽ những người chủ ngôi nhà này đã phải chạy đi vội vã, không kịp đem theo thứ gì cả, nên mọi thứ còn ngổn ngang khắp nơi.

Chúng tôi lấy một cây đèn lồng bằng thiếc, một con dao không có cán, một con dao mới tinh đáng giá hai mươi lăm xu ở cửa hàng, một số nến làm bằng mỡ bò, một cây đèn, một cái bầu đựng nước, một chén thiếc, một tấm chăn cũ, một túi đựng kim chỉ, khuy áo, sáp ong và các thứ lặt vặt, một chiếc rìu và đinh, một cái cần câu to bằng ngón tay út của tôi với ít lưỡi câu to còn mắc vào đó, một cuộn da dê, một sợi dây da buộc cổ chó, một móng ngựa bằng sắt, và nhiều lọ con đựng thuốc không có nhãn, sắp sửa ra về thì Jim lại bắt gặp một cái lược sắt chải lông ngựa, một cái ác-sê đàn vĩ cầm và một chiếc chân gỗ. Các sợi dây buộc đã đứt tung, nhưng chân vẫn còn tốt. So với chân tôi thì nó quá dài, nhưng so với Jim thì lại quá ngắn. Ngoài ra, chúng tôi không tìm thấy chân gỗ khác.

Kể chung tất cả mọi thứ thì chúng tôi đã thu về được một mẻ lớn. Đi về phía dưới đảo chừng một phần tư dặm thì trời đã sáng tỏ, tôi bảo Jim nằm xuống, trèo chiếc chèo lên người, bởi vì từ xa người ta có thể nhận thấy rõ hẳn là một tên da đen. Sau đó, tôi chèo về phía bờ Illinois, rồi thả trôi chừng nửa dặm. Tôi men theo bờ sông chèo lên, trở về hòn đảo an toàn, không xảy ra chuyện gì và cũng chẳng nhìn thấy ai.

CHƯƠNG 10

RỦI RO VÌ SỜ PHẢI DA RẮN

 Sau bữa ăn sáng, tôi muốn bàn về chuyện người nằm chết trong căn nhà gỗ, rồi phỏng đoán về cái chết của ông ta. Nhưng Jim không muốn nhắc đến chuyện ấy nữa. Hắn nói rằng bàn chuyện ấy thì xúi quẩy, hồn ma của người chết có thể về quấy rầy. Hắn bảo những người chết mà không chôn thì thường đi lang thang đây đó, không giống như những người đã được chôn cất đàng hoàng. Nghe như vậy có vẻ hợp lí nên tôi không hỏi gì thêm nữa, nhưng trong lòng vẫn cứ thắc mắc không hiểu ông ta đã làm gì mà bị bắn như thế, và ai đã bắn ông ta.

Chúng tôi lục các quần áo cũ và tìm được tám đô la trong lớp đệm của một áo khoác cũ. Jim đoán rằng những kẻ trong nhà ấy đã ăn cắp chiếc áo, bởi vì nếu biết có tiền chúng không để lại đấy. Tôi cho rằng chính họ đã giết người đàn ông ấy, nhưng Jim không muốn bàn về chuyện này nữa. Tôi nói:

- Mà bảo thế là xúi quẩy hả? Thế hôm trước tao tìm thấy cái da rắn ở trên nóc hang thì mà bảo sao? Mà nói rằng sờ vào da rắn là xúi quẩy nhất trên đời này. Xúi quẩy à? Tao lục lợi các thứ làm nhảm kia, tìm ra được đến tám đô la đấy. Tao cứ mong ngày nào cũng gặp xúi quẩy theo cái kiểu như thế.

- Chưa đâu. Đừng có mừng vội. Rồi nó sẽ đến mà! Cứ nhớ lời tôi nói đấy.

Quả nó đến thực. Chúng tôi nói về chuyện ấy vào ngày thứ ba, thì đến ngày thứ sáu, tôi đang nằm trên cỏ ở đỉnh đồi để hút thuốc, nhưng thiếu thuốc hút, tôi liền đi về hang để lấy thêm, thì gặp một con rắn đuôi chuông ở đấy. Tôi liền giết con rắn, rồi đặt xác nó dưới chân mền của thằng Jim, định bụng trêu nó cho vui. Tối hôm ấy, tôi quên hẳn con rắn, quẹt diêm để châm đèn. Jim vừa ngã xuống mền nằm, thì một con rắn khác, đang ở đấy, mổ vào người hắn ngay lúc ấy.

Hắn nhảy dựng lên, la hét om sòm. Ánh sáng vừa chiếu đến, tôi thấy con rắn cuộn mình lại, định chồm lại một lần nữa. Tôi liền lấy gậy đánh chết con rắn, còn Jim thì vớ ngay lấy bình rượu Whisky của cha tôi, tu ừng ực. Hắn đi chân đất, nên con rắn cắn ngay vào gót chân. Tất cả đều do tôi quá ngu dần, không nhớ rằng cứ để xác rắn nơi nào thì một con khác, bạn nó, thế nào cũng cuộn mình bên cạnh đó. Jim bảo tôi chặt đầu con rắn ném đi, rồi lột da đem nướng phần còn lại. Tôi làm xong, hắn liền ăn hết, nói rằng như thế sẽ chữa khỏi. Hắn cũng bảo tôi chặt đuôi rắn để hắn đeo vào cổ tay, như thế cũng là một cách chữa rắn cắn. Tôi lén ra ngoài ném xác hai con rắn để cho Jim không biết được chính tôi đã gây nên tất cả chuyện ấy, nếu tôi có thể giấu hắn được.

Jim cứ tu mãi bình rượu Whisky, thỉnh thoảng lại lảo lộn, la hét điên cuồng. Nhưng cứ khi nào tỉnh lại, hắn lại cầm bình rượu mà nốc. Bàn chân hắn sưng lên khá to, cả cái đùi của hắn cũng thế, nhưng khi rượu bắt đầu ngấm, hắn mới yên được một chút. Thật sự, tôi thà bị rắn cắn còn hơn phải nốc thứ rượu Whisky của

cha tôi.

Jim nằm liệt giường chừng bốn ngày đêm. Khi chân đã hết sưng, hắn bắt đầu đi lại được. Sau khi chứng kiến cái cảnh vừa rồi, tôi thề chẳng bao giờ dám sờ vào da rắn một lần nữa. Hắn bảo từ nay, hắn và tôi phải tin vào những điều hắn nói mới được. Hắn còn nói rằng đã sờ vào da rắn thì rất xui nên chưa hết xúi quẩy đâu. Thà hắn nhìn mặt trăng qua vai trái một nghìn lần còn hơn một lần cầm da rắn trong tay. Bây giờ, tôi cũng phải tin như vậy. Tôi biết rằng nhìn mặt trăng qua vai trái là điều bất cần và ngu dại nhất. Ông già Hank đã có lần làm thế rồi đi khoe với mọi người. Thế rồi hai năm sau, ông ta uống rượu ngã từ trên cao xuống chết dệp lép. Người ta phải luồn ông ta giữa hai cánh cửa để làm hòm rồi cứ như thế mà đem đi chôn. Tôi chỉ nghe nói như vậy, chứ không nhìn thấy. Cha tôi cũng nói thế. Nhìn mặt trăng qua vai trái, tai hại đến như vậy đó.

Ít ngày sau, nước sông rút xuống. Việc đầu tiên của chúng tôi là dùng một con thỏ lột da làm mồi móc vào một cái lưỡi câu thật to, thả xuống sông. Lần ấy, chúng tôi bắt được một con cá mè to, to gần bằng người, dài gần hai thước, cân nặng chừng một trăm kí. Tất nhiên là chúng tôi không dám cầm lấy nó, vì nó có thể hất chúng tôi đến tận Illinois. Chúng tôi phải để nó ở đó, mặc nó vùng vẫy cho đến khi chìm ngấm. Khi mở ra, trong bụng nó có một cái khuy đồng, một cái cục hình tròn như quả bóng và nhiều thứ lặt vặt khác. Chúng tôi lấy rìu đập quả bóng ấy ra thì thấy bên trong có một cái lõi để cuốn chỉ, như thế cái lõi này chắc ở trong bụng cá lâu lắm nên mới đóng thành một lớp vỏ cứng như thế. Chưa hề có một con cá nào lớn như vậy ở trên sông Mississippi. Jim nói chưa hề thấy con cá nào lớn hơn thế. Giá đem bán ở dưới

phố thì hẳn được một số tiền lớn. Ở chợ người ta thường bán từng nửa ki-lô một. Ai cũng thích mua, vì thịt nó trắng như tuyết, rán lên ăn rất ngon.

Sáng hôm sau, tôi cảm thấy trong người lừ đừ, cần phải cựa quậy đôi chút cho đỡ buồn chán. Tôi bàn với Jim rằng tôi muốn lên qua bên kia sông để dò la mọi việc xem sao. Jim tán thành ý kiến của tôi, nhưng hẳn nói rằng tôi chỉ nên đi vào ban đêm và phải hết sức cẩn thận. Sau khi suy nghĩ một lát, hẳn đề nghị tôi mặc quần áo cũ vào người để hóa trang thành một đứa con gái. Đó là một ý kiến thật hay. Tôi liền cắt ngắn các áo cũ, cuộn các ống quần lên đến đầu gối, rồi mặc vào người. Jim lấy móc câu buộc lại ở phía sau, thành ra mặc cũng vừa vặn. Tôi lấy cái mũ chụp bằng vải đội lên đầu, rồi buộc dây lại ở dưới cằm, khiến cho người nào đó nhìn vào, trông thấy mặt tôi, sẽ có cảm tưởng như nhìn xuống một khúc nối ống lò đốt vậy. Jim bảo rằng dù giữa ban ngày cũng không ai nhận ra được tôi đâu. Tôi phải tập dượt suốt ngày nên cũng quen dần, chỉ phải cái tội, theo lời Jim, là tôi không đi đứng giống con gái lắm. Hẳn bảo tôi phải bỏ cái thói quen kéo áo lên để thọc tay vào túi quần. Tôi ghi nhớ điều này, nên làm cũng khá hơn.

Sau khi trời tối, tôi chèo lên dọc theo bờ Illinois, rồi từ phía dưới bến đò tôi đi ngang qua đến thị trấn và thả cho trôi xuống cuối phố. Tôi buộc xuồng lại, trèo lên bờ. Có một ngọn đèn leo lét trong một căn chòi đã bỏ không từ lâu, không biết hiện nay ai đang ở. Tôi rón rén đến nhìn qua khung cửa sổ. Bên trong có một bà chừng bốn mươi tuổi đang ngồi khâu vá dưới một ngọn nến đặt trên bàn. Tôi không biết mặt bà ta. Bà hẳn phải là một người lạ mặt, vì trong vùng này không có ai mà tôi không biết mặt. Thật

là may, vì tôi đang cảm thấy lo lắng, sợ rằng người ta sẽ nhận ra tiếng nói của tôi. Nhưng bà này có lẽ mới đến thị trấn này chừng hai ngày nên có thể nói cho tôi những điều tôi đang cần biết. Tôi gõ cửa, thầm nhủ rằng tôi không bao giờ được quên tôi là một đứa con gái.

CHƯƠNG II

BỊ LÒNG BẮT



Vào trong này, cháu, - bà nói. Tôi bước vào nhà.

- Cháu cứ tự nhiên, đừng sợ gì.

Bà nhìn tôi từ đầu đến chân với đôi mắt nhỏ và sáng, rồi hỏi:

- Tên cháu là gì?

- Cháu tên là Sarah Williams.

- Cháu từ đâu đến hay ở ngay trong vùng này?

- Dạ, cháu từ Hookerville đến, cách đây bảy dặm ở mạn dưới. Cháu đi bộ đến đây nên mệt mỏi quá.

- Lại còn đói nữa, phải không? Để bác lấy thứ gì cho cháu ăn tạm nhé.

- Cháu không đói ạ. Cháu đã ăn ở một nông trại cách đây hai dặm rồi. Bây giờ thì không đói nữa. Cháu đến đây trễ là vì thế. Mẹ cháu bị ốm nặng, không có tiền lại thiếu tất cả mọi thứ, nên cháu phải đi tìm chú Abner ở mãi đầu phố. Cháu chưa đến đây lần nào cả. Bà có biết ông Abner không ạ?

- Không. Bác chưa quen nhiều người lắm ở đây. Chỉ mới ở đây được hai tuần thôi. Từ đây đến đầu phố trên còn xa lắm. Cháu cứ nghỉ lại đây tối nay. Cởi mũ ra, cháu.

- Dạ thôi ạ. Cháu xin ngồi nghỉ một lát rồi đi. Cháu sợ trời tối lắm.

Bà nói không muốn để tôi đi một mình. Trong một giờ rưỡi nữa, chồng bà trở về rồi sẽ cùng đi với tôi. Sau đó bà kể một thời một hồi về chồng bà, về họ hàng ở mạn dưới sông, về cuộc sống sung túc của vợ chồng bà trước kia, về sự lầm lẫn của vợ chồng bà đã chọn đến ở nơi này, vân vân và vân vân, cho đến lúc tôi đâm ra ngại rằng có lẽ tôi đã làm chọn nơi này để dò la tin tức trong thị trấn. Nhưng rồi dần dà, vui câu chuyện, bà kể đến việc cha tôi và vụ án mạng. Đến chỗ này thì tôi sẵn lòng lắng nghe bà nói chuyện dông dài. Bà nói về vụ tôi và Tom Sawyer tìm ra được mười hai nghìn đô la (nhưng bà đã tăng lên đến hai chục nghìn đô la), về cha tôi và tính điên cuồng, hung dữ của ông ta, rồi cuối cùng đề cập đến chuyện tôi bị giết. Tôi nói:

- Ai giết thế ạ? Ở Hookerville, cháu nghe người ta nói đến chuyện này nhiều lắm, nhưng không biết ai giết cả.

- Mọi người ở đây ai cũng muốn biết ai giết thằng Huck. Một số người cho rằng chính cha hấn giết hấn.

- Không... à mà thật thế sao?

- Thoạt tiên thì người ta nghĩ thế. Suýt nữa thì lão bị đem ra hỏi tội đấy. Nhưng rồi đến chiều thì người ta lại đổi ý kiến, cho rằng một thằng da đen bỏ trốn đã giết thằng Huck.

- Nhưng mà hấn...

Tôi ngừng phất lại. Tốt hơn hết là không nói gì cả. Bà cứ tiếp tục nói, không để ý đến câu tôi vừa thốt lên:

- Thằng da đen ấy bỏ trốn ngay đêm thằng Huck bị giết. Cho nên người ta treo giải thưởng ba trăm đô la cho ai bắt được thằng

da đen ấy, hai trăm đô la cho ai bắt được bố thằng Huck nữa. Cháu biết không, sáng hôm sau xảy ra vụ giết người ấy, lão ta đi xuống phố, tin cho mọi người biết, sau đó lão cùng đi với họ trên chiếc thuyền đi mò xác, rồi biến mất ngay sau đó. Người ta định đem lão đi quần hình* thì lão đã biến mất rồi. Thế rồi hôm sau đó, thằng da đen cũng trốn luôn. Người ta điều tra thì biết rằng thằng da đen vắng mặt lúc mười giờ đêm hôm xảy ra án mạng. Thế là người ta buộc tội hắn. Giữa lúc ấy thì lão già bố thằng Huck trở về, khóc lóc âm ỉ, đòi ông thẩm phán Thatcher đưa cho lão tiền để lão đi tìm tên da đen khắp ở vùng Illinois. Ông thẩm phán cho lão một ít tiền, thế là đêm ấy lão uống rượu bí tỉ với một số người lạ mặt có vẻ dữ dằn, sau đó cùng ra đi với họ. Người ta không thấy lão trở về, và cũng không ai đi tìm lão, chờ đến khi nào vụ này sáng tỏ thêm đôi chút nữa. Bây giờ thì người ta lại xoay sang nghĩ rằng lão già này đã giết con, rồi xếp đặt mọi thứ cho có vẻ như là bọn cướp đến giết thằng Huck, như thế lão sẽ lấy được tiền của thằng Huck mà chẳng cần phải kiện tụng gì. Họ bảo rằng còn khuya lão ta mới lấy được số tiền ấy. Nhưng, bác cho rằng lão ấy khôn lắm. Nếu lão cứ đi vắng độ một năm là yên chuyện hết. Lúc bấy giờ người ta chẳng còn bằng chứng nào buộc tội lão. Khi mọi sự đều êm cả rồi, lão chỉ việc đến lấy tiền của thằng Huck dễ dàng như thọc tay vào túi.

- Cháu cũng nghĩ như thế đấy. Chẳng có gì cản trở ông ta làm như vậy cả. Như thế, mọi người đã thôi buộc tội thằng da đen chưa, hử bác?

- Chưa. Còn khối người vẫn tin rằng thằng da đen ấy giết người đấy. Nhưng rồi thế nào, họ cũng bắt được hắn, rồi làm cho hắn phải sợ để khai rõ sự thật.

- Thế họ đã đi lòng bắt chưa?

- Cháu ngây thơ quá. Dễ thường ba trăm đô la cứ nằm ì ở đấy ngày này qua ngày khác để chờ cho người ta đến nhặt à? Nhiều người cho rằng thằng da đen vẫn còn quanh quất đâu đây. Bác cũng nghĩ thế, nhưng chưa nói với ai. Cách đây mấy ngày, bác nói chuyện với vợ chồng ông già bên cạnh nhà, tình cờ họ bảo rằng chưa có ai đặt chân lên hòn đảo Jackson ở bên kia bao giờ. Bác hỏi lại thì họ nói thêm rằng chẳng có ai sống ở đấy cả. Bác chẳng nói gì, cứ lẳng lặng suy nghĩ. Bác chắc chắn đã thấy có khói ở đầu hòn đảo trước đó một hai ngày. Chắc thằng da đen đang trốn ở đó, cần phải sang bên ấy mà lòng thì mới bỏ công tìm. Bác nghĩ thế. Nhưng rồi sau đó, lại không thấy khói nữa. Chắc nó đã trốn đi chỗ khác rồi. Dầu sao thì chồng bác thế nào cũng đi đến đấy xem, cùng với một người nữa. Ông ấy đi xuống mạn dưới mới về hôm nay. Bác mới nói cho ông ấy hay, cách đây hai giờ.

Tôi thấy sốt ruột quá, không thể ngồi yên được, phải làm một cái gì đó cho tay bớt ngứa ngáy. Tôi bèn nhặt cây kim trên bàn để khâu chỉ. Tay tôi run quá nên khâu mãi không được. Bà chủ nhà ngưng nói chuyện. Tôi ngược mắt nhìn lên thấy bà cứ ngoảnh tôi chăm chăm rồi tùm tùm cười một cách khó hiểu. Tôi đặt kim chỉ xuống, làm ra vẻ đang chú ý đến câu chuyện của bà, rồi hỏi:

- Ba trăm đô la là một số tiền quá lớn, bác nhỉ. Giá mẹ cháu mà có số tiền ấy thì sướng biết mấy. Thế bác trai sẽ đi đến đấy ngay tối nay, hở bác?

- Phải. Ông ấy đang xuống phố cùng với một người khác để mượn một chiếc thuyền, và nếu có thể, thêm một khẩu súng nữa. Khuya nay, họ sẽ đi.

- Sao họ không chờ đến sáng có hay hơn không?

- Phải. Thằng da đen mới cho thế là hay, chứ họ đâu có dại. Đến khuya, lợi dụng lúc thằng da đen đang ngủ, họ sẽ lén vào trong rừng, tìm ra chỗ nào có đốt lửa thì đến. Ban đêm mới trông thấy rõ, nếu nó đốt lửa, cháu hiểu không?

- Thật cháu không nghĩ đến điều ấy.

Bà chủ nhà lại tiếp tục nhìn tôi một cách khó hiểu, làm tôi áy náy vô cùng. Bỗng bà hỏi tôi:

- Lúc nãy cháu nói với bác tên cháu là gì nhỉ?

- Dạ, Mary Williams.

Nói xong tôi mới chợt nghĩ lại rằng lúc nãy hình như tôi không nói tên tôi là Mary, cho nên tôi không dám ngẩng đầu lên. Hình như tôi đã nói là Sarah thì phải. Tôi cảm thấy như bị dồn vào chỗ bí, sợ lộ ra sự bối rối làm cho bà ta nghi ngờ, nên cứ mong cho bà nói thêm câu gì đó nữa. Bà càng ngồi yên tôi càng thấy khó chịu. Nhưng rồi bà nói tiếp:

- Hình như lúc mới đến, cháu nói tên là Sarah kia mà.

- Vâng, đúng thế ạ. Cháu tên là Sarah Mary Williams. Sarah là tên riêng của cháu. Cho nên có người gọi cháu là Sarah, có người lại gọi là Mary, tên nào cũng được.

- Thế kia à?

- Vâng ạ.

Tôi cảm thấy nhẹ nhõm hơn một chút, nhưng chỉ muốn ra khỏi nơi này ngay lập tức. Tôi vẫn chưa dám ngẩng mặt lên.

Thế rồi bà chủ nhà nói sang chuyện của vợ chồng bà. Nào là chuyện họ phải sống vất vả như thế nào, họ nghèo khổ như thế

nào, nào chuyện chuột phá phách xem như là nhà của chúng vậy, vân vân. Tôi lại thấy yên tâm trở lại. Về chuyện chuột, quả bà nói đúng. Ngay lúc bấy giờ tôi thấy một chú chuột đang ló đầu ra khỏi một cái hang ở góc nhà. Bà nói lúc nào cũng để sẵn một vật gì đó bên cạnh để ném chúng, khi nào bà ngồi một mình, nếu không chúng phá phách không chịu được. Bà cho tôi xem một khúc chì bẻ cong lại thành một cục, rồi khoe rằng bà thường ném rất trúng, nhưng mới đây bà ném sai cả cánh tay nên không biết bây giờ còn ném trúng được không. Nhưng bà cứ chờ đợi có dịp làm thử xem sao. Nói xong, bà ném thẳng vào con chuột, nhưng chệch một quãng rất xa, rồi bà kêu oái lên một tiếng vì bị đau cánh tay. Bà bảo tôi ném thử con chuột khác. Tôi đang mong muốn chạy đi nơi khác trước khi chồng bà trở về, nhưng cố nhiên tôi không dám để lộ ra điều ấy. Tôi cầm lấy cục chì, ném ngay vào con chuột đầu tiên vừa mới ló ra. Nếu con chuột không chạy đi nơi khác thì hẳn đã bị tôi ném trọng thương rồi. Bà khen tôi là ném giỏi số một, và tin chắc rằng thế nào tôi cũng hạ được con chuột kế tiếp. Bà đi nhặt lại cục chì, rồi đem lại một cuộn len, bảo tôi giúp bà cuộn lại. Tôi đưa hai tay lên đỡ cuộn len, rồi bà lại tiếp tục nói về chuyện vợ chồng bà. Bỗng bà thay đổi câu chuyện:

- Coi chừng mấy con chuột nhé. Cháu để cục chì này sẵn sàng ở trên đùi.

Nói xong bà ném cục chì lên đùi tôi. Tôi vội vàng khép hai chân lại đỡ cục chì, rồi bà lại tiếp tục nói chuyện. Nhưng chỉ một phút sau, bà lấy cuộn len lại, nhìn thẳng vào mặt tôi, có vẻ tươi tỉnh:

- Bây giờ cháu nói thật đi. Tên cháu là gì?

- Sao ạ?

- Tên thật của cháu là gì? Bill, Tom hay Bob hay cái gì gì nào?

Người tôi run lên như cày sấy, không còn biết phải xoay xử ra sao nữa. Nhưng tôi vẫn cố nói:

- Xin bà đừng trêu một đứa bé gái, tội nghiệp. Nếu cháu ở đây phiền bà quá nhiều thì...

- Không, chẳng phiền gì cả. Cháu cứ ngồi yên đấy. Bác không làm gì hại cháu đâu, bác sẽ chẳng bao giờ nói với ai về cháu cả đâu. Cháu phải nói tất cả sự thật cho bác biết, bác sẽ giúp cho. Chồng bác cũng thế. Cháu biết không, cháu là đứa bé chạy trốn chưa lành nghề, thế thôi. Chuyện ấy chẳng có gì nguy hại cả. Cháu bị bạc đãi, thế rồi cháu bỏ nhà ra đi. Chỉ có thế thôi. Tội nghiệp cho cháu. Đời nào bác lại đi nói với người ta về chuyện cháu. Cháu cứ nói thật đi, cháu trai của bác ạ.

Thế rồi tôi nói rằng không còn cách nào đánh lừa được bà nữa, mà cũng chẳng cần giấu bà làm gì, như thế tôi càng đỡ áy náy, khó chịu hơn, nhưng bà phải giữ lời hứa. Tôi nói cha mẹ tôi đều chết cả rồi, nên luật pháp buộc tôi phải ở với một người nông dân keo bẩn, ở cách xa sông đến ba mươi dặm. Ông đã đối xử với tôi tàn nhẫn quá khiến tôi không còn chịu được nữa. Nhân lúc ông vắng nhà hai ba ngày, tôi liền ăn cắp quần áo của con gái ông ta rồi chạy trốn. Tôi đi ba dặm hết ba ngày đêm, ngày nghỉ, đêm đi, với một cái bị đựng thức ăn đầy đủ trong suốt thời gian ấy. Tôi nghĩ rằng chú Abner của tôi sẽ nuôi tôi, cho nên tôi mới mò đến vùng Goshen này.

- Goshen à? Đây không phải là thị trấn Goshen mà là Petersburg. Goshen còn ở xa, mười dặm đường nữa, ngược dòng sông đi lên kia. Ai bảo cháu đây là Goshen?

- Sáng nay cháu gặp một ông bảo cháu thế, khi cháu sắp sửa rẽ vào rừng để ngủ. Ông ấy bảo cháu đi đến chỗ có con đường chẻ ra làm hai thì cứ rẽ sang đường bên phải mà đi thêm năm dặm nữa thì đến Goshen.

- Ông ấy say rượu đấy. Điều ông ấy nói hoàn toàn là sai.

- Ông ấy chẳng tỏ vẻ gì là say rượu cả. Nhưng bây giờ cháu chẳng còn phải lo nữa. Cháu cứ tiếp tục đi, sáng mai thì đến Goshen.

- Khoan đã. Để bác soạn cho cháu chút thức ăn để di đường.

Bà liền soạn thức ăn cho tôi đem theo, rồi nói:

- Khi con bò cái nằm thì nó nhồm dậy ở đầu nào trước? Cháu trả lời ngay đi, đừng có suy nghĩ. Ở đầu nào trước?

- Ở phía đuôi trước.

- Thế còn con ngựa?

- Ở phía đầu trước.

- Râu thường bám trên cây ở về phía nào?

- Phía bắc.

- Nếu mười lăm con bò cái đang gặm cỏ trên đồi thì bao nhiêu con cùng hướng đầu về một phía?

- Tất cả mười lăm con.

- Thế thì bác biết cháu đã sống ở miền quê. Lần này thì không đánh lừa bác nữa chứ. Tên thật của cháu là gì nào?

- George Peters ạ.

- Nhớ đấy nhé George. Đừng có quên để rồi lại nói tên Alexander trước khi đi, sau đó lại nói là George Alexander, để bị bác bắt nạt. Lần sau thì đừng chơi cái trò con gái với cái áo vải cũ

kĩ ấy nữa nhé. Cháu đóng cái vai con gái ấy tồi lắm đấy, chỉ may ra đánh lừa được đàn ông thôi. Khi khâu sợi chỉ thì đừng có giữ chặt sợi chỉ rồi đẩy lỗ kim lại gần nhé. Phải giữ yên cây kim rồi mới xỏ sợi chỉ vào lỗ. Đàn bà thì làm như thế còn đàn ông thì làm ngược lại. Khi nào ném một con chuột hay bất cứ thứ gì thì phải nhón đầu ngón chân lên, rồi giơ bàn tay lên quá đầu, càng vung về càng hay, rồi ném chệch đi chừng ba thước nhé. Khi ném thì giơ thẳng cánh tay cứng đờ, dùng bả vai làm trụ xoay cả cánh tay như con gái ấy, chứ đừng giơ thẳng cánh tay về phía trước rồi ném bằng cổ tay và cúi chỏ như con trai nhé. Cháu cũng cần phải biết rằng khi người con gái muốn chụp vật gì trên đùi thì họ dang hai đầu gối ra, chứ không khép hai đùi lại như cháu bắt cứt chì lúc nãy ấy. Khi thấy cháu khâu chỉ, bác nghĩ ngay cháu là con trai, cho nên bác mới bày thêm ít trò nữa cho chắc chắn hơn. Thôi cháu Sarah Mary Williams, George Alexander Peters ạ, cháu đi tìm chú cháu đi. Nếu có gặp khó khăn gì thì cứ nhắn cho bà Loftus, tức là bác đây, bác sẽ tìm cách giúp cháu. Cứ đi dọc theo bờ sông và lần sau nhớ đi tắt và giày vào. Đường nhiều đá lắm, đến Goshen cháu sẽ bị đau chân lắm đấy.

Tôi lên bờ sông đi chừng năm mươi thước, rồi quay trở lại, lên xuống nơi tôi đậu xuồng, cách ngôi nhà một quãng xa về phía dưới. Tôi vội vã chèo xuồng đi, ngược dòng sông đủ xa để có thể vượt qua sông chèo về phía đầu hòn đảo. Tôi tháo mũ vải ra vì không muốn có vật gì che hai bên mắt. Đến giữa dòng sông, có tiếng chuông đồng hồ báo giờ từ đằng xa văng vẳng trên sông. Tôi dừng lại lắng nghe, đếm rõ mười một tiếng. Lên đến đầu hòn đảo, tôi không còn nán lại để mà thở nữa, mặc dù lúc ấy tôi gần như kiệt sức. Tôi chạy thẳng vào rừng, đến nơi tôi cắm trại lần đầu

tiên, đốt lên một ngọn lửa ở một nơi cao và khô.

Xong rồi, tôi lại nhảy xuống xuống chèo đến nơi chúng tôi ở, chùng một dặm rưỡi ở phía dưới đó. Tôi liền lên bờ, lội qua lùm cây, chạy lên đỉnh đồi, rồi vào trong hang. Thằng Jim đang nằm ngủ say trên đất. Tôi đánh thức nó dậy, nói:

- Dậy vận động đi, Jim! Không được phí một giây phút nào nữa. Họ đang đi lùng chúng mình đấy.

Jim không hỏi thêm một lời nào, nhưng cứ xem cách hẩn làm việc trong nửa giờ đồng hồ kế tiếp đó, thì biết hẩn đang sợ hãi đến thế nào rồi. Tất cả mọi đồ đạc của chúng tôi đều được chuyển xuống bè, sẵn sàng rời khỏi nơi ẩn giấu dưới bụi liêu. Chúng tôi dập tắt lửa trong hang, và không để lộ ngọn nến ra khỏi cửa hang sau đó.

Tôi chèo xuống ra khỏi bờ một quãng ngắn để nhìn xem động tĩnh thế nào. Nhưng nếu có chiếc thuyền nào đi ngang qua thì tôi cũng không thể nào nhận ra được vì trời chỉ có sao và bóng tối mờ mịt. Sau đó, chúng tôi đẩy chiếc bè ra, trườn theo dòng sông trong bóng tối ven bờ, chèo ngang qua chân hòn đảo yên lặng như tờ, không ai nói với ai một lời nào.

CHƯƠNG 12

“HÃY ĐỂ CHO TÔI LỖI NGỦ YÊN”

ào khoảng gần một giờ sáng, chúng tôi đã đi xa ở bên dưới hòn đảo, nhưng chiếc bè có vẻ chậm chạp quá. Giá như lúc bấy giờ có chiếc thuyền nào đi tới, chúng tôi chắc phải xuống chiếc xuồng, chèo về phía bờ Illinois, nhưng thật là may mắn, chẳng có chiếc thuyền nào xuất hiện cả. Chúng tôi chưa hề nghĩ đến việc đặt khẩu súng, cần câu hay các thức ăn xuống xuồng, vì đầu óc đang rối bời với bao nhiêu vấn đề. Để nguyên mọi thứ trên bè thì thật chẳng khôn ngoan chút nào.

Tôi nghĩ, nếu lúc bấy giờ có người đi lên hòn đảo để lòng chúng tôi thì chắc họ tìm thấy đồng lửa tôi đã đốt lên, rồi sẽ ngồi rình ở gần đấy để chờ Jim trở về. Dù thế nào chẳng nữa, họ cũng đã bị tôi đánh lạc hướng. Nếu đồng lửa ấy không đánh lừa được họ chẳng nữa thì đó cũng không phải do lỗi ở tôi. Tôi đã chơi với họ một canh bạc bằng một số vốn bỏ ra ít ỏi nhất.

Khi vệt sáng ban ngày đầu tiên bắt đầu lộ ra, chúng tôi buộc bè vào một cồn cát ở khúc quanh của bờ Illinois, lấy rìu chặt những cành cây bạch dương phủ lên bè, cho nó trông giống như một khoảng đất bị xói mòn bên bờ sông. Cồn cát này là một dải đất có nhiều cây bạch dương dày đặc giống như rừng của một

chiếc bừa.

Bên phía bờ Missouri là núi, còn trên bờ Illinois toàn là cây to, lòng nước sâu thì ở phía bờ Missouri nên chúng tôi không còn phải lo sợ bị ai bắt gặp. Chúng tôi nằm tại đó suốt ngày, xem các tàu bè đi xuống ở phía bờ Missouri và những chiếc tàu bè khác đi lên ngay ở giữa dòng sông. Tôi kể cho Jim nghe về cuộc đối thoại giữa tôi và bà Loftus. Jim khen bà ta là một người rất thông minh. Giá như bà ấy tự mình đi lòng chúng tôi thì chắc hẳn bà sẽ không ngồi rình bên đồng lửa, mà sẽ dùng chó săn. Tôi lại hỏi Jim, nếu như vậy, sao bà ta lại không bảo chồng đem chó theo. Jim nói hẳn tin chắc thế nào bà ấy cũng bảo đem chó theo lúc họ sắp sửa lên đường, hay cũng có thể là ông chồng bà ta đã xuống phố để mượn một con chó nên mới mất nhiều thì giờ. Nếu ông ấy không đi xuống phố vì chuyện ấy thì bây giờ chúng tôi đâu có được ngồi ở đây, cách xa thị trấn ấy mười sáu, mười bảy dặm, mà đã phải trở lại thị trấn cũ ấy từ lâu rồi. Tôi nói tôi không cần biết lí do nào họ không bắt được chúng tôi, miễn là chúng tôi thoát khỏi tay họ là tốt rồi.

Khi trời bắt đầu tối, chúng tôi ló đầu ra khỏi lùm cây bạch dương, nhìn quanh quất. Không một bóng người nào xung quanh đó. Jim nạy một ít tấm ván trên sàn bè, dựng một cái lều để che mưa gió và giữ cho đồ đạc được khô ráo. Jim làm một cái sàn cho căn lều, nâng nó lên cao hơn mặt bè chừng ba mươi phân để cho chắn và đồ đạc của chúng tôi khỏi bị sóng của các tàu thủy xô lên, làm cho ướt. Ngay giữa chòi, chúng tôi đắp một lớp đất dày chừng mười lăm phân, có đóng khung gỗ xung quanh, để đốt lửa khi trời mưa lạnh. Cái chòi sẽ che ngọn lửa cho người ta không trông thấy. Chúng tôi cũng làm thêm một cái chèo dự trữ phòng

khi có một chiếc bị gãy vì va phải một chướng ngại vật nào đó. Chúng tôi cũng gắn một chiếc nạng ngắn, treo chiếc đèn lồng cũ kĩ vào đấy làm hiệu cho những chiếc tàu thủy chạy xuôi dòng để khỏi bị đụng. Nhưng chúng tôi không cần phải làm hiệu cho những chiếc tàu chạy ngược dòng trừ phi chúng tôi đi vào một luồng nước chảy ngang qua sông, vì lúc bấy giờ, mực nước sông còn khá cao, các bờ thấp còn đang bị ngập nước, nên các tàu thuyền đi ngược dòng thường tránh không đi giữa lòng nước sâu cho dễ đi hơn.

Đêm thứ hai, chúng tôi đi liền bảy, tám tiếng đồng hồ trôi theo dòng nước với tốc độ trên bốn dặm một giờ. Chúng tôi bắt cá, nói chuyện với nhau, thỉnh thoảng lại nhảy xuống tắm cho đỡ buồn ngủ. Để mặc cho chiếc bè trôi trên sông rộng lớn, yên tĩnh, chúng tôi nằm ngửa, ngắm các vì sao, không muốn cười to hay nói to với nhau, chỉ thỉnh thoảng khúc khích cười se se. Nói chung, thời tiết thật là tốt. Không có chuyện gì xảy ra đêm hôm ấy, hôm sau và cả hôm sau nữa.

Mỗi đêm, chúng tôi đi ngang qua các thị trấn, trên sườn đồi tối om, không trông thấy nhà cửa mà chỉ có những mảnh sáng lốm đốm ánh đèn. Đêm thứ năm, chúng tôi đi ngang qua thành phố St. Louis, hiện ra như cả một thế giới sáng rực. Ở St. Peterburg, người ta thường nói rằng dân cư thành phố St. Louis có đến hai mươi hay ba mươi nghìn người, tôi vẫn không tin được điều ấy cho đến đêm hôm nay, vào lúc hai giờ sáng, tôi thấy thành phố ấy hiện ra như một dải ánh sáng rực rỡ trải dài ra ở phía xa xa. Không có một tiếng động nào vì mọi người còn đang yên giấc.

Bây giờ, cứ mỗi đêm, tôi lại chèo xuồng lên bờ vào lúc mười giờ đêm để đi xuống các làng nhỏ, mua mười hay mười lăm

xu bột, thịt mỡ hay các thức ăn lặt vặt. Đôi khi tôi “nặng nề” một con gà không chịu nằm im trong chuồng, rồi vác đi theo. Cha tôi thường nói rằng khi nào có cơ hội thì nên đem theo một con gà vì lúc nào mình không cần có thể nhường cho người khác cần hơn. Đó là một cử chỉ tốt mà không bao giờ ai quên, nhưng thực ra chưa bao giờ tôi thấy cha tôi không cần gà cả.

Nhiều lúc, khi trời chưa sáng hẳn, tôi lên xuống các ruộng bắp, “mượn” một quả dưa hấu, một quả bí, quả bầu, bắp ngô hay các thứ đại loại như thế. Cha tôi vẫn thường nói mượn như thế không hại gì cả miễn là mình có ý định sẽ trả tiền lại cho người ta một lúc nào đó. Nhưng bà quả phụ thì cho đó là một lối ăn cắp trá hình, không người nào có tư cách lại làm như thế. Riêng thằng Jim thì cho rằng cả cha tôi lẫn bà quả phụ, mỗi người đều có một phần nào đúng trong đó. Vậy thì tốt hơn hết là cứ lập một danh sách các thứ mình cần mượn, rồi lựa ra vài ba thứ mà mình nói sẽ không lấy, phần còn lại thì mình cứ mượn, như thế chẳng có hại gì cả. Chúng tôi bàn cãi suốt đêm, mặc cho chiếc bè cứ trôi theo dòng nước, tính toán mãi không biết nên bỏ thứ nào, dưa hấu, bí ngô hay cái gì. Đến lúc trời sáng thì chúng tôi đã quyết định xong xuôi. Kết luận là chúng tôi sẽ bỏ đi món táo chua, và món bí ngô. Trước đó thì tôi nghĩ như thế là không phải nhưng bây giờ thì tôi thấy dễ chịu rồi. Tôi rất mừng đã đi đến kết luận như vậy, vì thứ táo chua không ngon, và món bí ngô thì phải hai ba tháng nữa mới chín.

Thỉnh thoảng chúng tôi bắn một vài con chim đã thức dậy quá sớm hay đi ngủ quá trễ. Nói chung thì cuộc sống lúc bấy giờ khá thoải mái.

Đêm thứ năm, chúng tôi đã đi quá thành phố St. Louis. Một

cơn dông lớn, cùng với sấm chớp âm ầm nổi lên vào lúc nửa đêm. Một trận mưa rào đổ ập xuống như trút nước. Chúng tôi thu mình trong chòi, mặc cho chiếc bè lướt trôi đi. Một tia chớp lóe lên cho thấy trước mắt một con sông thẳng tắp với những vách đá cao hai bên bờ.

- Nhìn đằng kia kìa. - Tôi la lên.

Trước mắt chúng tôi là xác một chiếc tàu thủy bị đắm vào một mỏm đá. Bè chúng tôi đang trôi về phía chiếc tàu ấy. Tia chớp lóe lên cho thấy chiếc tàu rất rõ. Nó bị nghiêng hẳn sang một bên, một phần boong tàu còn nổi trên mặt nước, qua mỗi tia chớp, tôi trông thấy rõ ràng từng sợi dây cột ống khói, một chiếc ghế bên cạnh cái chuông, cả một chiếc mũ súp vành đang treo trên lưng ghế.

Giữa đêm tối tăm dông bão, trong một khung cảnh kì ảo như thế, bất cứ ai chắc cũng phải có cảm giác ghê rợn như tôi lúc bấy giờ trước cảnh tượng một chiếc tàu bị đắm nằm phơi xác một cách cô đơn, ảm đạm giữa dòng sông. Tôi muốn trèo lên chiếc tàu ấy, để dò dẫm khắp nơi, xem có gì trên đó chẳng. Tôi liền nói với Jim:

- Chúng ta trèo lên trên ấy đi, Jim.

Nhưng thoát tiên Jim ngăn tôi lại. Hắn nói:

- Tôi không còn muốn lục lọi các xác tàu, xác nhà hay bất cứ thứ gì trôi trên sông nữa. Chúng mình đã nhiều tội lỗi rồi, “hãy cho tội lỗi được ngủ yên”, Kinh Thánh đã nói thế. Không chừng trên ấy lại có người canh gác nữa đấy.

- Canh cái con khỉ gì, - tôi nói - chẳng có gì phải canh cả ngoài cái phòng sĩ quan và phòng lái thôi. Ai có dại gì mà liều mạng

ngồi canh phòng sĩ quan và phòng lái giữa đêm tối như thế này, trong khi cả chiếc tàu có thể vỡ toang ra rồi trôi đi bất cứ giờ phút nào.

Jim không thể cãi được lời nào, nên hắt ngời im. Tôi nói tiếp:

- Hơn thế nữa, mình còn có thể mượn ít thứ trong cabin của thuyền trưởng nữa. Xì gà, tao cam đoan với mày thế nào cũng có, mỗi điếu đáng giá năm xu, tiền thật ấy. Các thuyền trưởng tàu thủy bao giờ cũng giàu, lương đến sáu mươi đô la một tháng, cho nên họ tiêu bất kể giá đắt bao nhiêu, miễn là họ thích là phải có. Bỏ một cây nến vào túi mày đi, Jim. Chưa lục lợi cái xác tàu ấy, tao chưa yên được. Mày nghĩ xem. Thằng Tom Sawyer đời nào chịu bỏ qua cơ hội như thế này? Không bao giờ đâu. Hắn sẽ gọi đó là cuộc phiêu lưu mạo hiểm, hắn vẫn nói như thế đấy. Chắc chắn hắn sẽ leo lên cái tàu ấy, rồi bày vẽ ra lắm trò cho màu mè thêm. Tha hồ mà hắn khoác lác chứ đâu có chịu ngồi yên!

Jim cắn nhả một chút, nhưng rồi cũng chịu nhượng bộ. Hắn bảo tôi hạn chế nói chuyện cho đến tối đa, rồi thì thầm rất nhỏ. Một tia chớp lóe lên vừa đúng lúc. Chúng tôi tìm đến cái cần cầu ở bên phải chiếc tàu, rồi bám chặt vào đấy.

Boong tàu ở chỗ ấy rất cao. Chúng tôi trườn xuống đường dốc sang phía bên trái, mò mẫm trong bóng tối tiến đến phòng sĩ quan, dùng chân để mò từng bước đi chậm chạp và tay để gạt sang một bên các sợi dây thừng. Một lát sau, chúng tôi chạm phải đầu phía trước của cửa sổ trên nóc, trèo lên đó, rồi tiến thêm một bước nữa đến ngay trước cánh cửa đang mở của ca-bin thuyền trưởng. Nhìn qua hành lang của phòng sĩ quan, trời ơi! Tôi thấy có một ngọn đèn đang cháy, cùng lúc ấy có tiếng nói nho nhỏ từ xa vọng lại.

Jim thì thầm với tôi rằng hẳn cảm thấy “lên ruột” quá, và bàn nên quay về đi thôi. Tôi đồng ý, định quay trở lại bè. Bỗng tôi nghe có tiếng rên rĩ:

- Tao van xin chúng mày tha cho tao. Tao sẽ không bao giờ tố cáo đâu.

Một giọng nói khác vang lên, khá to:

- Láo! Mày nói láo, Jim Turner! Mày đã làm thế trước đây một lần rồi. Mày bao giờ cũng muốn được nhiều hơn là phần mày đáng được hưởng, và lần nào chúng tao cũng thỏa mãn cho mày, bởi vì mày nói nếu không được mày sẽ tố cáo. Nhưng lần này, mày lại nói một lần thế là quá nhiều rồi. Mày là con chó săn dê tiện, phản trắc nhất cái xứ này.

Vào lúc ấy, Jim đã lần ra ngoài để tìm bè. Còn tôi thì sôi sục lên vì tò mò muốn tìm hiểu rõ thêm câu chuyện. Giả như có thằng Tom Sawyer ở đấy lúc bấy giờ, chắc hẳn cũng chưa chịu rút lui ngay. Vậy thì tôi cũng thế. Tôi cần phải hiểu rõ chuyện gì xảy ra trên cái xác tàu này. Tôi bò bằng cả tay lẫn chân qua lối đi chật hẹp, hướng về phía đuôi tàu, mò mẫm trong bóng tối cho đến khi giữa tôi và hành lang của phòng sĩ quan chỉ ngăn cách bởi một cái ca-bin của thuyền trưởng. Ở đó, tôi thấy một người đang nằm dài trên sàn, tay chân bị trói gô lại, và hai người khác đứng nhìn, một người cầm cây đèn, còn người kia thì cầm khẩu súng lục. Người này chìa súng vào đầu tên đang bị trói và nói:

- Tao muốn giết mày... tao bắt buộc phải làm thế... đồ khốn kiếp dê tiện.

Người nằm trên sàn co rúm người lại, van lạy:

- Bill, mày tha cho tao. Tao sẽ không bao giờ tố cáo đâu.

Mỗi lúc hắn nói như thế thì người cầm đèn lại cười ha hả, rồi nói:

- Phải, mày sẽ không tố cáo. Tao chắc mày chưa hề bao giờ nói thật như thế. - Rồi có một lúc người ấy lại nói - Nghe hắn van xin kia. Ấy thế mà nếu mình không quật ngã và trói hắn lại thì hắn đã giết cả hai đứa mình rồi đấy. Chúng tao làm thế là để bảo vệ quyền lợi của chúng tao, mày hiểu không? Nhưng mà thôi, Turner, tao chắc mày chẳng còn hăm dọa ai nữa đâu. Bỏ súng đi, Bill!

Bill nói:

- Tao không muốn làm thế, Jake Packard ạ. Tao nhất định phải giết thằng này... chính hắn đã giết lão Hatfield bằng cách ấy mà. Hắn đáng tội chết.

- Tao không muốn hắn bị giết. Tao có lí lẽ riêng của tao.

- Cảm ơn mày, Jake Packard, tao còn sống ngày nào, tao sẽ không quên ơn mày đâu. - Người nằm trên sàn vừa khóc vừa nói.

Packard không để ý đến câu nói ấy. Hắn treo cây đèn lên một cái đinh, nhìn vào bóng tối, chỗ tôi đứng rồi ra hiệu cho Bill cùng ra đi. Tôi cố bò ra xa chừng hai thước, nhưng vì chiếc tàu bị nghiêng, nên không mất bao nhiêu thì giờ. Để khỏi bị chúng giẫm lên người và bị tóm, tôi bò hắn vào một ca-bin ở phía trên. Tên Packard mò mẫm trong bóng tối, đi vào ca-bin, chỗ tôi đang núp, rồi nói:

- Vào đây, Bill.

Bill theo hắn vào bên trong. Nhưng trước khi chúng đi vào, tôi đã trèo lên một cái giường ở phía trên cùng, nằm thu mình ở đấy, trong lòng hồi hận sao lại vào ngay trong phòng này. Chúng đứng

ở cạnh đấy, tay đặt lên thành giường, nói chuyện với nhau. Tôi không thấy rõ chúng trong bóng tối, nhưng có thể biết được chúng ở đâu nhờ mùi rượu Whisky chúng vừa uống xong. Cũng may mà tôi không uống được rượu Whisky. Nhưng điều đó cũng không giúp ích được bao nhiêu, vì chúng có thể giẫm lên người tôi bất cứ lúc nào. Tôi khiếp hãi quá, không dám thở. Không thể nào vừa thở vừa nghe câu chuyện chúng đang nói nhỏ với nhau đến như vậy. Bill muốn giết Turner. Hắn nói:

- Hắn bảo hắn tố cáo, thì thế nào hắn cũng làm. Dù chúng mình có cho nó hết cả phần của mình đi nữa, hắn cũng không quên chuyện cãi cọ và nhất là việc chúng mình hành hạ hắn vừa rồi. Chắc chắn hắn sẽ đưa bằng chứng ra trước tòa. Mà nghe tao đi. Tao chủ trương phải giết hắn cho đỡ mới lo.

- Tao cũng thế. - Packard nói.

- Con khỉ! Thế mà tao cứ tưởng mày phản đối. Thế thì được rồi. Chúng mình ra tay đi.

- Khoan đã. Tao chưa nói hết mà. Nghe đây này. Giết nó bằng súng thì cũng được, nhưng còn có cách êm thấm hơn thế. Nghe tao nói đây này: cần gì phải chạy đi lũng dây treo cổ để giết người trong khi còn có cách khác cũng đạt đến cùng mục đích, nhưng tốt mà lại ít rủi ro hơn. Phải thế không nào?

- Tao chắc là phải. Nhưng bây giờ thì mày định làm thế nào?

- Có gì đâu. Mình cứ lặng lẽ thu dọn tất cả những thứ còn sót lại trong ca-bin này, rồi chèo sang bên kia bờ, cất các thứ lật vật vào một nơi. Sau đó cứ ngồi mà chờ. Tao chắc chắn rằng chỉ nội hai giờ nữa thôi, chiếc tàu này sẽ tan ra từng mảnh, rồi trôi xuống phía dưới sông. Hiểu không? Thằng ấy sẽ chết đuối. Không thể

buộc tội cho ai nữa cả. Tao nghĩ rằng đó là cách giết hẵn tốt nhất. Tao không muốn tự tay mình giết người, nếu còn có thể nghĩ ra được cách khác. Giết như thế không hay, không hợp với luân thường đạo lý. Tao nói có phải không?

- Đồng ý là mày nói phải. Nhưng lỗ chiếc tàu này nó không vờ ra và trôi đi thì sao?

- Thì cứ chờ hết hai giờ đã hẵng hay.

- Được rồi. Thôi mình đi nào.

Chúng ra khỏi phòng. Tôi cũng lên ra ngoài, rồi bò ra phía trước, mồ hôi vã ra như tắm. Trời tối đen như mực. Tôi gọi khẽ: “Jim!”. Có tiếng trả lời, ngay bên khuỷu tay tôi, nghe như tiếng rên rĩ. Tôi liền nói:

- Đi nhanh, Jim. Không còn thì giờ nào để lờn vờn hay rên rĩ ở đây nữa. Có một bọn giết người đang ở đằng kia. Nếu mình không tìm cho ra thuyền của chúng, rồi thả trôi sông, để chúng hết cách trốn thoát thì một đứa trong bọn chúng sẽ bị nguy khốn ở trong đấy. Nhưng nếu ta lấy được thuyền của chúng thì tất cả bọn sẽ bị khốn đốn. Cảnh sát trưởng sẽ đến bắt chúng. Nhanh đi. Tao sẽ lù ở phía trái, mày lù phía bên phải. Mày chuẩn bị chiếc bè rồi chưa...

- Trời! Bè à? Chẳng còn chiếc bè nào cả. Nó bị tuột dây, trôi đi rồi. Chỉ còn chúng mình ở đây thôi.

CHƯƠNG 13

NHỮNG MÓN ĐỒ LẨY TRỘM CHÍNH ĐÁNG

ôi thở hỗn hển, tưởng chừng như ngất xỉu. Thế là chúng tôi bị kẹt trên xác tàu này cùng với bọn cướp! Nhưng không còn thì giờ để than vãn nữa. Chúng tôi nhất định phải tìm ra chiếc thuyền của chúng để dùng riêng cho hai đứa tôi. Nghĩ vậy, chúng tôi run rẩy đi xuống về phía bên phải của xác tàu. Công việc này chậm chạp tưởng chừng như vô tận. Một lúc lâu, chúng tôi mới lần đến phía sau xác tàu. Không thấy bóng dáng một chiếc thuyền nào cả. Jim bảo rằng không có cách nào tiến xa hơn nữa vì hắn quá sợ hãi nên kiệt sức rồi. Nhưng tôi vẫn giục hắn cứ tiếp tục vì nếu ở lại trên tàu này thì thế nào cũng nguy. Thế là chúng tôi dò dẫm tiến lên. Chúng tôi tìm đến phòng sĩ quan, rồi bám cheo leo vào các cánh cửa, lò dò tiến về phía trước vì bờ cửa sổ trên nóc chìm dưới nước. Khi đến gần cửa hành lang tôi chợt thoáng thấy có một chiếc xuồng nhỏ neo ở đấy. Tôi mừng rỡ quá. Chỉ một giây đồng hồ nữa thôi là tôi có thể nhảy xuống xuồng. Nhưng ngay lúc ấy cánh cửa mở ra. Một cái đầu ló ra, cách tôi không đầy một thước. Tôi tưởng thế là hết đời rồi. Nhưng cái đầu ấy lại thụt vào. Có tiếng nói:

- Đừng ló cái đèn ấy ra, Bill.

Hắn ném một cái bị gì xuống xuống, rồi nhảy xuống. Đó là Packard. Tiếp theo đó là Bill. Packard nói khe khẽ:

- Xong rồi, chèo đi.

Tay tôi lúc bấy giờ yếu quá, tưởng như không còn bám vững vào cánh cửa nữa. Nhưng Bill nói:

- Khoan đã... mày lục lợi kĩ trong người nó chưa?

- Chưa. Thế còn mày?

- Chưa. Hắn vẫn còn số tiền đã chia phần cho nó đấy.

- Thế thì mày đi lấy đi. Lấy các thứ vật vãnh rồi để tiền lại thì thật là uổng công.

- Nhưng mà hắn nghi ngờ thì làm sao?

- Có lẽ không đâu. Nhưng dù sao, chúng mình cũng phải lấy số tiền ấy. Đi ngay đi.

Thế là cả hai đưa ra khỏi xuống, đi vào trong xác tàu.

Cánh cửa tự động đóng lại đến rầm một tiếng, vì chiếc tàu đã bị nghiêng sang một bên. Chỉ trong không đầy một giây đồng hồ, chúng tôi nhảy xuống xuống, rút dao ra cắt tung sợi dây buộc, rồi đẩy xuống đi.

Chúng tôi không dám dùng chèo, không nói hay thì thầm với nhau điều gì, và không dám thở nữa. Chiếc xuống lướt nhanh và yên lặng ngang qua bánh chân vịt rồi ra khỏi đuôi tàu. Ít giây sau, chúng tôi đã đi xa xác tàu chừng một trăm thước. Bóng tối che phủ cả chiếc tàu, không còn trông thấy gì nữa. Thế là chúng tôi thoát nạn.

Khi đã xuôi theo dòng sông chừng ba, bốn trăm thước, chúng tôi thấy ánh đèn hiện ra như một cái chấm nhỏ ở cửa phòng sĩ

quan, thoáng một lúc rồi tắt ngay. Chắc rằng lúc bấy giờ các tên lưu manh ấy biết rằng chúng đã mất chiếc thuyền và đang bị lâm vào tình trạng bi đát chẳng kém gì lão Turner.

Lúc bấy giờ Jim đẩy mạnh mái chèo, chúng tôi cố đuổi theo chiếc bè đã trôi đi mất dạng. Đến lúc bấy giờ tôi mới bắt đầu lo lắng hộ cho bọn ăn cướp, vì trước đó, tôi không có thì giờ nghĩ đến họ. Tôi nghĩ không biết họ sẽ kinh hãi đến mức nào trong hoàn cảnh như thế, cho dù họ là những tên giết người đi chăng nữa. Tôi tự hỏi không biết chính tôi có thể nào trở thành một tên giết người hay không, và nếu như vậy, tôi sẽ cảm thấy như thế nào. Nghĩ vậy, tôi nói với Jim:

- Khi nào thấy ánh đèn đầu tiên, chúng ta sẽ lên bờ phía trên hay phía dưới đó độ một trăm thước, ở chỗ nào kín đáo nhất cho cả mày lẫn chiếc xuồng. Còn tao sẽ đi ra, bịa ra một câu chuyện gì đó để giục người ta đi đến chỗ mấy tên cướp, cứu chúng nó ra khỏi hoàn cảnh bi đát này cái đã, như thế chúng có thể bị treo cổ khi nào đến lúc.

Nhưng ý kiến ấy không thực hiện được. Chỉ một lát sau đó, một cơn dông tố nổi lên, dữ dội hơn bao giờ hết. Mưa đổ xuống như trút nước, chẳng có ngọn đèn nào xuất hiện. Xuồng chúng tôi lướt thật nhanh theo dòng nước. Chúng tôi nhìn xung quanh, cố tìm ra ánh đèn và bè của chúng tôi. Một hồi lâu, cơn mưa đã ngớt, nhưng trời vẫn đầy mây, sấm chớp ầm ầm. Thình thoảng một tia chớp lóe lên làm hiện ra một vật đen sì nổi lên ở phía trước. Chúng tôi cố sức chèo đến đó.

Đó là chiếc bè của chúng tôi. Thật không có gì sung sướng bằng lúc chúng tôi trèo lên lại chiếc bè ấy. Cùng lúc ấy, chúng tôi thấy một ánh đèn trên bờ bên phải ở mãi dưới xa. Tôi nói với Jim

rằng tôi sẽ đi đến nơi có ngọn đèn ấy. Xuồng chúng tôi lúc bấy giờ chở đầy đồ đạc mà bọn cướp đã lấy được trên tàu. Chúng tôi chuyển các đồ đạc từ xuồng lên bè, xếp thành một đống. Sau đó, tôi bảo Jim cứ tiếp tục cho bè trôi xuống, rồi khi nào đi được chừng hai dặm thì treo đèn lên, cứ để thấp sáng cho đến khi tôi trở lại. Dặn xong, tôi xuống xuồng chèo đến nơi có ánh đèn. Khi lại gần, tôi thấy ba, bốn ánh đèn nữa hiện ra trên một sườn đồi. Có lẽ đó là một ngôi làng. Tôi cho xuồng sát vào bờ phía trên chỗ có ngọn đèn một quãng ngắn, đẩy mạnh mái chèo, rồi để cho nó từ từ trôi xuống. Lúc đi ngang qua đấy, tôi nhận ra một ngọn đèn treo ở đỉnh cột cờ của một chiếc thuyền chở khách lớn có hai lớp vỏ. Tôi nhẹ nhàng đi vòng xung quanh tìm người gác thuyền, không biết họ đang ngủ ở chỗ nào. Sau cùng, tôi cũng tìm ra được một người đang ngủ trên các trụ cuốn dây thùng ở đầu mũi thuyền, gục đầu xuống giữa hai đầu gối. Tôi lấy tay lay vai người ấy vài ba cái, rồi bắt đầu lên tiếng khóc.

Ông ta giật mình tỉnh dậy, nhưng khi trông thấy tôi thì ông ngáp dài một cái, duỗi chân tay rồi nói:

- Có chuyện gì thế, bé con. Đừng khóc thế.

Tôi nói:

- Bố cháu, mẹ cháu, em cháu và...

Thế là tôi khóc òa lên. Ông nói:

- Thôi nín đi nào. Đừng có làm thế. Ai cũng phải gặp lúc khó khăn cả, rồi mọi chuyện sẽ êm đẹp thôi. Họ gặp chuyện gì thế?

- Họ bị... nhưng bác có phải là người gác thuyền này không ạ?

- Phải, - ông trả lời, có vẻ hãnh diện - bác là thuyền trưởng, vừa là chủ nhân, phụ tá, hoa tiêu, vừa là người canh gác chiếc

thuyền này đây. Có khi bác cũng lại là hành khách, hàng hóa nữa kia. Bác không giàu như lão Hornback ở đằng kia, nên không thể vung tiền ra làm phước cho người ta, như lão ấy được. Nhưng bác đã nói nhiều lần là bác không bao giờ chịu đổi cái nghề của bác để sống ru rú ở một nơi tẻ ngắt xa thị trấn như lão ấy đâu. Dù có đem tất cả tiền bạc của cải của lão ra đánh đổi, bác cũng chẳng thèm. Bác là thủy thủ, và suốt đời chỉ sống bằng nghề ấy thôi.

Tôi ngắt lời ông và nói:

- Bác ơi! Họ đang gặp vô cùng khó khăn. Xin bác...

- Họ là ai?

- Bố cháu, mẹ cháu, em cháu và cô Hooker. Xin bác cho thuyền đến đó để...

- Đến đó là nơi nào? Họ đang ở đâu?

- Chỗ chiếc tàu bị đắm ấy.

- Tàu nào bị đắm?

- Chỉ có một chiếc tàu bị đắm thôi mà.

- À, chiếc Walter Scott ấy à?

- Vâng ạ.

- Trời ơi! Họ đến đây để làm gì?

- Họ không có chủ đích đến đây làm gì cả ạ.

- Cố nhiên rồi. Lạy Chúa! Nếu họ không rời đi ngay thì chẳng còn có cơ may nào sống được đâu. Tại sao lại lâm vào cảnh rắc rối như thế chứ!

- Có gì đâu ạ. Cô Hooker đi đến cái làng gì ở phía trên sông...

- Biết rồi, bến đò Booth chứ gì.

- Cô ấy đến thăm ai đó ở bến đò Booth, rồi đến gần chiều tối,

cô ấy cùng với bà đầy tớ da đen đi thuyền định đến nhà cô gì đó, cháu quên mất tên rồi, để nghỉ lại đêm... thế rồi họ mất cái chèo lái, thuyền xoay tròn, rồi lại trôi xuống chừng hai dặm, đuôi thuyền quay về phía trước, cuối cùng đâm sầm vào xác chiếc tàu. Người chèo thuyền, bà da đen và ngựa chìm nghỉm luôn. Nhưng cô Hooker bám được xác tàu, rồi trèo lên. Thế rồi một giờ sau khi trời tối hẳn, gia đình cháu đi xuống trên một chiếc thuyền chở cát đá, gặp lúc trời tối quá không trông thấy xác chiếc tàu nên cũng đâm sầm vào đó luôn. Tất cả đều thoát, chỉ riêng có ông Bill Whipple... Tội nghiệp quá, ông ta là một người tốt... giá cháu được chết thay cho ông ấy.

- Trời! Thật là rắc rối chưa từng thấy. Thế rồi tất cả mọi người ấy làm thế nào?

- Chúng cháu kêu la nhưng sông rộng quá, chẳng ai nghe cả. Thế rồi bố cháu bảo cần phải có một người bơi vào bờ để kêu cứu. Cháu là người duy nhất biết bơi, nên cháu nhảy xuống. Cô Hooker cũng dặn cháu rằng, nếu không tìm được ai đến cứu sớm hơn thì cứ đến đây tìm chú cô ta, ông ta sẽ lo liệu mọi thứ cho. Cháu bơi vào bờ ở phía dưới đây chừng một dặm, rồi đi hết nơi này nơi khác tìm người đến cứu. Nhưng ai cũng bảo: “Nước lớn và đêm tối tăm như thế này, thì cứu thế nào được. Hãy đi tìm một chiếc thuyền máy ấy”. Bác ơi! Nếu bác đi giúp cho thì...

- Bác cũng muốn giúp lắm chứ. Nhưng mà biết làm thế nào bây giờ. Ai chịu trả cho mọi phí tổn trong công việc này kia chứ. Thế cha cháu có...

- Tưởng gì chứ chuyện ấy thì được, bác ạ. Cô Hooker có nói riêng với cháu là chú cô ấy, ông Hornback sẽ...

- Thế hả? Ông Hornback là chú cô ấy à? Bây giờ như thế này nhé. Cháu cứ chạy thẳng đến cái ngọn đèn ở đằng xa kia kìa, đến đấy thì rẽ về phía tây, đi thêm độ một phần tư dặm nữa đến một cái quán trọ, rồi nhờ người ta đến nhà ông Hornback. Ông ấy sẽ trả tất cả mọi chi phí. Đừng có chậm trễ. Chắc ông ấy muốn biết tin tức lắm đấy. Nói rõ cho ông ta biết rằng bác sẽ đưa cô ấy về nhà an toàn. Cháu phải chạy ba chân bốn cẳng ngay đến nhà ông ấy đi. Bác còn phải đến góc kia đánh thức lão thợ máy dậy.

Tôi đi thẳng về phía ngọn đèn, nhưng khi ông ta vừa quay lưng đi đến cái góc ở gần đó thì tôi liền quay trở lại, nhảy xuống xuống, tát nước ra rồi chèo ngược lên, dọc theo vùng nước lặng bên bờ sông, chừng sáu trăm thước, rồi nấp ở sau một số thuyền gỗ đậu ở đấy. Chừng nào tôi chưa thấy chiếc thuyền của ông ta khởi hành, tôi vẫn chưa yên tâm. Nhưng nói chung, tôi cảm thấy hơi dễ chịu trong lòng vì tôi đã cố gắng giúp cho bọn cướp ấy. Ít người chịu làm như thế. Tôi ước ao rằng bà quả phụ biết được điều này, và chắc bà sẽ hân hoan vì tôi đã giúp đỡ cho những tên lưu manh. Những kẻ bất lương, ăn hại, lừa dối là những loại người mà bà quả phụ và những nhà đạo đức như bà thường hay quan tâm đến nhiều nhất.

Một lát sau, tôi thấy xác con tàu lơ lửng, tối tăm đang trôi xuống dòng sông. Toàn thân tôi cảm thấy ớn lạnh, run lên cầm cập. Tôi cố chèo ra chỗ con tàu. Xác tàu bây giờ đã ngập rất sâu xuống nước. Chỉ nhìn sơ qua, tôi cũng biết không có hi vọng tìm thấy ai còn sống sót trên ấy cả. Tôi chèo xung quanh, gọi to lên một lúc, nhưng không có tiếng trả lời. Tất cả đều im lặng như tờ. Tôi cảm thấy thương hại cho bọn cướp, nhưng chỉ phần nào thôi, vì nếu chúng phải chịu cảnh ngộ ấy thì tôi cũng có thể phải chịu giống

như vậy.

Ngay lúc bấy giờ chiếc thuyền chở khách bắt đầu đi tới. Tôi liền cho xuống ra giữa sông vào chỗ dòng nước chảy xuôi rất nhanh. Khi đi được một quãng xa khỏi tầm nhìn của mọi người, lúc bấy giờ tôi mới chèo thật mạnh rồi quay nhìn trở lại. Tôi thấy chiếc thuyền ấy đang đi lòng vòng xung quanh chiếc tàu để tìm xác cô Hooker, vì ông Hornback đang mong lắm. Chỉ một lát sau, chiếc thuyền ấy đành bỏ cuộc rồi quay vào bờ. Tôi tiếp tục chèo thật nhanh xuôi theo dòng nước.

Một khoảng thời gian có vẻ rất lâu sau đó, tôi mới thấy chiếc đèn của Jim hiện ra, nhưng cứ mỗi lần nó xuất hiện thì tôi có cảm tưởng như nó ở xa tôi đến hàng nghìn dặm. Khi tôi đuổi kịp chiếc bè thì trời đã bắt đầu sáng lơ mờ ở phương đông. Chúng tôi đi vào một hòn đảo, giấu chiếc bè, thả chìm chiếc xuống, rồi chui vào bên trong ngủ lẫn ra như chết.

CHƯƠNG 14

SOLOMON* CÓ KHÔN NGOAN HAY KHÔNG?

 Đến khi tỉnh dậy, chúng tôi lôi các đồ vật của bọn cướp ra kiểm điểm. Những thứ đồ lặt vặt này gồm có ống, mền, quần áo và nhiều thứ khác đủ loại, rất nhiều sách, một cặp ống nhòm, và ba hộp xì gà. Thật chưa bao giờ chúng tôi giàu có như lúc này. Trong số ấy, xì gà là thứ quan trọng bậc nhất. Chúng tôi nghỉ ngơi suốt cả buổi chiều trong rừng, lúc thì nói chuyện với nhau, lúc thì đọc sách. Nói chung, chúng tôi đã trải qua một buổi chiều hết sức vui vẻ. Tôi kể lại cho Jim nghe những chuyện xảy ra trong chiếc tàu bị đắm và trên thuyền chở khách. Tôi gọi đó là những cuộc phiêu lưu mạo hiểm. Nhưng Jim bảo rằng hắn không muốn thấy những cuộc phiêu lưu mạo hiểm như thế nữa. Hắn nói rằng, trong khi tôi đi vào phòng sĩ quan thì hắn bò ra ngoài để trở về bè, nhưng không thấy bè đâu cả. Lúc bấy giờ hắn chết lặng người đi vì nghĩ rằng dù xoay sở thế nào chẳng nữa hắn cũng “tiêu” rồi. Nếu không có người đến cứu thì hắn phải chết đuối, còn nếu được cứu thì người ta sẽ đưa hắn về nhà để lĩnh thưởng, cô Watson chắc chắn sẽ bán hắn cho một nơi nào đó ở miền Nam. Thật vậy, thằng Jim đã nói đúng. Hầu như hắn chẳng bao giờ nói điều gì sai cả. Hắn có những suy nghĩ ngay thẳng khác thường, không giống như những người da đen khác.

Tôi đọc cho hắn nghe rất nhiều chuyện về các vua, chúa, quận công, bá tước, vân vân, họ ăn mặc sang trọng như thế nào, kiểu cách của họ ra sao, họ gọi nhau là “tâu hoàng thượng”, “ngài quận công”, thay vì là “thưa ông”, vân vân. Jim trố mắt lên nghe, có vẻ chú ý lắm. Hắn nói:

- Tôi không ngờ có nhiều vua, chúa như thế đấy. Tôi chẳng biết tí gì về họ cả, nhưng chỉ nghe nói đến vua Solomon thôi, ấy là không kể các ông vua trong cổ bài tây đấy. Thế một ông vua lĩnh được bao nhiêu tiền nào?

- Lĩnh à? - Tôi nói - Nếu muốn, họ có thể được một nghìn đô la một tháng. Nghĩa là họ cần bao nhiêu thì có bấy nhiêu. Tất cả mọi thứ đều thuộc về họ cả.

- Thích quá nhỉ. Thế họ phải làm những công việc gì, Huck?

- Chẳng phải làm cái gì hết. Mà hỏi gì mà kì vậy? Họ chỉ ăn không ngồi rồi thôi.

- Đâu có được. À mà thật thế hả?

- Cố nhiên là thật rồi. Họ chỉ việc ngồi chơi, trừ ra khi nào chiến tranh thì cũng có khi họ ra trận. Nhưng những lúc khác thì họ nằm khểnh hay đi đây đi đó, đi chơi thôi mà. Suýt! Hình như có tiếng động, mà có nghe không?

Chúng tôi nhảy ra ngoài xem xét. Chẳng có gì cả ngoài tiếng chân vịt của chiếc tàu đi qua. Chúng tôi trở lại chỗ cũ.

- Phải, - tôi nói tiếp - khi nào chán ngấy thì họ lại sinh sự với quốc hội. Ai không ăn ý thì họ ngắt cái đầu. Nhưng phần lớn thì giờ họ la cà ở các cung thất.

- Ở cái gì?

- Ở các cung thất ấy mà.

- Cung thất là cái gì?

- Là nơi ở của những bà vợ vua ấy. Mà chưa nghe nói đến cung thất bao giờ à? Vua Solomon cũng có khối ra đấy. Ông ta có đến hàng triệu bà vợ.

- Ừ nhỉ. Thế mà tôi không nhớ ra đấy. Một cung thất là một cái quán trọ ấy. Có lẽ các bà vợ vua cãi nhau chí chóa suốt ngày trong cái nhà nuôi trẻ ở đấy. Ấy thế mà người ta cứ bảo Solomon là người khôn ngoan nhất đời. Tôi không tin. Khôn ngoan gì mà lại sống với các bà vợ chí chóa với nhau suốt ngày như thế? Không! Không bao giờ! Một người khôn ngoan thì đã cho xây một xưởng làm nồi súp-de để khi nào cần nghỉ ngơi, hẳn có thể đóng cửa nhà máy lại chứ!

- Ấy thế mà ông ta là người khôn ngoan nhất đấy. Bà quả phụ bảo thế mà.

- Mặc kệ cái bà quả phụ ấy. Tôi chỉ biết ông ta có những cái ngu xuẩn chưa từng thấy. Cậu có biết chuyện thằng bé sắp sửa bị ông ta chặt ra làm đôi không?

- Có, tao có nghe bà quả phụ nói chuyện ấy.

- Cậu nghĩ xem, đó có phải là cái điều kì cục nhất thế gian không? Cứ nghĩ mà xem. Thí dụ như cái gốc cây kia là một trong hai người đàn bà ấy... cậu là người đàn bà thứ hai, tôi là Solomon... còn tờ giấy đô la này là đứa trẻ. Cả cậu lẫn cái gốc cây kia đều bảo đứa trẻ là con của mình. Tôi phải giải quyết thế nào? Đáng lẽ tôi phải đi hỏi han láng giềng, hàng xóm xem tờ đô la này thực sự của ai, rồi đem trả cho chủ nó, trả tờ giấy bạc nguyên vẹn. Đó là lối giải quyết của người khôn ngoan. Nhưng không, tôi

lại không làm thế. Tôi xé toạc tờ đô la làm đôi, cho cậu một nửa, còn người đàn bà kia một nửa khác. Cách giải quyết của Solomon về thằng bé con cũng thế đó. Bây giờ tôi hỏi cậu. Lấy một nửa tờ đô la thì để làm gì? Có mua được cái cóc gì đâu. Vậy thì một nửa đứa bé làm cái gì được? Cho tôi một triệu cái nửa ấy tôi cũng không thèm.

- Khoan đã, Jim. Mày hiểu sai hoàn toàn rồi.

- Ai? Tôi mà sai à? Thôi đừng đem cái chuyện đúng hay sai của cậu mà nói với tôi nữa! Tôi biết thế nào là đúng thế nào là sai, còn cái lối giải quyết của Solomon là ngu dốt. Mấy người đàn bà ấy tranh nhau cả đứa bé ấy, chứ đâu có phải giành nhau một nửa. Ấy thế mà cái ông Solomon ấy lại giải quyết bằng cách chia đôi đứa bé ra, như thế là ông ta chẳng biết gì cả. Thôi đừng nói đến cái lão Solomon ấy nữa. Tôi biết tởm tởm tong rồi.

- Nhưng mà, Jim ạ, mày chưa hiểu ý nghĩa của câu chuyện.

- Vứt mẹ cái ý nghĩa ấy đi. Tôi hiểu rõ điều gì tôi nói. Ý nghĩa của nó còn sâu xa hơn thế nữa kia. Nó nằm ngay trong cách sống của Solomon ấy. Cậu thử nghĩ xem. Một người chỉ có một hai con, có bao giờ phung phí trẻ con đi như vậy không? Không bao giờ. Hẳn phải biết trẻ con là quý như thế nào. Nhưng mà một kẻ đã có đến ngót năm triệu đứa con chạy lăng quăng khắp nhà thì khác hẳn. Hẳn sẽ chặt một đứa trẻ ra làm hai, như chặt một con mèo vậy. Hẳn còn vô số kia mà. Thêm hay bớt một vài đứa có nghĩa lí gì đối với Solomon. Hẳn lại còn thích thế là đằng khác!

Tôi chưa thấy người da đen nào như thằng Jim. Khi hẳn đã có ý nghĩ gì trong đầu thì không cách nào mà rút ra được. Hẳn oán ghét Solomon hơn bất cứ người da đen nào khác. Tôi gạt chuyện

Solomon sang một bên, quay sang nói về các ông vua khác. Tôi kể cho hắn nghe chuyện vua Louis thứ mười sáu bị chém đầu ở Pháp cách đây đã lâu, và về chuyện hoàng thái tử, con ông, đáng lẽ lên làm vua nhưng lại bị giam cầm, và có người nói rằng ông này đã chết trong ngục.

- Tôi nghiệp anh chàng ấy nhỉ! - Jim nói.

- Nhưng mà có người lại nói rằng ông ấy trốn được, rồi bỏ chạy sang Mỹ.

- Thế thì tốt... nhưng chắc là anh ta bị cô đơn lắm. Ở đây không có vua mà, phải không, Huck?

- Không.

- Thế thì anh ta chẳng làm ăn gì được. Anh ta làm gì hở Huck?

- Tao cũng chẳng biết. Có thể là đi làm cảnh sát hay là dạy người ta nói tiếng Pháp.

- Này, Huck. Thế người Pháp không nói tiếng giống như mình à?

- Không. Mà không hiểu tiếng họ nói đâu... không hiểu một chút nào hết.

- Cậu làm tôi điên cái đầu! Cái tiếng ấy như thế nào?

- Tao không biết. Tao chỉ đọc được một vài câu nói chuyện của họ trong sách thôi. Giả thử bây giờ có người đến nói với mày: “Po-li-vu-phờ-ren-xi”^{*} thì mày nghĩ thế nào?

- Tôi chẳng nghĩ gì cả. Tôi sẽ nện lên đầu hắn... nếu hắn không phải là da trắng. Tôi không cho phép bất cứ đứa da đen nào chửi tôi như thế.

- Mẹ kiếp! Cậu ấy chẳng có gì là chửi rủa cả đâu. Nó chỉ có

nghĩa là anh có nói được tiếng Pháp không?

- Thế tại sao lại nói như thế?

- Đó là cách nói của người Pháp mà.

- Thật là cách nói lố bịch. Tôi không muốn nghe nữa. Nó chẳng có nghĩa gì cả.

- Này, Jim. Thế con mèo có nói giống như mình không?

- Không. Con mèo thì không.

- Thế con bò?

- Con bò cũng không.

- Thế con mèo và con bò nói có giống nhau không?

- Không.

- Chúng nói khác nhau là lẽ đương nhiên, có phải không?

- Tất nhiên rồi.

- Thế mèo và bò nói khác chúng ta cũng là lẽ tự nhiên, phải không?

- Chắc chắn là như thế.

- Vậy thì người Pháp nói khác chúng mình có phải là lẽ tự nhiên hay không? Mà cứ trả lời tao đi!

- Con mèo có phải là người không, Huck?

- Không.

- Vậy thì không có lí gì mà con mèo nói giống như người. Con bò có phải là người không? Hay, con bò có phải là con mèo không?

- Không. Con mèo chẳng phải là người hay là bò.

- Thế thì chẳng có lí gì mà nó nói như người hay như bò cả.

Thế người Pháp có phải là người không nào?

- Phải.

- Vậy thì, mẹ kiếp, tại sao hắn lại không nói giống như người. Cậu cứ trả lời cho tôi đi.

Tôi thấy không có ích lợi gì mà cãi cọ với hắn. Không ai có thể dạy người da đen lí luận gì được. Vì thế, tôi bỏ cuộc.

Chú thích của người dịch về chương XIV:

Solomon là con thứ hai của David, nối ngôi cha làm vua xứ Israel vào khoảng năm 970 trước Công nguyên. Ông nổi tiếng là người giàu có, có nhiều vợ, và rất khôn ngoan. Câu chuyện về sự khôn ngoan của Solomon, mà Jim kể trong chương này thực sự như sau:

“Xưa kia, có hai người đàn bà đem một đứa bé đến nhờ Salomon phân xử, vì người nào cũng nhận đứa bé là con của mình. Solomon bèn ra lệnh cho chặt đứa bé làm đôi, cho mỗi người một nửa. Một trong hai người đồng ý. Người đàn bà thứ hai liền xin tha cho đứa trẻ, và nếu cần, bà sẵn lòng giao cả đứa bé cho người kia nuôi nấng. Solomon bèn quyết định rằng chính người đàn bà xin tha cho đứa bé mới là người mẹ thực sự của đứa trẻ.”

Câu chuyện là như vậy, nhưng Jim chỉ chú ý đến đoạn đầu mà không nói đến đoạn cuối, nên Huck mới bảo rằng Jim đã hiểu sai câu chuyện, bởi vì “hắn oán ghét Solomon hơn bất kì người da đen nào khác”.

Thực ra Jim cũng có lí do để oán ghét Solomon, vì ông này cũng còn nổi tiếng về sự tàn bạo. Solomon đã cho xây một ngôi

đền rất lớn ở Jerusalem, và để xây ngôi đền này và các cung điện khác nữa, ông đã bắt dân công nô lệ làm việc cực nhọc, chở gỗ đá từ các vùng xa xôi đến Jerusalem. Việc này đã gây công phẫn trong dân chúng và dẫn đến nhiều cuộc nổi loạn dưới triều ông, nhưng tất cả đều bị Solomon thẳng tay đàn áp.

CHƯƠNG 15

TỘI NGHIỆP CHO JIM!

 Chúng tôi dự đoán phải mất thêm ba đêm nữa mới đến Cairo, ở cuối bang Illinois, nơi có con sông Ohio chảy vào. Đó là nơi chúng tôi đang nhắm đi tới. Đến đấy, chúng tôi sẽ bán chiếc bè, rồi lên tàu thủy đi đến bang Ohio, giữa các tiểu bang tự do, như thế sẽ không còn phải lo lắng gì nữa.

Đêm thứ hai, sương mù bắt đầu xuất hiện. Chúng tôi tìm đến một cồn cát để buộc bè vào đó, vì không có cách nào tiếp tục đi trên sông trong lúc có sương mù. Tôi chèo xuồng đi tới trước, mang theo sợi dây buộc bè, nhưng ở đấy chỉ có những bụi cây nhỏ. Tôi tròng sợi dây vào một cây con trên rìa bờ đã bị xói mòn, nhưng ngay lúc ấy, một dòng nước chảy xiết cuốn chiếc bè trôi đi, đứt phăng luôn sợi dây và rẽ cây. Sương mù phủ xuống dày đặc. Tôi vừa thất vọng vừa lo sợ, đứng yên không động đậy trong nửa phút đồng hồ. Chiếc bè đã mất hút, vì mắt tôi lúc bấy giờ không nhìn thấy xa quá hai mươi thước. Tôi nhảy lên xuồng, chạy về phía đuôi, nắm lấy mái chèo để lui xuồng ra. Nhưng nó không di chuyển được chút nào, thì ra vì quá vội vã, tôi đã quên không tháo dây buộc xuồng. Tôi đứng dậy cố tháo sợi dây, nhưng tay tôi run quá, không làm gì được.

Khi ra được khỏi bờ, tôi cố đuổi theo chiếc bè một cách gấp gáp và khó nhọc, xuống phía dưới cồn cát. Cho đến lúc bấy giờ thì không có chuyện gì xảy ra, nhưng cồn cát không ngăn chừng sáu mươi thước như tôi tưởng. Khi tôi vừa đi đến cuối cồn cát thì sương trắng dày đặc, không còn biết hướng nào mà đi nữa.

Bấy giờ dầu tôi có chèo thêm nữa cũng chẳng ích lợi gì. Không chóng thì chầy tôi cũng sẽ đâm vào một bờ đất, cồn cát hay một cái gì đó. Tôi đành phải ngồi yên cho xuồng trôi đi. Nhưng nếu cứ phải ngồi khoanh tay ngồi yên một chỗ thì không chịu nổi. Tôi liền hú lên một tiếng rồi lắng tai nghe. Từ phía xa xa dưới kia, hình như có một tiếng hú nhỏ nhỏ đáp lại. Tôi bắt đầu lên tinh thần. Tôi phóng ngay về phía ấy, cố lắng nghe một lần nữa. Đến tiếng hú thứ hai, tôi nhận thấy tôi không tiến đến phía ấy mà đã đi quá xa về phía bên phải. Rồi khi nghe tiếng hú tiếp theo nữa, tôi lại thấy mình đang hướng về phía bên trái. Tôi không gàn thêm được bao nhiêu, mà cứ xoay tròn, lúc thì về hướng này, lúc hướng kia, nhưng mặc dù thế, xuồng tôi vẫn cứ thẳng về phía trước.

Đáng lẽ thẳng ngu ngốc ấy phải lấy một cái xoong đập lên liên hồi, nhưng hẳn lại không làm như thế. Chính những khoảng trống yên lặng giữa những tiếng hú ấy đã làm cho tôi bối rối nhiều nhất. Thế rồi, trong khi cố đuổi theo, bỗng nhiên tôi lại nghe tiếng hú ấy ở phía sau lưng tôi. Lúc bấy giờ, tôi bối rối vô cùng. Như vậy, đó là tiếng hú của một người nào khác, hoặc là xuồng của tôi đã quay ngược đầu trở lại.

Tôi thả mái chèo xuống, lại nghe tiếng hú lần nữa, vẫn ở phía sau tôi, nhưng lần này từ một nơi khác. Rồi tiếng ấy cứ tiếp tục nổi lên, lúc ở chỗ này, lúc ở chỗ khác, tôi vẫn cứ hú trả lời, cứ tiếp

tục mãi như thế, cho đến lúc tôi lại nghe tiếng hú ấy ở ngay phía trước. Lúc bấy giờ tôi biết rằng dòng nước đã xoay mũi xuống trôi xuôi dòng, và như vậy là tôi an toàn, nếu tiếng hú ấy là của thằng Jim chứ không phải của người đi bè nào khác. Tôi không thể nào phân biệt được các âm thanh trong sương mù, vì lúc bấy giờ mọi thứ trông thấy hay nghe thấy được đều không có vẻ gì là bình thường cả.

Tiếng hú vẫn tiếp tục, rồi chỉ trong một phút, xuống tôi bỏ nhào xuống một bờ đất lở có nhiều cây to hiện ra lơ lơ như bóng ma. Nhưng rồi dòng nước lại hất tôi sang phía bên trái, chiếc xuống lại lướt qua mép bờ, giữa các rễ cây, đá ngầm rì rầm, vì ở đây nước chảy rất xiết.

Chỉ vài giây đồng hồ sau đó, tất cả cảnh vật đều bị bao trùm dưới sương mù dày đặc, yên lặng vô cùng. Tôi ngồi bất động, lắng nghe tim tôi đập từng hồi và nín thở trong khi tim tôi đập đến một trăm nhịp.

Tôi đành phải bỏ cuộc thôi, sau khi đã hiểu rõ mọi sự. Cái bờ đất lở kia chính là một hòn đảo, và thằng Jim đang đi ở phía bên kia hòn đảo ấy. Đó chẳng phải là còn cát gì cả, vì tôi không thể nào đi men theo một cồn cát lâu đến mười phút đồng hồ. Ở đó, có nhiều cây to như thường thấy trên một hòn đảo thật sự. Hòn đảo ấy có thể dài đến năm, sáu dặm và rộng hơn nửa dặm.

Tôi giữ tuyệt đối im lặng, chú ý lắng nghe trong khoảng mười lăm phút. Trong khi ấy thì xuống tôi vẫn cứ tiếp tục trôi đi với tốc độ bốn hay năm dặm một giờ. Nhưng lúc bấy giờ tôi không nghĩ đến điều ấy. Trong hoàn cảnh như vậy, bạn sẽ có cảm giác như mình đang nằm yên như chết trên mặt nước. Nếu liếc nhìn thật nhanh xuống các mỏm đá hay rễ cây thì bạn không thể nào nghĩ

được rằng mình đang lướt đi nhanh đến như thế. Nhưng bạn hãy nín thở và tưởng tượng xem - Trời! - Các chương ngại vật xung quanh mình vút qua nhanh đến mức nào. Còn nếu bạn chưa thấy được nỗi buồn chán và cô đơn của kẻ đi lạc trong sương mù vào lúc ban đêm, thì bạn cứ thử một lần đi. Bạn sẽ thấy rõ.

Trong khoảng nửa giờ đồng hồ tiếp theo đó, tôi hú lên từng chập. Sau cùng, tôi nghe có tiếng trả lời vọng lên từ rất xa. Tôi lại cố đuổi theo, nhưng không thể được. Ngay lúc ấy, tôi thấy mình đang đi đến một vùng có rất nhiều cồn cát, vì tôi thoáng thấy chúng ở khắp nơi hai bên tôi - có khi tôi chỉ thấy một cái lạch nhỏ giữa hai cồn cát, có khi thì không thấy nhưng biết rằng có cồn cát ở đó vì nghe sóng nước đập vào bụi cây cần cỗi hay rác rưởi bám vào bờ. Tôi đã mất hút tiếng hú giữa các cồn cát, nhưng không bao nhiêu lâu sau đó, tôi lại nghe tiếng hú ấy, rồi lại đuổi theo một lát nữa, chẳng khác nào đuổi theo bóng ma trời. Tôi chưa từng nghe tiếng động nào mà lẩn tránh rồi thay đổi vị trí nhanh và nhiều lần đến như vậy.

Tôi phải chèo ra xa bờ thật nhanh, đến bốn hoặc năm lần như thế, để khỏi đâm vào các hòn đảo, nên tôi chắc rằng chiếc bè cũng phải đụng vào bờ nhiều lần, nếu không thì nó đã đi trước tôi rất xa rồi, không còn nghe thấy nữa, vì nó trôi nhanh hơn xuồng của tôi một chút.

Một lát sau, hình như tôi đã ra đến giữa sông rộng, nhưng lúc bấy giờ không còn nghe tiếng hú ở đâu nữa. Tôi đoán rằng thằng Jim có lẽ đã va phải một mỏm đá ngầm nào đó rồi, thế là hết đời hẳn. Tôi mệt mỏi quá, nằm lặn xuống xuồng, không còn bận tâm điều gì nữa. Cố nhiên, tôi không muốn ngủ, nhưng mắt cứ riu lại, không chống đỡ nổi nữa, nên tôi định ngủ gà ngủ gật một lúc.

Thật ra thì không phải là ngủ gà ngủ gật, vì lúc tôi thức dậy, đã thấy sao sáng trên bầu trời, sương mù đã tan đi, còn xuồng tôi thì đang xoay tròn trôi xuống một khúc quanh qua con sông, đuôi thuyền hướng về phía trước. Tôi không biết mình đang ở đâu và có cảm tưởng như đang ở trong một giấc mơ. Đến khi tỉnh trí trở lại, tôi cảm tưởng như mọi sự việc đã xảy ra từ tuần lễ trước, bây giờ chỉ còn nhớ lại một cách lơ mờ.

Đó là một con sông rất rộng với những lùm cây rất cao và rất to ở hai bên bờ. Dưới ánh sao, chúng hiện ra như những bức tường vững chắc. Tôi nhìn xuống phía xa dưới dòng sông thì thấy một chấm đen trên mặt nước. Tôi liền đuổi theo chấm đen ấy. Nhưng khi lại gần mới nhận ra đó chỉ là vài ba khúc gỗ ghép lại với nhau. Một chấm đen nhỏ khác xuất hiện, tôi lại đuổi theo. Rồi một chấm khác nữa hiện ra, nhưng lần này thì đúng là chiếc bè của chúng tôi.

Khi tôi chèo đến chiếc bè, Jim đang ngồi gục đầu xuống đầu gối ngủ, cánh tay phải lủng lẳng trên mái chèo. Cái chèo thứ hai thì đã gãy, trên bè phủ đầy lá cây, cành cây và rác rưởi. Chắc nó đã phải trải qua những giờ phút gay go lắm.

Tôi buộc xuồng lại, đến nằm ngay trước mặt Jim rồi vừa ngáp, đuổi tay về phía hấn vừa nói:

- Này, Jim, tao ngủ đã lâu chưa? Sao mày không đánh thức tao dậy?

- Trời! Cậu đấy hả, Huck? Cậu không chết... không bị trôi sông... Cậu trở về thật đấy hả? Tôi mừng quá, không dám tin là có thật. Cho tôi nhìn cậu, sờ vào người cậu một cái xem nào. Không! Cậu không chết. Cậu về thật rồi mà, không sút mẻ gì cả, vẫn là

anh bạn Huck cũ của tôi. Cảm ơn trời!

- Ồ kìa, mày làm cái gì thế, hử Jim? Mày vừa mới uống rượu xong hả?

- Uống rượu à? Thì giờ nào mà nghĩ đến rượu?

- Thế tại sao mày nói kì quặc như vậy?

- Tôi nói gì mà kì quặc?

- Nói gì à? Mày mới nói cái gì về việc tao trở về và những thứ lắm nhảm như vậy, như thể là tao đi lạc đâu đó rồi tao trở về vậy.

- Huck, cậu nhìn thẳng vào mắt tôi này. Có phải cậu vừa mới bỏ đi không?

- Bỏ đi à? Mày nói cái gì vậy? Từ lúc ấy đến giờ, tao có đi đâu đâu. Mà tao đi đâu mới được kia chứ?

- Nghe đây này, Huck. Chắc là có gì không ổn rồi đó. Tôi có phải là tôi hay là ai nhỉ? Tôi đang ở đây hay là cái gì? Đó là điều mà *tôi* muốn biết ngay bây giờ.

- Tao nghĩ rằng mày đang ở đây mà. Rõ ràng lắm, nhưng đầu óc của mày bị lộn xộn lắm, Jim ạ.

- Thật thế không? Cậu trả lời cho tôi một câu. Có phải cậu đã cầm lấy sợi dây bè, đi xuống ra để buộc vào cồn cát không?

- Đâu có! Cồn cát nào? Tao chẳng thấy cồn cát nào cả.

- Không thấy cái nào cả à? Thế có phải cái sợi dây tuột ra, rồi chiếc bè trôi xuống dòng sông, còn cậu và chiếc xuồng ở lại phía sau trong sương mù, hay không?

- Sương mù nào?

- Sương mù ấy mà! Sương mù suốt cả đêm, chứ còn sương mù nào nữa. Thế cậu có hú không? Có nghe tôi hú không? Thế rồi cả

hai đứa mình đều lạc nhau giữa các hòn đảo, không đứa nào biết đứa kia ở đâu, có phải thế không? Tôi đâm vào vô số các hòn đảo, suýt chết chìm. Có đúng như vậy không, hỡi ông chủ con? Đúng vậy không? Cứ trả lời cho tôi đi.

- Mà thế là quá lắm rồi, Jim ạ. Tao chẳng thấy sương mù, chẳng thấy hòn đảo, chẳng gặp rắc rối gì hết. Tao vẫn ngồi đây, nói chuyện với mày suốt đêm cho đến lúc mày ngủ thiếp đi cách đây chừng mười phút. Sau đó, tao cũng ngủ. Có lẽ mày đã uống rượu nên mới mơ thấy những chuyện như thế.

- Mẹ kiếp! Làm sao mà tôi mơ được từng ấy thứ chỉ trong có mười phút ấy mà thôi?

- Khỉ lắm nữa. Chính mày đã mơ mà. Chẳng có chuyện gì như thế xảy ra cả.

- Nhưng, Huck này, tôi thấy rõ ràng như là...

- Rõ ràng hay không rõ ràng thì cũng thế thôi. Sự thật, chẳng có chuyện gì cả. Tao vẫn ngồi đây từ lúc ấy đến giờ, tao phải biết chứ.

Jim không nói gì trong năm phút, có vẻ suy nghĩ dữ lắm. Bỗng hắn nói:

- Phải, tôi mơ thực, Huck ạ. Đó là giấc mơ ghê gớm nhất mà tôi từng thấy. Chưa bao giờ một giấc mơ lại làm cho tôi mệt mỏi như lần này.

- Không hề gì. Nằm mơ thì trong người bao giờ cũng mệt. Nhưng giấc mơ này làm mày mất sức thật đấy. Mày kể cho tao nghe giấc mơ ấy đi.

Jim bèn kể cho tôi nghe từ đầu chí cuối đúng như đã xảy ra tuy có vẻ vời vờ thêm khá nhiều. Rồi hắn bảo rằng hắn phải cố tìm

hiểu để “giải thích” cho được giấc mơ ấy, bởi vì đó là một điềm báo trước. Hấn nói rằng cái còn cát đầu tiên tượng trưng cho một người cố gắng làm điều tốt, nhưng dòng nước là một người xấu cố tìm cách tách rời chúng tôi ra khỏi con người tốt. Những tiếng hú là những dấu hiệu báo nguy hiểm thoảng lại xuất hiện, nhưng nếu mình không cố tìm hiểu cho ra thì sẽ gặp điều không may, thay vì tránh xa được. Các còn cát hiện ra hằng hà sa số ấy là những điều khó khăn trắc trở mà chúng tôi sẽ gặp phải với những kẻ hay gây gỗ và tất cả những loại người xấu xa, nhưng nếu chúng tôi biết lo riêng việc mình, không cãi cọ lại với họ, không làm điều gì cho trầm trọng thêm thì chúng tôi sẽ vượt qua được, giống như là đi ra khỏi sương mù đến giữa dòng sông rộng rãi, trong sáng, tức là đến những tiểu bang tự do vậy. Lúc bấy giờ không còn phải lo nghĩ gì nữa.

Khi tôi mới bước lên bè, trời còn đầy mây và tối, bây giờ thì trời sáng sủa hẳn.

- Mà giải thích giấc mơ hay đấy, Jim ạ, - tôi nói - nhưng mà những thứ kia tượng trưng cho cái gì?

Tôi vừa nói vừa chỉ những lá cây, rác rưởi trên bè và chiếc chèo bị gãy. Bây giờ chúng tôi mới nhìn thấy những thứ ấy rất rõ ràng.

Jim nhìn chỗ rác rưởi, quay sang nhìn tôi, rồi nhìn trở lại đồng rác. Giấc mơ vẫn còn ám ảnh trong đầu hẳn, cho nên hẳn không thể rũ sạch ngay tức khắc để trở về với thực tại được. Khi hẳn bắt đầu nhận ra được sự thực xung quanh, hẳn nhìn tôi chăm chăm, rồi nói, mà không cười một chút nào:

- Những thứ ấy tượng trưng cho cái gì à? Để tôi nói cho mà

nghe. Tôi đã phải làm việc như điên, gọi cậu cho đến rát cả cổ, rồi khi đi ngủ, trái tim của tôi như sắp vỡ ra vì chuyện cậu bị mất tích. Tôi không cần biết đến số phận của tôi và của chiếc bè. Thế rồi khi tỉnh dậy, tôi thấy cậu trở về nguyên vẹn, nước mắt tôi trào ra, tôi muốn nhảy xuống hôn chân cậu. Tôi mừng rỡ quá sức. Thế còn cậu, cậu chỉ nghĩ đến việc trêu tôi bằng cách nói láo. Các thứ nhảm nhí trên bè kia là rác rưởi, cậu hiểu không? Nó tượng trưng cho cái gì à? Rác rưởi ấy là những hạng người đã nhét các thứ nhơ bẩn vào đầu những người bạn thân của mình để làm cho họ phải thẹn thùng.

Nói xong, hắn từ từ đứng dậy, đi vào trong chòi, không nói thêm một lời nào. Nhưng thế đã là quá đủ. Những câu nói ấy làm cho tôi thấy xấu hổ, thấy mình kém quá, đến nỗi tôi có thể, ngay lúc bấy giờ, cúi xuống hôn chân hắn để xin rút lại lời nói của tôi.

Phải mất đến mười lăm phút sau đó, tôi mới lấy được đủ can đảm để đi đến chỗ người da đen và tự hạ mình trước mặt hắn. Tôi đã làm việc ấy, và cả về sau đó nữa, tôi không bao giờ hối tiếc về việc làm ấy. Từ đó, tôi không bao giờ giở những trò bỉ ổi như thế để trêu hắn nữa. Nếu trước đó, tôi biết rằng lối trêu chọc của tôi có thể khiến hắn phải giận dữ đến như vậy, thì chắc hắn tôi đã không làm như thế.

CHƯƠNG 16

HẬU QUẢ CỦA VIỆC SỜ DA RẮN

húng tôi ngủ gần suốt ngày, đến đêm thì khởi hành, đi theo sau, cách một quãng ngắn, một chiếc bè khác, dài và đồ sộ giống như một đoàn diễu hành. Chiếc bè ấy có bốn cái chèo dài ở mỗi đầu, do đó tôi đoán chừng nó chở đến ba mươi người. Trên bè có năm cái chòi lớn, cách quãng nhau khá xa, một nơi đốt lửa ngoài trời ngay ở phía giữa, và một cột cờ cao ở mỗi đầu. Nhìn chung, chiếc bè ấy có nhiều vẻ rất kiểu cách. Tôi nghĩ rằng được làm việc trên một chiếc bè như vậy chắc là “có giá” lắm.

Chúng tôi trôi xuống đến một khúc quanh rộng lớn của con sông. Trời ban đêm đầy mây và nóng nực. Con sông rất rộng, hai bên bờ toàn là cây to làm thành những bức tường dài, không bị gián đoạn, không có ánh đèn. Chúng tôi bàn về thành phố Cairo, rồi tự hỏi, khi đến nơi, chúng tôi có nhận ra được thành phố ấy hay không. Tôi cho rằng sẽ khó mà nhận ra lắm vì nơi ấy chỉ có chừng hơn một chục nóc nhà, và nếu họ không thắp đèn lên thì không sao nhận ra được. Jim nói ở đấy có hai con sông lớn gặp nhau, nên rất dễ nhìn thấy. Nhưng tôi lại ngại rằng chúng tôi có thể sẽ đi quá chân một hòn đảo rồi lọt vào con sông cũ một lần nữa. Điều này khiến cho Jim đâm ra lo sợ - và tôi, cũng thế. Vậy

thì câu hỏi đặt ra là chúng tôi phải làm thế nào?

Tôi đưa ra ý kiến là tôi sẽ chèo xuồng lên bờ khi nào thấy ngọn đèn đầu tiên xuất hiện, rồi bịa ra rằng cha tôi đang đi đến sau trên một chiếc xà lan chở cát đá, nhưng vì mới bắt đầu vào nghề nên không biết còn cách xa Cairo bao nhiêu dặm đường. Jim cho là một ý kiến hay. Sau đó, chúng tôi ngồi hút thuốc lá, chờ đợi.

Không có việc gì làm nữa, ngoài việc đưa mắt trông chừng thành phố Cairo, để khỏi đi quá xa mà không biết. Jim bảo hẳn có thể khá chắc chắn sẽ trông thấy thành phố ấy, bởi vì ngay giờ phút hẳn thấy được thành phố Cairo, hẳn sẽ trở thành một con người tự do rồi, còn nếu để lỡ, hẳn sẽ lại đi vào một vùng đất nô lệ, không còn mong gì được thấy tự do nữa. Chốc chốc hẳn lại nhảy lên nói:

- Nó kia kìa.

Nhưng không phải. Đó chỉ là những ánh lửa ma trời, hay là những con đom đóm. Hẳn lại ngồi xuống, lại tiếp tục canh chừng. Jim nói người hẳn run lên như bị cơn sốt mỗi khi nghĩ rằng mình sắp sửa được tự do. Quả thực, tôi cũng thấy run người lên khi nghe hẳn nói như vậy. Chính ngay vào giờ phút này, hẳn đã được tự do rồi. Vậy ai là người đáng trách trong vụ này? Chính là tôi. Tôi không có cách nào dứt bỏ ý nghĩ ấy trong tiềm thức, khiến cho lòng tôi cứ bị dẫn vật không yên. Tôi không thể nào đứng yên bất động. Ý nghĩ về hành động này của tôi chưa hề đến trong đầu óc tôi trước đó. Nhưng bây giờ đây, nó xâu xé, dẫn vật tôi mỗi lúc một thêm dữ dội. Tôi cố biện minh rằng tôi chẳng có gì đáng trách cả, bởi vì tôi không rủ rê thằng Jim chạy trốn khỏi tay người chủ chính đáng của nó. Nhưng vô ích, lương tâm tôi vẫn bị thức tỉnh và nói với tôi: “Mày biết rằng hẳn chạy trốn để đi tìm tự do,

vậy đáng lí mày phải chèo vào bờ, báo cho người ta biết”. Đúng thế, tôi không còn cách nào biện minh cho hành động của tôi được. Đó chính là điều khiến tôi day dứt. Lương tâm lại bảo với tôi: “Cô Watson đáng thương kia làm gì mày đâu mà mày lại đối xử với cô ta tệ bạc đến như vậy. Cô ấy dạy cho mày biết đọc, dạy cho mày cách cư xử và tìm mọi cách giúp đỡ cho mày. Cô ta đối xử với mày tốt như thế đó”.

Tự nhiên tôi cảm thấy mình hèn hạ, xấu xa, tưởng chừng như nếu chết đi được vào lúc này âu cũng là điều may. Tôi bồn chồn đi lên đi xuống chiếc bè, miệng không ngớt nguyên rủa chính mình. Thằng Jim đi qua đi lại trước mặt tôi, cũng bồn chồn không kém. Không ai nói với ai một lời nào. Cứ mỗi lúc, hắn lại nhẩy múa, mồm nói: “Cairo ở kia rồi!”. Câu nói của hắn xuyên qua người tôi như một mũi tên. Giá như đó là thành phố Cairo thực sự thì có lẽ tôi sẽ khổ sở đến chết mất.

Jim nói luôn mồm, trong khi tôi trầm ngâm suy nghĩ. Hắn nói rằng công việc đầu tiên của hắn khi đến tiểu bang tự do, là để dành tiền, không tiêu phí một xu nhỏ, khi có đủ tiền rồi, hắn sẽ mua vợ hắn, hiện thuộc quyền sở hữu của một nông trại gần nhà cô Watson. Sau đó, cả hai vợ chồng hắn sẽ cật lực làm việc để mua lại hai đứa con của hắn. Nếu những người chủ cũ không chịu bán lại cho hắn, hắn sẽ nhờ một tay thuộc nhóm chủ trương bãi bỏ nô lệ đến tận nơi, đem trộm vợ con hắn đi.

Tôi nghe hắn nói như vậy mà lạnh cả xương sống. Xưa kia, không bao giờ hắn dám nói những điều như vậy. Thì ra hắn đã hoàn toàn đổi khác, khi nghĩ mình sắp sửa được tự do, đúng như câu tục ngữ người ta thường nói về người da đen là “Được voi thì đòi tiên”. Hậu quả của việc thiếu suy nghĩ của tôi là như thế đó.

Trước mắt tôi bây giờ là một tên da đen, mà tôi đã giúp đỡ để chạy trốn, dám thẳng thừng tuyên bố rằng hắn sẽ đánh cắp những đứa con của hắn - tức là những đứa trẻ thuộc quyền sở hữu của một người nào đó mà tôi không quen biết, một người chưa hề làm điều gì hại tôi.

Tôi rất tiếc rằng Jim đã nói lên những điều ấy, làm giảm giá trị của hắn đối với tôi rất nhiều. Lương tâm của tôi một lần nữa lại trôi dạt, mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Tôi tự nhủ: “Thôi, mình cứ yên tâm đi... không quá chậm đâu... mình sẽ trèo lên bờ, khi nào thấy ngọn đèn đầu tiên, rồi báo cho người ta biết”. Tự nhiên tôi thấy nhẹ nhõm trong lòng. Tất cả những lo âu của tôi phút chốc bị xóa sạch. Tôi đưa mắt nhìn xung quanh, cố tìm ra một ánh đèn, trong lòng cảm thấy phấn khởi. Một lát sau, một ánh đèn xuất hiện. Jim kêu to:

- Thoát nạn rồi! Chúng mình thoát nạn rồi. Huck ạ! Thành phố Cairo kia rồi, tôi biết mà!

Tôi nói:

- Để tao lấy xuống ra xem. Chắc không phải đâu.

Jim nhảy xuống xuống, chuẩn bị mọi thứ sẵn sàng cho tôi. Hắn lấy cái áo cũ đặt xuống lòng xuống để tôi ngồi cho êm, rồi đưa mái chèo cho tôi. Khi xuống tôi đã chèo ra, hắn nói với:

- Chẳng bao lâu nữa, tôi sẽ được tha hồ la hét vì sung sướng. Tôi sẽ nói đó là nhờ thằng Huck. Tôi là người tự do. Chắc chắn tôi không bao giờ thấy được tự do, nếu không nhờ có Huck. Huck đã làm tất cả cho tôi. Thằng Jim này không bao giờ quên ơn cậu đâu, Huck ạ. Cậu là người bạn tốt nhất của tôi, là người bạn duy nhất của tôi bây giờ đây.

Tôi chèo xuồng ra xa, trong lòng nóng như lửa đốt, sẵn sàng đi tố cáo thằng Jim. Nhưng câu nói của hắn vừa rồi làm cho tôi chùng hững, tiêu tan hết cả nghị lực. Tôi chèo đi chậm chạp, tự hỏi không biết mình đi như thế là điều đáng vui hay buồn. Khi xuồng tôi đi xa chừng mười thước, lại có tiếng thằng Jim nói với theo:

- Thế là cậu đi xuồng đó hộ cho tôi rồi đó, Huck ạ, cậu là người da trắng duy nhất biết giữ lời hứa với thằng Jim này.

Tim tôi đau nhói. Nhưng tôi vẫn cương quyết tự nhủ tôi phải tố cáo, không thể nào trốn tránh được việc làm ấy. Ngay lúc bấy giờ, một chiếc xuồng khác đi tới trên đó có hai người cầm súng. Họ và tôi đều dừng lại. Một người nói:

- Cái gì đằng kia đấy?

- Một chiếc bè nhỏ thôi ạ!

- Mà ở trên bè đó hả?

- Thưa các ông, vâng ạ.

- Có ai trên đó nữa không?

- Chỉ có một người thôi, thưa các ông.

- Đêm nay có năm thằng da đen bỏ trốn ở phía trên khúc quanh của con sông. Thế người của mày là da đen hay da trắng?

Tôi muốn trả lời cho thật lẹ, nhưng không được, vì không tìm ra được lời lẽ nào. Tôi cố thu hết can đảm trong một vài giây đồng hồ để nói ra cho hết, nhưng vô ích. Tôi không có cái gan của một con thỏ. Tôi cảm thấy như yếu dần, cuối cùng đành chịu bỏ cuộc, rồi nói:

- Da trắng!

- Để chúng tao lại xem tận mắt.

- Các ông đến được thì may quá. - Tôi nói - Cha cháu đang nằm trên bè. Các ông có thể nào kéo chiếc bè của chúng cháu vào bờ, ở nơi có ngọn đèn đăng kia được không? Cha cháu bị ốm, cả mẹ và em gái Mary của cháu ở nhà cũng bị ốm như thế nữa.

- Trời! Chúng tao đang bận việc gấp, nhưng trong trường hợp này thì có lẽ phải giúp thôi. Mày cứ chèo đi, chúng tao sẽ theo.

Tôi và những người ấy đều cầm lấy mái chèo. Khi chèo được một hai cái, tôi nói:

- Cha cháu sẽ cảm ơn các ông lắm đấy. Cháu nhờ ai kéo cái bè cho cháu, họ cũng đều từ chối cả. Một mình cháu làm sao đưa bè vào bờ được.

- Như thế thì tệ quá nhỉ, mà lại kì quặc nữa chứ. Này, bé con, thế bố mày đau bệnh gì thế?

- Dạ, đó là... đó là... nhưng mà không nặng lắm đâu ạ.

Họ ngưng ngay mái chèo. Lúc bấy giờ, chiếc bè không ở xa chỗ chúng tôi bao nhiêu. Một người nói:

- Bé con này, mày nói láo. Bố mày bị bệnh gì? Nói thật ngay đi, như thế hay cho mày hơn.

- Vâng, cháu xin nói thật... nhưng xin các ông đừng bỏ chúng cháu. Đó là bệnh... bệnh... Thôi, thưa các ông, các ông cứ chèo phía trước, cháu sẽ đưa sợi dây bè cho các ông. Các ông không cần phải lại gần bè... Cháu van xin các ông.

- Lui đi, John, lui ngay đi! - Một người nói. Họ lui xuống về phía sau. - Đứng xa ra, bé con... Xê ra về phía bên này này... Mẹ kiếp! Gió không khéo lại thổi về phía chúng tao. Bố mày bị bệnh

đậu mùa, mày biết rõ quá mà. Tại sao mày không nói ngay đi? Mày muốn nó lan ra khắp nơi hả?

- Dạ, nhưng mà, - tôi lắp bắp nói - cháu nói với mọi người như thế rồi, cho nên họ bỏ đi cả.

- Quả có thể như thế thực. Chúng tao rất thương mày, nhưng mà chúng tao không muốn bị lây cái bệnh đậu mùa, mày hiểu không? Tao bảo cho mày thế này nhé. Mày đừng có tự ý vào bờ một mình, không khéo lại làm vỡ tan hoang tất cả mọi thứ. Mày cứ cho bè trôi xuống chừng hai mươi dặm, đến một cái thị trấn ở bờ sông bên trái ấy. Mày sẽ đến sau khi mặt trời mọc một lúc, rồi mày sẽ nhờ người ta giúp đỡ cho. Nói với họ là bố, mẹ và em mày chỉ bị nóng lạnh xoàng thôi. Đừng có ngu dại nữa, làm cho người ta đoán ra được mọi chuyện. Bây giờ, chúng tao sẽ giúp cho mày, nhưng phải đi xa khỏi nơi này hai mươi dặm, nghe không? Đừng có lên bờ ở chỗ có ánh đèn kia, vô ích - chỗ ấy chỉ có sân chứa củi gỗ thôi. À này, tao nghĩ là cha mày nghèo, và phải nói rằng cha mày thật không may. Đây, tao bỏ hai mươi đô la trên tấm ván này. Khi nào nó trôi đến gần mày thì nhặt lấy. Chúng tao bỏ rơi mày như thế này thì cũng ân hận lắm, nhưng không thể đùa với cái bệnh đậu mùa quái ác ấy được đâu. Mày hiểu chứ?

- Khoan đã, Parker, - người thứ hai nói - đây là hai mươi đô la cậu bỏ trên tấm gỗ hộ cho tớ. Thôi chào mày nhé, bé con. Cứ làm như ông Parker vừa bảo sẽ ổn cả thôi.

- Thôi, được rồi, mày đi đi nhé. Nếu có thấy tên da đen nào bỏ trốn thì nhờ người ta giúp bắt hộ cho nhé, sẽ có tiền thưởng đấy.

- Chào các ông ạ. - Tôi nói - Cháu không để tên da đen nào lọt qua khỏi tay cháu đâu, nếu có thể.

Họ vừa đi khỏi, tôi nhảy ngay lên xuống, trong lòng cảm thấy buồn bã, khổ sở, bởi vì tôi biết tôi vừa làm một điều sai trái. Tôi không thể nào học được lối hành xử theo lẽ phải. Khi một người không bắt đầu tập làm theo lẽ phải lúc còn nhỏ thì lớn lên chẳng có hi vọng gì sửa chữa được - khi gặp khó khăn, họ không có gì để chống đỡ, để giúp cho họ hành động, thế là họ phải đầu hàng. Sau đó, tôi suy nghĩ một phút rồi tự nhủ: “Khoan đã. Giả thử như mày làm điều phải, mày sẽ tố cáo thằng Jim, vậy mày có cảm thấy dễ chịu hơn bây giờ không? Không! Mày sẽ thấy khổ sở, cũng khổ sở y như bây giờ vậy. Thế thì tội gì mà học làm điều phải, vì nếu làm theo lẽ phải thì gây thêm rắc rối, còn làm điều trái thì không, trong khi cái phần lợi lộc dành cho mình thì vẫn y như vậy?” Tôi chịu không tìm ra được giải đáp. Vì vậy, tôi không còn bận tâm về vấn đề này nữa, nhưng sau vụ này, tôi luôn luôn hành xử theo lối nào tôi cho là thuận tiện nhất, tùy theo lúc, mà thôi. Tôi đi vào trong chòi. Jim không có ở đấy! Tôi nhìn xung quanh, chẳng thấy hấn ở đâu cả. Tôi gọi to:

- Jim!

- Tôi ở đây này, Huck. Họ đã đi xa chưa? Đừng có nói to lên thế!

Hấn đang ở dưới nước, ngay dưới mái chèo ở đuôi bè, mũi nhô ra khỏi mặt nước. Tôi bảo hấn rằng họ đã đi mất hút, hấn có thể trèo lên bè được rồi.

Hấn nói:

- Tôi nghe được tất cả câu chuyện, cho nên tôi mới trườn xuống nước, định bụng sẽ bơi vào bờ nếu họ lên trên bè. Khi nào họ đi rồi, tôi sẽ bơi trở lại bè. Nhưng mà cậu đánh lừa được

chúng. Cậu tài quá. Cậu đã cứu được tôi. Thằng Jim này sẽ không bao giờ quên điều ấy đâu.

Sau đó, chúng tôi bàn đến món tiền vừa kiếm được. Thật là một số tiền rất lớn. Mỗi đứa được hai mươi đô la. Jim bảo chúng tôi sẽ mua vé tàu thủy, nằm trên boong tàu, số tiền còn lại sẽ dư dả để đi đến bất cứ nơi nào chúng tôi muốn, trong các tiểu bang tự do. Hẳn nói rằng hai mươi dặm thì cũng không xa lắm, nhưng hẳn chỉ mong muốn làm sao đến được nơi đó ngay.

Vào lúc rạng đông, chúng tôi buộc thuyền lại. Jim cẩn thận che giấu chiếc bè thật kĩ, rồi suốt cả ngày hôm ấy, hẳn gói ghém các thứ lại thành từng bó, để sẵn sàng rời bè bất cứ lúc nào.

Đêm hôm ấy, vào khoảng mười giờ chúng tôi thấy ánh đèn của một thị trấn hiện ra ở một khúc quanh phía bên trái.

Tôi liền chèo thuyền ra để hỏi han. Đi được một chốc thì gặp một người đàn ông đang chèo một chiếc xuồng nhỏ, có vẻ vội vã. Tôi chèo đến gần, hỏi:

- Thưa ông, đây có phải là Cairo không?
- Cairo à? Không. Mà yên rồi sao?
- Thế thị trấn này tên là gì ạ?
- Muốn biết thì cứ đi lên trên ấy mà hỏi. Nếu mà còn đứng đây quấy rầy tao thêm nửa phút nữa, thì đừng có trách.

Tôi chèo trở về bè. Jim tỏ ra rất thất vọng. Nhưng tôi bảo không hề gì, Cairo chắc sẽ là nơi kế tiếp.

Chúng tôi đi ngang qua một thị trấn khác trước khi trời sáng, nhưng nó nằm trên một vùng đất cao, nên tôi không ghé đó. Jim nói rằng xung quanh Cairo không có vùng đất nào cao cả. Ban ngày chúng tôi nghỉ lại trên một cồn cát gần sát bờ bên trái.

Trong lòng tôi bắt đầu nảy ra một mối nghi ngờ, và Jim cũng vậy. Tôi nói:

- Có lẽ chúng mình đã đi qua Cairo vào cái đêm có sương mù ấy.

- Thôi đừng nói đến nữa, Huck ạ. Những người da đen khôn khổ như tôi ít khi được may mắn. Tôi e rằng cái da rắn hôm ấy vẫn chưa hết đeo đuổi chúng ta cho đến bây giờ.

- Giá tao đừng có trông thấy cái da rắn ấy thì đâu đến nỗi, Jim nhỉ. Giá tao đừng để ý đến nó!

- Không phải lỗi tại cậu đâu, Huck ạ. Cậu đâu có biết được chuyện ấy. Đừng có tự trách mình như thế.

Khi trời sáng hẳn, rõ ràng đây là nước sông Ohio trong vắt ở trong bờ, còn phía ngoài kia là dòng sông Mississippi đục ngầu quen thuộc. Thế là không còn hi vọng gì đến Cairo nữa.

Chúng tôi bàn với nhau: Bây giờ, đi lên bờ thì không nên, còn đi ngược dòng sông bằng bè, cố nhiên là chuyện không thể có được. Chỉ còn có cách là đợi trời tối, rồi quay trở lại bằng xuồng cầu may xem sao. Nghĩ vậy xong, chúng tôi nằm ngủ suốt ngày trong bụi cây bông, để lấy sức khỏe mà làm việc. Nhưng đến chiều tối, khi chúng tôi quay trở về bè thì chiếc xuồng đã không cánh mà bay mất rồi!

Chúng tôi đứng khựng lại một hồi lâu, không thể thốt ra một lời nào nữa cả. Cả hai đứa đều hiểu rõ rằng đây lại là một trò nã của cái da rắn. Như vậy thì nói ra còn có ích lợi gì? Sự việc diễn ra như thế là chúng tôi càng oán trách bao nhiêu thì những điều rủi ro lại càng đến nhiều hơn - rồi sẽ cứ tiếp tục đến mãi cho đến chừng nào chúng tôi đã biết chán chê để rồi im lặng chịu đựng.

Chúng tôi bàn với nhau về cách xử trí tốt nhất, nhưng không tìm ra được cách nào, cuối cùng đành quyết định cứ tiếp tục đi xuôi bằng bè cho đến khi nào gặp cơ hội mua một chiếc xuồng khác, rồi sẽ quay trở lại. Chúng tôi sẽ không “mượn” những chiếc xuồng vắng chủ, như cha tôi thường làm, vì như vậy người ta sẽ đuổi theo bắt lại.

Sau khi trời đã tối mịt, chúng tôi cho bè ra giữa sông.

Những ai chưa tin rằng sờ vào da rắn là một hành động điên rồ, qua những sự kiện xảy ra với chúng tôi vừa rồi, chắc hẳn sẽ phải tin, nếu họ tiếp tục đọc thấy những rủi ro khác sẽ đến với chúng tôi về sau này.

Nơi mua xuồng thường là ở những chỗ có nhiều bè đậu bên bờ. Nhưng chúng tôi chẳng thấy chiếc bè nào đỗ cả. Vì thế, chúng tôi cứ phải tiếp tục đi mãi trong hơn ba giờ đồng hồ nữa. Đêm đã trở sang màu xám, khá dày đặc, cũng tệ hại không kém sương mù bao nhiêu. Chúng tôi không nhận ra được hình thù của con sông trước mặt và không trông được xa. Lúc bảy giờ, trời đã rất khuya và cảnh vật đều yên tĩnh, bỗng một chiếc tàu thủy đi ngược dòng sông từ từ lại gần. Chúng tôi thắp đèn lên cho chiếc tàu trông thấy. Những chiếc tàu đi ngược dòng thường không đi gần bè chúng tôi, vì họ vẫn đi dọc theo bờ cát hay chọn chỗ nước lặng dưới các vách đá cho dễ đi. Nhưng vào những đêm như thế này, họ đi thẳng vào giữa lòng nước sâu để đi lên.

Chúng tôi có thể nghe tiếng rầm rầm của bánh xe đập trên nước, nhưng chỉ trông thấy rõ khi chiếc tàu lại gần. Nó đang nhắm thẳng về hướng chúng tôi. Các tàu thủy vẫn thường làm như thế để xem có thể đến gần được bao nhiêu mà không đụng

phải bè. Cũng có lúc họ để cho bánh chân vịt làm gãy một mái chèo của người đi bè, rồi viên hoa tiêu lộ đầu ra ngoài cười khoái trá, cho mình là tay cừ khôi. Chúng tôi chắc mẩm lần này họ cũng làm như thế với chúng tôi. Nhưng không, chiếc tàu vẫn cứ tiến thẳng tới, không né sang bên chút nào. Đó là một chiếc tàu rất lớn, đang đi đến rất nhanh, trông giống như một đám mây đen sì với từng dãy đom đóm ở xung quanh. Bỗng nhiên, nó lù lù hiện ra, to lớn trông khiếp đảm, với một dãy dài cánh cửa lò đốt mở rộng sáng rực như những chiếc răng nóng đỏ. Mũi tàu đồ sộ với lan can tàu hiện ra ngay trên đầu chúng tôi. Có tiếng la hét, có tiếng rung chuông cho máy tàu dừng lại, tiếng chửi rủa, tiếng còi huýt - Jim vừa nhảy ra khỏi bè về một phía, còn tôi nhảy về bên kia, thì ngay lúc ấy chiếc tàu đâm sầm vào bè của chúng tôi, xuyên suốt từ đầu đến cuối.

Tôi lặn xuống tận đáy để nhường chỗ cho bánh chân vịt đường kính đến gần mười thước đang quay phía trên đầu. Thường thường tôi có thể lặn dưới nước được một phút, nhưng lần này tôi ở dưới nước lâu đến một phút rưỡi. Tôi hối hả trồi lên thật nhanh vì đã hết mức chịu đựng. Tôi nhô lên mặt nước đến ngang nách, hỉ mũi cho sạch nước rồi thở dốc lên. Cố nhiên, có một đợt sóng lớn ầm ầm đổ xô đến. Máy tàu ngưng lại phút chốc rồi lại hoạt động trở lại, vì họ không bao giờ quan tâm đến người đi bè. Giờ đây, chiếc tàu đang sùng sục rẽ nước tiến lên ngược dòng sông rồi mất dạng sau màn đêm dày đặc, trong khi tiếng động của nó vẫn còn văng vẳng.

Tôi gọi Jim thật to, đến hàng chục lần, nhưng không có tiếng trả lời. Tôi vớ lấy một tấm ván vừa chạm vào người tôi trong lúc đang bơi, rồi đẩy nó về phía trước, nhắm thẳng vào bờ. Nhưng tôi

nhận ra rằng dòng nước trôi dạt về phía bờ bên trái, như thế là tôi đang vượt ngang sông. Vì vậy, tôi đổi hướng, thả trôi theo dòng nước.

Đó là một dòng nước trôi xiên qua sông dài chừng hai dặm, cho nên tôi phải mất khá lâu thì giờ mới tới bờ. Tôi lên bờ an toàn. Vì không trông được xa, nên tôi phải mò mẫm dọc theo một khoảng đất gồ ghề, chừng một phần tư dặm hay hơn thế nữa, bất ngờ tôi gặp một ngôi nhà song lập kiểu xưa cũ làm toàn bằng gỗ. Tôi sắp sửa chạy đi một nơi khác thì đàn chó nháy xổ ra, sủa ầm ĩ. Chỉ còn một cách là đứng yên tại chỗ, không dám tiến thêm một bước nào nữa.

CHƯƠNG 17

GIA ĐÌNH GRANGERFORD

ột phút sau, có tiếng nói vọng ra từ cửa sổ, nhưng không thấy có ai lộ đầu ra ngoài:

- Im! Ai đó?

Tôi nói:

- Cháu!

- Cháu là ai?

- George Jackson ạ.

- Muốn gì?

- Thưa ông, cháu không muốn gì cả ạ. Cháu chỉ định đi ngang qua đây, nhưng đàn chó không cho cháu đi.

- Đêm tối như thế này mà định rình mò cái gì?

- Thưa, cháu không định rình mò gì cả. Cháu đi tàu thủy rồi bị rơi xuống sông.

-Ồ, thật thế hả? Ai đứng đó, quẹt cây diêm lên đi. Cháu nói tên cháu là gì nào?

- George Jackson ạ.

- Nếu cháu nói thật thì chẳng có gì phải ngại cả. Không ai làm gì đâu. Nhưng phải đứng yên đó, đừng cựa quậy. Người nào ở đó

đánh thức Bob và Tom dậy đi, rồi đem súng lại đây. Này, George Jackson, có ai đi với cháu đó không?

- Dạ không ạ.

Tôi nghe tiếng xôn xao ở trong nhà, rồi một ánh đèn hiện ra. Một người nói to:

- Đem cái đèn ấy đi chỗ khác, Betsy... Mày điên à? Đặt nó trên sàn, ngay sau cánh cửa ấy. Bob và Tom đứng vào vị trí đi.

- Sẵn sàng rồi ạ.

- Này, Jackson, cháu có biết gia đình Shepherdson không?

- Cháu chưa bao giờ nghe nói đến họ cả.

- Có thể đúng mà cũng có thể không. Tất cả sẵn sàng nhé. Này, George Jackson, bước tới đi. Rất chậm, đừng có vội đấy. Nếu có ai đi với cháu thì bảo hắn lùi lại, nếu... ló ra thì bị bắn đấy. Đi lại đây nào. Chậm chậm nhé. Tự mở cánh cửa ra, vừa đủ để lách qua thôi, nghe không?

Tôi không vội vàng, nhưng dù có muốn vội cũng không được. Tôi tiến lên từng bước một, chậm rãi, không một tiếng động, ngoài tiếng tim tôi đập thình thình. Những con chó lúc bấy giờ cũng im lặng như người và vẫn theo sát sau lưng tôi. Khi lên được ba bậc thang gỗ, tôi nghe có tiếng mở khóa, mở chốt và nhấc then cài cửa. Tôi đặt bàn tay lên cánh cửa, đẩy thật nhẹ, thật nhẹ cho đến khi có tiếng người nói: "Thôi, thế đủ rồi... ló đầu vào đi". Tôi làm theo lệnh, nghĩ rằng họ sẽ chặt đầu tôi đi.

Cây nến đặt trên sàn nhà. Mọi người đang đứng gần đó nhìn tôi, tôi cũng nhìn lại họ, như thế trong vòng mười lăm giây. Ba người to lớn chìa súng về phía tôi làm tôi thấy rợn cả người. Người già nhất, tóc bạc, vào khoảng sáu mươi tuổi, còn hai người

kia chừng ba mươi hay hơn. Tất cả đều có vẻ tử tế và đẹp đẽ, có cả một bà già tóc bạc nữa, trông rất phúc hậu, với hai cô gái trẻ đứng đằng sau, nhưng tôi không nhìn thấy rõ lắm. Người đàn ông đứng tuổi nói:

- Được rồi đấy. Thôi cháu vào đi.

Tôi vừa bước chân vào trong nhà thì ông khóa trái cửa lại, đóng chốt, chặn then ngang, rồi bảo những người trai trẻ đem súng vào trong nhà. Mọi người đi vào trong phòng khách lớn có một tấm thảm mới trải trên sàn nhà. Họ đứng bên nhau ở một góc phòng ngoài tầm nhìn của chiếc cửa sổ phía trước - không có cửa sổ nào ở bên hông cả. Họ cầm cây nển, nhìn vào mặt tôi thật kĩ, rồi nói: “Hắn không phải trong bọn Shepherdson - chẳng có vẻ gì là Shepherdson cả”. Sau đó, ông già bảo tôi để cho ông khám xem có vũ khí hay không và đừng ngại gì cả. Ông không thọc vào túi tôi mà chỉ sờ nắn bên ngoài, rồi nói rằng thế là được rồi. Ông bảo tôi cứ tự nhiên, đừng có lo lắng gì cả và kể cho ông nghe về tôi. Nhưng lúc bấy giờ, bà già xen vào:

- Trời, thằng bé ướm như chuột lột thế kia. Ông không biết nó đang đói bụng hay sao?

- Bà nói đúng đấy, Rachel, tôi quên mất.

Rồi bà gọi to lên:

- Betsy (tên người đầy tớ da đen), đi nhanh lấy cái gì cho nó ăn đi. Chạy ba chân bốn cẳng lên. Còn một trong các cô này đi đánh thức thằng Buck dậy, rồi bảo cho nó... À, nó kia rồi. Buck, con đem cậu bé lạ mặt này lên phòng con, lấy quần áo khô ráo của con cho nó mặc đi.

Buck trông cũng trạc tuổi tôi - chừng mười ba hay mười bốn -

nhưng to lớn hơn tôi một chút. Hắn chỉ mặc một chiếc áo sơ mi, đầu tóc bù xù. Hắn vừa đi đến vừa ngáp, lấy cả nắm tay dụi mắt, tay kia kéo lê một khẩu súng.

- Không phải bọn Shepherdson đến đây hay sao?

Họ nói không, đó chỉ là một cuộc báo động hão thôi.

- Chà, - hắn nói - nếu có chúng nó đến, con đã hạ ít nhất là một đứa rồi.

Mọi người đều cười ồ lên. Bob nói:

- Lúc ấy, có lẽ họ đã lột da đầu* hết tất cả chúng tao rồi. Mà đến chậm quá mà.

- Ủa, có ai gọi con đâu? Như thế chẳng công bằng chút nào cả. Lúc nào cũng cứ để cho con ngủ cho nên chẳng có cơ hội nào trở tài cả.

- Không hề gì, Buck ạ. - Ông già nói - Con sẽ có khối cơ hội mà. Sẽ có lúc thôi. Đừng có tức khí lên thế. Thôi, con đi đi, làm như mẹ con bảo.

Khi chúng tôi lên phòng, Buck đưa cho tôi một cái áo sơ mi vải thô, một cái áo vét ngắn và quần của hắn để mặc vào. Trong khi ấy, hắn hỏi tên tôi là gì. Nhưng tôi chưa kịp trả lời thì hắn quay sang nói chuyện về con chim cà cưỡng lông xanh và con thỏ con hắn vừa bắt được trong rừng ngày hôm trước. Hắn lại đổ tôi, ông Moses (ông Thánh của người Do Thái) ở đâu sau khi ngọn nến vừa tắt. Tôi bảo tôi không biết, và không nghe nói chuyện ấy bao giờ.

- Thế thì cậu đoán đi. - Buck nói.

- Làm sao mà đoán được. Tôi có nghe nói chuyện ấy bao giờ đâu!

- Nhưng mà cậu vẫn có thể đoán được chứ lị. Dễ quá mà!

- Cây đèn nào? - Tôi hỏi.

- Cây đèn nào cũng được.

- Tớ chịu. Thế ông ấy ở đâu nào?

- Ở trong bóng tối chứ còn ở đâu nữa?

- Cậu biết thế thì còn hỏi tớ làm gì?

- Khỉ quá! Người ta đổ mёo mà lị. Thấy không? À, này. Cậu định ở đây bao lâu? Cậu phải ở đây mãi nhé. Chúng mình tha hồ có nhiều hoạt động sôi nổi... trường học chưa mở cửa mà. Cậu có chó không? Tớ có một con chó... mình cứ quăng một cái gì đó xuống sông là nó nhảy xuống lấy lên ngay. Cậu có thích chải tóc đẹp ngày chủ nhật, hay những thứ vớ vẩn như thế không? Tớ ghét lắm, nhưng mẹ tớ cứ bắt tớ phải làm thế. Tớ ghét nhất là phải mặc cái quần chèn dài đến đầu gối ấy. Bắt buộc thì phải mặc thôi, nhưng mà nóng lắm. Cậu mặc xong chưa. Chúng mình đi nào.

Bữa cơm hôm ấy gồm có bánh mì làm bằng bột bắp, thịt bò nguội, bơ, sữa, tóm lại họ dọn cho tôi những thức ăn ngon lành chưa từng thấy. Trong khi tôi ăn thì Buck, mẹ nó và tất cả mọi người, ngoại trừ người đầy tớ da đen và hai cô con gái, đều hút ống điếu làm bằng lõi ngô. Họ hút thuốc, nói chuyện, còn tôi cũng vừa ăn vừa nói chuyện. Các cô con gái đều mặc áo nhồi bông quấn quanh người, tóc xõa xuống tận lưng. Họ hỏi tôi rất nhiều câu. Tôi nói rằng cha tôi và tất cả gia đình trước kia sống trong một nông trại nhỏ ở cuối vùng Arkansow, chị gái tôi Mary Ann trốn nhà, rồi lấy chồng không còn nghe tin tức gì nữa. Bill đi tìm rồi mất tích luôn. Tom và Mort cũng chết, cho nên lúc bấy giờ chỉ còn cha tôi và tôi mà thôi. Sau đó, cha tôi gặp khó khăn, của

cải tiêu hao dần. Khi ông chết, tôi vơ vét tất cả tài sản còn lại, vì nông trại thuộc về người khác, rồi bỏ đi. Tôi đi tàu thủy, nằm trên boong tàu, rồi ngã xuống sông, cho nên bây giờ đến nơi này. Họ bảo rằng tôi có thể ở trong nhà này bao nhiêu lâu cũng được. Đến khi trời gần sáng, mọi người đi ngủ, tôi và Buck cùng về phòng. Khi thức dậy, rõ thật bức mình!... Tôi quên khuấy mất tên của tôi. Tôi cứ nấn ná nằm trên giường suốt một giờ đồng hồ, cố nghĩ cho ra tên tôi, nhưng không được, đến khi Buck thức dậy tôi liền hỏi:

- Cậu có biết đánh vần không?
- Biết chứ!
- Tổ cuộc với cậu là cậu không viết được tên tổ đâu?
- Tổ cuộc với cậu là tổ viết được.
- Được rồi, - tôi nói - cứ đánh vần thử đi, xem nào!
- G-E-O-R-G-E J-A-C-K-S-O-N. Thấy chưa?
- Ừ nhỉ, cậu nói đúng đấy. Tổ tưởng cậu không đánh vần được tên tổ. Tên ấy cũng chẳng khó khăn gì, có thể đánh vần ngay thôi, chẳng cần suy nghĩ lâu la gì.

Tôi kín đáo ghi lại tên tôi, để khi nào có ai bảo đánh vần, tôi có thể trả lời ngay lập tức như mọi lần.

Gia đình này thật là tốt, nhà cửa cũng rất đẹp đẽ. Tôi chưa thấy nhà nào ở thôn quê mà lại đẹp và sang trọng như thế. Nhà này không có cái chốt bằng sắt ở cửa hay cái then bằng gỗ có buộc sợi dây da, mà có một quả đấm bằng đồng để xoay, giống như các nhà trên phố. Trong phòng khách không có giường nằm, như các nhà trên phố. Lò sưởi thật to lớn, có đáy lát bằng gạch. Những viên gạch này lúc nào cũng sạch và đỏ vì được rửa sạch bằng cách xối nước vào rồi cọ bằng một viên gạch khác. Có khi,

họ quét lên trên đó một lớp sơn đỏ mà họ gọi là “màu nâu Tây Ban Nha”, giống như ở các nhà trên phố. Họ cũng có những chiếc móc làm bằng đồng có thể đựng những thanh củi lớn. Trên mặt lò sưởi là một chiếc đồng hồ, với bức tranh của một thành phố vẽ lên phần dưới cùng của mặt kính, giữa đó là hình mặt trời, và sau lưng mặt trời ấy là quả lắc đưa qua đưa lại. Nó phát ra những tiếng kêu tíc-tíc nghe rất hay. Có hôm một người thợ sửa đồng hồ dạo đến lau chùi, cho dầu mỡ, nhưng không biết làm thế nào mà khi làm xong, nó gõ luôn một lúc một trăm năm mươi tiếng rồi một quá mới chịu nghỉ. Thế là người thợ đồng hồ không dám lấy một đồng xu nào tiền công.

Mỗi bên chiếc đồng hồ, có một con vẹt trông rất kì quái làm bằng đá vôi, sơn màu sặc sỡ. Bên cạnh con vẹt là một con mèo làm bằng sứ. Bên cạnh con vẹt kia là một con chó cũng bằng sứ. Khi đèn chúng xuống thì chúng phát ra một tiếng kêu chít chít, nhưng chẳng mở mồm ra mà trông cứ phớt tỉnh như không. Tiếng chít chít ấy phát ra từ bên dưới. Phía sau những thứ ấy là một đôi quạt lớn làm bằng cánh gà tây xò ra. Trên một chiếc bàn giữa phòng là một cái giỏ làm bằng sứ trông rất đẹp, đựng táo, lê, nho chồng chất lên nhau, màu đỏ hay vàng đậm hơn những quả thật, nhưng thực ra đó là những quả giả, bởi vì ở những chỗ sơn bị tróc ra có thể thấy rõ lớp đá vôi trắng hay chất gì đó ở bên dưới.

Chiếc bàn này có trải một chiếc khăn bằng vải dầu trên đó vẽ một con phượng hoàng xò cánh và những đường viền xung quanh. Người ta bảo chiếc khăn ấy mua từ Philadelphia. Ngoài ra còn có rất nhiều sách, xếp rất ngay ngắn ở mỗi góc bàn. Một trong các sách ấy là cuốn thánh kinh của gia đình, trong đó toàn là hình vẽ. Một cuốn nữa nhan đề là “Bước tiến của Người Hành

Hương”, nói về một người bỏ nhà ra đi, không biết vì lí do nào. Thỉnh thoảng, tôi lại đọc sách này rất kĩ. Những lời phát biểu trong sách này thì hay nhưng cứng rắn quá. Một cuốn sách khác nhan đề “Món Quà Tặng của Tình Bạn” gồm toàn là thơ và những thứ lật vật khác đọc rất hay, nhưng tôi không biết thưởng thức thơ. Một cuốn sách nữa gồm những bài diễn văn của ông Henry Clay, cạnh đó là cuốn “Sách Thuốc Gia Đình” dạy cách chữa trị khi có người đau ốm hay chết. Lại còn có một cuốn sách gồm các bài hát nhà thờ, và nhiều loại khác nữa. Trong phòng này còn có một chiếc ghế hờ đáy, nhưng vẫn còn tốt - không trũng xuống ở giữa hay rách tung ra như cái rổ cũ.

Có nhiều bức tranh treo trên tường - phần nhiều là tranh Washington, Lafayette, và các cuộc chiến trận, và một bức tranh nhan đề “Kí bản Tuyên Ngôn Độc Lập”. Có một số tranh vẽ bằng bút chì, mà một trong các cô con gái trong gia đình này, nay đã mất rồi, đã tự tay vẽ khi cô ta mới mười lăm tuổi. Những bức tranh này rất khác với những bức tôi thường thấy, vì phần nhiều đều tô màu đen, đen hơn thường lệ. Một bức vẽ một người đàn bà mặc chiếc áo dài đen, thắt ngang ở nách, phồng lên ở giữa cánh tay giống như cái bắp cải. Bà ấy đội một cái mũ vải to đen có lưới trai trông giống như cái xẻng xúc đất với một tấm mạng đen rủ xuống mặt. Cổ chân bà rất nhỏ chằng chịt những sợi dây đen quấn xung quanh, chân đi giày vải đen rất nhỏ giống như chiếc dùi đục. Bà cúi xuống trầm tư trên một nắm mồ dưới một cây liễu, tựa cùi tay phải trên đó, tay trái cầm một chiếc mùi soa và một cái ví nhỏ. Bên dưới bức tranh là dòng chữ: “Than ôi! Ta không còn được gặp người nữa!”. Một bức tranh khác vẽ một cô gái trẻ, tóc chải thẳng lên tận chóp đầu rồi búi lại trước một cái

lược trông giống như một cái lưng ghe. Cô gái ấy đưa mũi soa lên mặt khóc, tay kia đang cầm một con chim nằm giờ hai chân lên trời. Dưới bức tranh là dòng chữ: “Than ôi! Ta không còn nghe tiếng chiêm chiếp của người nữa”. Lại một bức tranh nữa vẽ một cô gái trẻ đang ngồi nhìn trăng, nước mắt giàn giụa, một tay cầm lá thư mở có dấu xi đen ở mép, tay kia thì cầm cái “mề đay” có lòng ảnh và treo bằng sợi dây quanh cổ, đưa sát lên miệng. Dưới bức tranh là dòng chữ: “Than ôi! Người đã đi rồi!”. Tất cả những bức tranh ấy đều đẹp, nhưng tôi không thích, vì mỗi khi tôi thấy buồn chán mà nhìn những bức tranh ấy, thì chúng lại gây cho tôi những cảm giác bứt rứt, khó chịu. Mọi người đều tiếc cho cái chết của cô gái trẻ ấy vì có nhiều điểm trong các bức tranh ấy cô ta còn phải hoàn tất, và ai nhìn qua những gì cô đã vẽ cũng nhận ra được các tranh ấy đã thiếu ở những chỗ nào. Nhưng tôi nghĩ rằng với tâm trạng của cô như thế, cô nên nằm yên nghỉ dưới năm mồ có lẽ còn sung sướng hơn. Người ta nói rằng cô con gái ấy đang thực hiện một bức tranh tuyệt tác nhất của cô thì lâm bệnh, sau đó, cứ mỗi ngày, mỗi đêm, cô ta cầu nguyện được sống cho đến khi hoàn tất. Nhưng lời ước nguyện ấy không thành. Đó là bức tranh vẽ một người con gái trẻ, mặc chiếc áo trắng, đứng bên lan can một chiếc cầu, sắp sửa nhảy xuống nước. Cô gái ấy ngược mắt nhìn trăng, mớ tóc rũ xuống trên lưng, những giọt nước mắt còn đọng trên má. Cô có hai cánh tay vòng trước ngực, hai cánh tay khác giờ ra phía trước, và hai cánh tay nữa đưa lên cao về phía mặt trăng, hình như họa sĩ đang vẽ thử xem vị trí của cánh tay như thế nào là đẹp nhất, sau đó sẽ xóa đi những cánh tay còn lại. Nhưng cô đã mất trước khi đi đến một quyết định dứt khoát, cho nên bây giờ bức tranh ấy vẫn để ở đầu giường trong căn

phòng, rồi cứ mỗi khi đến ngày sinh nhật cô, người ta lại treo hoa lên trên ấy. Những lúc khác, bức tranh ấy được che lại sau một tấm màn nhỏ. Cô con gái trong tranh có vẻ mặt rất đẹp, nhưng vì có nhiều tay quá nên cô trông giống như một con nhện kèn.

Cô gái con ông chủ ấy có giữ một cuốn sổ ghi chép lật vạt, khi cô còn sống, trong đó cô thường dán những mục cáo phó, những tai nạn, những chuyện thương tâm, cắt ra từ tờ báo “Người Quan sát Tin lành”, rồi viết những bài thơ của cô kèm theo đó. Đối với tôi các bài thơ ấy rất hay. Dưới đây là một bài thơ ngắn cô viết về một chàng trai trẻ tên là Stephen đã ngã xuống giếng chết đuối:

Thơ khóc Stephen đã mất

*Stephen đã sớm qua đời
Sau cơn đau ốm rã rời xác thân?
Khiến ai đau đớn vô ngần,
Khiến ai thương tiếc tuổi xuân lỡ làng?
Phải chăng cơn bệnh phủ phàng
Cướp đi tuổi trẻ của chàng Stephen?
Phải chăng ho rũ từng cơn,
Hay là bệnh sỏi hao mòn xác thân?
Không, không! Bệnh tật không cần
Xóa đi tên tuổi Stephen làm gì!
Chàng không hề nhuốm sầu bi,
Tình yêu chàng vẫn khinh khi lạnh lùng.
Than ôi! Nước mắt lưng tròng,*

*Chuyện chàng ta kể mà lòng bi thương.
Hồn chàng bay bổng muôn phương,
Chàng rơi xuống giếng, hết đường thoát thân!
Mọi người cấp cứu xa gần,
Vớt chàng, dốc nước, nhiều lần uống công!
Hồn chàng bay bổng không trung,
Đến miền cực lạc thong dong một mình!*

Nếu cô Emmeline làm được một bài thơ như thế lúc cô chưa đầy mười bốn tuổi thì chắc rằng cô đã làm nhiều bài thơ hay sau đó nữa. Buck bảo rằng cô Emmeline có thể “xuất khẩu thành thi”, nghĩa là làm thơ rất dễ dàng. Cô ta chẳng cần phải suy nghĩ gì hết, cứ cầm bút là viết. Khi nào bí vần, thì cô xỏ toẹt câu ấy đi, viết ngay câu khác, rồi cứ thế mà tiếp tục. Đối với cô thì việc ấy chẳng có gì khó khăn cả. Nếu có ai bảo cô viết về bất cứ đề tài nào, cô cũng viết được, miễn là đề tài ấy phải thật buồn. Khi có ông nào, bà nào, hay đứa con nít nào chết là cô ta có ngay bài “phúng điếu”, trước khi người ấy lạnh cả chân tay. Những người hàng xóm thường nói rằng, mỗi khi có người chết, thì trước tiên là ông bác sĩ, kế đến là Emmeline, và sau cùng mới đến người lo việc tống táng. Chỉ có một lần, người lo việc tống táng đã đi trước cô, đó là lúc cô đang bị bí một vần thơ trong bài phúng điếu một người chết tên là Whistler. Sau đó, cô không còn giống như trước nữa. Cô không bao giờ phàn nàn, nhưng cứ hao mòn dần rồi không sống được bao nhiêu lâu sau đó. Thật là tội nghiệp. Nhiều lần tôi lên căn phòng nhỏ của cô trước kia để lấy cuốn sổ ấy ra đọc, khi nào cảm thấy hơi bức bối với các bức tranh và cay đắng

cho cô. Tôi rất yêu mến những người trong gia đình này, cả những người chết lẫn những người sống, và quyết không làm điều gì cản trở mối cảm tình ấy. Cô Emmeline đã làm thơ về bao nhiêu người đã chết, trong lúc sinh thời, nhưng không ai làm thơ về cô, sau khi cô đã mất. Như thế không hợp lẽ. Nghĩ thế, tôi cố nặn ra một vài câu thơ tặng cô, nhưng cố gắng mấy nó cũng không ra. Căn phòng của cô Emmeline vẫn được giữ ngăn nắp, đẹp đẽ và nguyên vẹn như khi cô còn sống, và không có ai ngủ ở đó cả. Bà chủ nhà tự tay dọn dẹp căn phòng ấy, mặc dầu trong nhà có nhiều đầy tớ da đen. Bà thường hay đọc thánh kinh và khâu vá luôn ở đấy. Nói về căn phòng khách, tôi phải kể thêm về những bức màn rất đẹp ở cửa sổ. Đó là những tấm màn trắng có vẽ tranh những tòa lâu đài cổ với các giàn cây leo rủ xuống trên tường và những đàn gia súc đang đi xuống uống nước. Trong phòng còn có một chiếc đàn dương cầm, trong đó chắc có nhiều xoong chảo bằng thiếc nên mới kêu to như thế. Không có gì thích thú cho bằng được nghe các cô con gái ông bà chủ nhà hát bài “Đường dây cuối cùng đã đứt”, hay đánh bài “Trận chiến ở Prague”. Tường của các căn phòng đều trát thạch cao, và hầu hết đều trải thảm. Phía ngoài của toàn thể ngôi nhà đều được quét vôi trắng.

Đó là một ngôi nhà song lập với khoảng trống ở giữa có lợp mái và lát đá. Nhiều khi người ta đặt một chiếc bàn ở đó, vì nơi ấy rất mát mẻ. Tôi nghĩ rằng không thể có nơi nào tốt hơn ở đây. Đồ ăn thức uống không những ngon mà lại còn thừa thãi nữa.

CHƯƠNG 18

MỐI THÙ TRUYỀN KIẾP GIỮA HAI GIA ĐÌNH

ại tá Granger là một nhà quý phái, bạn thấy chứ. Ông quý phái từ đầu đến chân, và cả gia đình ông cũng vậy. Ông thuộc “nòi giống tốt”, như tục ngữ thường nói. Điều này có giá trị đối với con người, cũng như đối với giống ngựa. Bà quả phụ Douglas cũng có lần nói mà không ai cãi lại, rằng bà thuộc dòng dõi trưởng giả quyền quý hàng đầu trong thị trấn chúng tôi. Chính cha tôi cũng luôn luôn nói giống như vậy, mặc dầu ông không có phẩm chất gì cao quý hơn là loại cá mè trên sông Mississippi. Đại tá Granger có thân hình rất cao và mảnh khảnh, nước da tái tái và hơi đen, dường như không pha lẫn chút màu đỏ, màu hồng nào. Mỗi buổi sáng ông cạo mặt nhẵn thín. Môi ông rất mỏng, sống mũi cao với hai lỗ mũi mỏng dính. Lông mày rậm với cặp mắt đen nhánh, trũng xuống như đang nhìn qua hai cái hang sâu hoắm. Trán ông cao, tóc bạc, thẳng, rũ xuống hai vai. Bàn tay ông dài và mỏng. Ngày nào cũng vậy, ông mặc chiếc áo sơ mi trắng tinh, và một bộ comple làm bằng thứ hàng trắng nhìn vào khiến nhức mắt. Ngày chủ nhật, ông mặc một cái áo đuôi tôm màu xanh có đính khuy đồng. Ông thường mang theo một cây gậy bằng gỗ đào hoa tâm có đầu nạm bạc. Trông ông chẳng có vẻ gì là phù phiếm cả.

Ông không bao giờ to tiếng với ai, lúc nào cũng tỏ ra tử tế, làm cho ai tiếp xúc với ông cũng cảm thấy tin tưởng. Đôi lúc ông cười, và những lúc ấy, trông ông rất dễ mến. Nhưng khi ông đứng thẳng người ra như cây cột, mắt ông đưa qua đưa lại như những tia chớp dưới đôi lông mày rậm, thì ai trông thấy cũng tưởng chừng như muốn trèo lên ngọn cây xem có chuyện gì sắp sửa xảy ra. Ông không cần phải bảo ai phải giữ gìn tư cách, vì tất cả mọi người, ai cũng phải giữ gìn cử chỉ ngay ngắn trước mặt ông. Tuy vậy, mọi người đều thích được gần gũi ông - vì ông là ánh sáng mặt trời, là thời tiết tươi đẹp. Khi ông biến thành mây đen thì tất cả đều tối sầm lại trong vòng nửa phút, và như thế là đủ rồi. Trong suốt một tuần lễ sau đó, không có điều gì sai trái xảy ra nữa.

Mỗi buổi sáng, khi ông và bà vợ đi xuống, tất cả gia đình đều đứng dậy chúc ông bà một ngày tốt lành, và họ chỉ ngồi xuống sau khi hai ông bà đã an tọa. Khi Tom và Bob đi đến cái tủ chè đựng bình pha lê để pha một cốc rượu thuốc đưa cho ông, thì ông cầm chiếc cốc trong bàn tay chờ đợi cho đến khi rượu của Tom và Bob đã được pha xong, lúc bấy giờ cả hai người cúi xuống và nói: “Xin phục tùng mệnh lệnh của Cha và Mẹ”. Hai ông bà cũng cúi đầu rất khẽ, nói vài tiếng cảm ơn, rồi ba người cùng uống. Bob và Tom đổ một thìa nước lên trên đường và chút rượu Whisky hay rượu táo ở đáy cốc của họ, rồi đưa cho tôi và Buck. Chúng tôi cũng nâng cốc mừng hai ông bà chủ nhà.

Bob là người lớn tuổi nhất, Tom là người kế tiếp, cả hai đều to, đẹp, vai rộng, da mặt đen xạm, tóc dài, và mắt đen. Họ mặc quần áo bằng vải trắng từ đầu đến chân y như ông chủ nhà, và đội chiếc mũ cói Panama.

Người kế tiếp là cô Charlotte. Cô hai mươi lăm tuổi, dáng người cao, kiêu hãnh, nhưng cũng rất tốt khi nào cô không bị chọc giận. Khi cô nổi sùng lên thì cô có cái nhìn rất ghê sợ khiến cho người ta tưởng có thể ngã quỵ ngay tại chỗ, y như cha cô vậy. Tuy vậy cô cũng rất xinh đẹp.

Cô Sophia cũng xinh đẹp như vậy. Nhưng cô thuộc về một “tuýp” người khác. Cô dịu dàng và hiền lành như một con chim bồ câu, và chỉ mới có hai mươi tuổi.

Mỗi người đều có một tên da đen hầu hạ. Buck cũng vậy. Người da đen phục vụ cho tôi thì rất rảnh rỗi vì tôi không có thói quen sai người khác làm cho mình, nhưng người đầy tớ của Buck thì bận bịu tíu tít suốt ngày.

Đó là tất cả những người trong gia đình này, nhưng trước kia còn có thêm ba người nữa - ba người con trai. Họ đã bị giết. Thêm vào số đó nữa là cô Emmeline đã qua đời.

Ông đại tá có rất nhiều nông trại và trên một trăm người da đen. Thịnh thoảng, một số người ở xung quanh đó chừng mười hay mười lăm dặm cưỡi ngựa đến đây, ở lại năm, sáu ngày. Họ tổ chức những cuộc đi chơi ở các vùng xung quanh hay trên sông, những cuộc nhảy múa, cắm trại trong rừng về ban ngày hay những buổi khiêu vũ ban đêm. Phần đông những người ấy đều là họ hàng, thân thuộc của gia đình. Những người đàn ông đều có mang súng bên mình. Họ toàn là những người sang trọng và có phẩm chất tốt cả.

Ở gần đó, cũng có một nhóm trưởng giả quyền quý khác, gồm năm hay sáu gia đình - hầu hết đều mang họ Shepherdson. Họ cũng là những hạng người sang trọng, con dòng cháu giống, giàu

có và kiêu hãnh không kém gì gia đình Granger, cả hai họ Granger và Shepherdson đều sử dụng chung một bến tàu thủy ở phía trên nhà chúng tôi chừng hai dặm. Thỉnh thoảng, tôi cũng đi lên đó cùng với những người trong nhà, và cũng gặp những người họ Shepherdson cưỡi những con ngựa rất đẹp lông vàng ở đấy.

Một hôm, tôi và Buck cùng vào rừng săn, bỗng nghe có tiếng vó ngựa lại gần. Buck nói:

- Nhanh lên. Nhảy vào trong lùm cây kia!

Chúng tôi nhảy vào lùm cây, ghé mắt nhìn qua kẽ lá. Một lát sau, một chàng thanh niên rất đẹp trai phi ngựa xuống đường, rồi ghìim dây cương lại trông giống như một anh lính vậy. Anh ta có một khẩu súng, đặt ngang đầu yên ngựa. Tôi đã gặp anh một lần rồi, nên nhận ra ngay đó là Harney Shepherdson. Ngay lúc ấy tiếng súng của Buck nổ vang bên tai tôi. Mũ của Harney văng ra khỏi đầu. Anh chụp lấy khẩu súng tiến thẳng đến chỗ chúng tôi đang núp. Nhưng chúng tôi không chần chừ gì nữa, chạy ngay xuyên qua khu rừng. Rừng này không được rậm rạp lắm, nên tôi cứ phải quay lại nhìn qua vai để tránh làn đạn. Hai lần tôi thấy Harney chĩa súng về phía Buck rồi anh ta quay trở lại con đường cũ, có lẽ để nhặt chiếc mũ, nhưng tôi không thấy. Chúng tôi cứ cắm cổ mà chạy cho đến khi về đến nhà. Mắt ông già sáng lên một chút, khi nghe kể chuyện này, có vẻ như thích thú lắm, nhưng rồi ông dịu nét mặt lại và nhẹ nhàng nói:

- Bố không thích lối bắn từ trong bụi rậm. Tại sao con không bước ra hẳn ngoài đường?

- Bọn Shepherdson không làm như vậy đâu, Bố ạ. Chúng nó bao giờ cũng giữ lợi thế.

Cô Charlotte ghéch mặt lên như một bà nữ hoàng, nghe Buck kể câu chuyện vừa rồi, lỗ mũi nở ra, đôi mắt chớp chớp. Hai người trai trẻ sầm nét mặt lại, nhưng không nói gì. Riêng cô Sophia thì tái mặt một lúc, nhưng rồi bình tĩnh trở lại khi nghe nói rằng chàng thanh niên kia không bị thương tích gì.

Vừa lúc tôi dụ được Buck đến ngồi bên cạnh nơi chứa bắp, dưới lùm cây, tôi liền hỏi:

- Cậu định giết hăn hả, Buck?
- Chắc chắn thế rồi.
- Hăn có làm gì cậu đâu kia chứ?
- Không, chẳng làm gì tớ cả.
- Thế sao cậu lại định giết hăn?
- Có gì đâu... chuyện hận thù giữa hai gia đình ấy mà.
- Thế nghĩa là thế nào?
- Ủa? Cậu ở trên trời rơi xuống hả? Cậu không nghe chuyện mối thù truyền kiếp giữa các gia đình là thế nào à?
- Chưa bao giờ nghe nói cả. Cậu kể cho tớ nghe đi.
- Chuyện ấy là thế này này: Một người nào đó gây gổ với một người khác, rồi giết ông ta. Thế rồi anh của người bị giết này lại giết người kia. Sau đó, anh em ruột của người phe này, phe kia, lòng giết lẫn nhau. Sau đó nữa, các người anh em họ cũng nhảy xổ vào, cuối cùng là mọi người đều chết cả, mối hận thù cũng chấm dứt luôn. Nhưng chuyện ấy còn lâu lắm.
- Thế chuyện hận thù này xảy ra lâu chưa?
- Để nhớ lại xem nào. Nó xảy ra cách đây chừng ba mươi năm, áng chừng như thế. Họ tranh chấp nhau về một chuyện gì đó, rồi

đưa ra tòa phân xử. Người bị thua kiện bèn giết người được kiện. Đó là chuyện dĩ nhiên rồi. Ai cũng phải làm như vậy cả.

- Họ tranh chấp nhau về chuyện gì thế, hử Buck?... Về chuyện đất đai hả?

- Có lẽ, tớ cũng chẳng biết nữa.

- Thế ai bắn trước? Phe Granger hay phe Shepherdson?

- Trời! Ai mà còn nhớ được. Lâu quá rồi mà.

- Thế có ai biết không?

- Có chứ, có lẽ bố biết, và cả một số người lớn tuổi nữa. Nhưng họ không biết nguyên nhân của vụ tranh chấp là do đâu mà ra.

- Có nhiều người bị giết chưa?

- Có khối cơ hội. Nhưng không phải lúc nào họ cũng giết. Bố cũng đã từng bị vài viên chì ghim vào người, nhưng ông không coi ra gì. Bob bị ít nhất dao găm, còn Tom cũng bị thương đôi ba lần.

- Vậy năm nay có ai bị giết chưa?

- Có chứ. Phe ta hạ được một tên, phe bên kia cũng thế. Mới cách đây chừng ba tháng, một người em họ tớ tên là Bud, mười bốn tuổi, cưỡi ngựa vào rừng bên kia không mang khí giới gì cả. Thật là ngu xuẩn. Đến một chỗ vắng vẻ, hắn nghe tiếng động phía sau lưng, quay lại nhìn thì ra lão già Shepherdson cầm khẩu súng trong tay, tóc bạc phơ bay tung trong gió. Như người ta thì nhảy vào trong bụi nấp nhưng thằng Bud lại nghĩ rằng hắn có thể qua mặt được lão già, nên cứ phóng ngựa cho lão già đuổi theo sát nách đến hơn năm dặm. Lão già cứ mỗi lúc lại thu ngắn khoảng cách. Cuối cùng thằng Bud thấy chạy nữa cũng vô ích, bèn quay ngựa lại, nhìn thẳng lão già, chỉ để nhận những phát đạn ngay

trước mặt. Thế có ngu không? Lão già phi ngựa tiến lên hạ hắn bằng một phát súng. Nhưng lão ta không kịp ăn mừng, vì chỉ trong vòng một tuần lễ sau lão bị người của ta bắn gục.

- Tớ nghĩ rằng lão già ấy hèn nhát quá, phải không Buck?

- Không đâu. Lão ta không hèn nhát chút nào. Chẳng có người nào trong bọn Shepherdson là hèn nhát cả. Trong họ Granger của tớ cũng thế. Lão già ấy đã từng chiến đấu suốt một ngày với ba người họ Granger để cứu lấy mạng sống, ấy thế mà lão thắng đấy. Hôm ấy, tất cả đều cười ngựa cả. Lão nhảy xuống ngựa, chạy núp sau một đồng gỗ, cho con ngựa đứng phía trước làm mộc đỡ đạn. Phe Granger vẫn ngồi trên yên ngựa, chạy xung quanh lão già như đùa rờn, rồi bắn tưới hột sen vào lão, lão cũng bắn trả lại như mưa rào. Lão và con ngựa khập khiễng trở về nhà, máu me đầy mình, còn mấy tay Granger thì phải khiêng về - một tên chết ngay, còn một tên nữa cũng chết ngày hôm sau. Không đâu, nếu muốn tìm tay nào thực sự là hèn nhát thì đừng uổng công tìm trong bọn Shepherdson bởi vì chúng không nuôi cái giống ấy.

Chủ nhật sau, tất cả mọi người trong gia đình đều đi nhà thờ, cách đó ba dặm. Mọi người đều cười ngựa. Đàn ông thì mang theo súng kể cả Buck nữa. Họ đặt súng giữa hai đầu gối hay gác vào tường ở ngay bên cạnh. Bọn Shepherdson cũng làm y như vậy. Buổi giảng đạo hôm ấy chẳng có gì lạ, tầm thường như mọi ngày. Cũng vẫn là chuyện tình huynh đệ, hay những chuyện chán ngấy đại khái như thế. Nhưng mọi người đều khen là buổi giảng rất hay, rồi cứ tiếp tục bàn mãi về các vấn đề ấy trên đường đi về nhà. Họ nói rất nhiều về đức tin, về việc thiện, về tình thương của Chúa, về sự tiên định và những thứ gì đó tôi chẳng hiểu gì cả, khiến cho những ngày chủ nhật như thế đối với tôi thật là gay go,

khó thở chưa từng thấy.

Ăn cơm xong chừng một giờ đồng hồ, mọi người đều thiu thiu ngủ, người thì nằm ngay trên ghế, kẻ về phòng ngủ. Lúc bấy giờ không khí thực là tẻ ngắt. Buck và con chó nằm lăn ra ngủ trên cỏ, còn tôi thì cũng định bụng nằm thiu thiu một lát. Nhưng cô Sophia đứng ở phía trong cánh cửa, gần chỗ tôi, dắt tôi vào phòng cô, khép nhẹ cánh cửa lại, rồi hỏi tôi có mền cô không. Tôi nói rằng có. Sau đó cô hỏi tôi có sẵn lòng giúp cho cô một việc, nhưng không được tiết lộ với ai điều gì, hay không. Tôi cũng trả lời rằng tôi sẵn lòng. Thế rồi cô nói rằng cô vừa để quên cuốn Kinh Thánh trên chiếc ghế nhà thờ giữa hai cuốn sách khác, và yêu cầu tôi lên ra khỏi nhà một cách thật yên lặng, đi đến đấy lấy cuốn sách ấy hộ cô, nhưng không được nói với ai. Tôi nói tôi bằng lòng. Rồi tôi lên ra, chạy thật nhanh đến nhà thờ. Không có ai ở đó, ngoài vài ba con lợn, vì người ta đã không khóa cửa nhà thờ. Về mùa hè, mấy con lợn thường thích đến nằm trên sàn gỗ của nhà thờ, vì ở đấy rất mát. Nếu để ý kỹ, ta có thể thấy rằng nhiều người chỉ đi đến nhà thờ khi nào họ bị bắt buộc, chú lợn thì đi đến đấy khi nào chúng thấy cần.

Tôi tự nhủ chắc có chuyện gì sắp xảy ra đây, vì không lí gì một cô con gái lại sốt sắng với cuốn Kinh Thánh đến như thế. Thế là tôi rũ cuốn Kinh Thánh ấy một cái, một miếng giấy nhỏ rơi ra, trên có ghi dòng chữ viết bằng bút chì: “Hai giờ rưỡi”. Tôi lục lọi cả cuốn sách, nhưng không thấy có gì khác nữa. Tôi để miếng giấy lại trong sách, rồi đi về nhà. Vừa bước lên cầu thang thì tôi đã thấy cô Sophia đang đứng chờ ở đấy. Cô kéo tôi vào phòng rồi khép cánh cửa lại. Cô tìm trong cuốn Kinh Thánh cho đến khi bắt gặp mẫu giấy. Vừa đọc xong, cô có vẻ hớn hờ lắm, cô nắm lấy tôi,

ôm tôi thật chặt, nói rằng tôi là đứa bé ngoan nhất trần gian, nhưng dặn tôi không được nói với ai chuyện này. Mặt cô đỏ lên một lát, mắt sáng rực lên, lúc bấy giờ trông cô rất xinh đẹp. Tôi ngạc nhiên vô cùng nên khi cô vừa thả tôi ra, tôi liền hỏi cô mảnh giấy ấy nói cái gì. Cô hỏi lại tôi đã đọc giấy ấy chưa. Tôi trả lời không. Cô lại hỏi tiếp tôi có biết đọc không. Tôi nói tôi chỉ đọc được những chữ viết lớn, chân phương thôi. Sau đó, cô mới nói cho biết rằng mảnh giấy ấy chỉ dùng để đánh dấu trang sách thôi, chứ chẳng có ý nghĩa gì cả, và bây giờ tôi có thể đi chỗ khác chơi được rồi.

Tôi đi xuống bờ sông, đầu óc miên man suy nghĩ về chuyện này, bỗng tôi để ý thấy một tên da đen cứ đi theo sau lưng tôi. Khi chúng tôi đã đi khuất ngôi nhà rồi, hắn quay lại nhìn quanh quất một lát rồi vội vã chạy đến chỗ tôi và nói:

- Cậu George, cậu đi với tôi đến chỗ đầm lầy kia, tôi sẽ chỉ cho cậu xem nhiều rắn nước lắm.

Lạ nhỉ! Hắn hẳn phải biết rằng không ai thích loại rắn nước rất độc này đến nỗi phải đi đây đó để tìm chúng. Hắn có ý định gì trong đầu nhỉ? Tôi liền nói:

- Được rồi mà y cứ đi trước đi.

Tôi theo hắn được nửa dặm, thấy hắn đi băng qua chỗ đầm lầy, rồi lội bì bõm đến tận mắt cá thêm nửa dặm nữa. Chúng tôi đến một khoảng đất bằng phẳng khô ráo, có rất nhiều cây và bụi rậm. Đến đây, hắn nói:

- Cậu cứ đi thẳng thêm ít bước nữa. Chính ngay nơi ấy đấy. Tôi đã thấy chúng trước kia rồi, bây giờ không cần xem lại nữa.

Thế rồi hắn bì bõm đi thẳng, biến mất sau rặng cây. Tôi lò dò

tiến đến nơi hắn chỉ, chẳng mấy chốc đi đến một khoảng đất trông nhỏ hẹp, chỉ rộng bằng một căn phòng ngủ, xung quanh toàn dây leo chằng chịt. Giữa chỗ ấy có một người đang ngủ. Tôi nhìn kĩ. Trời ơi! Thì ra là thằng Jim!

Tôi đánh thức hắn dậy, tưởng rằng sự hiện diện của tôi sẽ khiến hắn vô cùng ngạc nhiên. Nhưng thật ra không phải vậy. Hắn suýt khóc lên vì mừng rỡ, nhưng không tỏ vẻ gì là ngạc nhiên cả. Hắn kể lại rằng đêm hôm ấy, hắn bơi sau lưng tôi và nghe tiếng tôi gọi nhưng hắn không dám trả lời bởi vì hắn không muốn ai đến vớt hắn lên cả. Hắn không muốn làm nô lệ trở lại. Hắn kể tiếp:

- Tôi hơi bị đau một chút nên bơi không được nhanh vì vậy cậu bỏ tôi một quãng xa ở phía sau. Khi cậu vào tới bờ rồi, tôi nghĩ sẽ có thể bắt kịp được cậu mà khỏi phải gọi gì cả. Nhưng khi cậu vào trong cái nhà ấy rồi thì tôi phải đi chậm lại. Tôi đứng quá xa nên không nghe họ nói chuyện gì với cậu... tôi lại sợ cả chó nữa, nhưng khi mọi sự đều yên tĩnh trở lại thì tôi biết cậu đã vào bên trong nhà rồi. Tôi liền đi vào trong rừng chờ sáng. Vào lúc sáng sớm, có một bọn da đen lại gần. Họ đang đi ra đồng làm việc mà. Họ đưa tôi đến nơi này, ở đây đàn chó không đánh hơi tìm ra được vì xung quanh đều ngập nước. Bọn da đen thường đem cho tôi thức ăn mỗi đêm, rồi kể cho tôi nghe chuyện về cậu.

- Tại sao mày không bảo thằng Jack gọi tao sớm hơn?

- Tôi chẳng muốn quấy rầy cậu làm gì vô ích, Huck ạ. Phải chờ cho đến lúc nào chúng mình có thể làm được việc gì kia chứ. Tôi đã mua xoong, chảo, thức ăn khi nào có dịp thuận tiện, và sửa lại chiếc bè khi nào...

- Bè nào, hờ Jim?

- Bè của chúng mình ấy.

- Mà nói là bè của chúng mình chưa bị vỡ ra từng mảnh à?

- Chưa. Nó bị rách nát nhiều... ở một đầu thôi. Nhưng không hư hại gì nhiều lắm. Duy chỉ có đồ đạc của chúng mình bị mất gần hết. Nếu đêm hôm ấy, chúng mình đừng có lặn sâu quá, trời đừng có tối quá, và chúng mình đừng có quá sợ đến nỗi mất cả tỉnh táo, thì chắc rằng đã trông thấy chiếc bè rồi. Nhưng dù sao rồi cuộc thì cũng vậy thôi, vì bây giờ, tôi đã sửa xong chiếc bè rồi, cũng tốt như là mới, với tất cả các thứ cần thiết thay thế cho đồ đạc đã mất.

- Nhưng làm thế nào mà mà lại tìm ra được chiếc bè hờ Jim? Mà chụp nó lại được à?

- Làm thế nào mà tôi chụp lại được? Không! Một số tên da đen đã tìm thấy nó mắc vào một rễ cây hay mỏm đá nào đó ở khúc quanh gần đây. Chúng giấu nó vào một cái lạch dưới những bụi liễu, rồi cãi cọ nhau, ai cũng dành làm chủ chiếc bè. Tôi nghe được câu chuyện này bèn đứng ra giải quyết. Tôi nói rằng cái bè ấy không thuộc về đứa nào trong bọn chúng cả mà là của tôi và cậu. Tôi hỏi xem chúng có dám giành lấy tài sản của một người da trắng, rồi đem đi giấu được không? Sau đó tôi cho chúng mỗi đứa mười xu. Thế là chúng thỏa mãn, nói rằng, chúng còn muốn bắt thêm nhiều chiếc bè khác nữa để trở thành giàu có. Những tên da đen ấy thật là tốt bụng. Khi nào tôi cần chúng giúp điều gì thì không bao giờ phải nói đến hai lần. Thằng Jack đi với cậu lúc này đây cũng rất tốt và khôn ngoan.

- Phải, hẳn khôn ngoan thật đấy. Hẳn không bao giờ nói với

tao là mày ở đây cả. Hắn cứ bảo tao lại đây xem rắn nước. Như thế, nếu có chuyện gì xảy ra, hắn không dính líu gì cả. Hắn có thể nói với người ta rằng hắn chưa bao giờ thấy chúng mình gặp nhau, mà đó là sự thật.

Tôi không muốn kể gì nhiều lắm về chuyện xảy ra ngay hôm sau đó. Tôi chỉ sẽ kể lại một cách tóm gọn mà thôi. Tôi thức dậy vào lúc rạng đông, sắp sửa trở mình để ngủ thêm nữa, bỗng tôi nhận thấy tất cả nhà đều im lặng một cách kì lạ, hình như không có một ai cựa quậy gì cả. Điều này hết sức bất thường. Tiếp đó, tôi lại nhận thấy thằng Buck đã thức dậy đi đâu rồi. Tôi chồm dậy, vô cùng ngạc nhiên, bèn đi ngay xuống nhà dưới - tất cả đều im lặng như tờ. Ở phía ngoài nhà, cũng vẫn là sự im lặng như vậy. Như thế nghĩa là gì nhỉ? Đi xuống đến đồng gỗ, tôi gặp Jack, liền hỏi hắn:

- Có chuyện gì thế?

- Ừa, thế cậu không biết à, cậu George?

- Không, tôi chả biết gì hết.

- Vậy, tôi nói cho cậu biết. Cô Sophia bỏ trốn rồi. Cô ấy bỏ nhà trốn đi để lấy anh chàng Harney Shepherdson hay ít nhất cũng là thế, theo lời người ta dự đoán, cả nhà mới biết chừng nửa giờ hay hơn thế chút ít thôi. Thế là họ đổ xô đi tìm, không để phí một chút thì giờ nào. Họ chuẩn bị người ngựa súng ống vội vã chưa từng thấy. Các bà, các cô thì chạy đi gọi họ hàng thân thuộc. Ông chủ và các cậu con trai thì vác súng lên ngựa đi ngược con đường dọc bờ sông cố bắt và giết cho được anh chàng Harney trước khi anh ta vượt qua sông với cô Sophia. Chắc họ sẽ gặp lời thôi to đấy.

- Buck đi mà không đánh thức tôi dậy.

- Chắc là thế rồi. Cậu ấy không muốn cho cậu phải dính líu vào vụ này. Cậu Buck nạp đạn vào súng và nói rằng lần này thế nào cậu cũng tóm được một thằng Shepherdson đem về hay là chết. Bọn chúng nó đông lắm ở đằng kia. Tôi đoán rằng thế nào cậu ấy cũng tóm được một tên, nếu có cơ hội.

Tôi cố đi thật nhanh theo con đường dọc bờ sông. Một lát sau, có tiếng súng nổ ở một quãng khá xa. Khi đến nhà chứa gỗ và đóng cũi nơi bến tàu, tôi men theo các lùm cây và bụi rậm đi đến một nơi thuận tiện, rồi trèo lên chỗ cành cây chìa ra của một cây bạch dương, ngồi đấy nhìn ra phía ngoài. Trước cây bạch dương có một đống gỗ cao hơn một thước. Thoạt tiên, tôi định núp ở đấy, nhưng may mà tôi không làm như vậy.

Ở ngoài khoảng trống trước ngôi nhà chứa gỗ, bốn hay năm người đàn ông đang cưỡi ngựa chạy đi chạy lại, hò hét, chửi rủa, cố bắt cho được hai đứa trẻ núp đằng sau đống gỗ bên cạnh bến tàu. Nhưng họ không thành công. Cứ mỗi khi người nào vừa xuất hiện ở mặt nhìn ra sông của đống gỗ là bị bắn ngay. Hai đứa trẻ đều ngồi dựa lưng vào nhau sau đống gỗ để có thể nhìn được cả về hai phía.

Một lát sau, những người đi ngựa thôi không còn vờn xung quanh và hò hét nữa. Họ đi thẳng về phía ngôi nhà chứa gỗ. Ngay lúc ấy, một trong hai đứa đứng dậy trút một tràng đạn ngang qua phía trên đống gỗ, hạ một người trong bọn, làm cho hắn ngã ra khỏi yên ngựa. Tất cả mấy người kia nhảy ngay xuống ngựa, nắm lấy người bị thương, vác vào trong nhà chứa gỗ. Ngay lúc ấy hai đứa trẻ kia bắt đầu chạy. Chúng chạy được nửa đoạn đường về phía cái cây tôi đang ngồi thì bọn người kia trông thấy. Họ nhảy lên ngựa, đuổi theo. Họ phóng nhanh hơn, nhưng không làm gì

được. Hai đứa trẻ đã đi tới đồng cùi, ngay trước cây tôi đang ngồi, rồi chui về phía sau đó. Như vậy, chúng lại có lợi thế hơn mấy người kia một lần nữa. Một trong hai đứa trẻ ấy là Buck còn người kia là một cậu con trai mảnh khảnh chừng mười chín tuổi.

Bọn người cưỡi ngựa chạy thật mau xung quanh đó một lát rồi đi thẳng. Khi họ vừa đi khuất, tôi gọi to Buck và nói chuyện với hắn. Thoạt tiên hắn không nhận ra được tiếng tôi từ trên cây. Hắn tỏ ra vô cùng ngạc nhiên. Sau đó, hắn bảo tôi ngồi đây canh chừng, khi nào bọn kia đến thì báo cho hắn biết. Bọn chúng đang chuẩn bị một hành động xấu xa nào đó chắc sẽ không lâu đâu. Tôi chỉ ước ao ra khỏi cây bạch dương này, nhưng tôi không dám trèo xuống. Buck vừa khóc vừa vùng vẫy một cách giận dữ, bảo rằng hắn và người anh họ của hắn tên là Joe (chính là người thanh niên cùng chiến đấu với hắn) còn phải bù lại những mất mát trong ngày hôm ấy. Hắn cho biết rằng cha hắn, và hai anh đã bị giết, cùng với hai hay ba kẻ thù, và chính bọn Shepherdson đã phục kích họ. Buck nói rằng cha và các anh hắn đáng lẽ phải chờ các người họ hàng đến tiếp viện, vì bọn chúng đông người lắm. Tôi hỏi về Harney và Sophia thì Buck nói rằng họ đã vượt qua sông an toàn. Tôi nghe nói như vậy cũng mừng. Nhưng cái lỗi nguyên rủa giận dữ của Buck vì không giết được Harney ngày hôm ấy, thì xưa nay tôi chưa từng thấy bao giờ.

Bỗng nhiên, Đùng! Đùng! Đùng! Ba tiếng súng vang lên. Bọn người lúc này đã lên đi xuyên qua rừng, rồi tấn công từ phía sau, mà không dùng ngựa. Hai đứa nhảy về phía bờ sông, cả hai đều bị thương - và trong khi chúng bơi theo dòng nước thì bọn người kia chạy trên bờ vừa la hét: “Giết chúng đi! Giết chúng đi!”. Tôi thấy trong lòng đau nhói, suýt ngã ra khỏi cây. Tôi sẽ không nói thêm

nhieu về chuyện này nữa, vì càng nhắc đến từng nào tôi càng cảm thấy đau đớn thêm từng ấy. Đáng lí ra tôi không lên bờ vào đêm hôm ấy để rồi phải chứng kiến những cảnh tượng như thế này. Tôi không bao giờ quên được những hình ảnh ấy - nhiều khi chúng ám ảnh tôi trong cả những giấc mơ.

Tôi ngồi lại trên cây cho đến khi tối mịt, sợ không dám leo xuống. Thình thoảng tôi lại nghe có tiếng súng vang lên xa xa trong các khu rừng. Hai lần tôi thấy những toán người cưỡi ngựa đi ngang qua nhà chứa gỗ, mang theo súng ống. Tôi đoán rằng vụ lộn xộn vẫn còn đang tiếp tục. Tôi buồn rầu, thất vọng vô cùng và dự định sẽ không bao giờ lại gần ngôi nhà ấy nữa, bởi vì tôi cho rằng, dù sao, tôi vẫn là người đáng trách trong vụ này. Tôi nghĩ rằng mẫu giấy trong cuốn thánh kinh ấy là của Harney hén với Sophia cùng bỏ trốn lúc hai giờ rưỡi. Như vậy, đáng lẽ tôi phải nói cho cha cô biết về mẫu giấy ấy và về hành động bí hiểm của cô Sophia. Nếu như thế thì ông ấy sẽ nhốt cô Sophia lại và sự việc đáng tiếc này đâu có xảy ra.

Tôi tuột từ trên cây xuống và bò dọc theo bờ sông được một quãng thì trông thấy hai cái xác người nằm ở ven sông. Tôi liền kéo các xác ấy vào bờ, phủ mặt họ lại, rồi đi thật nhanh. Tôi khóc khi phủ mặt cho Buck, vì hắn đã đối xử với tôi rất tốt.

Lúc bấy giờ, trời đã tối. Tôi không đi gần ngôi nhà, mà băng qua rừng, về phía nơi đầm lầy. Thằng Jim không còn ở đó, nơi hắn đang ở nên tôi chạy vội đến các lạch nước, len lỏi qua các bụi liểu, mong sao được nhảy ngay lên bè, đi xa khỏi nơi ghê gớm này càng sớm càng tốt. Nhưng chiếc bè không có ở đó nữa! Tôi khiếp hãi đến nghẹt thở gần một phút. Tôi kêu lên một tiếng thật to. Ngay lúc ấy, có tiếng nói cách tôi không đầy bảy thước:

- May quá! Cậu đấy hả. Đừng làm ồn ào lên thế.

Đó là tiếng của Jim, một giọng chưa bao giờ nghe hay đến như thế. Tôi chạy dọc theo bờ lạch một quãng rồi leo lên bè. Jim ôm chầm tôi, vô cùng mừng rỡ. Hắn nói:

- May quá! Tôi chắc mẩm là cậu lại chết lần nữa rồi. Thằng Jack có đến đây bảo hắn đoán rằng cậu bị bắn chết cho nên mới không về nhà nữa. Vì vậy, tôi mới sắp sửa cho bè ra cửa lạch, để khi thằng Jack đến xác nhận tin cậu đã chết thì tôi đi ngay. Bây giờ cậu về lại rồi, tôi mừng vô kể.

- Thôi thế cũng mừng. Họ sẽ không tìm ra tao đâu. Họ sẽ tưởng tao bị giết và trôi sông rồi. Ở phía trên kia, không thiếu gì thứ có thể làm cho họ tin như vậy. Thôi, thôi, mình đừng để phí thì giờ nữa, Jim ạ. Phải cho bè ra sông lớn ngay, càng sớm càng tốt.

Trong suốt chặng đường, giữa dòng sông Mississippi, tôi không lúc nào cảm thấy yên tâm trong lòng, cho đến khi đã xuôi được hai dặm. Lúc ấy, chúng tôi treo chiếc đèn lồng trên bè để làm hiệu cho các tàu bè khác đi tới và một lần nữa, cảm thấy mình được tự do, an toàn. Từ hôm qua đến giờ, tôi chưa được miếng nào trong bụng, Jim dọn ra các thức ăn, như bánh mì làm bằng bột ngô, sữa, thịt lợn, bắp cải và các thứ rau. Không có gì trên đời ngon bằng khi nó được nấu vừa ý mình. Chúng tôi vừa ăn vừa nói chuyện rất vui vẻ. Thật không có gì thú vị bằng cuộc sống trên bè. Ở tất cả mọi nơi khác, người ta phải sống chen chúc, ngột thở, nhưng trên bè thì không như vậy. Trên một chiếc bè, lúc nào mình cũng cảm thấy tự do và thoải mái.

CHƯƠNG 19

HAI TÊN LƯU MANH TRÊN BÈ

ai, ba ngày đêm trôi qua. Tôi có thể nói rằng những ngày ấy trôi qua, lướt đi một cách im lặng, nhẹ nhàng và êm đẹp. Và sau đây là những hoạt động của chúng tôi trong thời gian ấy. Bè chúng tôi trôi đi trên một dòng sông lớn, có khi rộng chừng một dặm rưỡi. Đêm thì đi, ngày thì neo bè lại, ẩn nấp một nơi nào đó. Mỗi khi đêm sắp tàn, chúng tôi ngừng đi, buộc bè lại, thường thì ở những nơi nước lặng bên dưới một cồn cát, rồi cắt những cành bạch dương hay cành liễu non phủ bè lại cho kín. Sau đó, chúng tôi thả câu, rồi trườn mình xuống sông tắm cho mát mẻ, tươi tỉnh. Xong rồi chúng tôi ngồi trong lòng cát, nước ngập đến đầu gối, ngắm quang cảnh buổi bình minh. Xung quanh không một tiếng động, hoàn toàn yên tĩnh, dường như toàn thể cảnh vật còn đang yên ngủ, ngoài tiếng ếch ương thỉnh thoảng kêu ì ọp. Phía xa, thoạt tiên một đường dài hiện ra lơ mờ trên mặt nước, đó là những khu rừng bên kia sông, ngoài ra không thấy gì thêm nữa. Rồi một vầng sáng đục ló ra trên bầu trời, mỗi lúc mỗi lan rộng dần. Dòng sông từ từ hiện lên ở phía xa xa, không còn đen như trước đó mà phủ một màu xám xám. Một vài chấm đen nhỏ lơ lửng trôi rất xa - có lẽ là những chiếc xà lan chở hàng hay những thứ tương tự như thế, kể đó là những vệt đen dài - đó là

những chiếc bè.

Đôi khi ta có thể nghe cả tiếng kéo kệt của mái chèo hay những tiếng nói xôn xao, vì giữa đêm tối tịch mịch mỗi tiếng động thường vang đi rất xa. Dần dần mắt ta có thể nhìn thấy rõ những vệt dài trên mặt nước. Trông thoáng qua, ta có thể nhận ra ngay đó là những mỏm đá ngầm hoặc rễ cây mà dòng nước xô đập vào, tạo thành những vệt dài như thế. Sương mù cuộn lại, thoát ra khỏi mặt nước: một màu đỏ rực lên ở phía đông, rồi lan đến cả dòng sông. Lúc bấy giờ, ta có thể nhận ra một chòi gỗ ở bờ rừng, bên kia sông - có lẽ đó là nơi chứa gỗ, chất đầy cỏ, khiến người ta có thể thả chó chạy xuyên qua khắp mọi nơi. Một cơn gió nhẹ và mát nổi lên, phe phẩy từ xa, dịu dàng và tươi mát, pha lẫn hương thơm ngào ngạt của hoa, lá rừng. Nhưng cũng có lúc không như vậy, vì thoang thoảng xông lên mùi nồng nặc của xác những con cá đao hay các loại tương tự rơi vãi xung quanh đó. Tiếp sau đó, trời sáng hẳn, mọi cảnh vật như mỉm cười dưới ánh nắng ban mai, chim chóc cất tiếng hót vang lừng.

Bây giờ có đốt lửa lên cũng không ai để ý, chúng tôi gỡ một vài con cá ra khỏi lưỡi câu để sửa soạn bữa ăn sáng. Sau đó, chúng tôi ngồi ngắm cảnh cô tịch của dòng sông, rồi ngủ thiếp đi lúc nào không biết. Một lát sau, chúng tôi lại thức dậy nhìn xung quanh, có khi đó là một chiếc tàu thủy chạy xinh xịch ngược dòng sông ở phía bên kia bờ, xa đến nỗi chúng tôi chỉ có thể biết được chiếc tàu ấy có bánh chân vịt ở phía đuôi hay ở bên hông mà thôi, rồi trong chừng một giờ sau, không còn thấy gì, không còn nghe tiếng động nào nữa. Cảnh vật lại rơi vào sự cô tịch như cũ. Một lát sau, một chiếc bè lướt qua ở phía xa xa, trên đó hình như có một người đang chẻ củi. Người ta thường làm những việc

như thế trên bè. Ta có thể thấy chiếc riu lóe lên rồi đập xuống, nhưng không nghe tiếng gì cả. Đến khi chiếc riu được đưa lên cao một lần nữa quá đầu người ấy thì mới nghe một tiếng “chập” - vì tiếng động ấy phải mất một thời gian dài như thế mới đến tai ta. Suốt cả ngày, chúng tôi chả làm gì cả, chỉ ngồi lắng nghe sự yên tĩnh ở chung quanh. Cũng có lúc, khi sương mù dày đặc, những chiếc thuyền hay bè đi ngang qua phải đập xoong chảo âm ỉ để cho các tàu thủy biết mà tránh. Có khi một chiếc xà lan hay chiếc bè đi qua gần đến nỗi chúng tôi nghe được tiếng người ta nói chuyện, chửi rủa hay cười đùa với nhau, nhưng chỉ nghe rõ tiếng chứ không thấy người, khiến nhiều lúc chúng tôi thấy rợn cả người, tưởng chừng như nghe tiếng ma trong không khí. Jim cho rằng đó là tiếng ma nói, nhưng tôi bảo:

- Không đâu. Ma không bao giờ nói “Đ. M. cái sương mù” như thế đâu.

Trời tối, chúng tôi liền cho bè ra. Khi đến giữa dòng, chúng tôi cứ thả cho nó trôi đi theo dòng nước. Lúc bấy giờ, hai đứa ngồi hút thuốc, thả hai chân xuống nước, nói chuyện với nhau về đủ mọi thứ trên đời. Cả ngày lẫn đêm chúng tôi cứ để trần truồng, khi nào không bị muỗi quấy rầy. Quần áo của Buck cho tôi quá tốt, cho nên mặc vào người thấy khó chịu, hơn nữa, tôi không thích mặc quần áo lấm, bất cứ là thứ quần áo gì.

Có khi chỉ có mình chúng tôi trên sông trong một khoảng thời gian rất lâu. Ở phía xa kia là bờ và các hòn đảo hiện ra bên kia sông, có khi thấy một tia sáng lấp lánh của một ngọn nến bên cửa sổ, hay một vài chấm sáng lóe lên trên mặt nước - đó là một chiếc xà lan hay chiếc bè nào đó đi qua. Cũng có lúc từ một trong các chiếc ấy vọng lên tiếng vĩ cầm hay tiếng hát. Cuộc sống trên một

chiếc bè thật là tuyệt diệu. Chúng tôi thường nằm trên bè, ngửa mặt nhìn bầu trời trên cao, lăm chắm những vì sao, rồi bàn cãi với nhau rằng những vì sao ấy tự nó xuất hiện hay do ai đó tạo ra. Jim cho rằng chúng được tạo ra, còn tôi thì nhất quyết rằng chúng tự xuất hiện. Tôi nghĩ rằng muốn tạo ra được hằng hà sa số các vì sao ấy thì e rằng quá lâu, còn Jim thì cho rằng chính mặt trời đã “đẻ” ra chúng. Phải, điều này nghe có vẻ hợp lí cho nên tôi không cãi lại nữa. Tôi vẫn thấy những con nhái đẻ ra rất nhiều con, nên tin rằng điều ấy cũng có thể là đúng. Chúng tôi cũng nằm xem những ngôi sao băng kẻ thành những vệt dài trên bầu trời, Jim cho rằng đó là những cái trứng bị thối, nên bị vứt ra khỏi ổ.

Mỗi đêm, chúng tôi thấy, chừng một vài lần, một chiếc tàu thủy chạy bằng hơi nước đang lướt đi trong đêm tối, thỉnh thoảng lại phun ra những tia lửa từ các ống khói. Những tàn lửa ấy tóe ra như mưa xuống sông trông thật là đẹp mắt. Chiếc tàu đi đến một góc sông, các ngọn đèn nhấp nháy rồi tắt, cảnh náo nhiệt cũng chấm dứt, trả lại cho con sông sự yên tĩnh như cũ. Sau đó những đợt sóng từ con tàu trườn đến chỗ chúng tôi, làm cho chiếc bè khẽ lay động một lúc, rồi không còn nghe tiếng động gì nữa trong một khoảng thời gian không biết bao lâu, ngoài tiếng ềnh ương và các con vật khác.

Sau lúc nửa đêm, mọi người trên bờ đều yên giấc. Trong hai, ba giờ đồng hồ sau đó, hai bên bờ tối om, không còn thấy ánh đèn từ cửa sổ các căn chòi nữa. Những ánh lửa ấy là chiếc đồng hồ báo giờ cho chúng tôi. Ánh lửa đầu tiên tái xuất hiện có nghĩa là trời đã sắp sáng, và lúc ấy, chúng tôi phải tìm một nơi nào để ẩn nấp, và buộc chiếc bè lại.

Một buổi sáng nọ, vào lúc rạng đông, tôi tìm thấy một chiếc xuồng, rồi vượt qua một thác nước đến bờ sông, chỉ chèo chừng hai trăm thước thôi - từ đó tôi chèo thêm một dặm nữa ngược lên một con lạch, giữa những lùm cây trắc bá, để hái một ít trái dâu. Khi đi ngang qua một nơi có đường mòn băng qua con lạch, tôi thấy hai người đang phăng phăng chạy đến. Thôi thế là nguy rồi! Tôi nghĩ như thế, vì mỗi khi có ai đuổi theo ai thì tức khắc tôi nghĩ rằng tôi - hay cũng có thể là Jim - là kẻ đang bị săn đuổi. Tôi định chuồn ra khỏi nơi này, nhưng lúc ấy họ đã đến quá gần. Cả hai người gọi tôi, van lạy tôi cứu sống họ. Họ nói vì họ không làm việc gì cả, cho nên bị người ta săn đuổi, và hiện giờ có đông người đang chạy đến, mang theo cả chó nữa. Họ chực nhảy xuống xuồng tôi, nhưng tôi cản lại:

- Không được! Tôi chưa nghe tiếng chó hay tiếng ngựa gì cả. Các ông còn có đủ thì giờ len lỏi qua rừng rậm, đi ngược con lạch một quãng. Sau đó các ông đi xuống nước, lội xuống về phía tôi, rồi lên xuồng. Như thế, bầy chó sẽ không đánh hơi ra được.

Họ làm theo lời tôi. Sau khi họ đã lên xuồng, tôi chèo đến một cồn cát. Chừng năm mươi phút sau, tôi nghe tiếng người hò hét và tiếng chó sủa ở phía xa. Chúng tôi chỉ nghe tiếng họ đến gần, dọc theo con lạch, nhưng không trông thấy người. Có vẻ như họ dừng lại, lục lọi một lát rồi đi. Chúng tôi chèo đi mỗi lúc một xa hơn, cuối cùng không còn nghe tiếng của họ đâu nữa. Khi đã đi ra khỏi khu rừng, tiến ra sông lớn, tất cả trở lại yên tĩnh. Chúng tôi chèo đến cồn cát, rồi nấp sau lùm cây bạch dương, thế là thoát nạn.

Một trong hai người mới đến vào khoảng bảy mươi tuổi hay hơn, đầu sói, râu quai nón đã bạc. Ông ta đội chiếc mũ rộng vành,

méo mó, mặc chiếc áo sơ mi len màu xanh dính đầy mỡ, chiếc quần xanh cũ rách rưới bằng vải thô, nhét vào trong ống giày và chiếc nịt treo, chỉ còn có một bên, ông khoác trên tay một cái áo khoác cũ kĩ, màu xanh, đuôi dài, có đính những chiếc khuy bằng đồng nhẵn thín, cả hai người đều mang theo những cái bị to tướng, trông cũ kĩ, tàn tạ.

Anh chàng thứ hai vào khoảng ba mươi tuổi, mặc quần áo cũng tồi tàn không kém. Sau bữa sáng, chúng tôi nghỉ ngơi nói chuyện, lúc bấy giờ tôi mới biết được rằng hai người mới đến này chưa hề quen biết nhau.

- Cậu bị lôi thôi vì chuyện gì đấy? - Lão già sói đầu hỏi người kia.

- Có gì đâu, tôi buôn một thứ thuốc cạo sạch chất bựa dính ở răng. Thứ thuốc này cạo được chất bẩn ở răng nhưng nó cũng cạo sạch cả men răng. Đáng lẽ bán xong thì phải đi ngay, nhưng tôi nấn ná thêm một ngày nữa. Chính lúc tôi sắp sửa lên đi nơi khác thì gặp bác trên con đường mòn ở phía bên này thị trấn. Bác bảo tôi họ đang đuổi theo và nhờ tôi giúp bác chạy trốn. Tôi nói với bác rằng tôi cũng đang gặp khó khăn, thế là tôi cùng theo bác. Tất cả câu chuyện của tôi chỉ có thế. Thế còn bác thì sao?

- Tôi ấy à? Có gì đâu, cách đây chừng một tuần, tôi tổ chức những buổi nói chuyện khuyên người ta chừa rượu, giữ điều độ, được các bà lớn và trẻ nhỏ hoan nghênh lắm. Mỗi đêm như thế được năm, sáu đô la, cứ mười xu một đầu người, trẻ con và da đen được miễn phí. Nhưng những anh chàng nghiện rượu nghe tôi nói chuyện thì tức tôi lắm. Công việc của tôi đang phát đạt thì đêm qua không hiểu sao người ta đồn ầm lên rằng tôi có giấu một bình rượu để uống lén. Thế rồi, sáng nay, một tên da đen gọi tôi

ra ngoài và báo cho tôi biết dân chúng đang lạng lẽ tụ họp với đủ cả ngựa lẫn chó, và sắp sửa đến, chừng nửa giờ nữa thôi, để đuổi bắt tôi. Nếu bắt được tôi, họ sẽ bôi hắc ín, cắm lông trên người và đặt tôi ngồi trên một thanh sắt vác đi diều. Tôi không kịp ăn sáng, quả thực lúc bấy giờ tôi không thấy đói nữa.

- Bố già ơi. - Người trẻ tuổi nói - Tôi với bác có thể làm ăn chung với nhau được đấy. Bác nghĩ thế nào?

- Tôi không phản đối. Nhưng nghề chính của anh là gì?

- Làm nghề thợ in dạo là chính. Thỉnh thoảng cũng có làm thuốc theo kiểu mới, và diễn kịch - bi kịch, bác hiểu không? Có lúc xoay sang thôi miên học và não tướng học, khi nào có cơ hội. Dạy hát, dạy địa lí, để thay đổi chút ít. Đôi khi lại diễn thuyết nữa. Nói chung thì nhiều thứ lắm... hầu hết tất cả mọi thứ, miễn là không phải lao động cực nhọc. Thế còn tài nghệ bác ra sao?

- Tôi cũng có làm thuốc khá nhiều, trước kia... bằng lối sờ mó là chuyên môn đặc biệt nhất của tôi... chữa các thứ bệnh ung thư, bán thân bất toại, đủ mọi thứ. Tôi xem bói cũng khá giỏi, nếu có người nào đó đi thu thập các sự kiện hộ cho tôi. Tôi cũng có nghề diễn thuyết, tổ chức các cuộc hội lễ, giảng đạo đây đó.

Mọi người đều im lặng trong giây lát. Bỗng người trẻ tuổi thở dài một tiếng nào nuốt rồi nói:

- Than ôi!

- Anh than cái gì vậy? - Lão sói đầu hỏi.

- Nghĩ đến cuộc sống của tôi bây giờ, phải hạ mình sống với hạng người như thế này mà tôi rầu nát ruột. - Hắn lấy một miếng giẻ ra chùi bên góc mắt.

- Mẹ kiếp! Thế hạng người chúng tôi không xứng đáng với anh

sao? - Lão sói đầu nói bằng giọng kiêu căng, ngạo mạn.

- Xứng đáng lắm chứ, xứng đáng với cái số phận hẩm hiu tôi phải gánh chịu bây giờ đây. Ai đã đưa tôi đến chỗ thấp hèn như thế này, trong khi tôi ở địa vị cao sang như thế? Chính tôi, phải, chính tôi, chứ không ai khác. Tôi không trách các người... không trách chút nào cả. Tôi không trách cứ ai hết. Đáng kiếp cho tôi. Cái thế gian bạc bẽo, lạnh lùng còn làm khổ tôi nhiều nữa mà, tôi biết. Một nắm mồ lạnh lẽo đang chờ đợi tôi ở một nơi nào đó. Người ta sẽ tiếp tục hành hạ tôi như từ trước đến nay, sẽ tước của tôi tất cả mọi thứ, những người thân, tài sản, tất cả. Nhưng chắc chắn họ sẽ không tước được của tôi cái nắm mồ ấy. Một ngày nào đó, tôi sẽ nằm yên trong ấy, sẽ quên đi tất cả mọi thứ trên đời này, và trái tim đau khổ của tôi sẽ được yên nghỉ. - Hắn vừa nói vừa lau nước mắt.

- Mặc kệ cái trái tim đau khổ của anh, - lão sói đầu nói -việc gì anh phải vứt cái trái tim đau khổ của anh ra cho chúng tôi làm gì? Chúng tôi có làm gì anh đâu kia chứ?

- Không, các bạn không làm gì tôi hết. Tôi không trách gì các bạn. Chính tôi đã tự hạ thấp mình xuống cho nên tôi phải chịu khổ sở là phải lắm... hoàn toàn phải... tôi có ca thán gì đâu.

- Nhưng từ đâu mà hạ thấp mình xuống kia chứ? Từ chỗ nào hả?

- Nói các bác không tin đâu. Cả thế gian này chả ai bao giờ chịu tin... thôi mặc kệ nó... có hề gì đâu. Về cái điều bí mật của dòng dõi nhà tôi.

- Về bí mật của dòng dõi nhà anh ấy à? Có phải anh muốn nói là...

- Thưa quý ngài! - Giọng anh ta trở nên nghiêm trang -Tôi sẽ tiết lộ điều này cho quý ngài, bởi vì tôi tin tưởng ở các ngài. Theo quyền thế tộc, tôi là một quận công!

Đôi mắt của Jim như muốn nổ tung khi nghe nói như vậy. Có lẽ tôi cũng thế. Thế rồi lão già nói:

- Không lí nào! Anh không nói đùa đấy chứ?

- Không. Cụ cố nhà tôi là con trai trưởng của quận công Bridgewater. Cụ trốn ra khỏi xứ vào cuối thế kỉ vừa qua, để hưởng không khí trong lành của nền tự do. Cụ lấy vợ ở đây, rồi chết đi để lại một đứa con trai. Quận công Bridgewater cũng qua đời vào khoảng thời gian ấy. Người con thứ hai của quận công tranh giành lấy chức tước và đất đai, còn đứa bé nối dõi chính thức của quận công thì bị bỏ rơi. Tôi chính là dòng dõi của đứa bé ấy. Tôi là quận công Bridgewater, người thừa kế chính thức. Thế mà giờ đây, tôi bị cướp tất cả đất đai, tài sản, bị săn đuổi, bị cả thế gian lạnh nhạt, khinh khi đến nỗi phải rách nát, đau khổ, hạ mình xuống làm bạn với những tên tội phạm trên một chiếc bè.

Jim nghe xong có vẻ thương cảm anh chàng này lắm, và tôi cũng vậy. Chúng tôi tìm cách an ủi hắn, nhưng hắn nói những lời an ủi ấy cũng chẳng ích lợi gì, miễn là làm sao chúng tôi công nhận hắn là quận công, như thế là điều tốt nhất cho hắn rồi. Chúng tôi đồng ý, và hỏi hắn phải làm thế nào. Hắn bảo chúng tôi phải cúi mình xuống khi nói chuyện với hắn và nói: “Thưa ngài” hay “Thưa quận công” hay “Thưa đức ông” và hắn cũng sẵn sàng chấp nhận nếu chúng tôi gọi hắn là “Bridgewater” không thôi cũng được, vì đó cũng là chức tước rồi, chứ không phải là một cái tên. Ngoài ra, một trong hai đứa tôi phải hầu hạ hắn trong bữa

cơm và làm mọi việc lật vật hăn sai bảo.

Kể ra thì những công việc ấy cũng chẳng khó khăn gì nên chúng tôi cũng làm. Suốt bữa ăn, Jim đứng xung quanh hầu hạ hăn và nói: “Thưa ngài, ngài muốn dùng thứ này hoặc thứ kia ạ?” vân vân và vân vân. Quận công xem ra có vẻ hài lòng lắm.

Nhưng mà lão già thì trầm ngâm, không nói gì nhiều, ra vẻ khó chịu về lối chiều chuộng, xun xoe xung quanh quận công. Hình như ông đang có một dự tính nào đó trong đầu. Đến buổi xế trưa, lão nói:

- Bilgewater*, tôi thương hại cho cậu lắm đấy nhưng cậu không phải là người duy nhất gặp những khó khăn như thế đâu.

- Không à?

- Không. Cậu không phải là người duy nhất bị hất ra khỏi nơi quyền quý một cách oan ức đâu.

- Trời!

- Không, cậu không phải là người duy nhất giấu kín dòng dõi bí mật của mình đâu. - Nói xong, thì, ơ kia, lão bật khóc ròng.

- Khoan đã! Bác nói gì lạ vậy?

- Brilgewater, ta có tin được người không? - Lão già vẫn nước nớc nói.

- Cho đến hơi thở cuối cùng! - Hăn cầm tay lão già siết thật chặt - Hãy nói về dòng dõi bí mật của bác đi!

- Brilgewater! Ta là cựu hoàng tử kế vị.

Jim và tôi trở mắt lên nhìn lão. Quận công nói:

- Bác nói sao?

- Phải, anh bạn trẻ ơi! Đó là sự thực... giờ phút này mắt của

anh bạn đang nhìn thấy hoàng tử kế vị, Louis thứ mười bảy, con trai của vua Louis thứ mười sáu và hoàng hậu Marie Antoinette.

- Bác à? Với cái tuổi của bác như thế à? Không thể được. Nếu bác nói bác là cựu hoàng đế Charlenagne của nước Pháp, thì bây giờ bác phải sáu trăm tuổi là ít.

- Chính những nỗi đau khổ đã biến ta thành thế này đó, Bilgewater ạ. Chúng đã nhuộm bạc đầu tóc của ta, khiến cho ta sói đầu trước tuổi như thế này. Phải, trước mặt các ngài đây, trong bộ quần áo vải thô sơ màu xanh nghèo túng, chính là vị vua chính thức của nước Pháp, một kẻ bị đọa đầy, chà đạp, phải đi lang thang đây đó.

Nói xong, lão khóc lóc thảm thiết, khiến tôi và Jim không biết xoay xở ra sao. Chúng tôi thương hại lão quá, nhưng cũng thấy mừng và hãnh diện được lão đến ở với chúng tôi. Thế rồi chúng tôi cũng ngỏ lời an ủi lão, giống như đã làm với quận công trước đây. Nhưng lão cho rằng như thế là vô ích, chỉ còn có một cách là chết cho rồi đời mới làm cho lão yên dạ mà thôi. Nhưng, dầu sao, nhiều khi lão cảm thấy dễ chịu, thoải mái hơn, nếu người ta đối xử với lão đúng theo chức vị của lão cho phép, nghĩa là quỳ xuống khi nói chuyện với lão, thưa với lão là: “Tâu hoàng thượng”, hầu hạ lão trước tiên vào các bữa ăn, và chỉ được ngồi xuống trước mặt lão khi nào lão mời. Vì vậy, Jim và tôi phải “Thưa hoàng thượng” với lão, làm việc này việc khác cho lão, và đứng thẳng người cho đến lúc lão cho phép chúng tôi ngồi xuống. Điều này rất có lợi cho lão nên lão rất vui và rất thoải mái. Nhưng quận công thì tỏ ra chưa chát với lão, có vẻ như không thích chút nào những sự việc diễn ra. Tuy nhiên nhà vua vẫn tỏ ra thân mật với quận công, và rằng cụ cố nội của lão, cũng như tất cả những quận

công Bilgewater trước kia đã được cha lão nhắc nhở đến luôn, và thường cho phép vào châu trong cung điện. Nhưng quận công vẫn tỏ thái độ khó chịu. Một lúc sau đó, nhà vua mới nói:

- Dù muốn hay không thì ta với người đều ràng buộc với nhau rất lâu dài trên chiếc bè này, Bilgewater ạ. Việc gì nhà ngươi lại chưa chat với ta? Chỉ làm cho cuộc sống của chúng ta thêm khó chịu thôi! Ta không sinh ra làm quận công, đâu có phải lỗi của ta, còn người không sinh ra là vua cũng đâu phải do lỗi của người? Vậy thì việc gì mà thắc mắc? Chấp nhận và lợi dụng tối đa hoàn cảnh của mình, đó là phương châm của ta vậy. Huống chi ở trên bè này đâu có phải là khổ cực cho lắm... thức ăn, thức uống thì nhiều, cuộc sống cũng thoải mái... thôi đi, bắt tay với ta nào, chúng mình là bạn mà.

Quận công bắt tay, Jim và tôi cũng thấy vui, vì sự kiện ấy sẽ phá tan bầu không khí khó chịu giữa hai người. Chúng tôi mừng rỡ vì không muốn trông thấy có sự mất đoàn kết ở trên bè. Điều mong mỏi lớn lao nhất của chúng tôi là trên một chiếc bè, mọi người phải được thỏa mãn, phải cư xử tốt và đúng đắn với nhau.

Không cần phải mất một thời gian lâu, tôi mới nhận được rằng hai gã này chẳng phải là vua hay quận công gì cả, mà chỉ là những tên lưu manh, lừa đảo. Nhưng tôi vẫn không nói gì, cứ để mọi sự diễn ra như vậy, và giữ riêng ý kiến ấy cho mình. Đó là cách tốt nhất, và như thế thì không có những sự cãi vã hay rắc rối gì cả. Nếu chúng muốn tôi gọi chúng là vua, là quận công, tôi cũng không phản đối gì, miễn là có được sự êm ấm trong gia đình. Tôi nghĩ cũng chẳng cần nói điều ấy với Jim, vì xét chẳng có ích lợi gì. Nếu tôi có học được điều gì ở cha tôi thì có lẽ chỉ có duy nhất một điều là: phương cách tốt nhất để có thể sống hòa

đồng với những người khác là để mặc cho người ta muốn làm gì thì làm.

CHƯƠNG 20

HOẠT ĐỘNG CỦA NHÀ VUA Ở PARVILLE

ọ hỏi tôi rất nhiều câu: Tại sao chúng tôi lại phủ kín bè lại? Tại sao lại không tiếp tục đi mà lại nghỉ vào ban ngày? Jim có phải là một tên da đen bỏ trốn không? Tôi nói:

- Ủa, đời thuở nào một tên da đen bỏ trốn lại chạy xuống miền Nam?

Họ cũng đồng ý là không đời nào có chuyện ấy. Tôi tìm cách giải thích mọi chuyện như sau:

- Gia đình tôi trước kia sống ở quận Pike, thuộc bang Missouri, nơi tôi sinh ra đời. Tất cả đều qua đời, chỉ còn lại cha tôi, em tôi là Ike và tôi mà thôi. Cha tôi muốn bỏ đi, xuống ở với chú tôi là Ben, sống ở một nơi nhỏ trên sông, chừng bốn mươi tư dặm dưới vùng Orleans. Cha tôi đã nghèo túng lại còn mắc công nợ, cho nên khi trả xong nợ thì trong nhà chỉ còn mười sáu đô la với một tên đầy tớ da đen của chúng tôi tên là Jim. Với số tiền ít ỏi ấy chúng tôi không thể nào vượt quãng đường một nghìn bốn trăm dặm ấy bằng tàu thủy hay bất cứ phương tiện nào khác. Thế rồi, khi nước sông lên, cha tôi may mắn bắt được chiếc bè này. Chúng tôi dự định đi xuống vùng Orleans bằng bè. Nhưng không may, một đêm, một chiếc tàu thủy đâm vào một góc phía trước của chiếc

bè, tất cả chúng tôi đều nhảy ra khỏi bè, lặn sâu phía dưới bánh chân vịt. Jim và tôi trôi lên được an toàn, còn cha tôi vì say rượu, và em tôi vì chỉ mới có bốn tuổi, nên cả hai đều chìm nghỉm luôn. Trong một vài ngày sau đó, chúng tôi gặp khó khăn vô kể, vì người ta cứ chèo xuồng ra, đòi bắt lấy thằng Jim, cho rằng hắn là một tên da đen bỏ trốn. Vì thế, từ đó, chúng tôi không dám đi ban ngày nữa. Đến đêm thì chẳng có ai đến quấy rầy.

Quận công nói:

- Để ta nghĩ ra cách nào đó cho chúng ta có thể đi giữa ban ngày, nếu chúng ta muốn. Rồi ta sẽ có kế hoạch giải quyết chuyện này. Cứ cho qua ngày hôm nay cái đã. Cố nhiên là chúng ta không thể đi qua thị trấn kia vào ban ngày được. Như thế không nên.

Đến đêm, trời tối sầm lại, có vẻ như muốn mưa. Những tia chớp loang loáng ở phía chân trời. Lá cây bắt đầu lay động. Chắc là thời tiết sẽ xấu lắm, điều này thật quá rõ ràng. Quận công và vua bèn đi vào chòi của chúng tôi để quan sát xem chỗ nằm của chúng tôi như thế nào. Giường của tôi là cái nệm rơm, tốt hơn giường của Jim độn bằng thân cây ngô. Các thân cây ngô này thường có những cái lõi xung quanh thân cây nên chích vào da thịt đau lắm. Mỗi lần lăn trên cái đệm độn bằng thân cây ngô khô ấy thì nó kêu lên rào rào, chả khác nào lăn trên đồng lá héo, rất khó ngủ. Quận công đã biết thế nên chọn ngay chiếc giường của tôi, nhưng nhà vua không chịu. Lão nói:

- Tôi nghĩ rằng sự khác biệt về chức tước giữa tôi với ngài có thể giúp ngài nhận thức được rằng một cái giường độn bằng thân cây ngô quả là không thích hợp cho tôi sử dụng. Ngài quận công hãy lấy cái giường bằng thân cây ngô kia mà nằm.

Jim và tôi toát mồ hôi lên một lúc, sợ rằng sẽ có cuộc lôi thôi to giữa hai người. Nhưng chúng tôi rất mừng khi nghe quận công nói:

- Định mệnh bao giờ cũng vui tôi xuống bùn đen dưới gót sắt của kẻ áp bức. Những khổ đau trên đời đã từng làm sụp đổ tinh thần đã một thời rất kiêu hãnh của tôi rồi. Tôi đành phải chịu nhượng bộ thôi. Số phận buộc tôi như thế mà. Tôi cô đơn trên cõi đời này. Cứ để tôi phải đau khổ. Tôi có thể chịu đựng được.

Chúng tôi lên đường vào lúc trời đã tối hẳn. Nhà vua ra lệnh cho chúng tôi phải cho bè ra xa, giữa dòng sông, và chỉ được treo đèn lên khi nào đã ra khỏi thành phố một quãng xa. Một lát sau đó, chúng tôi trông thấy những chùm ánh đèn - đó là thị trấn - rồi cho bè trườn nhẹ ngang qua đó, vào khoảng nửa dặm. Thế là an toàn. Khi đã đi khỏi thị trấn chừng ba phần tư dặm, chúng tôi treo đèn hiệu lên. Đến mười giờ đêm, mưa, gió, sấm, chớp bắt đầu nổi lên. Nhà vua bảo tôi đứng canh gác cho đến khi nào thời tiết khá hơn, sau đó nhà vua và quận công bỏ vào chòi an nghỉ. Tôi phải đứng canh cho đến tận mười hai giờ, nhưng lúc bấy giờ, dù có giường nằm, tôi cũng không thể nào đi ngủ được, vì một cơn bão lớn như thế không phải ngày nào cũng có trong suốt cả tuần lễ. Gió rít lên thật là ghê gớm. Cứ một vài giây lại có một tia chớp làm sáng rực lên ngọn sóng bạc ở xung quanh, xa đến nửa dặm, những hòn đảo nhìn thấy qua làn mưa trông giống như nhuộm bụi bẩn. Những cành cây xô qua xô lại trong cơn gió mạnh. Thình thoảng, một tiếng xoẹt, tiếp theo là tiếng rầm rầm nổi lên, lan rộng ra xa rồi tắt hẳn, sau đó lại một tia chớp lóe lên, rồi lại một tiếng nổ mạnh khác nữa. Nhiều lúc cơn sóng suýt đánh bật tôi ra khỏi bè, nhưng vì tôi không mặc quần áo gì nên

không lấy làm e ngại. Chúng tôi không phải lo ngại gì những mòm đá ngầm vì các tia chớp lóe lên liên tiếp, nên chúng tôi có thể trông thấy chúng khá sớm và lách mũi bè về phía bên này hay bên kia để tránh.

Tôi phụ trách phiên gác giữa, nhưng lúc bảy giờ tôi buồn ngủ quá, cho nên Jim bảo hẳn sẽ gác nửa đầu phiên gác hộ cho tôi. Hẳn bao giờ cũng tốt đối với tôi như vậy đó. Tôi bò vào trong chòi, nhưng vua và quận công đã gác chân lên khắp nơi nên tôi không có chỗ nào chen vào lọt. Tôi đành phải nằm ở ngoài chòi. Tôi không ngại gì mưa gió vì thời tiết nóng nực và sóng lúc bảy giờ cũng không cao quá. Vào lúc hai giờ, sóng bắt đầu nổi lên lại. Jim định gọi tôi dậy, nhưng rồi hẳn thay đổi ý định vì nghĩ rằng sóng chưa đến nổi quá cao để có thể gây nguy hiểm. Nhưng hẳn đã lầm, vì chỉ một lát sau đó, đột nhiên, một cơn sóng thật to chồm lên, cuốn tôi khỏi bè. Jim được dịp cười như nắc nẻ. Hẳn là con người rất dễ cười, một điều ít khi thấy ở những người da đen như hẳn.

Tôi đổi phiên gác với Jim. Hẳn liền đi nằm rồi ngáy rống lên ngay lập tức. Dần dần, cơn bão lắng đi rồi tắt hẳn. Khi trông thấy ánh đèn đầu tiên của một căn chòi trên bờ sông, tôi đánh thức hẳn dậy, rồi đưa bè đến chỗ ẩn nấp vào ban ngày.

Sau bữa ăn sáng, nhà vua lấy ra một cỗ bài tây cũ nát, rồi lão và quận công chơi bài với nhau, mỗi ván năm xu. Chơi chán rồi, họ bàn với nhau sẽ tổ chức “một chiến dịch mới”, theo lối gọi của họ. Quận công lục lọi trong túi vải, lấy ra một xấp giấy cáo thị in sẵn rồi đọc to lên. Một cáo thị viết: “Bác sĩ danh tiếng của thành phố Paris, Armand de Montalban, sẽ diễn thuyết về khoa não - tướng - học ở nơi (bỏ trống) và nơi (bỏ trống), vào ngày (bỏ trống),

tháng (bỏ trống). Giá vào cửa là mười xu, và sẽ cấp phát các biểu đồ về tính tình với giá hai mươi lăm xu một tấm”. Quận công bảo bác sĩ ấy chính là hắc đó. Trong một cáo thị khác thì hắc là “một kịch sĩ chuyên diễn kịch Shakespeare nổi tiếng thế giới, tên là Garrick Em của nhà hát Drury Lane ở London”. Trong các cáo thị khác nữa thì hắc lại mang những tên khác, và làm được nhiều trò kì ảo, như tìm ra nước và vàng với một “cây gậy thần bí”, “giải được bùa chú của các tên phù thủy”, vân vân. Tiếp đó hắc nói:

- Nhưng nghệ thuật sân khấu mới thật là hấp dẫn. Ngài đã bao giờ lên sân khấu chưa?

- Chưa! - Nhà vua nói.

- Chỉ cần ba ngày thôi, là ngài có thể lên sân khấu được rồi, thưa nhà vua thất sủng ạ. Đến thị trấn đầu tiên chúng ta sẽ thuê một cái rạp rồi sẽ biểu diễn một màn đấu kiếm trong vở kịch “Richard đệ tam” và màn tỏ tình trên lan can trong vở “Romeo và Juliet”. Nhà vua nghĩ thế nào?

- Ta ủng hộ hết mình bất cứ ý kiến nào có thể đem lại tiền bạc, Bilgewater ạ. Nhưng mà ta có biết diễn kịch đâu, mà cũng ít khi đi xem kịch nữa. Khi ta còn nhỏ thì phụ thân ta thường cho diễn kịch trong cung điện thôi. Người có thể nào dạy cho ta đóng kịch được không?

- Dễ quá mà!

- Tôi vừa nghĩ ra một màn kịch hết sức mới mẻ, còn để dành đó chưa diễn. Thôi chúng ta bắt đầu ngay đi.

Thế là quận công giảng giải cho nhà vua Romeo là ai, Juliet là ai, và bảo rằng hắc sẽ là Romeo, còn nhà vua sẽ là Juliet.

- Nhưng mà, quận công này, Juliet là một người con gái trẻ.

Còn ta thì đầu sói, râu quai nón bạc, đóng vai Juliet coi kì quá.

- Đừng có lo. Những dân quê mộc mạc ấy không để ý gì các chi tiết ấy đâu. Hơn nữa, ngài mặc y phục vào người thì sẽ thay đổi hẳn. Nàng Juliet sẽ đứng bên lan can nhìn trăng, mặc một bộ đồ ngủ và chiếc mũ vải thêu đăng ten. Đây là y phục dùng để đóng các vai trong vở kịch ấy.

Hắn lấy ra hai hay ba bộ quần áo bằng vải màn thô, mà hắn gọi là áo giáp thời trung cổ của vua Richard đệ tam và của một người khác nữa, và một bộ áo ngủ bằng vải bông với cái mũ vải có viền đăng ten dùng để đội lúc ngủ. Nhà vua có vẻ hài lòng. Quận công liền đem sách ra đọc các vai tuồng, vừa đọc vừa giơ tay múa chân theo kiểu phượng hoàng xòe cánh, nhảy nhót làm điệu bộ để trình bày cách diễn phải như thế nào, sau đó hắn đưa cuốn sách cho nhà vua đọc để học thuộc lòng vai của mình.

Có một thị trấn nhỏ và nghèo, chừng ba dặm ở phía dưới khúc quanh của con sông. Sau bữa ăn, quận công nói hắn vừa nghĩ ra được một kế để chúng tôi có thể đi bè giữa ban ngày mà không gây nguy hiểm gì cho Jim cả. Vì vậy, hắn cần phải xuống thị trấn nhỏ ấy để xếp đặt việc này. Nhà vua nói lão cũng muốn đi theo, may ra tìm được cái gì chẳng. Lúc bấy giờ, chúng tôi đã hết cà phê, nên Jim đề nghị tôi cũng đi xuồng theo với họ để mua.

Khi đến thị trấn ấy, đường vắng tanh, hoàn toàn yên lặng, y như ngày chủ nhật. Chúng tôi gặp một tên da đen đang sưởi nắng trong một cái sân sau nhà. Hắn cho biết rằng mọi người trong làng đều đi dự cuộc lễ tôn giáo cách đó chừng hai dặm ở trong rừng, trừ những người nào quá trẻ, quá ốm hay quá già mới phải ở nhà mà thôi. Nhà vua hỏi đường đi đến nơi hành lễ và nói rằng sẽ đi đến đó hoạt động xem có gì hay không, và đề nghị tôi cùng

đi.

Quận công thì nghĩ muốn đi tìm một xưởng in. Chúng tôi tìm ra được một xưởng in nhỏ, nằm ở trên một xưởng mộc - thợ mộc và thợ in đều đi dự lễ, các cửa ngõ đều không khóa. Đó là một nơi bẩn thỉu, đầy rác rưởi, trên tường toàn là những vết mực, những cáo thị có vẽ hình ngựa hay hình những tên da đen bỏ trốn đang bị truy lùng. Quận công cởi áo ngoài ra, nói rằng công việc của hắn thế là ổn rồi. Tôi và nhà vua đi ra ngoài, tìm đến nơi cử hành cuộc lễ.

Chúng tôi đến nơi ấy chừng nửa giờ sau, mồ hôi nhễ nhại vì hôm ấy trời rất nóng nực. Hàng nghìn người từ các nơi cách đó hai mươi dặm đều tề tựu đông đủ. Các khu rừng xung quanh đầy nghẹt xe và ngựa, buộc rải rác khắp nơi. Đàn ngựa đang ăn ở những cái máng đựng thức ăn, giẫm chân thành thịch để xua ruồi. Những chiếc lều xung quanh đó đều dựng bằng cột, lợp bằng cành cây, ở đó bán nước chanh, bánh mật, dưa hấu, bắp ngô non và các thứ lặt vặt.

Buổi giảng đạo diễn ra dưới những căn lều như vậy, nhưng rộng rãi hơn để có thể chứa được rất đông người. Những chiếc ghế ngồi thì làm bằng các thân cây có cắm những que gỗ vào đó dùng làm chỗ để chân. Tất cả đều không có lưng tựa. Các mục sư giảng đạo thì đứng trên những cái bục cao ở đầu các căn chòi. Các bà đều đội mũ che nắng, người thì mặc chiếc áo làm bằng thứ hàng nửa len nửa sợi, kẻ thì mặc áo vải sọc. Các cô gái thì mặc áo vải chức bầu. Thanh niên đều đi chân đất, trẻ con thì không mặc gì cả ngoài một chiếc sơ mi bằng vải gai thô. Các bà già đang ngồi đan len, còn các chàng trai trẻ thì đang tìm cách ve vãn các cô gái một cách kín đáo.

Tại căn lều đầu tiên chúng tôi đi tới, một vị giảng đạo đang điều khiển hát một bài thánh ca. Ông kẻ ra hai dòng, tất cả mọi người đều đồng thanh hát, nghe rất hay. Họ rất đông nên bài hát nghe rất sôi nổi. Sau đó, ông kẻ thêm hai câu nữa, mọi người đều hát, và cứ tiếp tục như thế. Mọi người mỗi lúc mỗi tỉnh ngủ hơn nên hát càng to. Vào đoạn cuối, một số người hát như rên rỉ, một số khác lại gào to lên. Sau đó, nhà thuyết giảng bắt đầu giảng đạo một cách rất hăng say. Ông đi qua đi lại như con thoi từ đầu này đến đầu kia trên cái bục gỗ, có lúc cúi cong mình về phía trước, cả thân hình và cánh tay đều đưa ra cùng một lúc, rồi cố sức gào lên thật to. Thỉnh thoảng ông lại giơ cuốn thánh kinh lên, mở rộng ra, vừa có vẻ như muốn chuyển nó đến khắp mọi phía, vừa gào lên: “Đó chính là con quỷ Xa-tăng tàn bạo. Hãy xem đó để mà sống!”. Mọi người đều rống lên: “Vinh danh Thiên Chúa... A-men!”. Thế rồi ông ta tiếp tục, mọi người lại rên rỉ, khóc lóc miệng nói “A-men!”.

- Hãy đi đến chiếc ghế dành cho kẻ ăn năn, sám hối! Hãy đến đây, những kẻ đã bị tội lỗi làm nhơ bẩn! (A-men!). Hãy đến đây những kẻ mù lòa, tàn tật! (A-men). Hãy đến đây những kẻ nghèo hèn, thiếu thốn, bị đắm chìm trong túi nhục! (A-men!). Hãy đến đây những kẻ đau khổ, rã rời! Tất cả hãy đến đây, đem theo trái tim đau khổ, ăn năn, cùng với tất cả tội lỗi, nhơ bẩn, và cả những bộ quần áo rách rưới của các người. Nước của Chúa sẽ rửa sạch tất cả cho các người, mà các người chẳng phải trả tiền gì cả, cánh cửa của thiên đường sẽ mở rộng cho các người... Ôi! Hãy vào đây để được yên nghỉ! (A-a-men! Vinh danh Thiên Chúa! Ha-lê-lu-ia!).

Và cứ như thế, như thế mãi. Lúc bấy giờ không còn ai nghe được vị thuyết giảng nói gì thêm nữa giữa tiếng kêu gào than

khóc. Mọi người từ mọi phía xô đẩy chen chúc nhau, cố đi tới chiếc ghế dành riêng cho kẻ sám hối, nước mắt ràn rụa trên má. Khi những kẻ sám hối đã đến tụ tập ở những chiếc ghế phía trên cùng, tất cả đều đồng thanh hát, kêu la, lăn mình trên đồng rơm, thật sôi nổi, cuồng nhiệt.

Ngay lúc ấy, tôi thấy nhà vua bước lên, giọng lão oang oang át cả tiếng nói của mọi người. Lão tiến lên bục, rồi vị mục sư giảng đạo yêu cầu lão phát biểu ý kiến. Lão vui lòng làm ngay. Lão nói rằng lão là một tên cướp biển, đã từng hoạt động trong ba mươi năm trên Ấn Độ Dương - mùa xuân vừa rồi, các đồng bọn của lão đã bị giết rất nhiều trong một cuộc chiến đấu, cho nên lão phải về nước để tuyển mộ thêm người mới, nhưng nhờ trời xui khiến, đêm qua lão bị mất trộm hết cả, và khi lão xuống tàu thủy, lão không còn một xu dính túi; lão rất mừng về chuyện này, cho rằng đó là một điều hết sức may mắn, vì bây giờ đây lão đã trở thành một con người hoàn toàn khác hẳn và cảm thấy hạnh phúc lần đầu tiên trong đời; dù nghèo nàn như vậy, lão cũng sẽ tìm cách trở lại Ấn Độ Dương và sẽ dùng quãng đời còn lại để thuyết phục bọn cướp biển trở về với cuộc sống lương thiện; lão có thể làm được việc này có hiệu quả hơn bất kì ai khác, vì lão quen biết tất cả bọn cướp trên Ấn Độ Dương; dù cho lão còn lâu mới đến được nơi ấy vì không có tiền bạc, nhưng rồi lão cũng sẽ đến nơi; và nếu sau này, cứ mỗi lần thuyết phục được một tên cướp nào, lão cũng sẽ nói: “Đừng có cảm ơn ta, ta không làm ân nghĩa gì cho người cả. Tất cả công đức ấy thuộc về những người dân thân mến trong cuộc hội lễ ở Parkville này, đó là những người anh em ruột thịt, những kẻ đã cứu giúp cho cả nhân loại, đó là mục sư đang đứng ở kia, người bạn chân thật nhất mà một tên cướp biển chưa từng

bao giờ có”.

Nói xong, lão bật lên tiếng khóc nức nở, và mọi người xung quanh cũng thế. Một người trong bọn họ nói to lên: “Chúng ta hãy tổ chức một cuộc lạc quyền để giúp ông ta!”. Chừng năm sáu người tỏ vẻ sốt sắng muốn làm ngay cuộc lạc quyền, nhưng một người nói: “Bảo ông ta chuyển chiếc mũ để chúng ta bỏ tiền vào đấy!”. Mọi người đều đồng ý, cả nhà vua cũng vậy.

Thế là nhà vua đi lòng vòng giữa đám đông, cầm chiếc mũ nơi tay, tay kia quạt nước mắt, miệng không ngớt ca tụng và cảm ơn mọi người đã có lòng tốt giúp cho những tên cướp biển ở xa xôi. Chốc chốc lại có một cô gái hết sức xinh đẹp, nước mắt ràn rụa, xin được hôn hạnh hôn lão một cái để được nhớ đến lão mãi mãi; về điều này thì lão luôn luôn sẵn sàng, có người được lão ôm hôn đến năm, sáu lượt - người ta mời lão ở lại một tuần lễ; mọi người đều mong muốn được lão chiếu cố đến ở chung với họ, cho rằng đó là một điều hạnh phúc lớn lao; nhưng lão nói lão rất tiếc không thể chiều lòng họ được vì hôm ấy là ngày cuối cùng của cuộc hội lễ, hơn nữa lão cũng nóng lòng đến Ấn Độ Dương ngay để thuyết phục các tên cướp biển.

Khi chúng tôi trở về xuồng, lão đem số tiền vừa thu được ra đếm thì tính tất cả được tám mươi bảy đô la, bảy mươi lăm xu. Ngoài ra lão cũng “nặng nề” thêm được một thùng rượu chứa chừng mười hai lít whisky, tìm thấy dưới một chiếc xe ngựa trên đường đi về bè xuyên qua khu rừng. Nhà vua nói rằng, tính chung tất cả, lão đã kiếm được nhiều hơn bất cứ lúc nào trong nghề thuyết giáo của lão. Lão bảo rằng chẳng cần tổ chức hội lễ gì cho bọn cướp biển cả, vì nói chuyện với bọn vô đạo cũng vô ích mà thôi.

Quận công cũng cho rằng mình làm ăn khấm khá, nhưng khi nhà vua trở về với số tiền kiếm được lớn như vậy thì hẳn không còn tự hào như trước nữa. Hẳn đã vận động in thuê hai tấm quảng cáo mua bán ngựa cho nông dân với giá tiền bốn đô la. Ngoài ra, hẳn còn thu được tiền rao vặt trên mặt báo trị giá mười đô la, nhưng hẳn chỉ lấy bốn đô la thôi, nếu người ta chịu trả tiền trước. Giá tiền mua báo là hai đô la một năm, nhưng hẳn thu thành ba kì, mỗi kì chỉ nửa đô la thôi, với điều kiện họ trả tiền trước. Người ta đòi trả cho hẳn bằng hiện vật, như củi gỗ và hành tỏi như thường lệ, nhưng hẳn bảo rằng hẳn vừa mới mua lại xưởng in nên phải đưa ra giá hạ đến mức tối thiểu để có tiền mặt trả mọi chi phí điều hành. Hẳn cũng sáng tác một bài thơ... ba câu, có vẻ ướm át, bi thảm, nhan đề là: “Hỡi thế gian lạnh lùng kia, hãy giẫm nát trái tim ta!” sẵn sàng để đem in trên mặt báo, nhưng hẳn không lấy tiền về bài thơ ấy. Hẳn thu được chín đô la rưỡi, và cho rằng hẳn đã hoàn tất công việc một cách khá lương thiện trong ngày hôm ấy.

Sau cùng, hẳn đưa ra một bản cáo thị vừa in xong nhưng không tính tiền vì cáo thị ấy dành riêng cho chúng tôi sử dụng. Trên cáo thị ấy có hình vẽ một tên da đen bỏ trốn, với một cái bị buộc vào cây gậy vác lên vai, dưới dòng chữ: “200 đô la tiền thưởng”. Tờ cáo thị ấy viết về Jim, mô tả hẳn rõ từng chi tiết, nói rằng hẳn đã chạy trốn khỏi đồn điền ở St. Jacques dưới New Orleans bốn mươi dặm, vào mùa đông trước, và có lẽ đã đi về phía bắc, ai bắt được hẳn và đưa hẳn trở về sẽ được thưởng và bù lại mọi phí tổn.

- Bây giờ, - quận công nói - sau đêm nay, chúng ta có thể đi giữa ban ngày, nếu muốn. Khi nào thấy ai đi đến, ta chỉ việc trói

thằng Jim lại bằng dây thừng, rồi đưa cái cáo thị này ra, nói rằng chúng ta bắt được hắc ở phía trên sông, nhưng vì quá nghèo không đi bằng tàu thủy được nên phải mượn của bạn hữu chiếc bè này để mang hắc đi lĩnh thưởng. Giá trời hắc bằng xích và còng thì đúng kiểu hơn, nhưng như thế lại không phù hợp với câu chuyện nói rằng chúng ta nghèo khổ. Vậy, dây thừng là đúng đắn nhất rồi... bao giờ cũng phải tôn trọng luật đồng nhất như người ta vẫn thường nói trên sân khấu.

Chúng tôi đều cho rằng quận công thật khôn ngoan, và như vậy thì chúng tôi có thể đi giữa ban ngày mà không gặp khó khăn gì. Chúng tôi bàn với nhau cần phải đi được nhiều dặm đường vào ngày đêm hôm ấy để có thể tránh những sự náo động sẽ xảy ra do các hoạt động của quận công tại xưởng in, sau đó thì chúng tôi sẽ tha hồ muốn đi đâu thì đi.

Chúng tôi nằm ẹp xuống, tuyệt đối giữ im lặng, không dám lộ đầu ra cho đến mãi mười giờ đêm, lúc đó bè chúng tôi trôi đi khá xa khỏi thị trấn, nhưng vẫn chưa dám treo đèn lên cho mãi đến khi đã đi khuất hắc.

Khi Jim đánh thức tôi dậy để canh gác lúc bốn giờ sáng, hắc nói với tôi:

- Huck này, cậu có nghĩ rằng chúng mình sẽ gặp thêm vua chúa nào nữa trong chuyến đi này hay không?

- Không, - tôi nói - chắc là không.

- Thế thì được. Một, hai ông vua tôi còn chịu được. Nhưng như thế cũng quá đủ rồi. Lão vua này thì say bí tỉ còn lão quận công thì cũng chẳng hơn gì.

Có lúc tôi thấy thằng Jim cố dụ cho nhà vua nói tiếng Pháp để

nghe ra thế nào, nhưng nhà vua bảo lão đã lìa xa xứ sở lâu quá rồi, và đã gặp quá nhiều khó khăn, nên lão quên hết cả tiếng Pháp rồi.

CHƯƠNG 21

VỤ RẮC RỎI Ở ARKANSAS

ặt trời đã lên cao rồi, nhưng chúng tôi vẫn tiếp tục đi, không phải buộc bè lại. Vua và quận công bước ra trông có vẻ bơ phờ, thiếu ngủ. Nhưng sau khi đã nhảy xuống sông tắm thì họ trở lại lanh lợi, vui vẻ. Ăn sáng xong nhà vua ngồi xuống góc bè, cởi giày ra, xắn ống quần, rồi thả chân xuống nước cho được mát mẻ. Lão châm thuốc hút, lẩm nhẩm học thuộc lòng vở kịch “Romeo và Juliet”. Khi đã khá thuộc rồi, lão và quận công tập dượt nhau. Quận công phải dạy đi dạy lại cho lão cách nói từng câu, từng chữ, bắt lão phải thở dài, để bàn tay lên trái tim. Sau khi đã tập dượt một lúc, quận công khen rằng lão làm như thế là khá rồi, nhưng hẳn nói:

- Ngài làm như thế là được rồi, nhưng chỉ phải cái tội là cứ rống “Rô-mê-ô! Rô-mê-ô!” lên như bò ấy. Phải nói thật nhẹ, thật tha thiết, thật đau khổ, như thế này này: “Rô-mê-ô!”, như thế đấy, vì Juliet là một cô gái dịu dàng, ngài biết không, chứ không kêu lên inh ỏi như con lừa đực ấy.

Sau đó, họ lấy ra một đôi kiếm mà quận công đã đeo ra từ những thanh gỗ, rồi bắt đầu tập đấu gươm với nhau.

Quận công tự gọi mình là Richard đệ tam, và cái cách hẳn

biểu diễn, nhảy qua nhảy lại trên bè, trông thật đẹp mắt. Nhưng rồi nhà vua trượt chân một cái, lăn tòm xuống nước. Sau đó, chúng nghỉ ngơi rồi kể chuyện với nhau về những cuộc phiêu lưu mạo hiểm mà chúng đã gặp trước kia dọc dòng sông.

Sau bữa cơm, quận công nói:

- Nhà vua này, chúng ta cần phải làm một cuộc trình diễn tuyệt hảo, ngài hiểu không? Cho nên mình cần phải có thêm một màn gì đó nữa, để khi khán giả kêu “bít! bít” thì mình có cái gì đáp lại chứ?

- Bít, bít là cái gì vậy?

Quận công giảng nghĩa cho nhà vua, rồi nói:

- Chúng ta sẽ đáp lại thịnh tình của khán giả bằng một cuộc nhảy nhót theo kiểu miền cao nguyên hay là khiêu vũ theo nhịp tù và của bọn thủy thủ vậy. À, nhưng mà để tôi xem nào... tôi nghĩ ra rồi... ngài có thể làm một màn độc thoại của Hamlet được đấy.

- Cái gì của Hamlet?

- Màn độc thoại của Hamlet, ngài biết không? Đó là một đoạn nổi tiếng nhất trong kịch Shakespeare. Đoạn ấy thật là tuyệt diệu, lúc nào cũng làm say mê khán giả. Tôi không có đoạn ấy trong sách của tôi, vì tôi chỉ có một tập thôi, nhưng rồi tôi sẽ nhớ ra dần dần. Chỉ việc đi lên đi xuống chừng một phút là có thể lôi nó từ trong kí ức ra ngay!

Thế rồi hắn đi lên đi xuống, suy nghĩ, có lúc nhăn nhó một cách thảm hại. Rồi hắn nhướn mày lên, lấy tay vỗ trán, vừa đi lảo đảo vừa rên rỉ. Sau đó hắn lại thở dài thườn thượt, rồi giả vờ như rơi nước mắt. Trông hắn thật là hay. Kìa, hắn nhớ ra được rồi. Chúng tôi được lệnh chú ý lắng nghe. Với một điệu bộ hết sức quý

phái, hắn đưa một chân ra phía trước, giơ cả hai tay lên trời, rồi bắt đầu vò đầu rút tai, răng nghiến kèn kẹt, miệng nói như người trong cơn mê sảng. Thế rồi sau đó, trong suốt màn độc thoại, hắn rú lên, duỗi người ra, ưỡn ngực lên, làm nổi bật lên những điểm chính yếu bằng lối diễn xuất mà trước đó tôi chưa từng được thấy bao giờ.

Chà, lão già thấy hắn diễn xuất thì mê quá. Lão cố học thuộc để có thể làm được như vậy. Hình như lão sinh ra để làm vai trò ấy, cho nên khi lão bắt đầu đóng thử rồi nổi cơn hứng lên, cũng vò đầu rút tai, rồi ưỡn người lên về phía sau trong lúc độc thoại thì trông cũng rất đẹp mắt.

Ngay hôm đầu tiên khi chúng tôi gặp lão quận công, hắn đã có các bản quảng cáo về cuộc trình diễn in sẵn từ trước rồi, cho nên trong hai, ba ngày kế tiếp đó, chúng tôi cứ tiếp tục đi. Trên chiếc bè, diễn ra những cảnh tượng nào động chưa từng thấy, vì lúc bấy giờ vua và quận công chỉ lo việc tập dượt, đấu kiếm với nhau suốt ngày suốt buổi. Một buổi sáng, khi đã đến tiểu bang Arkansaw, chúng tôi trông thấy một thị trấn nhỏ ở khúc quanh rộng của con sông. Thế là chúng tôi buộc bè lại tại một nơi phía trên thị trấn ấy chừng ba phần tư dặm, ở đầu một con lạch, được che dấu kín đáo bằng những lùm cây trắc bá khiến nó trông giống như một đường hầm sâu thẳm. Tất cả chúng tôi, ngoại trừ Jim, lên xuồng chèo xuống phía thị trấn để xem có nơi nào có thể tổ chức được cuộc trình diễn không.

Thật là may, lúc bấy giờ đang có một gánh xiếc sẽ trình diễn vào trưa hôm ấy, dân quê đang lục tục kéo đến bằng đủ loại xe cũ kĩ cộc cạch hay bằng ngựa. Gánh xiếc sẽ rời thị trấn trước khi trời tối, cho nên cuộc trình diễn của chúng tôi có nhiều cơ may thành

công. Quận công thuê được một nơi vẫn dùng làm tòa án để diễn kịch, còn chúng tôi đi khắp các hang cùng ngõ hẻm để dán quảng cáo. Các tờ quảng cáo này viết như sau:

Kịch Shakespeare phục hưng!!!

Một cuộc trình diễn tuyệt diệu!

Chỉ một đêm thôi!

Do những kịch sĩ lừng danh thế giới,

David Garrick Em, của nhà hát Drury Lane, London

và

Edmund Kean Anh, của Nhà hát Hoàng gia Haymarket,

Pudding Lane, Piccadilly,

London và các Nhà hát Hoàng gia khác.

trong màn kịch tuyệt vời

của Shakespeare nhan đề

“Màn tỏ tình trên lan can”

trong

Romeo và Juliet!!

Romeo.....O. Garrick

Juliet.....O. Kean

với sự cộng tác của toàn ban kịch!

Trang phục mới, phong cảnh mới, trang trí mới!

Thêm:

Một cuộc đấu kiếm rùng rợn, thiện nghệ, gay cấn

trong vở Richard III!!!

Richard.....O. Garrick

Richmond.....O. Kean.

Thêm nữa:

(Nếu có yêu cầu đặc biệt)

Màn độc thoại bất hủ của Hamlet!

do kịch sĩ lừng danh Kean!

Đã diễn màn này 3000 đêm liên tiếp ở Paris!

Chỉ diễn một đêm thôi

Vì đã kí nhiều hợp đồng trình diễn cấp tốc

ở Âu châu!

Giá vé: 25 xu; trẻ con và đầy tớ: 10 xu.

Chúng tôi rảo quanh thị trấn. Các cửa hàng, nhà cửa đều là những nhà sàn cũ kĩ, ọp ẹp, chưa từng có được sơn phết lần nào, dựng trên những cột chống cao cách mặt đất chừng một thước để tránh lụt. Nhà cửa đều có những khu vườn nhỏ xung quanh, nhưng không trồng thứ cây gì, ngoài những cây cỏ hôi, cây hướng dương và những đống tro than, những chiếc giày và ủng cũ cong queo, những chai lọ và đồ thiếc vứt đi. Hàng rào thì làm bằng những tấm gỗ đủ loại, đóng bằng đinh vào nhiều thời kì khác nhau, ọp ẹp, nghiêng ngả về mọi phía. Cổng ra vào chỉ có một bản lề làm bằng da. Một số hàng rào cũng đã được quét vôi trắng từ lâu rồi, theo quận công thì có lẽ từ thời ông Kha Luân Bố (Christophe Colomb), điều này có thể lắm. Lợn thường đến ăn

trong vườn, nhưng chủ nhà, mỗi khi thấy vậy, đều xua đuổi chúng đi.

Tất cả các cửa hiệu đều nằm dọc theo một đường phố duy nhất. Các cửa hiệu này có một tấm bạt che ở phía trước, người dân quê thường buộc ngựa vào các cột chống của những mái che ấy. Dưới tấm bạt có nhiều thùng gỗ, nên những kẻ ăn không ngồi rồi thường đến đó ngồi nghỉ, rồi dùng dao con cứa vào những thùng gỗ ấy cho đỡ buồn. Họ nhai thuốc lá, ngáp vặt, đuổi chân tay - toàn là những hạng người trông có vẻ tồi tàn, xấu xa. Họ thường chỉ đội chiếc mũ rơm, màu vàng, to rộng như chiếc dù, nhưng không mặc áo khoác hay gilê gì cả. Những người ấy gọi nhau là Bill, Buck, Hank, Joe hay Andy, nói bằng giọng điệu có vẻ lười biếng, lè nhè, lại rất hay chửi thề. Ở một cột chống, lúc nào cũng có ít nhất là một người đứng tựa lưng vào đó, thọc tay vào túi quần và chỉ đưa tay ra để xin vay một mồi thuốc hay để gãi. Câu nói thường nghe nhiều nhất trong bọn họ là:

- Cho tao một mồi thuốc, Hank.

- Chịu thôi, tao chỉ còn có một mồi. Mà hỏi thằng Bill ấy.

Có thể thằng Bill sẽ cho hắn một mồi thuốc, cũng có thể hắn nói dối rằng không có. Một số trong bọn chúng là những kẻ vô công rồi nghề, không bao giờ có một xu dính túi, cũng chẳng có tí thuốc lá nào cả. Họ kiếm được thuốc lá để nhai chỉ bằng lối vay mượn mà thôi. Họ thường nói: “Mày cho tao vay một mồi thuốc đi, Jack, tao vừa cho thằng Ben Thompson miếng cuối cùng của tao”, cố nhiên đó thường là những câu nói dối, chỉ đánh lừa được kẻ nào mới đến thôi. Nhưng Jack không phải là kẻ xa lạ gì, nên hắn nói:

- Mà y có cho hấn một mồi thuốc phải không? Từ cái thuở cha sinh mẹ đẻ chứ gì? Bây giờ mà y cứ trả lại cho tao các mồi thuốc mà y đã vay của tao đi, tao sẽ cho mà y vay lại cả tấn, mà chẳng đòi hỏi lời lãi gì cả.

- Ủa, tao đã trả cho mà y một lần rồi mà!

- Phải, mà y có trả... chừng sáu mồi thuốc. Tao cho mà y vay loại thuốc ở cửa hàng, mà y trả lại cho tao một mẩu xù xì như cái đầu của thằng da đen ấy.

Loại thuốc ở cửa hàng là loại thuốc đóng thành bánh dẹp màu đen, nhưng bọn này thường chỉ dùng loại thuốc bằng lá quấn lại. Khi chúng vay một mồi thuốc, chúng không chịu dùng dao cắt cho gọn ghẽ mà chỉ đặt bánh thuốc giữa hai hàm răng, dùng răng nhai nhai bánh thuốc rồi lấy tay kéo một cái cho nó đứt ra làm đôi, đưa một nửa trả lại người chủ bánh thuốc. Người này trông mẩu thuốc còn lại mà phát ngán, rồi nói bằng giọng chua chát:

- Thôi, cho tao một mồi thôi, còn mà y lấy cả bánh đi.

Tất cả mọi phố xá và đường đi đều lầy lội, toàn bùn là bùn, đen và quánh lại như hắc ín, có nơi ngập sâu đến ba mươi phân, còn các nơi khác thì ngập chừng năm phân. Chỗ nào cũng thấy lợn vừa đi vừa kêu ừ ừ. Một con lợn cái dính đầy bùn, uể oải đi dọc theo đường phố rồi nằm phệt ngay giữa đường, khiến cho người qua lại phải đi vòng xung quanh để tránh, sau đó nó đuôi chân ra, đôi mắt lim dim, hai tai phe phẩy, nằm cho con bú, có vẻ ung dung tự tại. Bỗng có một tên vô công rồi nghề đứng gần đó la lớn lên: “Chào chú lợn! Tiger, mà y tấn công nó cho tao!”. Thế là con lợn chạy bay chạy biến, mồm kêu eng éc inh ỏi, trong khi một hai con chó bám lưng lảng hai bên tai và hàng chục con khác

ào ào chạy đến. Mọi người đứng dậy xem, cười nói thích thú, ra về chịu cái trò chơi giải trí ồn ào ấy lắm. Sau đó, họ trở lại yên lặng như cũ cho đến lúc lũ chó bắt đầu cấu xé nhau dữ dội. Có lẽ không có cái trò gì làm cho những kẻ ăn không ngồi rồi ấy tỉnh táo và vui thú cho bằng xem chó cắn xé lẫn nhau, nhưng thích thú hơn cả là cái trò buộc giẻ tẩm dầu nhựa thông vào đuôi một con chó đi lạc rồi đốt lên, hay buộc một cái xoong thiếc vào đuôi nó để xem nó chạy chí chết.

Ngoài mặt sông, một số nhà nhô ra, cheo leo trên bờ sông, nghiêng ngả như sắp sửa rơi xuống nước. Chủ các ngôi nhà ấy đã rời đi nơi khác. Bờ sông đã bị nước xói mòn ở phía dưới góc các căn nhà khác, khiến cho góc này trông như đang treo lơ lửng trên mặt nước. Người ta vẫn còn ở trong các căn nhà ấy, nhưng như vậy thật là nguy hiểm vì có khi cả một dải đất dài rộng bằng một ngôi nhà lở ra cùng một lúc. Cũng có khi cả một vành đai dài một phần tư dặm bị xói mòn dần dần cho đến khi tất cả đều chuôi xuống sông vào một mùa hè nào đó. Một thị trấn trong tình trạng như thế thường cứ phải lui dần, lui dần, vì nước cứ tiếp tục lấn sâu vào mãi.

Càng gần về trưa thì số xe, ngựa kéo đến càng đông đặc, lúc nào cũng có người lục tục kéo đến. Nhiều gia đình đã mang theo thức ăn từ vùng quê, và bây giờ đây họ đang ăn uống ngay trên xe. Họ uống rất nhiều rượu Whisky và chính mắt tôi đã trông thấy ba cuộc đánh lộn. Bỗng, có tiếng kêu to lên:

- Lão già Boggs đang đến kia kìa! Thằng nào lão cũng từ vùng quê lên đây để say sưa một lần; các cậu ơi, lão đến đấy!

Bọn vô công rồi nghề có vẻ mừng rỡ lắm. Tôi đoán rằng chúng thường hay trêu chọc lão già này cho vui. Một đứa nói:

- Không biết lão định “làm thịt” ai lần này. Nếu cứ để lão làm thịt tất cả mọi người lão đã hăm dọa trong hai chục năm qua, thì có lẽ bây giờ lão đã danh tiếng lừng lẫy rồi đấy.

Một đứa khác nói:

- Tao chỉ muốn lão Boggs hăm dọa một lần thế là tao có thể chắc chắn sống được cả ngàn năm.

Boggs cười ngựa phăng phăng chạy đến, la hét om sòm như một tên mọi da đỏ:

- Tránh đường cho tao đi! Tao đang muốn gây sự đây. Giá tiền một chiếc hòm sắp sửa lên cao đấy!

Lão đang say rượu, ngồi lắc lư trên yên ngựa. Lão đã trên năm mươi tuổi, mặt đỏ gay. Mọi người la hét, chế giễu lão, nói hỗn với lão, lão cũng nói hỗn lại rồi dọa sẽ lần lượt sửa trị bọn chúng sau; nhưng bây giờ thì chưa đến lúc vì lão còn phải đi giết lão đại tá Sherburn, phương châm của lão là: “Hãy trị những tên to đầu trước đã, sau đó mới đến lũ nhãi nhép”.

Lão trông thấy tôi, liền phi ngựa lại gần, rồi nói:

- Mà từ đâu đến, hở bé con. Muốn chết hả?

Nói xong, lão đi luôn. Tôi kinh hãi quá, nhưng một người bảo với tôi:

- Lão nói thế chứ chẳng có ý gì đâu. Khi nào lão say rượu thì thường làm như vậy đó. Nhưng bụng dạ lão cũng tốt, có thể nói là tốt nhất miền Arkansaw này đó. Chẳng bao giờ làm hại ai, lúc say cũng như lúc tỉnh.

Boggs phi ngựa đến trước một cửa hàng lớn nhất trong thị trấn, cúi đầu xuống nhìn qua bên dưới bức màn của tấm bạt che phía trước nhà, rồi nói:

- Đi ra đây, Sherburn! Ra đây gặp kẻ mà mày đã lừa đảo. Tao đang săn mày như săn chó ấy. Thế nào tao cũng giết mày.

Thế là lão cứ tiếp tục gọi Sherburn bằng đủ mọi thứ tên xấu xa có thể thốt ra từ cửa miệng, cả phố đông nghẹt cả người; họ đứng nghe, cười đùa, trêu chọc. Một lát sau, một người đàn ông trạc năm mươi tuổi, kiêu hãnh bước ra khỏi cửa hiệu, ăn mặc có vẻ là người sang trọng nhất trong thị trấn. Mọi người dạt sang hai bên để nhường lối đi. Lão nói với Boggs:

- Tao chán cái thứ này lắm rồi. Tao sẽ chịu đựng mày cho đến một giờ thôi. Chỉ một giờ thôi, chứ không lâu hơn, nhớ chưa? Nếu mày còn tiếp tục chửi tao một lần nữa thì sau thời gian ấy, dù mày có đi đâu thật xa, tao cũng sẽ tìm ra mày.

Nói xong lão quay gót vào nhà. Cả đám đông đứng yên, không ai dám cử động, không còn tiếng cười đùa nữa. Boggs cưỡi ngựa đi thẳng, vừa đi vừa chửi rửa Sherburn thật to, suốt cả phố. Một lát sau, lão quay trở lại, dừng trước cửa hiệu của Sherburn, vẫn tiếp tục chửi. Một số người xúm quanh lão, cố can lão đừng chửi nữa, nhưng vô ích. Họ cho lão biết chỉ còn mười lăm phút nữa là đến một giờ, lão phải trở về nhà, về ngay lập tức, không được chậm trễ. Nhưng vẫn vô hiệu quả. Lão già vẫn gân cổ lên chửi, quăng chiếc mũ đánh phạch trên đồng bùn, phóng ngựa nhảy qua đó rồi giận dữ đi xuống phố một lần nữa, tóc bạc của lão bay tung trong gió. Mọi người tìm cách đỡ dành lão xuống ngựa, để họ có thể trói lão lại cho lão dịu bớt, nhưng vô ích - lão lại phăng phăng chạy lên phố chửi rửa một lần nữa. Lúc bấy giờ có người đưa ra ý kiến:

- Đi tìm con gái của lão đi! Chạy đi gọi nhanh lên. Con gái lão nói lão mới nghe, chưa biết chừng. Chỉ có con bé ấy là thuyết

phục được lão thôi.

Một người trong bọn vội chạy đi ngay. Tôi đi xuống phố một quãng rồi dừng lại. Chỉ vào khoảng năm hoặc mười phút sau, lão Boggs lại đi đến, nhưng lần này không đi ngựa. Lão loạng choạng đi bên kia đường về phía tôi, đầu trần, hai bên có người nắm lấy hai cánh tay lão dắt đi. Lão yên lặng, có vẻ lo lắng, nhưng không chùn lại mà có vẻ cố đi nhanh hơn nữa. Bỗng có tiếng người nói:

- Boggs!

Tôi nhìn qua đó để xem ai gọi, thì ra đó là đại tá Sherburn. Lão đại tá đứng thẳng người ngay giữa đường phố, tay phải giơ khẩu súng lục lên cao. Lão không nhắm nhưng đưa nòng súng nghiêng nghiêng lên quá đầu. Ngay lúc ấy, một người con gái cùng với hai người đàn ông khác, đang hối hả chạy đến. Boggs và hai người bạn quay lưng lại xem ai vừa gọi, thấy khẩu súng hai người liền nhảy sang một bên. Nòng súng lúc bấy giờ hạ xuống ngang tầm, sẵn sàng nhả đạn. Boggs vội đưa hai tay lên và nói:

- Lạy Chúa! Đừng bắn tôi!

Đùng! Một tiếng nổ vang lên, lão già Boggs lao đảo ngã về phía sau, hai cánh tay chới với. Đùng! Lại một tiếng nổ thứ hai, lão ngã ngửa người về phía sau, toàn thân rơi nặng nề xuống đất, hai cánh tay trải rộng ra. Người con gái rú lên một tiếng nhảy xổ đến, ôm chầm lấy cha vừa khóc lóc vừa nói:

- Trời ơi! Hắn giết cha tôi rồi! Hắn giết cha tôi rồi!

Đám đông chen chúc nhau kéo lại gần, cố vươn cổ ra để xem, một số người đứng vòng trong cổ xua họ lui, miệng la to:

- Lui ra! Lui ra! Để cho lão ấy thở chứ! Để cho lão ấy thở chứ.

Đại tá Sherburn vứt khẩu súng xuống đất, quay gót lại, đi nơi

khác.

Người ta đưa lão Boggs đến một hiệu thuốc nhỏ gần đó, dân chúng vẫn vây quanh đông như trước, hầu như cả thị trấn đi theo sau. Tôi vọt chạy tìm một chỗ đứng tốt bên cửa sổ gần chỗ lão nằm để xem cho rõ. Người ta đặt lão trên sàn nhà, để một cuốn Kinh Thánh lớn dưới đầu và một cuốn khác mở ra đặt trên ngực. Họ xé toạc áo sơ mi của lão, lộ ra chỗ vết đạn ghim vào. Lão Boggs thở hắt chừng chục cái, cuốn Kinh Thánh đưa lên đưa xuống theo nhịp thở của lão, rồi im lìm. Lão đã chết. Người ta lôi con gái của lão đi nơi khác, vừa đi cô vừa khóc lóc, gào thét thảm thiết. Cô ta vào khoảng mười sáu tuổi, rất đẹp và rất dịu hiền, nhưng trông xanh xao có vẻ khiếp hãi vô cùng.

Hầu như toàn thể thị trấn đã có mặt tại đây. Họ uốn người, len lỏi, xô đẩy, chen chúc nhau để đến bên cửa sổ xem cho rõ, nhưng những người đã đứng ở đây rồi nhất định không chịu nhường chỗ, thế là những người đứng ở phía sau la lối om sòm:

- Này, các người xem đủ rồi mà. Cứ đứng mãi chỗ ấy sao được, phải để cho người khác xem với chứ. Người ta cũng có quyền xem như các người kia mà!

Họ cãi nhau chí chóe. Thấy vậy, tôi len lỏi ra phía ngoài, sợ rằng lại có lời thôi to. Đường phố đông nghẹt người, ai cũng có vẻ sôi nổi. Những người đã chứng kiến vụ bắn súng kể lại cho người khác nghe câu chuyện xảy ra như thế nào. Từng đám đông người xúm quanh kẻ đang kể chuyện, vươn cổ ra lắng nghe. Một ông, người cao nhong nhong, tóc dài, có chiếc mũ giống như ống bếp lò làm bằng lông thú trắng ở sau gáy, tay cầm cái can có cán cong vạch ra trên đất vị trí của Boggs và Sherburn. Mọi người đi theo ông từ nơi này đến nơi kia, chú ý xem từng cử chỉ của ông, gật gù

cái đầu ra vẻ hiểu biết, rồi cúi xuống một chút, đặt bàn tay trên hai bắp vế để xem ông ta vẽ trên đất bằng chiếc can. Thế rồi ông ta đứng thẳng người vào ngay vị trí của Sherburn trước đó, nhả mặt lại, cụp cái vành mũ xuống tận mắt, rồi nói: “Boggs!”; ông đưa cái can xuống ngang tầm, miệng kêu: “Đùng!”, loạng choạng về phía sau, rồi lại “Đùng!” một lần nữa, ông ta ngã người xuống đất, mặt ngửa lên trời. Những người đã chứng kiến vụ bắn súng, khen là tuyệt hảo, nói rằng sự kiện xảy ra y hệt như vậy. Thế rồi hàng chục người đem rượu ra chiêu đãi ông ta.

Bỗng có người đưa ra ý kiến là lão Sherburn phải bị xử tội theo lối quân hình. Chỉ trong vòng một phút ai cũng bàn đến chuyện ấy. Thế là họ đi ra, điên cuồng la hét, giật tất cả các dây phơi quần áo để làm dây treo cổ.

CHƯƠNG 22

VÌ SAO VỤ QUẦN HÌNH THẤT BẠI?

ọ đổ xô đến nhà Sherburn, hò hét điên cuồng giống như những người da đỏ, mọi thứ đều phải tránh xa cho họ đi, nếu không thì sẽ bị nghiền nát ra như cháo. Cảnh tượng thật là rùng rợn. Trẻ con chạy theo dẫn đầu đám đông, reo hò âm ỉ để dẹp đường. Ở khắp các cửa sổ dọc đường đi, lối nhỏ đầu của các bà, các cô. Trên mỗi ngọn cây, đều có những đứa bé da đen ngồi xem. Các cậu, các cô đứng nhìn qua các hàng rào, nhưng khi đám đông lại gần thì tất cả đều giải tán, rồi chạy tán loạn, mất dạng. Rất nhiều các bà, các cô bật khóc lên vì quá khiếp hãi.

Họ tập trung trước hàng rào nhà Sherburn, chật như nêm cối, lúc nhúc ồn ào, khiến cho không còn có thể tỉnh trí nghĩ đến chuyện gì khác nữa. Trước mặt họ là cái sân rộng chừng sáu, bảy thước mà thôi. Có tiếng người hét lên: “Phá cái hàng rào ấy đi! Phá đi!”. Tiếp theo đó là tiếng huyên náo, tiếng đập phá, cái hàng rào đổ sụp xuống, rồi đám đông tràn vào như nước chảy.

Ngay lúc ấy, Sherburn bước ra, đứng trên nóc mái hiên trước nhà, tay cầm khẩu súng hai nòng, đứng thủ thế có vẻ bình tĩnh, chậm rãi. Sự huyên náo im bật, làn sóng người như dội ngược trở lại.

Sherburn không nói một lời nào, chỉ đứng đó nhìn xuống. Sự im lặng như bò lan khắp nơi một cách khó chịu. Sherburn đưa mắt chậm rãi nhìn khắp đám đông. Mỗi khi tia nhìn đụng đến ai thì người ấy cố nhìn trả lại, nhưng không thể được. Họ lại cụp mắt xuống, lén lút sợ hãi. Bỗng Sherburn cười to lên, không phải là một cái cười vui vẻ mà là thứ cười khiến người nghe có cảm tưởng như đang ăn cơm mắc phải sạn.

Thế rồi lão chậm rãi lên tiếng, đầy vẻ khinh bỉ:

- Cái trò quần hình của các người thật là buồn cười. Các người tưởng rằng các người có thể đem những người đàn bà tứ cố vô thân ra mà trát hắc ín, cắm lông vào người thì các người cũng có đủ can đảm để xử tội một người đàn ông hả? Tôi nói cho các người biết, một người đáng mặt là đàn ông lúc nào cũng được an toàn trong tay hàng nghìn người thuộc loại các người... miễn là vào giữa ban ngày ban mặt và các người không đứng phía sau lưng người ta.

- Các người biết không? Ta hiểu rõ từ ruột gan các người. Ta sinh trưởng ở miền Nam, nhưng đã sống tại miền Bắc, cho nên ta biết rõ loại người bình thường ở khắp mọi nơi. Ở miền Bắc, người ta để cho kẻ khác đè đầu cưỡi cổ rồi về nhà cầu nguyện sao cho có đủ nhẫn nại để mà chịu đựng. Ở miền Nam, chỉ một người thôi, đơn thương độc mã, có thể chặn một chiếc xe ngựa đầy nhóc người lại giữa ban ngày, để cướp hết của cải. Báo chí ca ngợi các người là can đảm, khiến cho các người tưởng rằng mình can đảm hơn bất cứ ai, trong khi thực sự, các người chỉ can đảm đến mức ấy thôi, chứ không thể cao hơn được. Tại sao các vị quan tòa của các người không dám treo cổ những tên giết người? Chỉ vì họ sợ những bè bạn của tên giết người ấy sẽ bắn vào lưng họ, trong

đêm tối, họ thường làm như thế đó.

- Thế là họ tha bổng kẻ phạm tội. Thế rồi, một người đi trong đêm tối với hàng trăm tên hèn nhát đi theo sau lưng, rồi chúng đem kẻ khốn nạn ra xử tội theo lối quần hình. Cái điều sai lầm lớn lao của các người là không đem một người đi theo, sai lầm thứ hai nữa là các người không đi vào ban đêm và không đeo mặt nạ vào. Các người chỉ đem theo một thằng nửa người nửa ngợm, thằng Buck Harkness kia kia, và nếu các người không nhờ hấn khích động hộ cho thì các người chỉ biết trút cơn giận bằng lối khoác lác thôi.

- Ta biết các người đâu có muốn đến đây. Một người bình thường không muốn gây rối để phải gánh chịu sự nguy hiểm. Nhưng nếu có một thằng *nửa-đàn-ông*, như thằng Buck Harkness, hô to một tiếng: “Xử tội nó! xử tội nó!” thì các người lại sợ không dám thối lui, sợ người ta biết rõ chân tướng của các người, là những kẻ hèn nhát. Thế rồi các người hò hét bám vào cái đuôi áo của thằng *nửa-đàn-ông* kia, điên cuồng chạy lại đây, chửi rửa dọa dẫm sẽ làm những điều to tát. Nhưng rốt cuộc, cái đáng thương nhất lại chính là nhóm quần chúng ô hợp kia. Quân đội (của các người) cũng như thế đấy, cũng chỉ là một đám quần chúng ô hợp thôi. Họ không chiến đấu bằng sự can đảm của bản thân mà bằng thứ can đảm vay mượn của đám đông, của các sĩ quan của họ mà thôi. Nhưng một đám đông mà không có người cho đáng ra người lãnh đạo thì lại còn đáng khinh bỉ hơn nữa. Bây giờ, công việc duy nhất các người nên làm là cụp đuôi xuống trở về nhà, rồi chui vào một cái lỗ. Nếu cần phải xử tội ai theo lối quần hình của các người thì hãy chọn lúc trời tối, theo kiểu dân miền Nam ấy. Khi nào có đến thì nhớ đeo mặt nạ và tìm một người để đem theo.

Thôi, xéo ngay đi... đem cả cái thằng nửa người nửa ngợm của các người xéo luôn đi. - Nói xong lão đưa khẩu súng lên ngang cánh tay trái, rồi lên đạn.

Đám đông đột ngột giật lùi về phía sau, tan rã, rồi chạy tứ tán, Buck Harkness cũng nổi gót chạy theo, trông thật ngượng nghịu xấu hổ. Nếu tôi muốn đứng lại thì chắc cũng được, nhưng tôi không muốn làm thế.

Tôi đi đến chỗ có gánh xiếc, lảng vảng ở phía sau chờ cho người gác đi qua hẳn, rồi chui tọt xuống dưới lều vải. Tôi có đồng tiền vàng hai mươi đô la và một ít tiền lẻ, nhưng tôi nghĩ tốt hơn hết là để dành số tiền ấy, vì biết đâu sẽ có lúc phải dùng đến, giữa lúc xa nhà và sống chung với những kẻ xa lạ như thế này. Cẩn thận như thế không phải là thừa. Tôi không phản đối chuyện tiêu tiền để xem xiếc, nếu không có cách nào khác, nhưng không thể rút tiền ra một cách vô ích như thế.

Đó là một gánh xiếc thật hay. Không có quang cảnh nào tuyệt diệu hơn khi trông thấy những đoàn đàn ông đàn bà, tất cả đều cưỡi ngựa, đi vào theo hàng đôi sát cánh nhau. Đàn ông thì mặc quần đùi, áo chèn, không đi giày, không có bàn đạp, tay đặt lên bắp vế, trông có vẻ dễ dàng, thoải mái - có thể đến hai mươi người tất cả - đàn bà có nước da thật đẹp, rất xinh xắn, người nào người nấy đều giống như những bà hoàng thật sự, mặc những bộ quần áo trị giá chắc phải đến hàng triệu đô la, đầy kim cương lóng lánh. Quang cảnh thật là rực rỡ. Tôi chưa hề bao giờ thấy cảnh tượng nào đẹp đến như vậy. Thế rồi, người này kế tiếp người kia đứng thẳng dậy, đi một vòng quanh sân khấu, thật nhẹ nhàng duyên dáng. Đàn ông trông có vẻ cao ráo, ung dung, thẳng thắn, đầu họ nhấp nhô lướt qua, đi lên tận phía xa dưới góc lều,

đàn bà thì mặc chiếc áo cánh hồng mềm mại, như tơ lụa, phối nhẹ nhàng, khiến họ trông giống như những chiếc lông tuyệt đẹp.

Họ đi mỗi lúc một nhanh hơn, tất cả đều nhảy múa, đưa một chân lên trời, rồi tiếp theo đó lại đưa chân kia lên. Những con ngựa cúi đầu xuống sâu hơn, trong khi mọi người điều khiển sân khấu đi xung quanh chiếc cột ở trung tâm vừa quất roi vừa hò hét. Sau lưng ông ta là một thằng hề đang làm trò khôi hài. Bỗng nhiên, tất cả các bàn tay đều rời dây cương, đàn bà thì đặt bàn tay bên hông, đàn ông khoanh tay lại, đoàn ngựa đều cúi mình xuống. Người này kế tiếp người khác chạy mau vào sân khấu, cúi đầu xuống chào một cách đẹp đẽ chưa từng thấy, rồi cũng lại chạy thật nhanh đi ra. Tất cả khán giả vỗ tay hoan hô cuồng nhiệt.

Trong suốt cuộc trình diễn, họ bày ra những màn xiếc thật lạ lùng; cũng trong suốt thời gian ấy, tên hề làm những trò hết sức ngớ ngẩn khiến cho mọi người cười lăn cười lộn. Người điều khiển sân khấu không thể nói với hắn được lời nào, nhưng hắn thì nói trả lại ông ta nhanh như chớp bằng những câu nói nghe thật là buồn cười. Không hiểu làm sao mà hắn nghĩ ra được ngay lập tức nhiều câu nói thật là đột ngột, thật đúng lúc đến như vậy. Trong trường hợp tôi, có lẽ tôi nghĩ đến cả năm cũng không tìm ra được những câu nói hay ho như thế. Bỗng lúc ấy, có một gã say rượu cố lén vào cho được bên trong sân khấu, và cứ nhất mực đòi cưỡi ngựa cho được. Hắn nói hắn cưỡi ngựa cũng giỏi như ai. Người ta cãi nhau với hắn, cố đuổi hắn ra, nhưng hắn nhất định không chịu. Cuộc trình diễn phải ngưng lại trong giây lát. Khán giả reo hò, trêu chọc hắn, lại càng làm cho hắn tức khí hơn nữa.

Hắn vùng vằng giận dữ, khiến nhiều người chồm ra khỏi ghế ngồi, đổ xô ra sân khấu, la hét ầm ĩ: “Đánh ngã nó đi! Vứt hắn ra ngoài!”. Một vài bà rú lên vì quá sợ hãi. Thế rồi, người điều khiển đứng ra nói một vài lời, khuyên mọi người nên giữ trật tự và nói rằng nếu người này chịu hứa không phá rối nữa thì ông ta sẽ để cho hắn cưỡi ngựa, nếu hắn cho rằng hắn có thể ngồi trên yên ngựa mà không ngã. Mọi người cười ầm lên, đồng ý. Ngay lúc hắn vừa ngồi lên yên, con ngựa lồng lên, nhảy cẫng, phải có hai người của gánh xiếc nắm lấy dây cương để ghìm nó lại. Tên say rượu bám lơ lửng vào cổ ngựa, cứ mỗi lần ngựa nhảy lên là hắn giơ cả hai chân lên trời. Khán giả đứng cả dậy, hò hét, cười đến chảy cả nước mắt. Cuối cùng, mặc dù có sự can thiệp của nhân viên gánh xiếc, con ngựa vẫn tuột khỏi tay họ, phi thật nhanh xung quanh sân khấu, trong khi tên say rượu vẫn cứ treo lơ lửng ở cổ, một chân thả xuống một bên gần sát đất, rồi lại thay đổi chân ở phía bên kia. Mọi người như điên cuồng. Tôi thì không thấy buồn cười mà chỉ run lên vì thấy nguy hiểm cho hắn ta quá. Nhưng chỉ một lát sau, tên say rượu ấy lại loay hoay trèo được lên yên, nắm lấy dây cương rồi phóng đi hết phía này sang phía khác. Tiếp theo đó, hắn thả dây cương, vụt đứng thẳng dậy, trong khi con ngựa vẫn phóng như bay! Hắn đứng hẳn lên trên yên, trông có vẻ dễ dàng, thoải mái, như là hắn chưa hề một lần nào say rượu trong đời. Sau đó, hắn cởi quần áo, ném tung tóe, dày đặc trong không khí. Tất cả đếm được đến mười bảy bộ. Thê là anh ta hiện nguyên hình, mảnh khảnh, đẹp trai trong bộ quần áo thật là đẹp đẽ, lộng lẫy. Anh ta ngồi xuống yên ngựa, tay cầm chiếc roi, rồi điều khiển con ngựa một cách khá bện rộn thêm một lúc nữa. Sau cùng anh ta bằng người nhảy ra khỏi yên ngựa, cúi đầu chào, rồi vừa đi vừa

nhảy vào phòng thay quần áo. Mọi người reo hò, vừa ngạc nhiên vừa khoái trá.

Người điều khiển sân khấu biết mình vừa bị trêu một vố, làm ra vẻ thất vọng, chán nản vô cùng. Nhưng thật ra, đó chỉ là một người trong bọn họ mà thôi. Chính ông ta đã nghĩ ra cái trò khôi hài ấy, nhưng vờ như không biết. Tôi cảm thấy thẹn thùng vì bị đánh lừa như thế, nhưng nhất định không muốn đặt tôi vào địa vị của người điều khiển sân khấu ấy, dù có cho tôi một nghìn đô la. Tôi không biết; có thể còn có những gánh xiếc hay hơn gánh này, nhưng tôi chưa hề bao giờ gặp. Dầu sao thì như thế đã thỏa mãn tôi lắm rồi, cho nên về sau, khi gặp gánh xiếc nào thì bao giờ họ cũng được sự ủng hộ nồng nhiệt của tôi.

Đêm hôm ấy bắt đầu cuộc trình diễn của chúng tôi. Nhưng số khán giả chỉ được chừng mười hai người, vừa đủ để trả mọi phí tổn. Họ cười luôn mồm, khiến cho quận công giận điên lên. Tất cả đều ra về trước khi màn kịch chấm dứt, ngoại trừ một cậu bé đang còn ngủ say. Quận công nói rằng những người dân Arkansaw ngu xuẩn này không hiểu nổi kịch của Shakespeare, mà chỉ muốn xem những vở hài kịch rẻ tiền thôi, hay cả những loại còn thấp kém hơn là hài kịch rẻ tiền nữa. Hắn cho rằng hắn đã nắm đúng thị hiếu của dân vùng này rồi. Thế là sáng hôm sau, hắn lấy ra một ít tờ giấy báo lớn và sơn, rồi viết quảng cáo dán khắp phố. Các quảng cáo này viết như sau:

TẠI NHÀ XỬ ÁN!

Chỉ 3 đêm mà thôi!

Hai kịch sĩ lừng danh thế giới

DAVID GARRICK Em và EDMUND KEAN Anh

thuộc các nhà hát London và Lục địa

trong vở kịch gay cấn

NHÀ VUA RẪN RI

hay

NHÀ VUA KHÔNG GIỐNG AI

Vé vào cửa: 50 xu

Ở phía dưới tờ quảng cáo có một dòng chữ lớn hơn hết thảy:

CẤM ĐÀN BÀ VÀ TRẺ CON

- Đó, - quận công nói - nếu lần này mà không lôi cuốn được họ, thì không thể nào hiểu nổi dân vùng Arkansaw nữa!

CHƯƠNG 23

CÁI XẤU XA CỦA CÁC ÔNG VUA

uốt cả ngày, quận công và nhà vua bận bịu tíu tít, nào là dựng sân khấu, nào là treo phong màn và đặt một dãy đèn nến ở phía trước. Đêm hôm ấy, chả mấy chốc mà rạp hát đã đông nghẹt người, không còn có chỗ chứa thêm nữa. Quận công thôi không gác cổng ra vào nữa, hắt đi vòng ra phía sau để lên sân khấu, đứng trước tấm màn và đọc diễn văn. Hết lời ca tụng vở kịch, nói rằng đó là vở gay cấn nhất từ xưa tới nay, tiếp đó hắt huênh hoang khoác lác về vở kịch, về Edmund Kean sẽ đóng vai chính trong vở kịch ấy. Cuối cùng sau khi sự mong đợi của khán thính giả đã được đưa lên tầm mức khá cao rồi, hắt kéo màn lên, rồi chỉ một phút sau, nhà vua nhảy ra chồm chồm bằng cả hai tay hai chân, không có một manh áo che thân. Trên người lão toàn là những vết sơn chằng chịt, ngang dọc, vằn vện, đủ màu sắc, giống như một cái cầu vồng. Không kể các thứ khác trên người, từng ấy cũng đủ làm cho lão trông man rợ, buồn cười không thể tả. Mọi người cười lăn lộn, cho đến khi lão đã nhảy cà cõn lui về phía sau sân khấu, họ còn la hét, vỗ tay, cười hô hố, ồn ào như sấm dậy. Lão bước ra, diễn thêm một lần nữa, rồi lại được yêu cầu, lão lại diễn như lần trước. Trông những cái trò hề của lão già ngớ ngẩn ấy thì đến con bò cái cũng phải lăn ra cười.

Sau đó, quận công hạ màn xuống, cúi chào khán giả và nói rằng vở đại hài kịch ấy sẽ được trình diễn thêm hai đêm nữa thôi vì ban kịch đã nhận lời trình diễn gấp ở London và vé đã được bán hết sạch ở nhà hát Drury Lane rồi. Hắn cúi đầu chào một lần nữa và nói rằng nếu vở kịch đêm nay đã gây được sự hào hứng bổ ích cho khán thính giả thì yêu cầu họ nói lại cho bạn bè thân thuộc biết và mời họ đến xem.

Hai mươi người đồng thanh kêu to lên:

- Thế là hết rồi à? Chỉ có thế thôi sao?

Quận công nói rằng đúng như vậy. Thế là mọi người ồn ào, hô to lên: “Bịp!” Họ đứng hẳn dậy, tức tối, sắp sửa tấn công sân khấu và các kịch sĩ, nhưng một người to lớn bảnh bao nhảy lên một chiếc ghế, nói to lên:

- Khoan đã! Tôi xin có vài lời, thưa quý ông. - Mọi người ngừng lại lắng nghe - Chúng ta đều bị lừa cả, lừa một cách thảm hại. Nhưng nhất định chúng ta không chịu để cho cả thị trấn này cười vào mũi chúng ta, và cũng không còn muốn nghe ai nhắc đến chuyện này nữa, phải thế không? Vậy thì chỉ có cách là chúng ta giữ kín chuyện này, cứ khen buổi trình diễn này tươi hột sen lên để cho cả thị trấn này đều bị bịp cả. Như thế, tất cả đều đồng hô đồng thuyền với nhau. Quý vị nghe có được không? (“Đúng thế! Ông thẩm phán nói đúng đấy”, tất cả mọi người đều đồng thanh) Vậy thì được rồi, xin quý vị đừng nói một tiếng nào về chuyện lừa bịp này cả. Quý vị hãy về nhà đi, khuyên mọi người nên đến xem diễn kịch tối hôm sau!

Ngày hôm sau, cả thị trấn không bàn chuyện gì khác ngoài vở kịch mà họ cho là tuyệt diệu. Đêm hôm sau rạp hát đông nghẹt cả

người, rồi mọi người lại bị một võ đánh lừa hệt như hôm trước. Vua, quận công và tôi trở về nhà ăn cơm tối, sau đó họ bảo Jim và tôi cho bè ra giữa dòng sông rồi đem xuồng giấu bên dưới thị trấn chừng hai dặm.

Đêm thứ ba, rạp hát lại chật cứng khán giả - nhưng không phải là khán giả mới mà là những người đã đến xem kịch hai hôm trước. Tôi đứng bên cạnh quận công ở cửa ra vào và nhận thấy rằng túi người nào cũng cộm cộm, hình như ai cũng có giấu một thứ gì đó dưới áo - không phải họ đem nước hoa theo đâu, hoàn toàn không phải thế. Tôi ngửi thấy mùi nồng nặc của cả thùng trứng thối, của bắp cải thối hay những thứ tương tự; lại hình như có mùi mèo chết đâu đó nữa. Tôi chắc chắn đã nhận ra được sáu chục cái dấu hiệu như thế được đưa vào trong rạp. Tôi chen vào phía trong đứng chừng một phút nhưng không thể chịu được vì có quá nhiều thứ. Khi rạp hát không đủ sức chứa nữa, quận công bèn cho một anh chàng đứng ở đáy một hào, bảo hắn gác hộ cửa ra vào, rồi lão đi vòng phía sau sân khấu. Tôi bước theo, nhưng khi ra đến một góc tối, quận công bảo với tôi:

- Đi nhanh ra khỏi chỗ có nhà cửa rồi chạy ngay về bè, làm như bị ma đuổi ấy.

Tôi làm theo lời hắn bảo, còn hắn thì cũng vậy. Chúng tôi đến nơi bè đậu cùng một lúc, và chỉ vài giây sau, bè chúng tôi đã đi xuống dòng sông tối tăm, yên tĩnh, hướng về phía giữa sông, không ai nói với ai lời nào. Phen này, chắc nhà vua tha hồ mà “vui nhộn” với khán thính giả! Nhưng không phải thế. Ngay lúc ấy, nhà vua lồm cồm bò ra khỏi cái chòi ở trên bè và nói:

- Kết quả lần này thế nào, hỡi ngài quận công? - Thì ra lão ta không đi xuống phố đêm hôm ấy.

Chúng tôi không dám chong đèn cho mãi đến khi ra khỏi thị trấn được mười dặm. Lúc ấy, chúng tôi mới thắp đèn lên, ăn cơm tối. Nhà vua và quận công cười lăn lộn về cách họ “phục vụ” dân chúng nơi thị trấn ấy. Quận công nói:

- Toàn là những bọn ngây thơ, đàn độn! Tôi biết khán thính giả đêm đầu tiên phải giữ kín miệng để cho cả thị trấn lọt vào tròng, rồi thế nào chúng cũng rình tóm lấy mình vào đêm thứ ba. Họ tưởng sẽ đến lượt họ chơi lại mình kia chứ! Mà đến lượt họ thực! Chẳng biết họ xoay xử thế nào. Giá mà mình biết được thì vui biết mấy nhỉ. Có lẽ họ biến cuộc xem hát ấy thành một buổi cắm trại ngoài trời với đầy đủ các thức ăn, thức uống họ đem theo!

Tính sổ cả ba đêm hát, hai tên lưu manh ấy thu được tất cả bốn trăm sáu mươi lăm đô la. Tôi chưa hề thấy họ thu về được nhiều tiền như thế bao giờ.

Sau đó, chúng đi ngủ, ngáy như sấm. Jim bảo với tôi:

- Cậu có thấy hành động của các vua chúa ấy thật là kì quái không?

- Không, - tôi nói - chẳng kì quái chút nào!

- Tại sao lại không, hử Huck?

- À, tại cái nòi giống chúng nó là như vậy mà. Chúng nó đều giống nhau cả.

- Nhưng, Huck này, bọn vua chúa này là những tên lưu manh thực sự mà. Đúng là lưu manh chuyên nghiệp.

- Tao nghĩ đúng như vậy đó. Tất cả các vua chúa đều là lưu manh cả, theo như chỗ tao biết.

- Thế hả?

- Mà y cứ đọc sách nói về họ thì hiểu cả thôi. Cứ xem như vua Henry thứ tám đó. So với ông vua này thì vua và quận công của chúng ta ở đây chỉ đáng là học trò thôi. Rồi mà y cứ xem các vua khác như Charles đệ nhị, Louis thứ mười bốn, Louis thứ mười lăm, James đệ nhị và Edward đệ nhị, Richard đệ tam và hàng chục tên khác nữa; ấy là không kể đến bảy vị vua của bảy vương quốc Anh Saxon ngày xưa nữa*, họ cũng làm đục trời khuấy nước một thời gian. Đặc biệt là lão Henry thứ tám lúc hấn vào thời xuân sắc. Cứ mỗi ngày hấn lại có một bà vợ mới, rồi chặt đầu bà ta vào sớm hôm sau. Hấn làm như vậy một cách thần nhiên như không, như là mình đặt mua trứng vậy đó. Hấn bảo: “Gọi nàng Nell Gwyn vào đây”, người ta đem nàng đến. Sáng hôm sau, “Chặt đầu nó đi!”. Người ta lại chặt đầu nàng! “Gọi cho ta nàng Jane Shore”. Nàng đến. Sáng hôm sau, hấn lại truyền lệnh: “Chặt đầu nó đi!”. Người ta lại chặt đầu nàng. “Rung chuông gọi nàng Rosamun lại đây!”. Nàng Rosamun đến. Sáng hôm sau lại: “Chặt đầu nó cho ta!”. Hấn lại bắt mỗi nàng kể một câu chuyện mỗi đêm, cuối cùng hấn gom góp một nghìn lẻ một truyện thành một pho sách đặt tên là “Sách ngày tận thế”, tên sách nghe thật hay mà lại còn đúng nữa. Mà y không biết bọn vua quan đâu, Jim ạ, nhưng tao thì biết rõ lắm. Lão già vô tích sự của chúng mình ở đây vẫn còn là một nhà vua sạch sẽ nhất mà tao từng thấy trong sách sử đấy. À, cái anh chàng Henry ấy lại còn muốn gây sự với cái đất nước này chứ. Hấn làm như thế nào, mà y biết không? Hấn đâu có ra yết thị hay quảng cáo gì. Hấn có trình diễn cho dân chúng xem đâu. Không! Đùng một cái, hấn đổ tất cả trà xuống bể ở hải cảng Boston, rồi tung ra một bản tuyên ngôn độc lập thách thức dân xứ này ăn thua đủ với hấn. Cái kiểu của hấn như thế đó.

Hắn chẳng cho ai cơ hội làm được cái gì cả. Hắn nghi ngờ cha ruột hắn, là quận công Wellington đó, rồi hắn làm thế nào mà biết không? Hắn có yêu cầu ông ta đến gặp mặt đâu! Không bao giờ... hắn nhận chìm cho ông ta chết, như giết một con mèo ấy. Ai mà để tiền bạc xung quanh hắn, mà có biết hắn làm như thế nào không? Hắn chụp ngay lấy. Còn, giả thử như mà cho hắn tiền và hắn hứa sẽ làm cho mà một việc gì đó, mà mà không ngồi theo dõi xem hắn có làm hay không, thì mà có biết kết quả ra sao không? Hắn bỏ đi làm chuyện khác ngay. Cứ mỗi lần hắn mở mồm ra mà không kịp khép nhanh lại thì hắn lại tung ra một lời nói láo. Đấy, vua Henry là cái loại sâu bọ như thế đấy. Nếu như mà hắn ở với chúng mình thì hắn lại còn làm nhiều chuyện tệ hại hơn vua và quận công của chúng ta nữa đó. Tao không nói bọn này là lũ cừ non, nếu nhìn thẳng vào các sự kiện, nhưng so với cái con cừ già Henry thì vua và quận công của chúng ta ở đây không có nghĩa lý gì. Điều mà tao muốn nói là vua nào thì cũng giống nhau cả, mình phải thông cảm châm chước thôi. Nói chung thì chúng đều xấu xa cả. Chúng nó được nuôi dưỡng từ nhỏ đến lớn như thế mà*.

- Nhưng bọn này cũng hôi thối đâu có kém gì hờ Huck?

- Ủ thì cũng thế đó. Chúng ta cũng đành phải chịu cái mùi hôi thối ấy thôi, chứ còn làm gì được. Lịch sử không bảo cho biết làm thế nào để tránh cả.

- Như thế thì về mặt nào đó quận công cũng còn đỡ hơn tí chút, phải không?

- Phải, quận công thì có khác, nhưng không khác lắm đâu. Lão quận công này thì cũng thuộc hạng khá cừ khôi đấy. Khi hắn say rượu thì dù nhìn kĩ cũng không phân biệt nổi hắn với nhà vua.

- Thôi, tôi không kham nổi những hạng ấy nữa. Tôi phải chịu đựng bọn này như thế là hết mức rồi.

- Tao cũng nghĩ giống như mày, Jim ạ. Nhưng chúng ta đang phải sống chung với bọn chúng, nên phải nhớ bọn chúng là hạng người như thế nào để mà châm chước đi thì vừa. Nhiều lúc tao chỉ muốn đất nước đừng có vua chúa gì cả là hay nhất.

Cần gì phải nói cho Jim biết rằng bọn này không phải là vua và quận công thật sự. Nói như thế chẳng có ích lợi gì, hơn thế nữa, như tôi đã nói, làm sao mà phân biệt được chúng với bọn vua chúa thật sự kia chứ!

Tôi đi ngủ, và Jim cũng không đánh thức tôi dậy khi đến phiên gác. Hắn vẫn thường làm như thế đó. Khi tôi thức dậy, lúc trời đã gần sáng, thì thấy hắn vẫn còn ngồi đó, đầu gục vào đầu gối, đang rên rĩ, than vãn một mình. Tôi không để ý, mà cũng không tỏ ra như vậy. Tôi hiểu ngay hắn đang buồn chuyện gì rồi. Hắn đang nghĩ đến vợ con hắn đang ở xa, nên đâm ra buồn bã, nhớ nhà. Thật ra, trước kia, hắn chưa hề phải xa nhà bao giờ. Tôi nghĩ rằng hắn cũng thương nhớ vợ con chẳng khác gì người da trắng. Điều này có vẻ như không hợp lẽ tự nhiên chút nào, nhưng tôi vẫn tin như thế. Nhiều đêm, hắn ngồi than khóc như vậy, trong lúc hắn tưởng tôi đã ngủ say rồi. Hắn thường gọi: “Elizabeth ơi! Tội nghiệp thằng bé Johnny của tôi! Bố chắc rằng bố sẽ không gặp được các con nữa đâu!”. Hắn là một đứa da đen tốt bụng. Jim là con người như vậy đó.

Nhưng lần này, tôi phải hỏi chuyện về vợ con của hắn. Một lát sau hắn mới nói:

- Sở dĩ hôm nay tôi thấy khổ sở quá là vì mới rồi đây, tôi nghe

có tiếng đánh, tiếng đập cửa gì đó ở bên kia sông, làm tôi nhớ đến cái lần tôi đánh con bé Elizabeth một cách vô lí quá. Lúc con bé mới bốn tuổi, bị bệnh ban đỏ, rồi lên cơn rất nặng, nhưng rồi sau đó cũng khỏi. Một hôm nó đứng lảng vảng bên cạnh tôi, tôi mới bảo: “Đóng cửa lại đi!”. Nó không làm, cứ đứng đực ra đấy, lại còn tủm tủm cười với tôi nữa chứ. Tôi giận điên lên, lại bảo với nó lần nữa, lần này thì thật là to: “Mày không nghe tao nói à? Đóng cửa đi!”. Nó vẫn đứng im như thế, tủm tủm cười. Tôi giận sôi lên, nói: “Để xem mày có biết nghe lời tao không”. Nói xong tôi tát nó một cái bên má ngã lăn ra. Sau đó tôi đi vào trong nhà chừng mười phút. Khi trở lại tôi vẫn thấy cánh cửa mở, còn con bé thì đang đứng ngay ở đó, mặt cúi gầm xuống khóc. Tôi giận điên người lên, định cho nó thêm một trận nữa, nhưng ngay lúc ấy, một cơn gió thổi đến, cánh cửa đập đánh rầm một tiếng ngay sau lưng con bé... nhưng trời ơi! Con bé vẫn không nhúc nhích. Tôi cảm thấy như ghen thờ. Tôi cảm thấy... thật là... tôi không biết nói làm sao nữa. Tôi vừa run, vừa rón rén đi vòng ra mở cánh cửa một cách thật nhẹ, rồi ghé đầu tôi sát ngay sau gáy con bé, bất thành linh hù lên một tiếng rõ to. Con bé vẫn không động đậy! Trời ơi! Cậu có biết không, tôi ôm chầm lấy con bé vừa khóc vừa nói: “Tội nghiệp con bé bỏng của tôi! Lạy Chúa, hãy tha tội cho thằng Jim đáng thương này.” Còn sống được ngày nào, tôi sẽ không bao giờ có thể tha thứ cho tội của tôi được! Trời! Con bé Elizabeth đã hoàn toàn điếc và câm, Huck ạ, hoàn toàn điếc và câm! Ấy thế mà tôi lại đối xử với con tôi như vậy!

CHƯƠNG 24

NHÀ VUA BIẾN THÀNH MỤC SƯ

gày hôm sau, lúc trời gần tối, chúng tôi neo bè dưới rặng liễu bên một cồn cát nhỏ ngay giữa sông. Ở mỗi bên bờ sông có một ngôi làng nhỏ. Quận công và nhà vua cùng vạch ra một kế hoạch hoạt động ở cái thị trấn này. Jim nói chuyện với quận công, ngỏ ý rằng họ có đi đâu thì chỉ nên đi chừng ít giờ đồng hồ thôi vì hắn cảm thấy quá mệt mỏi và nặng nề nếu cứ bị trôi chân, trôi cẳng nằm trong chòi suốt cả ngày. Thật vậy, mỗi khi đi đâu vắng, chúng tôi phải trôi hắn lại để khi có ai tình cờ trông thấy, họ sẽ tưởng rằng hắn là một tên da đen bỏ trốn bị trôi lại. Quận công cũng đồng ý rằng trôi như thế cũng khó chịu lắm nên hắn phải nghĩ ra một kế khác để giải quyết.

Quận công quả là thông minh khác thường, vì chẳng mấy chốc hắn đã nghĩ ra được một kế thần diệu khác. Hắn cho Jim mặc trang phục hắn vẫn dùng trong vở kịch “Vua Lear”, một cái áo dài bằng vải chức bầu cùng bộ tóc giả và râu bạc làm bằng lông ngựa. Sau đó hắn lấy sơn bôi lên khắp mặt mũi chân tay Jim một màu xanh nhợt nhạt, đều khắp, khiến hắn trông giống như một người đã chết trôi được chín ngày rồi. Thật là khủng khiếp chưa từng thấy! Sau đó, quận công viết trên một tấm gỗ dòng chữ như sau:

Tên Ả Rập ồm - nhưng không nguy hiểm khi nào hấn không nổi cơn điên.

Sau đó, hấn lấy đinh đóng tấm biển ấy vào một thanh gỗ, cắm ngay trước chòi, cách đó chừng một thước rưỡi. Hấn nói rằng như thế còn hơn là nằm bó tay bó cổ ngày này qua ngày khác rồi run lên cầm cập mỗi khi nghe có tiếng động. Quận công bảo Jim cứ tự do đi lại thoải mái, và nếu có kẻ nào lảng vảng đến gần thì hấn cứ nhảy ra khỏi chòi, hoa chân múa tay rồi hú lên một hai tiếng như thú dữ, thế là họ ba chân bốn cẳng chạy xa ngay, không còn dám quấy rầy hấn nữa. Kể ra lão quận công nói cũng có lí, nhưng một người vào hạng trung bình thấy mặt mũi Jim như vậy cũng đủ khiếp vía rồi, không còn đợi cho hấn hú nữa. Mà thật thế, trông hấn không những chỉ giống như người chết mà còn kinh tởm hơn thế nhiều.

Hai tên lưu manh này dự định diễn lại vở kịch “Nhà vua không giống ai”, vì vở ấy xem chừng ăn khách, nhưng rồi chúng nó cho rằng như thế không ổn vì e rằng những tin tức từ thị trấn hôm trước bây giờ có lẽ đã lan xuống đây rồi. Chúng chưa nghĩ ra được kế hoạch nào thực hay cả, cuối cùng, quận công nói rằng hấn cần phải nghỉ ngơi ít giờ đồng hồ để nghĩ ra một chương trình hoạt động nào đó ở làng thuộc vùng Arkansaw kia. Nhà vua thì cho rằng lão sẽ ghé qua làng thứ hai bên kia sông mà không có kế hoạch nào cụ thể, rồi phó mặc cho Thượng đế dẫn dắt lão theo cách nào có lợi lộc nhiều nhất - phải nói là hấn phó mặc cho quỷ dữ dẫn lối đưa đường thì đúng hơn. Chúng tôi đã mua nhiều

quần áo mới tại nơi ghé qua vừa rồi, nên bây giờ nhà vua mặc quần áo mới vào người, đồng thời cũng bảo tôi đóng bộ chỉnh tề. Cố nhiên là tôi làm theo lời lão. Quần áo nhà vua toàn màu đen, mặc vào trông sang trọng, thẳng nếp. Tôi không ngờ rằng quần áo lại có thể làm thay đổi con người đến như vậy. Trước đây, lão trông giống như một con ngựa già, xấu xí, bẩn thỉu, thế mà bây giờ đây, khi lão cắt chiếc mũ bằng lông thú màu trắng ra rồi cúi đầu xuống chào, thì trông lão có vẻ quan trọng, hiền lành, đạo đức, y như là một vị tu sĩ truyền giáo nói trong cuốn *Cựu ước* vậy. Jim lau chùi chiếc xuồng cho sạch sẽ, còn tôi nắm lấy mái chèo. Lúc bấy giờ có một chiếc tàu thủy đang đỗ để cất hàng ở một nơi cách thị trấn chừng ba dặm ở phía trên. Nhà vua nói:

- Cứ xem cách ăn mặc của ta thì ai cũng phải nghĩ rằng ta từ St. Louis hay Cincinnati hay từ một thành phố nào lớn tới. Mình đi ra bến tàu đi, Huck. Từ đó, mình sẽ đi tàu thủy xuống cái làng kia.

Nói chuyện đi tàu thủy thì tôi không đợi phải bảo lần thứ hai. Tôi đi vào phía bờ ở trên làng chừng nửa dặm, rồi men theo vách đất cao của bờ sông tiến lên thật mau giữa vùng nước lặng. Một lát sau, chúng tôi gặp một chàng thanh niên quê mùa, có vẻ ngây thơ, đang ngồi trên một khúc gỗ, quệt mồ hôi trên mặt, vì lúc ấy thời tiết rất nóng nực, bên cạnh anh ta là hai chiếc va-li vải.

- Cho quay mũi vào bờ đi, Huck. - Nhà vua nói - Đây, cậu định đi đâu đấy, cậu kia.

- Ra tàu thủy để đi Orleans.

- Lên đây! - Nhà vua nói - Khoan đã, để thằng người hầu nhà tôi nó vác va-li xuống hộ cho. Nhảy ra khỏi xuồng giúp cậu đi,

Adolphus. - Tức là ông ta gọi tôi đấy; thì ra tên tôi là thế.

Tôi làm theo lệnh của lão, rồi cả ba chúng tôi tiếp tục lên đường. Chàng thanh niên này tỏ vẻ biết ơn, nói rằng nếu hẳn phải vác cả hai cái va-li trong lúc thời tiết nóng nực như thế này thì thật là vất vả. Hẳn lại hỏi nhà vua định đi đâu, nhà vua nói lão xuống phía dưới sông và ghé vào một làng khác sáng hôm nay, còn bây giờ thì lão phải đi lên thăm một người bạn ở một nông trại cách đó ít dặm. Chàng thanh niên nói:

- Thoạt tiên trông thấy bác, cháu lại cứ ngỡ là ông Wilks, và nghĩ rằng như thế ông ta đến cũng gần đúng lúc. Nhưng rồi cháu nghĩ rằng bác không phải ông Wilks, vì ông ta không đến bằng xuồng như thế này, chắc bác không phải là ông Wilks chứ?

- Không, tên bác là Blodgett - Alexander Blodgett - Mục sư Blodgett. Phải nói rằng bác là một trong những người đầy tớ đáng thương của Đức Chúa. Nhưng dẫu sao thì bác cũng thương hại cho ông Wilks nào đó đã không đến đúng lúc. Chắc là ông ta thiệt thòi nhiều lắm nhỉ. Nhưng bác hi vọng rằng không phải thế.

- Thật ra, ông ta không mất phần tài sản nào cả vì trước sau gì ông ta cũng được hưởng. Nhưng ông ta sẽ lỡ mất cơ hội được gặp lại người em trai Peter... có lẽ ông ta không quan tâm đến chuyện này lắm đâu, ai mà biết được... nhưng em ông ta thì tìm hết mọi cách để gặp được người anh trước khi chết. Ông Peter chỉ nói đến chuyện này trong ít tuần lễ gần đây. Ông ta chưa thấy mặt anh từ lúc bé, và cũng chưa thấy mặt người anh trai khác nữa tên là William... ông này thì lại vừa câm vừa điếc... William bây giờ cũng vào khoảng ba mươi, ba mươi lăm tuổi. Peter và George là hai anh em duy nhất đến ở vùng này. George đã có vợ, nhưng cả hai vợ chồng đều chết năm ngoái. Thành ra bây giờ chỉ còn hai anh

em, Harvey và William. Như cháu vừa nói lúc này, họ đã không đến đây đúng lúc.

- Thế đã có ai tin cho họ biết chưa?

- Có chứ; cách đây chừng một, hai tháng, khi Peter bắt đầu lâm bệnh, vì ông ta nghĩ không qua khỏi lần này. Bác biết không, ông ta cũng khá lớn tuổi, mà con gái của George thì còn quá trẻ, ngoại trừ cô Mary Jane tóc đỏ. Vì không có ai bè bạn nên ông ta cô đơn lắm, sau khi George và vợ từ trần. Ông Peter cứ mong mỗi ngày đêm làm sao gặp được Harvey và cả William nữa... ông ta thuộc hạng người ít khi chịu làm chúc thư. Nhưng ông ta có để lại một lá thư cho Harvey nói rõ chỗ chôn cất của cải của ông, và ngỏ ý muốn chia phần gia tài còn lại cho mấy cô con gái của George để chúng có phương tiện sinh sống, vì George chẳng để lại tài sản gì cả. Đó là giấy tờ duy nhất mà Peter chịu đặt bút viết.

- Cậu có biết tại sao Harvey không đến không? Thế ông ta hiện ở đâu?

- Ở tận bên Anh kia, ở Sheffield, ông ta làm mục sư ở đấy và chưa bao giờ đến đây cả. Ông ta không nhiều thì giờ... mà có lẽ ông ta không nhận được thư Peter, chưa biết chừng.

- Thật tội nghiệp, cái ông Peter ấy không được sống lâu hơn nữa để được gặp các anh ruột của mình. Lúc này cậu bảo định đi Orleans phải không?

- Vâng, nhưng đó chỉ là một chặng đường thôi. Cháu còn phải đi bằng tàu thủy đến Rio de Janeiro vào thứ tư này. Cháu có ông chú ở đấy.

- Đi xa nhỉ. Nhưng chắc là thú vị lắm. Bác cũng muốn được đi xa như vậy đó. À, thế cái cô Mary ấy là người lớn tuổi nhất hả?

Còn các cô khác bao nhiêu tuổi?

- Cô Mary mười chín tuổi, Susan mười lăm, Joanna mười bốn... cái cô con gái út này có môi sứt và chỉ thích bỏ thì giờ ra làm việc thiện mà thôi.

- Tội nghiệp cho những đứa bé mồ côi ấy!

- Đáng lẽ họ còn khổ sở hơn thế nữa kia. Nhưng ông Peter có nhiều bạn bè che chở cho chúng, như là các ông Hobson làm mục sư, Lot Hovey, Ben Rucker, Abner Shackelford, Levi Bell, luật sư, bác sĩ Robinson, cùng với các bà vợ của họ và bà quả phụ Bartley... còn nhiều lắm. Nhưng đó là những người mà Peter rất gần gũi và thường nói về họ luôn trong các lá thư gửi về gia đình ở Anh. Cho nên nếu ông Harvey có lại đây thì ông ta biết những người nào có thể nhờ cậy.

Lão già hỏi rất nhiều chi tiết khiến cho chàng thanh niên này phải tuôn ra hết ráo mới thôi. Lão hỏi về tất cả mọi người, về mọi sự việc trong thị trấn, về gia đình họ Wilks, về công việc của Peter - ông này làm nghề thuộc da, về nghề nghiệp của George - làm thợ mộc, và về Harvey - ông này làm mục sư biệt giáo, vân vân. Sau đó lão hỏi:

- Tại sao cậu lại định đi bộ lên đến bến tàu thủy?

- Vì chiếc tàu ấy lớn lắm, chắc không thể ghé ở đây được. Có gọi nó cũng không ghé. Một chiếc tàu của Cincinnati thì chịu ghé, chứ chiếc tàu St. Louis này thì không.

- Lão Peter Wilks có giàu không?

- Ông ta cũng khá giả, có nhà cửa, ruộng đất. Hình như ông ta còn để lại đến ba hay bốn nghìn đô la tiền mặt giấu đâu đó nữa.

- Lúc này, cậu bảo ông ta chết hồi nào?

- Tôi đâu đã nói, ông ta chết tối hôm qua mà!

- Chắc là ngày mai đưa đám?

- Phải, vào khoảng trưa mai.

- Thật là đáng thương. Nhưng ai mà sống mãi được. Ai rồi cũng có lần phải chết mà. Tốt hơn hết là chúng ta cứ chuẩn bị đi là vừa. Như thế sẽ ổn thỏa cả.

- Phải. Mẹ cháu cũng thường nói như thế đó.

Khi chúng tôi ra đến bến tàu thì chiếc tàu thủy đã chất hàng gần xong, sắp sửa rời bến. Nhà vua chẳng nhắc nhở chút gì về chuyện lên tàu cả, thế là tôi lỡ mất một dịp lên tàu thủy. Khi chiếc tàu đã ra xa, nhà vua bảo tôi chèo đi phía trên thêm một dặm, đến một nơi vắng vẻ, sau đó lão lên bờ và nói:

- Mà về ngay gọi quận công lại đây, đem theo các va-li vải mới mua nữa. Nếu hắn đã đi sang bên kia sông rồi thì mày sang bên ấy gọi hắn về. Bảo hắn dù sao cũng phải ăn mặc thật chỉnh tề vào. Mày đi ngay đi.

Tôi biết lão dự định làm cái gì rồi, nhưng tôi vẫn không nói lời nào. Khi tôi chở quận công trở lại, chúng tôi giấu xuống vào một nơi, rồi nhà vua và quận công ngồi xuống một cây gỗ nói chuyện với nhau. Nhà vua kể hết đầu đuôi câu chuyện, giống như chàng thanh niên vừa mới kể vừa rồi, không sót lời nào. Trong suốt thời gian ấy, nhà vua cố bắt chước nói theo giọng người Anh. Lão nói khá giỏi, ấy là đối với những người dốt nát như tôi. Tôi chịu không thể nào bắt chước được giọng lão, cho nên tôi cũng chẳng phải nhọc lòng làm như vậy để làm gì; nhưng mà lão thì nói rất tài. Sau đó lão hỏi quận công:

- Về cái trò câm và điếc ấy, ngài có làm được không,

Bilgewater?

Quận công bảo cứ yên chí, để hấn tự lo liệu. Hấn đã diễn cái trò giả câm, giả điếc đến hàng nghìn lần trên sân khấu rồi. Thế là chúng đã sẵn sàng, chỉ còn ngồi đó chờ tàu thủy đến.

Vào lúc xế trưa, một chiếc tàu nhỏ đi ngang qua nhưng các tàu này vẫn không phải từ xa đến. Cuối cùng có một chiếc tàu lớn đi tới. Hai tên gọi tàu lại. Họ thả một chiếc xuồng xuống đón chúng tôi lên tàu. Chiếc tàu này từ Cincinnati tới. Nhưng khi nghe chúng tôi nói chỉ đi chừng bốn năm dặm thì họ giận điên lên, chửi thề, và nói rằng sẽ không để chúng tôi lên bờ. Nhưng nhà vua bình tĩnh trả lời:

- Nếu có những người sang trọng chịu trả cứ mỗi dặm là một đô la để lên tàu rồi xuống tàu đi bằng xuồng vào bờ thì chắc tàu thủy này cũng chịu chở chứ?

Thế là họ lại dụi ngay và đồng ý. Khi đến ngôi làng, họ thả một chiếc xuồng xuống đưa chúng tôi lên bờ. Chừng vài chục người đổ xô đến, khi chiếc xuồng vào đến bờ. Nhà vua liền nói:

- Các ngài có thể cho chúng tôi biết nhà ông Peter Wilks ở đâu không?

Họ đưa mắt nhìn nhau, gật gù, như muốn nói: “Tôi biết nói thế nào với ông bây giờ!”

Một người trong bọn họ, nói bằng một giọng rất nhỏ nhẹ, hiền hòa:

- Tôi rất tiếc, thưa ngài. Tôi chỉ có thể nói cho ngài biết ông ta *đã sống ở đâu* vào chiều hôm qua mà thôi.

Ngay lập tức, lão già tồ tẹt ấy ngã nhào vào người vừa mới nói, đặt cằm của lão lên vai người ấy, vừa khóc nức nở vừa nói:

- Trời ơi! Em tôi!... Thế là em tôi mất rồi, không còn gặp lại được nữa! Đau đớn quá đi thôi!

Thế rồi lão thút thít quay lại, làm vài dấu hiệu ngớ ngẩn bằng tay cho quân công, thế là lão này thả rơi chiếc va-li xuống đất, òa lên khóc, cả hai tên lưu manh ấy đều làm ra vẻ bối rối, đau khổ chưa từng thấy.

Mọi người tụ họp xung quanh chúng, ai cũng có vẻ thông cảm. Họ tìm hết lời an ủi chúng, vác hộ va-li của chúng đi lên sườn đồi, để mặc cho chúng tựa vào vai, vào người để khóc lóc. Họ kể cho nhà vua nghe những giờ phút cuối cùng của Peter, rồi nhà vua lại ra dấu hiệu bằng tay cho quân công hiểu, cả hai đều tỏ vẻ xúc động nghe những câu chuyện về người thuộc da vừa mới qua đời, đau khổ chẳng khác nào đức Chúa đã bị mất mười hai vị tông đồ. Thật tôi chưa hề thấy một cảnh tượng nào như thế cả. Nếu có thì tôi đã là một tên da đen rồi. Nhưng từng ấy cũng đủ cho người ta cảm thấy hổ thẹn chung cho cả nhân loại.

CHƯƠNG 25

ĐẦY NƯỚC MẮT VÀ NHỮNG LỜI VÔ NGHĨA

in tức lan ra khắp thị trấn chỉ trong vòng hai phút, mọi người hối hả đổ xô đến từ khắp mọi nơi, có người vừa chạy đến vừa cài nút áo. Chẳng mấy chốc, chúng tôi đứng giữa một đám đông, tiếng người chạy đến thành thịch nghe như một cuộc diễu hành của quân đội. Các cửa, sân nhà đều đông nghẹt những người là người. Cứ mỗi phút lại có tiếng người hỏi nhau qua hàng rào:

- Họ đấy hả?

Rồi một người khác trả lời:

- Chắc thế!

Khi chúng tôi đi đến ngôi nhà, đường phố phía trước đó đã chật ních người chen chúc nhau. Ba cô con gái đang đứng trước cửa ra vào. Mary Jane có bộ tóc đỏ, nhưng vẫn không làm giảm đi vẻ xinh xắn tuyệt đẹp của cô ta. Mặt và đôi mắt cô rạng rỡ hẳn lên vì vui mừng. Cô ta hẳn rất sung sướng được thấy ông bác trở về. Nhà vua dang hai cánh tay ra, cô nhảy xổ vào đấy. Cô gái môi sứt cũng nhảy lên ôm lấy quận công. Thế là mọi người đều hoan hỉ. Nhiều người nhất là các bà, các cô khóc nức nở vì xúc động trước cảnh hội ngộ vui mừng của gia đình các cô gái.

Sau đó, nhà vua thúc vào người quận công một cách kín đáo - chính mắt tôi trông thấy - rồi đưa mắt nhìn xung quanh. Hẳn trông thấy một chiếc hòm người chết ở một góc nhà, đặt trên hai chiếc ghế. Thế là cả hai đứa, choàng tay lên vai nhau, tay kia quệt nước mắt, chậm rãi và trang nghiêm tiến đến đó. Mọi người lùi lại phía sau để nhường lối, tắt cả mọi tiếng nói chuyện, tiếng động đều im bật ngoài tiếng “suyt, suyt” của một số người. Họ đều cất mũ, cúi đầu xuống trong sự im lặng hoàn toàn. Khi hai tên lưu manh đi đến chiếc hòm, chúng cúi đầu xuống, ghé mắt nhìn vào trong đó một cái, rồi òa lên khóc như long trời lở đất. Chúng chụm đầu, tựa cằm lên vai nhau, nước mắt ràn rụa, và cố nhiên mọi người cũng khóc theo. Thế rồi trong ba, hay có lẽ bốn phút, tôi chưa hề thấy hai đứa tuôn ra nhiều nước mắt như thế bao giờ. Điều đáng chú ý nữa là tất cả mọi người cũng đều khóc òa như vậy. Khắp cả mọi nơi, chỗ nào cũng như ướt đầm, toàn là nước mắt và nước mắt. Thế rồi, một tên quỳ xuống một bên chiếc hòm, tên kia quỳ ở phía bên kia, tựa đầu vào đó mà lẩm nhẩm tụng niệm. Đến lúc này thì đám đông đã bị xúc động đến tột độ; tất cả mọi người lại òa lên khóc, cả các cô con gái đáng thương kia cũng thế. Mỗi bà tiến đến gần các cô, trịnh trọng hôn lên trên trán, rồi đặt bàn tay lên đầu, ngửa mặt lên trời, nước mắt chảy ròng ròng; tiếp đó, vừa khóc lóc vừa quệt má, mỗi bà lần lượt đi ra, nhường cơ hội cho bà kế tiếp. Thật tôi chưa bao giờ chứng kiến một cảnh tượng trông khó chịu đến như vậy.

Thế rồi một lát sau, nhà vua đứng dậy, tiến lên một bước, ráng hết sức “phun” ra một bài diễn văn đầy nước mắt và những lời lẽ lảm nhảm bày tỏ sự đau khổ mà chúng phải gánh chịu về sự mất mát này, về nỗi đau đớn đã vượt qua ngàn dặm để tìm em nhưng

không được gặp lúc còn sống, nhưng cuộc thử thách đau thương của chúng đã được xoa dịu rất nhiều bởi tình cảm nồng hậu, cùng những giọt nước mắt chân tình của bạn bè thân thuộc. Hẳn cảm ơn họ bằng trái tim của hẳn và trái tim cả người đã chết, vì lời lẽ lạnh lùng, yếu ớt không làm sao diễn tả được hết những xúc cảm ấy. Thế rồi hẳn cứ tiếp tục nói lảm nhảm những câu vô nghĩa như thế cho đến lúc mọi người nghe đã phát chán mới thôi. Sau cùng hẳn nức nở đọc lên một câu kinh đầy vẻ đạo đức, sùng kính, rồi òa lên khóc như mưa như gió.

Ngay lúc câu nói của hẳn vừa chấm dứt thì một người nào đó trong đám đông hát lên bài “Rạng danh Thiên Chúa” thế là mọi người đều hát theo thật to, khiến cho người nghe cảm thấy ấm áp dễ chịu như nghe tiếng hát trong nhà thờ vậy. Âm nhạc thật là kì diệu. Sau khi phải nghe theo bao nhiêu những lời lẽ nịnh hót khách sáo và những câu nói rỗng tuếch ấy, âm nhạc làm cho lòng người ta tươi mát và nghe có vẻ hiền hòa, lương thiện.

Sau đó, nhà vua lại trở tài miệng lưỡi của lão, ngụ ý nói rằng các cô con gái sẽ rất sung sướng được mời các bạn bè thân thuộc của gia đình đến dùng bữa cơm tối với họ và giúp lo toan việc tông táng người chết; lão nói rằng, nếu người em đáng thương của lão đang nằm kia có thể nói lên được lời nào thì chắc chắn vào giờ phút này hẳn sẽ kể ra những bạn bè rất thân mà hẳn thường nhắc nhở đến trong thư từ, chẳng hạn như... mục sư Hobson, Lot Hovey, các ông Ben Rucker, Abner Shackelford, Levi Bell và bác sĩ Robinson, cùng quý bà và bà quả phụ Bartley.

Mục sư Hobson và bác sĩ Robinson lúc bấy giờ đang xuống dưới phố để cùng đi lòng người ốm và người chết -nghĩa là, ông bác sĩ thì đưa người ốm sang thế giới bên kia, còn ông mục sư thì

chỉ đường cho họ đi đúng hướng. Luật sư Bell thì bận đi lên Louisville có công chuyện. Nhưng những người khác đều có mặt. Họ đều đến bắt tay nhà vua, cảm ơn và nói chuyện với lão, sau đó họ lại đến bắt tay quận công. Tất cả đều không nói một lời nào, chỉ tùm tùm cười, ngúc ngắc cái đầu chào như một lũ điên, trong khi quận công làm đủ mọi dấu hiệu bằng tay, ú ớ luôn mồm.

Thế rồi nhà vua lại bắt đầu nói lảm nhảm, hỏi han từng người, từng con chó trong thị trấn, kể lại mọi sự việc nhỏ nhất xảy ra trong vùng hay với gia đình George và Peter. Lão luôn mồm nói rằng Peter đã từng viết thư kể những chuyện ấy cho lão. Cố nhiên đó là những lời láo toét vì mọi chi tiết ấy đều là những điều hẳn nghe được từ cửa miệng của anh chàng thanh niên ngu xuẩn mà chúng tôi đã chờ trên xuồng lúc đi ra bến tàu thủy.

Sau đó, Mary chạy vào nhà lấy ra một bức thư mà cha cô đã để lại. Nhà vua cầm lấy đọc to lên cho mọi người nghe, rồi khóc ròn. Bức thư ấy nói sẽ để lại cho các cô gái ba nghìn đô la, toàn vàng, và một ngôi nhà ở; cho Harvey và William một xưởng thuộc da (đang hoạt động phát đạt) cùng với các ngôi nhà và đất đai khác (trị giá chừng bảy nghìn đô la) và ba nghìn đô la, toàn bằng vàng, đồng thời cũng cho biết số sáu nghìn đô la tiền mặt ấy giấu dưới hầm nhà. Hai tên lưu manh nói chúng sẽ tự tay đi kiếm số vàng ấy, rồi sẽ chia cho mọi người một cách công khai và sòng phẳng. Lão bảo tôi đi kiếm một cây nến. Chúng tôi đi xuống hầm nhà, đóng cửa lại. Khi tìm ra cái bị đựng tiền, chúng dốc tất cả xuống sàn nhà. Tất cả đều là những đồng tiền vàng, trông rất đẹp mắt. Trời! Mặt của nhà vua sáng rực lên. Lão xuýt xoa khen lấy khen để, cho rằng thành tích này đánh bại cả vở kịch “Nhà vua không giống ai” vừa rồi. Quận công cũng đồng ý như thế. Chúng

lấy tay cào một đồng tiền, rồi thả cho rơi loảng xoảng xuống đất qua các kẽ tay. Nhà vua nói:

- Chẳng cần phải bàn tán gì nữa. Nghề của người và ta là làm anh em với một tên triệu phú mới chết và là đại diện còn sót lại của những kẻ thừa kế các vua chúa nước ngoài, Bilgewater ạ. Bây giờ người tin vào Thượng đế rồi chứ? Cứ phó mặc cho Thượng đế dẫn dắt là cách hay nhất, nếu xét về lâu về dài. Ta đã có kinh nghiệm này nhiều lần rồi, không có cách nào hay hơn thế cả.

Nếu như người khác thì đã có thể hài lòng với đồng vàng ấy, chẳng cần phải đếm lại làm gì. Nhưng vua và quận công thì không thể. Chúng phải đếm kỹ, tính ra thấy thiếu mất bốn trăm mười lăm đô la mới đủ số sáu nghìn.

- Mẹ kiếp! Lão này đã lấy bốn trăm mười lăm đô la ra để làm gì không biết!

Chúng có vẽ bản khoản lục lợi khắp mọi nơi. Sau đó, quận công nói:

- Có lẽ lão Peter đau ốm quá nên lẫn lộn chứ gì! Chắc thế. Tốt hơn hết là chúng mình cứ tảng lờ đi như không biết. Có thiếu chút ít thì cũng được, cần gì.

- Cố nhiên là chúng mình bỏ qua thì cũng được, không cần quan tâm lắm đến chuyện ấy. Nhưng chính việc đếm số vàng này mới là điều quan trọng. Mình phải tỏ ra hết sức sòng phẳng, làm mọi việc một cách công khai, rõ ràng, người hiểu chưa? Mình sẽ vác cái bị tiền này lên trên kia kia, đếm trước mặt mọi người, như thế chẳng còn ai dám nghi ngờ điều gì. Nhưng trong thư lão Peter nói rằng có tất cả là sáu nghìn đô la tiền mặt, chúng mình không muốn...

- Khoan đã! - Quận công nói - Chúng mình có thể bù vào chỗ thiếu hụt. - Hắn moi túi lấy ra một số đồng tiền vàng.

- Thật là một ý kiến kì diệu, quận công ạ. Người có đầu óc thật là thông minh, lanh lẹ, - nhà vua nói - cái vở kịch “Nhà vua không giống ai” lại có thể giúp chúng mình lần nữa đó”.

Nói xong, lão cũng móc túi lấy các đồng tiền vàng của lão, rồi chồng thành một đồng.

Lúc này thì chúng hoàn toàn sạch túi, nhưng chúng cũng bù lại được đủ số tiền sáu nghìn đô la.

- Này, - lão quận công nói - tôi còn có một ý kiến nữa. Chúng ta sẽ đem cả số tiền lên trên kia, đếm trước mặt mọi người, rồi *cho các cô gái tất cả số tiền ấy.*

- Hay quá, quận công ơi! Người đáng được ta hôn một cái thật thắm thiết. Sao người lại có thể nghĩ ra được một ý kiến xuất sắc đến như vậy? Thật là kì diệu chưa từng thấy. Đó là một mưu thần, chúc quý, không còn sai chút nào. Chúng có nghi ngờ đến mấy chẳng nữa, thì chuyện này cũng phải đầu hàng thôi.

Khi chúng tôi lên đến tầng nhà trên, mọi người đang quây quần xung quanh chiếc bàn. Nhà vua đếm tiền, chồng thành từng đồng, cứ mỗi đồng là ba trăm đô la, như vậy có đủ hai mươi chồng nhỏ thật là phân minh. Mọi người đều liếm môi, có vẻ thèm thuồng. Sau đó, chúng lại cào tất cả đồng tiền vào trong bị. Nhà vua ưỡn ngực lên làm một bài diễn văn nữa:

- “Thưa tất cả các bạn, người em trai đáng thương của chúng tôi đang nằm kia, đã tỏ ra hết sức rộng lượng đối với những kẻ thân yêu còn lại trên cõi đời đau khổ này. Chú nó đã hết sức rộng lượng đối với các con cừ non bé nhỏ cõi cút đáng thương mà chú

nó đã thương yêu, đùm bọc. Vâng, chúng tôi hiểu rõ chú em của chúng tôi lắm, nên biết chắc rằng chú nó còn muốn tỏ ra rộng rãi hơn thế nữa, nhưng chỉ ngại mất lòng tôi và William đây. Chúng tôi chắc chắn là như thế, không còn nghi ngờ gì nữa. Nhưng, thưa các bạn, có người anh nào lại có thể muối mặt làm cản trở ước nguyện của người em trong giờ phút đau thương như thế này hay không? Có người bác ruột nào lại nỡ lòng cướp đoạt... vâng, tôi muốn nói trắng ra là *cướp đoạt* tài sản của những con cừu non đáng thương mà chú nó đã yêu mến như vậy hay không? Tôi cũng hiểu rõ chú William ở đây và chắc rằng chú ấy cũng... vâng, để tôi hỏi ý kiến chú ấy”. Lão quay lại phía quận công, làm một số dấu hiệu bằng tay. Quận công đực người ra nhìn lão một lúc, rồi đột nhiên, hần tỏ ra hiểu, nhảy chồm đến nhà vua, miệng ú ớ ra vẻ mừng rỡ lắm, rồi ôm lão hôn đến mười lăm lần mới chịu thả ra. Nhà vua quay lại nói với mọi người: “Tôi biết mà. Cứ nói đúng ý là dễ thuyết phục người ta lắm. Các cháu Mary Jane, Susan, Joanna, lại lấy số tiền này đi... các cháu hãy lấy tất cả. Đó là món quà của kẻ đang lạnh lòng nằm ở kia nhưng chắc là hoan hỉ lắm.

Mary Jane đến bên nhà vua, Susan và cô gái sứt môi chạy đến chỗ quận công, họ ôm nhau, hôn nhau thắm thiết chưa từng thấy. Thế rồi mọi người xúm lại, nước mắt lưng tròng, bắt tay hai tên lưu manh và nói luôn mồm:

- Thật quý hóa! Quý hóa quá! Sao lại có người tốt bụng đến thế!

Sau đó, mọi người bắt đầu nói chuyện về người quá cố, khen ngợi, ca tụng, thương tiếc, đủ mọi thứ. Một lát sau, một người to lớn, có chiếc cầm bành, từ bên ngoài đi vào, đứng lắng nghe rồi nhìn chăm chú, nhưng không nói một lời nào. Cũng không ai nói

gì với người mới đến này, bởi vì nhà vua lúc bấy giờ đang thao thao bất tuyệt và mọi người đang lắng nghe. Nhà vua nói:

- ... Họ là những người bạn đặc biệt của kẻ quá cố. Vì vậy, chúng tôi mời họ đến đây tối hôm nay và mong mỗi rằng ngày mai họ cũng sẽ đến... sẽ đến tất cả, bởi vì chú em chúng tôi lúc còn sống rất quý mến họ, rất kính trọng họ. Vì lí do ấy, chúng tôi nghĩ rằng cuộc “*hoan lạc*” này phải được tổ chức công khai, cho mọi người tham dự.

Thế rồi lão cứ tiếp tục nói con cà con kê, như là nói để tự mình nghe, thỉnh thoảng lại nhắc đến chữ “*hoan lạc*” khiến cho quận công bức mình quá, phải viết trên một mảnh giấy nhỏ: “*tang lễ*” chứ không phải “*hoan lạc*”, bố già ạ, rồi gấp lại, ú ớ đưa mảnh giấy ấy qua đầu mọi người cho nhà vua. Nhà vua giở ra đọc, rồi lại tiếp tục nói:

- Tội nghiệp cho chú em William của tôi. Tuy đau khổ như thế nhưng lúc nào suy nghĩ cũng vẫn đúng. Chú ấy muốn tôi mời tất cả quý vị đến dự cuộc hoan... à muốn được tiếp đón tất cả mọi người. Nhưng mà chú ấy không việc gì phải lo lắng điều ấy... tôi cũng đã nghĩ đến rồi mà.

Thế rồi lão lảng qua chuyện khác, vô cùng bình tĩnh, thỉnh thoảng vẫn cứ xen chữ “*hoan lạc*” trong câu nói như trước. Khi lão nói đến lần thứ ba, thì lão giải thích:

- Tôi đã dùng từ “*hoan lạc*” mà không dùng từ “*tang lễ*”, vì đó mới là một danh từ đúng, cho dù từ “*tang lễ*” vẫn là chữ thông dụng. Hiện nay, ở bên Anh, không ai dùng từ “*tang lễ*” nữa... từ này biến mất trong ngôn ngữ của nước Anh rồi. “*Hoan lạc*” mới là danh từ chính xác nhất. Đó là một cuộc lễ lạt tổ chức công khai

ngoài trời cho công chúng tham dự.

Thật tôi chưa thấy một người nào tro trên đến như vậy. Ngay lúc ấy, người có chiếc cẩu bệnh vừa mới đến cười to ngay vào mặt nhà vua. Mọi người đều tỏ ý khó chịu “Ồ kìa! Bác sĩ!”; Abner Shackleford nói:

- Kìa, bác Robinson, bác chưa nghe tin sao? Đây là Harvey Wilks mà.

Nhà vua mỉm cười, sốt sắng chìa tay ra nói:

- Có phải là ông bạn bác sĩ thân thiết nhất của chú em đáng thương của tôi đấy không? Tôi...

- Bỏ tay ra! - Bác sĩ nói - Lão nói hết như một người Anh, phải không? Thật tôi chưa hề thấy ai bắt chước một cách tệ hại đến như vậy. Lão mà là anh của Peter à: Lão già này là một tên bịp.

Mọi người đều sững sờ. Họ xúm quanh bác sĩ để khuyên ông ta dịu bớt, cố giải thích cho ông ta biết rằng lão là Harvey, lão biết tên tuổi của mọi người, tên tuổi của cả những con chó nữa, rồi họ van xin, nài nỉ ông bác sĩ đừng làm mất lòng Harvey và động chạm đến tình cảm của các cô con gái. Nhưng vô ích. Ông bác sĩ vẫn giận dữ, nói rằng bất cứ kẻ nào tự nhận là một người Anh mà không bắt chước được đúng tiếng nói thì chỉ là một tên lừa bịp, dối trá. Các cô con gái đeo lấy nhà vua, khóc lóc thảm thiết. Bỗng ông bác sĩ quay về phía họ nói:

- Trước kia bác là bạn của cha cháu, và như vậy, bây giờ bác cũng là bạn của các cháu. Với tư cách là một người bạn và là một người lương thiện chỉ mong muốn bảo vệ cho quyền lợi của các cháu, giúp các cháu tránh khỏi mọi sự thiệt thòi, phiền phức, bác khuyên các cháu đuổi tên lưu manh kia ra khỏi cửa, vì hắn không

có dính dáng gì đến cha cháu cả. Hẳn chỉ là một tên vô lại, đàn độn. Hẳn chỉ là một kẻ mạo danh rẻ tiền nhất, đến đây với những cái tên và những sự kiện rỗng tuếch góp nhặt ở đâu đó, thế mà các cháu vẫn cứ cho đó là những bằng chứng, các cháu lại bị những người bạn đại dốt kia nói thêm vào nên lại càng bị lừa gạt sâu hơn nữa. Cháu Mary Wilks, cháu biết rõ bác là người bạn của gia đình cháu, một người bạn không màng lợi lộc gì trong vụ này cả. Cháu phải nghe lời bác, đuổi tên lưu manh bỉ ổi này ra khỏi cửa... Bác xin cháu đó.

Mary Jean đứng thẳng người dậy, nói một cách rất chững chạc:

- Đây là câu trả lời của tôi. - Cô nhắc chiếc bị đựng tiền vàng đặt vào tay nhà vua, rồi nói tiếp - Bác lấy tất cả sáu nghìn đô la này, đầu tư hộ cháu và các em cháu theo cách nào đó tùy bác, nhưng không cần phải làm giấy biên nhận gì cho các cháu cả.

Nói xong, cô ôm choàng lấy nhà vua ở một bên, còn cô môi sứt thì ôm ở phía bên kia. Mọi người vỗ tay, giẫm chân rầm rầm như sấm dậy, trong khi nhà vua ngẩng đầu lên mỉm cười kiêu hãnh. Ông bác sĩ nói:

- Thôi được rồi. Tôi phải sạch tay, không dính dáng gì đến vụ này nữa. Nhưng tôi xin nói trước cho quý vị biết rồi một ngày kia quý vị sẽ phải thẹn thùng khi nhớ lại câu chuyện này. - Nói xong, ông đi ra ngoài.

- Được rồi, bác sĩ ạ. - Nhà vua nói với giọng chế giễu - Lúc bấy giờ chúng tôi sẽ cho người mời ông đến.

Mọi người cười rầm, cho rằng đó là một câu nói mỉa rất trúng đích và rất đau.

CHƯƠNG 26

PHÒNG TAY TRÊN TÚI VÀNG CỦA NHÀ VUA

hi mọi người đã ra về, nhà vua hỏi cô Mary Jane có phòng nào bỏ trống để cho họ nghỉ ngơi. Cô nói có một phòng trống dành riêng cho bác William, còn cô sẽ nhường phòng của cô cho bác Harvey, vì phòng này rộng rãi hơn cả. Riêng cô thì sẽ ngủ trong phòng của các cô em, trên một chiếc ghế vải. Ngoài ra, có một căn gác nhỏ sát với nóc nhà, trong đó có kê một cái nệm rơm. Nhà vua nói rằng phòng này sẽ dành cho tên người nhà của lão - tức là cho tôi.

Mary đưa chúng tôi lên phòng nghỉ. Những phòng này đều có vẻ đơn sơ nhưng khá đẹp. Cô nghĩ ý muốn lấy các áo dài và các đồ đạc lặt vặt của cô ra để cho nhà vua sử dụng căn phòng được thoải mái, nhưng nhà vua cho là không cần thiết. Các áo dài đều treo dọc theo bức tường, sau một bức màn bằng vải phủ xuống tận đất. Ở một góc có chiếc rương đựng tóc giả cũ kỹ và ở góc khác có một cái hộp đựng đàn ghi-ta, cùng các thứ đồ đạc trưng bày lặt vặt mà các cô con gái thường thích bày biện trong phòng của mình. Nhà vua cho rằng cứ để nguyên các đồ đạc ấy càng làm cho căn phòng thêm vui mắt và thân mật. Phòng của quận công thì hơi nhỏ nhưng khá tốt, phòng của tôi cũng vậy.

Đêm hôm ấy chúng tôi ăn một bữa cơm thịnh soạn. Tất cả các ông và các bà đều có mặt. Tôi đứng bên cạnh vua và quận công để hầu hạ, còn những người đầy tớ da đen thì hầu những người khác. Mary Jane ngồi ở đầu bàn, bên cạnh là Susan. Cô luôn mồm chê bai các thức ăn, nào là bánh bích qui không được ngon, nào là các thức hầm giấm ăn dở quá, nào là thịt gà rán dai nhanh nhách - tất cả đều là những câu vô nghĩa, khách sáo, như các bà vẫn thường hay nói để buộc khách khứa phải cải chính, khen ngợi. Ai cũng biết các thức ăn thuộc loại thượng hảo hạng nên phải nói, “làm sao mà các cô có thứ bánh bích qui ngon như thế?” hay “thứ dưa chuột hầm giấm này tuyệt hảo”, và nhiều câu khen ngợi rỗng tuếch khác, như người ta vẫn thường nói.

Khi tất cả mọi người đã ăn xong, tôi và cô gái sút môi dọn những thức ăn thừa ra cùng ăn với nhau ở trong bếp, trong khi những người khác giúp các đầy tớ da đen lau chùi bát đĩa. Cô gái sút môi bèn bắt tôi phải nói cho cô nghe về chuyện nước Anh, nhiều lúc làm tôi suýt lộ tẩy. Cô hỏi tôi:

- Anh đã thấy vua nước Anh chưa?

- Ai? Vua William đệ tứ ấy à? Cố nhiên là tôi gặp rồi. Ông ấy đến nhà thờ của chúng tôi luôn mà.

Tôi biết rằng ông ta chết đã lâu rồi, nhưng vẫn vờ như không biết. Cho nên, khi tôi nói ông vua ấy vẫn đến nhà thờ của chúng tôi luôn thì cô ấy liền hỏi:

- Sao? Đến luôn à?

- Phải... đến luôn. Ghế của ông ta đối diện với chỗ chúng tôi vẫn ngồi, ở phía bên kia bục giảng mà.

- Tôi tưởng ông ta ở London chứ?

- Phải, chẳng ở London thì ở đâu nữa.

- Nhưng tôi nghĩ rằng anh và các bác tôi ở Sheffield mà.

Tôi thấy cứng họng, phải giả vờ như đang học phải một cái xương gà để tìm cách chống chế:

- Tôi nói rằng ông ấy thường đi nhà thờ luôn, mỗi khi ông ấy đến thăm Sheffield. Thường là về mùa hè, để có dịp tắm nước biển.

- Ủa... Sheffield đâu có nằm trên bờ biển?

- Ờ kìa, ai nói Sheffield nằm trên bờ biển?

- Thì anh mới nói đấy, chứ còn ai nữa?

- Tôi có nói đâu!

- Có, anh có nói.

- Tôi chẳng bao giờ nói như thế cả.

- Thế thì anh nói cái gì nào?

- Tôi nói ông ấy đến Sheffield để tắm nước biển. Vua William cần gì phải ra bể mới tắm được nước biển.

- Thế làm thế nào mà ông ta có nước biển để tắm?

- Người ta chở nước biển trong các thùng chứa ấy. Ở Sheffield có rất nhiều lò đốt để đun nước nóng cho nhà vua, ngay trong lâu đài ấy. Ông ta thích tắm nước nóng. Tất nhiên họ cũng có thể đun nước nóng ở tận ngoài bể kia. Nhưng ở đấy họ không có phương tiện làm như thế .

- Tôi hiểu ra rồi. Thế sao anh không nói ngay từ lúc đầu cho đỡ mất thì giờ.

Nghe cô sút môi nói như thế, tôi biết tôi đã thoát khỏi chỗ bí, nên cảm thấy nhẹ nhõm. Tiếp đó, cô lại hỏi:

- Anh có hay đi nhà thờ không?
- Có, rất đều.
- Anh thường ngồi ở đâu?
- Ngồi ở hàng ghế dưới chứ còn ở đâu nữa?
- Hàng ghế của ai?
- Của chúng tôi... tức là của bác Harvey của cô đấy.
- Của bác tôi à? Tại sao bác tôi lại ngồi ở hàng ghế ấy?
- Thì ông ấy cũng cần có chỗ để mà ngồi chứ. Sao cô lại hỏi thế?

- Tôi tưởng rằng ông ấy phải đứng trên bục giảng chứ?

Thế là hỏng hết rồi, tôi quên khuấy mất ông ta là mục sư. Một lần nữa tôi cứng họng, nên lại phải giở cái trò mắc xương gà lần nữa để mà suy nghĩ cách đối phó. Tôi nói:

- Cô này lạ chưa! Thế cô nghĩ rằng ở nhà thờ ấy chỉ có một mục sư hay sao?

- Ừa, có nhiều mục sư để làm gì?

- Để giảng đạo cho nhà vua. Không được sao? Cô này lạ thật. Ở nhà thờ ấy có mười bảy mục sư kia.

- Mười bảy người? Nếu trong trường hợp tôi thì sẽ không bao giờ đem trình diễn cả một dãy mục sư như thế, trừ phi khi nào tôi chết. Như thế thì phải cả tuần lễ họ mới làm xong việc giảng đạo!

- Nói bậy nào! Đâu có phải tất cả đều giảng đạo trong một ngày. Mỗi ngày chỉ có một người thôi.

- Thế thì số còn lại làm cái gì?

- Chẳng làm gì lắm đâu. Họ chỉ đi rảo đây đó, chuyển cái đĩa để quỳn tiền, làm việc này hay việc khác. Nhưng nói chung thì

chả làm gì cả.

- Nếu như vậy thì họ ở đấy làm gì?

- Họ phải có mặt cho đúng kiểu cách thôi. Thế ra cô chẳng biết gì về chuyện ấy cả à?

- Biết những thứ vớ vẩn như thế để làm gì? Thế ở bên Anh, người ta đối xử với đầy tớ như thế nào? Có khá hơn chúng tôi đối xử với bọn da đen không?

- Không, ở đó người ta chẳng coi bọn đầy tớ ra giống gì cả. Họ xem chúng tệ hơn là chó ấy.

- Họ có cho chúng được nghỉ lễ không? Chẳng hạn chúng tôi cho chúng nghỉ lễ Giáng Sinh, Tết hay ngày mùng bốn tháng bảy vậy.

- Nghe cô nói là biết ngay cô chưa bao giờ đặt chân lên nước Anh cả. Nay cô Môi sút... xin lỗi, cô Joanna này, chúng chẳng có ngày nghỉ lễ nào từ đầu năm cho đến cuối năm cả, cũng chẳng bao giờ có xiếc, ca kịch hay bất cứ loại trình diễn giải trí nào cho bọn da đen cả.

- Không có nhà thờ nữa à?

- Không.

- Nhưng anh là đầy tớ mà cũng được đi nhà thờ kia à?

Một lần nữa, tôi chưng hửng. Tôi quên mất tôi là đầy tớ của lão già. Nhưng chỉ một phút sau, tôi lại tìm cách giải thích quanh co rằng một người hầu cận như tôi khác với người đầy tớ thông thường. Dù muốn hay không tôi cũng phải đi nhà thờ, ngồi chung với gia đình, vì đó là luật lệ ở nước Anh. Tôi biện bạch không khá lắm, cho nên khi tôi vừa nói xong, cô ta có vẻ chưa hoàn toàn thỏa mãn. Cô nói:

- Nói thật đi. Có phải từ lúc này đến giờ anh nói toàn chuyện láo toét phải không?

- Nói thật mà.

- Không nói láo một câu nào cả chứ?

- Không một câu nào.

- Vậy anh đặt bàn tay lên cuốn Kinh Thánh này đi.

Đối với tôi thì cuốn Kinh Thánh chẳng khác nào một cuốn từ điển, nên tôi liền đặt bàn tay lên đấy và nhắc lại câu nói lúc này. Cô gái xem ra có vẻ hài lòng lắm. Cô nói:

- Tôi có thể tin một vài điều anh nói, nhưng không phải tất cả đâu nhé.

- Em không tin điều gì, hờ Joanna? - Mary lúc ấy bước vào, cùng với Susan đi theo, xen vào câu chuyện của chúng tôi. - Em không nên nói với anh này bằng lời lẽ như thế. Anh ấy là người khách lạ, xa quê hương, làng nước. Vào trường hợp em, em có muốn bị đối xử như vậy không?

- Chị thì lúc nào cũng vậy thôi. Lúc nào chị cũng xen vào bên vực cho người ta. Em có làm gì anh ta đâu. Anh ta nói khoác lác một đôi điều, cho nên em bảo rằng em không tin được tất cả. Em chỉ nói có thể thôi. Em chắc rằng anh ta có thể chịu đựng được một chuyện nhỏ nhặt như thế.

- Chị không cần biết đó là chuyện nhỏ nhặt hay chuyện lớn, có điều anh ấy đang ở trong nhà chúng ta và là một người khách lạ. Em nói như vậy là không phải. Nếu đặt trường hợp em vào địa vị anh ta, chắc em phải ngượng ngùng. Em không nên nói điều gì làm cho người khác phải thẹn thùng cả.

- Nhưng mà, anh ta nói...

- Chị không cần biết anh ta đã nói gì. Đó không phải là vấn đề. Vấn đề quan trọng là em phải đối xử tốt với anh ấy, không nên nói điều gì khiến cho anh ta phải nghĩ rằng anh ấy đang sống trên xứ người với những kẻ xa lạ.

Tôi tự nhủ cô Mary này là một cô gái tốt bụng mà tôi đang để mặc cho lão cáo già kia cướp hết cả tiền bạc của cải.

Sau đó, Susan xen vào, lại cho cô môi sụt một màn thuyết giảng nữa.

Tôi lại tự nhủ, đây là một cô gái tốt bụng thứ hai mà tôi sẵn sàng để làm mồi cho lão cáo già.

Tiếp đó lại đến lượt Mary, vẫn bằng lối nói dịu dàng, đáng yêu như vừa nãy. Nhưng khi cô vừa nói xong thì cô gái sụt môi kia đã hoàn toàn bất lực, không còn có gì để mà nói được nữa. Cô bật khóc thét lên.

- Thôi được rồi, - các cô gái kia nói - em xin lỗi anh ấy đi.

Thế là cô gái sụt môi xin lỗi tôi, bằng những câu nói nghe thật hay ho, êm dịu. Tôi ước ao nói thêm hàng nghìn điều láo toét nữa, để được nghe lại những câu xin lỗi như thế.

Tôi lại tự nhủ, đây lại thêm một cô gái nữa mà tôi để mặc cho lão cáo già tước đoạt tài sản. Sau câu chuyện này, các cô tìm mọi cách làm cho tôi cảm thấy thoải mái như là đang sống chung với những người bạn thân thiết. Tôi cảm thấy mình đê tiện, thấp kém và hèn hạ, đến nỗi tôi phải đi đến một quyết định là tôi phải tìm cách giấu đi số vàng cho các cô con gái này.

Sau đó, tôi đi ra ngoài, lấy cớ là đi ngủ. Khi tôi chỉ có một mình, tôi bèn suy nghĩ kỹ về câu chuyện vừa rồi. Tôi có nên đi gặp riêng lão bác sĩ và lột mặt nạ các tên lưu manh này chăng?

Không... như thế không được vì lão sẽ cho biết kẻ nào tố cáo, rồi tôi sẽ gặp lời thôi to với nhà vua và lão quận công. Tôi có nên nói riêng với cô Mary Jane chẳng? Không, tôi không dám làm như vậy. Chắc chắn cô ta sẽ lộ điều đó trên nét mặt và bọn kia sẽ đánh hơi biết; chúng đã nắm lấy túi tiền và sẽ trốn đi, mang theo tất cả tiền bạc. Nếu cô ta đi nhờ người khác giúp đỡ thì tôi cũng sẽ dính líu vào đấy trước khi họ làm được việc gì. Không! Bây giờ chỉ còn một cách duy nhất. Tôi sẽ tìm cách đánh cắp số tiền ấy, làm sao cho họ không thể nghi ngờ rằng tôi đã đánh cắp. Bọn lưu manh này đang gặp một món bở, nên chúng chưa chịu bỏ đi cho đến lúc nào chúng đã vơ vét sạch những gì quý giá trong gia đình và cả thị trấn này. Như vậy, tôi sẽ có đủ thì giờ. Tôi sẽ ăn cắp túi tiền và đem giấu nó đi, rồi đến khi nào đi xa rồi, tôi sẽ viết thư cho cô Mary biết chỗ giấu tiền. Nhưng tốt hơn hết là tôi phải giấu số tiền ấy ngay tối hôm nay, vì tôi chắc ông bác sĩ chưa chịu bỏ cuộc như ông ta đã vờ tuyên bố, thế nào ông ta cũng làm cho bọn này hoảng sợ phải bỏ đi.

Như vậy tôi phải đi lục lọi ngay phòng của bọn chúng. Hành lang trên gác tối om, nhưng tôi cũng tìm ra được phòng quận công, rồi lấy tay quờ quạng xung quanh. Nhưng tôi sức nhớ rằng tính nhà vua không bao giờ chịu để cho người khác giữ hộ tiền bạc, nên tôi lại quay sang phòng của nhà vua. Tôi dùng tay sờ soạng khắp nơi, nhưng không thấy gì, vì tôi không có đèn nến, mà cũng không dám đốt đèn lên. Tôi bèn nghĩ ra một cách khác, là ngồi rình ở đó và lắng tai nghe trộm. Vào lúc ấy, có tiếng chân người đi đến. Tôi đành chui xuống dưới gầm giường. Nhưng khi tôi giơ tay ra định sờ lấy chiếc giường thì bàn tay tôi chạm phải bức màn che các áo dài của Mary. Tôi liền nhảy đến phía sau bức

màn, nắp sau đồng áo dài, đứng im bất động.

Chúng đi vào, đóng cửa lại. Việc làm đầu tiên của tên quận công là cúi xuống nhìn dưới gầm giường. May mà tôi không tìm ra được chiếc giường ấy. Khi người ta làm việc gì lén lút thì người ta thường chui dưới gầm giường, đó là lẽ tự nhiên rồi. Hai tên lưu manh ngồi xuống. Nhà vua hỏi:

- Bây giờ làm sao đây? Cần phải bàn ngẩn gọng bởi vì chúng mình cần ngồi ở dưới kia mà than vãn người chết hơn là ngồi trên này để cho bọn chúng ở dưới ấy có thì giờ bàn ra tán vào về chúng mình.

- Này, nhà vua ạ. Tôi thấy lo lắng thế nào ấy. Khó chịu quá. Cái lão bác sĩ cứ ám ảnh tôi hoài. Nhà vua có cao kiến gì không? Tôi cũng có nghĩ ra một kế, xem có vẻ hợp lí.

- Kế gì thế?

- Tốt hơn hết, chúng mình lên chuồn đi trước ba giờ sáng nay, đem xuống bè tất cả số tiền đã lấy được. Nhất là số tiền ấy ngon xơi quá mà, tự nhiên chúng nó dâng lại cho mình, trong khi mình cứ nghĩ rằng phải ăn cắp mới lấy lại được số tiền ấy. Tôi cho là chúng mình nên bỏ tất cả mọi thứ khác mà chuồn đi thôi.

Câu nói của quận công làm tôi thấy lo quá. Cách đây chừng một hay hai giờ, mọi sự có thể khác hẳn, bây giờ thì tôi cảm thấy lo lắng, thất vọng quá. Nhà vua liền giận dữ nói:

- Sao? Không bán tất cả các tài sản còn lại hay sao? Tại sao lại bỏ đi như một lũ điên rồ, vớt lại tài sản đáng giá tám, chín nghìn đô la đang nằm sẵn ở đây chỉ chờ cho mình đến xúc bỏ vào túi. Toàn là những thứ tốt, bán được giá cả.

Quận công cần nhần, nói rằng túi vàng ấy quá đủ rồi, hẳn

không muốn đi sâu hơn nữa, không muốn tước của các cô gái mồ côi ấy tất cả mọi thứ mà họ có.

- Ngài nói gì mà lạ thế, hử quận công, - nhà vua nói - chúng mình có cướp của họ cái gì đâu ngoài số tiền này. Chính những kẻ nào mua các tài sản ấy mới chịu thiệt thòi thôi. Chẳng bao lâu nữa, người ta sẽ biết rằng chúng ta không phải là những chủ nhân thực sự các tài sản ấy... chỉ ít lâu sau khi chúng ta cao chạy xa bay thôi... như thế vụ mua bán này sẽ không còn giá trị nữa, tất cả tài sản sẽ thuộc về di sản của người chết như cũ. Các cô gái mồ côi này sẽ lấy lại được nhà của họ, như thế là đủ lắm rồi. Họ đang còn trẻ, lanh lợi, có thể kiếm ăn dễ dàng. Họ chẳng thiệt thòi gì. Cứ nghĩ kĩ mà xem, có hàng ngàn, hàng vạn người còn khổ sở hơn họ gấp mấy lần. Họ chẳng có gì phải phàn nàn cả.

Câu nói của nhà vua làm cho quận công phải xiêu lòng. Hắn phải chịu nhượng bộ, cho rằng nhà vua nói phải, nhưng hắn vẫn nghĩ rằng ở lại là dại dột, nhất là có ông bác sĩ cứ đeo bên cạnh. Nhưng nhà vua nói:

- Kệ cái lão bác sĩ ấy. Việc gì phải để ý đến hắn? Chúng ta có tất cả những kẻ ngu xuẩn trong thị trấn này đứng về phe ta mà. Như thế chẳng phải chúng ta nắm được đa số hay sao?

Nói xong, chúng chuẩn bị đi xuống dưới nhà. Quận công nói:

- Tôi nghĩ để tiền ở chỗ ấy chưa ổn.

Câu nói này khiến tôi rất mừng. Lúc này đến giờ, tôi cứ tưởng rằng sẽ chẳng còn hi vọng gì “đánh hơi” được chỗ chúng giấu tiền. Nhà vua nói:

- Tại sao?

- Bởi vì cô Mary Jane sẽ phải mặc quần áo tang lấy từ phòng

này ra. Việc đầu tiên là tên đầy tớ da đen thường lên các phòng quét dọn sẽ được lệnh gói ghém các thứ vớ vẩn ấy lại để đem đi chỗ khác. Ngài nghĩ rằng tên da đen bắt gặp số tiền này mà không “nặng” đi một ít à?

- Đầu óc của quận công đã minh mẫn trở lại rồi đó.

Nói xong, lão đưa tay ra mò dưới tấm màn chỉ cách chỗ tôi đứng chừng một thước. Tôi dán mình vào bức tường, hết sức im lặng, nhưng trong người run lấy bầy. Tôi tự hỏi không biết bọn này sẽ nói với tôi như thế nào nếu chúng tóm được tôi, đồng thời tôi cũng nghĩ cách chống chế như thế nào trong trường hợp ấy. Nhưng tôi chưa kịp nghĩ gì cả thì lão già đã lấy cái túi tiền ra, và chắc chắn không nghi ngờ gì. Chúng cầm lấy túi tiền nhét qua một chỗ rách trên đệm rơm đặt dưới lớp nệm độn bằng lông trên giường.

Chúng nhét thật sâu trong đệm rơm và nói rằng chỗ ấy rất an toàn vì tên da đen có đến dọn giường thì chỉ lật cái đệm rơm ấy một năm hai lần mà thôi, như thế không còn lo gì bị mất trộm.

Nhưng cố nhiên là tôi biết rõ hơn, cho nên khi chúng vừa đi xuống được nửa cầu thang thì tôi đã trèo lên căn gác nhỏ của tôi và giấu túi tiền ở đấy để chờ đợi cơ hội tốt hơn. Tôi nghĩ rằng giấu túi tiền ấy ở ngoài nhà là tốt nhất, vì nếu chúng biết mất tiền, thế nào chúng cũng lục lọi khắp mọi nơi trong nhà. Tôi biết rất rõ điều ấy. Tôi liền chui vào giường nằm, để nguyên cả quần áo. Nhưng tôi không thể nào ngủ được vì nóng lòng muốn làm cho xong công việc. Lúc bấy giờ, tôi nghe tiếng chân nhà vua và quận công đi lên. Tôi liền lăn ra khỏi giường, ghé cằm vào đỉnh cầu thang để chờ xem chuyện gì xảy ra. Nhưng chẳng có gì cả.

Tôi cứ nằm yên như vậy cho đến khi những tiếng động của đêm qua đã chấm dứt và những tiếng ồn ào của ngày mới chưa bắt đầu, lúc bấy giờ tôi mới lén xuống cầu thang.

CHƯƠNG 27

PETER LẤY LẠI ĐƯỢC SỐ VÀNG

ôi bò ra đến cửa, lắng nghe. Bọn chúng đều đang ngủ. Tôi rón rén đi xuống cầu thang an toàn. Xung quanh không một tiếng động. Tôi ghé mắt nhìn qua khe cửa phòng ăn thì thấy những người phụ trách trông coi linh cữu đang ngủ say trên ghế. Cánh cửa ấy dẫn đến phòng khách, nơi đặt linh cữu. Một ngọn nến le lói chiếu cả hai căn phòng. Tôi lén qua cánh cửa phòng khách đang mở rộng. Không có một ai trong căn phòng này cả, mà chỉ có chiếc quan tài của Peter. Tôi đi ngang qua đó. Cánh cửa trước nhà đã bị khóa chặt, nhưng không có chìa khóa. Ngay lúc ấy, tôi nghe có tiếng người đi xuống cầu thang sau lưng tôi. Tôi liền chạy trở lại phòng khách, nhìn quanh quất. Chỉ còn một chỗ duy nhất để giấu túi tiền là ngay trong quan tài của Peter. Nắp đậy quan tài được đẩy sang một bên chừng ba mươi phân, lộ ra mặt của người chết với tấm khăn ướt phủ lên trên, và tấm vải liệm. Tôi liền nhét túi vàng dưới nắp quan tài, chuôi dưới chỗ hai bàn tay bắt chéo. Tôi thấy rùng mình vì những bàn tay ấy rất lạnh, sau đó tôi chạy ngang qua căn phòng đứng nấp sau cánh cửa.

Người đang đi đến là cô Mary Jane. Cô lặng lẽ đến bên quan tài, quỳ xuống, nhìn vào bên trong, rồi đưa chiếc mùi soa lên

mặt. Tôi thấy cô khóc, nhưng không nghe tiếng thút thít vì cô quay lưng về phía tôi. Tôi liền lên ra khỏi phòng khách. Khi đi ngang qua phòng ăn, tôi phải làm sao nắm chắc được rằng những người nằm gác ở đấy không trông thấy tôi. Cho nên, tôi đứng lại nhìn qua khe cửa. Họ không hề cựa quậy chút nào, như thế là yên chí.

Tôi lên về giường nằm, trong lòng cảm thấy hơi thất vọng, vì sự việc đã diễn ra như vậy, sau bao nhiêu công lao khó nhọc và nguy hiểm. Tôi nghĩ, nếu đặt túi vàng vào chỗ ấy thì cũng ổn thỏa, vì sau này, khi tôi đã đi xa được chừng một hai trăm dặm, tôi vẫn có thể viết thư cho cô Mary, và cô ấy sẽ đào lên để lấy lại túi vàng. Nhưng chắc đâu sự việc ấy có thể xảy ra được? Điều đáng lo có thể xảy ra là người ta sẽ tìm ra túi tiền ấy lúc họ bắt đầu đóng nắp quan tài lại. Nhà vua sẽ lấy lại túi tiền, và như thế thì còn lâu người ta mới lấy lại của hắn được. Tất nhiên, tôi muốn xuống dưới nhà lấy túi vàng ra, nhưng tôi không dám làm điều này vì mỗi lúc một gần giờ hành lễ nên những người canh gác có thể thức dậy bất cứ lúc nào. Tôi có thể sẽ bị tóm với số tiền sáu nghìn đô la trong tay mà tôi không có trách nhiệm canh giữ. Tôi không muốn mắc mớ vào một vụ lôi thôi như thế.

Vào lúc trời sáng, khi tôi xuống dưới nhà thì phòng khách đã đóng chặt, còn những người canh gác thì đi đâu cả. Ở đấy chỉ có những người trong gia đình, bà quả phụ Bartley và bè lũ chúng tôi. Tôi cố nhìn nét mặt của họ xem có gì thay đổi không, nhưng chẳng thấy có gì khác lạ.

Đến trưa, người phụ trách tang lễ, cùng với người giúp việc của ông ta đến. Họ đặt chiếc quan tài giữa nhà, trên hai chiếc ghế, rồi xếp ghế thành dãy dài, và mượn thêm của hàng xóm ít

chiếc nữa, cho đến khi cả phòng khách, lẫn phòng ăn đều đầy nghẹt. Tôi thấy nắp quan tài vẫn ở vị trí như cũ, nhưng không dám nhìn vào, vì có đông mọi người xung quanh.

Sau đó, mọi người bắt đầu đi vào. Hai tên lưu manh và các cô gái ngồi ở hàng đầu, ở phía đầu quan tài. Trong suốt nửa giờ, mọi người xếp hàng một đi ngang qua quan tài, cúi xuống nhìn mặt người chết chừng một phút, nhỏ một vài giọt nước mắt, tất cả đều im lặng, trang nghiêm. Chỉ có các cô con gái và hai tên lưu manh là lấy khăn mùi soa đưa lên mắt, đầu cúi xuống, thút thít khóc. Không có một tiếng động nào, ngoài tiếng chân người đi sột soạt trên sàn nhà và tiếng khịt mũi - bởi vì người ta thường có thói quen khịt mũi trong các đám tang, nhiều hơn là trong bất kì trường hợp nào khác, ngoạt trừ ở nhà thờ.

Khi các chỗ ngồi đã đầy kín, người phụ trách tang lễ đeo găng tay đen, len lỏi hết nơi này đến nơi khác để sửa sang sắp xếp mọi thứ cho ngay ngắn, trật tự, bằng những cử chỉ hết sức nhẹ nhàng, im lặng. Ông ta không nói một lời nào, chỉ đi loanh quanh khắp nơi, xếp đặt chỗ ngồi cho người đến trễ, mở các lối đi. Tất cả những công việc ấy, ông chỉ điều khiển bằng những dấu hiệu bằng tay, hay những cái gật đầu. Sau đó, ông đứng vào vị trí của ông sát với bức tường. Ông là một người dịu dàng, yên lặng, kín đáo nhất mà tôi từng gặp. Hầu như tôi không thấy ông mỉm cười bao giờ.

Người ta đã mượn sẵn một chiếc đàn phong cầm cũ kĩ. Khi mọi thứ đều đã sẵn sàng cả, một người đàn bà trẻ tuổi ngồi xuống bên chiếc phong cầm, bắt đầu cử nhạc. Tiếng đàn nghe thật chất chúa, xốn xang. Mọi người đều đồng thanh hát theo. Lúc này, theo tôi nghĩ, ông Peter có lẽ là người đang được may mắn nhất.

Sau đó, mục sư Hobson mở đầu bài nói chuyện của ông bằng giọng nói chậm rãi, trang nghiêm. Ngay lúc ấy, có tiếng ồn ào dữ dội nổi lên từ dưới hầm nhà. Thì ra, đó là tiếng một con chó sủa, nhưng cũng gây nên náo động ghê gớm. Con chó ấy cứ tiếp tục sủa mãi, làm cho mục sư, đang đứng bên cạnh chiếc quan tài, phải đứng dừng lại chờ cho tiếng ồn ào chấm dứt - lúc bấy giờ không ai đủ tỉnh trí để nghĩ đến chuyện gì khác. Thật là bất tiện quá chừng, nhưng không ai biết xử trí như thế nào. Ngay lúc ấy, người phụ trách tang lễ có đôi cằm rất dài ấy, ra dấu cho mục sư như là muốn nói: “Xin ông đừng lo, cứ để tôi giải quyết”. Ông ta khom người xuống, lướt nhẹ dọc theo bức tường, chỉ còn thấy vai và lưng ông nhô lên phía trên đầu mọi người. Tiếng ồn ào, náo loạn, mỗi lúc một thêm dữ dội. Trong khi ấy ông đi vòng hết hai cạnh của căn phòng, xuống hầm nhà, rồi biến dạng. Chỉ hai giây đồng hồ sau, tôi nghe một tiếng đập rất lớn, con chó rú lên một hai tiếng rồi im hẳn. Mọi thứ đều yên lặng trở lại, mục sư lại tiếp tục nói tiếp đoạn vừa mới bỏ dở. Một vài phút sau, viên phụ trách tang lễ trở lại, vai và lưng ông ta lại nhấp nhô dọc theo bức tường. Ông ta cứ lướt đi nhẹ nhàng qua ba cạnh của căn phòng, rồi đứng thẳng người dậy để bàn tay lên miệng làm loa, cổ vươn về phía mục sư thều thào nói qua đầu mọi người: “Nó vừa bắt được một con chuột!”. Nói xong, ông ta lại cúi đầu xuống, lướt dọc theo bức tường, trở về vị trí cũ. Mọi người có vẻ hể hả lắm, vì ai cũng muốn biết chuyện gì vừa xảy ra. Một chuyện nhỏ nhặt như thế chẳng mất tiền bạc gì cả, nhưng cũng khiến cho người làm nên chuyện ấy được mọi người vị nể, yêu mến. Cho nên viên phụ trách tang lễ được dân chúng biết đến nhiều nhất trong thị trấn này.

Bài giảng của mục sư rất hay nhưng dài lê thê, nghe rất mệt.

Tiếp theo đó, nhà vua lại xen vào, phun ra một tràng những câu nói vô nghĩa thường lệ của lão. Cuối cùng buổi lễ chấm dứt. Viên phụ trách tang lễ tiến đến quan tài, trong tay cầm một cái vụn vít. Nhưng ông ta không lục lọi, xáo trộn gì cả mà chỉ nhẹ nhàng đặt nắp lại rồi xiết các vít lại thật nhanh và thật chặt. Thế là hết chuyện! Tôi không biết túi vàng còn trong ấy hay không. Giả thử như có một kẻ nào nằng nệ túi vàng ấy một cách bí mật thì làm sao nhỉ? Vậy thì có nên viết thư cho cô Mary nữa không? Nếu cô ấy đào lên mà không thấy túi tiền đâu cả thì cô ta sẽ nghĩ như thế nào về tôi? Người ta sẽ đi lòng tôi cho bằng được và sẽ bỏ tù tôi! Như thế thì tốt hơn hết tôi phải giữ kín chuyện này, không viết thư gì cả. Thật rắc rối quá. Tôi muốn làm cho tốt, nhưng rồi chính tôi đã làm hư hỏng bao nhiêu việc, bây giờ tôi đành để mặc nó muốn ra sao thì ra.

Việc chôn cất đã hoàn tất, chúng tôi trở về nhà. Tôi lại dò xét nét mặt mọi người. Không làm thế tôi không thể nào yên được. Nhưng tôi chẳng thấy gì. Nét mặt của họ không nói lên được điều gì hết.

Đến buổi chiều, nhà vua đi thăm viếng nơi này nơi khác để xoa dịu và gây cảm tình với mọi người. Lão làm ra bộ rất thân thiện và nói cho mọi người biết rằng các tín đồ trong địa phận của lão ở bên Anh đang nóng lòng chờ đợi lão nên lão phải thu xếp gấp vắn đề di sản để trở về nước. Lão ngỏ ý rất tiếc phải làm mọi thứ gấp gáp quá khiến mọi người cũng phải bận rộn theo. Họ nài nỉ lão ở lâu hơn nữa, nhưng cũng biết rằng khó có thể làm như vậy được. Lão cũng cho biết thêm rằng lão và William cố nhiên sẽ đưa các cô gái về nước theo. Điều này khiến cho mọi người hết sức tán thành vì như vậy các cô gái sẽ được yên thân

sống chung với bà con ruột thịt. Các cô gái, nghe nói như vậy cũng rất hài lòng. Họ sung sướng, phấn khởi đến nỗi họ hầu như quên sạch tất cả những nỗi lo âu, khó khăn trên cuộc đời này. Vì thế họ giục nhà vua bán các tài sản càng nhanh càng tốt, riêng họ thì lúc nào cũng sẵn sàng. Các cô gái càng tỏ ý mừng rỡ bao nhiêu thì tôi lại càng thấy đau nhói trong tim, vì họ đã bị lừa lọc, dối trá tàn nhẫn đến như vậy. Nhưng tôi không tìm ra được cách nào can thiệp để xoay chuyển tình thế.

Cố nhiên là nhà vua, ngay sau đó, ra yết thị để bán đấu giá ngôi nhà, bọn nô lệ da đen và tất cả tài sản. Sự mua bán sẽ được tổ chức hai ngày sau tang lễ, nhưng ai muốn mua riêng trước thì cũng được.

Trưa hôm sau cuộc tang lễ, nỗi vui mừng của các cô gái vấp phải một vố bất ngờ đầu tiên. Lúc bấy giờ có vài tay buôn nô lệ đi ngang qua làng, nhà vua liền đem những người nô lệ da đen trong nhà ra bán với giá phải chăng, và nhận những tấm ngân phiếu để có thể rút tiền ở ngân hàng ra trong vòng ba ngày nữa. Thế là những người nô lệ này phải ra đi, hai đứa con trai thì đi ngược dòng sông lên đến Memphis, còn mẹ chúng thì đi xuôi xuống vùng Orleans. Các cô con gái và những tên đầy tớ da đen này như đứt từng khúc ruột vì đau buồn. Họ ôm lấy nhau mà khóc nức nở. Nỗi xúc động của họ khiến tôi cảm thấy đau lòng. Các cô gái nói rằng họ không bao giờ ngờ rằng gia đình của những người nô lệ da đen này lại phải li tán hay bị đem bán sang một nơi khác. Tôi không bao giờ có thể xóa nhòa trong tâm trí hình ảnh các cô gái và những người da đen ôm lấy nhau, khóc lóc như thế. Tôi không thể nào chịu đựng được nữa, và có thể tôi đã phanh phui ngay vụ này và tố cáo bọn lưu manh ngay lập tức nếu

lúc bấy giờ tôi không nghĩ lại rằng việc mua bán này sẽ vô giá trị và như thế bọn đầy tớ da đen sẽ được trả về nhà trong vòng một hai tuần lễ.

Việc mua bán này đã gây chấn động khắp thị trấn. Có nhiều người đến nói thẳng thừng rằng việc chia rẽ mẹ con những người da đen này là hành động tàn nhẫn. Điều này có hại cho uy tín của hai tên lưu manh phần nào, nhưng lão già điên dại ấy vẫn cứ tiếp tục tiến hành việc mua bán, đưa giá lên mỗi lúc một cao, bất kể sự ngăn cản của quận công, khiến cho tên này cứ áy náy không yên.

Ngày hôm sau là ngày bán đấu giá. Vào lúc trời sáng, nhà vua và quận công lên đến căn gác của tôi, đánh thức tôi dậy. Nhìn qua nét mặt của bọn chúng, tôi biết ngay đang có sự lôi thôi xảy ra. Nhà vua nói:

- Mà có vào phòng tao đêm hôm trước không?
- Tâu hoàng thượng, không ạ. - Tôi vẫn thường gọi lão như thế khi không có ai xung quanh, ngoài bọn chúng tôi.
- Mà có vào đây ngày hôm qua hay tối hôm qua không?
- Tâu hoàng thượng, không ạ.
- Lấy danh dự thề đi... không được nói láo.
- Xin thề, tâu hoàng thượng... tôi nói sự thực. Tôi không hề đến gần phòng ngài từ lúc cô Mary Jane đưa ngài và quận công lên phòng ấy.

Quận công hỏi:

- Mà có thấy ai đến đó không?
- Không, thưa ngài. Hình như là không thì phải.

- Cố nghĩ lại xem.

Tôi cố suy nghĩ một lát để tìm cách chống chế. Tôi nói:

- Có, tôi có thấy mấy tên da đen lảng vảng ở đó nhiều lần.

Cả hai tên giật mình đánh thót một cái, có vẻ như không ngờ đến chuyện ấy, nhưng rồi hình như chúng nhớ lại. Quận công nói:

- Sao, tất cả chúng nó à?

- Không... không phải cùng một lúc. Thật tôi chỉ thấy chúng cùng đi ra khỏi phòng chỉ một lần thôi.

- Lúc nào thế?

- Hôm cử hành tang lễ ấy. Vào buổi sáng. Lúc ấy hơi trễ rồi, vì tôi dậy muộn. Tôi vừa xuống cầu thang thì thấy chúng.

- Cứ nói đi. Thế rồi chúng làm gì? Hành động chúng như thế nào?

- Chúng chẳng làm gì cả. Hành động của chúng cũng chẳng gì khác lạ, theo như tôi thấy. Chúng nó chỉ rón rén đi ra khỏi phòng thôi. Điều này cũng dễ hiểu vì chúng tưởng nhà vua đã dậy rồi nên vào đấy dọn dẹp hay làm việc gì đấy; thế rồi chúng thấy ngài chưa dậy, chúng lên ra ngoài để tránh phiền phức và khỏi phải đánh thức ngài dậy.

- Đúng là một âm mưu rồi. Bọn này ghê gớm thật. - Nhà vua nói.

Cả hai nhìn nhau một cách ngờ ngẩn, buồn bã. Chúng đứng gãi đầu, suy nghĩ chừng một phút, bỗng quận công bật lên tiếng cười ken két và nói:

- Bọn da đen này chơi trò này một cách thật là gọn ghẽ ít ai

sánh kịp. Chúng giả vờ như là chúng đau khổ lắm vì phải rời bỏ nơi này. Tôi, ngài và tất cả mọi người đều tưởng lầm như thế. Đừng cứ tưởng rằng bọn da đen không có tài đóng kịch đâu. Cái lối diễn kịch của chúng làm cho bất cứ ai cũng bị lừa. Theo tôi, chúng là vốn quý đấy. Giá như tôi có vốn liếng và nhà hát, nhất định tôi không cầu gì hơn là có được cái lối dàn cảnh tuyệt vời như thế. Ấy thế mà chúng ta lại bán chúng đi để chỉ đổi lấy được một bài hát nhỏ. Phải, vậy mà ngay đến bây giờ chúng mình cũng chưa được cái hân hạnh hát cái bài ấy nữa chứ. Bài hát ấy đâu rồi? Tôi muốn nói đến cái ngân phiếu ấy mà.

- Còn ở ngân hàng để rồi sẽ lĩnh sau, chứ còn đâu nữa.

- Thôi thế cũng còn may.

Tôi liền rụt rè hỏi:

- Có chuyện gì thế ạ?

Nhà vua quay phắt lại, gắt tôi:

- Không phải việc của mày. Mày cầm cái mồm của mày đi đừng có xen vào. Trong khi còn ở trong cái thị trấn này, mày không được quên điều ấy. Nghe chưa? - Rồi lão quay lại nói với quận công - Chúng mình đành nuốt trôi cái chuyện này, không được nói với ai. Phương châm của chúng mình bây giờ là “Câm như hến”.

Khi bắt đầu đi xuống cầu thang, quận công lại cười khúc khích:

- Bán mau mà ít lãi! Kinh doanh khá quá nhỉ!

Nhà vua quay lại, càu nhàu nói:

- Ta đã cố gắng bán cho mau để được lợi tối đa. Nếu không có lời lãi, bị mất mát nhiều, đến nỗi sạch cả túi, thì đâu chỉ lỗi do ta,

mà chính người cũng chịu trách nhiệm nữa chứ?

- Nếu ngài chịu nghe lời khuyên của tôi thì bây giờ *chúng* vẫn còn ở trong nhà này, mà chúng ta thì đã cao chạy xa bay rồi.

Nhà vua cãi lại, cố tìm mọi cách chống chế cho mình, rồi lão quay lại la rầy tôi đã không đến nói cho lão hay về những hành động của bọn da đen mà tôi đã chứng kiến. Lão bảo rằng có ngu đến mấy tôi cũng có thể đoán bọn chúng dự định làm gì chứ. Sau cùng lão lại quay sang chửi rủa chính lão vì đã không thức dậy trễ và nghỉ ngơi tự nhiên như mọi buổi sáng. Hẳn tự nhủ sẽ không còn dại như thế nữa. Thế là hai tên đổ tội cho nhau và cãi nhau chí chóe. Tôi cảm thấy rất hài lòng vì đã trút tất cả mọi thứ lên đầu bọn da đen mà không làm điều gì có thể gây nguy hại cho chúng cả.

CHƯƠNG 28

DỐI TRÁ KHÔNG CÓ LỢI

 hẳng mấy chốc đã đến giờ phải thức dậy. Tôi xuống cầu thang để đi xuống nhà dưới, nhưng khi đi ngang qua phòng các cô gái nhìn qua cánh cửa mở tôi thấy cô Mary Jane đang ngồi bên chiếc rương gói ghém các thứ đồ đạc để chuẩn bị đi Anh quốc. Nhưng lúc này cô đang ngồi với chiếc áo dài gấp lại trên đùi, hai tay ôm lấy mặt khóc. Tôi cảm thấy thương hại cô quá chừng. Chắc ai trong trường hợp tôi cũng cảm thấy như vậy. Tôi liền đi vào và nói:

- Chị Mary Jane này, chị không thể chịu đựng nhìn thấy sự đau khổ của người khác. Em cũng thường như vậy. Vậy chị nói cho em biết đi.

Cô kể cho tôi nghe tất cả mọi sự. Đó là chuyện mấy người da đen vừa bị bán đi, đúng như tôi dự đoán. Cô nói rằng chuyến đi sang nước Anh của cô sẽ bớt vui đi vì chuyện này. Cô sẽ không bao giờ cảm thấy vui thích được khi nghĩ đến tình cảnh chia ly của mẹ con người da đen mà không có ngày gặp mặt. Đến đây cô bật khóc lên, giơ hay tay lên trời và nói:

- Trời! Nghĩ đến cảnh mẹ con họ không bao giờ thấy mặt nhau nữa mà đau lòng nát ruột!

- Không đâu, họ sẽ gặp lại nhau... chỉ trong vòng hai tuần lễ thôi... em biết mà!

Chết chửa, tôi đã lỡ mồm nói ra, không kịp suy nghĩ. Tôi chưa kịp động dậy gì thì cô Mary đã choàng cánh tay cô lên cổ tôi, và bảo tôi nhắc lại câu vừa nói cho cô nghe, nói lại lần nữa, lần nữa và lần nữa.

Tôi biết tôi đã nói quá đột ngột và nói quá nhiều, và bây giờ đây, tôi đang bị đặt trong một tình trạng khó xử. Tôi yêu cầu cô cho tôi suy nghĩ trong một phút. Cô ngồi đấy, hồi hộp và háo hức chờ đợi, nhưng có vẻ hân hoan, nhẹ nhõm hơn, như một người vừa mới được nhổ xong một cái răng đau. Tôi suy nghĩ thật kĩ, tự nhủ rằng khi người ta nói lên sự thật trong một tình trạng khó xử thì nhiều khi rất nguy hiểm, mặc dầu tôi không có nhiều kinh nghiệm về chuyện này và không biết nghĩ thế có đúng không. Tôi chỉ có cảm tưởng như vậy thôi. Nhưng trong trường hợp này thì tôi tin rằng nói thật thì tốt hơn và an toàn hơn là nói dối. Tôi phải nhớ đến điều này và suy nghĩ lại thêm một lúc nào đó về sau này, bởi vì nó lạ lùng và bất thường thế nào ấy. Cuối cùng, tôi quyết định sẽ thử làm như vậy xem nó ra sao. Tôi sẽ nói thẳng sự thật lần này, mặc dầu nó như là ngồi trên thùng thuốc súng rồi châm ngòi cho nổ để xem mình sẽ đi đến tận đâu. Thế rồi tôi nói:

- Chị Mary Jane này, chị có thể đi đến nơi nào xa thị trấn này một chút để ở lại chừng ba bốn ngày không?

- Có chứ. Đến nhà bác Lothrop. Nhưng tại sao vậy?

- Chị khoan hỏi tại sao đã. Nếu em nói với chị làm sao em biết được những người da đen kia sẽ gặp nhau trong vòng hai tuần lễ, và chứng minh cho chị thấy, thì chị có chịu nghe em đến ở nhà

bác Lothrop không?

- Bốn ngày thôi à? Một năm chị cũng chịu.

- Thế thì được rồi, - tôi nói - em chỉ cần nghe chị nói một lời là đủ... còn hơn là nghe một người khác hôn cả cuốn Kinh Thánh mà thề. - Cô Mary Jane mỉm cười, hơi đỏ mặt. Tôi nói tiếp - Chị cho phép em đóng cửa cài then lại.

Tôi trở lại, ngồi xuống và nói:

- Chị đừng có kêu trời lên nhé, mà chỉ nên ngồi yên lặng và can đảm nghe em nói. Em cần phải nói sự thật, nhưng chị cần phải bình tĩnh mà nghe vì nó không hay đâu, khó có thể chịu đựng được, nhưng không còn có cách nào khác. Những kẻ mà chị gọi là bác ruột đó chẳng phải là bác của chị đâu, mà là hai tên lưu manh, là những kẻ lường gạt chuyên nghiệp. Đó, cái phần tệ hại nhất của sự thật này là chỗ ấy, nếu chị chịu đựng nghe được thì phần còn lại của câu chuyện cũng sẽ tương đối dễ dàng hơn.

Cố nhiên câu nói của tôi đã khiến cho cô Mary giật mình, run lấy bầy. Nhưng lúc bấy giờ tôi như đi vào chỗ nước cạn nên cứ tiếp tục đi tới, mỗi lúc một sôi nổi hơn nữa. Tôi kể cho cô nghe tất cả mọi chuyện, từ lúc chúng tôi gặp chàng thanh niên đại đột đang đi ra bến tàu thủy lần đầu tiên cho đến lúc cô nhảy choàng ôm lấy nhà vua ở trước cổng và lão ta hôn cô đến mười sáu, mười bảy lần. Nghe xong cô Mary vụt đứng dậy, mặt đỏ như gấc, nói:

- Quân khốn nạn! Phải đem hấn ra bôi hắc ín, cắm lông vào người rồi quăng xuống sông. Không được chậm trễ một giây phút nào!

Tôi nói:

- Cố nhiên. Nhưng chị định làm thế trước khi chị đi đến nhà

ông Lothrop hay...

- Ồ, mà sao chị lại nghĩ như thế nhỉ? - Cô lại ngồi xuống - Em tha lỗi cho chị, đừng để ý gì những điều chị vừa nói cả nha em. - Cô vừa nói vừa đặt bàn tay mịn màng của cô lên tay tôi khiến tôi vô cùng xúc động. - Chị không bao giờ có ý nghĩ ấy, chị bị xúc động quá. Bây giờ, em nói tiếp cho chị nghe đi. Chị sẽ không làm như thế nữa đâu. Em bảo chị nên làm thế nào? Em nói thế nào chị cũng nghe.

- Vâng. - Tôi nói tiếp - Hai tên lưu manh ấy tàn nhẫn lắm. Thế nhưng em vẫn cứ phải đi với chúng một thời gian lâu hơn nữa, dù muốn hay không muốn... em không thể nói cho chị biết lí do vì sao. Nếu chị tố cáo chúng thì em thoát khỏi nanh vuốt của bọn chúng. Nhưng một người khác sẽ bị lôi thôi to. Chị không biết người này đâu, nhưng em nhất định phải cứu *hắn*. Đó là lẽ dĩ nhiên rồi. Vì thế, chúng ta sẽ không tố cáo chúng.

Trong khi tôi nói những câu này thì một ý kiến mới nảy ra trong đầu óc tôi. Nếu hai tên lưu manh này bị tù thì tôi và Jim sẽ thoát khỏi tay bọn chúng, sau đó chúng tôi sẽ rời đi nơi khác. Nhưng tôi lại không muốn cho bè đi giữa ban ngày mà không có ai trả lời hộ những câu hỏi về Jim, ngoài một mình tôi ra. Vì vậy, tôi không muốn khởi sự kế hoạch trước khuya đêm nay. Tôi nói:

- Chị Mary này, em sẽ bàn với chị một kế hoạch để làm sao chị khỏi phải ở lại nhà ông Lothrop quá lâu. Nhà ông ấy có xa đây lắm không, chị?

- Không đến bốn dặm... ngay ở vùng quê, ở phía sau nơi này.

- Thế thì được rồi. Bây giờ chị đến đây, giữ tuyệt đối im lặng và kín đáo ở đây cho đến chín giờ rưỡi đêm nay, sau đó chị nói với

họ rằng chị có việc và yêu cầu họ đưa chị về nhà. Nếu chị về đây trước mười một giờ đêm, chị thắp một ngọn nến ở cửa sổ này. Nếu em không đến, chị chờ cho đến mười một giờ. Nếu lúc ấy em cũng không có mặt như vậy tức là em đã đi xa, an toàn rồi. Sau đó, chị tung cái tin này ra và yêu cầu người ta bắt giam hai tên lưu manh này lại.

- Phải. Chị sẽ làm đúng như vậy.

- Nếu gặp trường hợp em chưa chạy thoát được, và bị tóm chung với bọn hăn thì chị hãy đứng ra nói cho mọi người biết rằng chị đã rõ việc này từ trước, và chị bênh vực em bằng mọi cách.

- Cố nhiên rồi, chị phải bênh vực em hết mình. Họ sẽ không đụng đến một sợi tóc của em đâu.

Trong khi cô nói như vậy, tôi thấy lỗ mũi của cô nở ra, đôi mắt sáng quắc.

- Nếu em đi xa, - tôi nói tiếp - thì cố nhiên em không thể nào có mặt ở đây để chứng minh rằng hai tên lưu manh này không phải là bác của chị, và dù có ở đây chẳng nữa, em cũng không thể làm như vậy được. Em chỉ chửi chúng nó là những tên lừa đảo, những hạng vô công rồi nghề mà thôi, mặc dầu làm như thế cũng có ích lợi phần nào. Nhưng còn có nhiều người khác có thể đưa ra được bằng chứng mạnh mẽ hơn và được mọi người tin hơn là em. Để em cho chị biết họ là ai để chị cho đi tìm. Chị cho em một cây bút chì và một mảnh giấy. Đó... *“Nhà vua không giống ai, ở Bricksville”*... Chị cất mảnh giấy này đi, đừng để mất. Khi nào tòa án cần biết gì về hai tên lưu manh này thì họ chỉ việc gửi giấy đến Bricksville nói cho ở đấy biết là đã bắt được những tên diễn vở

kịch “Nhà vua không giống ai” và yêu cầu gửi một số nhân chứng. Có lẽ cả thị trấn sẽ kéo đến đây trong chớp mắt, chị Mary ạ. Họ sẽ vừa đến vừa “sôi lên sùng sục” ấy.

Tôi nghĩ rằng mọi việc xếp đặt như thế là ổn thỏa rồi. Tôi nói:

- Chị cứ để cho cuộc bán đấu giá tiến hành, chẳng phải lo ngại gì. Không ai có sẵn tiền để trả ngay về các thứ họ mua đâu, vì được thông báo gấp gáp. Phải đợi đến hết ngày hôm sau cuộc bán đấu giá thì bọn lưu manh này mới có tiền, cho nên chúng chưa bỏ đi ngay đâu. Theo kế hoạch của chúng ta thì cuộc bán đấu giá sẽ vô giá trị, bọn lưu manh này sẽ không thu về được xu nhỏ nào. Cũng giống như vụ bán bọn da đen vậy thôi. Hơn nữa, chúng cũng chưa nhận được tiền bán các tên da đen này... Bọn chúng hiện đang ở trong một tình trạng vô cùng bất lợi, chị Mary ạ.

- Được rồi, để chị xuống ăn sáng cái đã, rồi sẽ đi đến nhà bác Lothrop ngay.

- Không được đâu chị Mary ạ, - tôi nói - nhất định không được đâu. Chị nên đi trước buổi ăn sáng.

- Tại sao vậy?

- Thế chị có biết tại sao em lại muốn chị đi đến đấy không?

- Không, chị không nghĩ đến điều ấy... quả thật chị không biết. Thế tại sao vậy?

- Ấy là bởi vì chị không phải là hạng người “chai lì”. Người ta có thể đọc được tất cả ý nghĩ của chị chỉ bằng cách nhìn nét mặt của chị là đủ. Họ chỉ việc ngồi đó nhìn vào mặt chị là có thể đọc rõ như là đọc những nét chữ lớn trong cuốn sách vậy. Em thử hỏi chị làm sao giữ được nét bình tĩnh khi các ông bác “hờ” của chị đến ôm hôn chị vào buổi sáng nào?

- Ồ, không, không được đâu! Vậy thì chị phải đi ngay trước khi ăn sáng. Nhưng còn các em chị thì sao?

- Chị khỏi phải lo. Cứ để cho họ chịu đựng các ông bác hờ này một lúc nữa. Nếu tất cả đều đi thì bọn chúng sẽ nghi ngờ. Em không muốn chị gặp bọn chúng hay bất cứ ai trong thị trấn này, ngay đến các cô em của chị nữa, bởi vì nếu một người láng giềng nào đó đến hỏi chị “Bác chị sáng nay có được mạnh khỏe không?”, thì chắc chắn nét mặt của chị sẽ tiết lộ mọi sự ngay. Thôi, chị đi ngay đi, để em lo đối phó với tất cả mọi người hộ cho. Em sẽ nói với cô Susan rằng chị gửi lời thân mến đến các bác vì chị cần đi vắng ít giờ đồng hồ để nghỉ ngơi, hay thăm viếng một người bạn, rồi sẽ trở về tối nay.

- Thăm một người bạn thì được, chứ chị chẳng có lời thân mến nào gửi đến bọn lưu manh này cả.

- Thôi, thế cũng phải. - Tôi thấy cần nói cho cô Mary biết mình làm như thế chẳng có hại gì, chỉ là việc nhỏ thôi, chẳng gây phiền hà gì cả. Nhiều khi chính những việc con con ấy giúp cho mọi việc trôi chảy trên đời này. Nó sẽ khiến cho cô Mary được thoải mái, mà chẳng tốn kém gì. Sau đó tôi nói - Còn một việc nữa... đó là cái túi vàng.

- Phải, chúng đang giữ túi vàng ấy. Thật chị ngu ngốc quá, lại đưa cái túi vàng cho bọn chúng giữ!

- Không, chị khỏi phải lo. Chúng không giữ túi vàng ấy nữa đâu.

- Vậy thì ai giữ?

- Giá mà em biết được ai giữ thì hay biết mấy. Nhưng em lại không biết. Quả thực, có lúc em đã giữ túi vàng ấy vì chính em đã

lấy trộm để định đưa cho chị. Em biết nơi giấu, nhưng không biết có còn ở đấy nữa không. Em xin lỗi chị, chị Mary ạ. Nhưng thật sự, em đã cố gắng hết sức. Em đã làm việc ấy với những ý nghĩ hết sức lương thiện. Em suýt bị tóm nên gặp được chỗ nào là em chuôi cái túi vàng vào chỗ ấy để mà chạy thoát thân. Nhưng nơi ấy không được tốt lắm.

- Em đừng có tự trách mình như thế... như thế xấu lắm, chị không cho phép em làm như vậy đâu... Em không thể làm khác được. Đâu có phải lỗi tại em. Vậy, em giấu ở chỗ nào?

Tôi không muốn cô Mary phải lo âu, phiền muộn thêm lần nữa, và có lẽ tôi cũng không thể tìm ra được lời lẽ nào khiến cho cô khỏi màng tượng cảnh một xác chết nằm trong hòm với một túi vàng đặt trên bụng. Vì vậy, tôi yên lặng đến một phút, sau đó mới nói:

- Em không muốn nói ra *bằng lời* nơi giấu túi vàng ấy, nếu chị có thể miễn cho em điều ấy. Nhưng em sẽ viết ra giấy để chị đọc trên đường đi đến nhà ông Lothrop, nếu chị muốn. Chị có cho phép em làm như vậy không?

- Có, chị cho phép.

Thế là tôi viết: “Em để túi ấy trong quan tài. Nó vẫn còn ở đấy, lúc chị đến ngồi khóc bên quan tài tối hôm ấy. Em đứng sau cánh cửa và rất thương hại chị lúc bấy giờ”.

Tôi rưng rưng nước mắt khi nhớ lại cảnh tượng cô Mary đang ngồi khóc một mình giữa đêm tối, trong khi những tên lưu manh đang ở trong nhà tìm cách hạ nhục và cướp hết của cải của cô. Khi tôi gấp mảnh giấy đưa cho cô thì tôi cũng thấy những giọt nước mắt long lanh trong mắt cô. Cô cầm lấy tay tôi cô nói:

- Chào em nhé. Chị sẽ làm đúng như lời em dặn. Nếu không được gặp lại em nữa, chị cũng sẽ không bao giờ quên em, sẽ nghĩ đến em luôn và cầu nguyện cho em nữa. - Nói xong cô bước đi ngay.

Cầu nguyện cho tôi! Nếu hiểu được tôi, có lẽ cô Mary sẽ biết rằng cô phải đảm đương một công việc quá lớn so với tầm vóc của cô. Nhưng tôi chắc chắn rằng cô vẫn cứ làm vì bản chất của cô là thế đó. Cô có thể cầu nguyện cho cả những tên phản Chúa, nếu cô đã có ý định làm như vậy. Cô không chịu lùi bước trước một sự việc gì, tôi chắc thế. Ai muốn nghĩ như thế nào về cô thì tùy, nhưng đối với tôi, cô là một người can đảm hơn bất cứ một cô gái nào mà tôi đã gặp. Tôi cho rằng cô là người nhiều nghị lực và can đảm. Điều này nói ra có vẻ như lời nịnh nọt, nhưng thật ra không phải là lời nịnh hót. Còn nói về sắc đẹp thì... trời ơi!... Cô có thể đánh bại được tất cả mọi người. Tôi chưa hề gặp lại cô từ lúc cô bước ra khỏi căn phòng hôm ấy, không, tôi chưa hề gặp lại cô bao giờ nữa, nhưng tôi vẫn nhớ đến cô hàng triệu, hàng triệu lần, và nhớ đến lời cô nói sẽ cầu nguyện cho tôi. Giá như có lúc nào tôi cảm thấy rằng việc cầu nguyện cho cô sẽ đem đến cho tôi một sự thoải mái nào đó trong tâm hồn thì chắc rằng tôi cũng sẵn sàng cầu nguyện.

Tôi đoán chắc rằng cô Mary đi bằng cửa sau, vì không ai thấy cô đi cả. Khi gặp Susan và cô gái sứt môi, tôi liền nói:

- Những người mà các cô thường đến thăm ở bên kia sông tên là gì nhỉ?

Họ trả lời:

- Nhiều người lắm; nhưng nhiều nhất là gia đình Proctor.

- Đúng tên ấy rồi, - tôi nói - thế mà tôi quên mất. À, cô Mary nhờ tôi nói với các cô rằng cô ấy phải đi đến đây gấp, có người đang bị bệnh.

- Ai vậy?

- Tôi không biết. Có lẽ cô có nói mà tôi quên mất tên rồi. Hình như là...

- Lạy Chúa! Chắc không phải là Hanner!

- Tôi rất tiếc, các cô ạ. Đúng là cái tên ấy đấy.

- Mới tuần qua, chị ấy còn khỏe mạnh mà. Có nặng lắm không?

- Chịu, không thể nói chắc được. Cô Mary bảo họ thức với cô ấy suốt đêm hôm qua và nghĩ rằng cô ấy chỉ còn sống được mấy giờ nữa thôi.

- Trời! Chị ấy bị bệnh gì thế?

Tôi không nghĩ ra ngay lập tức tên của một bệnh nào cho thích hợp, bèn nói liêu:

- Bệnh sưng hàm.

- Bệnh sưng hàm? Trời ơi! Bệnh sưng hàm thì cần gì phải ngồi canh bên cạnh.

- Không cần à? Với loại bệnh sưng hàm này thì chắc chắn phải làm thế rồi. Loại này đặc biệt lắm. Một loại bệnh mới mà. Cô Mary bảo thế.

- Mới như thế nào?

- Mới là vì nó lẫn lộn với nhiều bệnh khác nữa.

- Bệnh khác là những bệnh gì?

- À, bệnh sởi, ho gà, nhiễm trùng da, lại thêm ho lao, hoàng

đản, viêm não nữa, không kể hết được.

- Trời! Thế mà gọi là bệnh sùng hàm à?

- Cô Mary gọi như thế mà!

- Tại sao lại gọi là bệnh sùng hàm kia chứ?

- Bởi vì nó chính là bệnh sùng hàm mà! Nó bắt đầu bằng bệnh sùng hàm nên mới gọi như thế.

- Thật là vô nghĩa lí. Giả thử như có người nào đó vấp ở đầu ngón chân, sau đó uống thuốc độc, ngã xuống giếng, gãy cổ, phọt óc ra, thế rồi có ai hỏi anh ta chết vì bệnh gì thì lại trả lời rằng anh ta chết vì vấp ở đầu ngón chân. Như vậy nghe có được không chứ? Vô lí quá! Thế bệnh ấy có dễ lây không?

- Dễ lây à? Cô nói cái gì lạ vậy? Giả thử như cô đi trong đêm tối rồi giẫm phải một cái bừa. Nếu cô bị mắc chân vào một cái răng bừa thì tất nhiên phải mắc vào các răng khác chứ lì. Mà muốn gỡ cái răng ấy ra thì phải kéo luôn cả cái bừa ấy, có phải thế không? Vậy thì cái bệnh sùng hàm này cũng như là một cái bừa vậy, nhưng không phải là thứ bừa tầm thường đâu nhé. Đụng vào là mắc vô luôn không gỡ ra được.

- Ghê quá nhỉ, - cô sút môi nói - để tôi phải nói với bác Harvey mới được...

- Phải đấy. - Tôi nói - Cố nhiên là tôi phải nói cho ông ấy biết, không được chậm trễ.

- Ủa, tại sao anh lại phải nói?

- Để xem nào. Có lẽ cô gặp ông ta thì tốt hơn. Bác của các cô đang gấp gáp trở về nhà ở bên Anh, phải không nào? Đời nào các ông lại tệ đến nỗi bỏ đi để cho các cô phải đi sang đấy một mình. Các cô biết rõ là các ông ấy sẽ phải chờ các cô. Cho đến bây giờ thì

mọi sự đều tốt đẹp cả. Bác Harvey của các cô là một mục sư, mà một mục sư thì đời nào lại đi đánh lừa nhân viên hãng tàu để cho cô Mary lên tàu? Chắc chắn là ông ta sẽ nói: “Thật đáng tiếc, đành phải tạm gác các công việc của giáo hội để cho mọi thứ tự lo liệu sắp xếp bằng cách nào tốt nhất. Cô cháu của tôi có thể bị lây một thứ bệnh sùng hàm hiểm nghèo. Một thứ bệnh duy nhất nhưng lại pha trộn rất nhiều thứ, cho nên nhiệm vụ của tôi là phải ngồi chờ xem bệnh ấy sẽ phát ra như thế nào mới biết rõ được là con cháu tôi có bị mắc bệnh ấy thật không”. Nhưng chắc không hề gì, tốt hơn hết là cô nói rõ cho bác Harvey biết...

- Chán quá, thế là chúng tôi cứ phải ngồi đây chờ xem chị Mary có bị lây bệnh không, trong khi cũng vào thời gian ấy, chúng tôi có thể tha hồ vui chơi thỏa thích ở bên Anh rồi, có phải như thế không?

- Dẫu sao, các cô cũng nên nói cho một số bà con hàng xóm biết.

- Anh này nói nghe lạ chửa. Thật đại dột hết chỗ nói. Anh tưởng rằng người ta không nói ầm lên cho bàn dân thiên hạ biết à? Tốt hơn hết là không nói cho ai biết hết.

- Cô nói thế có lẽ đúng... vâng... tôi nghĩ như thế cũng phải.

- Nhưng tôi cho rằng cần phải nói cho bác Harvey biết chị Mary đi vắng một lát rồi sẽ trở về, kéo bác ấy lại mong.

- Đúng đấy. Cô Mary cũng muốn nhờ cô nói như vậy. Cô ấy bảo tôi nhờ cô thưa với bác Harvey và bác William rằng: chị Mary gửi đến mỗi bác một cái hôn thăm thiết và cho các bác biết chị Mary qua bên kia sông thăm ông... ông... ông gì nhà giàu ở bên kia sông mà ông Peter vẫn thường nhắc đến đấy nhỉ? Cái ông mà...

- Có phải anh muốn nói gia đình Apthorp không?

- Phải. Cái tên gì mà khó nhớ thế. Tôi cứ quên hoài. Các cô cứ nói rằng cô Mary sang bên ấy để nói với gia đình Apthorp đến tham dự cuộc bán đấu giá, vì cô ấy nghĩ rằng, lúc sinh thời, ông Peter thường chỉ muốn cho gia đình Apthorp mua được căn nhà này thôi. Cô Mary sẽ bám sát gia đình ấy cho đến khi nào họ nhận lời mời mới thôi, sau đó, nếu không mệt, cô ấy sẽ về ngay. Còn nếu mệt thì cô sẽ về nhà sáng hôm sau. Cô Mary cũng căn dặn đừng nói gì về gia đình Proctor cả, mà chỉ nói đến gia đình Apthorp thôi. Điều này thì cũng đúng thôi, vì cô ấy định thuyết phục gia đình Apthorp mua ngôi nhà này thật. Cô Mary bảo với tôi như thế mà.

- Được rồi. - Các cô nói, rồi đi ra để gặp các ông bác và chuyển cho họ cái hôn nồng ấm của cô Mary.

Như thế, mọi việc đều ổn thỏa cả. Các cô gái sẽ không nói gì cả, bởi vì họ đang nóng lòng muốn được sang Anh. Nhà vua và quận công có lẽ không muốn gì hơn là cô Mary đi vận động cho cuộc bán đấu giá, và như vậy sẽ phải xa ông bác sĩ Robinson. Tôi thấy yên tâm, cho rằng tôi đã xếp đặt công chuyện một cách thật là gọn ghẽ. Giá có thằng Tom Sawyer ở đây thì chắc hẳn cũng không làm hơn thế được. Có lẽ hẳn vẽ vờ câu chuyện cho thêm màu mè chút ít nhưng tôi thì không có tài làm như vậy, vì không quen.

Cuộc bán đấu giá được tổ chức ở công viên của thị trấn, và kéo dài lê thê cho mãi đến gần hết buổi chiều mà vẫn chưa chấm dứt. Lão già cũng có mặt ở đấy, đứng trên bục cao bên cạnh người bán đấu giá, nét mặt vô cùng thâm hiểm, thỉnh thoảng lão lại xen vài

câu trong thánh kinh hay nói một vài tiếng hoan nghênh hay tán thành, trong khi ấy thì quận công đi hết chỗ này sang chỗ khác ú ớ ra hiệu để gây cảm tình với mọi người.

Cuộc bán đấu giá đã gần đến chỗ kết thúc, mọi thứ đều đã bán xong chỉ còn lại một lô đất nhỏ không đáng kể ở nghĩa địa. Thế là họ tiếp tục giải quyết cho xong lô đất ấy. Lão già này quả thật là một loại hươu cao cổ chỉ muốn ăn sạch, vét sạch tất cả mọi thứ. Trong khi chúng đang lo giải quyết vấn đề này thì một chiếc tàu thủy vừa cập bến. Chừng vài phút sau, một đám đông dân chúng ào ào kéo đến, cười đùa, la hét om sòm. Họ kêu to:

- Có phe đối lập rồi đây! Lại có thêm một cặp nữa tự nhận là thừa kế của Peter Wilks đây! Các ông bà bỏ tiền vào đây rồi tha hồ mà lựa chọn!

CHƯƠNG 29

TRỐN ĐI GIỮA CƠN DÔNG TỐ

gười ta dắt đến một ông già có vẻ tử tế, sang trọng và một người thứ hai trẻ hơn, cũng ăn mặc tử tế. Cánh tay phải buộc bằng vải treo xéo trước ngực. Mọi người được một phen cười đùa, la hét và cứ tiếp tục như thế mãi không dứt. Quả thật, tôi không thấy có gì đáng khôi hài cả và chắc chắn nhà vua và quận công cũng khó mà nhận thấy có gì đáng buồn cười trước cảnh tượng này. Tôi đoán rằng họ phải tái mặt đi, nhưng thật sự, họ chẳng tái mặt một chút nào cả. Quận công không tỏ vẻ gì nghi ngờ về sự việc sắp sửa xảy ra; hắn cứ nói ú ớ ra chiều sung sướng, hài lòng lắm. Còn nhà vua thì nhìn hai người mới đến với nét mặt rầu rầu, có vẻ như lão ta đau lòng trông thấy trên đời này sao lại có những tên lưu manh, lừa đảo đến như vậy. Hắn đóng kịch quả là giỏi. Nhiều người quan trọng trong thị trấn xúm xung quanh nhà vua để cho lão thấy rằng họ sẵn sàng đứng về phe lão. Ông già vừa mới đến thì trông có vẻ bối rối đến tột độ. Một lát sau, ông mới bắt đầu nói, bằng một giọng đặc người Anh - không phải là lối nói của nhà vua đâu, mặc dầu giọng nói bắt chước của nhà vua nghe cũng đã khá hay rồi. Tôi không thể bắt chước hay nhắc lại nguyên văn câu nói của ông già mới đến này, nhưng đại khái như sau:

- Thật là một điều ngạc nhiên hết sức, tôi không thể ngờ đến. Tôi xin nói một cách thành thật và thẳng thắn, rằng tôi chưa được chuẩn bị để đương đầu với một trường hợp như thế này. Tôi và em tôi đây vừa gặp phải sự không may. Chú ấy vừa mới bị gãy một cánh tay, còn hành lí của chúng tôi thì bị chở lầm đến một thị trấn khác vào tối hôm qua. Tôi chính là Harvey Wilks, anh ruột của Peter Wilks, còn đây là chú em tôi tên là William Wilks. Chú ấy vừa cầm vừa điếc, lại thêm gãy một cánh tay nên không ra dấu gì được. Chúng tôi nói thế nào là đúng như vậy. Chừng vài ngày nữa, hành lí của chúng tôi đến, chúng tôi sẽ chứng minh được điều này. Nhưng từ đây cho đến lúc đó, tôi sẽ không nói gì thêm nữa. Chúng tôi sẽ đi đến khách sạn để chờ đợi.

Nói xong cả hai người đi nơi khác. Nhà vua cười ha hả và nói một cách ngớ ngẩn:

- Hẳn gãy tay hả? Rất có thể, phải không quý vị? - Như thế rất tiện cho một tên lường gạt, vì nếu cầm điếc thì cũng phải biết ra dấu hiệu bằng tay chứ. Lại còn mất hành lí nữa! Cũng là ý kiến hay, mà tài tình nữa... nhất là trong tình trạng như thế này!

Thế là lão cười rộ lên. Mọi người đều cười theo, chỉ trừ ba bốn người hay cũng có thể chừng sáu người. Một người trong số ấy là ông bác sĩ; người thứ hai là một người trông có vẻ khôn ngoan, lanh lợi tay đang cầm một cái va-li làm bằng vải cũ kĩ, cũng vừa mới xuống tàu. Người này đang thì thầm điều gì với ông bác sĩ, thỉnh thoảng lại liếc nhìn nhà vua rồi gật đầu với nhau - đó là Levi Bell, là luật sư vừa mới ở Louisville trở về; người thứ ba là một người to béo vừa mới đến nghe ông già nói chuyện và lúc bấy giờ đang lắng nghe nhà vua. Khi nhà vua vừa nói xong thì người to béo này đứng ra nói:

- Này, ông già kia. Nếu ông nói ông chính là Harvey Wilks thì ông đã đến thị trấn này từ lúc nào?

- Trước hôm tang lễ một ngày, anh bạn ạ. - Nhà vua nói.

- Vào lúc mấy giờ?

- Vào buổi chiều... vào khoảng một hay hai giờ sau khi mặt trời lặn.

- Đến bằng cách nào?

- Bằng chuyến tàu Susan Powell từ Cincinnati.

- Thế thì làm thế nào mà ông có mặt ở bến tàu thủy trên kia sáng hôm ấy... mà lại đi xuống nữa?

- Tôi không ở bến tàu thủy sáng hôm ấy.

- Nói láo!

Nhiều người chòm đến người mới lên tiếng và yêu cầu không được nói hỗn như vậy với một người già và còn là một mục sư nữa.

- Mục sư à? Treo cổ hắn lên. Hắn là một tên lừa đảo, dối trá. Hắn ở trên bến tàu sáng hôm ấy. Tôi sinh sống ở đấy mà không biết được hay sao? Lúc bấy giờ tôi đứng ở đấy, và hắn cũng có mặt ở đấy. Chính mắt tôi thấy mà. Hắn đến đây bằng xuồng, đi cùng với thằng Tim Collins và một thằng bé khác nữa.

Ông bác sĩ tiến tới hỏi:

- Nếu bây giờ bác thấy thằng bé ấy, bác có nhận được ra hắn không, bác Hines?

- Hắn chứ lì. Nhưng tôi không biết, ơ kìa, hắn đang đứng đằng kia kìa. Tôi nhận ra hắn rõ lắm mà.

Ông ta chỉ ngay tôi. Bác sĩ nói:

- Thừa các bà con hàng xóm, tôi không biết hai người mới đến là thật hay giả, nhưng nếu hai tên này mà không phải là những tên lường gạt thì tôi chỉ là một thằng ngu ngốc, có thể thôi. Tôi nghĩ rằng chúng ta có bốn phận giữ hai tên này lại, không cho chúng ra khỏi đây, cho đến khi nào xét kỹ xong vấn đề này. Đi theo tôi ông Hines. Tất cả mọi người đi theo tôi. Chúng ta sẽ dẫn hai tên này đến khách sạn, để cho chúng tiếp xúc mặt đối mặt với hai người mới đến. Chắc rằng chúng ta sẽ hiểu rõ thêm ít điều trước khi quyết định.

Mọi người có vẻ sôi nổi, giận dữ, ngoại trừ những người thuộc phe ủng hộ nhà vua. Thế rồi tất cả đều đi ra. Lúc bảy giờ mặt trời đã gần lặn. Ông bác sĩ cầm tay tôi, có vẻ khá tử tế, nhưng nhất định không chịu thả ra.

Tất cả chúng tôi đi vào một căn phòng rộng của khách sạn, đốt đèn lên, rồi cho mời hai người mới đến. Thoạt tiên ông bác sĩ nói:

- Tôi không muốn cứng rắn quá với hai người này, nhưng tôi cho rằng chúng là những tên lường gạt và còn có thể có các đồng lõa khác mà chúng ta chưa biết. Nếu chúng có đồng lõa thì chắc rằng chúng đã cao chạy xa bay với túi vàng kia rồi. Có thể như thế lắm. Nếu những tên này không phải là lường gạt thì chắc hẳn chúng sẽ bằng lòng để chúng ta cho người đi lấy túi vàng ấy đem lại đây để chúng ta giữ cho đến khi chúng minh được sự thật... quý vị nghĩ thế nào?

Mọi người đều đồng ý. Tôi nghĩ rằng bọn chúng tôi bị họ đưa vào ngõ bí, ngay từ phút đầu. Nhưng nhà vua tỏ ra vẻ buồn rầu nói với mọi người:

- Thưa quý vị, tôi chỉ mong làm sao có túi vàng ngay bây giờ để đưa cho quý vị giữ, vì tôi không có ý định cản trở bất cứ một cuộc điều tra công khai, công bằng, đầy đủ nào về sự việc đáng tiếc này. Nhưng khổ nỗi túi vàng ấy không còn ở đây nữa. Quý ngài cứ cho người đi tìm thì biết.

- Thế bây giờ túi vàng ấy ở đâu?

- Cháu gái tôi đưa cho tôi giữ hộ. Tôi đã giấu kĩ dưới đệm rơm ở giường tôi nằm, vì tôi chỉ còn ở đây ít ngày nên không muốn bỏ vào ngân hàng làm gì. Chúng tôi nghĩ rằng chiếc giường là nơi giấu an toàn nhất, nhưng chúng tôi vì không quen tiếp xúc với bọn da đen nên cứ tưởng chúng cũng thật thà, ngay thẳng như những tên đầy tớ của chúng tôi ở bên Anh. Không ngờ những tên da đen ấy đã ăn cắp túi vàng ấy ngay buổi sáng hôm sau, khi chúng tôi đã đi xuống dưới nhà rồi. Lúc bán chúng đi, chúng tôi chưa biết mất tiền nên chúng đã ôm túi tiền ấy đi luôn. Tên đầy tớ này của tôi có thể nói rõ cho quý vị nghe điều ấy.

Ông bác sĩ và mọi người nghe xong đều chửi thề một tiếng. Hình như mọi người không ai tin lời lão. Một người trong bọn họ hỏi tôi có thấy những người da đen ăn cắp tiền không. Tôi nói không, nhưng tôi thấy chúng lên ra khỏi phòng rồi hấp tấp chạy đi nơi khác. Tôi chẳng nghi ngờ họ điều gì cả mà chỉ nghĩ rằng họ sợ làm ông chủ tôi thức dậy cho nên họ chạy ra ngoài để khỏi bị la rầy. Họ chỉ hỏi tôi có thể. Sau đó, ông bác sĩ quay lại hỏi thêm:

- Thế mày cũng là người Anh phải không?

Tôi nói “phải”. Thế là ông ta và mọi người cười rộ lên và nói: “Láo!”.

Tiếp theo đó là cuộc thẩm vấn tổng quát. Họ hỏi chúng tôi thật

cặn kẽ, từ đầu chí cuối, giờ này qua giờ khác, không ai nói gì đến bữa cơm tối, hình như không ai nghĩ đến ăn uống gì nữa - họ cứ tiếp tục hỏi vặn vẹo, hỏi đủ mọi thứ nháo nhào chưa từng thấy. Họ buộc nhà vua kể chuyện về lão, và ông già mới đến cũng phải nói về lí lịch của mình. Nghe lời khai của hai người thì một kẻ ngu đần có thành kiến đến đâu chẳng nữa cũng phải nhận thấy rằng ông già mới đến đã nói thật, còn nhà vua thì hoàn toàn nói láo. Sau đó họ cũng bảo tôi khai những gì tôi biết. Nhà vua đưa mắt nhìn tôi một cái, thế là tôi biết rằng tôi phải nói cho phù hợp với lão. Tôi bắt đầu nói về Sheffield, về cuộc sống ở đấy, và về tất cả những người trong gia đình họ Wilks ở bên Anh, vân vân. Tôi chưa nói được bao nhiêu thì ông bác sĩ bỗng phá lên cười. Luật sư Levi Bell liền nói:

- Ngồi xuống đi, bé con. Nếu tao là mày thì tao không tội gì ráng sức quá như thế. Mày không quen nói dối nên không dễ dàng gì đâu. Cần phải tập luyện, con ạ.

Tôi không quan tâm đến lời khen này, mà chỉ thấy mừng là khỏi phải nói thêm nữa.

Ông bác sĩ quay lại phía luật sư Levi nói:

- Giá mà bác chứng kiến ngay từ đầu, bác Levi Bell ạ...

Nhà vua nghe vậy liền xen ngay vào, chìa tay ra nói:

- Thế ra đây là người bạn rất thân của người em đáng thương của tôi. Chú nó vẫn thường viết thư cho tôi nói về ông.

Ông luật sư và nhà vua bắt tay nhau. Ông mỉm cười, có vẻ hài lòng, rồi cả hai nói chuyện với nhau một lát rồi quay sang một bên thì thầm. Cuối cùng luật sư nói to lên:

- Để tôi lo chuyện ấy cho. Tôi sẽ nhận giấy của ông rồi gửi kèm

theo các giấy tờ khác của em ông, sau đó người ta sẽ xét xem có hợp lệ hay không.

Thế là người ta lấy giấy bút ra, nhà vua ngồi xuống, vẹo đầu sang một bên, nhai nhai cái lưỡi, viết nguệch ngoạc gì đó trên tờ giấy. Sau đó, lão lại đưa giấy bút cho quận công.

Lần đầu tiên, tôi thấy quận công có vẻ lo lắng, nhưng hắn vẫn cầm bút viết. Luật sư liền quay sang phía hai người vừa mới đến:

- Ông và em ông hãy viết một vài dòng rồi kí tên vào.

Ông già viết nhưng không ra chữ gì cả. Viên luật sư tỏ vẻ rất ngạc nhiên nói:

- Thế này thì tôi chịu thua rồi! - Ông rút từ trong túi ra một số thư từ cũ, xem xét từng cái rồi so với chữ của ông già, sau đó lại so với chữ của nhà vua và quận công, sau cùng, ông nói - Những thư cũ này là của Harvey Wilks, và đây là chữ của hai người này. Ai cũng có thể nhận ra rằng không phải là chúng đã viết những lá thư này (nhà vua và quận công lúc bấy giờ mới biết bị luật sư cho vào tròng nên trông có vẻ ngẩn ngơ, tên tò), và đây là chữ viết của ông già này. Ai cũng dễ dàng nhận ra rằng đây chẳng phải là chữ viết gì cả, mà chỉ là những nét nguệch ngoạc thôi. Và đây là những lá thư của...

Ông già mới đến nói:

- Xin phép các ông cho tôi giải thích. Không ai đọc được chữ của tôi ngoài chú William ở đây... Chính chú ấy chép lại các thư từ hộ tôi. Thư ông đang cầm là do chú ấy viết, chứ không phải chữ của tôi.

- À ra thế đấy. - Luật sư nói - Tôi cũng có cả thư của William đây. Vậy, ông bảo ông kia viết một vài hàng cho tôi xem để so...

- Chú ấy không viết được bằng tay trái. - Ông già nói - Nếu chú ấy viết được bằng tay phải thì ông sẽ thấy rằng chú ấy viết thư của chú ấy và viết hộ cả cho tôi nữa. Ông cứ xem cả hai cái thư ấy đi, cùng một nét chữ mà.

Luật sư so hai bức thư và nói:

- Có lẽ thế thật. Nếu không hẳn là thế thì hai nét chữ giống nhau nhiều hơn là trước kia tôi vẫn nghĩ. Phải, phải, tôi cứ tưởng là tìm ra được manh mối rồi, rốt cuộc lại gần như không. Nhưng dẫu sao, có một điều đã được chứng minh, trong hai tên này không ai là họ Wilks, anh của Peter cả. - Vừa nói ông vừa lắc cái đầu về phía nhà vua và quận công.

Sao, các bạn nghĩ thế nào? Ấy thế mà lão già bướng bỉnh này nhất định chưa chịu thua. Hẳn vẫn còn ngoan cố, cho rằng cuộc trắc nghiệm này không công bằng. Lão nói rằng em lão là William có tính hay bỡn cợt cho nên hẳn không bao giờ chịu viết cho đúng chữ hẳn cả. Lão biết cứ mỗi lần hẳn cầm bút lên viết trên giấy là một lần hẳn đùa giỡn để trêu người ta cho vui. Thế rồi lão nổi hứng lên nói huyên thuyên cho đến lúc chính lão cũng thật sự tin cả những lời lão nói nữa. Nhưng ông già mới đến ngắt lời lão:

- Tôi vừa nghĩ ra một điều. Không biết vị nào ở đây đã lo tấm liệm chú... à không Peter vừa quá cố không nhỉ?

- Có tôi, - một người đang đứng đó nói - tôi và Ab Turner lo việc ấy. Cả hai chúng tôi đều có mặt ở đây.

Ông già quay về phía nhà vua và nói:

- Có lẽ vị này có thể cho biết trên ngực của Peter có xăm những hình gì không nhỉ?

Một câu nói đột ngột như vậy đòi hỏi nhà vua phải có can đảm trả lời thật nhanh, nếu không thì bị sụp xuống bệ dóm giống như một bờ đất bị nước xói mòn từ bên dưới. Đó là một việc làm có tính toán nhằm đe bệ bất cứ địch thủ nào bằng một cú đánh chắc nịch không báo trước, vì hẳn làm sao mà biết được người kia đã xăm hình như thế nào. Lão già tái mặt một chút, điều đó không thể tránh được. Lúc bấy giờ tất cả đều im lặng. Mọi người vươn người ra phía trước để nhìn nhà vua. Tôi tự nhủ: Thôi phen này nhà vua chắc phải quăng khăn đầu hàng thôi - chẳng còn cách nào khác nữa. Nhưng có thật thế không? Không ai có thể ngờ được là lão vẫn không đầu hàng. Lão vẫn còn tiếp tục làm cho địch thủ phải mệt mỏi, dần mỏng ra rồi yếu dần đi, để cho bọn chúng, nhà vua và quân công, có thể thoát ra rồi chạy trốn. Dầu sao, bây giờ đây lão ngồi yên một lát rồi bỗng nở một nụ cười nói:

- Chà câu hỏi gay go nhỉ. Vâng, thưa ngài, tôi biết trên ngực chú ấy xăm những hình gì chứ. Đó chỉ là một mũi tên rất nhỏ, rất mỏng, màu xanh... như thế đó. Nếu không nhìn thật gần thì không thấy được. Ông bạn bây giờ nghĩ sao? Hả?

Thật tôi chưa bao giờ thấy ai trơ tráo như lão này.

Ông già mới đến quay ngay về phía Ab Turner bạn ông ta, mắt ông sáng lên như cho rằng đã tóm được nhà vua lần này. Ông nói:

- Đó... các ông nghe rõ đấy chứ? Có dấu nào như vậy trên ngực của Peter Wilks không?

Cả hai người đều đồng thanh:

- Chúng tôi chẳng thấy dấu nào như thế cả.

- Tốt lắm! - Ông già nói - Vậy thì chắc các ông có thấy trên

ngực của Peter một chữ P rất nhỏ và mờ, một chữ B (tức là mẫu tự tên của ông ta, đã không dùng đến nửa hồi còn trẻ), và một chữ W, có vạch nối giữa ba chữ ấy, như vậy là P-B-W. - Nói xong ông viết ba chữ ấy trên giấy - Có phải các ông thấy như vậy không?

Cả hai người đều nói:

- Không. Chẳng có dấu nào cả.

Mọi người đều nhón nháo lên.

- Tất cả bọn này đều là lương gạt cả. Nhấn chìm chúng nó xuống nước! Thả chúng nó trôi sông! Cho chúng nó ngồi trên thanh sắt đem đi diễu!

Mọi người đồng thanh hô to lên, gây cảnh ồn ào, náo nhiệt vô cùng. Viên luật sư liền nhảy lên bàn, hét lớn lên:

- Thưa quý vị! Thưa quý vị! Cho phép tôi nói một lời... chỉ một lời thôi. Còn có một cách khác nữa... chúng ta sẽ đào mộ lên để xem cho rõ trắng đen.

Câu nói ấy đúng ý mọi người.

- Hoan hô!

Tất cả đều hô to lên, rồi định đi ngay, nhưng ông bác sĩ và luật sư nói:

- Khoan đã! Khoan đã! Tóm cổ tất cả mấy tên này lại, dẫn chúng nó đi theo luôn.

Tôi kinh hãi quá. Nhưng không còn cách nào trốn thoát. Họ túm lấy chúng tôi, dẫn đi diễu hành đến thẳng nghĩa địa, cách đó chừng một dặm rưỡi phía dưới sông, cả thị trấn đều đi theo sau lưng chúng tôi, vì cảnh ồn ào náo nhiệt và vì lúc ấy chỉ mới chín giờ tối.

Khi đi ngang qua ngôi nhà chúng tôi ở, tôi nghĩ rằng giá tôi không bảo cô Mary đi ra khỏi thị trấn thì bây giờ tôi chỉ nháy mắt một cái là cô ấy có thể đi ra cứu tôi được ngay.

Chúng tôi lúc nhúc đi dọc theo con đường bờ sông giống như những con mèo hoang. Trời tối sầm lại, chớp bắt đầu lóe lên, gió rì rào qua các lùm cây. Khiến cho cảnh tượng càng thêm khiếp đảm. Tôi tự thấy mình đang ở trong một tình trạng rắc rối, nguy hiểm chưa từng thấy. Mọi sự đã diễn ra khác hẳn với những gì tôi đã dự tính, khiến cho đầu óc tôi choáng váng. Thay vì tha hồ có thì giờ rộng rãi để mà chứng kiến tất cả cái trò hề này với cô Mary ở sau lưng để cứu tôi và trả tự do cho tôi lúc tình thế nguy kịch, thì bây giờ đây số phận sống hay chết của tôi được quyết định bởi những cái dấu xăm mình ấy. Nếu họ không thấy những cái dấu ấy thì...

Tôi không dám nghĩ đến điều ấy nữa, nhưng thật ra tôi không thể nghĩ đến chuyện gì khác. Trời mỗi lúc một tối sầm, đó là cơ hội thích hợp để chuồn ra khỏi đám đông. Nhưng người đàn ông to lớn ấy vẫn cứ nắm chặt lấy cổ tay của tôi. - Đó là ông Hines - ai mà có thể vượt ra khỏi được tay của ông khổng lồ Goliath ấy? Ông ta cứ kéo tôi đi xềnh xệch, có vẻ hăng hái lắm, làm tôi phải chạy mới theo kịp.

Đến nơi, mọi người đổ xô đến nghĩa địa, tràn vào như thác lũ. Lúc bấy giờ họ mới thấy rằng họ mang theo xềng cuốc nhiều gấp trăm lần số cần dùng, nhưng chẳng ai nghĩ đến việc đem theo một chiếc đèn nào cả. Nhưng họ vẫn cứ bắt đầu đào dưới ánh sáng của các tia chớp, rồi sai người đi đến nhà gần nhất mượn một cây đèn.

Họ cứ hăm hờ đào, đào mãi. Trời tối mịt, mưa bắt đầu rơi, gió thổi xào xạc, sấm ầm ỹ, chớp lóe nhanh hơn trên bầu trời. Nhưng mọi người đều hăng hái làm việc, như không để ý gì. Chỉ trong một phút, người ta có thể thấy từng khuôn mặt trong đám đông, từng mảng đất được xúc lên tung ra khỏi ngôi mộ, rồi tiếp sau đó, bóng tối bao trùm tất cả, không còn thấy gì nữa.

Cuối cùng, họ đào đến chiếc quan tài, và bắt đầu tháo đinh vít trên nắp. Lúc đó, mọi người đổ xô lại, chen chúc, len vào xem cho rõ. Giữa đêm tối, cảnh tượng ấy thật hãi hùng. Ông Hines nắm chặt cổ tay tôi vừa lôi, vừa kéo, làm tôi đau đớn vô cùng, tưởng chừng như ông ta không biết có tôi trên cõi đời này nữa. Lúc bấy giờ, ông ta thở hổn hển vì quá xúc động.

Bỗng một tia chớp tuôn ra một luồng ánh sáng lóe trắng, tiếp theo có tiếng người kêu to lên:

- Trời đất ơi! Cái túi vàng ngay trên ngực đây này!

Hines rú lên một tiếng, như tất cả mọi người, thả cổ tay tôi ra, xô mọi người ra thật mạnh để nhảy vào xem. Tôi vội vàng ba chân bốn cẳng chuồn ra ngoài đường cái trong đêm tối mà không ai biết.

Trên đường cái chỉ có một mình tôi chạy như bay, như biến - dầu sao thì cũng chỉ có một mình tôi trên đường, ngoài đêm tối dày đặc, những tia chớp thỉnh thoảng lóe lên, tiếng rì rào của cơn mưa, tiếng phàn phật của cơn gió, tiếng chát chúa của sấm sét - chắc chắn là lúc ấy tôi chạy rất nhanh.

Ra đến giữa thị trấn, tôi không thấy bóng dáng một người nào giữa cơn đông tố, nên không phải tìm các ngõ hẻm để mà đi. Tôi cứ khom mình đi giữa đường phố chính. Khi đi đến gần ngôi nhà

chúng tôi đã ở, tôi đưa mắt nhìn thật kĩ. Ở đó, không có một ánh đèn nào, ngôi nhà tối đen như mực. Tôi cảm thấy buồn và thất vọng quá, không hiểu vì sao. Nhưng vừa đi ngang qua ngôi nhà thì một ánh đèn lóe lên ở cửa sổ cô Mary. Trái tim tôi bỗng căng lên như sắp sửa nổ tung. Rồi chỉ một giây đồng hồ sau đó, toàn thể ngôi nhà và tất cả mọi cảnh vật đều lui trở về phía sau tôi trong bóng tối để không bao giờ còn trông thấy lại nữa. Cô Mary thật là một cô gái tốt bụng nhất trên đời, mà lại có nghị lực nữa.

Khi đã ra khỏi thị trấn đủ xa để có thể đi tới cồn cát, tôi bắt đầu tìm quanh quất ở đâu đó một chiếc xuồng để mượn. Một tia chớp lóe lên cho thấy rõ một chiếc xuồng không buộc xích để ở gần đó. Chiếc xuồng ấy chỉ buộc bằng một sợi dây thừng, nên tôi vớ ngay lấy và chèo ra phía cồn cát. Cồn cát này cũng khá xa, ngay giữa dòng sông, nhưng tôi không chịu để phí giây phút nào. Khi chèo đến chiếc bè thì tôi đã kiệt sức. Tôi chỉ muốn nằm soài ngay ra để thở, nếu có thể được. Nhưng tôi không làm thế. Tôi liền nhảy lên bè, gọi to lên:

- Ra đi, Jim, thả bè ngay! Thật là may hết sức, chúng mình thoát khỏi tay bọn chúng rồi.

Jim bước ra khỏi chòi, dang hai cánh ra định ôm lấy tôi, vì hẳn mừng rỡ quá. Nhưng khi tôi vừa thoáng trông thấy hẳn dưới ánh chớp sáng thì tôi hét lên một tiếng vì quá sợ hãi rồi lăn tòm xuống sông. Quả thực, lúc bấy giờ tôi đã quên hẳn đang đóng vai vua Lear và một tên Ả-rập chết trôi cho nên tôi mới bị một phen sợ hết hồn hết vía đến như vậy. Nhưng Jim vớt tôi lên, rồi ôm chầm lấy tôi, mừng rỡ rít. Hẳn rất sung sướng thấy tôi trở về an toàn và chúng tôi đã thoát khỏi tay nhà vua và quận công. Nhưng tôi nói:

- Khoan đã! Chờ đến lúc ăn sáng cái đã. Bây giờ phải tháo bè

ra cho nó xuôi ngay!

Chỉ hai giây đồng hồ sau, bè chúng tôi đã trôi xuống dòng sông. Thật là sung sướng, một lần nữa lại được sống tự do một mình trên sông rộng, không ai phiền nhiễu. Tôi phải đứng dậy, nhảy nhót vui mừng một lúc, không cách nào cưỡng lại được. Nhưng vừa nhảy được vài ba cái thì bỗng tôi nghe một tiếng động rất quen thuộc. Tôi nín thở, lắng nghe và chờ đợi. Một tia chớp vừa lóe lên trên mặt nước. Kia! Chúng đến đây rồi. Chúng đang đẩy mạnh mái chèo khiến cho chiếc xuồng phát lên những tiếng động đều đều! Đó là nhà vua và quận công!

Tôi ngã quỵ xuống những tấm ván trên bè, hoàn toàn chịu bó tay. Tôi chỉ có thể làm như vậy để khỏi bật lên tiếng khóc.

CHƯƠNG 30

CHÍNH TÚI VÀNG ĐÃ CỨU SỐNG HAI TÊN TRỘM



ừa lên bè, nhà vua liền đi tìm tôi, nắm lấy cổ áo và nói:
- Mày định bỏ rơi chúng tao hả, chó con? Chán làm bạn với chúng tao rồi phải không?

Tôi nói:

- Tâu hoàng thượng, không ạ. Xin hoàng thượng đừng làm thế.
- Nói nhanh lên. Mày định giở cái trò gì, hả? Nói đi, không thì tao lột xác mày ra bây giờ.
- Để tôi nói tất cả mọi sự cho hoàng thượng nghe. Người canh giữ tôi đó rất tốt với tôi. Ông ta bảo ông cũng có một đứa con bằng tuổi tôi mới chết năm ngoái, nên ông thương hại tôi đang gặp phải hoàn cảnh hết sức nguy hiểm. Cho nên, khi mọi người bắt thành lính tìm thấy vàng rồi đổ xô lại xem thì ông ấy thả tôi ra và nói thầm với tôi: “Chạy ngay đi, không thì bị treo cổ đấy!”. Thế là tôi chạy đi. Tôi có ở lại cũng chẳng ích lợi gì... tôi chẳng làm được chuyện gì mà còn có thể bị treo cổ nữa. Thế là tôi cứ chạy miết cho đến khi tìm ra được một chiếc xuồng. Khi đến đây, tôi bảo Jim phải đi ngay, nếu không thì tôi chắc bị bắt và bị treo cổ. Tôi nói tôi cũng lo ngại cho ông và quận công, chắc không thể sống sót được vào lúc này. Tôi rất thương hại cho hai ông, và Jim cũng

vậy. Thế cho nên thấy các ông về là chúng tôi mừng. Hỏi Jim lại mà xem.

Jim nói rằng đúng như vậy. Nhà vua liền bảo hấn cầm mồm đi, rồi nói: “Cũng có thể như thế lắm!”. Lão cầm lấy tay tôi lắc thật mạnh, rồi dọa nhấn chìm tôi xuống nước. Nhưng quận công nói:

- Thả thằng bé ra! Đồ ngu xuẩn. Tôi hỏi ông có thể làm cách nào khác được không? Thế khi vừa thoát ra, ông có hỏi han tin tức gì về hấn không đã? Hình như là không thì phải.

Thế là nhà vua thả tôi ra, rồi bắt đầu nguyên rửa cả thị trấn lẫn mọi người ở đó. Nhưng quận công nói:

- Ông nên tự nguyên rửa mình thì hơn, vì chính ông mới là kẻ đáng nguyên rửa nhất. Từ đầu chí cuối ông chả làm được chuyện gì ra hồn, chỉ trừ cái chuyện bày đặt ra một cách thần nhiên, trắng trợn, cái mũi tên xanh tưởng tượng ấy. Chỉ có cái ấy là xuất sắc... kể ra thì cũng hay đấy. Chính nó giúp cho chúng mình thoát chết. Nếu không có cái vụ mũi tên xanh ấy thì chúng đã giam mình lại chờ đến khi hành lí của các người Anh ấy gửi đến... sau đó, chắc chắn là tù một gông. Nhưng mà cái mưu mẹo ấy đã buộc họ phải đưa ra nghĩa địa, thế là cái túi vàng lại cứu chúng ta còn mạnh hơn thế nữa. Vì nếu bọn khùng ấy không quá sôi nổi vì túi vàng để rồi buông chúng mình ra chạy ừa đến xem thì có lẽ đêm nay chúng mình đã phải đeo cà vạt nằm ngủ rồi, cà vạt dùng để treo ở cổ mà... và sẽ ngủ lâu hơn là cần thiết đấy.

Hai tên ngồi yên lặng một chút để suy nghĩ. Rồi nhà vua nói một cách lơ đãng:

- Thế mà mình tưởng rằng bọn da đen đã ăn cắp!

Tôi giật mình đánh thót một cái.

- Phải, - quận công nói chậm rãi cố ý nhấn mạnh từng chữ một cách chua chát - *chúng mình* tưởng thế đấy.

Sau đó chừng nửa phút, nhà vua lè nhè:

- Ít nhất tôi cũng có nghĩ như thế.

Quận công nói tiếp cùng với một giọng y hệt như vậy:

- Trái lại lúc bấy giờ tôi *tưởng* như thế.

Nhà vua có vẻ bực tức:

- Này, Bilgewater, anh nói anh “tưởng như thế” là ý thế nào?

Quận công đáp lại rất nhanh:

- Về cái chuyện ấy thì có lẽ ông nên để tôi hỏi ông là ông có ý gì thì đúng hơn.

- Mẹ kiếp! - Nhà vua nói có vẻ rất chua chát - Tôi cũng chẳng biết nữa... có lẽ lúc bấy giờ anh đang ngái ngủ nên anh không biết đang làm gì đấy thôi.

Quận công liền chồm dậy:

- Này, ông hãy bỏ cái lối nói ngu xuẩn ấy đi. Ông cho tôi là thằng ngu à? Ông tưởng rằng tôi không biết đứa nào giấu cái túi tiền ấy hay sao?

- Cố nhiên là anh biết, bởi vì chính anh lấy chứ còn ai nữa?

- Nói láo!

Quận công nhảy xổ đến nhà vua. Lão này la to lên:

- Bỏ tay ra... Đừng có bóp cổ tôi. Tôi xin rút lại lời nói lúc nãy.

- Được rồi, ông thú nhận đi, rằng chính ông đã giấu cái túi vàng ấy để rồi một ngày nào đó ông sẽ bỏ rơi tôi, rồi trở lại đào số vàng ấy lên tha hồ tiêu pha một mình.

- Cho tôi một phút đã, thưa ngài quận công. Trả lời cho tôi một câu thôi, mà trả lời hết sức thành thật và ngay thẳng. Nếu ông không để túi tiền vào chỗ ấy thì ông hãy nói đi. Tôi sẽ tin và rút lại những điều tôi vừa nói.

- Lão già vô lại kia, ta không làm chuyện ấy, chính ông cũng biết rõ như thế mà. Thôi, bây giờ đến lượt ông nói đi.

- Thôi được. Thế thì tôi tin ông. Nhưng mà ông trả lời cho tôi thêm một câu nữa... đừng có nổi khùng lên nhé. Thế ông có ý định lấy món tiền ấy đem giấu không?

Quận công im lặng một lát rồi nói:

- Tôi không cần biết tôi có ý định hay không có ý định ấy. Dầu sao thì tôi cũng không lấy mà. Còn ông thì không những có ý định mà lại còn thực hiện ý định ấy nữa.

- Nếu tôi có lấy thì tôi cầu mong làm sao cho đừng bao giờ phải chết cả, quận công ạ, tôi nói thành thật đấy. Tôi không nói rằng tôi không có chuẩn bị đánh cắp cái túi tiền ấy, vì thực sự tôi cũng có sắp sửa làm thế thật, nhưng mà ông, à, kẻ nào đó đã nâng tay trên.

- Lão! Chính ông đã ăn cắp. Ông phải nói là ông đã ăn cắp, nếu không...

Nhà vua lấp bắp một hồi rồi thở hắt hắt nói:

- Thôi được... Tôi thú nhận đấy.

Tôi rất sung sướng khi nghe nhà vua nói như vậy, cảm thấy trong lòng nhẹ nhõm hơn trước rất nhiều. Quận công bèn thả tay ra nói:

- Nếu ông mà còn chối nữa tôi sẽ nhấn chìm ông xuống sông.

Ông cứ ngồi đấy mà khóc như đứa con nít đi, như thế mới hợp với những hành động của ông vừa qua. Thật tôi chưa hề thấy một lão già nào mà tham lam, muốn nuốt chửng tất cả mọi thứ như ông. Từ trước đến nay tôi vẫn tin ông, xem ông như là bố đẻ tôi vậy. Thế mà ông không biết thẹn, cứ đứng trơ trơ để nghe người ta đổ tội lên đầu lũ da đen khốn khổ, mà chẳng nói hộ cho chúng nó. Tôi thật quá nhẹ dạ mà tin vào những ý kiến nhảm nhí của ông. Bây giờ nghĩ lại mới thấy thật là lỗ bịch. Bây giờ mới hiểu tại sao ông lại cứ muốn tôi bù vào số tiền thiếu... Thì ra ông muốn lấy tất cả số tiền tôi kiếm được nhờ vở kịch “Nhà vua không giống ai” và các thứ khác nữa, để rồi sau đó vớ tất cả luôn một lúc chứ gì.

Nhà vua rụt rè, sục sục nói:

- Nhưng, quận công này. Chính ông đã đưa ra cái ý kiến bù lỗ ấy chứ có phải tôi đâu?

- Câm đi! Tôi không muốn nghe ông nói một lời nào nữa. Bây giờ ông thấy rõ kết quả như thế nào rồi đấy chứ? Họ lấy lại được số tiền của họ, thêm cả vốn liếng của chúng ta nữa. Mình chỉ còn được một hai đồng tiền lẻ. Thôi đi ngủ đi, từ nay trở đi đừng có lôi tôi ra mà bù lỗ, bù lãi gì nữa đấy nhé.

Thế là nhà vua chui tọt vào trong chòi, lấy chai rượu của lão ra uống để tự an ủi, chẳng bao lâu sau đó, quận công cũng vớ lấy chai rượu của hắn ra uống. Chỉ nửa giờ sau, cả hai đều thân mật với nhau trở lại như hai tên trộm. Càng say chúng lại càng thân mật với nhau hơn, cuối cùng cả hai ôm nhau ngáy khò khò. Chúng say sưa bí tỉ, nhưng tôi nhận thấy rằng nhà vua không quá say để quên rằng lão không có quyền được chối cãi là lão không giấu túi vàng. Điều này làm cho tôi cảm thấy hài lòng, nhẹ nhõm, cố nhiên, sau khi cả hai tên ấy đã ngủ say rồi, tôi và Jim vẫn còn

ngồi nói chuyện thật lâu với nhau. Tôi kể lại cho Jim nghe tất cả mọi chuyện.

CHƯƠNG 31

KHÔNG THỂ CẦU NGUYỆN CHO ĐIỀU DỐI TRÁ

 Trong nhiều ngày kế tiếp đó, chúng tôi không dám dừng lại ở bất cứ thị trấn nào, mà cứ phải tiếp tục đi dọc theo dòng sông. Chúng tôi bây giờ đã xuống miền Nam, nơi có khí hậu ẩm áp và rất xa nhà. Cây cối ở đây đều phủ một loại rêu, gọi là rêu Tây Ban Nha, lơ lửng trên các cành cây, trông giống như những chòm râu bạc. Lần đầu tiên tôi thấy loại rêu ấy. Nó làm cho khu rừng trở nên trang nghiêm, âm đạm. Bây giờ hai tên lưu manh cho rằng chúng đã thoát hiểm, nên lại bắt đầu bàn với nhau quấy phá các làng xóm một lần nữa.

Thoạt tiên, chúng tổ chức một cuộc nói chuyện về nạn nghiện rượu, nhưng rồi chúng chẳng kiếm được bao nhiêu tiền để mua rượu uống. Chúng lại đến một làng khác, mở trường khiêu vũ, nhưng chúng chẳng nhảy giỏi gì hơn một con kăng-gu-ru, ngay hôm đầu tiên dân chúng đổ xô đến buộc chúng phải “nhảy” ra khỏi thị trấn. Một lần khác, chúng tổ chức một buổi diễn thuyết, nhưng chưa diễn thuyết được bao lâu thì khán giả đã đứng dậy chửi rửa om sòm, khiến chúng phải chuồn đi chỗ khác. Sau đó, chúng lại giảng đạo, làm thôi miên, coi bói, mỗi thứ một ít. Nhưng hình như chúng không được may mắn cho lắm. Cuối cùng, chúng cạn sạch túi, nằm thườn ra trên bè, mặc cho nó trôi

đi, để trầm tư suy nghĩ, không nói với nhau một lời nào suốt cả buổi, trông có vẻ buồn rầu, thất vọng lắm.

Sau cùng chúng chụm đầu lại với nhau trong chòi, nói chuyện rất nhỏ và rất bí mật trong suốt hai ba tiếng đồng hồ. Jim và tôi thấy lo lắng quá, không thích cái thái độ ấy của chúng một chút nào. Chúng tôi đoán chúng đang âm mưu một trò quỷ quái tệ hại nhất chưa từng thấy. Chúng tôi suy nghĩ mãi, cuối cùng đồng ý với nhau rằng chúng đang chuẩn bị ăn trộm một ngôi nhà hay cửa hiệu nào đó, hay là làm bạc giả, đại loại như thế. Cho nên chúng tôi cảm thấy rất sợ hãi và quyết định với nhau rằng chúng tôi sẽ không tham gia một chút nào vào các hành động của chúng, và nếu có cơ hội nào đó, chúng tôi sẽ bỏ rơi chúng để trốn đi nơi khác.

Một buổi sáng sớm nọ, chúng tôi giấu bè ở một nơi kín đáo ở phía dưới một ngôi làng tồi tàn, tên là Pikeswille, chừng hai dặm. Nhà vua lên bờ và dặn chúng tôi phải nấp kín một chỗ trong khi lão xuống phố dò la xem những người ở đây đã nghe nói đến vở kịch “Nhà vua không giống ai” hay chưa. (Tôi tự nhủ: “Lão này đi tìm một nhà nào đó để ăn trộm thì đúng hơn. Khi nào lão ăn trộm xong rồi trở về thì sẽ không thấy Jim, tôi và bè đâu nữa, tha hồ mà vò đầu bứt tai”). Nhà vua nói rằng nếu đến trưa lão chưa về thì quận công và tôi sẽ biết rằng mọi sự đều ổn cả và chúng tôi có thể lên bờ tìm lão được.

Chúng tôi ở yên tại chỗ. Quận công tỏ vẻ bồn chồn, cáu kỉnh. Hẳn mắng mỏ chúng tôi đủ mọi thứ, như là chúng tôi không làm được điều gì vừa ý hẳn cả. Hẳn chỉ trích chúng tôi cả những việc nhỏ nhặt nhất. Chúng đang âm mưu một chuyện gì đây, chắc chắn thế. Đến trưa, nhà vua vẫn chưa về. Tôi rất mừng, vì như

vậy, chúng tôi có thể tạo nên một sự thay đổi nào đó và có cơ may thực hiện được điều ấy. Thế là tôi và quận công lên trên làng để lòng nhà vua. Một lát sau, chúng tôi gặp lão ở phòng phía sau của một căn nhà thấp nhỏ tồi tàn, xung quanh là một lũ du đãng đang dọa dẫm trêu chọc. Nhà vua say bí tỉ, dường như bước không nổi nữa, đang nguyên rửa, hăm dọa, nhưng không làm gì chúng được. Quận công bèn mắng nhiếc nhà vua một hồi, nhà vua cũng chửi rửa lại. Trong khi hai người đang bận cãi cọ nhau, tôi lén ra ngoài, chạy ba chân bốn cẳng xuống con đường bên bờ sông, vì tôi cho rằng đây là một cơ hội rất tốt để chúng tôi bỏ rơi bọn chúng. Tôi nghĩ rằng còn lâu nữa chúng mới gặp lại được tôi và Jim. Tôi ra đến sông, hầu như không còn thở được nữa: nhưng trong lòng tràn đầy sung sướng. Tôi gọi to lên:

- Thả bè đi, Jim. Chúng mình thoát rồi.

Nhưng không có tiếng trả lời. Không có bóng dáng người nào đi ra khỏi chòi. Jim đã biến mất rồi! Tôi gọi to một lần nữa - rồi một lần nữa - một lần nữa, sau đó tôi chạy đôn chạy đáo khắp khu rừng, vừa đi vừa hú vừa gào thét. Nhưng vô ích. Jim đã đi mất rồi. Tôi ngồi xuống khóc, không tài nào ngăn được. Nhưng tôi không thể ngồi yên mãi một chỗ. Tôi chạy ra ngoài đường cái, cố nghĩ ra cách nào tốt nhất để tìm ra cho được Jim. Bỗng tôi gặp một đứa bé đang đi tới. Tôi liền hỏi hắn có gặp một người da đen lạ mặt, mặc quần áo như thế, như thế hay không. Thằng bé nói:

- Có.

- Ở đâu? - Tôi hỏi.

- Ở nhà ông Silas Phelps. Cách đây hai dặm ở phía dưới kia. Thằng da đen ấy bỏ trốn nên người ta bắt nó. Có phải cậu cũng

đang tìm nó không?

- Cố nhiên. Tớ gặp hăn trong rừng, mới cách đây một hai giờ. Thế rồi hăn bảo nếu tớ kêu thì hăn moi gan tớ ra. Hăn bắt tớ ngồi tại chỗ, không được đi đâu. Từ lúc ấy, tớ cứ phải ngồi yên như thế, sợ không dám đi ra ngoài.

- Thôi bây giờ thì cậu không còn phải lo nữa. Người ta bắt được hăn rồi. Nghe đâu hăn bỏ trốn từ vùng dưới xa kia của miền Nam, không rõ nơi nào.

- May mà người ta tóm được hăn.

- Tất nhiên rồi. Nghe đâu người ta treo giải đến hai trăm đô la, nếu bắt được hăn. Thật là ngon xơi.

- Phải... giá tớ lớn hơn một chút nữa, tớ đã bắt được hăn rồi. Tớ thấy hăn trước tiên mà, ai tóm được hăn thế?

- Một ông già lạ mặt nào đó. Nhưng ông ta bán hăn lại với giá bốn mươi đô la, bởi vì ông ta phải đi lên mạn trên sông, không chờ đợi linh thưởng được. Thế có lạ không? Giá như trường hợp tớ thì dù chờ đến bảy năm để linh thưởng thì tớ cũng vẫn cứ chờ.

- Chắc chắn tớ cũng thế, - tôi nói - nhưng nếu lão già ấy bán rẻ như thế thì chắc có gì không ngay thẳng trong đó. Chắc rằng tiền thưởng không hơn số tiền ấy bao nhiêu đâu.

-Ồ, chuyện ấy rõ ràng như ban ngày mà. Tớ thấy tận mắt bản thông cáo mà. Bản ấy tả đúng thẳng da đen ấy không sai một ly... Lại có cả hình vẽ trông như bức tranh vậy... và nói rằng nó chạy trốn khỏi đồn điền nào, từ New... Orleans mà. Không đâu, cậu ơi, chẳng có rắc rối gì trong việc mua bán này cả. À mà cậu có chút thuốc lá nào cho tớ một miếng.

Tôi không có thuốc lá, nên hăn rời tôi ngay sau đó. Tôi trở về

bè, chui vào trong chòi, ngồi suy nghĩ. Nhưng tôi không tìm ra được giải pháp nào cả. Nghĩ đến nát óc mà tôi chẳng tìm được cách nào thoát khỏi cơn rắc rối này. Sau một hành trình dài như thế, sau bao nhiêu những cố gắng giúp cho hai tên khốn nạn này, thế mà bây giờ không đi đến đâu cả, tất cả đều bị đổ vỡ, hủy hoại, chỉ bởi vì những tên ấy đã nhẫn tâm giờ trò lường gạt như thế với Jim, khiến cho hắn một lần nữa phải làm nô lệ suốt đời, giữa những kẻ xa lạ, tất cả chỉ vì bốn mươi đồng đô la bẩn thỉu.

Có lúc tôi đã nghĩ rằng, nếu Jim phải làm nô lệ thì thà rằng hắn làm nô lệ ngay ở nhà, bên cạnh gia đình hắn, còn tốt hơn là làm nô lệ ở nơi xa lạ gấp nghìn lần. Nghĩ vậy, tôi định viết thư cho Tom Sawyer để nhờ hắn nói cho cô Watson biết Jim đang ở đây. Nhưng tôi bỏ ngay ý định ấy vì hai lí do. Thứ nhất là vì tôi sợ rằng cô Watson sẽ chán ghét và giận dữ vì Jim đã vong ân bội nghĩa bỏ cô để trốn đi, và như thế cô ấy sẽ bán nó đi một lần nữa. Dù không bán nó đi nữa thì mọi người sẽ khinh bỉ một tên da đen bạc bẽo và Jim sẽ luôn luôn bị mặc cảm là mình xấu xa và bị sỉ nhục; thứ hai, tôi nghĩ đến bản thân tôi. Rồi người ta sẽ bàn tán xa gần rằng thằng Huck Finn đã giúp đỡ cho một tên da đen đi tìm tự do. Như vậy, nếu tôi có gặp ai ở thị trấn ấy, tôi cũng cảm thấy xấu hổ đến độ phải quỳ xuống mà liếm gót giày cho người ta. Thường là như vậy đó. Khi người ta làm một điều gì xấu xa, thì người ta không muốn gánh lấy hậu quả. Trái lại, nếu có thể giấu kín chuyện thì chẳng có gì nhục nhã cả. Hoàn cảnh khó khăn của tôi lúc bấy giờ là như vậy đó. Càng nghĩ đến nó bao nhiêu, tôi lại càng thấy lương tâm tôi giày vò, càng cảm thấy mình xấu xa, tội tệ quá. Cuối cùng, tôi chợt có cảm giác như có bàn tay của Thượng đế đập vào mặt tôi và cho tôi biết rằng mọi hành vi xấu

xa của tôi đều có cặp mắt trên trời cao luôn luôn nhòm ngó. Chính tôi đã đánh cắp một tên nô lệ da đen của một bà già đáng thương, trong khi bà ta không làm điều gì thiệt hại cho tôi cả. Bây giờ đây Thượng đế đang chỉ cho tôi rằng có đáng tối cao luôn luôn theo dõi và chỉ cho phép hành động xấu xa của tôi đi đến mức ấy mà thôi chứ không được tiếp tục lâu hơn nữa. Tôi tưởng chừng như muốn ngã gục tại chỗ vì quá khiếp hãi. Tôi cố sức tự an ủi, cho rằng tôi đã được nuôi dưỡng từ bé trong sự xấu xa, cho nên tội lỗi của tôi không đến nỗi nặng nề cho lắm, nhưng một cái gì đó bên trong tôi vẫn cứ tiếp tục nhắc nhở: “Đáng lẽ mày phải theo học lớp truyền giáo ngày chủ nhật, như vậy mày mới hiểu rõ được rằng những kẻ nào có hành động như mày với tên nô lệ da đen ấy thì bị đày xuống hỏa ngục vĩnh viễn”.

Tôi rùng mình kinh hãi, và định bụng cầu nguyện để trở thành một đứa trẻ tốt hơn, không còn xấu xa như bây giờ nữa. Thế là tôi quỳ xuống. Nhưng tôi không thốt ra được một lời nào. Tại sao thế nhỉ? Thì ra không thể nào tìm cách dối Chúa và dối cả bản thân tôi được! Làm như thế là vô ích. Tôi biết tại sao tôi không nói ra được một lời nào cả. Ấy là bởi vì tâm hồn tôi bất chính, không ngay thẳng, tôi muốn chơi trò nước đôi, tôi giả vờ như muốn từ bỏ tội lỗi, nhưng trong thâm tâm tôi vẫn muốn bám vào một thứ tội lỗi lớn lao nhất, tôi muốn buộc miệng tôi phải nói là tôi sẽ cải tà quy chính, là sẽ viết thư bảo người chủ của tên nô lệ ấy biết hắn đang ở đâu, nhưng trong thâm tâm tôi biết rõ rằng đó là một lời dối trá. Thượng đế biết tất cả những thứ ấy mà. Thế cho nên, đừng có cầu nguyện cho một điều dối trá. Bây giờ tôi mới biết rõ điều ấy.

Tôi băn khoăn quá chừng, nhưng không biết làm thế nào.

Cuối cùng, tôi nảy ra được một ý. Tôi sẽ viết thư để xem sau đó tôi có cầu nguyện được hay không. Thật là kì diệu, ý nghĩ ấy khiến cho tôi cảm thấy nhẹ nhõm như lông hồng, mọi sự lo lắng dường như biến mất. Tôi bèn lấy giấy và bút chì ra, sung sướng và hăm hở ngồi xuống viết:

Cô Watson, tên da đen bỏ trốn của cô hiện đang ở đây, dưới Pikesville chừng hai dặm. Ông Phelps đã bắt được hắn và sẽ trả lại cho cô để lĩnh thưởng, nếu cô gửi giấy đến.

Huck Finn

Tôi cảm thấy dễ chịu, như đã gột sạch khỏi tội lỗi. Cảm giác sung sướng ấy lần đầu tiên đến với tôi trong đời, cho nên tôi chắc là lần này tôi thế nào cũng cầu nguyện được. Nhưng tôi chưa vội làm như vậy. Tôi đặt tờ giấy xuống, bắt đầu suy nghĩ. Tôi thấy mọi sự đã diễn ra tốt đẹp ngay vào lúc tôi đang tuyệt vọng, sắp sửa rơi xuống hỏa ngục. Thế rồi tôi tiếp tục suy nghĩ. Tôi nghĩ đến cuộc hành trình của tôi và Jim dọc theo dòng sông, tôi thấy Jim lúc nào cũng ở bên tôi ngày cũng như đêm, dưới ánh trăng, giữa cơn bão táp, chúng tôi thả bè trôi theo dòng nước, nói chuyện ca hát, cười đùa với nhau. Nhưng tôi không thể tìm ra được một chi tiết nào, một trường hợp nào có thể làm cho tôi ghét Jim được, mà trái lại là đáng khác. Tôi thấy hắn đứng canh gác thay cho tôi, mặc dầu đã hết phiên của hắn, thay vì đánh thức tôi dậy, để cho tôi được yên giấc. Tôi thấy hắn mừng rỡ điên cuồng khi tôi trở về lúc gặp sương mù, khi tôi gặp lại hắn ở chỗ đầm lầy, nơi xảy ra vụ hận thù giữa hai bên gia đình Grangerford và Shepherdson, và còn nhiều trường hợp khác tương tự như thế nữa. Hắn lúc nào cũng chiều chuộng tôi, nói với tôi bằng những lời lẽ âu yếm, giúp đỡ tôi trong tất cả mọi công việc, nói chung lúc

nào hẳn cũng tốt đối với tôi cả. Cuối cùng, tôi nhớ đến lúc tôi bịa đặt chuyện có người bị bệnh đầu mùa trên bè để cứu Jim, sau đó hẳn tỏ ra rất biết ơn tôi và nói rằng tôi là người bạn tốt nhất của hẳn trên đời này, và là người bạn duy nhất của hẳn bây giờ. Đến đó, tôi chợt nhìn thấy mảnh giấy tôi vừa viết.

Thật là khó xử. Tôi cầm mảnh giấy lên trong tay. Người tôi run lên bần bật vì tôi biết đã đến lúc tôi phải quyết định lựa chọn một lần nữa và mãi mãi giữa hai điều. Tôi nín thở suy nghĩ một lúc rồi cuối cùng tôi tự nhủ: “Thôi được rồi. Tôi sẵn sàng xuống hỏa ngục.” Thế rồi tôi xé toạc tờ giấy.

Thật là những ý tưởng và những lời lẽ ghê gớm quá, nhưng tôi đã nói rồi thì thôi. Tôi sẽ vẫn giữ nguyên lời nói ấy và nhất định không bao giờ nghĩ đến việc sửa đổi. Tôi rũ sạch tất cả mọi chuyện ra khỏi đầu óc tôi và nói rằng tôi sẽ hành động xấu xa như trước, bởi vì đó là đường lối của tôi, đó là cách tôi đã được nuôi dưỡng, chứ không phải là cách kia hay đường lối kia. Và để bắt đầu, tôi phải ra tay hành động ngay để đánh cắp Jim, giúp hẳn thoát khỏi ách nô lệ. Còn nếu tôi nghĩ ra được cách nào xấu xa hơn thế nữa thì tôi vẫn cứ làm, bởi vì khi đã bắt đầu làm như thế thì sẽ cứ làm mãi và làm cho đến cùng.

Tôi bèn nghĩ đến kế hoạch thực hiện và suy đi tính lại nhiều cách khác nhau, cuối cùng tôi quyết định lựa chọn một kế hoạch mà tôi cho là thích hợp nhất. Sau đó, tôi xác định vị trí của một hòn đảo có cây rậm rạp ở phía dưới dòng sông để làm mốc, rồi sau khi trời vừa tối, tôi đưa bè ra hòn đảo ấy và giấu ở đấy. Tôi lên hòn đảo ngủ và ở đấy thâu đêm. Sáng hôm sau, tôi thức dậy ăn sáng, mặc quần áo mua ở cửa tiệm vào người, gói thêm một vài thứ cần dùng đem theo, rồi lên xuồng đi vào bờ. Tôi ghé vào một

nơi mà tôi nghĩ gần nhà ông Phelps rồi giấu gói đồ đạc của tôi trong bụi cây. Sau đó tôi chất đầy đá và nước trong xuồng, nhấn chìm nó xuống nước ở một chỗ cách xưởng cửa máy chừng một phần tư dặm, như vậy tôi có thể dễ dàng tìm ra chiếc xuồng để sử dụng khi nào cần đến.

Xong xuôi tôi đi lên đường cái, khi ngang qua nhà máy cửa, tôi thấy một tấm biển “Trại cửa Phelps”. Tiến thêm chừng hai ba trăm bước nữa, thì đến dãy nhà của một nông trại. Tôi để ý canh chừng xem có ai ở đấy không, nhưng chẳng có một bóng dáng người nào, mặc dù lúc ấy trời đã sáng hẳn rồi. Nhưng không hề gì, vì tôi chưa cần gặp ai vào lúc này. Tôi chỉ muốn dò xét địa thế mà thôi. Theo dự kiến tôi sẽ xuất hiện ở nơi này làm ra vẻ như từ thị trấn đi tới đó, chứ không phải từ phía dưới lên. Tôi chỉ đưa mắt nhìn qua một lượt rồi đi thẳng đến thị trấn. Người đầu tiên mà tôi thấy có mặt là quận công. Hắn đang dán quảng cáo cho vở kịch “Nhà vua không giống ai” diễn hai ba đêm liền - giống như lần trước. Những tên lưu manh này quả thật là ngang ngược! Tôi chưa kịp tránh thì đã chạm trán hắn. Hắn nhìn tôi có vẻ ngạc nhiên và hỏi:

- Chào bé con, mày đi từ đâu đến đấy? - Rồi hắn hỏi, nửa vui mừng, nửa lo ngại. - Chiếc bè đâu?... Mày để nó vào nơi an toàn rồi chứ?

Tôi nói:

- Chính tôi muốn hỏi ngài câu ấy đấy.

Quận công có vẻ không được vui, nói:

- Mày hỏi tao câu ấy là ý thế nào?

- Có gì đâu. - Tôi nói - Hôm qua, khi thấy nhà vua ở cái căn

nhà tôi tàn ấy thì tôi nghĩ rằng còn lâu ông ấy mới tỉnh, không thể đưa về bè ngay được. Thế rồi tôi đi lang thang tiêu khiển thì giờ để chờ đợi. Lúc bấy giờ có một người đi đến đưa cho tôi mười xu, bảo tôi đưa xuống cho ông ta qua sông rồi trở về để đi bắt một con cừu đi lạc. Tôi theo ông ta. Nhưng khi kéo được con cừu về xuống thì người ấy đưa sợi dây cho tôi nắm còn ông ta thì đẩy con cừu ở phía sau. Nhưng con cừu này khỏe quá nên nó tuột khỏi tay tôi rồi chạy luôn. Chúng tôi không có chó nên đuổi theo con cừu khắp cả vùng quê cho đến khi nó mệt nhoài mới bắt được. Lúc bấy giờ thì đã tối rồi. Tôi trở về bè thì không thấy bè đâu nữa. Tôi tự nhủ: “Chắc họ gặp lỗi thôi nên bỏ đi rồi, mang theo cả thằng da đen, tài sản duy nhất của tôi. Bây giờ đây tôi phải sống ở một nơi xa lạ, không có tài sản, không có cách nào để sinh sống. Thế là tôi ngồi đấy khóc. Tôi ngủ trong rừng suốt đêm. Ông nói cho tôi biết đi, chiếc bè ở đâu rồi? Chuyện gì đã xảy ra cho thằng Jim đáng thương của tôi?”

- Làm gì mà biết được?... Làm sao mà biết chiếc bè hiện ở đâu? Lão già điên khùng ấy đã thực hiện một cuộc mua bán và kiếm chác được bốn mươi đô la. Đến khi tao gặp lão thì thấy lão đang đánh bạc với một lũ du đang bằng lối tung đồng tiền để đoán mặt sấp mặt ngửa. Bọn này làm cho lão thua sạch số bốn mươi đô la kiếm được, chỉ trừ số tiền lão đã tiêu để uống Whisky. Đến khi tao trở về vào lúc khuya thì thấy bè biến mất rồi. Bọn tao đoán chắc mày đã ăn cắp chiếc bè của chúng tao, bỏ rơi chúng tao và đông mất rồi.

- Nhưng tôi đâu có bỏ rơi tên da đen duy nhất của tôi. Nó là tài sản duy nhất của tôi mà.

- Chúng tao không bao giờ nghĩ thế. Sự thật, chúng tao coi nó

như tài sản của chúng tao. Thật thế đấy. Chúng tao đã khó nhọc biết bao vì nó. Thế cho nên, mất thêm chiếc bè nữa là chúng tao coi như khuynh gia bại sản, đành phải thử diễn lại vở kịch “Nhà vua không giống ai” một lần nữa xem sao. Từ lúc ấy đến giờ tao phải làm việc cật lực, không có một giọt rượu nào vào cổ họng. Thế mười xu mà mày vừa kiếm được đâu? Đưa cho tao.

Tôi còn khá nhiều tiền nên đưa luôn cho hăn mười xu, nhưng bảo hăn mua thứ gì để ăn rồi cho tôi lại một ít vì đó là tất cả số tiền mà tôi có, và từ hôm qua đến giờ tôi chưa được ăn miếng nào. Hăn không nói gì. Một lát sau hăn quay lại hỏi tôi:

- Mày có nghĩ rằng thằng da đen ấy sẽ tố cáo chúng tao không? Chúng tao sẽ lộ da hăn nếu hăn làm như thế.

- Làm sao mà hăn tố cáo được. Hăn chẳng bỏ trốn rồi hay sao?

- Không. Lão già ấy đã bán hăn đi rồi, nhưng chẳng chia cho tao đồng nào cả. Số tiền ấy cũng hết sạch rồi.

- Bán nó đi rồi à? - Tôi hỏi rồi òa lên khóc - Hăn là tên da đen của tôi. Đó là tiền của tôi mà. Bây giờ hăn ở đâu rồi? Tôi phải tìm nó cho ra.

- Mày không tìm lại được nó nữa đâu. Thôi đừng có khóc nữa. Nghe tao bảo này... mày có ý định tố cáo chúng tao không đấy? Tao không thể nào tin mày được.

Tôi nín khóc, nhìn thấy mắt quận công sao mà dữ tợn đến thế. Sau đó tôi lại thút thít nói:

- Tôi chả muốn tố cáo ai cả. Không có thì giờ làm việc ấy. Tôi phải đi tìm ngay Jim cho ra.

Quận công có vẻ bối rối. Hăn vẫn đứng đấy suy nghĩ, trán hăn nhăn lại, trên cánh tay hăn mấy tờ quảng cáo bay phàn phật.

Cuối cùng hắn nói:

- Tao nói cho mày biết điều này nhé. Chúng tao còn ở đây ba ngày nữa. Nếu mày hứa với tao mày không đi tố cáo, không để cho tên da đen tố cáo bọn tao, thì tao sẽ chỉ cho mày biết hắn đang ở đâu.

Tôi hứa với hắn. Hắn nói:

- Có một chủ trại tên là Silas Ph... - Đến đấy hắn ngừng lại. Rồi hắn sắp sửa cho tôi biết sự thật, nhưng rồi hắn lại thay đổi ý định. Hắn chưa tin hắn tôi. Hắn đang tìm cách cho tôi đi khỏi nơi này trong ba ngày liền. Vì vậy, một lát sau, hắn nói:

- Người mua thằng Jim tên là Abram Foster. Abram Foster... ở cách đây bốn mươi dặm trong vùng quê, trên đường đi Lafayette.

- Được rồi, - tôi nói - tôi sẽ đi đến đấy trong ba ngày. Tôi đi ngay trưa hôm nay.

- Không, mày nên đi ngay bây giờ. Đừng có làm mất thì giờ, cũng đừng nên nói chuyện với bất cứ ai. Mày cứ giữ kín miệng lại mà đi, như thế thì không rắc rối gì cả, nghe không?

Đó là một cái lệnh mà ngay tôi cũng đang cần, và cũng đang lợi dụng nó cho kế hoạch riêng của tôi. Tôi muốn được tự do để thực hiện kế hoạch ấy.

- Thôi đi ngay đi, - hắn nói - mày tha hồ nói với ông Foster bất cứ cái gì mày muốn. Mày có thể làm cho ông ấy tin rằng thằng Jim là tên nô lệ của mày... có nhiều đứa ngu đần chẳng đòi hỏi xem giấy tờ gì đâu... tao vẫn thường nghe nói ở miền Nam có những hạng người như thế đấy. Mày cứ nói với ông ta rằng các giấy yết thị về tên da đen bỏ trốn là đồ giả và chỉ là một cái kế để đưa nó đi đường mà thôi thì họ sẽ tin mày ngay đó. Thôi mày đi

đi. Nói với họ bất cứ điều gì mà muốn, nhưng từ đây đến đó, cấm mà mở miệng nói ra một lời nào.

Thế là tôi lên đường đi về phía miền quê, như hăn đã chỉ. Tôi không nhìn chung quanh, nhưng vẫn có cảm giác rằng hăn đang theo dõi tôi. Nhưng tôi đã biết cách làm cho hăn mệt mỏi rồi phải bỏ cuộc. Tôi cứ đi thẳng về phía vùng quê chừng một dặm rồi tôi dừng lại, sau đó quay trở lại, đi xuyên qua khu rừng, trở về phía nhà ông Phelps. Tôi dự định khởi sự ngay kế hoạch, không chậm trễ, vì tôi muốn ngăn không cho Jim tố cáo bọn này, cho đến khi nào chúng đi hăn nơi khác đã. Tôi không muốn có sự lôi thôi với bọn chúng. Tôi đã biết bọn chúng quá đủ, nên bây giờ tôi không còn muốn dính dáng gì với chúng nữa.

CHƯƠNG 32

TÔI CÓ THÊM MỘT TÊN MỚI

hi tôi đi đến đây thì tất cả đều yên tĩnh, giống như ngày chủ nhật. Trời vừa nóng lại vừa nắng. Mọi người đều đã ra đồng làm việc. Chỉ có tiếng vo ve của đàn ruồi bọ trong không khí, nghe thật là cô quạnh. Tôi có cảm giác như mọi người ở đây đều đã chết cả rồi. Một cơn gió nhẹ thổi qua làm lay động các lá cây, khiến cho cảnh vật càng thêm vẻ thê lương. Người ta có cảm tưởng như nghe tiếng than vãn của các oan hồn, oan hồn của những kẻ đã chết từ nhiều năm rồi, và bây giờ đây, hình như họ đang bàn tán với nhau về mình. Nói chung trước quang cảnh ấy dường như người ta chỉ muốn chết đi để buông xuôi tất cả mọi thứ trên đời này.

Đồn điền của ông Phelps là một loại đồn điền nhỏ, lợi tức không được bao nhiêu, rất giống với các đồn điền trồng bông khác: cũng có một bức hàng rào xung quanh một khu vườn rộng chừng hai mẫu; một chỗ ra vào làm bằng những khúc gỗ dựng đứng lên thành từng bậc thang, giống như những chiếc thùng có chiều dài khác nhau, dùng để trèo qua hàng rào hay để cho các bà đứng lên đó rồi trèo lên yên ngựa; một vài đám cỏ trông tàn tạ trong sân rộng, nhưng phần lớn sân này đều nhẵn thín và trống trải giống như một cái mũ cũ mà lớp lông đã bị trụi gần hết; một

chiếc nhà gỗ song lập to lớn dành cho người da trắng ở làm bằng thân cây đẽo với các khe hở được trát bằng bùn hay bằng vữa đã được quét vôi trắng tự lúc nào; một nhà bếp bằng thân cây tròn với một dãy hành lang rộng và trống trải có lợp mái nối liền nhà bếp với ngôi nhà chính; một căn nhà nhỏ dùng để hun khói các thứ thịt, cá, ở phía sau nhà bếp; một cái chòi nhỏ đứng riêng một mình sát với hàng rào, và một số nhà phụ khác cách đó một khoảng ở phía bên kia; một chiếc thùng đựng tro than và một cái ấm lớn để đun xà phòng đặt bên cạnh căn chòi; một chiếc ghế dài bên cạnh cửa bếp với cái xô và quả bầu đựng nước; một con chó đang nằm sưởi nắng, và một số khác đang ngủ đây đó; vài ba ngọn cây tỏa bóng râm ở phía xa trong một góc vườn; một ít bụi cây phúc-bồn-tử mọc bên hàng rào; ra khỏi hàng rào là một vườn rau và dưa hấu, tiếp đó là cánh đồng trồng bông và xa hơn nữa là rừng.

Tôi đi vòng ra phía sau, trèo qua chỗ ra vào cạnh một chiếc thùng đựng tro than, rồi tiến về phía nhà bếp. Đi được một quãng tôi nghe tiếng rì rào khe khẽ của một chiếc bánh xe quay chỉ, lúc thì nổi lên lúc thì lắng xuống. Tôi biết chắc rằng, lúc bấy giờ, tôi muốn được chết quá, vì tiếng ấy nghe sao mà mà thê lương, cô quạnh đến thế!

Tôi cứ đi tới phía trước, không có một dự kiến gì trong đầu mà hoàn toàn phó mặc cho Thượng đế để tùy cơ ứng đối, vì tôi để ý rằng Thượng đế lúc nào cũng giúp cho tôi tìm ra những lời lẽ thích hợp, nếu tôi cứ phó mặc cho Người.

Tôi đi được nửa chừng thì một con chó, rồi tiếp theo là một con khác, nhảy xổ đến, và cố nhiên là tôi phải đứng yên một chỗ, nhìn thẳng vào chúng. Chúng gây nên sự náo động thật ghê gớm.

Chỉ trong mười lăm giây đồng hồ, tôi giống như một cái trục bánh xe với những cây tăm là đàn chó xung quanh đông đến mười lăm con, đang vươn cổ và mõm về phía tôi mà sủa và hú. Một số khác nữa nhảy qua hàng rào chạy đến từ mọi phía.

Một người đàn bà da đen từ trong bếp chạy ra, tay cầm một cái chày lăn bột, gọi tên các con chó và la lên: “Thôi đừng sủa nữa!”. Bà lựa ra hai con đánh mỗi con một cái, khiến cho chúng rú lên một tiếng rồi bỏ chạy, các con khác đều chạy theo, rồi chỉ một lát sau, nửa số chó ấy quay trở lại, ve vẩy đuôi xung quanh tôi, ra chiều thân thiện. Thật ra, lũ chó này chẳng có gì là dữ dằn cả.

Sau lưng người đàn bà da đen là một đứa con gái và hai đứa con trai da đen, mặc áo bằng vải thô, đang bám vào áo mẹ, ngấp nghé nhìn tôi có vẻ rụt rè, giống như bao nhiêu đứa trẻ da đen khác. Một lát sau, một bà da trắng, tuổi chừng bốn lăm hay năm mươi, để đầu trần, từ trong nhà chạy ra, tay cầm một cái que xe chỉ. Sau lưng bà là mấy đứa trẻ da trắng, cũng hành động giống như bọn trẻ da đen lúc nãy. Bà tươi cười, lộ vẻ mừng rỡ vô cùng và nói:

- Cháu đấy hả. Dì cứ chờ mãi!

Tôi chỉ thốt ra mấy tiếng, không kịp suy nghĩ:

- Thưa bà, vâng ạ.

Bà nắm lấy tay tôi, ôm thật chặt, rồi cầm lấy bàn tay mà lắc, những giọt nước mắt của bà tuôn ra trên má. Rồi có vẻ như ôm và lắc như vậy chưa đủ, bà luôn mồm nói:

- Cháu trông không giống mẹ cháu lắm, như dì vẫn tưởng. Nhưng lạ Chúa, dì đâu có cần chuyện ấy. Dì rất mừng được gặp cháu. Trông thấy cháu dì chỉ muốn cắn một cái cho đỡ nhớ! Các

con, đây là Tom, anh họ của các con đó. Ra chào anh đi.

Nhưng mấy đứa trẻ vẫn rúc đầu sau lưng mẹ chúng, đút ngón tay vào miệng. Bà nói tiếp:

- Lize, dọn ngay bữa ăn sáng cho nóng ra đây, nhanh lên... hay là cháu đã ăn sáng trên tàu thủy rồi hả?

Tôi nói tôi đã ăn trên tàu thủy rồi. Thế là bà dắt tay tôi, đưa vào nhà, kéo lũ trẻ con theo sau. Vào bên trong nhà, bà đặt tôi ngồi xuống một chiếc ghế có đáy thùng, rồi bà ngồi xuống một chiếc ghế thấp khác ngay trước mặt, cầm lấy tay tôi và nói:

- Để dì xem kĩ mặt cháu nào. Bao nhiêu năm nay dì cứ mong, bây giờ mới được gặp. Chú và dì chờ cháu hai ngày nay. Sao chậm thế? Tàu thủy mắc cạn hả?

- Thưa bà, vâng ạ.

- Sao cháu lại thưa bà? Gọi là dì Sally nhé. Thế tàu mắc cạn ở đâu vậy?

Tôi biết trả lời ra làm sao, vì tôi không rõ là tàu đi xuôi hay ngược dòng sông. Nhưng theo bản năng tôi nghĩ tàu đi ngược dòng, từ phía dưới xa vùng Oleans. Nhưng điều này vô ích, vì tôi không biết tên những vùng nước cạn ở mạn dưới ấy. Tôi nghĩ rằng tôi phải bịa ra một nơi nào đó hay là quên tên vùng bị mắc cạn... hay là... Nhưng tôi bỗng nảy ra được một ý kiến và nói:

- Thật ra không phải vì bị mắc cạn nên mới chậm, mà là vì nổ đầu xi-lanh.

- Lạy Chúa, thế có ai bị thương không?

- Không ạ. Chỉ có một tên da đen bị chết thôi.

- Thật là may quá. Có khi người ta bị thương trong trường hợp

như thế đấy. Cách đây hai năm, chú Silas đi từ New Orlean trên chiếc tàu Lally Rook, thế rồi đầu xi-lanh bị nổ làm một người bị què cẳng. Hình như sau đó người ấy chết thì phải. Ông ta thuộc phái Baptist. Chú Silas có quen một gia đình ở Baton Rouge và biết rõ gia đình người ấy lắm. Đúng, dì nhớ ra rồi, sau đó ông ta chết. Vì ông ta bị chứng hoại thư nên người ta phải cưa chân, nhưng vẫn không cứu sống được. Phải, đó là chứng hoại thư. Ông ấy bị xanh tím cả người rồi chết để mong được phục sinh một cách huy hoàng. Người ta nói lúc bấy giờ trông ông ta khiếp đảm lắm. Mấy hôm nay, ngày nào chú Silas cũng đi xuống thị trấn tìm cháu. Ông vừa mới đi lại cách đây một giờ, sẽ trở về bây giờ đấy. Có lẽ ông ấy đã gặp cháu giữa đường mà không biết. Ông ấy già nên hơi lú lẫn.

- Không, cháu không gặp ai hết, dì Sally ạ. Tàu thủy cập bến lúc sáng sớm, nên cháu để hành lí ở bến tàu, rồi đi xung quanh thị trấn và các vùng quê lân cận cho qua thì giờ và để không đến đây quá sớm. Cháu vào đây từ ngõ sau nhà.

- Cháu gửi hành lí cho ai?

- Cháu không gửi ai cả.

- Thế người ta ăn cắp thì sao?

- Cháu giấu ở một chỗ rất kín, không ai lấy được.

- Cháu đến sớm như thế thì làm sao ăn sáng trên tàu được?

Thật là nguy hiểm quá, nhưng tôi nói:

- Ông thuyền trưởng thấy cháu lảng vảng ở đấy nên bảo cháu nên ăn trước khi xuống tàu. Ông ấy đưa cháu đến phòng sĩ quan và cho cháu các thức ăn.

Tôi cảm thấy lo lắng quá nên nghe không rõ nữa. Đầu óc tôi cứ

nghe quanh quẩn đến lũ con nít này. Làm thế nào mà rủ chúng đi ra một nơi, “khai thác” chúng một chút để biết tôi là ai. Nhưng chẳng có dịp nào cả, vì bà Phelps cứ tiếp tục nói chuyện, không nghỉ. Một lát sau, bà hỏi tôi một câu làm cho tôi lạnh cả xương sống:

- Dì cứ nói mãi như thế này làm cho cháu không nói được cho dì biết về dì cháu và mọi người như thế nào. Thôi bây giờ, dì phải tạm ngưng để cho cháu nói đã. Cháu hãy nói tất cả đi cho dì nghe, tất cả mọi chi tiết, ở nhà mọi người có mạnh khỏe không, họ làm những gì, họ có dặn cháu nói lại với dì những chuyện gì không, cháu nói hết mọi thứ mà cháu nhớ được nhé.

Tôi cứng cả họng, hoàn toàn không nói được lời nào. Từ lúc này đến giờ, Thượng đế đã đứng bên cạnh giúp đỡ cho tôi, nhưng ngay lúc này thì tôi đã bị Người bỏ rơi rồi. Không còn cách nào tiến thêm lên bước nữa - tôi đành phải giơ hai tay đầu hàng thôi. Thế là tôi tự nhủ đây lại là một lần nữa, tôi đành liều nói sự thật xem sao. Nhưng tôi vừa mới mở mồm định nói thì dì Sally nắm lấy tay tôi đẩy ra phía sau giường và nói:

- Ông ấy về rồi đây kìa. Cúi thấp đầu xuống cháu, như thế được rồi đó. Không ai thấy cháu đâu. Đừng có để ông ấy biết cháu đang ở đây nhé. Để dì trêu ông ấy cho vui. Lũ trẻ con cấm không được nói đấy, nghe không?

Tôi đang ở trong tình trạng khó xử. Nhưng lo lắng cũng vô ích. Chỉ còn có cách là đứng yên một chỗ để sẵn sàng chịu trận thôi.

Tôi chỉ trông thấy ông già ấy thoáng qua, khi ông bước vào, sau đó bị chiếc giường che khuất. Bà Phelps chồm đến ông ta và hỏi:

- Nó về đến chưa?

- Chưa. - Ông già trả lời.

- Trời! Không biết có chuyện gì xảy ra với nó nhỉ?

- Không biết được, - ông già nói - tôi cũng đang lo lắng.

- Lo à? Tôi thì phát điên lên chứ lị! Đáng lẽ nó phải về đến nhà rồi. Có lẽ ông đã gặp nó giữa đường mà không biết thôi. Tôi biết mà, tôi có linh tính như thế.

- Không thể nào gặp nó giữa đường mà không biết được. Bà cũng phải hiểu như thế chứ.

- Trời! Bà chị thế nào cũng trách mình đây. Thằng bé ấy chắc đến nơi rồi, ông không gặp nó thôi.

- Thôi bà đừng nói thêm làm cho tôi bức mình nữa. Tôi biết làm thế nào bây giờ. Tôi cũng đã nghĩ hết cách rồi. Phải thú nhận rằng tôi cũng ngại lắm đấy. Không còn hi vọng nào hấn đến nữa, vì nếu đến thì tôi đã gặp rồi. Sally này, sợ có chuyện gì xảy ra với chiếc tàu ấy chẳng? Kinh khủng quá!

- Kia, ông. Nhìn lên trên đường kia. Hình như có ai đang đi đến!

Ông chồm đến cửa sổ ở đầu giường, khiến cho bà Phelps có cơ hội thực hiện ý định của bà. Bà cúi xuống chân giường kéo mạnh một cái, lôi tôi ra ngoài. Khi ông Phelps quay lại thì bà đã đứng đấy tươi cười hơn hở, còn tôi thì bẽn lèn đứng bên cạnh, mồ hôi vã ra như tắm. Ông già nhìn tôi trừng trừng hỏi:

- Ai đấy?

- Ông có biết ai đây không?

- Chịu. Ai đấy?

- Thằng Tom Sawyer chứ còn ai nữa!

Trời đất ơi! Tôi muốn chui tọt qua sàn nhà. Nhưng không có thì giờ đối phó nữa. Ông già nắm chặt lấy tay tôi lắc lắc lắc để, trong khi bà Sally nhảy múa xung quanh, cười cười nói nói. Thế rồi họ tuôn ra hàng tràng câu hỏi về Sid, Mary và mọi người khác trong gia đình.

Nhưng nếu họ vui một thì tôi lại còn vui gấp mười. Tôi như được hồi sinh vì bây giờ tôi đã biết tôi là ai rồi. Họ cứ bám riết lấy tôi suốt hai tiếng đồng hồ. Cuối cùng mồm tôi mỏi quá, không còn nói thêm được nữa. Tôi đã kể rất nhiều cho họ nghe về gia đình tôi - tức gia đình của Tom Sawyer - nhiều hơn là những gì đã thực sự xảy ra ở sáu gia đình họ Sawyer. Tôi cũng giải thích về chiếc tàu bị nổ ống xi-lanh ở cửa sông White, khiến cho chiếc tàu phải dừng lại ba ngày để sửa chữa. Câu chuyện này cũng khá trôi chảy và có tác dụng rất tốt, vì họ không cần biết vì sao phải mất ba ngày mới sửa xong cái đầu xi-lanh. Giá như tôi nói là cái đầu đinh ốc thì họ cũng vẫn cứ tin như vậy.

Bây giờ tôi đã thấy khá yên lòng về một mặt, nhưng vẫn chưa yên lòng về một mặt khác. Đóng vai Tom Sawyer thì cũng dễ chịu, nhưng chỉ dễ chịu cho đến một lúc sau đó khi tôi chợt nghe tiếng còi tàu thủy rúc ở phía dưới sông. Tôi tự nhủ, “Ví thử như Tom Sawyer đến đây bằng chuyến tàu ấy thì làm sao nhỉ? Nếu hấn đến đây, gọi ngay tên tôi ra mà tôi chưa kịp nháy cho hấn im mồm đi thì sẽ ra sao?”.

Không thể dễ như vậy được. Tôi phải đi lên đường để đón đường hấn trước. Nghĩ vậy, tôi liền nói với ông bà Phelps rằng tôi phải đi lên thị trấn để lấy hành lí của tôi đem về. Ông già muốn

cùng đi với tôi, nhưng tôi ngăn lại, và nói rằng tôi có thể tự đánh xe lấy được và không muốn làm phiền đến ông.

CHƯƠNG 33

SỰ KẾT THÚC ĐÁNG THƯƠNG CỦA VUA CHÚA

ôi đánh xe ngựa xuống phố, đi được nửa đường thì thấy một chiếc xe khác đang đi tới. Đó là Tom Sawyer không thể làm được. Tôi dừng lại chờ cho chiếc xe kia đi đến gần. Tôi gọi to lên:

- Dừng lại!

Chiếc xe ấy đỗ lại ngang hông xe tôi. Tom há hốc mồm ra một lúc lâu, rồi nuốt nước bọt chừng hai ba lần, như một người đang khô cổ, rồi nói:

- Tao không làm điều gì xấu với mày. Mày biết rõ mà. Sao mày lại trở về dọa nạt tao thế?

- Tao có đi đâu mà trở về?

Nghe tiếng nói của tôi, hắn có vẻ hơi yên tâm một chút, nhưng chưa hoàn hồn hẳn. Hắn nói:

- Thôi đừng có trêu tao nữa. Tao có chọc ghẹo mày đâu. Nói thật đi, có phải mày là ma không?

- Nói thật, tao không phải là ma.

- Như... như vậy thì được rồi, nhưng tao không hiểu chút nào hết. Thế ra mày chưa bị giết hay sao?

- Không... tao chưa bao giờ bị giết cả. Tao đánh lừa họ thôi. Không tin thì mày đến đây sờ vào người tao đi.

Hắn sờ vào người tôi ra vẻ bằng lòng lắm. Hắn mừng rỡ quá, không còn biết làm thế nào nữa, mà chỉ muốn được biết ngay đầu đuôi câu chuyện, vì đó là một cuộc phiêu lưu lớn và bí mật, rất trúng với tim đen của hắn. Nhưng tôi bảo rằng cứ tạm gác chuyện ấy ở đó đã, sẽ nói sau. Tôi liền nói người đánh xe của hắn đứng đợi ở đấy, còn tôi với hắn đánh xe lên một quãng ngắn. Tôi kể cho hắn nghe hoàn cảnh khó khăn của tôi hiện tại và hỏi ý kiến hắn nên xử trí thế nào. Hắn bảo tôi để yên cho hắn một phút, đừng hỏi han gì hết. Sau đó hắn trầm tư suy nghĩ một lát rồi nói:

- Được, tao nghĩ ra rồi. Mày đem cái rương của tao bỏ trong xe mày, cứ giả vờ như đó là rương của mày. Rồi mày đi về nhà, rất chậm, để làm sao mày về đến nhà, đúng thời gian mày phải đi xuống phố và trở về. Còn tao sẽ đi xuống phố một quãng, rồi quay trở lại, và sẽ đến nhà sau mày chừng mười lăm phút hay nửa giờ. Mày không cần phải nhận ra tao ngay lúc ấy.

Tôi nói:

- Khoan đã, chờ một phút. Còn thêm một chuyện này nữa, một chuyện mà chỉ có mình tao biết thôi. Hiện giờ, tao đang tìm cách đánh cắp một tên da đen cho hắn thoát khỏi cảnh làm nô lệ. Tên hắn là Jim, thằng Jim của cô Watson đó.

- Trời! Thằng Jim à! Hắn...

Tom ngừng lại, suy nghĩ. Tôi nói:

- Tao biết mày định nói gì rồi. Mày bảo đó là việc làm tội tệ, nhơ nhớp, chứ gì? Nhưng nếu thật như thế thì đã sao? Tao biết

tao như thế là hèn kém. Nhưng tao sẽ đánh cắp hân và chỉ mong mày giữ kín và coi như không biết. Chịu không?

Mắt hân sáng lên, rồi hân nói:

- Tao sẽ giúp mày đánh cắp thằng da đen ấy.

Tôi rụng rời cả chân tay. Thật là một câu nói lạ lùng hết sức. Tôi có thể nói rằng lòng thán phục của tôi đối với Tom đã sụp đổ sau câu nói ấy. Thật khó mà tin nổi! Thằng Tom đã trở thành một tên ăn cắp nô lệ da đen!

- Thôi đi, mày cứ nói đùa mãi.

- Không, tao có nói đùa đâu.

- Thôi được, - tôi nói - đùa hay không đùa thì tao cũng yêu cầu mày nếu có nghe nói chuyện gì về thằng da đen ấy thì coi như không biết gì về hân, và tao cũng xem như không biết chuyện ấy.

Tôi lấy cái rương của Tom bỏ vào xe tôi. Hân đi theo đường hân, còn tôi thì đánh xe tôi trở về nhà. Nhưng cố nhiên tôi quên hết cả chuyện phải đánh xe thật chậm, vì đang thấy vui sướng trong lòng và suy nghĩ về nhiều thứ. Vì vậy, tôi về đến nhà quá sớm, so với thời gian tôi phải đi khá xa, từ nhà đến thị trấn rồi quay trở về. Ông già đứng chờ ở cửa nói:

- Tuyệt quá! Không ai có thể ngờ một con ngựa cái mà có thể đi nhanh đến như vậy. Giá mà mình tính giờ để ghi tốc độ của nó thì hay quá. Nó lại không đổ một giọt mồ hôi nào, không ướt một sợi lông nữa kia chứ. Thật là tuyệt. Bây giờ thì treo giá một trăm đô la, chú cũng không bán nó. Thật đó. Ấy thế mà có lần chú định bán nó với giá mười lăm đô la thôi, vì cứ tưởng nó chỉ đáng giá đến thế là cùng.

Ông già chỉ nói như vậy. Thật là một người hiền lành, tốt bụng

tôi chưa từng thấy. Thật ra điều này không có gì là lạ cả. Ông vốn là một nông dân, lại kiêm cả chức mục sư nữa. Ông có một ngôi nhà thờ nhỏ, không có lợi tức bao nhiêu phía sau đồn điền. Chính ông đã bỏ tiền ra dựng ngôi nhà thờ ấy, và cả trường học nữa, mà không lấy một xu nhỏ nào về công giảng đạo. Ở miền Nam, có nhiều người nông dân, cũng vừa làm đồn điền vừa làm mục sư như vậy.

Chừng nửa giờ sau, chiếc xe của Tom đỗ ở chỗ ra vào. Dì Sally cũng nhìn thấy qua khung cửa sổ, chỉ cách đó chừng năm mươi thước. Bà nói:

- Kia, có người nào đến. Ai đấy nhỉ? Chắc là người lạ. Jimmy (tên một đứa trẻ), con chạy ra nói với Lize dọn thêm một đĩa ăn nữa nhé.

Mọi người đều chạy ra cửa trước, bởi vì ở nơi này, không phải lúc nào cũng có khách lạ đến thăm, cho nên khi nào có khách thì mọi người đều rất quan tâm, còn quan tâm hơn cả cơn bệnh vàng da nữa. Tom đang trèo qua hàng rào, tiến thẳng về phía nhà trên. Chiếc xe ngựa lại tiếp tục lăn bánh đi về phía thị trấn. Mọi người đứng xúm lại với nhau cửa trước. Tom mặc bộ quần áo đẹp mua ở cửa hiệu và trước mắt hắn là cả một đám khán giả đông đảo. Hắn thường chỉ thích có thế. Trong những trường hợp như vậy, hắn không ngần ngại bịa đặt ra nhiều kiểu cách thích hợp để ứng phó. Hắn không phải là đứa trẻ chịu đi ngang qua sân ấy để đi đến ngôi nhà, bẽn lẽn, rụt rè như một con cừu non, mà trái lại hắn tỏ vẻ bình tĩnh và làm ra vẻ quan trọng, như một con cừu đực. Đến trước mặt chúng tôi, hắn ngả mũ xuống chào một cách duyên dáng, kiểu cách, giống như hắn đang mở một chiếc hộp đựng bướm, nhưng không muốn phá giấc ngủ của chúng. Hắn

nói:

- Tôi xin phép hỏi, đây có phải nhà ông Archibald Nichols không ạ?

- Không phải, cháu ạ. - Ông già nói - Tiếc rằng người đánh xe ngựa đã đánh lừa cháu đó. Nhà ông Nichols xa chừng ba dặm nữa ở phía dưới kia. Cháu vào trong này.

Tom nhìn qua vai về phía sau rồi nói:

- Chậm quá! Xe đi xa rồi.

- Phải, xe đi xa rồi. Cháu vào trong này, ăn cơm với bác rồi bác sẽ đánh xe cho cháu đi đến nhà ông Nichols.

- Ồ, như thế thì phiền bác quá. Thôi, xin bác cho cháu đi ngay. Xa mấy cháu đi bộ cũng được.

- Nhưng bác không thể để cho cháu đi bộ được đâu. Người miền Nam này rất hiếu khách, không thể làm như vậy được. Cháu vào trong này.

- Vào đây cháu, - dì Sally nói - không phiền gì các bác cả, không phiền chút nào hết. Cháu phải ở lại. Đường từ đây đến đó xa những ba dặm mà lại bụi bặm lắm, cháu không đi bộ được đâu. Hơn thế nữa, bác đã bảo người nhà dọn thêm đĩa ăn lúc cháu vừa đến. Cháu đừng làm cho các bác phải buồn lòng. Vào trong này đi. Cháu xem như ở nhà vậy.

Tom cảm ơn họ rất thật lòng bằng điệu bộ rất duyên dáng. Hắn cũng làm ra vẻ như đã bị thuyết phục, hắn vâng lời bước vào trong nhà. Vào đến bên trong, Tom tự giới thiệu là Williams Thompson từ Hicksville, Ohio đến. Hắn lại cúi mình xuống chào một lần nữa.

Thế rồi hắn tiếp tục bịa ra bao nhiêu là chuyện về Hicksville,

về những nhân vật tưởng tượng ở đây, khiến cho tôi phải sốt ruột, không biết lối nói chuyện của hẳn như thế thì làm thế nào mà giúp tôi ra khỏi hoàn cảnh bế tắc hiện tại. Sau cùng, vừa nói chuyện, hẳn vừa vươn cổ ra hôn ngay lên miệng bà Sally một cái, rồi quay lại ngồi chững chạc trên ghế tiếp tục nói chuyện. Bà Sally nhảy cẫng lên, lấy mu bàn tay lau miệng và hét lớn.

- Cái thằng bé con này lão xược thật!

Tom làm ra vẻ như bị xúc phạm.

- Thưa bà, cháu rất ngạc nhiên về chuyện này.

- Cậu ngạc... ngạc... Cậu coi tôi là hạng người nào hả... Cậu hôn tôi là ý thế nào?

Tom ôn tồn, nhã nhặn đáp:

- Thưa bà, chẳng có ý gì cả. Cháu chẳng có ý nghĩ gì xấu cả. Cháu tưởng rằng bà thích thế chứ.

- Cậu là thằng khùng! - Bà vợ lấy cái que xe chỉ, như cố dẫn lại không muốn nện que ấy lên đầu Tom - Tại sao cậu lại nghĩ rằng tôi thích hả?

- Cháu không biết nữa. Cháu chỉ nghe người ta nói với cháu rằng bà thích thế.

- Người ta nói hả? Đứa nào nói với cậu như thế lại là một thằng khùng thứ hai nữa. Tôi chưa bao giờ nghe một chuyện quá quái như thế này. Người ấy là ai?

- Tất cả mọi người. Ai cũng đều nói như vậy cả.

Đến nước này thì bà Sally không còn chịu đựng được nữa. Đôi mắt của bà chớp chớp, ngón tay cựa quậy như muốn cào nát hẳn ra, rồi bà nói:

- Tất cả là những ai, gọi tên chúng ra, nếu không sẽ biết tay tôi.

Hắn đứng dậy, ra vẻ thất vọng, tay mân mê chiếc mũ:

- Cháu xin lỗi. Thật cháu không ngờ sự việc xảy ra như thế này. Mọi người đều nói với cháu phải làm như thế. Họ bảo cháu phải hôn bà, và đều nói rằng bà thích như thế. Tất cả mọi người đều nói thế... không trừ một ai. Nhưng, bây giờ cháu xin lỗi bà và hứa sẽ không làm như thế nữa. Nhất định cháu sẽ không làm như thế nữa.

- Cậu sẽ không làm như thế nữa? Điều ấy là dĩ nhiên rồi!

- Thưa bà nhất định không. Cháu xin lỗi hết sức thành thực. Cháu sẽ không bao giờ hôn bà nữa, trừ phi bà yêu cầu.

- Tôi mà yêu cầu cậu à? Từ thuở cha sinh mẹ đẻ đến giờ, tôi chưa bao giờ nghe ai ăn nói gì lạ lùng như vậy. Tôi nói cho cậu biết. Dù có sống lâu như ông Bành Tổ đi nữa, cậu sẽ chẳng bao giờ nghe tôi yêu cầu như vậy... nhất là đối với những hạng người như cậu.

- Lạ nhỉ! Thật không làm sao hiểu nổi nữa. - Tom nói - Người ta bảo bà thích thế, mà chính mình cũng tưởng như vậy. Nhưng...

Hắn ngừng lại, nhìn chằm chập quanh một vòng như muốn tìm một cái nhìn thông cảm của ai đó. Cuối cùng, hắn nhìn vào mắt ông già Phelps và hỏi:

- Thế bác không nghĩ rằng bác gái thích cháu hôn hay sao?

- À, không. Tôi... tôi không tin có chuyện ấy.

Sau đó, hắn quay lại sang nhìn tôi và nói:

- Tom, có phải chính anh cũng tưởng rằng dì Sally sẽ giơ cả

hai tay ra mà gọi “Cháu Sid Sawyer của dì!” hay sao.

- Trời ơi! - Dì Sally vừa nói vừa nhảy chồm đến - Cái thằng nồm này dám trêu dì như thế à?

Bà sắp sửa ôm lấy Tom mà hôn, nhưng hấn vội xua ra, nói:

- Không được! Dì phải yêu cầu cháu cái đã.

Thế là dì Sally phải vội vàng yêu cầu hấn, ôm hấn hôn đi hôn lại nhiều lần, sau đó đẩy hấn sang cho ông già Phelps. Ông này lại hôn tiếp. Khi mọi người đã yên đầu vào đấy rồi, dì Sally nói:

- Thật chưa bao giờ dì gặp một sự bất ngờ như thế này. Chú và dì chỉ trông đợi cháu Tom đến thôi, ai ngờ lại thêm cả cháu nữa. Bà chị viết thư cho dì nói rằng có Tom đến thôi.

- Thật ra, ngoài Tom ra, không đứa nào trong các cháu được dì cháu dự định cho đi cả. Cháu phải van nài mãi dì cháu mới để cho cháu đi vào phút chót; trong khi xuôi dòng sông, cháu và Tom bàn với nhau rằng Tom sẽ đến đây trước, còn cháu sẽ đi theo sau, rồi vào nhà, giả vờ như là một người khách lạ, như vậy để gây cho dì một sự ngạc nhiên lớn. Nhưng mà cháu đã làm dì ạ. Nơi này chẳng hiểu khách chút nào.

- Không hiểu khách đối với những tên quỷ sứ hỗn xược thôi Sid ạ. Đáng lẽ dì phải vả vào miệng cháu mấy cái mới được. Thật chưa bao giờ dì bực mình đến như thế. Nhưng thôi, bây giờ dì hết bực mình rồi, sẵn sàng chấp nhận mọi điều kiện. Cháu có bày ra hàng nghìn trò giễu cợt như thế nữa, dì cũng sẵn sàng chịu thôi, miễn có cháu ở đây là dì vui rồi. Kể ra cái trò của cháu cũng thành công đấy. Dì nói thật với cháu, chứ lúc cháu hôn dì, dì ngạc nhiên đến bủn rủn tay chân đấy.

Chúng tôi ngồi ăn cơm ở dãy hành lang rộng trống trải giữa

ngôi nhà trên và bếp. Bữa ăn thịnh soạn, khả dĩ đủ cho bảy gia đình ăn chưa hết. Các thức ăn đều nóng hôi hổi nữa: không phải là thứ thịt lèo nhèo, dai nhanh nhách mà người ta thường cất suốt đêm trong tủ thức ăn dưới hầm ẩm thấp để rồi sáng hôm sau có mùi vị như miếng thịt người nguội lạnh cũ kĩ. Chú Silas đọc một bài kinh khá dài để cầu ơn trên ban phước lành cho bữa ăn, nhưng như thế kể cũng xứng đáng. Các thức ăn không vì thế mà nguội lạnh đi một chút nào, như tôi vẫn thường thấy nhiều lần sau những lúc gián đoạn như thế.

Suốt trưa hôm ấy, chúng tôi nói với nhau rất nhiều chuyện. Riêng tôi và Tom lúc nào cũng phải đề cao cảnh giác. Nhưng vô ích, vì họ không nói gì về tên da đen bỏ trốn cả. Chúng tôi rất ngại không dám đề cập xa gần đến chuyện ấy. Nhưng đến bữa cơm tối, một trong các đứa trẻ nói với ông Phelps:

- Bố cho phép con cùng các anh Tom và Sid đi xem kịch được không?

- Không, - ông già trả lời - không chắc đã có trình diễn đâu. Mà dù có chẳng nữa, các con cũng không được đi vì tên da đen bỏ trốn có nói với bố và chú Burton về cuộc trình diễn bịp bợm này rồi. Chú Burton nói sẽ báo cho mọi người đều biết. Như vậy, bây giờ chắc người ta đã đuổi các tên du đảng liều lĩnh này ra khỏi thị trấn rồi.

Thì ra thế đấy. Tôi không còn biết làm cách nào nữa. Đêm hôm ấy, tôi và Tom cùng ngủ trong một phòng và chung một giường. Lúc ăn cơm tối xong, chúng tôi chào mọi người rồi xin phép lên phòng ngủ ngay vì quá mệt mỏi, nhưng lúc đến phòng, chúng tôi liền trèo qua cửa sổ, theo đường dây thu lôi trèo xuống, rồi đi thẳng ra phố. Tôi chắc rằng không có ai nhận cho quận

công và nhà vua biết điều này, nếu tôi không làm gấp, hai tên ấy sẽ gặp nguy to.

Trên đường đi, Tom nói cho tôi biết rằng ở nhà mọi người đều tưởng tôi đã bị giết, còn cha tôi thì đã mất tích sau đó, không trở về nhà nữa; ngoài ra việc thằng Jim bỏ trốn đã gây náo động ghê gớm. Tôi kể cho Tom nghe về hai tên lưu manh trong vở kịch “Nhà vua không giống ai” và tất cả những gì tôi có thể cho Tom biết về cuộc hành trình trên bè, trong khoảng thời gian trò chuyện ngắn ngủi ấy. Khi chúng tôi lên đến giữa phố, lúc bấy giờ vào khoảng tám giờ rưỡi, một toán đông người giận dữ, tay cầm đuốc, đổ xô đến, vừa đi vừa la hét, đập xoong chảo, thổi còi ầm ĩ. Chúng tôi phải nhảy sang một bên để nhường đường cho họ đi. Khi họ đi ngang qua, tôi thấy nhà vua và quận công đang cười trên một thanh sắt. Nghĩa là, tôi nhận ra được đó là nhà vua và quận công, mặc dù họ không có vẻ gì giống như một con người, vì từ đầu đến chân đều bị trét hắc ín và cắm lông lợn chồm. Họ trông giống hệt như hai cái đồ chơi làm bằng lông to lớn, kì quái. Tôi rất đau lòng trước cảnh tượng như vậy, và cảm thấy thương hại cho hai tên lưu manh tội nghiệp này. Hầu như mọi oán giận của tôi đối với chúng đã tiêu tan hết. Cảnh tượng ấy thật là kinh tởm. Tại sao lại có thể có sự tàn nhẫn như vậy giữa con người với con người?

Chúng tôi biết bây giờ đã quá chậm rồi, không còn có thể làm gì được nữa. Tôi hỏi một số người đứng rải rác ở đấy thì họ cho biết rằng tối hôm ấy mọi người đều đi xem diễn kịch làm như không biết có sự gì xảy ra. Họ bí mật ngồi rình đến khi nhà vua già đang nhảy múa nửa chừng trên sân khấu, lúc bấy giờ một người nào đó ra hiệu, tất cả rạp đứng dậy, nhảy xổ đến tóm cả hai

tên.

Chúng tôi chậm rãi bước về nhà, không còn hăm hở như trước nữa, tôi cảm thấy mình xấu xa, hèn kém và đáng trách một phần nào, mặc dầu tôi không dính gì vào vụ này. Nhưng sự thực là như vậy đó. Dù mình làm điều phải hay điều trái, lương tâm của một con người vẫn không nhận thức ra được, nó vẫn cứ cấu xé mình như thường. Giả như tôi có một con chó vàng mà không biết gì nhiều hơn là những gì mà lương tâm của con người vẫn thường làm thì có lẽ tôi đã thuốc cho nó chết đi cho rồi. Lương tâm ấy thường choán nhiều chỗ hơn tất cả những thứ khác trong lòng của mỗi con người, nhưng nó chẳng giúp ích được chút nào. Tom Sawyer cũng đồng ý với tôi về điểm này.

CHƯƠNG 34

CHÚNG TÔI ĐEM NIỀM VUI ĐẾN CHO JIM



Chúng tôi không nói chuyện với nhau nữa và bắt đầu suy nghĩ. Một lát sau Tom nói:

- Này Huck, chúng mình thật ngu quá. Có »«L”wsH5SBaL^i không nghĩ ra. Tao biết thằng Jim hiện

ở đâu rồi.

- ở đâu?

- Trong cái căn chòi bên cạnh thùng chứa than tro ấy. Thế này nhé. Khi chúng mình đang ăn cơm, mày có thấy anh chàng da đen đi vào cái chòi ấy mang theo một sô” thức ăn không?

- Có.

- Thế mày nghĩ hẳn đem thức ăn cho ai?

- Cho chó.

- Trước tao cũng nghĩ thế đó. Nhưng không phải cho chó đâu.

- Tại sao?

- Bởi vì một phần thức ăn ấy là dưa hấu.

- Đúng thế... tao cũng đề ý như vậy. Tao không bao giờ nghĩ đến chuyện chó không ăn dưa hấu cho nên mới không hiểu gì cả. Thế mới biết cùng một lúc người ta có thể thấy và không thấy là

như vậy.

- Anh chàng da đen ấy mở khóa ra rồi mới đi vào, sau đó khóa lại lúc đi ra. Hắn đem chiếc chìa khóa đến cho ông chú lúc mình ăn cơm xong vừa đứng dậy - chính cái chìa khóa ấy, tao chắc thế. Có dưa hấu có nghĩa là có người, mà có khóa tức là có tù nhân. Không lí nào lại có hai tù nhân cùng một lúc ở cái đồn điền bé nhỏ như thế này, mà ở đó toàn là những người tốt bụng, tử tế cả. Vậy thì tên tù nhân ấy chính là thằng Jim. Được rồi. Tao rất mừng tìm ra được điều ấy theo kiểu các nhà thám tử, nghĩa là không bỏ qua những chi tiết có vẻ như tầm thường, vô giá trị. Bây giờ mày cố nặn óc ra tìm một kế hoạch khác. Sau đó chúng mình sẽ chọn ra một cái nào hay nhất.

Một thằng bé mà có đầu óc được như vậy thì thật là tuyệt vời. Nếu tôi có một cái đầu óc như của thằng Tom Sawyer thì chắc chắn tôi không bao giờ chịu đổi để trở thành một quận công, một sĩ quan trên tàu thủy, một tên hề trong gánh xiếc hay bất cứ thứ gì khác. Tôi bắt đầu suy nghĩ về một kế hoạch nào đó, nhưng làm như vậy cho có chuyện thôi chứ tôi đã biết chắc chắn là một kế hoạch đúng đắn sẽ xuất phát từ đâu rồi. Một lát sau, Tom hỏi:

- Mày xong chưa?

- Rồi.

- Thế thì được. Mày cứ nói đi.

- Kế hoạch của tao như thế này, - tôi nói - chúng mình sẽ tìm thằng Jim xem có ở đó không, điều này thì cũng dễ thôi. Thế rồi, tối mai, tao sẽ vớt chiếc xuồng lên rồi đi lấy chiếc bè ở bên kia hòn đảo. Vào lúc trời tối mịt đầu tiên sau đó, mình sẽ ăn cắp chiếc chìa khóa trong túi quần của ông già, sau khi ông ta đi ngủ,

rồi chở thằng Jim trên bè xuôi dòng sông, ngày thì nấp, đêm thì đi, như tao với Jim vẫn làm trước kia. Mà nghĩ thế có được không?

- Được không à? Được hẳn chứ lì, giống như là lũ chuột đánh nhau ấy. Nhưng như thế thì quá đơn giản. Chẳng có cái gì hay ho cả. Một kế hoạch mà chẳng gây rắc rối gì như thế còn có gì gọi là hay được? Nó nhạt nhẽo như nước ốc ấy. Huck ạ, như thế thì sau này người ta có bàn tán gì về chuyện này thì cũng chỉ nói qua loa như là một vụ trộm nhỏ ở hãng làm xà phòng thôi.

Tôi không nói gì, bởi vì tôi đã biết trước là như thế rồi. Điều mà tôi biết chắc chắn hơn cả là khi nào thằng Tom đã đưa ra một kế hoạch thì không còn có gì để mà bàn cãi nữa.

Mà quả thực như thế. Hẳn nói cho tôi nghe kế hoạch của hẳn. Chỉ trong một phút tôi thấy ngay rằng nó đáng giá gấp mười lần kế hoạch của tôi về kiểu cách thực hiện và nếu được đem thi hành, thì kết quả là Jim sẽ tự do giống như theo kế hoạch của tôi, và cũng có thể là tất cả chúng tôi sẽ đều bị chết. Tôi bằng lòng và nói chúng tôi nên lao ngay vào việc thực hiện kế hoạch. Tôi không cần phải mô tả kế hoạch ấy ở đây vì tôi biết rằng nó sẽ không được giữ y nguyên như vậy, mà sẽ có sự sửa đổi trong lúc tiến hành và thêm vào một trò táo bạo mới bất cứ lúc nào có cơ hội. Đó chính là điều mà hẳn đã làm.

Có điều rất chắc chắn là Tom rất nghiêm chỉnh trong việc này, và thực sự đang chuẩn bị giúp vào việc đánh cắp một tên da đen thoát khỏi tình trạng nô lệ. Điều này thực quá mức tưởng tượng của tôi. Tom là một đứa bé đáng hoàng, được giáo dục tốt, có tiếng tăm không thể để cho mất được, mọi người trong gia đình hẳn ở nhà đều có tiếng tăm cả, hẳn thông minh chứ không phải

hạng ngu si đàn độn, hiểu biết chứ không dốt nát, lòng dạ tốt chứ không đê tiện, ấy thế mà bây giờ đây hấn mất cả niềm tự hào, cả lẽ phải và cảm xúc để hạ mình xuống tham gia vào việc làm thấp kém này, mà có thể làm cho bản thân, cho gia đình chịu hổ thẹn trước mặt tất cả mọi người. Tôi thật không làm sao hiểu nổi. Như vậy thật là quá quắt, tôi cần phải nói thẳng cho hấn biết điều đó. Tôi phải tỏ ra là một người bạn chân thật của Tom và làm sao cho hấn từ bỏ công việc này ngay vào lúc này để tự cứu lấy mình. Tôi đã khởi sự nói với hấn như vậy, nhưng hấn bịt miệng tôi và nói:

- Mày chắc cũng nghĩ rằng tao hiểu những việc gì tao làm chứ. Thường thường mày thấy tao có như vậy không?

- Phải.

- Vậy, có phải tao đã nói với mày rằng tao sẽ đánh cắp thẳng Jim không?

- Có!

- Thế thì mày còn nói gì nữa?

Hấn chỉ nói có thế, và tôi cũng chỉ nói được như vậy. Nói thêm cũng chẳng ích lợi gì, bởi vì khi hấn đã nói điều gì là nhất định hấn sẽ làm. Nhưng tôi vẫn không hiểu được vì sao hấn lại muốn nhúng tay vào một việc như thế này. Vì thế, tôi đành phó mặc cho sự việc muốn ra sao thì ra, không còn bận tâm đến nữa. Nếu hấn đã nhất quyết làm như vậy thì tôi cũng đành chịu.

Khi chúng tôi về đến nhà thì trời tối mịt và yên tĩnh. Chúng tôi đi xuống phía căn chòi bên cạnh thùng đựng tro than để quan sát. Chúng tôi đi ngang qua sân để xem đàn chó phản ứng ra sao. Chúng đã quen biết chúng tôi nên cũng chỉ gầm gừ qua loa giống như những giống chó ở thôn quê khi thấy có ai đi qua trong ban

đêm. Khi đến chòi gỗ, chúng tôi quan sát kĩ hai bên hông; ở phía tôi chưa từng biết - về phía bắc - chúng tôi thấy một cái lỗ cửa sổ hình vuông khá cao chỉ có một tấm ván lớn đóng ngang qua đó. Tôi nói với Tom:

- Chỗ này được đấy, Tom ạ. Cái lỗ này khá lớn đủ cho thằng Jim chui qua lọt. Mình chỉ việc nạy tấm ván lên thôi.

Tom nói:

- Như thế thì đơn giản như là “dung dăng dung dẻ, dắt trẻ đi chơi” thôi, và dễ dàng như là trốn học đi chơi vậy. Tao mong rằng chúng mình tìm ra được cách nào phức tạp hơn thế chứ, Huck.

- Thế thì mình cưa tấm gỗ ấy cho nó chui ra, như tao đã làm trước khi bị giết lần trước ấy.

- Như thế nghe còn được hơn, - hăn nói - cũng khá bí mật, rắc rối và hay đấy. Nhưng tao chắc có thể tìm ra một cách nào đó lâu gấp đôi thế. Mình đâu có cần phải vội. Bây giờ cứ đi tìm xung quanh xem thế nào.

Giữa căn chòi và hàng rào, ở phía sau, có một cái mái che làm bằng ván gỗ nối liền với mái của căn chòi, nhưng hẹp - chỉ rộng chừng hai thước thôi. Cửa đi vào đó thì nằm ở phía nam và khóa bằng ống khóa. Tom đi đến chỗ cái ấm nấu xà phòng, lục lọi xung quanh, rồi lấy một cái thanh sắt thường dùng để nạy nắp ấm. Hăn dùng thanh sắt ấy để nạy một trong hai cái khoen sắt ở cửa. Chiếc xích sắt rơi xuống. Chúng tôi mở cửa, đi vào bên trong, rồi đóng lại, quẹt diêm lên soi. Gian nhà phụ này giáp vách với ngăn chòi, nhưng không ăn thông với căn chòi ấy. Bên trong không có sàn gỗ và cũng không có đồ đạc gì ngoài các cuốc chim, xuống, mai và một lưỡi cày gầy. Que diêm vừa tắt thì chúng tôi cũng đi ra

ngoài, đóng cái khoen vào chỗ cũ, rồi khóa cửa lại như trước. Tom rất vui mừng nói:

- Thế là ổn cả rồi. Chúng mình sẽ đào lỗ cho thằng Jim chui ra. Phải mất chừng một tuần lễ.

Sau đó, chúng tôi trở về ngôi nhà, và tôi đi vào bằng cửa sau. Các cửa gỗ đều không buộc lại mà chỉ cần kéo một cái dây chốt bằng da là mở ra được. Nhưng như vậy thì không li kì lắm đối với Tom. Không có cách nào đi vào trong nhà làm cho hắn vừa ý, ngoài cách trèo lên bằng cột thu lôi. Nhưng hắn trèo đến nửa chừng thì lại ngã xuống, thất bại như thế đến chừng ba lần, lần cuối cùng thì suýt vỡ sọ, tưởng như phải bỏ cuộc. Nhưng sau khi nghỉ ngơi một lát để lấy sức, hắn lại thử cầu may một lần nữa, và lần này thì hắn thành công.

Sáng hôm sau, lúc trời vừa sáng, chúng tôi thức dậy, đi xuống phía nhà ở của người da đen để vuốt ve lũ chó và làm quen với người da đen vẫn thường đem cơm đến cho Jim - nếu quả thực chính thằng Jim đang ở đó. Những người da đen vừa ăn sáng xong, sắp sửa ra đồng, còn người da đen phục vụ cho Jim thì đang chõng bánh mì, thịt và các thức ăn trong một cái xoong thiếc. Khi mọi người đã ra đồng rồi thì chiếc chìa khóa được đem từ trên nhà xuống.

Người da đen này có một bộ mặt đôn hậu, khờ khạo, tóc hắn được buộc lại từng chùm bằng sợi chỉ để trừ tà ma. Hắn cứ phàn nàn rằng mấy đêm nay ma quỷ cứ quấy rầy hắn hoài, khiến hắn trông thấy nhiều sự lạ lùng, nghe nhiều thứ tiếng nói và tiếng động kì quặc. Hắn cho rằng hắn chưa bao giờ bị ma quỷ ám ảnh lâu đến như vậy. Hắn có vẻ xúc động lắm và cứ nói liên miên về chuyện ma quỷ quấy rầy, đến nỗi hắn quên luôn cả công việc hắn

đang sắp sửa phải làm. Tom bèn hỏi hắn:

- Đồ ăn này đem cho ai vậy? Cho chó hả?

Tên da đen nở một nụ cười. Cái nụ cười ấy dần dần tỏa ra khắp mặt, giống như khi người ta ném một viên gạch vào một vũng bùn vậy. Hắn nói:

- Phải, cậu Sid ạ. Đúng là một con chó. Con chó kì quặc lắm. Cậu có muốn xem con chó ấy không?

- Có.

Tôi lấy khuỷu tay thúc vào người Tom và thì thầm:

- Mà định đi đến đó giữa ban ngày à? Đó có phải là kế hoạch của chúng mình đâu!

- Trước kia thì không thể, nhưng kế hoạch mới bây giờ là thế.

Thật là bực mình với thằng này! Chúng tôi cùng đi, nhưng riêng tôi không thích cái kế hoạch mới này cho lắm. Vào đến bên trong căn chòi, chúng tôi không thấy gì cả vì tối quá. Nhưng tôi chắc có Jim ở đây và thế nào hắn cũng nhìn thấy chúng tôi. Bỗng có tiếng gọi:

- Cậu Huck đấy hả? Trời ơi! Lại có cả cậu Tom đấy phải không?

Tôi biết thế nào cũng có chuyện này và đã chờ đợi nó xảy ra.

Bây giờ tôi không biết phải xử trí như thế nào. Nhưng dù có biết thì tôi cũng không thực hiện kịp vì ngay lúc ấy người da đen đã vội xen vào nói:

- Lạy Chúa! Thằng này quen biết các cậu à?

Lúc này, chúng tôi đã nhìn thấy mọi vật khá rõ. Tom nhìn chăm chăm vào mặt người da đen, có vẻ như ngạc nhiên, và hỏi:

- Anh bảo ai quen biết chúng tôi?

- Thì cái thằng da đen chạy trốn đó chứ ai nữa.

- Tôi đâu có nghe. Ai bảo anh nghĩ thế?

- Ai bảo à? Rõ ràng là chỉ mới một phút trước đây hắn nói như là hắn quen biết các cậu mà.

Tom nói có vẻ như bối rối, chưa hiểu ra:

- Kì quặc nhỉ! Ai nói? Nói khi nào? Hắn nói cái gì nhỉ? -

Rồi hắn rất bình tĩnh quay sang tôi hỏi - Mà có nghe ai nói gì không?

Cố nhiên, tôi chỉ có một cách trả lời hay nhất mà thôi. Tôi liền nói:

- Không. Tao chẳng nghe ai nói gì cả.

Tom liền quay sang nhìn Jim từ đầu đến chân ra vẻ như chưa hề gặp hắn bao giờ, rồi nói:

- Có phải mày nói không?

- Thưa cậu, không. Tôi chẳng nói gì cả.

- Không nói một lời nào chứ?

- Thưa cậu, không. Không nói lời nào.

- Mày có gặp chúng tao bao giờ chưa?

- Thưa cậu, chưa. Theo như tôi biết thì hình như chưa gặp bao giờ.

Tom lại quay sang nhìn người da đen. Anh này lúc bấy giờ trông thật là thiếu não, bức tức. Tom hỏi:

- Anh đang có chuyện gì mà lại nghĩ rằng có người gọi chúng tôi vậy?

- Ồ, lại những con ma quỷ quái ác ấy chúng quấy rầy đó cậu ạ. Thế này thì thà chết đi cho rảnh. Lúc nào chúng cũng giở những cái trò ấy làm tôi sợ chết khiếp đi được. Xin cậu đừng có nói với ai điều này, ông già Silas sẽ mắng tôi đấy, vì ông bảo rằng không có ma quỷ. Giả như có ông ở đây lúc này, thì không biết ông ấy sẽ nói như thế nào. Chắc chắn là ông ấy không tìm ra cách nào mà biện bạch được. Thường là như vậy đó, cậu Sid ạ. Kẻ nào đã là ngu xuẩn thì suốt đời là ngu xuẩn. Người ta không bao giờ chịu xem xét mọi việc để tự tìm hiểu lấy, đến khi mình tìm ra cho họ thì họ lại không tin.

Tom cho anh ta một hào và nói rằng chúng tôi sẽ không nói với ai cả về chuyện này. Hắn còn khuyên anh ta nên lấy tiền mua thêm chỉ để buộc tóc, rồi quay sang Jim, hắn nói:

- Không biết chú Silas có định treo cổ cái thằng da đen này không. Nếu tao mà bắt được một thằng da đen vong ân bội nghĩa bỏ chủ trốn đi thì tao không chịu trao trả hắn lại cho chủ cũ đâu, tao sẽ treo cổ hắn lên.

Thế rồi trong khi người da đen bước ra cửa để nhìn đồng hào và căn thử xem thật hay giả, thì hắn ghé vào tai Jim thì thầm:

- Đừng có bao giờ làm ra vẻ là mày quen biết chúng tao. Nếu ban đêm mày có nghe tiếng đào đất thì đó là chúng tao đấy. Chúng tao sẽ giải thoát cho mày.

Jim chỉ còn đủ thì giờ nắm lấy tay chúng tôi, bóp thật chặt. Người da đen lúc ấy đã quay trở lại. Chúng tôi nói với anh ta rằng chúng tôi sẽ trở lại nếu anh ta muốn. Anh nói rằng anh rất muốn như vậy, nhất là khi trời tối, vì ma quỷ thường quấy rầy anh ta về ban đêm, cho nên càng có đông người càng đỡ sợ.

CHƯƠNG 35

NHỮNG KẾ HOẠCH THẦM KÍN, ĐEN TỐI

 Còn gần một giờ nữa mới đến bữa ăn sáng, chúng tôi rời nhà đi vào rừng. Vì Tom nói chúng tôi cần phải có ánh sáng để đào đất, nhưng không thể dùng đèn lồng được vì nó sáng quá và có thể gây rắc rối. Chúng tôi cần phải có rất nhiều củi mục mà người ta gọi là “lửa chồn”, tức là một loại lân tinh phát ra một thứ ánh sáng lơ mơ khi người ta đặt trong bóng tối. Chúng tôi tìm ra được một mớ khá lớn giấu trong cỏ rồi ngồi xuống nghỉ. Tom nói, có vẻ bất mãn:

- Khỉ thật, mọi thứ có vẻ dễ dàng, thô sơ quá. Tìm ra được một kế hoạch khó khăn không phải là chuyện dễ. Không có một người nào canh gác tù nhân để cho mình đánh thuốc mê. Như thế, mình lại phải đặt ra một người nào đứng canh gác chứ. Cũng chẳng có một con chó nào để mình bả thuốc cho nó ngủ. Còn thằng Jim thì bị buộc chân bằng chiếc xích dài chừng ba thước vào chân giường; như thế chỉ cần nhấc bổng chân giường lên là chiếc xích tuột ra. Chú Silas lại có tính tin người, giao chìa khóa cho tên da đen ngu xuẩn ấy giữ mà cũng chẳng cho người nào đứng canh gác tù nhân cả. Thằng Jim có thể chui ra ngoài qua cái lỗ cửa sổ ấy bất cứ lúc nào, chỉ có cái khó là không thể nào đi xa được với cả cái xích dài ba thước ở chân. Thật bực mình hết chỗ

nói, Huck ạ, mọi sự xếp đặt có vẻ tầm thường, tẻ nhạt quá. Chúng mình phải tự tay sáng tạo ra tất cả mọi sự khó khăn. Không còn có cách nào khác. Dầu sao, có một điều quan trọng là càng khó khăn, nguy hiểm bao nhiêu thì việc giải thoát cho thằng Jim lại càng vinh dự bấy nhiêu. Ấy thế mà những kẻ có bốn phận “cung cấp” cho chúng ta những sự khó khăn nguy hiểm ấy lại không gây cho chúng ta một điều khó khăn nào. Chúng ta phải tự sáng chế ra tất cả. Cứ xem chuyện cây đèn ấy thì đủ rõ. Trước những sự kiện tẻ nhạt như thế này thì chúng mình chỉ còn cách là vờ xem như là dùng đèn lồng thì nguy hiểm. Chứ thật ra, giả như mình có làm công việc này dưới ánh sáng của cả một dãy đuốc thì chắc cũng không hề gì. Nói đến chuyện này, bây giờ tao mới chợt nhớ ra là chúng mình phải lợi dụng cơ hội đầu tiên để chế tạo ra một cái cửa mới được.

- Chúng mình cần cửa để làm gì?

- Để làm gì à? Để cửa cái chân giường của thằng Jim cho tuột cái xích ra, chứ còn làm gì nữa?

- Ủa, mày vừa nói là chỉ cần nhấc bổng chân giường lên là chiếc xích tuột ra kia mà.

- Thật mày chưa hề thay đổi một chút nào cả, Huck Finn. Mày chưa bao giờ chịu từ bỏ cách giải quyết vấn đề theo lối học trò trẻ con. Thế ra mày chưa đọc sách vở gì cả hay sao? Nào là Nam tước Trenck, hay Casanova, hay Benvenuto - Cheleeny, nào là Henry đệ Tứ... vân vân... Mày không nghe nói về một người nào trong số các vị anh hùng ấy cả hay sao? Có bao giờ mày nghe nói tù nhân được giải thoát bằng cái kiểu đàn bà già nua ấy hay không? Không bao giờ. Điều mà những nhân vật có rất nhiều thẩm quyền ấy làm là cửa cái chân giường ấy ra làm hai, để nguyên nó như

thế, rồi nuốt chửng hết mặt cửa đi để không còn vết tích, bôi đất và mỡ vào chỗ cửa để cho viên quản gia dù là một người tài giỏi nhất, cũng không thể biết được, và cứ tưởng rằng chiếc giường còn hoàn toàn nguyên vẹn. Thế rồi, vào đêm bắt đầu ra tay, người ta chỉ cần đá vào chân giường một cái là nó văng đi, cho chiếc xích tuột ra thế là xong. Chỉ còn một việc là treo một sợi dây thừng vào cái lỗ bắn súng ở trên thành, trèo xuống, nhảy xuống một cái hào cho gãy căng - cái sợi dây thừng quá ngắn, mày hiểu không - ở đấy đã có ngựa và các quan hầu tin cần chờ sẵn, nhắc cho ngồi dậy, ném lên lưng ngựa rồi phi ngựa tiến thẳng về quê hương Languedoc, Navarre, hay nơi nào đó. Thật huy hoàng, chói lọi, Huck nhỉ. Tao muốn có một cái hào xung quanh cái căn chòi này quá. Nếu có thì giờ, ngay vào đêm trốn thoát, chúng mình sẽ đào một cái.

Tôi nói:

- Chúng mình sẽ để cho hắc chui ra từ bên dưới căn chòi thì cần gì phải đào hào?

Nhưng hắc không nghe tôi nói. Hắc đã quên sự hiện diện của tôi và tất cả mọi thứ khác. Hắc tựa cằm lên bàn tay, suy nghĩ. Bỗng hắc thở dài một tiếng, lúc lắc đầu. Tiếp đó hắc lại thở dài một lần nữa, rồi nói:

- Không được! Không được! Không cần thiết lắm.

- Mày bảo không cần cái gì?

- À, về chuyện cửa phăng cái chân thẳng Jim đi ấy mà.

- Trời! - Tôi kêu lên - Cần gì phải làm chuyện ấy. Thế mày muốn cửa chân thẳng Jim đi để làm gì?

- Ấy là bởi vì nhiều nhân vật có thẩm quyền nhất đã làm như

vậy. Họ không tháo được xích ra nên họ phải chặt bàn tay để thoát thân. Nếu là một cái chân thì càng hay hơn nữa. Nhưng thôi, mình bỏ qua chuyện ấy, vì nó không cần thiết cho lắm trong trường hợp này. Hơn nữa, Jim là một tên da đen, hẳn không hiểu nổi lí do vì sao phải làm như vậy và cũng không quen với các phong tục ở Âu châu. Thôi, mình bỏ qua chuyện ấy đi. Nhưng còn có một vấn đề nữa. Hẳn có thể có được một cái thang dây; chúng mình sẽ xé các khăn trải giường của mình làm thành một cái thang dây khá dễ dàng. Làm xong, mình sẽ chuyển đến cho Jim trong một cái bánh nướng. Người ta thường hay làm như thế đó. Tao đã ăn nhiều thứ bánh nướng còn tệ hơn thế nữa.

- Tom Sawyer, sao mày ăn nói kì vậy. Thằng Jim đâu có cần cái thang dây để làm gì.

- Hẳn phải cần. Chính mày mới ăn nói kì quặc chứ không phải tao. Mày chẳng biết tí gì về chuyện ấy cả. Thằng Jim cần phải có thang dây. Ai người ta cũng làm như vậy cả.

- Nhưng mà hẳn cần thang dây để làm gì kia chứ?

- Làm gì à? Hẳn có thể giấu nó trong giường, phải không nào? Ai cũng làm như thế cả, Huck ạ, hình như là mày không bao giờ chịu làm điều gì cho đúng quy cách cả. Lúc nào mày cũng muốn làm điều gì mới mẻ, không giống ai. Giả thử như hẳn không dùng cái ấy làm gì cả, như vậy, sau khi hẳn đã bỏ đi rồi, còn có cái gì trên giường hẳn để làm vết tích không? Mày không biết rằng người ta thường cần những vết tích như vậy làm manh mối à? Cố nhiên là họ cần những thứ ấy. Thế mà mày muốn cho hẳn không để lại chút vết tích nào cả à? Như thế chẳng khác nào một lời chào hỏi nhạt nhẽo như nước ốc. Tao chưa bao giờ nghe nói đến một chuyện như thế cả.

- Phải, - tôi nói - nếu đó là quy cách, thì được rồi, cứ cho hắn cái ấy đi. Tao không muốn đi ngược lại với quy cách, nhưng mà có một điều, Tom ạ, nếu mình xé khăn trải giường ra để làm thang dây thì chúng mình sẽ lòi thối to với dì Sally. Điều ấy thì chắc chắn như hai với hai là bốn. Bây giờ, theo tao nghĩ, thì một cái thang bằng gỗ cứng không tốn kém gì cả, không phải phí phạm gì cả, mà cũng có thể giấu kín trong nệm rơm giống như cái thang dây của mày vậy. Còn thằng Jim, hắn chưa có kinh nghiệm gì, thì bất cứ thứ gì cũng tốt với hắn...

- Mẹ kiếp! Nếu tao ngu như mày thì tao căm hòng đi cho rồi. Thật thế đó Huck ạ. Có ai nghe nói một tên tù quan trọng lại vượt ngục bằng một cái thang gỗ hay không? Thật là lỗ bịch hết sức.

- Thôi được rồi, Tom ạ, mày muốn làm thế nào thì tùy ý. Nhưng, nếu mày chịu nghe tao, mày để cho tao đi mượn một cái khăn trải giường trên dây phơi quần áo vậy.

Hắn nói rằng như thế cũng được, nhưng bỗng hắn nảy thêm ra một ý kiến khác nữa, hắn nói:

- Mượn luôn một cái sơ mi nữa.

- Để làm gì, hờ Tom?

- Để thằng Jim dùng viết nhật kí trên ấy.

- Nhật kí cái con mẹ gì... thằng Jim đâu có biết viết.

- Cứ cho là hắn không biết viết đi... hắn vẫn có thể làm dấu nguệch ngoạc gì đấy trên sơ mi, có phải không nào? Với điều kiện là mình chế tạo cho hắn một cây bút làm bằng cái thìa cũ hay một miếng sắt từ cái đai của chiếc thùng cũ ấy.

- Đây, Tom, chúng mình có thể rút một cái lông ngỗng để làm bút cho hắn, như thế tốt và nhanh hơn.

- Tù nhân đâu có ngỗng chạy lon ton xung quanh cái tháp giam của lâu đài để mà nhổ lông, hơ thẳng ngu ngốc kia. Họ làm những cây bút bằng một mảnh của chiếc đèn nền bằng đồng, rất cứng, rất dai và rất khó khăn, hay là bất cứ thứ gì mà họ tình cờ vớ được. Nhiều khi phải mất hàng tuần hay hàng tháng mới giũa được một cây bút, bởi vì họ làm công việc ấy bằng cách mài nó vào tường. Nhưng dù họ có bút lông ngỗng chẳng nữa, họ cũng không bao giờ dùng.

- Thế thì mình lấy gì làm mực cho hắn viết?

- Nhiều người làm mực bằng rỉ sắt và nước mắt. Nhưng đó là trường hợp đàn bà hay những kẻ tầm thường. Các chuyên gia có thẩm quyền nhất thường dùng máu để viết. Thằng Jim cũng có thể làm như vậy. Khi nào hắn cần gửi một thông điệp bí mật thông thường, không quan trọng lắm, để cho thế giới biết hắn đang bị nhốt ở đâu thì hắn có thể viết trên một cái đĩa thiếc với một cái nĩa ăn, rồi ném qua cửa sổ. Tên Mặt Nạ Sắt* vẫn làm như thế. Đó cũng là một cách hay!

- Jim không có đĩa thiếc. Người ta cho nó ăn trong một cái xoong.

- Điều đó không quan trọng. Mình sẽ kiếm cho hắn ít cái.

- Nhưng ai mà đọc được chữ của hắn kia chứ?

- Chuyện ấy chẳng quan trọng gì cả, Huck ạ. Hắn chỉ việc viết lên đĩa rồi vứt ra ngoài thôi. Người ta đâu có cần phải đọc để biết hắn viết cái gì. Gần nửa số trường hợp, người ta không đọc được những gì tù nhân viết trên đĩa hay bất cứ thứ gì khác.

- Thế thì việc gì lại phí đĩa đi như thế?

- Có phải là cái đĩa của tù nhân đâu mà sợ phí?

- Nhưng mà cũng là đĩa của một người nào đó chứ?
- Dù là đĩa của ai chẳng nữa, thì tù nhân đâu có kể gì.

Hắn ngừng lại ở đấy, vì lúc bấy giờ chúng tôi nghe tiếng còi báo bữa ăn sáng. Chúng tôi đi ra, tiến về phía ngôi nhà.

Sáng hôm ấy, tôi mượn một khăn trải giường và một cái áo sơ mi trên dây phơi quần áo. Tôi tìm thấy một cái bị cũ, bỏ các thứ vào đấy, sau đó đi xuống lấy đồng củi mục rồi cũng bỏ luôn vào bị ấy. Tôi gọi như thế là *mượn* vì đó là tiếng của cha tôi thường dùng, nhưng Tom thì không gọi là mượn mà nói rằng đó là ăn cắp. Hắn bảo rằng chúng tôi là những người đại diện cho tù nhân, mà tù nhân thì không cần biết họ lấy các thứ bằng cách nào miễn là lấy được thì thôi, và chẳng ai trách cứ họ được về chuyện ấy cả. Một tù nhân ăn cắp những thứ gì mà hắn cần để tẩu thoát thì không phải là cái tội. Tom nói rằng như thế là đúng. Như vậy, với tư cách là đại diện cho tù nhân, chúng tôi hoàn toàn có quyền ăn cắp bất cứ thứ gì ở nơi này mà chúng tôi cần để làm phương tiện trốn thoát. Hắn bảo rằng, nếu chúng tôi không phải là tù nhân thì đó là chuyện khác. Chỉ có kẻ nào xấu xa dè tiện thì mới đi ăn cắp, nếu không phải là tù nhân. Như vậy, chúng tôi cho rằng chúng tôi có thể lấy trộm bất cứ thứ gì mà chúng tôi trông thấy. Ấy thế mà sau đó một hôm, thằng Tom làm ầm ĩ cả lên vì tôi lấy trộm một quả dưa hấu trong khu vườn của những người da đen, rồi ăn ngay sau đó. Thế là hắn bắt tôi đem mười xu đến trả cho những người da đen mà không nói cho họ biết lí do vì sao cả. Tom bảo rằng điều hắn muốn nói là chúng tôi chỉ có thể ăn trộm những thứ gì chúng tôi cần thôi. Tôi nói rằng tôi cũng cần quả dưa hấu, nhưng hắn bảo rằng tôi không cần quả dưa hấu để được thoát khỏi tù. Sự khác biệt chính là ở chỗ ấy. Hắn nói rằng nếu tôi cần quả dưa

hầu ấy để giấu một con dao cho thằng Jim dùng để giết viên quản gia coi lâu đài thì như vậy không có tội tình gì. Tôi cũng đành phải bỏ qua không bàn cãi, mặc dầu tôi không thấy có lợi lộc gì trong việc làm đại diện cho một tù nhân, nếu tôi cứ phải ngồi xuống mà mơ tưởng đến những chiếc mề đay bằng vàng lá như thế trong khi tôi có cơ hội vớ được một quả dưa hầu ngay trước mắt.

Như tôi đang nói lúc này, sáng hôm ấy, chúng tôi chờ mọi người đều ổn định công việc của mình, và không còn có ai trong sân nữa, lúc bấy giờ Tom mới vác cái bị vào trong mái che trong khi tôi đứng ở cách đó một quãng để canh chừng. Một lát sau, hắn đi ra ngoài, rồi cả hai chúng tôi cùng đi đến ngồi trên một đống gỗ để nói chuyện. Hắn nói:

- Mọi thứ đều ổn cả rồi chỉ còn thiếu các dụng cụ; nhưng cái này cũng dễ giải quyết thôi.

- Dụng cụ à?

- Phải!

- Dụng cụ để làm gì?

- Để đào đất. Chúng ta đâu có dùng răng gặm để lôi hắn ra được?

- Có nhiều xẻng, cuốc hư hỏng ở trong kia, có thể dùng để đào đất cho hắn chui ra chứ?

Tom quay lại nhìn tôi bằng cặp mắt thương hại, trông mà phát khóc lên được. Hắn nói:

- Huck Finn này, mày có bao giờ nghe nói một tù nhân mà có đầy đủ cuốc xẻng và tất cả dụng cụ tối tân khác ngay trong tủ áo của hắn để tự mình đào đất mà chui ra không? Bây giờ tao hỏi

mày một câu... nếu mày còn có một chút lí lẽ trong con người của mày... nếu như thế thì cái tên tù nhân kia làm thế nào mà có cơ hội trở thành một anh hùng được? Cứ cho hẳn mượn luôn cả chiếc chìa khóa nữa là xong chuyện. Cuốc với xẻng! Ai mà lại cung cấp cho một ông vua những thứ ấy kia chứ?

- Thôi được, - tôi nói - nếu mình không cần cuốc và xẻng thì mình cần cái gì nào?

- Một vài con dao ăn.

- Dùng dao ở bàn ăn để mà đào móng ở dưới căn chòi ấy à?

- Phải!

- Mẹ kiếp! Ai mà điên khùng làm như thế hờ Tom?

- Điên khùng hay không điên khùng thì nó vẫn là cách làm đúng đắn nhất. Đó là cách làm chính quy. Tao không hề nghe nói có cách nào khác nữa qua bao nhiêu là sách vở tao đã đọc về những chuyện như thế này. Bao giờ người ta cũng đào bằng một con dao ăn... không phải là đào đất đâu nhé, mà thường họ đào qua những lớp đá cứng kia. Họ đào từ tuần lễ này qua tuần lễ khác, và cứ đào mãi thế đến vô tận. Cứ xem trường hợp một trong các tù nhân trong cái tháp của lâu đài “If”^{*} ở Marseille bên Pháp thì biết đấy. Ông ta cũng đào bằng cách ấy. Mày biết ông ta đào bao nhiêu lâu không?

- Tao không biết.

- Mày cứ đoán thử.

- Tao không biết. Chừng một tháng rưỡi là cùng.

- Ba mươi bảy năm... Sau đó ông ta chui ra ở mãi tận bên Tàu kia. Người ta như thế đó. Giá mà cái nền của pháo đài này cũng bằng đá cứng thì hay biết mấy!

- Thằng Jim có quen biết ai ở bên Tàu đâu?

- Điều ấy thì có quan hệ gì? Cái ông kia đâu có quen biết ai. Nhưng mà mày đi xa vấn đề rồi. Tại sao mày không chịu bám lấy cái điểm chính yếu?

- Thôi được... tao không cần biết hắn chui ra ở đâu, miễn là hắn ra được bên ngoài thôi. Tao chắc thằng Jim cũng nghĩ giống như thế. Nhưng mà vẫn còn một vấn đề thắc mắc là thằng Jim nhiều tuổi quá rồi, nếu mà mình đào bằng con dao thì không biết nó còn sống cho đến lúc đào ra đến bên ngoài hay không?

- Chắc chắn là hắn vẫn còn sống. Mày tưởng rằng phải mất ba mươi bảy năm mới đào qua nền đất này hay sao?

- Thế thì mất bao lâu?

- Mình không thể để kéo dài quá lâu được, như vậy rất nguy hiểm vì chẳng bao lâu nữa chú Silas sẽ nhận được tin từ New Orleans gửi đến. Ông ta sẽ biết rằng Jim chưa từng ở nơi đấy. Như thế việc làm kế tiếp của ông ta là rao trên báo chí hay tương tự như thế. Vì thế chúng mình không thể kéo dài quá lâu việc đào đất này được. Nói thật chính xác ra, chúng mình cần bỏ ra chừng vài năm làm việc này. Nhưng mình không có thời gian. Vì những sự việc bất trắc như thế nên tao đề nghị: Chúng mình phải thực sự đào ngay, càng nhanh càng tốt. Sau đó chúng ta vờ như là chúng ta làm việc này trong ba mươi bảy năm. Xong xuôi rồi, chúng mình lôi hắn ra rồi tháo chạy ngay khi có báo động đầu tiên. Tao nghĩ đó là cách hay nhất.

- Bây giờ tao mới thấy mày nói nghe được, - tôi nói - giả vờ thì chẳng tốn kém gì cả, cũng chẳng gây rắc rối gì. Nếu mục đích là như thế thì dù có bắt tao giả vờ như là làm công việc này mất một

trăm năm mười năm thì tao cũng chịu. Như thế, sau khi bắt tay vào việc rồi, tinh thần tao sẽ không bị căng thẳng nữa. Thôi để tao chạy đi “chôm” một vài con dao ăn.

- Mà cứ chôm ba cái cho tao. Tao cần thêm một cái nữa để làm một cái cửa.

- Tom ạ, nếu mà không cho lời đề nghị của tao là không chính quy là vô đạo, thì tao xin gợi ý là mà nên dùng cái lưới cửa rỉ dưới tấm ván che cửa sau nhà hun thịt cá ấy.

Hắn nhìn tôi, có vẻ chán nản, mệt mỏi, và nói:

- Thật không có cách nào dạy cho mà được điều gì, Huck ạ. Thôi, mà chạy chôm mấy con dao đi... nhớ ba cái đấy.

Tôi liền chạy đi tìm con dao.

CHƯƠNG 36

CHÚNG TÔI CỐ GẮNG GIÚP JIM

êm hôm ấy, khi biết mọi người đều đã ngủ cả rồi, chúng tôi trèo xuống dây thu lôi, đi vào trong chiếc mái che, đóng cửa lại, rồi lấy bó củi lân tinh ra, bắt đầu làm việc. Chúng tôi dọn cho quang đãng một khoảng đất dài chừng một thước rưỡi ở khoảng giữa của cây gỗ dưới đáy tường. Tom nói rằng chỗ ấy ở ngay phía sau giường của Jim. Chúng tôi sẽ đào ngay phía dưới chỗ ấy, và khi làm xong thì không ai đứng bên trong căn chòi có thể biết được rằng có một cái lỗ ở đó, vì chiếc khăn trải giường của Jim phủ xuống tận đất, phải lật nó lên nhìn xuống dưới mới thấy được cái lỗ. Như vậy, chúng tôi cứ tiếp tục đào mãi bằng những con dao cho đến tận khuya; chúng tôi quá mệt mỏi, hai bàn tay rộp cả lên, nhưng kiểm điểm lại thì chúng tôi chưa làm được bao nhiêu cả. Cuối cùng, tôi nói:

- Đây không phải là việc làm ba mươi bảy năm, mà phải là ba mươi tám năm, Tom Sawyer ạ!

Hắn không nói gì cả, chỉ thở dài, sau đó, hắn ngưng đào đất một lúc; tôi biết hắn đang suy nghĩ. Một lát sau hắn nói:

- Vô ích, Huck ạ. Làm như thế này không được đâu. Nếu chúng mình thực sự là tù nhân thì như thế này là được rồi, vì chúng

mình sẽ có nhiều năm, bao nhiêu cũng được, để làm công việc này, không việc gì phải vội. Mỗi ngày chỉ đào một vài phút vào lúc họ đổi phiên gác như thế thì tay của mình đâu có bị rộp lên được. Mình cứ việc đào mãi năm này qua năm khác, và làm theo đúng quy cách phải làm. Nhưng trong trường hợp chúng mình bây giờ đây thì không được để phí thì giờ, chúng mình phải làm thêm một đêm như thế này nữa thì thế nào cũng phải vớt đi một tuần nữa cho tay bớt đau đã... chứ không thể cầm lại con dao sớm hơn thế được.

- Thế mình phải làm thế nào, hử Tom?

- Để tao nói cho mày nghe. Nói như thế này thì thật là không chính quy, không đạo đức chút nào, thật tình tao cũng không muốn. Nhưng thực ra chỉ còn một cách duy nhất thôi: chúng mình sẽ đào bằng cuốc nhọn, nhưng cứ *giả vờ* rằng đó là những con dao ăn.

- Bây giờ mày nói mới nghe được đấy, - tôi nói - cứ mỗi lúc đầu óc mày lại thăng bằng thêm một chút, Tom Sawyer ạ. Cái cuốc nhọn mới đúng là dụng cụ cần dùng, dù đạo đức hay không đạo đức. Riêng tao thì chẳng cần gì đến cái đạo lý trong công việc này cả. Khi tao muốn ăn cắp một tên da đen, một quả dưa hấu hay một cuốn sách học ở lớp truyền giáo ngày chủ nhật, tao không cần phải bận tâm về cách phải làm như thế nào cho đúng quy cách lấy được thứ mà tao cần. Cái mà tao cần là tên da đen, hay cái mà tao cần là quả dưa hấu hay là cuốn sách. Nếu cái cuốc là vật dụng thuận lợi nhất thì đó là thứ mà tao sẽ dùng để đào đất cho thằng da đen ấy chui ra, hay để lấy được quả dưa hấu hay cuốn sách. Tao không cần biết những nhà có thẩm quyền nghĩ như thế nào.

- Được rồi, - Tom nói - trong trường hợp như thế này thì vẫn có lí do để biện minh cho việc dùng cuộc xẻo. Nếu không thế, tao không bao giờ chịu chấp nhận điều ấy và nhất định tao không chịu khoanh tay trước sự vi phạm nguyên tắc một cách trắng trợn. Phải là phải trái là trái. Người ta không việc gì phải làm điều trái, khi người ta không những không phải là kẻ ngu dốt mà lại còn biết làm thế nào cho tốt hơn nữa. Đối với mày, thì mày có thể dùng cuộc mà không phải giả vờ gì hết, bởi vì mày không biết cách nào tốt hơn. Nhưng đối với tao thì lại khác, vì tao biết còn cách hay hơn thế nữa. Đưa tao con dao ăn.

Hắn đã có con dao rồi, nhưng tôi vẫn đưa cho hắn con dao của tôi. Hắn liền ném con dao của tôi đi và nói:

- Đưa cho tao *con dao*.

Tôi không biết làm thế nào, nhưng rồi tôi chợt nghĩ ra. Tôi liền cào xới trong số dụng cụ cũ, rồi lấy ra một cái cuộc đầu nhọn, đưa cho hắn. Hắn liền chụp ngay lấy, tiếp tục đào đất mà không nói thêm một lời nào.

Thằng Tom lúc nào cũng để ý đến những chi tiết vụn vặt như vậy đó. Hắn là con người “nguyên tắc đầy mình”.

Tiếp theo đó, tôi lấy một cái xẻo, rồi cả hai chúng tôi vừa cuộc vừa xới, xoay tròn xung quanh, làm việc hùng hục. Chúng tôi mãi miết làm trong khoảng nửa giờ, đó là thời gian tối đa chúng tôi còn đủ sức đứng để làm việc. Nhưng chúng tôi cũng đã đào được một cái lỗ khá lớn. Khi leo lên lầu, tôi nhìn qua cửa sổ thì thấy Tom đang ráng sức leo lên cột thu lôi, nhưng không được, vì bàn tay của hắn bị đau. Cuối cùng, hắn nói:

- Vô ích. Không thể nào leo được. Mày bảo tao phải làm thế

nào bây giờ. Mà có nghĩ ra được cái cách nào không?

- Có chứ, - tôi nói - nhưng tao nghĩ nó không được chính quy cho lắm. Mà cứ đi lên cầu thang và giả vờ như đó là cột thu lôi vậy.

Hắn làm theo lời tôi.

Ngày hôm sau, Tom đánh cắp một cái thìa thiếc, một cây đèn nến bằng đồng để làm bút cho Jim viết, và sáu cây nến bằng mỡ bò. Còn tôi thì lảng vảng xung quanh nhà của người da đen để rình cơ hội đánh cắp ba chiếc đĩa thiếc. Tom nói rằng như vậy chưa đủ, nhưng tôi cho rằng sẽ không có ai nhìn thấy các đĩa mà Jim ném qua cửa sổ - như thế chúng tôi có thể thu hồi về để sử dụng nhiều lần. Tom bằng lòng với ý kiến của tôi. Hắn nói:

- Bây giờ mình phải nghiên cứu cách chuyển những thứ này đến cho Jim.

- Mình cứ đưa qua cái lỗ, khi nào đào xong rồi. - Tôi nói.

Tom có vẻ như khinh thường ý kiến của tôi. Hắn nói đại khái là không bao giờ nghe nói đến một ý kiến ngu xuẩn như vậy, rồi hắn tiếp tục suy nghĩ. Một lúc sau, hắn nói rằng hắn đã nghĩ ra được vài ba cách, nhưng chưa cần phải quyết định nên chọn cách nào. Hắn phải báo cho Jim biết trước đã.

Đêm hôm ấy, chúng tôi trèo xuống dây thu lôi, vào lúc sau mười giờ, đem theo một cây nến. Chúng tôi lảng tai ở lỗ cửa sổ, nghe tiếng Jim đang ngáy. Tôi ném cây nến vào bên trong nhưng Jim vẫn không thức dậy. Sau đó, chúng tôi chạy nhanh vào bên trong tiếp tục đào xới bằng cuộc xẻng, mãi đến gần hai giờ rưỡi đồng hồ sau mới đào xong. Chúng tôi bò qua lỗ đến ngay dưới giường của Jim, rồi vào căn chòi, sờ soạng xung quanh để tìm cây

nén. Chúng tôi tìm ra được cây nén, thắp sáng lên, rồi đứng nhìn Jim một lát. Hắn trông khỏe mạnh. Chúng tôi đánh thức hắn dần dần, rất nhẹ nhàng. Trông thấy chúng tôi hắn mừng rỡ quá suýt bật khóc. Hắn gọi tôi bằng những tên âu yếm nhất mà hắn có thể nghĩ ra được và ngỏ ý muốn chúng tôi tìm một cái đục ở đâu đó để cắt sợi dây xích ra khỏi chân hắn ngay lập tức, rồi trốn ra ngoài ngay, không để phí chút thời giờ nào. Nhưng Tom cho hắn biết rằng như thế là không chính quy, rồi trình bày cho hắn nghe về kế hoạch của chúng tôi và dặn rằng kế hoạch ấy có thể sửa đổi bất cứ lúc nào, nếu có báo động. Hắn khuyên Jim không nên lo sợ chút nào hết vì chúng tôi sẽ bảo đảm cho hắn được giải thoát. Jim nói hắn bằng lòng. Chúng tôi cùng ngồi xuống, nói chuyện với nhau một lát về những kỉ niệm cũ. Tom hỏi rất nhiều câu. Jim cho biết rằng cứ cách một hay hai ngày thì chú Silas lại đến để cùng cầu kinh với hắn, và dì Sally cũng lại để xem hắn có được ăn, ở tử tế không, cả hai đều tỏ ra rất tốt. Tom nói:

- Tao nghĩ ra cách giải quyết rồi. Chúng tao sẽ gửi cho mày các thứ qua ông bà ấy.

Tôi nói:

- Đừng làm những chuyện như thế. Đó là ý kiến đại dốt chưa từng thấy.

Nhưng Tom không thèm để ý đến câu nói của tôi. Hắn vẫn giữ nguyên ý định. Đó là cái tính của hắn, mỗi khi hắn đã quyết định làm việc gì.

Hắn nói cho Jim biết chúng tôi sẽ đưa giấu cái thang dây vào cho hắn trong một chiếc bánh nướng và những đồ vật to lớn khác qua trung gian của Nat, tên da đen vẫn thường đem cơm đến cho

hắn, nhưng hắn phải luôn luôn cảnh giác, không được tỏ lộ sự ngạc nhiên, không để cho Nat nhìn thấy trong khi hắn mở các đồ đạc ra. Chúng tôi sẽ bỏ những thứ đồ nhỏ lặt vặt trong túi áo của ông chú, và hắn có bốn phen phải đánh cắp những thứ ấy; chúng tôi cũng sẽ buộc các thứ vào dải áo tạp dề hay bỏ trong túi áo của bà dì, nếu có cơ hội, chúng tôi giải thích các thứ ấy là những đồ vật gì và công dụng ra sao, và cuối cùng, chúng tôi dặn hắn phải viết nhật kí trên áo sơ mi bằng máu, và nhắc nhở nhiều điều khác nữa. Tom nói cho hắn nghe đủ mọi thứ hắn đã dự định. Jim chẳng hiểu chút nào về phần lớn những chuyện ấy cả, nhưng hắn nghĩ rằng chúng tôi là những người da trắng nên biết rõ hơn hắn. Hắn tỏ vẻ hài lòng và nói rằng sẽ thực hiện đúng tất cả những gì Tom đã căn dặn.

Jim có rất nhiều ống điếu bằng lõi ngô và thuốc lá; chúng tôi ngồi nói chuyện với nhau rất vui vẻ; sau đó, Tom và tôi bò qua lỗ vừa đào, trở về nhà, hai bàn tay nát bét như vừa bị ai nhá. Tom có vẻ phấn khởi lắm. Hắn nói rằng đây là một trò chơi thú vị nhất trong đời hắn và phải vận dụng rất nhiều trí tuệ. Hắn bảo rằng, nếu có thể nghĩ ra được nhiều cách nào đó, thì chúng tôi có thể cứ tiếp tục mãi cái trò vui này cho đến hết đời, sau đó sẽ dành lại cho con cháu chúng tôi về sau này nhiệm vụ giải thoát cho thằng Jim. Hắn cho rằng thằng Jim, càng chơi lâu cái trò này thì lại càng mê, và nếu cứ như vậy thì trò này có thể kéo dài đến tám mươi năm. Đó là thời gian kỉ lục. Như thế, chúng tôi sẽ được danh tiếng lừng lẫy vì đã nhúng tay vào vụ này.

Lúc trời sáng, chúng tôi ra ngoài đóng gỗ, chặt cây đèn đồng ra thành từng mảnh nhỏ. Tom bỏ tất cả những mảnh vụn ấy và chiếc thìa vào trong túi, rồi cả hai chúng tôi tiến đến căn nhà của

người da đen. Lợi dụng lúc Nat không để ý đến, tôi chuôi một mảnh đèn đồng vào giữa cái bánh mì trong xoong thức ăn của Jim, rồi chúng tôi đi theo Nat để xem hiệu quả ra sao. Kết quả thật tuyệt vời: Khi Jim vừa cắn vào miếng bánh mì thì hấn suýt rụng cả hàm răng. Theo lời Tom nói, thật không có hiệu quả nào tốt hơn thế! Jim không biết gì cả mà chỉ tỏ vẻ như là vừa cắn phải một hòn sạn hay đá gì đó trong miếng bánh mì. Nhưng từ lúc đó, trước khi cắn miếng gì, hấn cũng lấy nĩa ăn chọc vào đó hai ba lần.

Trong khi chúng tôi đang đứng ở đấy, dưới ánh sáng mờ nhạt thì bỗng nhiên hai ba con chó chồm ra từ bên dưới chiếc giường của Jim. Chúng cứ chồng chất lên nhau len vào bên trong, tính ra đến mười một con, khiến cho chúng tôi không còn có chỗ mà thở. Thì ra chúng tôi đã quên không đóng cửa ra vào của mái che! Nat chỉ kịp kêu một tiếng: “Quý” rồi ngã sấp xuống sàn nhà, giữa bảy chó, rên rỉ như sắp chết. Tom đẩy mạnh cánh cửa, quăng một miếng thịt trong phần thức ăn của Jim ra ngoài, thế là lũ chó chạy ra theo, rồi chỉ trong hai giây đồng hồ, hấn đi ra rồi quay vào, đóng cửa lại. Tiếp đó, hấn dễ dàng, vỗ về người da đen và hỏi hấn còn tưởng tượng ra cái gì nữa không. Nat đứng dậy, chớp mắt nhìn xung quanh rồi nói:

- Cậu Sid ạ. Chắc cậu cho tôi là điên khùng nhưng thực sự hình như tôi vừa thấy hàng triệu con chó hay con quỷ gì đó. Tôi cứ tưởng là chết ngay ở đây kia chứ. Chắc chắn là như thế cậu ạ. Chính tôi sờ thấy chúng mà... rõ ràng thế. Chúng bò khắp trên người tôi mà. Tiếc quá! Giá mà tôi tóm được một tên, chỉ một lần thôi là đủ. Tôi chỉ cần có thế. Nhưng tốt hơn hết là chúng cứ để cho tôi được yên.

Tom nói:

- Tôi cho anh biết ý kiến của tôi nhé. Tại sao mà chúng lại đến đây, ngay vào bữa ăn sáng của tên da đen bỏ trốn này? Ấy là bởi vì chúng đói. Đó là lí do. Vậy thì anh phải làm một cái bánh nướng cho quý. Phận sự của anh là thế.

- Nhưng, cậu Sid này, tôi đâu có biết làm loại bánh nướng ấy. Biết làm thế nào bây giờ? Tôi chưa hề bao giờ nghe ai nói như thế cả.

- Thôi được, tôi phải tự tay làm mới được.

- Thật thế hở cậu Sid? Tôi xin quỳ xuống dưới chân cậu mà vái.

- Được rồi, vì anh đã có lòng tốt cho chúng tôi xem mặt cái tên da đen chạy trốn kia nên tôi sẵn lòng làm hộ cho. Nhưng có điều là anh phải cẩn thận hết sức. Khi chúng tôi đến, anh phải quay lưng đi, và làm như là không trông thấy bất cứ thứ gì tôi bỏ vào trong xoong. Không được nhìn khi thằng Jim lấy các thứ trong xoong ra... Có cái gì đó có thể xảy đến. Không biết là chuyện gì. Nhưng quan trọng nhất là đừng có sờ mó gì vào các thứ ấy cả.

- Đừng sờ mó à, cậu Sid? Cậu nói gì lạ vậy? Có cho tôi hàng tỉ, tỉ đô la tôi cũng không dám đặt một ngón tay vào đấy. Không bao giờ!

CHƯƠNG 37

JIM NHẬN ĐƯỢC CHIẾC BÁNH NƯỚNG

ọi việc đều đã được xếp đặt chu đáo cả. Chúng tôi đi ra đồng rác ở sân sau, chứa những thứ như giày cũ, giẻ rách, chai vỡ, những đồ bằng thiếc hư hỏng và những thứ vật vãnh khác. Ở đó, chúng tôi bới ra được một cái chậu giặt bằng thiếc cũ, cố gắng vá lại các lỗ thủng để dùng nướng bánh. Chúng tôi đem chậu ấy xuống hầm nhà, lấy trộm bột mì, đổ đầy vào đấy, rồi đi ăn sáng. Chúng tôi cũng tìm ra vài cái đinh lớn mà theo lời Tom, tù nhân thường phải dùng để khắc tên tuổi và cảm xúc của mình trên tường của tháp lâu đài. Hắn bỏ một cái đinh ấy trong túi tạp dề của dì Sally treo trên ghế, còn cái kia hắn nhét vào vành mũ của chú Silas đặt trên bàn, bởi vì chúng tôi nghe bọn trẻ nói cha mẹ chúng sẽ đi thăm tên da đen bỏ trốn sáng hôm nay. Xong xuôi, chúng tôi đến bàn ăn. Tom bỏ luôn chiếc thìa vào túi của ông Silas, còn dì Sally vì chưa đến ăn nên chúng tôi còn phải chờ.

Một lát sau, dì Sally đến, mặt đỏ phừng phừng vì giận dữ. Bà không cần chờ đợi đọc kinh cầu nguyện gì cả, một tay thì rót cà phê, còn tay kia thì gõ một cái vào đầu đứa bé gần nhất bằng cái “đê” để khêu, và nói:

- Tôi lùng từ trên nhà xuống dưới nhà mà chẳng thấy chiếc áo sơ mi của ông đâu cả. Thật lạ lùng quá.

Tim tôi như thông hẫ xuống, lẫn lộn với ruột, gan, tì, phế. Miếng bánh mì vừa mới trôi đến cổ họng, gặp phải cơn ho ở giữa chẳng đường bị bắn văng qua mặt bàn, trúng mắt của một đứa bé, làm hẫ cong người lại như con sâu. Hẫ hét lên một tiếng như tiếng thét trận. Tom tái xanh mặt lại. Tình thế trở nên căng thẳng trong chừng mười lăm giây đồng hồ khiến tôi muốn vứt bỏ ngay tất cả mọi thứ, với bất cứ giá nào. Nhưng rồi sau đó, mọi sự đều yên ổn. Chỉ là một sự ngạc nhiên đột ngột khiến mọi người bị một phen sững sờ trong giây lát. Chú Silas nói:

- Thật là lạ lùng, không sao hiểu nổi. Tôi nhớ rõ là tôi đã cởi áo ra rồi, bởi vì...

- Là bởi vì ông chỉ mặc một chiếc áo sơ mi trên người chứ gì? Nghe ông ấy nói kia! Tôi biết ông cởi áo ấy ra rồi, biết rõ hơn là cái trí nhớ lơ đãng của ông nữa, bởi vì nó vẫn còn ở trên dây phơi quần áo mới ngày hôm qua đây. Chính mắt tôi trông thấy mà. Thế mà bây giờ biến mất rồi, tóm lại là như thế. Thôi bây giờ ông lấy cái áo dạ đỏ mà mặc đi, trong khi chờ đợi tôi may cho ông cái áo sơ mi khác. Đó là cái thứ ba chỉ trong vòng hai năm thôi. Cứ chạy theo chuyện may sắm sơ mi cho ông mặc mà phát mệt cả người. Ông làm gì với các áo sơ mi ấy thì có trời mới hiểu nổi. Có lẽ vào tuổi của ông, người ta cần phải dạy cho ông biết cách giữ gìn quần áo mới được.

- Tôi biết mà, Sally. Tôi cũng đã cố gắng hết sức rồi đó. Nhưng đâu có phải hoàn toàn do lỗi ở tôi, vì, như bà biết đấy, tôi có trông thấy những áo sơ mi ấy đâu, mà cũng chẳng làm gì đến chúng cả,

trừ khi nào tôi mặc nó trên người. Tôi tin rằng tôi chưa bao giờ đánh mất một cái áo sơ mi nào đang mặc trên người cả.

- Phải, ông không đánh mất sơ mi theo kiểu ấy nên ông không có lỗi. Nếu có thể, ông cũng dám đánh mất như vậy lắm chứ. Nhưng có phải chỉ mất chiếc sơ mi ấy mà thôi đâu. Còn cái thìa nữa cũng biến mất. Như thế cũng chưa hết đâu. Trước kia có mười chiếc, bây giờ chỉ còn có chín. Có lẽ con bê đã lôi chiếc sơ mi đi nơi khác rồi, nhưng chắc chắn là một con bê không bao giờ lại đi lấy một cái thìa.

- Còn cái gì bị mất nữa, Sally?

- Mất sáu cây nến, chứ còn cái gì nữa. Có thể rằng chuột đã tha mấy cây nến đi. Nhưng nếu ông không chịu bịt các hang chuột, như ông đã hứa hẹn mà chẳng bao giờ chịu làm, thì chúng còn bê đi cả nhà. Chúng không dại gì mà không làm tổ ngay ở trong mớ tóc của ông đấy... ông không biết được đâu. Nhưng ông không thể đổ tội cho chuột đã ăn cắp cái thìa được, điều ấy thì chắc chắn rồi.

- Phải, Sally ạ. Tôi công nhận là tôi có lỗi. Tôi đã lơ đãng về chuyện này. Nhất định là ngày mai tôi sẽ bịt các lỗ ấy lại.

- Ồ... vội gì. Sang năm làm cũng được! Kia, Matilda Angelina Araminta Phelps!

Bà lấy cái “đê” cốc lên đầu con bé Matilda một cái làm cho nó phải vội vàng rút tay khỏi bát đường, mặc dầu nó chẳng có ý nghịch ngợm gì cả. Ngay lúc ấy, người đầy tớ gái da đen bước vào hành lang, nói:

- Thưa bà, cái khăn trải giường biến mất rồi ạ.

- Trời đất, quý thần ơi! Lại mất khăn trải giường nữa à?

- Tôi phải đi bịt các hang chuột ngay bây giờ mới được. - Ông Silas nói có vẻ ân hận.

- Thôi đi ông! Chuột mà lại đi lấy khăn trải giường à? Lize, nó biến đi đâu hử?

- Xin thề với trời đất là tôi không biết một chút nào cả, thưa bà Sally. Mới hôm qua nó còn ở trên dây phơi, thế mà bây giờ biến mất, không còn ở đấy nữa.

- Thế này thì đến lúc tận thế rồi. Từ thuở cha sinh mẹ đẻ đến giờ, chưa bao giờ thấy một chuyện lạ lùng như thế này. Một cái sơ mi, một cái thìa, sáu cây...

- Thưa bà, - một đứa đầy tớ gái da vàng còn trẻ đi vào nói - cây đèn đồng bị mất rồi ạ.

- Cút khỏi nơi này đi, cái con nỡm kia, không thì tao nện cả cái xoong lên đầu mày bây giờ.

Dì Sally giận sôi sùng sục. Tôi chỉ chờ một cơ hội nào đó để lên ra ngoài rừng chờ cho đến khi cơn bão táp này dịu đi đã. Nhưng bà cứ vẫn tiếp tục lên cơn thịnh nộ, đơn thương độc mã gây nên sự náo loạn trong khi tất cả mọi người khác thì ngoan ngoãn đứng im thin thít. Cuối cùng ông Silas ngán người ra rút một cái thìa từ trong túi áo. Dì Sally im bật lại, mồm há hốc ra, hai tay đưa lên trời, còn tôi thì chỉ muốn đào lỗ chui xuống đất mà trốn. Nhưng chỉ một lát sau đó, bà nói:

- Tôi biết mà. Từ trước đến giờ, ông vẫn cứ giữ cái thìa ấy trong túi. Chắc là còn các thứ khác nữa, cũng chưa biết chừng. Làm sao mà nó lại chui vào đấy được?

- Thật sự tôi cũng chẳng hiểu nữa, Sally ạ. - Ông nói với vẻ ân hận - Nếu biết thì tôi đã nói cho bà hay rồi. Tôi đang đọc Hồi

Mười Bảy trong cuốn Kinh Thánh, vào lúc trước khi ăn sáng. Có lẽ tôi đã bỏ chiếc thìa vào túi, sau đó vì lơ đãng nghĩ rằng đó là cuốn Cựu Ước. Chắc là thế, vì không thấy cuốn Cựu Ước trong túi. Để tôi ra xem cuốn Cựu Ước có còn ở đó hay không. Có thể là tôi đã không bỏ cuốn sách ấy vào túi mà đặt nó xuống bàn, rồi nhặt cái thìa lên...

- Trời đất ơi! Thôi mọi người đi ra đi cho tôi được yên. Tất cả mọi người, mọi thứ của các người, hãy xéo đi, đừng có đứng gần tôi nữa, cho đến khi nào tôi tỉnh trí lại hãy hay.

Dù dì Sally có nói thăm điều ấy với chính mình mà thôi thì tôi cũng đã có thể nghe được, chứ không đợi gì phải nói to lên như thế. Dù có nằm chết lả ra đấy, tôi cũng sẵn sàng đứng dậy và tuân theo lệnh của dì mà đi ra ngoài. Khi đi ngang qua phòng khách, chúng tôi thấy ông già Phelps nhặt lấy chiếc mũ, đánh rơi cái đinh xuống đất. Nhưng ông chỉ cúi xuống, nhặt lên để trên mặt lò sưởi rồi đi ra, không nói một lời nào. Tom trông thấy như vậy liền nhớ đến cái thìa và nói:

- Không thể nhờ ông già này chuyển đồ vật gì cho mình được. Ông này không đáng tin cậy một chút nào. - Rồi hẳn nói tiếp - Nhưng ông ta đã làm ơn cho chúng mình về chuyện cái thìa mà không biết, vậy thì chúng ta cũng nên trả ơn lại ông ta, mà chính ông ta cũng không biết nốt... chúng mình sẽ bịt các hang chuột ấy lại.

Có rất nhiều hang chuột ở dưới hầm nhà, nên chúng tôi phải làm suốt một giờ mới xong, nhưng chúng tôi đã bịt các lỗ ấy một cách chặt chẽ, chu đáo và gọn ghẽ. Làm vừa xong, thì chúng tôi nghe có tiếng chân đi trên cầu thang. Chúng tôi tắt đèn, đứng nấp ở một góc. Ông già đi đến, một tay cầm nến và tay kia cầm một

nhúm giẻ rách, vẫn với vẻ lơ đãng như lúc nào. Ông đi chậm rãi, từ lỗ hang chuột này đến lỗ hang chuột khác, cho đến khi ông đã thăm tất cả các lỗ. Rồi thì ông đứng lại chừng năm phút, nhặt những giọt sáp chảy ra từ ngọn nến, ra vẻ đăm chiêu suy nghĩ. Sau đó, ông quay lưng lại nói:

- Thật không làm sao nhớ nổi mình đã bịt những lỗ này từ lúc nào. Mình phải cho bà ấy biết rằng mình chẳng có gì đáng trách về vụ chuột phá phách này. Nhưng mà thôi... bỏ qua chuyện ấy đi, có nói cũng chẳng ích lợi gì.

Thế là ông lăm bắm đi lên cầu thang, còn chúng tôi cũng đi ra ngoài sau đó. Ông già này thật là một người dễ thương, lúc nào ông ta cũng tỏ ra như vậy cả.

Tom rất băn khoăn chưa biết giải quyết vụ thìa như thế nào, nhưng hắn nói rằng nhất định chúng tôi phải có một cái. Hắn lại bắt đầu suy nghĩ. Khi đã nghĩ ra được rồi, hắn bèn nói rõ cho tôi biết cần phải hành động như thế nào. Thế là chúng tôi đi đến cái rổ đựng thìa, lảng vảng xung quanh đó để chờ dì Sally đến. Khi nói, Tom bắt đầu đếm số thìa trong rổ, đặt những thìa đếm rồi sang một bên, còn tôi thì lấy ra một chiếc chuỗi vào trong tay áo. Tom nói:

- Dì Sally ạ, cũng vẫn chỉ còn có chín cái thìa thôi.

Dì Sally nói:

- Thôi, đi chơi chỗ khác đi, đừng có quấy rầy tao nữa. Tao biết rõ hơn, vì chính tự tay tao đếm mà.

- Cháu đã đếm đến hai lần, dì ạ. Chỉ có chín cái thìa thôi.

Bà có vẻ như không chịu đựng được nổi nữa, nhưng cố nhiên bà cũng vẫn phải đếm lại. Ai cũng vậy cả.

- Quả là chỉ có chín cái thực. - Bà nói - Ai lại lấy đi những thứ ấy chứ! Để tao đếm lại.

Tôi liền chuỗi vào rễ cái thìa tôi đang giữ, và khi vừa đếm lại xong, bà nói:

- Quỷ quái thực, bây giờ lại mười chiếc!

Bà vừa tức giận vừa bối rối. Nhưng Tom nói:

- Dì ạ, cháu không tin là có mười cái đâu?

- Thằng ngu, mà không thấy tao vừa đếm sao?

- Cháu biết, nhưng mà...

Tôi lại “chôm” một cái, thế là chỉ còn có chín cái thìa như lần trước. Dì Sally lúc bấy giờ trông thật là dễ sợ, bà run người lên vì giận dữ. Bà đếm đi đếm lại, cho đến lúc bà rối lên lung tung, có lúc đếm luôn cả cái rễ, tính như là một cái thìa. Ba lần thì bà đếm đúng, ba lần khác thì bà lại đếm sai. Sau cùng, bà nắm lấy cái rễ, ném sang góc nhà, trúng ngay phải con mèo, rồi bảo tất cả chúng tôi đi ra ngoài cho bà được yên, và nếu còn lảng vảng xung quanh bà từ đó cho đến bữa ăn trưa thì bà sẽ lột da ra. Thế là chúng tôi lấy được cái thìa dư ra, rồi bỏ trong túi áo tạp dề của bà, trong khi bà đang ra lệnh đuổi chúng tôi ra ngoài. Sau đó, thằng Jim nhận được chiếc thìa vào lúc trưa, luôn cả cái đinh nữa, đúng như kế hoạch. Chúng tôi hài lòng về sự thành công này. Tom bảo rằng nó đáng giá gấp đôi công sức khó nhọc chúng tôi đã bỏ ra, bởi vì từ nay dì Sally sẽ không bao giờ đếm thìa hai lần giống hệt như nhau, để cứu lấy mạng sống, và dù có đếm chẳng nữa thì chắc cũng không bao giờ tin rằng mình đếm đúng. Hắn cũng nói rằng sau khi bị điên đầu về cái vụ đếm thìa này thì chắc chắn rằng trong ba ngày kế tiếp đó, dì Sally sẽ bỏ cuộc luôn, và sẽ đòi lột da

đưa nào yêu cầu bà đếm lại lần nữa.

Đêm hôm ấy, chúng tôi treo cái khăn trải giường lại trên dây phơi, rồi đánh cắp một cái khác ở trong tủ, sau đó chúng tôi cứ lấy ra rồi để lại liên tiếp nhiều lần trong suốt hai ngày, cho đến lúc dì Sally không biết có bao nhiêu khăn trong tủ nữa. Cuối cùng bà không còn muốn bận tâm đến chuyện ấy và không còn la rầy, hăm dọa gì nữa. Bà không muốn đếm lại, không phải để cứu lấy mạng sống của bà mà bởi vì chính bà cũng không còn muốn sống nữa.

Thế là mọi việc của chúng tôi ổn thỏa cả. Chúng tôi đã có sơ mi, khăn trải giường, đèn nển, nhờ có sự giúp đỡ của con bê, những con chuột và nhờ lối đếm lẫn lộn. Còn về cây đèn đồng thì không quan trọng, rồi đây mọi người sẽ quên đi với thời gian.

Nhưng làm được cái bánh nướng thật là cả một công trình, chúng tôi gặp hết khó khăn này đến khó khăn khác mới làm xong được cái bánh ấy. Tất cả công việc nấu nướng này đều được thực hiện ở xa tít trong rừng, nhưng cuối cùng chúng tôi cũng làm xong và kết quả rất khả quan. Nhưng không phải là làm xong được tất cả. Chúng tôi phải sử dụng hết ba chậu đầy bột mì, bị bỏng ở nhiều nơi trên người, và mắt thì bị mờ đi, không còn trông thấy đường vì khói. Lý do là bởi vì chúng tôi chỉ cần cái vỏ bánh, nhưng không biết làm thế nào cho nó phồng lên được mà nó cứ bị xẹp xuống hoài. Nhưng cuối cùng chúng tôi cũng tìm ra được phương pháp tốt nhất là nấu luôn cái thang dây cùng một lúc. Thế rồi, vào đêm thứ hai, chúng tôi cùng ở trong căn chòi với Jim, xé tấm khăn trải giường ra thành từng sợi dây nhỏ, cuộn lại với nhau. Mãi đến gần sáng, chúng tôi mới có được một cái dây thừng đủ sức chịu đựng trọng lượng của một người. Công việc

này được xem như là lâu chín tháng.

Sáng hôm ấy, chúng tôi đem sợi dây thừng ấy vào trong rừng, nhưng không nhét được vào cái bánh nướng, vì nó làm bằng cả một cái khăn trải giường nên thừa ra rất nhiều, khả dĩ làm thêm đến bốn chục cái bánh nướng nữa, cũng vẫn chưa hết mà lại còn thừa ra để nấu xúp, làm xúc xích hay bất cứ thứ gì khác, nếu muốn. Có thể dùng để dọn cả một bữa cơm thịnh soạn cũng được!

Nhưng chúng tôi đâu có cần cả bữa cơm ấy, mà chỉ cốt làm sao dùng vừa đủ cho chiếc bánh nướng thôi. Sợi dây còn lại thì đem vứt đi. Chúng tôi không nướng chiếc bánh bằng cái chậu giặt vì sợ rằng chỗ hàn sẽ chảy ra. Nhưng may quá, chú Silas có một cái chậu sưởi bằng đồng có cán gỗ dài rất sang trọng mà ông rất quý bởi vì trước kia nó thuộc về một trong các vị tổ tiên của ông lúc mới rời nước Anh cùng với William, “Người đi chinh phục” trên chuyến tàu “Mayflower” hay một chuyến tàu đầu tiên nào đó. Ông cất cái chậu ấy trên gác thượng cùng một số các bình và đồ vật cổ khác cũng có giá trị, nhưng giá trị của chúng chỉ là ở chỗ đó là những đồ vật kỉ niệm mà thôi. Chúng tôi lấy cái chậu đồng ấy ra một cách kín đáo, rồi đem vào rừng. Làm những chiếc bánh đầu tiên thì thất bại, vì chúng tôi chưa biết làm thế nào, nhưng đến cái bánh cuối cùng thì trông thật ngon lành. Chúng tôi lót cái chậu đồng ấy bằng bột nhồi, đặt lên trên bếp than, nhét sợi thang dây vào, phủ một lớp bột dẻo ở trên mặt, đập nắp lại, để than hồng lên trên đó, rồi đứng cách xa đó chừng một thước rưỡi, tay nắm cái cán dài, rất là mát mẻ, thoải mái. Mười lăm phút sau, chúng tôi đã có được một cái bánh nướng trông thật là đẹp mắt. Nhưng kẻ nào mà ăn cái bánh này sẽ phải đem theo vài cái thùng

đựng tấm xia rằng vì tôi bảo đảm rằng cái thang dây ấy sẽ làm cho hẳn ta phải ngồi bó chân tại chỗ để mà nhai, và sẽ ôm bụng mà kêu la, nhưng cũng đủ cho hẳn chịu đựng được để mà tiếp tục nhai nữa.

Nat không dám nhìn trong khi chúng tôi đặt cái bánh nướng cho ma quỷ vào trong cái xoong ăn của Jim. Chúng tôi cũng nhét thêm ba cái đĩa thiếc ở đáy xoong, bên dưới các thức ăn. Jim nhận được mọi thứ đầy đủ. Khi chỉ còn một mình hẳn trong chòi, hẳn bẻ chiếc bánh ra, giấu cái thang dây trong nệm rơm, cạo một vài dấu hiệu gì đó trên đĩa thiếc, rồi vút qua cái lỗ cửa sổ.

CHƯƠNG 38

“ĐÂY LÀ TRÁI TIM TAN VỠ CỦA KẺ BỊ CẦM GIỮ...”

àm được những cây bút viết thật là việc gian nan, vất vả, cũng giống như việc chế tạo một cái cửa vậy. Jim cho rằng công việc khó khăn hơn cả là khắc chữ. Tù nhân thường phải quờ quạng khắc những dòng chữ như thế trên tường. Nhưng, dù sao, hắn vẫn phải viết. Tom cho rằng đó là một việc làm bắt buộc. Không một tù nhân quan trọng nào của quốc gia mà không để lại những dòng chữ viết và huy hiệu của mình:

- Mà cứ xem bà Jane Grey, ông Gibford Dudley hay lão già Northumberland! Huck này, mà có tưởng tượng được nó khó khăn như thế nào không? Phải làm cái gì? Phải giải quyết nó như thế nào? Thằng Jim phải viết các dòng chữ ấy và phải có huy hiệu riêng của hắn. Ai người ta cũng làm như thế cả.

Jim nói:

- Nhưng cậu Tom này, tôi không có “huy hiệu”^{*} nào cả. Tôi chỉ có cái áo sơ mi cũ mà cậu bảo tôi dùng để viết nhật kí lên trên ấy thôi.

- Ồ, mà không hiểu gì cả. Cái huy hiệu khác lắm, không phải như thế đâu.

- Jim nói đúng đấy, - tôi nói - hắn không có huy hiệu nào cả.

- Tao biết rồi, - Tom nói - nhưng hắn phải có, một cái trước khi thoát khỏi nơi này. Hắn có thoát thì cũng phải thoát cho đảng hoàng, không được có một thiếu sót nào trong thành tích của hắn cả.

Trong khi Jim và tôi đang cố gắng đục chữ trên một viên gạch, Jim viết bằng miếng đồng còn tôi thì dùng cái thìa, thì thằng Tom cố nặn óc nghĩ ra một cái huy hiệu cho Jim. Một lát sau, hắn nói hắn đã nghĩ ra nhiều cái hay lắm, không biết nên chọn cái nào, nhưng có một cái huy hiệu mà hắn nghĩ có thể chấp nhận được. Hắn nói:

- Trên cái huy hiệu ấy, chúng ta sẽ vẽ một đường chéo *màu vàng* ở phía bên phải, hai đường chéo *màu tím* ở ngay giữa cái “phét”*, với một con chó đang nằm biểu tượng cho điều buộc tội thông thường và dưới chân hắn là một sợi dây xích xếp hình răng cưa theo kiểu pháo đài thời cổ, biểu tượng cho nô lệ, một hình chữ V *màu xanh lục* ở phần phía trên cùng của huy hiệu có viền gai, ba đường hình bán nguyệt trên nền *màu thiên thanh*, với nhiều cái chấm ở giữa huy hiệu trên một cái “đăng-xét” răng cưa, một cái *biểu tượng chính* là hình một tên da đen bỏ trốn, có *sọc ngang dọc màu đen*, với một cái gói hành lí trên vai, vẽ *trên đường chéo trái*; thêm vào đó hai đường sọc đỏ nữa để chỉ những kẻ ủng hộ, tức là tao và mày; một khẩu hiệu ghi chữ *Maggiore fretta minore atte*. Tao lấy câu này trong một cuốn sách, có nghĩa là “Dục tốc bất đạt”.

- Trời! - Tôi nói - Thế còn những thứ khác nghĩa là gì?

- Chúng mình không có thì giờ đâu mà băn khoăn về những chuyện ấy. Mình phải đục ra đúng như cái người ta đã công bố

thôi.

- Nhưng dù sao, mình cũng phải hiểu một ít về những thứ ấy chứ? Vậy cái “Phét” ấy nghĩa là gì?

- Phét à? Cái “Phét” là... Mà cần gì biết “Phét” nghĩa là gì? Khi nào hắn bắt đầu làm, tao sẽ chỉ cho hắn.

- Mẹ kiếp, tao tưởng là mày giải thích được chứ. Thế cái “đăng-xét” là cái gì?

- Tao không biết. Nhưng mà nhất định hắn phải có cái ấy. Các nhà quý tộc đều có cả.

Cái lỗi của hắn là như vậy đó. Nếu hắn không thấy tiện giải thích điều gì cho mình thì hắn chẳng bao giờ chịu giải thích. Dù có cần vắn hắn cả tuần lễ thì cũng vậy thôi.

Thế là hắn đã giải quyết xong vấn đề huy hiệu, bây giờ là lúc hắn bắt đầu khởi sự công việc còn lại, là nghĩ ra nội dung của dòng chữ khắc. Hắn nói rằng Jim thế nào cũng có cái này, như bao nhiêu những người khác đã làm. Tất cả câu viết đều do hắn nghĩ ra, viết trên một tờ giấy, rồi đọc lên như sau:

1. Đây là nơi trái tim của kẻ bị giam cầm đã tan vỡ.
2. Đây là nơi một tù nhân đáng thương, bị người đời và bạn bè bỏ rơi, đã sống héo hon, tàn tạ qua những chuỗi ngày đau khổ.
3. Đây là một trái tim cô đơn tan vỡ, một tâm hồn mòn mỏi đi đến nơi an nghỉ cuối cùng, sau ba mươi bảy năm sống trong cảnh giam cầm cô quạnh.
4. Đây là nơi một nhà quý tộc xa lạ, một người con chính thức của vua Louis XIV, đã qua đời trong cảnh cô đơn, không nhà,

không bạn bè, sau ba mươi bảy năm giam cầm cay đắng.

Trong khi đọc lên những dòng chữ này, giọng của Tom run lên, hần như muốn ngã gục xuống vì xúc động. Khi viết xong, hần do dự, không biết nên chọn câu nào để cho Jim viết lên tường, vì câu nào nghe cũng hay cả. Cuối cùng, hần quyết định rằng Jim viết cả bốn câu ấy lên. Jim nói có lẽ phải đến một năm nó mới viết xong được những thứ lắm nhảm lên cây gỗ bằng một cái đinh, hơn nữa hần lại không biết viết chữ nữa. Nhưng Tom nói hần sẽ phác sơ các chữ và Jim chỉ việc đồ lại các nét. Chẳng mấy chốc sau đó, hần nói:

- Nghĩ cho kĩ lại thì không thể dùng các thân cây để mà viết được. Trong một cái tháp ở lâu đài thì làm gì có tường bằng thân cây. Mình phải khắc lên đá mới được. Chúng mình phải tìm cho ra đá.

Jim nói khắc trên đá còn khó hơn là khắc trên gỗ nữa, và nếu hần phải khắc trên đá thì lâu lắm mới xong, chắc chắn sẽ không bao giờ thoát ra được. Nhưng Tom nói hần sẽ cho phép tôi giúp Jim làm việc này. Thế là hần đứng xem tôi và Jim viết như thế nào. Thật là một công việc vừa khó nhọc vừa chậm chạp và buồn chán, khiến cho bàn tay tôi không có dịp nào nghỉ ngơi cho hết đau, ấy thế mà công việc của chúng tôi có vẻ như không tiến thêm được chút nào. Tom nói:

- Tao nghĩ ra một cách rồi. Chúng mình sẽ lấy một tảng đá dùng để viết chữ và vẽ huy hiệu luôn một thể. Như thế lợi một công hai, ba việc. Tao thấy có miếng đá mài khá lớn ở nhà máy cưa. Chúng mình sẽ chôn nó về đây để khắc mọi thứ trên ấy,

đồng thời để mài giữa bút và cửa của chúng mình nữa.

Thật là một ý kiến không tồi chút nào, mà hòn đá mài ấy cũng không phải là tồi nữa. Nên chúng tôi đồng ý với nhau là thế nào cũng phải lấy cho được hòn đá mài ấy. Lúc ấy chưa đến khuya, chúng tôi ra ngoài, đi về phía nhà máy cửa, để mặc cho thằng Jim làm việc một mình. Chúng tôi lấy được một tảng đá mài, nhưng lần nó được về đến nhà là cả một kì công. Nhiều lúc, dù cố gắng bao nhiêu chúng tôi cũng không thể giữ cho nó khỏi ngã nghiêng sang một bên, cứ mỗi lần như thế là một lần chúng tôi suýt bị nó đè bẹp gí. Tom nói thế nào tảng đá ấy cũng đè bẹp một trong hai đĩa tôi trước khi đưa được nó về đến nhà. Chúng tôi đi được nửa đoạn đường thì kiệt cả sức, mồ hôi ướt đầm. Rõ ràng là không còn cách nào nữa. Chúng tôi đành phải đi về gọi Jim giúp vậy. Thế là Jim nhắc chiếc giường lên, lôi sợi dây xích ra khỏi chân giường, vắt nó xung quanh cổ, rồi bò qua lỗ đào đến chỗ chúng tôi. Jim và tôi nắm lấy tảng đá mài ấy và đẩy nó đi dễ dàng như không, trong khi Tom đi bên cạnh để điều khiển. Hẳn có tài điều khiển giỏi hơn bất kì đĩa nào mà tôi đã gặp. Hẳn biết làm tất cả mọi chuyện.

Lỗ của chúng tôi khá lớn, nhưng vẫn không đủ cho tảng đá mài qua lọt. Nhưng Jim cầm ngay lấy cái cuốc và chỉ trong chốc lát hẳn đã đào xong cái lỗ thật lớn. Tom dùng đinh kẻ chữ lên đó rồi bảo Jim cứ theo thế mà đục bằng một cái đinh và lấy một cái bu-lông sắt từ đống rác trong mái che dùng làm búa. Jim phải làm việc cho đến khi nào cây nện tắt hẳn mới nghỉ, sau đó hẳn phải giấu tảng đá mài dưới nệm rơm và ngủ lên trên đó. Chúng tôi giúp hẳn đặt lại xích vào chân giường, rồi chuẩn bị về đi ngủ. Nhưng Tom bỗng nảy ra một ý kiến gì đó, hẳn hỏi Jim:

- Mày thấy có con nhện nào ở trong này không?

- May quá tôi không thấy, cậu Tom ạ.
- Được rồi, tao sẽ kiếm ít con cho mày.
- Lạy Chúa. Tôi chẳng cần có con nào cả. Tôi sợ nhện lắm. Thà có rắn cũng còn hơn là nhện.

Tom suy nghĩ một lát rồi nói:

- Ý kiến hay đấy. Chắc có người cũng đã làm như vậy. Nhất định thế nào cũng có. Rõ ràng là như thế. Thật là ý kiến tuyệt vời. Mày định giữ nó ở đâu, Jim?

- Giữ cái gì, cậu Tom?
- Rắn đuôi chuông ấy.
- Trời ơi, cậu Tom! Nếu có con rắn đuôi chuông ở đây thì có lẽ tôi phải đâm đầu qua cái tường làm bằng thân cây kia để chạy ra ngoài mất.

- Jim này, chỉ sau một thời gian ngắn thôi, mày sẽ không còn sợ nó nữa. Mày có thể làm quen với nó mà.

- Làm quen với rắn à?
- Phải. Dễ lắm. Con vật nào cũng muốn được người ta nâng niu chiều chuộng và không bao giờ nghĩ đến việc làm hại những kẻ nào nâng niu chiều chuộng chúng. Sách vở nào cũng đều nói như vậy cả. Mày cứ thử làm đi thì biết... tao chỉ yêu cầu mày có thể. Cứ thử chừng hai, ba ngày đi. Chỉ một thời gian ngắn thôi. Hắn sẽ yêu mến mày, sẽ ngủ với mày, và sẽ không chịu rời mày một phút. Mày sẽ cho nó quấn xung quanh cổ và đút đầu nó vào mồm mày.

- Thôi tôi van cậu, cậu Tom ạ. Đừng nói như thế nữa. Tôi không chịu nổi đâu. Con rắn ấy chui đầu vào mồm tôi mà xem đó

là một cái ơn à? Còn khuya tôi mới yêu cầu nó làm như thế. Lại còn cái chuyện ngủ với tôi nữa à? Không bao giờ!?

- Jim này, mày đừng có ngu dại như thế. Một tù nhân bao giờ cũng phải nuôi một con vật nào đó để làm bạn. Nếu xưa nay chưa ai bao giờ nuôi rắn cả, mà mình là người đầu tiên làm được chuyện ấy thì danh giá lừng lẫy biết mấy.

- Cậu Tom ạ, tôi không muốn được danh giá lừng lẫy theo kiểu ấy. Rắn nó cắn rứt cả cảm Jim đi rồi thì còn danh giá nổi gì? Thôi cậu, tôi không muốn chơi cái trò ấy.

- Mẹ kiếp, mày không muốn làm thử hay sao? Tao chỉ muốn mày *làm thử* thôi mà. Nếu làm không được thì ai cấm mày bỏ đâu?

- Nhưng nếu con rắn ấy nó cắn mình trong lúc mình đang làm thử thì coi như là hết chuyện rồi, còn gì mà bỏ với không bỏ. Cậu Tom, tôi sẵn sàng làm bất cứ việc gì, miễn là nó không quá bất hợp lí, nhưng nếu cậu và Huck đem con rắn ấy lại đây cho tôi nuôi thì tôi sẽ bỏ đi ngay, nhất định như thế.

- Thôi bỏ qua chuyện ấy đi. Mày cứng đầu cứng cổ quá, để chúng tao tìm cho mày ít con rắn không độc, rồi mày buộc mấy cái khuy vào đuôi nó, giả vờ như là rắn đuôi chuông vậy.

- Thế thì tôi còn có thể chịu được, cậu Tom ạ. Nhưng tôi nghĩ rằng cần gì phải có những thứ ấy kia chứ. Trước kia tôi không hề bao giờ ngờ rằng làm tù nhân lại phải khổ sở rắc rối đến như thế.

- Làm cho thật đúng thì bao giờ cũng thế. Ở đây có chuột không?

- Không, chẳng thấy con nào cả.

- Để chúng tao tìm cho mày ít con.

- Tôi không cần chuột, cậu Tom ạ. Chúng phá phách lắm, bò cả lên người, cắn vào chân người ta, không làm cho ai ngủ được. Cậu cứ đem rắn không độc cho tôi nếu bắt buộc phải có. Chứ đừng đưa chuột vào đây nữa. Tôi không cần chúng, chẳng cần chút nào!

- Nhưng, Jim ạ, mày cần có chuột. Mọi người đều làm như thế cả. Đừng có rùm beng như thế nữa. Tù nhân nào cũng phải có chuột bên cạnh, không thể có ngoại lệ. Họ nuôi chuột, huấn luyện chúng, dạy chúng làm trò. Dần dần chúng trở nên thân mật như ruồi vậy. Nhưng mày phải biết chơi âm nhạc với chúng. Ở đây mày có nhạc khí gì không?

- Tôi chẳng có gì cả, chỉ có một cái lược và một miếng giấy để thổi kèn, và một cái “đàn búng” của người Do Thái* thôi. Nhưng tôi chắc là lũ chuột chẳng thích gì loại đàn này.

- Chúng thích lắm chứ. Chúng chẳng cần biết là loại âm nhạc gì. Đối với con chuột thì cái đàn búng ấy cũng được rồi. Súc vật nào cũng thích âm nhạc - ở trong tù thì chúng lại càng thích. Nhất là loại âm nhạc bi thảm, mà về loại âm nhạc bi thảm này thì cái đàn búng của người Do Thái lại càng thích hợp. Tiếng đàn ấy sẽ làm cho chúng chú ý. Chúng sẽ chạy lại xem mày đang có chuyện đau khổ gì. Được rồi! Như thế là mày đã chuẩn bị đầy đủ cả. Đến đêm, trước khi đi ngủ, hay lúc sáng sớm, mày ngồi trên giường chơi cái đàn búng ấy, chơi bài “Đường dây liên lạc cuối cùng đã đứt”. Đó là bài nhạc lôi cuốn lũ chuột nhanh nhất. Mày chỉ chơi chừng vài phút là tất cả chuột, rắn, nhện đều thương cảm hộ cho mày rồi bò đến lổm nhổm, lúc nhúc xung quanh mày ngay. Chúng sẽ được một phen vô cùng thích thú.

- Chúng chắc thích thật. Nhưng đối với thằng Jim này thì có gì mà thích thú kia chứ. Tôi chẳng hiểu gì về chuyện này cả. Nhưng nếu bắt buộc phải làm thì tôi cũng sẽ làm thôi. Có lẽ cứ làm cho chúng thích thú như vậy còn hơn là để cho chúng phá phách trong nhà.

Tom im lặng suy nghĩ một lúc để xem còn quên điều gì nữa chẳng. Sau đó một lát, hắn nói:

- Tao còn quên một thứ. Mà có thể trồng hoa ở đây được không?

- Không biết, nhưng chắc cũng có thể. Nhưng ở đây hơi tối tăm, mà tôi cũng chẳng cần hoa làm gì. Trồng hoa rắc rối lắm.

- Dầu sao thì mày cứ thử trồng xem sao. Một số tù nhân thường làm như vậy.

- Có một loại cây hoa giống như đuôi mèo, có thể trồng ở đây được. Nhưng không bỏ công trồng những thứ này.

- Mày đừng có nghĩ thế. Chúng tao sẽ kiếm cho mày một cây nhỏ để trồng ở góc kia. Đừng có gọi đó là hoa đuôi mèo mà gọi là *Pitchiola*, đó là cái tên của nó lúc ở trong tù. Mày cần tưới cho nó bằng nước mắt.

- Ủa, ở đây thiếu gì là nước suối, hử cậu Tom?

- Mày không cần nước suối. Mày cần tưới bằng nước mắt. Ai người ta cũng làm như vậy cả.

- Cậu Tom này. Tôi có thể cuộc với cậu rằng, tôi có thể trồng hai đợt cây hoa đuôi mèo ấy bằng nước suối, trong khi một người khác chỉ mới bắt đầu trồng được một cây bằng nước mắt thôi.

- Không phải như vậy đâu. Đằng nào mày cũng phải trồng

bằng nước mắt.

- Nhưng cây ấy chắc chắn sẽ chết, cậu Tom ạ, vì tôi ít khi khóc lắm.

Tom cứng họng không nói lời nào. Nhưng hắn vẫn suy nghĩ, tìm cách giải quyết, cuối cùng hắn nói rằng Jim sẽ phải cố nặn làm sao cho ra được nước mắt bằng cách dùng củ hành. Hắn hứa sẽ đi đến người da đen, lén bỏ một củ hành vào bình cà phê của Jim vào buổi sáng. Jim nói rằng “bỏ thuốc lá vào trong cà phê” còn tốt hơn thế nữa, chứ cần gì phải dùng củ hành, rồi hắn bắt đầu chỉ trích các ý kiến của Tom, về việc trồng hoa đuôi mèo, chơi đàn búng với chuột, nuôi và vuốt ve rắn, nhện, và nhất là việc khắc chữ bằng bút ở trên đá, việc viết nhật kí và những việc khác nữa, tất cả những thứ ấy chỉ gây thêm khó khăn, lo lắng và trách nhiệm cho tù nhân mà thôi. Hắn nói nhiều quá đến nỗi Tom mất cả kiên nhẫn. Tom cho rằng Jim đã có rất nhiều cơ hội sáng chói hơn bất kì một tù nhân nào khác trên thế giới để tạo tên tuổi cho mình, thế mà hắn không biết lợi dụng mà lại bỏ phí. Nghe vậy, Jim liền xin lỗi và hứa rằng hắn sẽ không có thái độ như thế nữa. Sau đó, Tom và tôi cùng trở về nhà đi ngủ.

CHƯƠNG 39

TOM VIẾT THƯ NẶC DANH

ào buổi sáng hôm sau, chúng tôi đi lên thị trấn mua một cái bẫy chuột làm bằng dây thép, rồi đem xuống dưới nhà, tháo các lỗ hang chuột ra. Chỉ trong chừng một giờ, chúng tôi đã bắt được mười lăm con rất đẹp. Sau đó, chúng tôi đem đặt chiếc bẫy ấy ở một nơi kín đáo ngay dưới giường dì Sally. Nhưng trong khi chúng tôi bận đi nơi khác để tìm nhện thì một thằng con trai của ông bà Phelps, tên là Thomas Franklin Benjamin Elexander Phelps trông thấy cái bẫy. Hắn liền mở nắp ra để xem chuột có muốn chạy ra ngoài hay không. Quả thật, tất cả bẫy chuột đều chạy ra khỏi lồng. Khi chúng tôi trở về thì thấy dì Sally đang đứng trên giường la hét ầm ĩ trong khi mấy con chuột đang cố gỡ đủ trò để làm cho bà đỡ buồn chán. Thế là bà nắm lấy hai đứa tôi rồi cầm gậy phết chúng tôi mấy cái như phủi bụi. Thật là bực mình cho thằng bé vụng về xen vào công việc của chúng tôi, làm cho chúng tôi phải mất thêm hai giờ nữa để bắt mười lăm, mười sáu con chuột khác. Nhưng những con sau này không làm cho chúng tôi được vừa ý lắm, vì cái lứa đầu tiên mới là lứa tốt nhất trong cả bẫy. Thật tôi chưa thấy những con chuột nào làm cho tôi vừa ý như là lứa thứ nhất.

Chúng tôi cũng bắt được một mớ nhện, bọ, ếch, sên và nhiều

thứ khác nữa, tất cả đều được lựa chọn và thật đẹp. Ngoài ra, chúng tôi cũng muốn bắt cả tổ ong vò vẽ nữa, nhưng không thành công. Tất cả bầy ong đang ở trong tổ cả. Nhưng chúng tôi không chịu bỏ cuộc ngay, mà đứng chờ bên cạnh chúng thật lâu, định bụng phải làm cho chúng mệt mỏi đã rồi bắt, nhưng kết quả ngược lại như vậy. Chúng tôi bị chúng đốt, phải dùng thuốc giảm đau, bôi vào những nơi bị đốt. Một lát sau, chúng tôi đã gần khỏi hẳn, nhưng ngời xuống vẫn còn cắn cái lắm. Sau đó, chúng tôi đi tìm rắn và bắt được chục con rắn thuộc loại không độc, bỏ tất cả vào trong một chiếc bị, để vào trong buồng ngủ của chúng tôi. Lúc ấy đã đến giờ ăn tối. Chúng tôi đã trải qua một ngày làm việc rất ngoan ngoãn và tốt đẹp. Còn đói bụng? Ồ, không, chúng tôi chẳng thấy đói bụng chút nào. Nhưng khi chúng tôi trở về phòng thì không thấy một con rắn nào trong phòng cả. Thì ra chúng tôi không buộc kĩ cái túi nên rắn đã tìm cách bò ra ngoài rồi bỏ đi mất. Nhưng chắc không hề gì vì chúng vẫn còn ở nơi nào đó trong nhà. Chúng tôi tin rằng có thể tìm thấy lại một số. Quả thật, trong nhà này không thiếu gì rắn trong một khoảng thời gian khá lâu. Thỉnh thoảng chúng lại rơi xuống từ xà nhà và từ nhiều nơi khác. Chúng thường rơi vào đĩa ăn hay xuống cổ, nhất là ở những nơi mà người ta chẳng mong đợi chút nào. Con nào con nấy có khoang rắn ri, trông rất đẹp. Tất cả đều rất hiền, không độc. Nhưng dì Sally không cần biết điều này. Bà rất ghét rắn, dù chúng thuộc loại nào. Làm cách nào đi nữa, bà vẫn không thể nào chịu đựng được chúng. Cứ mỗi lần một con rắn rơi trên người bà thì dù bà đang làm việc gì chẳng nữa, bà cũng vứt đó mà chạy. Tôi chưa thấy một người đàn bà nào như vậy. Bà rú lên như long trời lở đất. Không có cách nào bảo bà dùng cái kẹp gấp lấy một

con rắn được. Mỗi lúc bà quay lại nhìn thấy một con rắn ở trên giường thì tức tốc bà chạy hối hả ra cửa, miệng la hét om sòm y như là đang bị cháy vậy. Ông già bực mình quá đến nỗi phải nói rằng ông ước làm sao trời đừng sinh ra cái giống rắn làm gì cho đỡ khổ. Sau khi rắn đã đi ra khỏi nhà chừng một tuần lễ, dì Sally vẫn chưa hoàn hồn. Bà chẳng bao giờ hết sợ được cả. Mỗi khi bà đang suy nghĩ điều gì mà mình lấy một cái lông gà sờ nhẹ lên cổ thì bà nhảy dựng lên, tụt cả tất, trông thật là buồn cười. Nhưng Tom nói rằng đàn bà đều như vậy cả. Trời đã sinh họ ra như thế vì một lí do nào đó không thể hiểu được.

Cứ mỗi lần dì Sally gặp phải rắn là một lần bà lôi chúng tôi ra mà nện, và bà nói rằng những cái đánh ấy không thấm thìa gì so với lần sau này, nếu chúng tôi lại đem rắn về đầy nhà một lần nữa. Tôi không sợ những cái đánh của bà và thật ra chúng chẳng đau đớn gì. Điều mà chúng tôi lo lắng nhất là làm sao tìm được một mẻ rắn khác. Nhưng sau đó, chúng tôi cũng bắt được một số, và nhiều thứ khác nữa. Thật không có nơi nào vui nhộn như căn chòi của Jim những lúc các con vật ấy xúm lại xung quanh hăn để nghe âm nhạc. Jim ghét nhất là nện và những con vật này cũng không ưa gì hăn. Chúng vẫn thường tấn công Jim, làm cho hăn phải khó chịu vô cùng. Hăn nói rằng giữa những con chuột, rắn và hòn đá mài, không còn chỗ nào dành cho hăn nghỉ ngơi cả. Khi nào tìm ra được một chỗ nằm thì hăn lại không tài nào ngủ được vì chúng nhộn nhịp quá, mà chúng nhộn nhịp như thế là vì chúng không bao giờ ngủ cùng một lần. Chúng thay phiên nhau ngủ. Khi rắn ngủ thì chuột thức, khi chuột ngủ thì rắn lại đứng canh. Vì vậy, lúc nào hăn cũng có một toán nằm phía dưới người hăn và một toán đang làm xiếc ở trên người, còn nếu hăn

đứng dậy đi tìm một chỗ khác nằm lại thì lại bị nhện tấn công mỗi khi hắn bước qua chúng. Hắn tự nhủ rằng, nếu lần này mà hắn thoát được ra ngoài thì dù được trả lương đi nữa, không bao giờ hắn muốn làm tù nhân.

Qua hết ba tuần lễ, mọi sự đều tiến hành hết sức khả quan. Cái áo sơ mi được đưa vào sớm, trong một cái bánh nướng, và cứ mỗi lần bị chuột cắn thì Jim đứng dậy kẻ một đường, vào trong nhật kí, nếu mực vẫn còn ướt; bút viết cũng đã chế tạo xong, các dòng chữ cũng đã được khắc trên đá; chân giường đã được cưa làm hai; chúng tôi đã nuốt hết mặt cưa làm cho chúng tôi bị những cơn đau bụng lạ kì. Nhiều lúc tưởng tất cả chúng tôi đều phải chết, nhưng may không ai chết cả. Đó là những mặt cưa cực kì khó tiêu. Tom cũng nói vậy. Nhưng, như tôi vừa nói, tất cả mọi việc đều hoàn tất. Chúng tôi gần như kiệt sức, nhất là Jim. Lúc bảy giờ ông già đã viết hai ba lần thư xuống đồn điền ở New Orleans để yêu cầu họ lên nhận tên da đen mới bỏ trốn, nhưng không ai trả lời vì không có đồn điền nào như vậy ở đó cả. Vì vậy, ông dự định đăng trên mục rao vặt của các tờ báo ở St. Louis và New Orleans. Khi nghe nhắc đến tên St. Louis, tôi rung mình và nghĩ bụng cần phải tiến hành gấp mọi công chuyện. Tom bèn quyết định viết ít thư nặc danh.

- Nó là cái gì hở Tom? - Tôi hỏi.

- Đó là những lời cảnh cáo cho mọi người biết sắp có sự việc xảy ra. Có khi người ta làm bằng cách này, có khi làm cách khác. Nhưng mà bao giờ cũng có một người làm công việc do thám để báo cáo cho người trông coi lâu đài biết. Khi vua Louis XVI trốn khỏi lâu đài Tuileries thì có một người hầu gái làm việc ấy. Đó là một cách làm rất hay. Cái thư nặc danh thì cũng vậy. Chúng mình

sẽ sử dụng cả hai cách. Thường thường có người mẹ của tù nhân đổi áo cho con, rồi ngồi lại trong tù, trong khi người con mặc quần áo của bà lên ra ngoài. Chúng mình cũng sẽ làm giống như vậy.

- Nhưng mà Tom này, việc gì phải báo trước người ta như thế. Để cho họ tự khám phá ra chứ. Đó là phận sự của họ mà.

- Phải, tao biết chứ. Nhưng mày không thể tin cậy họ được, ngay từ lúc đầu họ đã hành động như thế. Họ buộc chúng ta phải tự làm tất cả mọi thứ. Họ ngây thơ và tin người quá nên không để ý cái gì hết. Cho nên nếu ta không lưu ý họ thì chẳng có ma nào can thiệp vào việc làm của chúng mình cả. Như thế thì sau khi chúng mình bỏ ra biết bao nhiêu công lao khó nhọc, cuộc tẩu thoát này trở thành nhạt nhẽo quá... không đáng gì hết... chẳng ra chuyện gì hết.

- Đối với tao, Tom ạ, thì đó là điều tao mong nhất.

- Mẹ kiếp! - Tom nói, ra vẻ khó chịu, khinh bỉ.

Thấy vậy, tôi nói tiếp:

- Nhưng mà tao không phản nản gì đâu. Bất cứ cái gì hợp với mày thì cũng hợp với tao. Thế mày làm thế nào tìm ra người hầu gái ấy?

- Mày sẽ là người hầu gái. Mày lên vào lúc nửa đêm, đánh cắp cái áo của đứa đầy tớ gái da vàng cho tao.

- Nhưng, Tom này, sáng hôm sau người ta sẽ làm rùm beng lên thì sao? Chắc nó có một cái áo dài ấy để mặc thôi.

- Tao biết chứ, nhưng mày cần dùng cái áo ấy trong mười lăm phút để đưa cái thư nặc danh bằng cách chuồn nó dưới khe cửa.

- Được rồi, tao sẽ làm. Nhưng tao vẫn có thể mặc quần áo của

tao mà đưa thư được chứ?

- Như thế mày đâu có giống đứa hầu gái, phải không?

- Không. Nhưng có ai nhìn thấy tao ăn mặc thế nào đâu?

- Điều ấy chẳng có liên quan gì hết. Công việc chúng ta là thực hiện đúng nhiệm vụ, không cần quan tâm đến việc người ta thấy hay không thấy. Mày làm việc không theo nguyên tắc chút nào hay sao?

- Được rồi. Tao sẽ không nói gì nữa. Tao sẽ làm người hầu gái. Thế còn ai làm mẹ thằng Jim?

- Tao làm mẹ. Tao phải đi chôm cái áo choàng của dì Sally.

- Vậy thì mày sẽ trở lại trong căn chòi trong khi tao và Jim chuồn đi?

- Không hẳn thế. Tao sẽ nhét đầy rơm vào quần áo của Jim rồi đặt lên giường, hóa trang làm bà mẹ của hắn, Jim sẽ lấy áo choàng của người đàn bà da đen trên người tao rồi mặc vào. Tất cả chúng mình đều cùng vượt ngục một lúc. Khi một tù nhân quan trọng chạy thoát thì người ta gọi đó là cuộc vượt ngục. Người ta thường gọi như vậy trong trường hợp một nhà vua trốn thoát, hay là con vua thì cũng vậy, dù là con chính thức hay không chính thức.

Tom viết lá thư nặc danh, còn tôi thì đi đánh cắp cái áo dài của người đầy tớ da vàng, mặc vào người rồi chuồn lá thư dưới gầm cửa trước, như Tom đã dặn. Thư ấy viết như sau:

“Coi chừng. Đang sắp sửa xảy ra vụ lộn xộn. Hãy canh gác cho kĩ.

MỘT NGƯỜI BẠN VÔ DANH”

Đêm sau, chúng tôi dán trên cánh cửa trước một bức tranh do Tom vẽ bằng máu trên đó có một cái hình đầu lâu và hai xương bắt chéo. Đêm sau nữa, lại dán một bức tranh khác vẽ một cái quan tài dán ở cửa sau. Cả gia đình trông thấy vậy đều toát mồ hôi hột. Cho dù cả ngôi nhà này có chứa đầy ma đang rình họ từ khắp mọi nơi, dưới gầm giường hay trong không khí thì chắc họ cũng không thể nào khiếp sợ hơn thế được. Mỗi khi cánh cửa đập một cái rầm thì dì Sally lại nhảy dựng lên, kêu “oái” một tiếng. Khi có vật gì rơi, hay nếu ta sờ vào người bà trong lúc bà không để ý, thì bà cũng có phản ứng y hệt như vậy. Bà không dám nhìn hẳn về một hướng nào cho thật yên tâm, bởi vì bà cho rằng lúc nào cũng có cái gì đó đang ở sau lưng cho nên bà thường đột ngột quay lại, rồi kêu “oái” một tiếng, nhưng chưa quay hết được hai phần ba vòng thì bà quay trở lại ngay, rồi lại kêu “oái” một tiếng nữa; bà sợ không dám đi ngủ, nhưng ngồi thức thì bà cũng sợ nốt. Đối với Tom thì sự việc đã diễn ra rất tốt đẹp, hẳn cho rằng chưa bao giờ thành công đến như vậy. Điều này, theo hẳn nghĩ, chứng tỏ rằng mọi việc đều thực hiện đúng nguyên tắc.

Bây giờ đến phần nhiệm vụ quan trọng nhất. Sáng hôm sau, vào lúc tờ mờ sáng, chúng tôi đã viết xong một lá thư thứ hai, nhưng còn băn khoăn chưa biết giải quyết như thế nào với bức thư ấy, bởi vì vào bữa ăn tối, chúng tôi nghe nói người ta sẽ đặt một người da đen ở cửa trước và một người khác ở cửa sau. Họ sẽ ngồi canh ở đó suốt đêm. Tom liền trèo cột thu lôi đi xuống để do thám tình hình. Người da đen ở cửa sau đang ngủ thiêm thiếp. Tom liền nhét bức thư vào bên trong cổ áo của anh chàng này rồi trở về phòng. Bức thư này viết như sau:

“Đừng làm cho tôi phải thất vọng. Tôi mong muốn được làm một người bạn của các người. Hiện đang có một toán giết người nguy hiểm xuất phát từ địa phận của người da đỏ dự định sẽ đánh cắp tên da đen bỏ trốn ngay tối nay. Họ đang tìm cách làm cho các người sợ hãi, phải ở lại trong nhà để không quấy rầy họ được. Tôi là một người trong toán này, nhưng tôi là người có đạo và muốn từ bỏ bọn chúng để sống lại cuộc đời lương thiện. Vì vậy tôi tố cáo âm mưu đen tối của bọn chúng. Chúng sẽ từ hướng bắc lên xuống, đi dọc theo hàng rào, vào đúng nửa đêm, có mang theo chìa khóa giả, chúng sẽ đi vào căn chòi của tên da đen để bắt hắn. Tôi có nhiệm vụ đứng ở cách đó một quãng ngắn và thổi còi nếu có nguy hiểm. Nhưng tôi sẽ không thổi còi mà sẽ kêu be-be như cừu, khi nào chúng lại gần. Trong khi chúng đang tháo xích của tên da đen, các người hãy lên vào, khóa chặt chúng lại, rồi giết chúng tùy thích. Các người chớ làm điều gì khác với những điều tôi vừa dặn. Nếu các người làm khác đi thì chúng sẽ nghi ngờ và gây tán loạn lên đấy. Tôi không đòi hỏi bất cứ một phần thưởng nào mà chỉ mong được biết rằng tôi đã làm được một điều phải.

NGƯỜI BẠN VÔ DANH”

CHƯƠNG 40

MỘT CUỘC GIẢI CỨU KÌ DIỆU

 Sau bữa ăn sáng, hai đứa tôi cảm thấy rất khoan khoái. Chúng tôi ra chỗ tôi đã giấu xuồng rồi chèo qua bên kia sông câu cá, mang theo thức ăn trưa, cùng nhau nô đùa rất vui vẻ. Chúng tôi xem xét lại chiếc bè, thấy nó vẫn còn tốt, sau đó trở về nhà ăn cơm tối. Mọi người trong nhà xem ra rất sợ sệt và lo lắng, không còn biết họ đi bằng chân hay bằng đầu nữa. Ngay sau khi ăn cơm tối xong, họ giục chúng tôi đi ngủ ngay, và không nói một chút gì về sự việc đang xảy ra cả. Họ cũng không nói chút gì về bức thư vừa mới nhận được, nhưng thật ra họ chẳng cần nói làm gì vì chúng tôi là những người biết rõ về bức thư ấy hơn ai hết. Khi lên được nửa cầu thang, lợi dụng lúc dì Sally vừa quay lưng lại, chúng tôi đi trở lại, lén xuống tủ thức ăn dưới hầm nhà, soạn ra một bữa ăn trưa thật ngon rồi đem lên phòng. Chúng tôi ngủ đến mười một giờ rưỡi thì thức dậy. Tom mặc chiếc áo của dì Sally mà hần vừa lấy cắp được, sắp sửa đem thức ăn đi. Bỗng hần hỏi:

- Mà y để bơ ở đâu?
- Tao đã lấy một miếng lớn, để lên trên một miếng bánh mì.
- Thế thì mà y bỏ lại ở dưới đấy rồi... không có ở đây.

- Chúng ta có thể không cần bơ. - Tôi nói.

- Chúng ta có thể cần bơ, - hẳn nói - bây giờ mày xuống dưới hầm nhà lấy lên đây đi. Xong rồi mày treo cột thu lôi đi đến với chúng tao. Tao còn phải độn rơm vào áo của thằng Jim để hóa trang làm mẹ hẳn, rồi sẽ kêu be-be như cừu, sau đó, ngay khi mày vừa đến, chúng mình sẽ cùng chuồn một lúc.

Hẳn ra ngoài, còn tôi thì xuống dưới hầm nhà. Miếng bơ to bằng nắm tay vẫn còn ở đó. Tôi lấy mẩu bánh mì với cả miếng bơ trên ấy, thổi tắt đèn, len lén treo lên cầu thang. Tôi lên được nhà trên an toàn, nhưng ngay lúc ấy, dì Sally cầm đèn đi đến. Tôi liền bỏ tất cả các thứ vào trong mũ rồi chụp lên đầu. Dì Sally trông thấy tôi liền hỏi:

- Mày vừa ở dưới hầm lên, phải không?

- Dạ, phải.

- Mày làm gì dưới đó?

- Dạ không làm gì hết ạ.

- Không làm gì!

- Dạ, không ạ!

- Thế thì mắc mớ gì mà mày đi xuống dưới ấy vào giờ này?

- Cháu không biết ạ.

- Mày không biết? Đừng có trả lời với tao như thế, Tom ạ. Tao muốn biết mày đang làm gì dưới ấy.

- Cháu không làm gì cả, dì Sally ạ. Thật sự, cháu chẳng có việc gì mà làm ở dưới ấy cả.

Tôi tưởng là dì Sally sẽ thả cho tôi đi, vì mọi lần bà vẫn làm như vậy. Nhưng có lẽ vì có nhiều chuyện lạ lùng đang xảy ra

trong nhà nên bà lo sợ về bất cứ một sự việc nhỏ nhặt nào có vẻ không bình thường. Vì vậy, bà nói với giọng cương quyết:

- Mày đi vào trong phòng khách kia, ngồi chờ đến lúc tao trở lại. Mày chắc đang dự định làm một cái gì đó không liên quan gì đến mày. Để tao phải tìm cho ra, rồi sẽ cho mày một trận sau?

Thế rồi bà bỏ đi, trong khi tôi mở cửa, bước vào phòng khách. Trời, ở đây sao mà đông người thế! Đến mười lăm người nông dân, người nào cũng có súng cả. Tôi lo ngại quá, len lén đến ngồi một chiếc ghế. Mọi người đang ngồi xung quanh, một số đang hạ thấp giọng nói chuyện với nhau, nhưng tất cả đều bồn chồn, không yên, nhưng bề ngoài vẫn làm ra vẻ bình thường. Nhưng tôi biết họ đang bồn chồn lắm vì thấy họ cứ chốc chốc lại cất mũ ra rồi đội mũ vào, gãi đầu, gãi tai, thay đổi chỗ ngồi, và mân mê khuy áo. Chính tôi cũng đang bồn chồn, không yên, chỉ có khác một điều là tôi không cất mũ ra mà thôi.

Tôi chỉ mong dì Sally đến ngay, rồi muốn đánh, muốn làm gì tôi cũng được cho xong chuyện, rồi thả cho tôi đi, để tôi còn đi báo cho Tom biết rằng chúng tôi đã đi quá trốn rồi, và hiện giờ chúng tôi đang rơi vào giữa một tổ ong vò vẽ, chỉ còn có cách là ngưng ngay lại cái trò điên rồ này, rồi cùng Jim trốn đi, trước khi những lão già vô dụng này mất kiên nhẫn đến tóm cổ tất cả chúng tôi lại.

Cuối cùng, dì Sally trở lại, hỏi tôi rất nhiều câu nhưng tôi không thể nào trả lời thẳng các câu hỏi của bà được. Lúc bấy giờ tôi không biết tôi đang đứng bằng chân hay bằng đầu nữa, vì mọi người đều có vẻ bồn chồn, sốt ruột, có người thì muốn đi ngay lúc này để rình những tên cướp nguy hiểm, lấy cớ rằng chỉ còn mấy phút nữa là đến nửa đêm, một số khác thì muốn hoãn lại để chờ

nghe tiếng cừu kêu làm hiệu lệnh. Trong khi ấy thì dì Sally cứ tiếp tục hỏi vặn vẹo một cách hết sức kiên nhẫn, làm cho tôi run lên như cầy sấy, chỉ chực ngã quỵ xuống ngay tại chỗ vì quá khiếp hãi. Chỗ tôi đứng mỗi lúc một nóng thêm, khiến cho miếng bơ trên đầu tôi bắt đầu tan ra, chảy xuống cổ, xuống tai. Bỗng một người trong bọn nói: “Để tôi đi vào trong căn chòi trước tiên, ngay bây giờ. Khi nào chúng bước vào là tôi sẽ tóm trọn”. Tôi suýt ngã quỵ xuống. Miếng bơ chảy xuống trán làm thành một vệt dài. Dì Sally trông thấy vậy mặt bà xanh như tàu lá, bà nói:

- Trời ơi! Thằng bé bị cái gì thế này? Chắc chắn là hắn bị viêm não rồi cho nên óc mới phọt ra như thế.

Mọi người đều chạy đến xem. Bà liền giật cái mũ tôi ra, cả miếng bánh với số bơ còn lại đều rơi xuống. Bà ôm chầm lấy tôi, hôn lấy hôn để rồi nói:

- Cháu làm cho dì sợ quá. Thật là may mà chuyện này không đến nỗi quá tệ như dì tưởng. Đang lúc gặp phải vận rủi thì chuyện gì xảy ra cũng đều không hay cả, thế cho nên, khi thấy các thứ ấy dì cứ tưởng thế là cháu sẽ chết mất. Trông thấy cái màu ấy dì ngỡ là óc của cháu nó... Trời! Sao cháu không nói cho dì biết là cháu xuống dưới ấy để lấy các thứ này. Cái ấy có quan trọng gì đâu. Thôi cháu về ngủ đi, đừng có lộ mặt ra từ giờ này cho đến sáng mai nhé.

Tôi chỉ lên lầu chừng một giây đồng hồ rồi tọt theo cột thu lôi, băng mình qua đêm tối chạy đến cái mái che cạnh căn chòi. Tôi lo lắng quá đến nỗi không bật ra tiếng nói được nữa. Nhưng tôi cũng cố nói thật nhanh cho Tom hiểu rằng chúng tôi phải chạy đi ngay lập tức, không được trễ phút nào. Nhà trên bây giờ toàn là người và người, và ai cũng có súng cả.

Mắt thẳng Tom chợt sáng lên. Hắc nói:

- Thật thế hả? Mà thấy thế có thú vị không hở Huck? Nếu mà mình làm lại một lần nữa thì họ sẽ kéo đến hai trăm người kia đấy. Hay là mình hoãn lại cho đến...

- Phải đi gấp! Đi gấp! - Tôi nói - Thằng Jim đâu rồi?

- Ngay ở cùi chỏ mà đấy. Mà cứ giơ tay ra là sờ thấy nó ngay. Nó đã mặc quần áo xong xuôi cả. Thôi chúng ta chuồn ra để cho hiệu lệnh.

Ngay lúc ấy, chúng tôi nghe tiếng chân người giẫm thành thịch, đang tiến đến cửa rồi sờ soạn ổ khóa. Một người nói:

- Tôi đã bảo là quá sớm mà. Chúng chưa đến đâu vì cửa vẫn còn khóa mà. Thôi để tôi nhốt một số các ông vào trong ấy rồi khóa lại. Các ông cứ ngồi rình trong ấy, khi nào chúng đến thì cứ việc giết. Một số người khác thì tản ra xung quanh một quãng ngắn để lắng nghe xem chúng đến chưa.

Họ đi vào bên trong, nhưng không thấy chúng tôi vì quá tối. Họ suýt giẫm lên chúng tôi, trong khi chúng tôi đang bò xuống gầm giường. Nhưng chúng tôi cũng bò qua được cái lỗ, rất nhanh và nhẹ nhàng. Jim ra trước, rồi đến lượt tôi còn sau cùng là Tom, đúng như mệnh lệnh của Tom đã đưa ra. Chúng tôi đã vào bên trong mái che, nghe rõ tiếng chân người rất gần ở bên ngoài. Chúng tôi bò ra cửa. Tom bảo chúng tôi dừng lại rồi ghé mắt qua khe cửa quan sát. Nhưng hắc không thấy gì, vì trời quá tối. Hắc thì thầm bảo hắc sẽ lắng nghe tiếng chân đi xa rồi thì sẽ thúc vào người chúng tôi để ra hiệu. Jim sẽ bò ra trước, còn hắc sẽ là người cuối cùng. Hắc đặt tai vào khe cửa lắng nghe, lắng nghe, nhưng tiếng chân cứ lạo xạo xung quanh đó mãi. Cuối cùng, hắc

thúc vào người chúng tôi một cái, thế là chúng tôi trườn ra, cúi khom xuống, nín thở, không một tiếng động, rồi len lén chạy đến hàng rào, theo hàng một. Chúng tôi đến được hàng rào an toàn. Jim và tôi nhảy qua trước, nhưng quần của Tom lại vướng vào một miếng gỗ nhọn trên thanh ngang trên cùng của hàng rào. Ngay lúc ấy thì có tiếng chân lại gần, nên hắn cố giật cho ra, làm miếng gỗ bị gãy, phát ra một tiếng động. Khi hắn vừa nhảy xuống chỗ chúng tôi thì có tiếng người kêu to:

- Ai đó? Trả lời đi, không tao bắn!

Nhưng chúng tôi không trả lời, cứ co giò mà chạy. Có tiếng người rầm rập chạy đến, tiếp theo là ba tiếng. “Đoàng! Đoàng! Đoàng!”. Đạn réo lên xung quanh người chúng tôi. Có tiếng người kêu to:

- Chúng đây rồi! Chúng chạy ra phía bờ sông đấy! Đuổi theo chúng đi, các bạn. Thả chó ra ngay đi!

Họ kéo đến, đem theo toàn bộ lực lượng. Chúng tôi có thể nghe được họ đến gần vì họ reo hò và đều đi giày ống cả, còn chúng tôi thì không hò hét và cũng không đi giày ống. Chúng tôi đang ở trên đường dẫn đến xưởng cưa. Khi họ đuổi gần kịp thì chúng tôi nấp vào bụi để chờ họ đi qua, rồi lại chạy theo sau lưng họ. Tất cả chó trong nhà đều đã bị nhốt vì họ sợ làm cho các tên cướp khiếp đảm bỏ đi; nhưng vào lúc này thì có ai đó đã thả chó ra. Chúng chạy đến, làm ầm ĩ, như là có đến hàng triệu con chó vậy. Nhưng chúng đều quen với chúng tôi, cho nên chúng tôi đứng lại ngay tại chỗ chờ cho bày chó đuổi kịp. Khi bày chó này trông thấy chúng tôi, chúng chỉ sủa lên vài tiếng như để chào hỏi sức khỏe, rồi chạy thẳng đến chỗ có tiếng reo hò và tiếng chân người giẫm thành thịch. Chúng tôi lại tiến lên, chạy vùn vụt theo

chân chúng cho đến khi gần đến trại cưa, rồi chạy xuyên qua các bụi cây đến chỗ tôi buộc xuống. Chúng tôi nhảy xuống xuống, chèo chí mạng đến giữa dòng sông, cố gắng không gây nên tiếng động lớn. Sau đó, chúng tôi chèo thẳng đến hòn đảo nơi tôi cất chiếc bè, trong lòng cảm thấy dễ chịu, khoan khoái. Chúng tôi còn nghe tiếng reo hò, tiếng chó sủa dọc theo bờ sông, cho đến khi đã chèo ra xa hắt thì chỉ còn nghe những âm thanh ấy lắng dần rồi tắt hắt. Tôi nói:

- Jim này, bây giờ mày lại được tự do rồi đấy. Tao chắc chắn mày sẽ không bao giờ còn bị làm nô lệ một lần nữa.

- Thật là thành công tuyệt vời, Huck ạ. Kế hoạch dự trù cũng tuyệt mà việc thực hiện cũng hoàn hảo. Không ai có thể đặt ra một kế hoạch rắc rối mà lại tuyệt vời đến như vậy.

Chúng tôi cảm thấy rất hài lòng, nhưng Tom là người hài lòng nhất vì hắt bị một viên đạn xuyên qua bắp vế.

Khi Jim và tôi nghe hắt nói như vậy thì chúng tôi không còn thấy phấn khởi như trước đó nữa. Vết thương làm cho hắt bị chảy máu và rất đau. Chúng tôi liền đặt hắt nằm trong chòi, lấy quần áo của quận công xé ra để băng bó cho hắt, nhưng hắt nói:

- Đưa các giẻ ấy cho tao, tao có thể tự băng bó lấy. Đừng có dừng lại ở đây, đừng có lảng vảng ở đây, như thế cuộc vượt ngục của chúng ta mới tiến hành nhanh chóng và tốt đẹp. Cầm lấy mái chèo, rồi thả bè ra! Các bạn ạ, chúng mình đã thực hiện công việc một cách thật oai hùng. Quả đúng như vậy! Giá mà mình được tổ chức vụ trốn thoát cho vua Louis XVI* thì đâu còn cái câu: “Hỡi người con của Thánh Louis, người hãy lên thiên đàng” như đã được viết trong tiểu sử của ông ta. Không đâu! Mình sẽ đưa ông ta

qua biên giới một cách ồn ào, nhộn nhịp, dễ dàng như trở bàn tay vậy. Chúng mình hãy chèo ngay đi! Chèo đi!

Nhưng tôi và Jim còn bàn tính, suy nghĩ. Sau khi chúng tôi suy nghĩ được một phút, tôi hỏi:

- Jim, mày nói đi!

- Tôi nghĩ như thế này, cậu Huck ạ. Giả thử như *hắn* là kẻ được cứu thoát, và một trong bạn bè của hắn bị bắn thì hắn có thể nào nói: chúng mày cứ tiếp tục tìm cách cứu tao, đừng có bận tâm đi tìm bác sĩ để cứu cho thằng kia làm gì, như thế xem được không? Có phải Tom Sawyer là hạng người như thế không? Chắc chắn là không. Vậy thì *thằng Jim này* có thể nào nói tương tự như vậy được không? Nhất định là không. Tôi sẽ không rời khỏi nơi này nếu không có bác sĩ đến chữa trị cho cậu Tom. Nhất định không, cho dù phải chờ đến bốn chục năm.

Tôi biết rằng Jim rất thật lòng; hắn thế nào cũng nói những điều như hắn vừa nói với tôi. Như vậy thì được rồi, tôi bảo với thằng Tom rằng tôi sẽ đi tìm bác sĩ cho hắn. Hắn phản đối mạnh mẽ, nhưng tôi và Jim vẫn giữ lấy ý định của mình, không lay chuyển. Hắn định bò ra ngoài, tự tay tháo chiếc bè, nhưng chúng tôi ngăn hắn lại. Hắn cản nhằn chúng tôi dữ lắm, nhưng vô hiệu quả.

Đến khi tôi sắp sửa cho xuồng đi ra, hắn bèn nói:

- Thôi được rồi, nếu mày nhất định thì tao bảo mày cần phải làm những gì khi mày đến chỗ thị trấn ấy. Mày đóng cửa, bịt mắt ông bác sĩ thật nhanh và thật chặt, rồi bắt ông ta phải thề giữ im lặng tuyệt đối. Mày đặt túi đầy tiền vàng trong tay ông ta, dẫn ông ta đi theo đường ngang ngõ tắt trong đêm tối, rồi đưa ông ta đến

đây bằng xuồng. Nhưng mày phải đi quanh co xung quanh các đảo trước khi đến đây. Mày phải lục lọi khắp túi ông ta, không cho ông giữ một viên phấn nào cả trong người. Khi nào trở về đến làng thì mới trả lại. Nếu mày không làm thế, ông ta sẽ đánh dấu bè của mình để sau này có thể tìm ra được. Họ vẫn thường làm như thế đó.

Tôi hứa với hăn tôi sẽ làm, rồi bảo Jim nấp kín trong rừng khi nào thấy ông bác sĩ đến đây, cho đến khi nào ông ấy đi rồi mới được quay về bè.

CHƯƠNG 4I

“CÓ LỄ ĐÓ LÀ MA”

ng bác sĩ là một người có tuổi. Khi tôi đến đánh thức ông dậy, ông tỏ ra rất tử tế hiền lành. Tôi đến nói với ông rằng có một người bạn ở trên hòn đảo Tây Ban Nha; hôm qua chúng tôi đi săn và cắm trại trên một chiếc bè chúng tôi vừa tìm thấy, đến khoảng nửa đêm bạn tôi vô ý đá vào khẩu súng trong khi mơ ngủ, súng nổ, làm cho hấn bị trúng viên đạn vào chân, chúng tôi yêu cầu ông đến đây chữa cho hấn, nhưng đừng hỏi gì về chuyện ấy, cũng đừng nói gì với ai, vì chúng tôi muốn về nhà tối hôm nay để làm cho mọi người phải ngạc nhiên.

- Những người nhà của cháu là ai vậy?

- Gia đình Phelps, ở bên dưới kia.

- À. - Sau đó chừng một phút, ông nói tiếp - Cháu bảo anh bạn của cháu vì sao mà bị bắn?

- Hấn đang mơ ngủ thì bị bắn.

- Mơ ngủ gì mà kì lạ thế nhỉ?

Thế rồi, ông tắt đèn, lấy túi đồ của ông ra, rồi chúng tôi cùng đi. Nhưng khi nhìn thấy chiếc xuồng của tôi thì ông tỏ vẻ không thích và nói rằng chiếc xuồng này ngồi một người thì được, chứ hai người thì không an toàn. Tôi nói:

- Xin ông đừng có ngại. Chúng cháu ngồi cả ba người vẫn cứ an toàn như thường.

- Ai mà ba người?

- Cháu, thằng Sid và... và... khẩu súng. Cháu có ý nói như vậy đó.

- À ra thế.

Ông đặt chân lên mạn xuồng, lúc lắc mấy cái, rồi lắc cái đầu nói ông sẽ đi tìm một chiếc khác lớn hơn thế. Nhưng mọi chiếc xuồng đều đã được khóa chặt. Ông bèn lấy chiếc xuồng của tôi và bảo tôi ở lại chờ cho đến khi ông trở lại, hay là cứ tiếp tục đi săn thêm nữa ở xung quanh đấy hoặc trở về nhà bảo mọi người chuẩn bị chờ đợi sự ngạc nhiên, nếu tôi muốn. Nhưng tôi nói tôi sẽ không làm như thế và chỉ cho ông chỗ chiếc bè đậu. Sau đó, ông chèo đi một mình.

Tôi chợt nảy ra một ý kiến. Giả thử như ông ta chữa cho cái chân của Tom, không phải trong thời gian rất ngắn mà phải mất ba hay bốn ngày thì mình làm thế nào? Chả lẽ cứ nằm đây chờ ông ta tiết lộ bí mật cho mọi người biết hay sao? Không thể thế được. Tôi phải làm gì chứ? Tôi sẽ chờ đến khi ông ta trở về; nếu ông nói ông còn phải đi ra bè lần nữa, tôi cũng sẽ bơi ra đến đó, chúng tôi sẽ trói và giữ ông ta lại, rồi cho bè xuôi dòng sông, khi nào Tom đã được ông chữa trị xong rồi chúng tôi sẽ trả công cho ông thật xứng đáng, có thể là tất cả số tiền mà tôi có, và đưa ông vào bờ.

Nghĩ như vậy xong, tôi bò vào trong đồng gỗ để ngủ. Lúc tôi thức dậy thì mặt trời đã lên cao rồi. Tôi liền chạy thật nhanh đến nhà ông bác sĩ, nhưng người nhà nói ông bác sĩ đã đi từ tối hôm

qua chưa trở về. Tôi nghĩ chắc Tom đã bị thương nặng lắm nên dự định bơi ra hòn đảo ngay lập tức. Thế là tôi chạy đi, nhưng khi rẽ sang một góc đường thì tôi suýt đâm đầu vào bụng ông Silas. Ông nói:

- Ồ kìa Tom! Mày đi đâu từ lúc ấy đến giờ, hở thằng ranh con kia?

- Cháu chẳng đi đâu cả. Cháu với Sid chỉ đuổi theo thằng da đen bỏ trốn thôi.

- Thế mày chạy tận đâu? Dì mày lo cho chúng mày quá.

- Dì chẳng việc gì phải lo cả, - tôi nói - chúng cháu có hề gì đâu. Chúng cháu chạy theo mọi người và đàn chó, nhưng rồi họ vượt qua chúng cháu, thế là mất hút. Chúng cháu nghe tiếng họ ở trên sông, thế là lấy xuồng chèo theo vượt qua bên sông, nhưng chẳng thấy ai cả. Sau đó, chúng cháu đi ngược lên, dọc theo bờ sông cho đến lúc mệt nhoài rồi bỏ cuộc luôn. Chúng cháu buộc thuyền rồi ngủ, mới thức dậy cách đây được một giờ. Thế rồi chúng cháu chèo xuồng đến đây để nghe ngóng tin tức. Thằng Sid hiện đang ở nhà bưu điện để dò la xem sao, còn cháu thì tách ra đi kiếm thứ gì cho chúng cháu ăn tạm rồi sẽ về nhà.

Ông Phelps và tôi cùng đi xuống bưu điện để tìm “Sid”. Nhưng, đúng như dự đoán, hắn không có ở đấy. Ông già vào bưu điện lấy một lá thư, sau đó chúng tôi ngồi chờ Sid thêm một lúc nữa. Nhưng hắn không đến. Ông bảo tôi theo ông lên xe về nhà, để cho thằng Sid tự ý đi bộ hay chèo xuồng về nhà, khi nào nó đã đi chơi chán chê rồi. Tôi không có cách nào thuyết phục ông để cho tôi ở lại chờ Sid. Ông bảo rằng chờ như thế vô ích, tôi phải theo ông về để cho dì Sally biết là chúng tôi đều an toàn cả.

Khi chúng tôi về đến nhà, dì Sally vô cùng mừng rỡ. Bà vừa cười vừa khóc, ôm chầm lấy tôi, rồi đánh tôi theo kiểu phủi bụi của bà. Bà nói bà cũng sẽ đánh thẳng Sid như vậy khi nào nó về đến nhà.

Trong nhà lúc bấy giờ đông nghẹt các ông nông dân và các bà vợ của họ, đang cười cười nói nói rất ồn ào và trong số đó tề nhất là bà Hotchkiss. Bà này cứ liên thoảng luôn mồm:

- Chị Phelps này, tôi đã sục sạo khắp cả cái căn chòi ở đằng kia, thấy rằng cái thằng da đen ấy điên khùng lắm. Tôi đã nói với chị Damrell như thế... có phải không chị Damrell... Nó là thằng khùng, phải không? Đó tôi nói như thế đó. Mọi thứ rõ ràng quá mà! Cứ xem tảng đá mài đó thì biết. Có đòi thuở nhà ai viết những thứ nhảm nhí lên trên ấy như vậy không? Nào là, đây là một người gì gì đó đã bị tan nát trái tim, nào là một ông gì gì đó sống mỗi mồn trong ba mươi bảy năm trời, vân vân nào... là đứa con chính thức của ông Louis gì gì đó, và nhiều thứ nhảm khác nữa. Quả thực thằng ấy bị khùng rồi, khùng như cái ông Nebokoodneezer* ấy, phải không?

- Lại còn cái thang dây làm bằng giẻ rách nữa chứ, chị Hotchkiss nhỉ! - Bà già Damrell nói - Không hiểu nó muốn...

- Chính tôi đã nói như thế với chị Utterback mới cách đây một phút thôi. Để chị ấy nói lại cho chị nghe. Cứ xem cái thang bằng giẻ rách ấy thì biết. Chẳng hiểu nó dùng cái ấy để làm gì? Chị Hotchkiss...

- Nhưng làm thế nào mà chúng nó bê được cái tảng đá mài vào đấy được chứ? Ai đào cái lỗ? Và ai...

- Đó, chính tôi đã nói như vậy, anh Penrod ạ! Tôi đã nói rằng...

À, đưa hộ cho tôi cái đĩa mật mía đằng kia! Phải, chính tôi đã nói với chị Dunlap mới cách đây một phút mà không hiểu làm sao mà chúng bê nổi cả cái tảng đá mài vào trong ấy được. Không có ai giúp đỡ cả đấy nhé! Không giúp đỡ mà bê được đến tận chỗ ấy! Thôi đi! Chắc chắn phải có người giúp đỡ, rất nhiều người là đằng khác. Phải đến hàng tá người giúp đỡ thằng da đen ấy. Tôi cho rằng cứ lột da tất cả những thằng da đen trong vùng này là biết được ngay ai làm chuyện ấy. Hơn thế nữa...

- Một tá à? Phải đến bốn chục tên mới làm được tất cả những thứ mà chúng đã làm. Cứ xem cái con dao và lưỡi cưa thì biết chúng làm công phu đến mức nào. Dùng những thứ ấy mà cưa được cái chân giường như thế thì phải sáu người làm việc trong cả tuần lễ mới xong. Lại xem cái hình nộm của thằng da đen làm bằng rơm đặt trên đó thì biết. Lại còn...

- Ông anh nói đúng đấy, ông Hightower ạ. Đó chính là điều tôi đã nói với ông anh Phelps ở đây. Chị nghĩ thế nào, chị Hotchkiss? Ông nghĩ sao, hử ông anh Phelps? Cứ tưởng tượng thử xem chúng cưa cái chân giường ấy như thế nào. Chắc chắn phải có người nào cưa chứ tự nó mà làm sao cưa ra như thế được. Ý kiến tôi là như thế đó, chấp nhận được hay không thì tùy mọi người, nhưng mà sự thật là như vậy đó. Nếu ai có thể đưa ra ý kiến nào hay hơn thì cứ việc nói. Chỉ có thế thôi. Tôi nói với chị Dunlap...

- Chắc chắn là ở đó phải chặt ních bọn da đen làm việc mỗi đêm trong suốt bốn tuần lễ mới làm nổi tất cả những công việc ấy, chị Phelps ạ. Cứ đem cái áo sơ mi ấy ra mà xem... Toàn là những chữ Phi châu bí mật viết bằng máu! Chắc phải có cả một bè chở đầy bọn da đen đến đó làm việc suốt ngày, suốt buổi. Tôi thưởng hai đô la cho ai đọc được những dòng chữ ấy. Còn những

tên da đen viết những dòng chữ ấy à? Tôi sẽ nện cho chúng một trận cho đến...

- Có người nào giúp đỡ chúng hay không à? Ông anh Marples ạ, giá ông anh đã ở trong nhà này mấy ngày vừa qua thì rõ thôi. Chúng chộp được thứ gì là ăn cắp luôn thứ ấy. Chúng tôi phải đứng rình chúng suốt cả ngày đêm đấy, ông biết không? Chúng ăn trộm áo sơ mi ngay trên dây phơi! Còn cái khăn trải giường mà chúng dùng để làm thang ấy à? Không thể tính được bao nhiêu lần mà chúng *không* ăn cắp, còn bao nhiêu thứ khác nữa, như bột mì, cây đèn đồng, nến, thìa, chậu sưởi và hàng nghìn thứ khác nữa không thể nhớ nổi, lại thêm cả cái áo dài mới của tôi bằng vải chúc bầu nữa chứ. Tôi, ông Silas nhà tôi, thằng Sid và Tom ngồi rình suốt ngày đêm, như tôi nói lúc nãy đó, thế mà không một người nào trong chúng tôi bắt được cái gì cả, cũng chẳng hay thấy gì hết. Chỉ đến phút cuối cùng... Các anh các chị có biết thế nào không?... Chúng dám lén đến ngay dưới mũi chúng tôi để trêu; không phải chỉ trêu chúng tôi mà thôi, chúng còn trêu cả tên cướp thuộc địa phận người da đỏ nữa. Thế mà chúng đem thằng da đen trốn đi được một cách an toàn, mặc dầu có đến mười sáu người và hai mươi hai con chó đuổi theo chúng ngay lúc bấy giờ! Thật tôi chưa bao giờ nghe nói đến một chuyện lạ lùng như vậy. Dù là ma quỷ chẳng nữa, chúng cũng không thể nào làm giỏi và tài tình hơn thế được. Tôi chắc chúng phải là ma quỷ - bởi vì bầy chó của chúng tôi đều rất tuyệt khôn như các anh chị đều biết đó, ấy thế mà chúng cũng không đánh hơi nổi! Các anh chị thử giải thích hộ xem thế nào... ai cũng được.

- Tôi chịu thôi...

- Lạy Chúa, tôi chẳng bao giờ...

- Bọn trộm trong nhà, cũng như...

- Trời! Phải sống ở một nơi như thế chắc là tôi sợ lắm.

- Sợ à? Tôi khiếp đảm đến nỗi không dám ngủ, không dám nằm hay ngồi nữa, chị Ridgeway ạ. Chúng có thể đánh cắp cả... Trời! Đêm hôm qua vào lúc khuya, các anh chị không thể tưởng tượng nỗi tôi lo lắng đến mức nào. Tôi còn sợ chúng đánh cắp một vài người nào đó trong gia đình nữa kia. Lúc bấy giờ tôi đi đến một tình trạng không còn biết suy xét như thế nào nữa. Giữa ban ngày ban mặt như thế này mới thấy mình là đại dột quá. Lúc bấy giờ, tôi biết có hai đứa cháu đang ngủ trên gác một mình, nên... nói có trời biết đấy... tôi lo lắng cho chúng quá, mới lò dò lên khóa chặt cửa phòng chúng lại. Chính tôi làm thế, chắc ai ở trong trường hợp ấy cũng sẽ làm như vậy cả. Như các anh chị đều biết đấy, khi người ta khiếp đảm quá, trong lúc mọi việc cứ dồn dập xảy đến, mỗi lúc mỗi thêm tệ hại hơn, thì người ta bối rối, làm đủ mọi hành động ngu xuẩn, tôi nghĩ, giả thử như tôi là một thằng bé, nằm ở trên lầu kia, mà cửa không đóng thì... - Bà ngưng bật lại, trông ngơ ngác; rồi chậm chậm quay lưng lại, mắt bà chạm ngay phải tôi đang đứng ở đấy. Tôi liền đứng dậy đi ra ngoài.

Tôi tự nhủ nếu tôi đi ra ngoài suy nghĩ một lúc thì tôi mới giải thích được vì sao chúng tôi không ở trong phòng sáng hôm nay. Thế là tôi đi ra ngoài. Nhưng tôi không dám đi xa, vì nếu làm như thế, bà sẽ cho người đi tìm tôi. Khi mọi người đã ra về cả rồi, tôi mới đi vào, kể cho bà nghe rằng tối hôm qua tôi và “Sid” thức dậy vì tiếng ồn ào và tiếng súng nổ, cửa lúc bấy giờ bị khóa chặt, mà chúng tôi thì muốn ra xem trò vui, cho nên chúng tôi bám cột thu lôi trèo xuống và bị thương tí chút, chúng tôi không bao giờ dám

làm lại như thế một lần nữa. Sau đó, tôi tiếp tục kể lại những gì tôi đã nói với chú Silas trước đó, dì Sally nghe xong, nói rằng bà sẽ tha thứ cho chúng tôi và cho rằng như thế dù sao cũng còn khá may. Bà nói rằng trẻ con bao giờ cũng hay có thói liều lĩnh, nhưng mà không có gì đáng tiếc xảy ra cho nên bà cũng mừng là chúng tôi đều an toàn cả, vẫn còn sống bên cạnh bà, chứ bà không muốn la rầy gì về những chuyện đã qua. Nói xong, bà hôn tôi và vỗ nhẹ lên trên đầu, rồi bà ngồi xuống như đang suy nghĩ điều gì. Bỗng bà vụt đứng dậy nói:

- Ủa, đã gần tối rồi mà thằng Sid vẫn chưa về nhỉ. Không biết nó gặp chuyện gì?

Tôi liền nắm lấy cơ hội, vội vàng đứng dậy nói:

- Để cháu chạy ra phố tìm hấn.

- Không được, - bà nói - mày ở đây, ngay tại chỗ này. Một người bị mất tích là quá đủ rồi. Nếu đến giờ ăn cơm tối hấn chưa về thì chú sẽ đi tìm.

Đến giờ ăn cơm tối, hấn vẫn chưa về. Thế là sau khi ăn cơm tối xong, ông Silas liền đi ngay.

Đến khoảng mười giờ, ông trở về có vẻ hơi lo lắng. Ông vẫn chưa tìm được ra dấu vết thằng Tom. Dì Sally thì lo lắng nhiều lắm. Nhưng ông Silas nói không có gì phải lo cả, trẻ con nào cũng giống nhau, rồi sáng ngày mai sẽ thấy hấn trở về mạnh khỏe như thường. Dì Sally cũng đành phải chấp nhận ý kiến ấy, chứ không biết làm sao nữa. Nhưng bà nói bà sẽ ngồi thức một lát để chờ Tom trở về, và sẽ chong đèn lên cho hấn trông thấy.

Khi đến giờ tôi đi ngủ, bà cầm lấy cây đèn của bà, cùng đi với tôi lên phòng. Bà lấy chăn đắp lên người cho tôi, chăm chút tôi

như một bà mẹ, khiến cho tôi cảm thấy xấu hổ, không dám nhìn thẳng vào mặt bà. Bà ngồi xuống giường, nói chuyện với tôi một lát. Bà nói rằng thằng Sid là một đứa trẻ tuyệt vời, và cứ tiếp tục nói mãi về hấn không ngớt. Thỉnh thoảng bà lại hỏi tôi có thể nào hấn đi lạc, bị thương hay chết trôi được không. Có thể nào giờ này hấn đang nằm rên rỉ đau đớn hay chết đâu đó mà không có bà ở bên cạnh để giúp đỡ cho hấn, có thể nào như vậy được không? Nói đến đây bà yên lặng, nước mắt chảy ròng ròng. Tôi an ủi bà rằng thằng Sid vẫn mạnh khỏe và chắc chắn sáng mai thế nào hấn cũng về. Bà bóp chặt lấy bàn tay tôi, có lẽ còn hôn tôi nữa, và bảo tôi nhắc lại câu nói ấy, và cứ tiếp tục nói mãi câu ấy, vì nó làm cho bà cảm thấy dễ chịu trong cơn lo lắng như thế này. Khi bà sắp sửa đi ra ngoài, bà còn cúi xuống nhìn thẳng vào mắt tôi một cách dịu dàng và nói:

- Cánh cửa thì không có khóa, Tom ạ, còn ở đằng kia là cái cửa sổ và cột thu lôi, nhưng cháu phải ngoan. Cháu hãy thương dì mà đừng có đi ra ngoài nhé?

Trời ơi, tôi đang nóng lòng muốn đi ra ngoài xem thằng Tom bây giờ thế nào, và tôi đang dự tính đi ngay, nhưng sau câu nói của dì Sally, tôi không còn bụng dạ nào mà đi đâu nữa, dù người ta có đánh đổi cho tôi cả một vương quốc.

Hình ảnh dì Sally vẫn lớn vồn trong đầu tôi, hình ảnh của Tom cũng lớn vồn trong đầu tôi, khiến tôi trần trọc không ngủ được. Hai lần, tôi trèo cột thu lôi trong đêm tối, lên ra ngoài phía trước nhà, lần nào tôi cũng thấy bà ngồi ở cửa sổ bên cạnh ngọn đèn nến, đôi mắt đầy lệ nhìn ra phía đường cái. Tôi muốn làm điều gì giúp bà, nhưng không thể được. Tôi chỉ có thể thề rằng tôi sẽ không bao giờ làm cho bà phải buồn phiền nữa. Lần thứ ba, tôi

thức dậy vào lúc rạng đông, rồi lén xuống nhà dưới. Bà vẫn còn ngồi đó bên ngọn nến đã gần tắt, tựa mái đầu bạc của bà trên bàn tay. Bà đang thiu thiu ngủ.

CHƯƠNG 42

TẠI SAO HỌ KHÔNG TREO CỔ THẲNG JIM

ng già đi xuống phố lần nữa trước bữa ăn sáng, nhưng vẫn không tìm ra thằng Tom. Cả hai ông bà ngồi trước bàn ăn suy nghĩ, không nói với nhau lời nào. Họ trông có vẻ rất buồn rầu. Tách cà phê nguội lạnh, và họ cũng chẳng ăn uống gì. Một lát sau ông nói:

- Tôi đã đưa bà lá thư rồi chứ?
- Lá thư nào?
- Lá thư tôi lấy ở bưu điện ngày hôm qua ấy.
- Không, ông chẳng đưa cho tôi lá thư nào cả.
- Vậy thì có lẽ tôi quên.

Ông sờ soạng trong túi rồi đi đến một chỗ nào đó ông đã cất lá thư, đem lại cho dì Sally. Bà nói:

- À, đó là lá thư từ St. Petersburg của bà chị...

Tôi nghĩ lúc này tôi cần phải đi ra ngoài một lát, như vậy có lẽ tốt cho tôi hơn. Nhưng tôi không thể nào cựa quậy được. Nhưng trước khi bà mở lá thư ra, bà bỗng thả rơi nó xuống rồi chạy. Bà vừa trông thấy một cái gì đó ở phía ngoài. Tôi cũng thấy như vậy. Đó là Tom Sawyer đang nằm trên tấm nệm, ông bác sĩ già, Jim

đang mặc cái áo vải chực bầu, hai tay bị trói ở sau lưng, và rất đông người. Tôi liền giấu lá thư vào nơi gần nhất, rồi chạy xô ra ngoài. Dì Sally chồm đến bên Tom, vừa khóc lóc vừa nói:

- Ôi, nó chết rồi! Tôi biết mà!

Tom hơi quay đầu lại một chút, lẩm bẩm nói gì không rõ, có vẻ như nó chưa được tỉnh, dì Sally đưa hai tay lên trời nói:

- Lạy Chúa, nó còn sống! Thế là may rồi! - Rồi bà hôn hấn một cái thật lẹ, sau đó chạy như bay vào trong nhà để sắp sửa giường, tíu tít ra lệnh cho những người da đen và tất cả mọi người khác trong nhà.

Tôi đi theo mọi người để xem họ đang sắp sửa làm gì thằng Jim, còn ông bác sĩ và chú Silas thì đi theo sau Tom vào trong nhà. Các ông đứng ở đấy có vẻ giận dữ về Jim, một số thì muốn treo cổ hắn lên để làm gương cho bọn da đen khác xung quanh đó, cho chúng sợ không dám bỏ trốn đi như thằng Jim và gây nên những sự náo loạn khiến cho cả gia đình phải hoảng sợ trong mấy ngày đêm. Nhưng một số người khác thì khuyên không nên làm thế vì không giải quyết được vấn đề một chút nào, hắn không phải là nô lệ của chúng ta và chắc chắn chủ nhân của hắn sẽ đến và bắt chúng ta bồi thường thiệt hại. Thế là mọi người dụi hăn xuống, vì những kẻ hăng hái muốn treo cổ một tên da đen nhất lại luôn luôn là những kẻ ít hăng hái nhất trong việc trả tiền bồi thường sau khi họ đã được thỏa mãn trong hành động của họ đối với tên nô lệ.

Tuy nhiên, họ cũng chửi rửa Jim rất nhiều, thỉnh thoảng lại đập vào đầu hăn một cái, nhưng Jim chẳng nói lời nào, vẫn làm ra vẻ như không quen biết tôi. Họ đưa hăn vào nơi căn chòi cũ,

lấy quần áo cũ cho hần mặc, xích hần lại; nhưng lần này thì không xích vào chân giường mà xích hần vào một móc sắt đóng vào cây gỗ ở dưới cùng. Họ xích cả hai tay lẫn hai chân, và nói rằng chỉ cho hần ăn bánh mì, uống nước lã cho đến khi nào chủ hần đến nhận, hoặc sẽ đem hần bán đấu giá nếu chủ hần không đến nhận sau một thời hạn nhất định. Họ cũng bịt lại cái lỗ chúng tôi đã đào, rồi nói phải có vài người nông dân cầm súng đứng quanh chòi mỗi đêm, ngoài ra còn có thêm một con chó to lớn buộc ngay ở cửa vào ban ngày. Họ vừa làm xong công việc này, sắp sửa nghỉ tay, sau khi chửi thề một tiếng để từ biệt, thì ông bác sĩ đi đến, nhìn qua một lúc rồi nói:

- Xin các bác đừng đối xử quá mạnh tay với tên da đen này vì hần không phải là kẻ xấu đâu. Khi tôi đến chỗ thằng bé ấy, tôi thấy không thể nào lấy viên đạn ra mà không có ai giúp một tay, trong khi tôi cũng không thể nào rời thằng bé để kêu ai đến giúp được. Tình trạng của thằng bé mỗi lúc mỗi thêm nguy kịch, rồi một khoảng thời gian lâu sau đó, nó đâm ra mất trí, không chịu cho ai lại gần, và nói rằng nếu tôi đánh dấu chiếc bè của nó bằng phấn thì nó sẽ giết tôi. Thằng bé cứ nói lảm nhảm như thế mãi, khiến cho tôi không thể làm gì để chữa trị cho nó được. Thế rồi tôi nói tôi cần phải có ai phụ giúp bằng cách nào đó cũng được. Ngay lúc tôi nói như thế thì tên da đen này từ nơi nào đó bò ra nói rằng hần sẽ giúp tôi một tay. Hần đã làm thực sự và làm rất giỏi. Cố nhiên, tôi biết ngay hần là một tên da đen chạy trốn, cho nên tôi phải nấn ná ở lại ngay tại chỗ cả đêm lẫn ngày. Lúc bấy giờ tôi ở trong tình trạng rất khó xử. Thật thế! Tôi đang còn nhiều bệnh nhân bị cảm lạnh đang cần được săn sóc. Cố nhiên, tôi có thể chạy lên trên phố để thăm họ, nhưng tôi không dám làm thế vì

tên da đen này có thể bỏ trốn, như vậy tôi sẽ chịu trách nhiệm. Lúc bấy giờ lại chẳng có chiếc xuồng nào khác đi qua để mà gọi cả. Thế là tôi đành phải bất động hoàn toàn, cho đến sáng hôm nay. Thật quả, tôi chưa bao giờ thấy tên da đen nào chăm sóc bệnh nhân tận tình như vậy. Hẳn đã hi sinh cả tự do của hẳn để làm việc ấy, nhất là trong tình trạng mệt mỏi như thế. Rõ ràng là trước đó không bao lâu, hẳn đã bị người ta đuổi bắt dữ dội lắm. Tôi thương thằng da đen này là ở chỗ ấy. Tôi có thể thưa với các ông rằng tên này đáng giá hàng ngàn đô la đó, và cần phải được đối xử tử tế. Hẳn đã giúp tôi mọi thứ tôi cần, và thằng bé ấy được chăm sóc tử tế chẳng khác gì ở nhà... hay có lẽ còn tốt hơn nữa, vì xung quanh rất yên tĩnh. Nhưng tôi vẫn cứ phải ở lì tại chỗ, với cả hai đứa ở bên cạnh, cho đến lúc rạng đông sáng hôm nay. Lúc bấy giờ có một vài người chèo xuồng đi qua. May mắn thay, tên da đen này vẫn còn ngồi bên cạnh cái nệm, gục đầu xuống đầu gối ngủ. Thế rồi tôi im lặng ra hiệu cho những người mới lên vào, tóm lấy và trói lại mà hẳn chẳng biết chuyện gì cả. Chúng tôi chẳng gặp khó khăn nào. Thằng bé kia đang ngủ trong cơn mê sảng. Chúng tôi bọc mái chèo lại cho khỏi gây tiếng động, buộc chiếc bè vào rồi kéo đi rất yên lặng. Thằng da đen không có một hành động gây rối, ồn ào nào, mà cũng chẳng nói một câu nào ngay từ lúc đầu. Thưa quý vị, tên da đen này không phải là người xấu đâu. Đó, tôi có ý kiến như vậy về hẳn.

Một người nào đó lên tiếng:

- Như vậy thì rất tốt, ông bác sĩ ạ, tôi phải nói thẳng ra như thế.

Sau đó, mọi người dịu hẳn đi. Tôi thầm cảm ơn ông bác sĩ đã nói tốt hộ cho Jim như vậy, đồng thời tôi cũng vui mừng thấy

rằng lời nhận xét của ông bác sĩ cũng giống hệt như nhận xét của tôi về Jim. Tôi đã thấy rằng hắn có trái tim bằng vàng và là một người rất tốt ngay từ lúc đầu tiên tôi gặp hắn. Tất cả mọi người đều đồng ý rằng hắn đã hành động rất đúng, xứng đáng được sự quan tâm và khen thưởng. Sau đó, mọi người đều hứa một cách thẳng thắn và thành thực rằng họ sẽ không bao giờ chửi rủa hắn nữa.

Thế rồi mọi người đi ra, khóa chặt cửa lại. Tôi hi vọng họ nói rằng họ sẽ tháo một cái xích trên người hắn vì quá nặng hay là sẽ đem thịt, rau xanh cùng với bánh mì và nước lã cho Jim, nhưng họ đã không nghĩ đến những chuyện ấy. Nhưng tôi nghĩ tôi không nên xen vào ngay lúc này mà nên tìm cách nào đó nói lại câu chuyện của ông bác sĩ với dì Sally, sau khi đã vượt qua được cơn sóng cồn trước mắt, tức là giải thích lí do vì sao mà tôi không kể cho bà nghe chuyện Tom bị bắn khi tôi nói với bà về việc chúng tôi chèo xuồng đi lòng tên da đen tối hôm đen đui bức mình ấy.

Nhưng tôi vẫn còn nhiều thì giờ, dì Sally suốt ngày đêm cứ ở miết trong căn phòng của người ốm, và cứ mỗi lần tôi thấy ông Silas lảng vảng gần đó thì tôi lại lẩn tránh.

Sáng hôm sau, tôi nghe tin Tom đã khá hơn và dì Sally đã đi ngủ. Tôi lén đi vào phòng bệnh, định bụng rằng nếu hắn đang còn thức, tôi và hắn sẽ tìm cách bịa ra một câu chuyện gì đó cho trôi chảy. Nhưng hắn đang ngủ, rất yên tĩnh, mặt hơi tái, không hừng hực như khi hắn mới về. Tôi bèn ngồi xuống bên cạnh chờ cho hắn tỉnh dậy. Chừng nửa giờ sau, dì Sally rón rén đi vào, trong khi tôi vẫn còn đang ngồi đó. Tôi lại bị một phen sững sờ! Nhưng bà ra hiệu cho tôi yên lặng, rồi ngồi xuống bên cạnh tôi

thì thăm. Bà nói rằng bây giờ bà rất mừng vì các triệu chứng đều rất tốt, hần đã ngủ được như vậy rất lâu, mỗi lúc trông khá hơn, nằm yên tĩnh hơn, và bà chắc chắn rằng khi hần thức dậy thì đầu óc của hần sẽ tỉnh táo hần.

Chúng tôi cùng ngồi trông bên cạnh. Một lát sau hần cựa mình mở mắt ra có vẻ rất tự nhiên, nhìn xung quanh, rồi nói:

- Ủa! Mình về nhà lúc nào thế này? Chiếc bè đâu rồi?

- Ổn cả rồi. - Tôi nói.

- Còn Jim?

- Cũng vậy. - Nhưng giọng tôi nói không được hăm hờ cho lắm.

Tom có vẻ như không để ý đến giọng nói ấy của tôi. Hần nói:

- Thật là tuyệt vời! Thế là chúng mình đều an toàn, đâu vào đấy cả... mà đã nói với dì Sally chưa?

Tôi định nói “rồi”, nhưng ngay lúc ấy dì Sally xen vào:

- Chuyện gì hả Sid?

- À, về toàn thể sự việc đã diễn ra như thế nào.

- Toàn thể sự việc nào?

- Toàn thể sự việc này. Thật ra chỉ có một sự việc thôi. Đó là việc cháu và Tom giải thoát cho tên da đen bỏ trốn ấy.

- Trời! Giải thoát cho tên... Thằng bé này nói gì lạ vậy. Trời, nó lại mất trí rồi!

- Không, cháu không mất trí đâu. Cháu biết rõ những gì cháu đang nói đây mà. Quả thực chúng cháu, Tom và cháu, đã giải thoát cho hần... chúng cháu đã xếp đặt tất cả mọi sự, và đã thực hiện một cách xuất sắc nữa. - Hần đã bắt đầu tuôn ra, còn dì Sally không hỏi vắn vẹo gì nữa, cứ trở mắt mà nghe, mặc cho hần tiếp

tục nói liên thoảng. Tôi nghĩ rằng dù tôi có nói xen vào cũng chẳng ích lợi gì. Hấn nói:

- Dì ạ, chúng cháu bỏ ra rất nhiều công sức... hàng tuần lễ, hàng đêm, hàng giờ, trong lúc dì đang ngủ. Chúng cháu phải đánh cắp đèn sáp, khăn trải giường, sơ mi, áo của dì, thìa, đĩa thiếc, dao ăn, chậu sưởi, đá mài, bột, và không biết bao nhiêu thứ khác nữa. Dì không thể tưởng tượng các cháu tốn biết bao công sức chế tạo những cái cửa, bút viết, khắc chữ và nhiều thứ khác nữa. Nhưng dì không bao giờ tưởng tượng nổi những công việc ấy vui như thế nào đâu. Chúng cháu phải vẽ hình chiếc quan tài và các thứ khác, viết thư nặc danh giả vờ như là những tên cướp đã gửi những bức thư ấy đến, trèo lên trèo xuống cột thu lôi, đào lỗ trong căn chòi, làm thang dây gửi đến trong một cái bánh nướng, rồi gửi thìa và các thứ khác để cho tên da đen ấy dùng bằng cách bỏ các thứ vào túi áo tạp dề của dì...

- Lạy Chúa!

- ... rồi đem chuột, rắn và các thứ vào đầy căn chòi để làm bạn với Jim, sau đó, dì giữ Tom lại lâu quá trong khi hấn có cả một miếng bơ lớn trên đầu, làm suýt hỏng tất cả công việc, vì mọi người đi vào căn chòi trước khi chúng cháu rút lui; thế là chúng cháu phải chạy, người ta nghe tiếng chúng cháu, thế là họ đuổi theo, cháu lãnh đủ phần của cháu, rồi chúng cháu lẩn tránh sang một bên đường để cho họ đi qua, khi bày chó chạy đến, chúng không quan tâm đến chúng cháu mà chỉ chạy đến chỗ có tiếng động, chúng cháu lấy xuống chèo ra bè, thế là an toàn, Jim được tự do, tất cả công việc ấy do các cháu tự tay thực hiện cả, dì xem như thế có tài tình không, dì Sally?

- Thật từ thuở cha sinh mẹ đẻ đến giờ, tao chưa hề nghe một

chuyện nào giống như thế cả. Thì ra, chính chúng mày, những thằng nhãi ranh kia, đã gây tất cả những vụ lộn xộn này, làm cho mọi người phải điên đầu còn chúng tao thì sợ khiếp vía lên. Tao nhất định là từ giờ phút này tao sẽ làm cho chúng mày phải từ bỏ cái thói tinh nghịch ấy đi. Nghĩ lại mà xem, cả mấy đêm nay tao cứ phải... thôi, thằng ranh con kia, khi nào mày khỏe cái đã, tao sẽ quất cho chúng mày một trận để cho quý Sa-tăng nó không còn ám ảnh cả hai đứa mày nữa.

Nhưng Tom rất vui sướng và hãnh diện nên hắn không thể nào ngưng nói chuyện được, hắn cứ liến thoắng luôn mồm, còn dì Sally thì chốc chốc lại xen vào như phun lửa, có khi cả hai cùng nói một lúc, như là một bày mào đang họp hội nghị với nhau vậy. Bà nói:

- Được rồi, bây giờ mày cứ tha hồ mà vui thích đi, nhưng nhớ rằng nếu tao bắt gặp mày xen vào việc của hắn một lần nữa thì...

- Dì nói xen vào việc của ai? - Tom không cười nữa, trở mặt nhìn đầy vẻ ngạc nhiên.

- Còn ai nữa? Cái thằng da đen ấy, chứ còn ai?

Tom nhìn tôi, nét mặt nghiêm nghị rồi nói:

- Tom, mày vừa nói với tao là hắn được an toàn rồi mà. Hắn chưa chạy trốn hay sao?

- Hắn ấy à? - Dì Sally nói - Thằng da đen ấy à? Cố nhiên là hắn chưa chạy trốn được. Người ta đã bắt hắn lại, không hề hấn gì. Bây giờ hắn đang ở trong chòi, ăn bánh mì khô, uống nước lạnh, bị xích cả hai chân, chờ cho đến khi nào có người đến đòi hay là sẽ bán nó đi.

Tom ngồi dậy hắn trên giường, mắt đỏ ngầu, lỗ mũi phập

phòng như là mang cá, nhìn tôi nói thật to:

- Họ không có quyền nhốt thằng Jim! Mà chạy ngay đi! Không được chậm chễ một phút. Thả ngay hắn ra! Hắn không phải là nô lệ nữa đâu, hắn cũng tự do như bất cứ ai trên trái đất này vậy!

- Ơ kìa, thằng này nói lạ nhỉ?

- Bất cứ lời nào cháu nói đều là sự thật cả, dì Sally ạ. Nếu không có ai đi, cháu sẽ tự đi lấy. Cháu quen biết hắn từ lúc còn nhỏ mà, Tom cũng vậy. Bà già Watson chết cách đây hai tháng, bà ấy lấy làm xấu hổ vì định bán hắn cho vùng dưới sông, chính tự miệng bà nói ra như thế. Thế rồi trước khi chết, bà ta viết chúc thư trả tự do cho thằng Jim.

- Mà đã biết hắn được tự do rồi thì tại sao mà lại còn muốn giải phóng cho hắn làm gì?

- Đó mới là vấn đề, cháu phải nói như vậy, giống hệt như các bà ấy! Cháu muốn làm một cuộc mạo hiểm; cháu có thể lợi trong vũng máu ngập đến tận cổ để... Thôi chết rồi! Dì Polly!

Quả thực, dì Polly đang đứng ở kia, ngay bên trong cánh cửa, dịu dàng và mãn nguyện như một vị thiên thần.

Dì Sally nhảy xổ tới, vừa ôm hôn thăm thiết, vừa khóc lóc vì quá xúc động. Tôi tìm thấy một chỗ núp khá tốt dưới gầm giường vì lúc bấy giờ tôi cảm thấy ngọt ngào quá. Tôi ló mắt nhìn ra. Chỉ một lát sau đó, dì Polly của thằng Tom rời khỏi dì Sally, đứng nhìn Tom qua cặp mắt kính, như là nghiền nát nó ra trong đất. Rồi bà nói:

- Mà nên quay đầu đi chỗ khác... nếu tao ở trong trường hợp này, Tom ạ.

- Trời! - Dì Sally nói - Hẳn thay đổi rồi hay sao? Đó là thằng Sid, chứ không phải thằng Tom. Tom! Tom! Mà đi đâu rồi? Hẳn mới ở đây, cách đây một phút thôi mà!

- Dì muốn gọi thằng Huck Finn chứ gì - chính hẳn đó. Tôi đã nuôi cái thằng nhãi ranh Tom kia bao nhiêu năm trời nay mà không nhận ra được hẳn hay sao. Cuộc gặp gỡ như thế này cũng khá đấy. Đi ra khỏi giường kia đi, Huck!

Tôi đi ra, nhưng không tự nhiên gì lắm.

Dì Sally là người bối rối nhất trong nhà, có lẽ chỉ thua có ông Silas thôi, sau khi ông này đi vào và được nghe tất cả mọi chuyện. Ông choáng váng như người say rượu, có thể nói như vậy, không còn biết đến chuyện gì nữa trong suốt thời gian còn lại của ngày hôm ấy. Đêm hôm ấy, bài giảng của ông trong buổi lễ cầu kinh đã khiến cho ông nổi danh như cồn, vì không một ai trong buổi thánh lễ ấy hiểu được ông muốn nói gì. Dì Polly kể cho mọi người nghe về lai lịch của tôi còn tôi cũng kể lại tình trạng khó xử của tôi, khi mới đến đây, vì bà Phelps cứ nhất nhất gọi tôi là Tom Sawyer. Lúc tôi nói đến đấy, dì Sally xen vào nói: “Cháu cứ tiếp tục gọi tôi là dì Sally, dì quen như thế rồi, không cần thay đổi nữa”. Tôi nói tiếp rằng vì dì Sally cứ nhất nhất cho tôi là Tom nên tôi đành chịu như vậy - không còn cách nào khác nữa - tôi biết rằng Tom cũng không để ý gì đến chuyện mạo danh này, như thế hẳn càng thích thú, bởi vì có thể mới bí mật, mới làm cuộc phiêu lưu mạo hiểm được, và như thế hẳn sẽ hoàn toàn thỏa mãn; rồi như đã diễn ra sau đó, hẳn giả vờ làm Sid, và làm mọi cách để sự việc này được trôi chảy êm đẹp.

Dì Polly cho biết rằng Tom đã nói đúng về chuyện bà Watson

đã viết chúc thư trả tự do cho Jim; như vậy, rõ ràng là thằng Tom đã tự chuốc lấy bao nhiêu khó khăn, rắc rối để giải phóng cho một tên nô lệ đã được tự do rồi. Ngay giờ phút này, và qua câu chuyện ấy, tôi mới hiểu được vì sao mà Tom, với tất cả thứ giáo dục mà hắn đã hấp thụ, lại có thể giúp tôi tìm cách giải thoát cho một tên nô lệ da đen.

Dì Polly nói rằng khi dì Sally viết thư cho biết rằng Tom và Sid đến nơi đây an toàn, thì bà tự nhủ:

- Mình đã có thể đoán ra được điều này, lúc cho hắn đi một mình mà không có ai trông coi. Thế nào mình cũng phải vượt suốt một nghìn một trăm dặm bằng đường sông để xem lần này thằng quỷ quái này sẽ giở trò gì, vì không nhận được thư trả lời nào của dì Sally nói chuyện này cả.

- Ủa, tôi có nhận được thư nào của chị đâu.

Dì Polly chậm rãi quay về phía Tom, nghiêm khắc nói:

- Lại mày nữa, Tom.

- Sao ạ? - Tom nói, có vẻ hơi khó chịu.

- Đừng có nói “sao” với tao, thằng hỗn xược kia... đưa những cái thư ấy đây.

- Thư nào ạ?

- Thư ấy chứ thư nào? Giá tao mà nắm được mày lúc này thì nhất định tao sẽ...

- Các thư ấy hiện ở trong rương ấy. Vẫn còn nguyên như lúc mới lấy ở bưu điện ra. Cháu chưa mở ra xem, cũng chưa sờ đến nữa. Nhưng cháu đoán rằng những bức thư ấy sẽ gây rắc rối. Cháu nghĩ rằng nếu dì không quá hấp tấp thì cháu đã...

- Tao nhất định phải lột da mày ra mới được. Dì Sally ạ, tôi cũng viết một cái thư khác nữa nói rằng tôi sẽ đến đây; chắc rằng thằng này đã...

- Không đâu. Thư ấy mới đến hôm qua. Tôi chưa đọc nhưng thư ấy thì không mất. Tôi đã cất giữ nó đây rồi.

Tôi muốn đánh cược hai đô la rằng dì Sally hiện không giữ lá thư ấy, nhưng không dám cược, như thế an toàn hơn. Thế là tôi không dám nói một lời nào.

CHƯƠNG CUỐI CÙNG

KHÔNG CÓ GÌ ĐỂ VIẾT NỮA

gay lúc đầu tiên tôi gặp riêng Tom, tôi liền hỏi hắn đã có những ý nghĩ gì trong đầu lúc chúng tôi tổ chức cuộc vượt ngục - hắn dự định sẽ làm gì, nếu cuộc vượt ngục thành công, tại sao hắn lại cố gắng giải thoát cho một tên nô lệ vốn đã tự do rồi? Hắn nói hắn đã lo liệu trước mọi sự ngay từ đầu. Nếu chúng tôi giải thoát được Jim an toàn, chúng tôi sẽ đưa hắn đi xuôi dòng sông bằng bè, rồi tổ chức những cuộc phiêu lưu mạo hiểm vĩ đại suốt cho đến cửa sông, sau đó sẽ bảo cho Jim biết về chuyện hắn đã được giải phóng, rồi đưa hắn về nhà bằng tàu thủy, với đầy đủ nghi thức, trả công cho hắn về những thời gian hắn đã bỏ phí, viết thư trước về báo cho tất cả những người nô lệ trong vùng đến đón, những người da đen này sẽ rước hắn vào thị trấn cùng với một đoàn diễu hành bằng đuốc và đội kèn đồng; Jim sẽ trở thành một vị anh hùng, và hai đứa tôi cũng thế. Nhưng tôi nghĩ nếu cứ để y nguyên mọi sự không làm gì hết, thì cũng vẫn tốt như vậy chứ có kém gì đâu.

Chúng tôi can thiệp để người ta tháo xích cho Jim ngay lập tức. Dì Polly, chú Silas nghĩ đến công lao của Jim đã săn sóc cho Tom nên tíu tít chăm lo sắp đặt mọi thứ cho Jim một cách hết sức chu đáo. Họ cho hắn ăn bất cứ thứ gì hắn muốn, tha hồ rong chơi

thỏa thích không phải làm việc gì. Chúng tôi đưa hấn lên phòng bệnh, cùng nhau nói chuyện hết sức vui vẻ. Tom cho hấn bốn mươi đô la gọi là trả công cho hấn đã làm tù nhân cho chúng tôi một cách kiên nhẫn và xuất sắc. Jim mừng quá, tưởng chết đi được. Hấn la lớn:

- Đó, Huck, cậu có nhớ tôi đã nói gì với cậu không? Ở trên đảo Jackson ấy? Tôi nói với cậu tôi có lông ở ngực và đó là dấu hiệu của cái gì, cậu nhớ không? Tôi nói rằng tôi đã có một lần giàu có, và một ngày kia tôi sẽ giàu có trở lại; thế mà thành sự thật rồi đấy, ngay bây giờ đây này! Đó, cậu thấy không? Đừng có cãi tôi. Những dấu hiệu ấy là những điềm báo trước đó, nhớ rằng tôi nói với cậu như thế. Tôi biết rõ ràng như là chuyện tôi đang đi đứng ngay tại đây, vào giờ phút này, rằng thế nào tôi cũng giàu có trở lại mà.

Sau đó, Tom tiếp tục nói, nói mãi. Hấn bảo rằng cả ba chúng tôi sẽ trốn khỏi nơi này vào một đêm nào đó, mua sắm các đồ trang bị cần thiết để thực hiện những cuộc phiêu lưu mạo hiểm trong vùng đất của người da đỏ trong khoảng thời gian vài ba tuần lễ hay hơn thế nữa; tôi nói rằng ý kiến ấy rất phù hợp với tôi, nhưng tôi không có tiền để sắm các đồ trang bị; tôi nghĩ rằng tôi không thể nào lấy tiền gửi ở nhà được vì có lẽ cha tôi đã trở về nhà trước đây và đã lấy cả số tiền từ tay ông thẩm phán Thatcher để uống rượu hết rồi.

- Không đâu, ông ấy chưa lấy được, - Tom nói - tất cả số tiền sáu nghìn đô la và hơn thế nữa vẫn còn nguyên vẹn ở đấy, bố mày chưa trở về từ dạo ấy, nghĩa là, lúc tao đi đến đây thì chưa thấy ông ấy trở về.

Jim nói, có vẻ trang nghiêm:

- Ông ấy không trở về nữa đâu, Huck ạ.
- Tại sao, hử Jim?
- Cậu không cần bận tâm tìm hiểu tại sao, Huck ạ, chỉ cần biết là ông ấy không về nữa đâu.

Tôi phải gạn hỏi mãi, cuối cùng hắn mới nói:

- Cậu còn nhớ cái nhà trôi trên sông không? Trong đó có một người nằm trùm chẵn kín mít; tôi đi vào lật chẵn ấy lên, rồi không cho cậu đi vào xem, cậu nhớ không? Vậy thì bây giờ, cậu có thể lấy tiền khi nào cậu muốn, bởi vì người nằm đó chính là bố của cậu.

Tom bây giờ đã khỏe hẳn rồi. Hắn gắn viên đạn của hắn vào sợi dây đồng hồ đeo cổ, và cứ chốc chốc lại giở ra xem giờ. Đến đây, tôi không còn gì để mà viết nữa. Tôi rất mừng về điều này, bởi vì, nếu trước đây tôi biết rằng viết một cuốn sách khó khăn như vậy, thì có lẽ tôi đã không khởi sự làm công việc này, và bây giờ đây tôi sẽ không viết gì thêm nữa. Nhưng tôi nghĩ rằng tôi phải đi ngay đến địa phận của người da đỏ trước tất cả mọi việc khác, bởi vì dì Sally đang muốn nhận tôi làm con nuôi và hứa giúp tôi trở thành người “văn minh”. Điều này thì tôi không thể nào chịu đựng được, vì tôi đã có quá đủ kinh nghiệm.

THE END

* Tên người lãnh đạo dân tộc Israel đến Đất Hứa, và được tiếp nhận 10 điều răn của Đức Chúa Trời. Có khi đọc theo tiếng Pháp là Moise.

* Tiếng Anh là Lynch, một lối xử tội do đám đông, không theo luật pháp, không đem ra tòa xử. Hình phạt có thể là treo cổ hay trát hắc ín, cắm lông vào người đem đi diễu khắp đường phố.

* Xem chú thích ở cuối chương.

* Đọc sai câu: “Parlez vous Francais?”, có nghĩa là: Anh có biết nói tiếng Pháp không?

* Người da đỏ ở Mỹ thời xưa có thói khi giết kẻ địch, lấy một nhúm da đầu có cả tóc để làm chiến lợi phẩm, giống như người Á Đông thời xưa chặt đầu lấy “thủ cấp” vậy.

* Tức là Bridgewater, đọc chệch là Bilgewater (có nghĩa là đồ ngốc).

* Bảy vương quốc của nước Anh từ thế kỉ V đến IX.

* Trong đoạn này, tác giả Mark Twain đã cố ý để cho Huck lẫn lộn tên tuổi và các sự kiện lịch sử để làm tăng vẻ hài hước và mỉa mai của câu chuyện.

* Theo tiểu thuyết “Le Vicomte de Bragelonne” của Alexandre Dumas.

* Castle Deef, tức Château d’If, lâu đài trên một hòn đảo nhỏ trong hải cảng Marseilles, nơi mà nhân vật Dantès trong tác phẩm “Le Comte de Monte Christo” của A. Dumas, bị giam hãm và sau đó trốn thoát.

* Tiếng Anh là *Coat of arms*, chỉ các huy hiệu của những gia đình quý tộc ở Anh thời xưa, thường vẽ trên các khiên. Jim không hiểu từ này, nên tưởng rằng đó là một loại áo (tiếng Anh là *Coat*).

* Trong đoạn này, Tom dùng toàn những từ chuyên môn về nghệ thuật vẽ huy hiệu của các nhà quý tộc Anh thời xưa, mà Tom đã góp nhặt được qua sách vở nhưng chính Tom cũng không hiểu nghĩa, chẳng hạn: BEND (đường

chéo từ trái sang phải, OR (màu vàng), SALTIRE (đường bắt chéo nhau), FESS (dải ngang nằm ở giữa huy hiệu), BARSINISTES (đường chéo từ phải sang trái), MURREY (màu tía), GULES (đường thẳng đứng song song màu đỏ) v.v...

* Tiếng Anh là *Jew's harp*, một thứ đàn gồm một khung sắt tròn ngậm vào miệng, bên trong có một miếng kim khí. Lấy ngón tay búng vào miếng kim khí ấy thì phát ra âm thanh. (Trong nguyên bản tác giả cố ý viết sai là *juice harp*).

* Vua Louis XVI, nước Pháp, chạy trốn vào thời Cách mạng Pháp, nhưng bị bắt và đem ra xử tử năm 1793.

* Nebuchadnezzar, (bà Hotchkiss đọc chệch là Nebokoodneezzer) là tên một ông vua xứ Babylon vào thế kỉ VI trước Công nguyên, ông này đã chinh phục thành Jerusalem và điên cuồng đốt phá các đền đài, cung điện.